

Số: **1313** /BKHĐT-KTĐPLTHà Nội, ngày **27** tháng 02 năm 2023

V/v Thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng
Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cơ
chế, chính sách đặc thù phát triển Thành
phố Hồ Chí Minh



Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ¹ về xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì, phối hợp với UBND Thành phố Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về: Quản lý đầu tư; Tài chính ngân sách; Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; Thu hút nhà đầu tư chiến lược; Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; Tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức.

Theo quy định tại Điều 37, Điều 39 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tư pháp Hồ sơ đề thẩm định theo quy định, gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị quyết;
- (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết;
- (3) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng Nghị quyết;

¹ Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã giao nhiệm vụ Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với Thành phố hoàn chỉnh Đề án ban hành Nghị quyết mới về thí điểm cơ chế, chính sách vượt trội phát triển Thành phố trình Quốc hội.

- Tại Thông báo số 1305-TB/ĐĐQH15 ngày 26/12/2022, Đảng đoàn Quốc hội đã có ý kiến: Thống nhất chủ trương cần xây dựng Nghị quyết của Quốc hội để thể chế hóa Nghị quyết của Bộ Chính trị, thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội; Đề nghị Thành ủy TP Hồ Chí Minh hoàn thiện Đề án, hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023).

- Tại các văn bản: số 7876/VPCP-QHĐP ngày 23/11/2022, số 8000/VPCP-QHĐP ngày 29/11/2022 và số 8670/VPCP-QHĐP ngày 23/12/2022 đã giao: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Thành phố và các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Đồng ý chủ trương cho phép lập hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết mới, báo cáo Chính phủ xem xét để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV (tháng 5/2023) theo trình tự, thủ tục rút gọn tại một kỳ họp Quốc hội.

(4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương; bản chụp ý kiến góp ý;

(5) Đề cương dự thảo Nghị quyết;

(6) Đề án một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Do tiến độ hiện nay rất gấp, thời gian còn lại không nhiều, kính đề nghị Bộ Tư pháp xem xét việc thẩm định sớm Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để bảo đảm các hồ sơ, tài liệu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự hợp tác chặt chẽ của Quý Bộ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- TP Hồ Chí Minh: UBND, Sở KHĐT (để ph/h);
- Bộ KHĐT: Bộ trưởng (để b/c); Vụ PC (để ph/h)
- Lưu: VT, Vụ KTDPLT (HTH₆).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Duy Đông

DANH MỤC HỒ SƠ

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC	NỘI DUNG
1	Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội
2	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết
3	Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng Nghị quyết
4	Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương; (bản chụp ý kiến góp ý).
5	Đề cương dự thảo Nghị quyết
6	Đề án một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
7	Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Chính phủ

Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã giao Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo ban hành Nghị quyết của Quốc hội (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội) để cho phép thí điểm cơ chế, chính sách vượt trội phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với Thành phố hoàn chỉnh Đề án ban hành Nghị quyết mới về thí điểm cơ chế, chính sách vượt trội phát triển Thành phố trình Quốc hội.

Tại Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội đã quyết nghị: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 54/2017/QH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất”.

Tại văn bản số 8670/VPCP-QHĐP ngày 23/12/2022 của Văn phòng Chính phủ về xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến: “Đồng ý chủ trương theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; báo cáo Chính phủ xem xét, thông qua để đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép bổ sung vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2023 của Quốc hội; báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến, trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV (tháng 5/2023)”.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết của Quốc hội) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế; là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hóa, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng và cả nước nói chung; là cửa ngõ quan trọng kết nối khu vực và thế giới. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI và 05 năm thực hiện

thí điểm Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố tiếp tục phát huy và là vị trí đầu tàu của cả nước, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, từng bước phát triển theo chiều sâu dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy mô kinh tế tăng gấp 2,7 lần so năm 2010, GRDP bình quân đầu người tăng gấp đôi so với năm 2010, đạt hơn 6.200 USD/người; số thu ngân sách chuyển về Trung ương cao nhất cả nước (27%)¹.

Việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14 là quyết sách kịp thời, tạo điều kiện tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy tính năng động sáng tạo cũng như thúc đẩy tự tháo gỡ những vấn đề khó khăn, vướng mắc cho Thành phố. Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố đã đạt được nhiều kết quả nổi bật như: Tiến độ triển khai các dự án nhóm A được đẩy nhanh hơn; Nâng hạn mức huy động vốn cho phép Thành phố chủ động phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính để bổ sung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển; Chủ động, xem xét chuyên mục đích của các dự án sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án; Điều chỉnh tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn... và nhiều chính sách khác đã phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, nhiều nội dung triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14 còn chậm so với kế hoạch, hiệu quả chưa cao² như: nguyên nhân do các cơ chế, chính sách thí điểm cơ bản là những nội dung mới, phức tạp, có tác động lớn, lâu dài, khi triển khai cụ thể cần nghiên cứu kỹ trước khi xem xét, quyết định. Ngoài ra, trong 5 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 thì Thành phố dành năm đầu tiên xây dựng kế hoạch và công tác chuẩn bị triển khai; đồng thời có 02 năm Thành phố chịu tác động nghiêm trọng bởi dịch Covid-19, nên thực tế Thành phố không có nhiều thời gian để phát huy toàn diện các cơ chế, chính sách của Nghị quyết. Công tác triển khai một số nội dung thuộc trách nhiệm của Thành phố còn chậm, như cổ phần hóa, thu hút nhân tài.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 24-NQ/TW), Bộ Chính trị xác định mục tiêu phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 là: *“Thành phố Hồ Chí Minh phải là thành phố văn minh, hiện đại, năng động sáng tạo, là nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đến sinh sống và làm việc; trung tâm tài chính quốc tế, phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực Châu Á, đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng; nơi tập trung của các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới”*; mục tiêu đến năm 2045 là: *“Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, cực*

¹ Tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương tăng từ 77% (giai đoạn 2011 – 2016) lên 82% (giai đoạn 2017-2020).

² Các cơ chế điều chỉnh chính sách thu, thực hiện cổ phần hóa, thu từ sắp xếp nhà đất của các cơ quan Trung ương, chi ứng vốn cho các dự án Trung ương trên địa bàn; thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt chưa áp dụng được nhiều; mục tiêu hàng năm huy động thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển của Thành phố chưa đạt yêu cầu. Thực tế giai đoạn 2018-2022, mới chỉ có nguồn từ thường và đầu tư trở lại từ NSTW (1.654 tỷ đồng), thu từ cổ phần hóa và thoái vốn (1.786,6 tỷ đồng), phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (2.800 tỷ đồng) và từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước cho Thành phố vay lại (11.387,3 tỷ đồng), thu được từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (132,6 tỷ đồng); ...

tăng trưởng của vùng; nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trí thức trẻ đến sinh sống và làm việc; nơi tập trung các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới”.

Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 về phương hướng phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 31-NQ/TW), Bộ Chính trị đã xác định Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với vùng Đông Nam bộ và cả nước, mục tiêu đến năm 2030 là: *“Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số; trung tâm kinh tế, tài chính; thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á”* và tầm nhìn đến năm 2045: *“Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hóa phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế”.*

Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 9/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết số 81-NQ/TW), đã xác định: *“Xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị năng động, sáng tạo, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị; đủ sức cạnh tranh, hội nhập khu vực và quốc tế, có vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, châu Á”*; *“Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, trung tâm phát triển của toàn vùng; chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, trở thành trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh trong khu vực; đi đầu về công nghiệp công nghệ cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.... Nghiên cứu khai thác tiềm năng và lợi thế để phát triển khu vực Thủ Đức, Cần Giờ trở thành động lực tăng trưởng mới cho Thành phố Hồ Chí Minh...”*.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, đòi hỏi phải có một Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 nhằm tạo điều kiện cho Thành phố Hồ Chí Minh khơi thông nguồn lực, tạo đà phát triển, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của Thành phố. Đồng thời, kế thừa và bổ sung cơ chế chính sách đột phá mà Thành phố Hồ Chí Minh cần Trung ương quan tâm hỗ trợ để phát triển tương xứng với vị trí đầu tàu về kinh tế - xã hội của Vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

Vì vậy, việc ban hành một Nghị quyết mới về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 nhằm thể chế hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển đã nêu trong nghị quyết 24-NQ/TW, Nghị quyết 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 81/2023/QH15 đề ra là cần thiết.

II. VỀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu

Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội nhằm tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu để phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo đột phá, giải quyết các điểm nghẽn, nút thắt về phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, góp phần xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 như mục tiêu đã đặt ra tại Nghị

quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022, Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp 2013, phù hợp với Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển Thành phố thuộc thẩm quyền của Quốc hội, khác với các quy định của luật hiện hành hoặc chưa có quy định cụ thể. Việc xây dựng CCCS không phải chỉ riêng cho Thành phố mà còn tạo điều kiện cho Thành phố phát huy vai trò là đầu tàu, dẫn dắt phát triển kinh tế của cả nước.

- Cho phép tiếp tục áp dụng các CCCS thực hiện đạt kết quả tại Nghị quyết số 54/2017/QH14; bổ sung các CCCS đang được thí điểm tại một số địa phương và một số CCCS có trong dự thảo Luật đất đai sửa đổi, Luật Nhà ở sửa đổi dự kiến trình Quốc hội thời gian tới. Thực hiện phân cấp, ủy quyền tối đa cho Thành phố theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố phát triển theo nguyên tắc phân cấp, ủy quyền theo hướng phân cấp 01 cấp³, đồng thời bảo đảm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp của Thành phố. Việc ban hành các chính sách mới bảo đảm sự ổn định và tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với bối cảnh thực tiễn phát triển của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước, trên cơ sở huy động đa dạng các nguồn lực xã hội để tập trung vào phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước giải quyết các thách thức, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

- Tăng cường phân quyền, phân cấp cho Thành phố và gắn chính quyền Thành phố với quận, huyện, thành phố trực thuộc nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Thành phố; có cơ chế kiểm soát quyền lực, thực hiện công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh về quản lý đầu tư; tài chính ngân sách nhà nước; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; thu hút nhà đầu tư chiến lược; quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tổ chức bộ máy của Thành phố và thành phố Thủ Đức.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

³ Những nội dung nào được quy định trong luật thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ thì phân cấp cho Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh; những nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp huyện và thành phố Thủ Đức triển khai thực hiện

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Các nội dung của chính sách trong đề cương dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo 7 nhóm chính sách, gồm: (1) Các cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư; (2) Các cơ chế, chính sách về tài chính ngân sách; (3) Các cơ chế, chính sách về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; (4) Các cơ chế, chính sách về thu hút nhà đầu tư chiến lược; (5) Các cơ chế, chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; (6) Các cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy của Thành phố; (7) Các cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức.

1. Chính sách 1: Về quản lý đầu tư

- Mục tiêu của chính sách:

Tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển; bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư công, tạo điều kiện cho Thành phố chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, giải quyết các vấn đề về tắc nghẽn giao thông, cải tạo môi trường, áp lực lên hệ thống y tế, giáo dục; phân bổ hiệu quả và đẩy nhanh việc triển khai các dự án đầu tư công. Xây dựng hành lang pháp lý để thu hút các nhà đầu tư dự án lớn; huy động các hình thức hợp tác công tư (PPP) trong lĩnh vực thể thao và công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích, di sản văn hóa; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án chưa có trong quy định.

- Nội dung của chính sách:

Quy định cơ chế giúp Thành phố linh hoạt trong điều hành kế hoạch vốn đầu tư công thông qua việc giao Thành phố chủ động quyết định danh mục dự án và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn trên cơ sở dự kiến khả năng tăng chi đầu tư phát triển do tăng thu ngân sách địa phương. Quy định đối tượng sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện công tác cho vay hỗ trợ giảm nghèo hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm cho các đối tượng do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định để thực hiện Chương trình giảm nghèo của Thành phố. Cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công các dự án nhóm B trong một số lĩnh vực. Quy định thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông. Quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án đáp ứng đồng thời một số các điều kiện cụ thể. Quy định các cơ chế chính sách để đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong một số lĩnh vực; nghiên cứu cơ chế thực hiện BOT trên các tuyến đường hiện hữu, cho phép Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán bằng ngân sách địa phương đối với dự án BT trong lĩnh vực giao thông trên địa bàn.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách:

(1) Hội đồng nhân dân Thành phố được phân bổ cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ mới và bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo Quốc hội kết quả vào giữa kỳ và cuối kỳ kế hoạch trường hợp có tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương; Hội đồng nhân dân Thành phố đảm bảo việc bố trí vốn cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ phải tuân thủ quy định Luật đầu tư công, phù hợp

với khả năng cân đối ngân sách của địa phương, không làm tăng mức bội chi ngân sách hằng năm và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Hội đồng nhân dân Thành phố được sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm cho các đối tượng do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

(2) Thành phố Hồ Chí Minh được tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B thuộc lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý rác thải theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

- Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể.

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

- Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục các dự án đầu tư công thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công quy định tại Điều này.

(3) Thành phố thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông.

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện dự án đầu tư công độc lập để triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án đầu tư theo đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch đô thị vùng phụ cận các nhà ga thuộc tuyến đường sắt được cấp thẩm quyền phê duyệt dọc theo tuyến Đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên), Đường sắt đô thị số 2 (Bến Thành - Tham Lương), vùng phụ cận các nút giao thông dọc tuyến đường Vành đai 3 thuộc địa phận Thành phố theo quy định của pháp luật để thu hồi đất, chỉnh trang, phát triển đô thị, thực hiện tái định cư tại chỗ, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị theo quy định.

- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo trình tự, thủ tục của dự án đầu tư công nhóm A theo tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công.

- Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định điều chỉnh mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tăng so với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy chuẩn xây dựng nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được xác định trong nội dung đồ án quy hoạch chung Thành phố.

(4) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; Có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất chưa được giải phóng mặt bằng thực hiện dự án;

(5) Phần diện tích đất do nhà nước quản lý trong các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nêu tại khoản 4 Điều này không phải thực hiện thủ tục sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

(6) Về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP):

- Thành phố được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực trên không thấp hơn 100 tỷ, trừ loại hợp đồng O&M.

- Thành phố được áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao. Các dự án đầu tư theo hình thức này phải đảm bảo quyền lựa chọn của người dân. Trình tự, thủ tục thực hiện dự án, lựa chọn nhà đầu tư phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục dự án và tổ chức giám sát đảm bảo quyền lợi của người dân. Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện đầy đủ, công khai minh bạch các thông tin về dự án để thuận lợi cho người dân giám sát. Trường hợp chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% trong tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không đảm bảo khả năng hoàn vốn, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP không lớn hơn 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Thành phố được thực hiện dự án đầu tư theo Hợp đồng BT⁴, đảm bảo hiệu quả kinh tế xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát ngân sách nhà nước. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án theo Hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công. Dự án chỉ được quyết định chủ trương

⁴ Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho Nhà nước và được thanh toán bằng ngân sách nhà nước để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư của dự án BT được xác định theo pháp luật về xây dựng, bao gồm lãi vay và lợi nhuận hợp lý.

Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Hợp đồng BT thực hiện theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính (bao gồm chi phí đầu tư và lãi vay), phương thức thanh toán. Hội đồng nhân dân quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố và bố trí dự toán ngân sách hàng năm để thanh toán cho nhà đầu tư căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong Hợp đồng BT.

Lý do lựa chọn chính sách: Việc xây dựng các cơ chế chính sách này nhằm tạo sự chủ động và huy động nguồn lực ngoài nhà nước của Thành phố trong quá trình quản lý đầu tư theo khả năng ngân sách đầu tư của Thành phố, nhằm sớm đưa nguồn vốn vào thực hiện và giải ngân, thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông. Do đó, cơ quan lập đề nghị lựa chọn chính sách này sau khi đã tiến hành đánh giá tác động (*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo*).

2. Chính sách 2: Về tài chính ngân sách

- Mục tiêu của chính sách:

Kế thừa từ những kết quả đạt được, cũng như để bảo đảm tính linh hoạt, giúp Thành phố Hồ Chí Minh chủ động hơn trong việc thực hiện chính sách phí, lệ phí, vừa phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết vĩ mô, vừa tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố, tạo dư địa tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố. Tăng nguồn thu ngân sách của Thành phố nộp về Trung ương và chủ động linh hoạt trong điều hành kinh tế thành phố.

Tạo điều kiện để Thành phố chủ động việc thực hiện điều hành thu - chi ngân sách, tăng cường nguồn thu từ các phí, lệ phí, vừa tăng cường khả năng khuyến khích, dẫn dắt đầu tư sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố.

Ngoài ra, chính sách sẽ giúp Thành phố huy động đa dạng hơn nguồn lực đầu tư và chủ động điều hành; phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, tập trung giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối của Thành phố. Tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao.

Bổ sung và quy định rõ một số chức năng của Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố (HFIC), phát huy vai trò như các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác.

- Nội dung của chính sách:

Cơ chế cho phép ban hành Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí và tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Cho phép Thành phố linh hoạt trong việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố. Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm

vụ chi của ngân sách địa phương.

Thành phố được tăng tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố. Ủy ban nhân dân quận được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng mà chưa được dự toán.

Hội đồng nhân dân Thành phố được sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng; hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết. Thành phố được ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phục vụ công tác duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách:

(1) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định áp dụng trên địa bàn:

- Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án;

- Ngân sách Thành phố được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố và không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố;

- Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

(2) Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

(3) Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm theo quy định tại Điều 9 của Nghị quyết này và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc

nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

(4) Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài, trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân Thành phố được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

Đối với nguồn vay nước ngoài, Thành phố được vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố.

(5) Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

(6) Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ khoản chưa phân bổ, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

(7) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác trong các trường hợp cần thiết.

(8) Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC):

- Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC;

- Lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ, việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ của HFIC thực hiện như các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác.

- Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố.

(9) Thành phố được thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất từ các doanh nghiệp trong khu nhằm nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động, không vì mục tiêu lợi nhuận. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng, trong đó quy định cụ thể đối tượng, nguyên tắc thu, cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu, đảm bảo tính minh bạch, gắn với cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý Khu chế xuất và khu công nghiệp. Khoản tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nộp.

Lý do lựa chọn chính sách: Việc xây dựng các cơ chế chính sách về tài chính ngân sách góp phần tạo thêm nguồn thu cho ngân sách Thành phố, có thêm nguồn lực để chi thu nhập tăng thêm và đầu tư cơ sở hạ tầng, chủ động bố trí các khoản chưa phân bổ của ngân sách quận, quy định rõ một số chức năng, nhiệm vụ của HFIC. Do đó, cơ quan lập đề nghị lựa chọn chính sách này sau khi đã tiến hành đánh giá tác động (*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo*).

3. Chính sách 3: Về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường

- Mục tiêu của chính sách:

Tháo gỡ các vướng mắc khó khăn, rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, phát huy có hiệu quả nguồn lực từ đất. Đẩy mạnh phân cấp, trách nhiệm trong công tác quản lý quy hoạch; phát huy khả năng tự chủ trong việc giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính khả thi của quy hoạch, tăng hiệu quả đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện; khai thác tiềm năng sử dụng đất, tạo không gian phát triển mới; xây dựng hệ thống đô thị bền vững, hiện đại theo đúng nhiệm vụ “Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại” được giao tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tiếp tục áp dụng các cơ chế đã được cho phép tại Nghị quyết 54/2017/QH14 và triển khai thí điểm một số nội dung trong dự thảo Luật đất đai, Luật nhà ở sửa đổi trên địa bàn Thành phố, tăng cường phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý liên quan các quy định về đất đai, quy hoạch.

- Nội dung của chính sách:

Quy định cơ chế Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha. Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật. Cơ chế về thúc đẩy đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: rút gọn thủ tục về quy hoạch, việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư khi chưa có sự thống nhất giữa quy

hoạch các cấp, việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại. Thành phố được xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất; đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở. Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất.

Quy định cơ chế xử lý bất cập trong thu hồi đất, giao đất, tính tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

Quy định các chính sách phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện. Chính sách xử lý thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước đối với các dự án lấn biển. Cơ chế xử lý đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp mà chủ đầu tư mua tài sản phát mãi từ các tổ chức có liên quan để thực hiện dự án phi nông nghiệp. Cơ chế xác định các hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội và nhà ở thương mại. Quy định về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

Quy định các cơ chế khuyến khích đối với các chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu; công tác thu hồi đất trong vùng phụ cận; xử lý các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi ban hành thông báo thu hồi đất.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách:

(1) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

(2) Về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị

- Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo thủ tục, trình tự do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

- Việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị để phục vụ lợi ích cộng

đồng theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tăng chỉ tiêu đất hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật;
- Giảm mật độ xây dựng, tăng chỉ tiêu diện tích sàn ở bình quân đầu người, cải thiện cảnh quan đô thị;
- Trường hợp quy định tại khoản (3) chính sách này, khoản (3) chính sách 1;
- Trường hợp khác nhằm nâng cao chất lượng, điều kiện sống, sinh hoạt, làm việc của người dân trong khu vực.

(3) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được lập đồng thời với việc lập đồ án quy hoạch chi tiết và được lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan cùng một lúc. Việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải được thực hiện trước, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết.

- Tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chưa phù hợp quy hoạch chung thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung và chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất hoặc mật độ xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở xã hội.

Trường hợp quy hoạch chi tiết chưa phù hợp quy hoạch chung và quy hoạch phân khu thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất hoặc mật độ xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở xã hội.

- Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết phải được phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh theo quy định của pháp luật trước khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và triển khai các bước tiếp theo của dự án.

- Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch, bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại theo quy định hiện hành hoặc phê duyệt quy hoạch, bố trí quỹ đất nhà ở xã hội ở vị trí khác tương đương về quy mô, ngoài phạm vi dự án nhà ở thương mại đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội trên địa bàn theo Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt. Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với quỹ đất được hoán đổi trong dự án nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về đất đai.

(4) Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua để áp dụng tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tất cả các khu đất, thửa đất (không phân biệt giá trị tính theo bảng giá đất) trong trường hợp Bảng giá đất đã thu thập thông tin thị trường và xây dựng đến từng thửa đất để áp dụng cho các trường hợp sau:

- Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức của hộ gia đình, cá nhân.

- Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với tổ chức, cá nhân từ trường hợp sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.

(5) Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

- Việc bồi thường về đất bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ;

- Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở và Thành phố có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác loại đất bị thu hồi hoặc bằng nhà ở. Giao Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

(6) Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất theo quy định sau đây:

- Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

- Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận, trừ trường hợp phải thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực thi hành hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra;

- Đất không có tranh chấp;

- Trong thời hạn sử dụng đất;

- Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất phải đảm bảo điều kiện: có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư; có ngành nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư; không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó.

- Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án và phải thực hiện thủ tục đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

(7) Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) được ký kết theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng BT trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực mà chưa hoàn thành việc thanh toán cho nhà đầu tư, việc sử dụng quỹ đất do nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện như sau:

- Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện thu hồi đất đối với các quỹ đất do nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được xác định tại Hợp đồng BT.

- Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện thủ tục đầu tư, thủ tục quy hoạch xây

dụng và thủ tục giao đất, cho thuê đất căn cứ Hợp đồng BT đã ký kết, quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời điểm thực hiện giao đất, cho thuê đất để thanh toán thực hiện sau khi công trình dự án BT được nghiệm thu và kiểm toán. Giá tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định tại thời điểm quyết định giao đất, cho thuê đất.

(8) Phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện. Việc phân cấp được thực hiện theo quy định sau đây:

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức tổ chức việc xác định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp huyện được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể;

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức căn cứ nhiệm vụ được giao để thành lập Hội đồng thẩm định giá đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định kết quả tư vấn xác định giá đất; căn cứ kết quả của Hội đồng thẩm định giá đất trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hội đồng thẩm định giá đất tại các quận, huyện và thành phố Thủ Đức tương tự như quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Hội đồng thẩm định giá Thành phố.

(9) Đối với các dự án lấn biển, Thành phố thực hiện thủ tục về giao đất, thuê đất, thuê đất có mặt nước như sau:

- Đối với phần diện tích mặt nước thì thực hiện việc cho thuê theo Luật Biển Việt Nam và Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm, bồi lấp sẽ được thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

(10) Chủ đầu tư mua tài sản phát mãi là quyền sử dụng đất nông nghiệp từ các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất hoặc chủ đầu tư các dự án đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp đang thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất thì được gia hạn sử dụng đất đến trước ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(11) Về hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở

- Đất để phát triển nhà ở xã hội bao gồm: các trường hợp theo quy định của pháp luật về nhà ở, các loại đất khác phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đất để phát triển nhà ở thương mại gồm: các trường hợp theo quy định của pháp

luật về nhà ở, các loại đất khác theo quy định tại điểm c khoản này.

- Đất khác quy định tại điểm trên bao gồm: Đất được bồi thường khi Nhà nước giải tỏa, thu hồi đất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê nộp tiền thuê đất một lần thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất để thực hiện dự án khác và được chuyển mục đích sang đầu tư xây dựng nhà ở; Đất thương mại, dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được Nhà nước giao hoặc cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm hoặc trả tiền một lần và được chuyển mục đích sang làm nhà ở; Đất xen kẹt không đủ điều kiện để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở độc lập theo quy định của pháp luật đất đai và được Nhà nước giao để thực hiện dự án.

Các quyền sử dụng đất quy định tại khoản này phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương, không thuộc diện Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội và các trường hợp thu hồi khác theo quy định của pháp luật.

(12) Điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn gồm:

- Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Phù hợp với quy mô công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cho từng khu vực và thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất, chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ. Trường hợp quá thời hạn này mà quy hoạch xây dựng chưa thực hiện được, chủ đầu tư được tiếp tục sử dụng công trình cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất. Việc hỗ trợ khi phá dỡ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Các điều kiện khác ngoài điều kiện chung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(13) Nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tự nguyện chuyển đổi toàn bộ công nghệ của dự án sang đốt phát điện được Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức đặt hàng. Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình đối với công nghệ được chuyển đổi và điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung.

(14) Đối với các dự án quy định tại mục (3) chính sách 4, cho phép Thành phố thực hiện thu hồi đất sau khi đảm bảo các điều kiện sau:

- Các công trình, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

- Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận đã được xác định trong quy hoạch sử dụng đất các công trình, dự án.

- Phạm vi vùng phụ cận phụ thuộc vào quy mô của từng dự án cụ thể và phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

(15) Đối với các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp:

- Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện các thủ tục về quyết toán, chuyển thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa; thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho doanh nghiệp cổ phần theo quy định của pháp luật đất đai;

- Doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án để chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(16) Việc thực hiện chuẩn bị thu hồi đất của một số dự án tại Thành phố được thực hiện như sau:

- Đối với các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, địa phương, giao thông, khu văn hóa thể thao vui chơi giải trí cộng đồng thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và có quy mô từ 300 ha trở lên hoặc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên 1.000 hộ dân, các dự án đầu tư công độc lập thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại điểm (3) chính sách 4, căn cứ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục các dự án tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này;

- Căn cứ danh mục dự án quy định tại điểm trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, ban hành thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được gửi đến từng người sử dụng đất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư;

- Trên cơ sở thông báo tại điểm trên khoản này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai được phép triển khai việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi

thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo thu hồi đất và sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và ban hành trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này.

Lý do lựa chọn chính sách: Việc xây dựng cơ chế chính sách về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường tạo điều kiện để Thành phố chủ động giải quyết các điểm nghẽn của Thành phố hiện nay, nhất là trong công tác quy hoạch, phát triển nhà ở, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất, xử lý các vướng mắc đối với dự án BT trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Do đó, cơ quan lập đề nghị lựa chọn chính sách này sau khi đã tiến hành đánh giá tác động (*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo*).

4. Chính sách 4: Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh

- Mục tiêu của chính sách:

Xây dựng các chính sách để thu hút nhà đầu tư chiến lược có năng lực, kinh nghiệm để đầu tư vào Thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch và cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ nhằm đạt được các mục tiêu phát triển, nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 31-NQ/TW và Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Nội dung của chính sách:

Quy định các chính sách ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh đối với đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ có vốn từ 3.000 tỷ trở lên; đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách:

(1) Xây dựng danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh trong một số ngành, nghề như:

- Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên.

- Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên.

- Đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên.

(2) Yêu cầu đối với nhà đầu tư chiến lược phải giải ngân vốn đầu tư trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được bàn giao đất; có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(3) Căn cứ Danh mục, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược nêu trên, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định như dưới đây.

(4) Quy định về trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư và dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ được thực hiện như sau:

- Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, Cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hồ Chí Minh công bố thông tin dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

- Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó chỉ có 01 nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó có từ 02 nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hoặc chọn áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số những nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

- Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

(5) Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

- Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 5% trong thời gian 37 năm, miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư; miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thuê đối với dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao.

- Được hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố. Tiêu chí, điều kiện, mức hỗ trợ, nội dung, hình thức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định.

- Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán;

- Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

(6) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Lý do lựa chọn chính sách: Việc xây dựng các chính sách này nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược có năng lực, có kinh nghiệm cho các lĩnh vực then chốt của Thành phố, hình thành chuỗi sản xuất hiện đại, tạo sức phát triển lan tỏa đến các tỉnh trong vùng; phát huy vai trò cực tăng trưởng của cả nước. Cơ quan lập đề nghị lựa chọn chính sách này sau khi đã tiến hành đánh giá tác động (*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo*).

5. Chính sách 5: Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Mục tiêu của chính sách:

Phát triển khoa học công nghệ của Thành phố thực sự trở thành động lực của tăng trưởng, đóng góp vào mục tiêu tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025: "...hỗ trợ được 800 dự án.... Đến năm 2025: hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển 600 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; 100 doanh nghiệp gọi được vốn đầu tư từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập, với tổng giá trị ước tính khoảng 2.000 tỷ đồng". Tăng cường hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển

trong các khu công nghệ thông tin tập trung theo Quyết định số 2407/QĐ-TTg Ngày 31/12/2014 của Thủ tướng chính phủ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao theo Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị. Thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các hoạt động khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nội dung của chính sách:

Quy định các cơ chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như: Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Miễn thuế cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố. Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố được thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

Chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc; thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách:

(1) Hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố, gồm:

- Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố.

Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định tiêu chí, điều kiện chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo.

- Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố được thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định tiêu chí, lĩnh vực thử

nghiệm giải pháp công nghệ mới và nội dung hỗ trợ (nếu có).

(2) Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định:

- Tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc.

- Thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi tại các trên.

Lý do lựa chọn chính sách: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực tạo đột phá cho Thành phố phát triển trong thời gian tới. Vấn đề phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được định hướng rất rõ ràng, mang tính trọng tâm, trọng điểm trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng, cũng như phát triển của Thành phố. Do đó, cơ quan lập đề nghị lựa chọn chính sách này sau khi đã tiến hành đánh giá tác động cũng như tiềm năng, thế mạnh của Thành phố (*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo*).

6. Chính sách 6: Về tổ chức bộ máy của Thành phố

- Mục tiêu của chính sách:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ngày 01 tháng 02 năm 2021 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2030: "... Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...";

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã nhấn mạnh nhiệm vụ: "Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;...";

Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: "Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; cho phép Hội đồng nhân dân thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn".

Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới yêu cầu: "...cần sớm kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ trung ương tới địa phương".

Trên cơ sở đó, việc ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính năng động, sáng tạo vì lợi ích chung của cán bộ Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố trong giai đoạn mới là yêu cầu cấp thiết. Thực

hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực: Quản lý đầu tư; tài chính - ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên môi trường; quản lý văn hoá và trật tự xã hội; tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm và nâng cao phúc lợi của người dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, trong phạm vi địa bàn Thành phố; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn.

- Nội dung của chính sách:

Quy định những nội dung về phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phường, xã, thị trấn, cơ chế về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố.

Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi nội khu; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nội khu; cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong phạm vi nội khu.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách:

(1) Phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức:

- Thành phố được thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn Thành phố. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố lập đề án trình Chính phủ phê duyệt để thực hiện.

- Ủy ban nhân dân huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có không quá ba Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có từ 50.000 dân trở lên có không quá ba Phó Chủ tịch.

- Việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và

thuộc biên chế công chức hành chính được giao hằng năm. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, phường theo quy định tại Điều 5 và Điều 9 Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(2) Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

- Căn cứ quy mô dân số, hoạt động kinh tế và đặc điểm địa bàn, quyết định cơ cấu số lượng cán bộ, công chức tại các phường, xã, thị trấn quyết định số lượng, chức danh, chế độ chính sách của người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn.

- Quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội có tính chất đặc thù, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ.

- Quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố; Quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách khác để tuyển dụng công chức, viên chức từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của Thành phố.

(3) Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền:

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện theo quy định pháp luật;

- Quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

- Ủy ban nhân dân Thành phố phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc những vấn đề đã được Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất về chủ trương, nguyên tắc. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo tại phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố gần nhất về những vấn đề đã quyết định.

(4) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể.

Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.

(5) Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong phạm vi khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý.

Lý do lựa chọn chính sách: Để tổ chức bộ máy của Thành phố hoạt động tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, mỗi một nhiệm vụ được giao cho một cơ quan đầu mối cũng như tăng cường phân cấp, ủy quyền tạo sự chủ động cho các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố. Do đó, cơ quan lập đề nghị lựa chọn chính sách này sau khi đã tiến hành đánh giá tác động (Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo).

7. Chính sách 7: Về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức

- Mục tiêu của chính sách:

Tạo điều kiện cho thành phố Thủ Đức chủ động trong giải quyết các thủ tục hành chính, các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đưa thành phố Thủ Đức phát triển đúng định hướng là "cực" tăng trưởng mới của Thành phố, là "hạt nhân" liên kết, thúc đẩy kinh tế Thành phố và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng thời, tạo sự chủ động cho Thành phố Thủ Đức giải quyết các công việc trên địa bàn thuộc thẩm quyền của các cơ quan Thành phố mà các cơ quan thuộc thành phố Thủ Đức có thể giải quyết được nhằm tận dụng hết nguồn lực sẵn có cũng như phát huy tính năng động, sáng tạo của thành phố Thủ Đức.

- Nội dung của chính sách:

Đề xuất về quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; Phân công một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; Quyết định sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của thành phố Thủ Đức; Cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức; Cơ cấu, tổ chức tại Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách:

(1) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong các lĩnh vực: quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý kinh tế; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; quản lý văn hóa xã hội; tổ chức bộ máy quản lý hành chính của chính quyền đô thị và cán bộ, công chức, viên chức.

(2) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm của thành phố Thủ Đức.

(3) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức.

(4) Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức. Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức có không quá 02 Phó chủ tịch và có không quá 08 đại biểu chuyên trách. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có không quá 04 Phó Chủ tịch.

(5) Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường một số nhiệm vụ, quyền hạn, trừ những nội dung đã được Thành phố ủy quyền.

(6) Chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện theo Phụ lục kèm theo.

Lý do lựa chọn chính sách: Thực hiện việc phân cấp, ủy quyền tạo sự chủ động cho thành phố Thủ Đức. Đồng thời kiện toàn cơ cấu, tổ chức bộ máy của thành phố Thủ Đức để đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra, cũng như khuyến khích sự năng động, sáng tạo của thành phố Thủ Đức. Do đó, cơ quan lập đề nghị lựa chọn chính sách này sau khi đã tiến hành đánh giá tác động (*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo*).

V. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

- Đến hết ngày 24/2/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản góp ý đối với Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết của 16/16 Bộ, cơ quan trung ương (dự thảo ngày 17/01/2022). Hầu hết các ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương thống nhất về sự cần thiết xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, cụ thể là:

+ Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đang phối hợp với Thành phố khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ tài liệu liên quan theo trình tự 2 bước (lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội và Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội), để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Tiếp thu ý kiến Bộ Nội vụ bổ sung cụ thể mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với từng chức danh lãnh đạo của thành phố Thủ Đức.

+ Tiếp thu ý kiến của Bộ Giao thông vận tải bổ sung quy định cho phép HĐND Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án có tính chất

vùng, liên vùng.

+ Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên về môi trường về: giao Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất; áp dụng nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi về đất; cho phép các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất hằng năm có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất; phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho UBND cấp quận, huyện và một số nội dung khác liên quan đến tài nguyên, đất đai.

+ Tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng bổ sung quy định cho phép Thành phố điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị; quy định hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở; triển khai đầu tư các công trình có thời hạn.

+ Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính về đấu thầu các dự án có phần diện tích đất công thì không phải sắp xếp, xử lý tài sản công; về tài chính ngân sách; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường,...

(Chi tiết các ý kiến góp ý và ý kiến tiếp thu, giải trình tại Phụ lục kèm theo).

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành

a) Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện Nghị quyết này và chỉ đạo các Bộ, cơ quan liên quan phối hợp với Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng các văn bản hướng dẫn trong quá trình thực hiện (nếu cần thiết), tạo điều kiện cho Thành phố Hồ Chí Minh có đủ nguồn lực cần thiết để phát huy mọi tiềm năng, lợi thế phát triển trở thành một cực tăng trưởng mới của khu vực và cả nước như chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong việc tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết.

c) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết của Quốc hội, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội;

- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết của Quốc hội;

- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích quy định của Nghị quyết nhằm nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân; tăng sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân.

d) Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Kinh phí tổ chức thi hành

- Dự kiến kinh phí cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua (theo định mức quy định) bao gồm: Kinh phí để xây dựng văn bản hướng dẫn Nghị quyết; kinh phí tổ chức triển khai Nghị quyết; kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; kinh phí theo dõi thi hành Nghị quyết; kinh phí thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; kinh phí phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết...

- Nguồn kinh phí gồm: nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn vốn từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH VÀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở các ý kiến nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ thông qua Hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian trình Quốc hội cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết vào kỳ họp thứ 5 của Quốc hội khóa XV theo trình tự thủ tục rút gọn và thông qua tại một kỳ họp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi kèm Tờ trình các tài liệu theo quy định tại Điều 37 Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

- (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết;
- (2) Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- (3) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành liên quan;
- (4) Đề cương dự thảo Nghị quyết;
- (5) Đề án một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- (6) Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: CT; GTVT; NV; TC; TNMT; VHTTDL; XD; Y tế; GD ĐT; KHCN; LĐTĐ; NG; NNPTNT; TTTT; NHNN;
- UBND TP Hồ Chí Minh;
- Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh;
- Bộ KH&ĐT: Các Cục, Vụ: QLĐT, ĐTN; PTDN; TH, PC, PTHĐT, KTĐN, QLKKT;
- Lưu: VT, KTĐPLT, (HTH.)

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DỰ THẢO

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

**TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI
VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ
PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2017/QH14)

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2023 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Hà Nội - 2023

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN.....	6
I. Bối cảnh xây dựng cơ chế, chính sách:	6
II. Mục tiêu xây dựng cơ chế, chính sách:.....	11
PHẦN THỨ HAI: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH	13
I. Cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư.....	13
1. Cơ chế giúp Thành phố linh hoạt trong điều hành kế hoạch vốn đầu tư công thông qua việc giao Thành phố chủ động quyết định danh mục dự án và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn trên cơ sở dự kiến khả năng tăng chi đầu tư phát triển do tăng thu ngân sách địa phương; sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm	13
2. Chính sách cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.....	25
3. Chính sách về thực hiện dự án bồi thường độc lập, làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng.....	29
4. Chính sách về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án; đất chưa được giải phóng mặt bằng.....	37
5. Cơ chế chính sách để đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) như: lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa; thực hiện BOT trên các tuyến đường hiện hữu; cho thực hiện trở lại phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	42
II. Cơ chế, chính sách về tài chính ngân sách.....	50
1. Cơ chế cho phép ban hành Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định:	50
2. Cơ chế cho phép Thành phố linh hoạt trong việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ:	54
3. Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương và cho phép sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương:	58
4. Cơ chế cho phép Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài, trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp.....	61
5. Cơ chế cho phép bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố.....	65
6. Cơ chế cho phép Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi	

phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán nhằm khắc phục bất cập của mô hình chính quyền đô thị khi các quận không còn là cấp ngân sách.....	68
7. Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng; hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết.....	71
8. Một số cơ chế về hoạt động của Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC): bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC, lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố.....	76
9. Cơ chế cho phép Thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phục vụ công tác duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động.....	84
III. Cơ chế, chính sách về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường.....	88
1. Chính sách cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500ha.....	88
2. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và rút gọn các bước lập quy hoạch nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch.....	90
3. Chính sách thúc đẩy đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: rút gọn thủ tục về quy hoạch, việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư khi chưa có sự thống nhất giữa quy hoạch các cấp, việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại.....	94
4. Cơ chế cho phép Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.....	96
5. Cơ chế cho phép đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.....	99
6. Cơ chế cho phép Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất.....	103
7. Cơ chế xử lý bất cập trong thu hồi đất, giao đất, tính tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.....	109
8. Chính sách phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện.....	114
9. Chính sách xử lý thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước đối với các dự án lấn biển.....	116
10. Cơ chế xử lý đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp mà chủ đầu tư mua tài sản phát mãi từ các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất.....	119

11. Cơ chế xác định các hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội và nhà ở thương mại	122
12. Quy định về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:	127
13. Cơ chế khuyến khích đối với các Chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện .	129
14. Cơ chế về công tác thu hồi đất trong vùng phụ cận.....	134
15. Cơ chế xử lý các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp	137
16. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi ban hành thông báo thu hồi đất	143
IV. Các chính sách ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh đối với đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ có vốn từ 3.000 tỷ trở lên; đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (có thời hạn) như áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi, miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư.....	149
V. Cơ chế, chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo	158
1. Các cơ chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như: Miễn thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Miễn thuế cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố. Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung:	158
2. Chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc; thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.....	169
VI. Cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy của Thành phố.....	173
1. Quy định những nội dung về phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm; tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phường, xã, thị trấn, cơ chế về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố	173

2. Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định về cơ cấu, chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn; quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ; quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố.....	179
3. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; (2) Quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (3) phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.....	182
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.....	184
5. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đề án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi nội khu; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nội khu.....	187
VII. Cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức.....	191
Về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức, đề xuất 06 nội dung. Cụ thể như sau:.....	191
1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong một số lĩnh vực	191
2. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường	194
3. Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức	199
4. Thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó chủ tịch và đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	201
5. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường	206
6. Điều chỉnh theo hướng nâng cao chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy mô, khối lượng công việc và yêu cầu về năng lực công tác.....	209

PHẦN THỨ NHẤT: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

I. Bối cảnh xây dựng cơ chế, chính sách:

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế; là một trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ lớn nhất của cả nước; là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng và cả nước nói chung. Để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn với khu vực và cả nước, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Với sự chủ động của Thành phố trong sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 16, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 21-KL/TW ngày 24 tháng 10 năm 2017 và Quốc hội ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, cho phép Thành phố thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù về quản lý đất đai, quản lý đầu tư, quản lý tài chính - ngân sách nhà nước và cơ chế ủy quyền, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

Tuy nhiên, nhiều nội dung triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội còn chậm so với kế hoạch, một số cơ chế tuy đã được thực hiện nhưng hiệu quả còn thấp, một số cơ chế chính sách chưa được quy định cụ thể hoặc đang phải chờ văn bản hướng dẫn nên triển khai chậm... Cụ thể, Thành phố đã tổng kết các nội dung mang tính cấp bách nhằm giúp Thành phố chuẩn bị tâm thế tốt nhất và sẵn sàng vượt qua những thách thức đối với sự phát triển của Thành phố trong thời gian tới như sau:

1. Tiếp tục phát huy tinh thần chủ động nghiên cứu, đề xuất với Trung ương các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của Thành phố. Đó là các cơ chế, chính sách liên quan đến mô hình chính quyền đô thị và phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương; tài chính, tỷ lệ điều tiết ngân sách; tổ chức bộ máy ..., cùng với các kiến nghị liên quan đến sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật.

Trong nhiều năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh kiên trì với những ý tưởng, kiến nghị về mô hình chính quyền đô thị. Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và, ngày 19 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực. Trước bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước có thuận lợi, khó khăn và cơ hội, thách thức đan xen, Thành phố tiếp tục phát huy và giữ vững thành quả ở các giai đoạn trước và có số thu ngân sách chuyên về Trung ương cao nhất cả nước. Với lợi thế là đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về

dân số và quy mô kinh tế, là đầu tàu, động lực kinh tế, có sức lan tỏa trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Thành phố đóng góp hằng năm 27% thu ngân sách cả nước¹ và có số thu ngân sách chuyển về Trung ương cao nhất cả nước². Đồng thời giữ vững vai trò một trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, là địa phương có vai trò quan trọng về chính trị và đối ngoại trong sự phát triển của cả nước.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đó, Nghị quyết số 31-NQ/TW xác định “*tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững*” đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp “*tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực.*”

Như vậy, việc tiếp tục đề xuất các cơ chế, chính sách đột phá là tiền đề quan trọng để Thành phố tiếp tục thể hiện rõ vai trò là một cực tăng trưởng, cửa ngõ kết nối giao thương của cả miền Nam, thành phố thông minh, năng động, sáng tạo và đóng góp chung vào sự phát triển của cả nước.

2. Thời gian để thực hiện các cơ chế chính sách do Nghị quyết 54/2017/QH14 là chưa đủ để đánh giá toàn diện về hiệu quả do các chính sách đem lại. Trong 05 năm thực hiện thí điểm, Thành phố Hồ Chí Minh đối diện với nhiều thách thức mới ngày càng gia tăng. Bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, đặc biệt là kinh tế thế giới, cục diện chính trị và đại dịch COVID-19.

Đà tăng trưởng của Thành phố Hồ Chí Minh đã chậm lại, nhiều động lực giảm sút. Cụ thể tốc độ tăng trưởng giảm mạnh, giai đoạn 1996 – 2010 kinh tế Thành phố tăng trưởng bình quân 10,2%/năm, cao hơn 1,6 lần mức bình quân cả nước; đến giai đoạn 2011 – 2025 giảm xuống còn 7,22%/năm; giai đoạn gần nhất 2016 – 2020 chỉ còn 6,41%/năm. Chất lượng tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu đề ra, hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và khó khăn trong việc thăng tiến lên nấc cao hơn của chuỗi giá trị và xác lập cơ cấu kinh tế hiện đại; trong đó có yếu tố hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao chưa có sự đột phá, chưa thu hút được nhiều tập đoàn lớn. Thành phố chưa phát huy được thế mạnh của một trung tâm khoa học – công nghệ trong việc nâng cao năng suất và chất lượng phát triển, chưa thể hiện được vai trò dẫn dắt phát triển vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Sự vượt trội của Thành phố so với cả nước ở một số mặt đã chậm lại, hệ thống giao thông, hạ tầng chưa có bước đột phá, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành

¹ Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị.

² Tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương tăng từ 77% (giai đoạn 2011 – 2016) lên 82% (giai đoạn 2017-2020).

phố và phục vụ đời sống nhân dân. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã tạo ra cho Thành phố nhiều áp lực lớn đối với môi trường sinh thái. Thành phố Hồ Chí Minh đang chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, tiếng ồn ngày càng gia tăng. Nguyên nhân một phần bởi diễn biến của dịch Covid-19 nhưng phần quan trọng khác do còn nhiều điểm nghẽn trong thể chế, hạ tầng, đặc biệt là tình trạng ngập nước, kẹt xe, quá tải bệnh viện và trường học, thiếu nguồn lực... Qua quan sát thực tế có thể thấy rõ điểm nghẽn tồn tại ở cả sân bay Tân Sơn Nhất, các tuyến giao thông đường bộ, cảng Cát Lái... Chưa kể, chi phí thuê đất, chi phí logistics lớn cũng gây nhiều bất lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Dưới tác động của đại dịch COVID-19, đặc biệt là trong hai năm 2020, 2021, Thành phố đối diện với nhiều khó khăn, thách thức; dịch bệnh bùng phát mạnh nhất cả nước, diễn biến nhanh, phức tạp, gây ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất, kinh doanh và mọi mặt đời sống xã hội, làm chậm lại việc thực thi các cơ chế chính sách mà Nghị quyết 54/2017/QH14 đã thể chế hóa. Bước vào năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Thành phố và cả nước cơ bản được kiểm soát, tạo tiền đề quan trọng để các hoạt động kinh tế - xã hội dần trở lại bình thường; tuy nhiên, dưới tác động của tình hình thế giới cùng với những vấn đề nội tại, thị trường trong nước có những yếu tố bất ổn, có những thời điểm biến động và giá cả một số hàng hóa tăng, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Tất cả những tác động bất lợi đến sự phát triển của Thành phố nói chung cũng ảnh hưởng tiến độ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 nói riêng. Cơ chế tài chính chưa được phát huy như mong đợi, Thành phố thiếu nguồn lực tài chính trầm trọng để phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật và xã hội. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan còn có nguyên nhân chủ quan như vướng mắc liên quan cơ chế, chính sách, thiếu quy định hướng dẫn. Hơn nữa, một số vấn đề mới, phức tạp, có tác động lớn, lâu dài, cần nhiều thời gian nghiên cứu, xem xét, đánh giá trước khi triển khai cụ thể. Do đó, cần thiết phải kéo dài thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù đã được ban hành để có thể đánh giá toàn diện nhất hiệu quả mà các cơ chế chính sách này đem lại.

3. Nhiều vấn đề đặt ra trong thực tiễn sau 5 năm triển khai Nghị quyết 54/2017/QH14 cần phải được thể chế hóa thành các cơ chế, chính sách mới.

Tiếp theo Nghị quyết 54/2017/QH14, Thành phố cũng được Trung ương quan tâm ban hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tại điểm d Khoản 4 Điều 10 có quy định Chính phủ “*Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố thuộc Thành phố*”. Sau hơn 1 năm thực hiện chính quyền đô thị, Thành phố cũng đã xác định được các cơ chế, chính sách cần được thể chế hóa để tạo nền tảng cho sự phát triển của thành phố Thủ Đức, cũng như nhìn nhận thấy một số bất cập phát sinh trong quá trình triển khai Nghị quyết số 131/2020/QH14 cần được điều chỉnh bởi Quốc hội³.

³ Bên cạnh công tác triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, năm 2020 thành phố Thủ Đức được thành lập theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận thành lập

Thành phố cũng đang xây dựng Đề án phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua quá trình nghiên cứu cho thấy với khung thể chế như hiện tại thì việc xây dựng Trung tâm tài chính của Khu vực và Thế giới tại Thành phố là chưa thực sự khả thi. Cần thiết phải có sự điều chỉnh, cởi mở hơn về chính sách tài chính, công nghệ, ngân hàng, ngoại hối và các chính sách có liên quan để tạo nền tảng pháp lý cho đề xuất này.

Thành phố cũng có nhu cầu rất lớn trong việc có hành lang cơ chế để thu hút nguồn lực tư nhân vào phát triển kinh tế thành phố, đặc biệt là trong các lĩnh vực phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị, văn hóa, thể thao và các cơ chế để lựa chọn nhà đầu tư trong bối cảnh nguồn ngân sách Thành phố để chi đầu tư phát triển còn hạn hẹp.

Ngoài ra, trong quá trình thực thi công tác quản lý nhà nước, Thành phố nhận thấy có một số chức năng nhiệm vụ của các Bộ, ngành trung ương, chủ yếu là thủ tục hành chính, Thành phố có khả năng, nguồn lực để thực hiện. Việc này có lợi cho tất cả các bên liên quan: các Bộ, ngành trung ương giảm tải gánh nặng giải quyết thủ tục hành chính cho các đối tượng tại Thành phố; Thành phố được chủ động các giải pháp để phục vụ doanh nghiệp Thành phố tốt hơn; doanh nghiệp Thành phố đỡ mất thời gian, công sức, chi phí để đi lại thực hiện các thủ tục hành chính.

Nói cách khác, những nhiệm vụ trung hạn vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh, đó là thực hiện cải cách cả chính sách và hệ thống công vụ rộng hơn để tạo những thay đổi rõ nét về môi trường kinh doanh; cải thiện cơ chế chính sách và hạ tầng liên quan đến nền tảng số và đổi mới sáng tạo; tiếp tục đầu tư mạnh cho nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các hệ thống an sinh và bảo trợ xã hội hiệu quả, linh hoạt; phát triển hạ tầng an sinh xã hội bao trùm, bền vững hơn; thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng, kể cả trong việc phân bổ lại cơ sở sản xuất theo hướng phân công, hợp tác vùng; đồng thời thúc đẩy phát triển trung tâm tài chính quốc tế, phát triển kinh tế số - chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Nghị quyết số 54/2017/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018. Khoản 1 điều 8 quy định *“Chính phủ sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2020, tổng kết thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2022 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về các cơ chế, chính sách đã thực hiện thí điểm.”*

Thực tiễn nêu trên đòi hỏi cần thiết phải có một nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14, tạo điều kiện cho Thành phố Hồ Chí Minh khơi thông nguồn lực và tạo đà phát triển trở lại. Việc ban hành cơ chế đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh không phải là ưu ái cho Thành phố mà thực tế đang phát huy vai trò, tiềm năng và gắn trách nhiệm của Thành phố Hồ Chí Minh đối với cả nước.

Về lâu dài, cần nghiên cứu xây dựng luật đô thị đặc biệt cho Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam chỉ có 2 đô thị đặc biệt là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện Hà Nội đã có Luật Thủ đô, còn Thành phố Hồ Chí Minh chưa có luật đặc thù, trong khi Thành phố có những đặc điểm về địa bàn, vị trí, dân số, kinh tế... khác hẳn các tỉnh, thành khác. Do đó, việc xây dựng cơ chế mang tính đột phá, áp dụng trong dài hạn để đầu tàu kinh tế như Thành phố Hồ Chí Minh phát triển là điều cần thiết, đảm bảo quá trình vận hành thông suốt trong lúc chờ Trung ương xây dựng Luật đô thị đặc biệt như Luật Thủ Đô của Thành phố Hà Nội.

4. Thành phố đã chủ động xây dựng và trình Trung ương xem xét dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14. Ngày 15 tháng 3 năm 2022, Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch số 98-KH/TU về tổng kết Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 gắn với Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch số 1621/KH-UBND kiến nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 để tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 và kiến nghị bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố, trong đó có cơ chế đặc thù cho Thành phố Thủ Đức, tạo cơ chế, hành lang pháp lý cho Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức phát triển nhanh, bền vững.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Báo cáo số 159/BC-UBND báo cáo Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14.

Tại điều 7 Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV giao Chính phủ “*nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất.*”

5. Thành phố tiếp tục rà soát các cơ chế chính sách mới bảo đảm phù hợp với các nội dung của Văn kiện Đại hội đảng XIII và phù hợp với quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn và các chỉ tiêu của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (thay thế Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị). Cụ thể:

Theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030, Thành phố được định hướng tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án cao tốc, quốc lộ, liên kết vùng, giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng giao thông, đô thị như kẹt xe, ngập úng; Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế.

Theo dự thảo quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò đầu tàu, tiếp tục là một động lực tăng trưởng của vùng Đông Nam Bộ và cả nước thời gian tới, dẫn đầu trong các lĩnh vực như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, công nghiệp chế tạo, tài chính ngân hàng...

6. Như vậy, trước bối cảnh phát triển của Thành phố với những thách thức, cơ hội đan xen, trên cơ sở phân tích kết quả, vướng mắc, nguyên nhân, tồn tại trong việc triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, đòi hỏi cần thiết phải có một Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, tập trung giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách, đồng thời quy định về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) nhằm giữ vững và phát huy vai trò là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, là cực tăng trưởng và có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

Nghị quyết mới sẽ tạo điều kiện cho Thành phố khơi thông nguồn lực phát triển Thành phố trong giai đoạn tới. Đồng thời, kế thừa và tích hợp tất cả các cơ chế chính sách mà Thành phố Hồ Chí Minh cần Trung ương quan tâm hỗ trợ để phát triển tương xứng với vị trí đầu tàu về kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng; đảm bảo cơ sở pháp lý, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, bao quát toàn bộ nội dung cơ chế theo văn bản quy phạm pháp luật, không làm phát sinh bộ máy tổ chức và biên chế thực hiện các cơ chế, chính sách mới. Trong một số trường hợp, quy định trách nhiệm của Thành phố chủ động xây dựng quy trình thủ tục để triển khai quy định, liên hệ với các văn bản hướng dẫn các bộ ngành, thay vì chờ hướng dẫn của các cơ quan, ảnh hưởng hiệu quả trong công tác giải quyết, xử lý các bất cập.

II. Mục tiêu xây dựng cơ chế, chính sách:

1. Mục tiêu tổng quát:

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Nghị quyết số 31-NQ/TW xác định “*tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững*” đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp “*tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực.*”

Về mục tiêu phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết Đại hội đảng bộ Thành phố lần thứ XI xác định: “*Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân; phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, nghĩa tình, huy động hiệu quả*

mọi nguồn lực và tận dụng thời cơ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; xây dựng thành phố thông minh, phát triển nhanh, bền vững, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước; đẩy mạnh phát triển văn hóa, tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, xây dựng gia đình hạnh phúc; vì cả nước, cùng cả nước, vì hạnh phúc của Nhân dân, thành phố là trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ và văn hóa của khu vực Đông Nam Á.”

2. Mục tiêu cụ thể:

Từ mục tiêu tổng quát, Thành phố đề ra 03 mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025: Là đô thị thông minh, thành phố dịch vụ, công nghiệp theo hướng hiện đại, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế, động lực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, đi đầu trong đổi mới sáng tạo, có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. GRDP bình quân đầu người đạt 8.500 USD.

- Đến năm 2030: Là thành phố dịch vụ, công nghiệp hiện đại, thành phố văn hóa, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, GRDP bình quân đầu người khoảng 13.000 USD, là trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ và văn hóa của khu vực Đông Nam Á.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Trở thành trung tâm về kinh tế, tài chính của Châu Á, phát triển bền vững, có chất lượng cuộc sống cao, GRDP bình quân đầu người khoảng 37.000 USD, là điểm đến hấp dẫn toàn cầu.

Những vấn đề thực tiễn đặt ra nhưng pháp luật chưa quy định hoặc quy định không phù hợp thì cho làm thí điểm theo tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

PHẦN THỨ HAI: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 (*sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết*) đề xuất cơ chế, chính sách tập trung giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách, tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư nhằm giúp Thành phố có thể hoàn thành nhiệm vụ “đầu tàu” kinh tế, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển chung của đất nước.

Cụ thể, từ đánh giá tác động của cơ chế, chính sách bao gồm các nội dung (1) xác định vấn đề bất cập, (2) mục tiêu giải quyết vấn đề, (3) các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề, (4) đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan, làm cơ sở (5) kiến nghị giải pháp lựa chọn.

Theo đó, Dự thảo Nghị quyết gồm 12 điều đối với 07 lĩnh vực là (1) Quản lý đầu tư; (2) Tài chính ngân sách; (3) Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; (4) Ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh; (5) Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; (6) Tổ chức bộ máy của Thành phố; (7) Tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức.⁴

Dự thảo Nghị quyết có đề xuất lại một số cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Trong đó, có 9 nội dung trong lĩnh vực Tài chính ngân sách đã được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 và Khoản 10 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Trong lĩnh vực Quản lý đô thị và môi trường, dự thảo Nghị quyết tiếp tục đề xuất một số nội dung đã được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Trong lĩnh vực Tổ chức, bộ máy, phân cấp ủy quyền và cán bộ, công chức, viên chức, dự thảo Nghị quyết tiếp tục đề xuất một số nội dung đã được quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Cụ thể đề xuất các cơ chế, chính sách như sau:

I. Cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư

Trong lĩnh vực Quản lý đầu tư đề xuất 06 nội dung. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Cơ chế giúp Thành phố linh hoạt trong điều hành kế hoạch vốn đầu tư công thông qua việc giao Thành phố chủ động quyết định danh mục dự án và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn trên cơ sở dự kiến khả năng tăng chi đầu tư phát triển do tăng thu ngân sách địa phương; sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm

⁴ Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố gồm 08 điều đối với 05 lĩnh vực: (1) quản lý đất đai (2) đầu tư (3) tài chính – ngân sách nhà nước (4) quy định cơ chế ủy quyền giữa các cấp chính quyền và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển:

* Về quy định pháp luật:

- Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 60 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

2. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này. Quốc hội xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm các nội dung sau đây:

....

b) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách từng địa phương;

3. Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm tổng số vốn và cơ cấu vốn ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; danh mục, mức vốn của các chương trình, dự án đầu tư công, mức vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và đối tượng đầu tư công khác nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã cho phép “Đối với vốn cân đối ngân sách địa phương, các địa phương được giao Kế hoạch đầu tư công hàng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương trên cơ sở khả năng thu thực tế, bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương hằng năm.

- Khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư công 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

“2. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công hằng năm bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước;

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm;

c) Kế hoạch đầu tư công trung hạn;

d) Nhu cầu và khả năng cân đối các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong năm kế hoạch.”

- Điều 53 Luật Đầu tư công 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

“Điều 53. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án đầu tư công khẩn cấp.

2. *Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định.*”

* *Về thực tiễn:*

Việc thực hiện theo quy định hiện hành dẫn đến các khó khăn, vướng mắc sau:

- Theo nguyên tắc của Luật Đầu tư công và các Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các dự án đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn phải ưu tiên trước cho các dự án chuyển tiếp và các dự án có thể hoàn thành theo tiến độ được duyệt. Đồng thời, tổng danh mục các dự án và mức vốn bố trí phải nằm trong mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng). Trên cơ sở Kế hoạch trung hạn được duyệt, hằng năm việc bố trí vốn thực hiện các dự án căn cứ theo nhu cầu của chủ đầu tư, tiến độ triển khai của các dự án nhưng phải đảm bảo nguyên tắc, các dự án bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải có trong danh mục các dự án tại Kế hoạch trung hạn và mức vốn bố trí phải không lớn hơn số trung hạn đã giao.

- Căn cứ các nguyên tắc nêu trên, số vốn Thủ tướng Chính phủ giao (142.557 tỷ đồng) đã được Thành phố tập trung bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 – 2020 qua giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, các dự án được bố trí chủ yếu là các dự án chuyển tiếp (với tổng vốn bố trí là 104.936,144 tỷ đồng, chiếm 73,6% tổng vốn ngân sách địa phương trong trung hạn). Trong tổng 3.607 dự án chuyển tiếp có 753 dự án đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố kéo dài thời gian bố trí vốn. Như vậy, rất nhiều các dự án chuyển tiếp đều là các dự án gặp vướng mắc trong quá trình triển khai, đặc biệt là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, dẫn đến khả năng hấp thụ vốn kém, nhu cầu vốn bố trí hằng năm thấp.

- Thành phố có nhu cầu rất lớn đối với việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Nếu đưa được các dự án mới vào thì có thể bố trí vốn hằng năm và giải ngân nhanh. Hiện nay qua rà soát, Thành phố dự kiến có thể huy động từ các nguồn thu của Thành phố khoảng 119 ngàn tỷ, ngoài mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng) để đáp ứng cho các dự án này.

- Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã cho phép thực hiện cơ chế “*các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương **trên cơ sở khả năng thu thực tế**”*. Tuy nhiên, nội dung trên **không đề cập đến kế hoạch đầu tư công trung hạn**, dẫn đến không rõ các địa phương có được phép giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vượt mức vốn trung hạn đã được Quốc hội giao và ngoài danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hay không. Do đó, dù các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm linh hoạt theo cơ sở khả năng thu thực tế nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 và Điều 53 Luật Đầu tư

công, tức là vẫn phải nằm trong mức vốn và danh mục các dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách thành phố đã được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ giao là 142.557 tỷ đồng đã cố định với danh mục dự án cụ thể được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua. Do đó, không thể bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Nếu bố trí sẽ làm vượt tổng kế hoạch vốn trung hạn đã được Quốc hội thông qua, làm ảnh hưởng đến tính chủ động bố trí ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh trong khi Thành phố vẫn có khả năng cân đối thêm ngoài mức vốn 142.557 tỷ đồng được giao.

Mặt khác, các nguồn thu hợp pháp của Thành phố để cân đối cho đầu tư công là rất lớn, cụ thể từ nguồn thu sử dụng đất, đấu giá tài sản công, nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn, nguồn thu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... Theo các số liệu Thành phố đã rà soát sơ bộ đã báo cáo bộ ngành trung ương thì ngoài mức vốn được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg là 142.557 tỷ đồng, Thành phố có khả năng có thể cân đối nguồn vốn chi đầu tư phát triển cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 là 261.967,923 tỷ đồng, cao hơn 119.410,922 tỷ đồng so với mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ (142.557 tỷ đồng). Như vậy, trong giai đoạn 2021 – 2025, thay vì 142.557 tỷ đồng, Thành phố có thể cân đối cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 và bố trí cho các dự án với tổng số vốn là 261.967,923 tỷ đồng.

Tại buổi làm việc với Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh đã kiến nghị Quốc hội cho phép Thành phố được thực hiện cơ chế: Đối với các nguồn vốn mà Thành phố có thể huy động từ các nguồn thu của Thành phố ngoài mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng), Thành phố được phép chủ động quyết định việc bổ sung tổng mức vốn và danh mục các dự án đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Thành phố theo nguyên tắc bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương của Thành phố, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tại Thông báo số 852/TB-TTKQH ngày 31 tháng 3 năm 2022, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cũng đã có ý kiến như sau: *“Về chủ trương, cơ bản nhất trí với đề xuất của Thành phố về nội dung này theo khả năng ngân sách của Thành phố và quy định pháp luật về đầu tư công; đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, xem xét, có văn bản hướng dẫn trả lời đối với kiến nghị nêu trên, hoàn thành trước ngày 15/4/2022”*.

Trên cơ sở Thành phố được linh hoạt bố trí Kế hoạch đầu tư công hằng năm theo cơ chế đã được Quốc hội chấp thuận tại Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 và chủ trương cho phép Thành phố nâng trần mức Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của Chủ tịch Quốc hội nêu trên, Bộ Tài chính,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hướng dẫn Thành phố về nội dung này tại các Công văn số 4647/BTC-ĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính và Công văn số 3603/BKHĐT-KTĐPLT ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có ý kiến “*Trường hợp Thành phố có khả năng huy động từ các nguồn thu của Thành phố ngoài mức vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2020, đề nghị Thành phố tính toán, xác định cụ thể từng nguồn thu, chi ngân sách địa phương, đảm bảo chắc chắn, khả thi và dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, dự kiến cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (trong đó báo cáo lại tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2021-2025), đảm bảo các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội*”.

1.1.2. Về cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm:

- Điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về các khoản chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương như sau:

“Điều 38. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

1. Chi đầu tư phát triển:

a) *Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;*

b) *Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;*

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước thì các khoản chi đầu tư phát triển khác trong nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương phải được cụ thể hóa bởi quy định pháp luật.

- Tại Công văn số 9625/BTC-ĐT ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ Tài chính có ý kiến hướng dẫn:

“Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước đã được Luật Đầu tư công quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 5 như sau:

“5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”

- Tại Công văn số 4372/BKHĐT-KTĐPLT ngày 07 tháng 7 năm 2021, Bộ Kế

hoạch và Đầu tư có hướng dẫn các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác được xem là đối tượng của Luật Đầu tư công năm 2019 như sau:

"... Trường hợp các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 không thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công."

- Tại Công văn số 3076/BTC-NSNN ngày 05 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính có hướng dẫn về việc bố trí vốn ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm như sau:

"a) Ngày 10/6/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Kết luận số 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, theo đó Ban Bí thư thành thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có nhiệm vụ, giải pháp "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội,..... Cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội".

Thực hiện kết luận của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, theo đó Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo các bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương các cấp triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chương trình tín dụng chính sách xã hội, trong đó có giải pháp: "Các địa phương tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội; hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn các địa phương. Các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo quốc gia cân bố trí đủ nguồn lực để cho vay các đối tượng này".

b) Luật Ngân sách nhà nước (khoản 1 Điều 38) về nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương ngoài các quy định các nhiệm vụ chi cụ thể có quy định nhiệm vụ chi: "Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật".

*Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước có quy định: **"Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: ... Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính***

phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp”.

c) Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư và căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 1630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bố trí từ ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.”

- Tại Công văn số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

“1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản số 1025/BKHĐT-TCTT ngày 26/2/2021 và văn bản số 4372/BKHĐT-KTĐPLT ngày 7/7/2021 có ý kiến về việc bố trí vốn ngân sách Thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm và việc thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2021-2025 không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công (văn bản đính kèm theo).

2. Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương gồm:

“a) Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật”.

Đề nghị Quý Ủy ban căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 nêu trên và các quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định các nhiệm vụ chi của Thành phố theo thẩm quyền, trong đó gồm việc bố trí vốn ngân sách Thành phố đối với Chương trình kích cầu đầu tư và bố trí nguồn vốn ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm”.

Căn cứ các quy định pháp luật và ý kiến hướng dẫn của Bộ ngành nêu trên, để có cơ sở bố trí nguồn vốn đầu tư công (chi đầu tư phát triển khác) để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm (Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố) thì nhiệm vụ chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương này phải thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công.

Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền **quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương** (ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.

Hiện nay, Thành phố đang gặp khó khăn trong việc vận dụng các quy định nêu trên để triển khai công tác bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm của Thành phố, gây kéo dài thời gian bố trí nguồn vốn, không kịp đáp ứng nhu cầu vay vốn tín dụng ưu đãi của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Cho vay tín dụng ưu đãi là một trong những giải pháp chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tạo vốn, tạo nguồn lực để người nghèo có điều kiện tham gia sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập để ổn định cuộc sống, góp phần thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm tại Thành phố. Trong bối cảnh kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều biến động, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp tăng, hộ nghèo dễ có nguy cơ tái nghèo thì việc duy trì và phát triển mở rộng nguồn vốn cho vay ưu đãi cho người nghèo, các đối tượng chính sách và người lao động nghèo của Thành phố có nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, có thu nhập ổn định, cũng là một giải pháp căn cơ, nâng cao sức chống chịu trước biến cố để vươn lên thoát nghèo bền vững.

Do đó, để đảm bảo các mục tiêu nêu trên, Thành phố kiến nghị cho phép Hội đồng nhân dân thành phố được phép quyết định sử dụng vốn đầu tư công để cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm thông qua bố trí nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội, phù hợp với chính sách do Hội đồng nhân dân thành phố ban hành.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

1.2.1. Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển:

Tạo điều kiện cho Thành phố có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau khi chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-19; bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tấc nghẽn...; tăng hiệu quả

của việc sử dụng vốn đầu tư công do có thể bố trí ngay cho các dự án khởi công mới có nhu cầu vốn cao, có thể giải ngân được ngay. Đối với các dự án đang vướng mắc về thủ tục (trong đó có công tác bồi thường giải phóng mặt bằng) có thể linh hoạt bố trí vốn hằng năm trong các năm tiếp theo sau khi đã tháo gỡ được các vướng mắc.

Đồng thời, giải quyết được các vấn đề về tắc nghẽn giao thông, cải tạo môi trường, áp lực lên hệ thống y tế, giáo dục; đẩy nhanh việc triển khai các dự án sẽ tạo sự đồng thuận xã hội, hạn chế các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”; việc phân bổ hiệu quả các dự án đầu tư công sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và hưởng thụ các dịch vụ y tế, văn hóa. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng cho tất cả người dân.

1.2.2. Về cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm:

Tại thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đang tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó, đến cuối năm 2025, cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo cả nước, còn dưới 0,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố. Đồng thời, Thành phố đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025.

- Mục tiêu thực hiện trên cơ sở chính trị và cơ sở pháp luật:

+ Thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06- KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; tại điểm a, mục 3 phần II của Kế hoạch quy định “*Các địa phương tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội... Các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo quốc gia cần bố trí đủ nguồn lực để cho vay các đối tượng này*”.

+ Nhằm thực hiện tốt hơn nữa các giải pháp, chính sách phục vụ cho mục tiêu giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị Quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương theo Nghị quyết, Kế hoạch của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố.

+ Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Hội nghị trực

tuyên toàn quốc về “vai trò, hiệu quả tín dụng chính sách trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững” tại Thông báo số 366/TB-VPCP ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, điểm đ khoản 3 mục III: “*Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách thì phần đầu bố trí ít nhất 500 tỷ đồng, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh phần đầu bố trí ít nhất 5.000 tỷ đồng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay*”. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành công văn số 5419/UBND-VX ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội trong năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

+ Văn bản số 3076/BTC-NSNN ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc bố trí ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho chương trình kích cầu đầu tư và cho Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm;

+ Văn bản số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bố trí nguồn vốn ngân sách Thành phố cho chương trình kích cầu đầu tư và cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm;

+ Nghị Quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

+ Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

+ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay Hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Cơ chế giúp Thành phố linh hoạt trong điều hành kế hoạch vốn đầu tư công thông qua việc giao Thành phố chủ động quyết định danh mục dự án và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn trên cơ sở dự kiến khả năng tăng chi đầu tư phát triển do tăng thu ngân sách địa phương; sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách Thành phố

ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- ***Tác động về kinh tế:*** Chưa tạo đủ dư địa tài chính cần thiết để Thành phố Hồ Chí Minh có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có của Thành phố Hồ Chí Minh về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

- ***Tác động về mặt xã hội:*** Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- ***Tác động về vấn đề giới:*** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- ***Tác động về thủ tục hành chính:*** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- ***Tác động đối với hệ thống pháp luật:*** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- ***Tác động về kinh tế:*** Áp dụng chính sách trên Thành phố Hồ Chí Minh có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau khi chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-19.

Nếu được áp dụng chính sách thì Thành phố dự kiến cần đối bổ sung được khoảng 119.000 tỷ đồng để bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố. Trong đó có các dự án trọng điểm như: dự án Xây dựng đường cao tốc TPHCM - Mộc Bài, dự Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát (CRUS1), dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn (CRUS2), 02 dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, 02 dự án thuộc đường Vành đai 2 Thành phố Hồ Chí Minh; dự án Trồng cây xanh cách ly và tạo quỹ đất dự trữ phát triển khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, huyện Củ Chi; dự án Đầu tư hạ tầng, trường học, công viên cây xanh trong phạm vi Nghĩa trang Bình Hưng Hòa - giai đoạn 3...

Các dự án trọng điểm trên góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn... Tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư công do có thể bố trí ngay cho các dự án khởi công mới có nhu cầu vốn cao, có thể giải ngân được

ngay. Đối với các dự án đang vướng mắc về thủ tục (trong đó có công tác bồi thường giải phóng mặt bằng) có thể linh hoạt bố trí vốn hằng năm trong các năm tiếp theo sau khi đã tháo gỡ được các vướng mắc. Đồng thời, cơ chế cũng không làm tăng mức bội chi ngân sách hằng năm và không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản của Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy cũng không ảnh hưởng đến trần nợ công chung của cả nước.

Triển khai kịp thời nguồn vốn tín dụng chính sách đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách và người lao động nghèo trên địa bàn Thành phố để sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định, qua đó giảm nghèo bền vững, giảm tỷ lệ thất nghiệp; tập trung phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cao để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thông qua triển khai các mô hình giảm nghèo hiệu quả; góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tác động về mặt xã hội: Giúp Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết được các vấn đề về tắc nghẽn của hoạt động đầu tư công trong các lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... từ đó, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố và cả các địa phương khu vực phía Nam, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân cho toàn bộ khu vực phía Nam; đồng thời đẩy nhanh việc triển khai các dự án sẽ tạo sự đồng thuận xã hội, hạn chế các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”, ... và nhất là giải quyết nghịch lý “có tiền nhưng không tiêu được” trong hoạt động đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2021 – 2025, phấn đấu đến cuối năm 2025 cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo cả nước, còn dưới 0,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố, góp phần giảm các chiều nghèo xã hội tương ứng.

Đảm bảo người nghèo, đối tượng chính sách, người lao động nghèo có nhu cầu vay vốn để sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, hạn chế vay tín dụng đen trên địa bàn Thành phố.

- Tác động về vấn đề giới: Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Việc phân bổ hiệu quả các dự án đầu tư công sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và hưởng thụ các dịch vụ y tế, văn hóa. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng cho tất cả người dân, không phân biệt giới tính

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan, đề cao tính phân cấp, phân quyền mạnh mẽ đến các địa phương. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đầu tư công nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Chính sách cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án nhóm B, nhóm C không được tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư).

Đối với dự án nhóm B, nhóm C thời gian thực hiện dự án là khá hạn hẹp khi phải triển khai công tác giải phóng mặt bằng đi kèm với các công việc khác như lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án và các hạng mục của dự án, triển khai đấu thầu... trước khi tổ chức thi công dự án. Trên thực tế, bản thân một số công việc này cũng mất rất nhiều thời gian (riêng công tác đấu thầu thường kéo dài từ 6-12 tháng đối với một dự án, tùy thuộc vào mức độ phức tạp của các gói thầu). Điều này dẫn đến 02 vấn đề: (1) Nhiều công việc phải triển khai trong thời gian tương đối ngắn, áp lực về thời gian làm cho chất lượng không bảo đảm; (2) Quá trình thực hiện dự án quy định trong Luật không phản ánh được bản chất của việc thực hiện dự án trên thực tế khi mà một số công việc có tính chất chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án được đưa vào thực hiện dự án.

Các vấn đề nêu trên càng nghiêm trọng hơn đối với các dự án nhóm B quy mô lớn (Luật Đầu tư công 2019 quy định dự án nhóm B có quy mô tổng mức đầu tư từ 45 đến dưới 2.300 tỷ đồng), thường là các dự án có yêu cầu về giải phóng mặt bằng trên diện tích lớn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất (thuộc lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác) ... và hầu hết khó có thể đáp ứng yêu cầu về thời hạn bố trí vốn nêu trên. Trong trường hợp đó, việc tiếp tục bố trí vốn để triển khai cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, có thể tiếp tục gây kéo dài thời gian thực hiện dự án.

Việc không cho phép tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, cụ thể như sau:

- Chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án có thể thực hiện giải phóng mặt bằng sớm, làm tăng chi phí bồi thường do cơ quan được giao thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương chưa có cơ sở tính toán, áp dụng khung giá bồi thường, hỗ trợ.

- Theo quy định hiện hành, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư công chỉ thực hiện sau khi dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khoảng thời gian giữa lúc dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư cho đến khi được phê duyệt quyết định đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải trải qua nhiều bước khó khăn.

Trong khoảng thời gian này có thể phát sinh những yếu tố làm tăng chi phí bồi thường (địa phương phê duyệt khung giá bồi thường mới, người dân yêu cầu mức bồi thường cao hơn khi biết được có dự án sắp triển khai, trục lợi chính sách...) làm tăng chi phí bồi thường đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Đồng thời, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân, việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, lựa chọn tư vấn, đấu thầu...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Vấn đề này tạo ra “vòng lặp” trong quá trình thực hiện khi dự án vừa được phê duyệt đã phải điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh nhiều lần do các nội dung phê duyệt không còn phù hợp với tình hình thực tế. Dự án được phê duyệt nhưng việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng chậm dần tới kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và lại gây ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Như vậy, công tác giải phóng mặt bằng chậm – dự án tăng chi phí, đội vốn – phải điều chỉnh dự án – lại gây chậm trễ trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư không thể giải quyết toàn bộ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nếu không

xử lý được các bất cập của chính công tác giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, việc tách riêng công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công đối với các dự án nhóm B thuộc các lĩnh vực cấp bách đang cần được đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố như giao thông, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác sẽ đạt được một số lợi ích trong thực tế như:

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án.

- Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, vốn về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh để thực hiện trước một bước nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng như di dời người dân, thu hồi đất, hỗ trợ,...

- Chủ đầu tư xác định rõ về khả năng thực hiện và giải ngân của dự án trong khoảng thời gian nhất định (trung hạn 5 năm hoặc hàng năm), có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị thực hiện dự án được chuẩn bị tốt hơn, tránh việc chiếm dụng vốn.

- Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện tách khỏi dự án đầu tư, không tính vào thời gian thực hiện dự án, giảm bớt áp lực về mặt thời gian và tiến độ thực hiện do cho chủ đầu tư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp...qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế đối với các dự án ODA có yêu cầu mặt bằng sạch và các cam kết của địa phương trong đóng góp vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý trong thực hiện dự án.

- Phân định, làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Chính sách cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Vương mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án.

- **Tác động về mặt xã hội:** Phát sinh các vương mắc, rủi ro, tranh chấp về mặt pháp lý, có thể tác động đến tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:**

(i) Đối với nhà nước:

- Lợi ích:

+ Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện sớm, tạo thêm quỹ thời gian cho công tác xây lắp, giảm áp lực về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án cho Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, gián tiếp cải thiện chất lượng công trình, dự án.

+ Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tránh phát sinh các chi phí không cần thiết.

+ Tách riêng chi phí giải phóng mặt bằng ra khỏi chi phí phân thi công xây dựng sẽ cho phép so sánh chi phí, đơn giá xây dựng từng hạng mục công trình giữa các dự án, giúp quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư.

+ Khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể mới quyết định tách phần giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư sẽ góp phần đánh giá tổng thể hiệu quả phương án đầu tư và không thay đổi tổng mức vốn đầu tư khi phân loại dự án.

- **Tác động về mặt xã hội:**

(i) Đối với nhà nước:

Tích cực:

- Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

- Vừa huy động được nguồn lực, sức mạnh của địa phương, vừa tăng cường, xác định rõ trách nhiệm cho địa phương và chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án.

(ii) Đối với doanh nghiệp, người dân:

- Khi triển khai chính sách thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động.

- Việc giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án đầu tư sẽ không bị ảnh hưởng do giá đất tăng lên khi dự án triển khai; không làm tăng chi phí bồi thường, không gây mất bình đẳng giữa người dân nhận bồi thường trước và sau khi triển khai dự án.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Thủ tục hành chính được thực hiện tương tự đối với trường hợp tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Về tính động bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đầu tư công nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền quyết định ban hành chính sách là của Quốc hội).

3. Chính sách về thực hiện dự án bồi thường độc lập, làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Về tổng thể, Luật Đất đai đã có các quy định áp dụng cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng (*sau đây gọi là công tác giải phóng mặt bằng*) để thực hiện dự án đầu tư.

Đồng thời tùy theo loại dự án, nguồn vốn sử dụng, việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng được quy định tại các Luật liên quan đến dự án đầu tư như: Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) và các quy định của pháp luật khác như: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Bảo vệ môi trường...

Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng đã từ lâu được xem là một trong số những “điểm nghẽn” trong việc thực hiện các dự án đầu tư, bất kể nguồn vốn đầu tư được sử dụng. Các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đã tạo ra những tác động, hậu quả như sau:

- Đối với dự án có yêu cầu sử dụng đất, các vướng mắc này ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; làm giảm cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư, hiệu quả thu hút đầu tư, vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng...

- Tác động trực tiếp làm chậm tiến độ triển khai, hoàn thành, đưa dự án vào khai thác sử dụng, giảm hiệu quả đầu tư và tăng chi phí xây dựng, lắp đặt, vận hành dự án, tác động đến chi phí cơ hội của nhà đầu tư.

- Công tác giải phóng mặt bằng kéo dài, trong khi cơ chế, chính sách áp dụng thay đổi theo quy định tương ứng với thời gian (giá đất, đơn giá bồi thường,...), dẫn đến việc phải áp dụng khung giá bồi thường cao hơn so với khung giá đã được phê duyệt từ đầu, làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng dẫn đến tăng tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh nhiều lần, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

- Phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt pháp lý, có thể tác động đến tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- Đối với dự án đầu tư công, ảnh hưởng đến khả năng, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn bố trí cho dự án, ảnh hưởng tới khả năng bố trí vốn cho các dự án khác, gây ứ đọng vốn khi các dự án không thể thực hiện được khi chưa có mặt bằng “sạch”.

Tóm lại, các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đã gây ảnh hưởng không tốt tới hiệu quả sử dụng nguồn vốn đã có sẵn và khả năng thu hút các nguồn vốn để thực hiện dự án đầu tư trong tương lai.

Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đang được xem là một giải pháp để tạo điều kiện đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, giảm bớt các hệ lụy tiêu cực có thể xảy ra. Pháp luật hiện hành đã quy định việc cho phép tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, dự án thành phần hoặc tiểu dự án để thực hiện đối với một số loại dự án cụ thể. Tuy nhiên, vẫn còn gặp phải một số khó khăn, vướng mắc như sau:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 quy định cơ sở pháp lý cho việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để thực hiện tại bước quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A nhưng cần phải chứng minh được các trường hợp thực sự cần

thiết phải tách dự án giải phóng mặt bằng ngay trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C

Đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C không được tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án⁵, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư). Đối với dự án do Bộ, cơ quan trung ương thực hiện đầu tư, Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất đã cho phép tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng và tổ chức thực hiện độc lập. Tuy nhiên, việc này chỉ được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư.

Việc không cho phép tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập đối với dự án nhóm B, nhóm C tại bước phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, cụ thể như sau:

(i) Chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án có thể thực hiện giải phóng mặt bằng sớm, làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng do tổ chức được giao thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương chưa có cơ sở tính toán, áp dụng khung giá bồi thường.

Theo quy định hiện hành⁶, việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với dự án đầu tư công chỉ được thực hiện sau khi dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khoảng thời gian giữa lúc dự án được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư cho đến khi được phê duyệt quyết định đầu tư thường mất không ít thời gian do phải trải qua nhiều bước thủ tục khác nhau.

Trong khoảng thời gian này có thể phát sinh những yếu tố làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng (địa phương phê duyệt khung giá bồi thường mới, người dân yêu cầu mức bồi thường cao hơn khi biết được có dự án sắp triển khai, trục lợi chính sách...) làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Đồng thời, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân, việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công,...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Vấn đề này tạo ra “*vòng lặp*” trong quá trình thực hiện khi dự án vừa được phê duyệt đã phải điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh nhiều lần do các nội dung phê

⁵ Khoản 3 Điều 54 Luật Đầu tư công.

⁶ Khoản 3 Điều 54 Luật Đầu tư công.

duyệt không còn phù hợp với tình hình thực tế. Dự án được phê duyệt nhưng việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng chậm dần tới kéo dài thời gian thực hiện, tăng tổng mức đầu tư, phải thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và lại gây ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Như vậy, công tác giải phóng mặt bằng chậm – dự án tăng tổng mức đầu tư – phải điều chỉnh dự án – lại gây chậm trong công tác giải phóng mặt bằng.

(ii) Khó bảo đảm thời hạn bố trí vốn theo quy định do thời gian giải phóng mặt bằng kéo dài, đặc biệt đối với dự án nhóm B quy mô lớn, tiệm cận quy mô dự án nhóm A. Theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm⁷.

Do đó, đối với dự án nhóm B, nhóm C thời gian thực hiện dự án là khá hạn hẹp khi phải triển khai công tác giải phóng mặt bằng (theo đúng quy trình thủ tục và thời gian quy định của từng bước, không phân biệt nhóm dự án) đi kèm với các công việc khác như lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án và các hạng mục của dự án, triển khai lựa chọn nhà thầu... trước khi tổ chức thi công dự án. Trên thực tế, bản thân một số công việc phục vụ việc triển khai thi công công trình cũng mất rất nhiều thời gian tùy thuộc vào mức độ phức tạp của các hạng mục công trình trong dự án.

Điều này dẫn đến 02 vấn đề: (1) Nhiều công việc phải triển khai trong thời gian tương đối ngắn, áp lực về thời hạn làm cho chất lượng không bảo đảm; (2) Quá trình thực hiện dự án quy định trong Luật không phản ánh được bản chất của việc thực hiện dự án trên thực tế khi mà một số công việc có tính chất chuẩn bị thực hiện dự án được đưa vào thực hiện dự án.

Các vấn đề nêu trên càng có tác động mạnh hơn đối với các dự án nhóm B quy mô lớn (Luật Đầu tư công quy định dự án nhóm B có quy mô tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng tùy theo lĩnh vực đầu tư), thường là các dự án có yêu cầu về giải phóng mặt bằng trên diện tích lớn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất... và hầu hết khó có thể đáp ứng yêu cầu về thời hạn bố trí vốn nêu trên. Trong trường hợp đó, việc tiếp tục bố trí vốn để triển khai cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, có thể tiếp tục gây kéo dài thời gian thực hiện dự án.

Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng “sạch” trước khi ký kết Hiệp định.

c) Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP)

⁷ Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công.

Đối với dự án PPP, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) quy định:

(1) Cơ chế sử dụng vốn nhà nước để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đất đai⁸.

(2) Giới hạn tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và giải phóng mặt bằng dự án PPP không quá 50% tổng mức đầu tư dự án⁹.

Các quy định này dẫn đến các khó khăn, vướng mắc sau trong việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án PPP:

(1) Dự án PPP gặp phải các vướng mắc tương tự trong việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư như đối với dự án sử dụng 100% vốn đầu tư công.

(2) Việc giới hạn tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện giải phóng mặt bằng trong tổng mức đầu tư dự án là không khả thi trong trường hợp chi phí cần thiết để giải phóng mặt bằng cao, vượt quá 50% tổng mức đầu tư dự án. Đồng thời, quy định này cũng không phản ánh được bản chất về phần vốn hỗ trợ của Nhà nước thực hiện dự án PPP, dẫn đến không hài hòa giữa quyền lợi của Nhà nước và nhà đầu tư, khó thu hút nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án.

Bên cạnh quy định của Luật PPP thì quy định của Luật Ngân sách nhà nước cũng tác động đến khả năng huy động các nguồn lực từ ngân sách địa phương, các nguồn lực khác cho công tác giải phóng mặt bằng các công trình do trung ương quản lý khi quy định nhiệm vụ chi cấp nào do cấp đó bảo đảm¹⁰.

d) Đối với dự án đầu tư kinh doanh

Đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, do đặc thù của các dự án loại này là đã có sẵn mặt bằng sạch (theo hình thức đấu giá) hoặc việc

⁸ Điều 56 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, hợp đồng dự án PPP và các hợp đồng liên quan.”.

Điều 72 quy định:

“1. Vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Căn cứ quy mô, tính chất của từng dự án, cơ quan ký kết hợp đồng xem xét việc tách vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm thành dự án thành phần hoặc tiểu dự án và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đất đai.”

⁹ Điều 69 quy định:

“1. Vốn nhà nước được sử dụng cho các mục đích sau đây:

a) Hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP;
 b) Thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;
 c) Chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm;
 d) Chi trả phần giảm doanh thu;

đ) Chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị chuẩn bị dự án PPP, bên mời thầu để thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ của mình quy định tại Điều 11 của Luật này;

e) Chi phí của Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP.

2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Đối với dự án có nhiều dự án thành phần, trong đó có dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP thì tỷ lệ vốn nhà nước quy định tại khoản này được xác định trên tổng mức đầu tư của dự án thành phần đó.”

¹⁰ Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015

giải phóng mặt bằng chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công hoặc dự án PPP.

Vướng mắc đối với dự án đầu tư kinh doanh nằm ở 02 vấn đề cụ thể: (i) trong việc tạo mặt bằng sạch thông qua Quỹ phát triển đất đai và (ii) trong việc dự án của nhà đầu tư không thuộc diện Nhà nước thực hiện thu hồi đất, nhà đầu tư tạo mặt bằng sạch thông qua thỏa thuận với người dân. Đây là hoạt động tiềm ẩn nhiều nguy cơ, có thể xảy ra vướng mắc, kiện tụng...

Do đó, cần thiết cho phép địa phương tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập nhằm thúc đẩy thời gian hoàn thiện dự án đầu tư và hạn chế khả năng làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện triển khai nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu lựa chọn nhà thầu, triển khai thi công công trình. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Việc không thể tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập không thể giải quyết toàn diện các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nếu không xử lý được các bất cập hiện nay của công tác giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, việc này sẽ là giải pháp sẽ quyết được một số điểm nghẽn trong thực tế như sau:

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước thủ tục đầu tư khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, hạn chế khả năng làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng, dẫn đến phải điều chỉnh dự án.

- Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư (về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần phải thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh thực hiện trước một bước) nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng (như: di dời người dân, thu hồi đất,...).

- Chủ đầu tư dự án xác định rõ được khả năng thực hiện và giải ngân của dự án, có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị dự án được thực hiện tốt hơn, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn.

- Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện khi tách khỏi dự án đầu tư, không tính vào thời gian thực hiện dự án, giảm bớt áp lực về thời gian và tiến độ thực hiện cho chủ đầu tư dự án, tạo thêm thời gian cho các khâu tổ chức lựa chọn

nhà thầu, thi công công trình,... qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án đầu tư, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế đối với các dự án có sử dụng vốn ODA có yêu cầu mặt bằng “sạch” và các cam kết của địa phương đối với việc đóng góp vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý trong thực hiện dự án.

- Phân định và làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc thực hiện giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.

3.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1:

Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Chính sách về thực hiện dự án bồi thường độc lập, làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án.

- **Tác động về mặt xã hội:** phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt pháp lý, có thể tác động tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- **Tác động về vấn đề giới:** giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:**

Đối với nhà nước:

+ Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện sớm, tạo thêm quỹ thời gian cho công tác xây lắp, giảm áp lực về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án, gián tiếp cải thiện chất lượng công trình và dự án đầu tư.

+ Tăng hiệu quả sử dụng vốn vay đối với các dự án có sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ, tránh phát sinh các chi phí không cần thiết.

+ Tách riêng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng ra khỏi tổng mức đầu tư dự án sẽ cho phép việc so sánh các chi phí, đơn giá xây dựng từng hạng mục công trình giữa các dự án, giúp giám sát chặt chẽ chi phí đầu tư xây dựng.

+ Khi quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể mới quyết định tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư sẽ góp phần đánh giá tổng thể hiệu quả phương án đầu tư và không thay đổi mức vốn đầu tư khi phân loại dự án.

+ Cho phép tạo dựng mặt bằng “sạch”, tạo quỹ đất để huy động nguồn lực ngoài xã hội tham gia đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, góp phần chỉnh trang đô thị, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; đồng thời giảm áp lực cho ngân sách của địa phương trong việc phải cân đối, bố trí phần vốn đầu tư xây dựng công trình trên đất.

- Tác động về mặt xã hội:

Đối với nhà nước:

+ Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án đầu tư được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

+ Vừa huy động được nguồn lực, sức mạnh của địa phương, vừa tăng cường, xác định rõ trách nhiệm cho địa phương và chủ đầu tư dự án trong việc thực hiện dự án.

Đối với doanh nghiệp, người dân:

+ Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án đầu tư sớm đi vào hoạt động.

+ Việc giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án đầu tư sẽ không bị ảnh hưởng do biến động giá đất khi dự án đầu tư triển khai, không làm tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, không gây mất bình đẳng giữa người dân nhận bồi thường trước và sau khi triển khai dự án.

- Tác động về vấn đề giới: giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới

- Tác động về thủ tục hành chính: thủ tục hành chính được thực hiện tương tự đối với trường hợp tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án đầu tư công độc lập đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm

A theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án Giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan.

+ Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đầu tư công năm 2019 nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “*thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Chính sách về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án; đất chưa được giải phóng mặt bằng

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Đối với các khu đất do Nhà nước quản lý trong trường hợp đầu tư các công trình ngầm có mục tiêu công cộng thì hiện tại có 3 hình thức lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án là Đấu giá quyền sử dụng đất; Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và đầu tư theo hình thức hợp tác công tư.

Đối với mỗi hình thức lựa chọn nhà đầu tư đều có những ưu điểm và hạn chế, cụ thể như phân tích tại bảng sau:

	Đấu giá	Đấu thầu	PPP
Ưu điểm	- Phù hợp với hiện trạng khu đất (đất công, không có yêu cầu GPMB)	- Có thể đặt ra yêu cầu cụ thể (đầu bài đối với việc thực hiện dự án).	- Phù hợp thực tiễn (đất của Nhà nước, vốn của Nhà đầu tư)

		- Luật Đấu thầu có quy định lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (Điều 26)	
Hạn chế	<p>- Khó khăn trong việc đặt ra yêu cầu đối với mục tiêu thực hiện của dự án vì về nguyên tắc đất bán đấu giá cho nhà đầu tư, nhà đầu tư có quyền thực hiện dự án theo nhu cầu của mình, nhà nước có thể quản lý bằng các chỉ tiêu quy hoạch.</p> <p>- Luật Đất đai có quy định về đấu giá quyền sử dụng đất, có quy định về việc sử dụng phần đất ngầm nhưng không có quy định về việc đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình ngầm.</p>	<p>- Luật Đấu thầu không có quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án ngầm.</p> <p>- Luật Đất đai quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thương mại, dịch vụ nhưng không quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án hỗn hợp trong đó có các mục đích thương mại (trung tâm thương mại) và mục đích công cộng (bãi đỗ xe bus).</p> <p>- Theo quy định của pháp luật về đấu thầu (Khoản 3 Điều 11 Nghị định 25/2020/NĐ-CP) quy định việc đấu thầu chỉ được thực hiện trong trường hợp không đủ điều kiện đấu giá (đất chưa được giải phóng mặt bằng). Trong trường hợp này, không có cơ sở rõ ràng để xác định dự án không đủ điều kiện để tổ chức đấu giá (lý do: phần đất phía trên đang là công viên do nhà nước quản lý, phần đất phía dưới là phần đất ngầm. Việc triển khai thực hiện dự án sẽ không phải thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng)</p> <p>+ Thành phố đã tổ chức lấy ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhận được ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1026/BKHĐT-QLĐT ngày 26/02/2021; trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến:</p> <p>“Trường hợp dự án xây dựng một tổ hợp nhiều hạng mục công trình với các công năng sử</p>	- Không phù hợp với các lĩnh vực đầu tư theo hình thức PPP do có cấu phần: thương mại – dịch vụ trong tổ hợp công trình (K1Đ4 Luật PPP)

		<p>dụng khác nhau như Dự án này, nhưng chỉ có một hạng mục đầu tư (khu thương mại, dịch vụ) được xác định là công trình thương mại, dịch vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, thì việc xác định cả Dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP là <u>chưa đủ cơ sở.</u>”</p>	
--	--	--	--

Như vậy, đối với các dự án thuộc diện này, hiện nay cả tổ chức đấu giá, đấu thầu hoặc thực hiện theo phương thức đối tác công tư đều có những vấn đề bất cập nhất định. Trong khi đó, nhu cầu của Thành phố trong việc thực hiện các dự án này là rất bức thiết, cần sớm có hướng để tháo gỡ.

- Thực tiễn hiện nay, đối với phần đất công nằm xen cài trong ranh khu đất chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư, theo quy định, sẽ thực hiện việc xử lý theo quy định tại Điều 40, 62, 69, 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, trong số các hình thức xử lý tài sản công quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không có hình thức xử lý để đưa ra đấu thầu.

- Do đó, việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đối với các khu đất công thuộc khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng sẽ không khả thi, gây lãng phí thời gian khi phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng cũng không thể thực hiện được việc đấu thầu theo quy định pháp luật. Chưa có cơ sở đảm bảo việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ đảm bảo sử dụng đất hiệu quả hơn so với phương án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt. Với số lượng dân số ngày càng tăng đã dẫn tới sự quá tải cả về hạ tầng đô thị như: nhà ở, giao thông đô thị và không gian công cộng đô thị... Quỹ đất xây dựng đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh đang ngày càng ít lại. Đứng trước vấn đề này, theo xu hướng mới ở Việt Nam và không mới đối với thế giới là phải tận dụng, khai thác và quản lý phát triển không gian ngầm có hiệu quả thì mới góp phần quản lý và phát triển đô thị hiện đại và bền vững. Cùng với việc đang hoàn thiện về quy hoạch không gian ngầm của Thành phố thì Thành phố cũng đang tập trung vào việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư các công trình ngầm; dự án sử dụng đất với nhiều mục tiêu, trong đó có mục tiêu kinh doanh và mục tiêu công cộng. Tuy nhiên, do xu hướng này chưa được phổ biến tại Việt Nam nên về cơ sở pháp lý để triển khai vẫn đang chờ bổ sung, sửa đổi, cập nhật để dần hoàn thiện. Do đó, Thành phố Hồ Chí Minh mong muốn có một cơ

chế đặc thù để thí điểm thực hiện, từ đó làm tiền đề, tạo động lực cũng như hành lang pháp lý cho việc thực hiện các dự án công trình ngầm khác của cả nước.

Sớm tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án cũng như giải quyết được việc sắp xếp, xử lý các khu đất công có trong ranh dự án theo quy định về Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với các khu đất công, tránh để khu đất thực hiện dự án bị hoang hóa, lãng phí hoặc quy hoạch treo ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân tại các khu vực này.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

- **Giải pháp 2:** Chính sách về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án; đất chưa được giải phóng mặt bằng.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Việc giữ như hiện trạng khiến cho các dự án thuộc diện này không thể triển khai thực hiện do các vướng mắc về pháp lý. Do đó, có tác động tiêu cực tới cả kinh tế, xã hội, và khiến hệ thống pháp luật cũng không đảm bảo được sự đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Trong trường hợp nhà nước mong muốn thực hiện dự án thì nếu có đưa các khu đất công ra sắp xếp lại, xử lý thì cũng phải lựa chọn hình thức bán đấu giá để thu tiền về cho ngân sách. Tuy nhiên, khả năng đấu giá thành công sẽ rất thấp vì các tổ chức, cá nhân khi tham gia đấu giá sẽ biết được ngay sau khi trúng đấu giá, khu đất có thể sẽ bị thu hồi để thực hiện dự án lớn theo quy hoạch ban đầu (dự án gồm phần đất công và phần đất của tổ chức, cá nhân khác).

+ Trong khi đó, nếu thực hiện theo cơ chế đặc thù này, giá trị phần đất của nhà nước cũng vẫn được xác định theo thị trường thông qua việc nhà đầu tư đề xuất giá trị M2 trong quá trình tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Việc xác định giá trị phần đất của nhà nước vẫn đảm bảo công khai, minh bạch, cạnh tranh tương tự như việc tổ chức đấu giá.

+ Bên cạnh đó, nếu xét về người sử dụng đất, trong trường hợp này nhà nước cũng chỉ là một người sử dụng đất tương tự như tổ chức, cá nhân khác trong ranh dự án. Việc chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án là xuất phát từ ý chí của nhà

nước nên việc nhà nước chấp nhận đất của mình bị thu hồi để thực hiện dự án với mức giá và cơ chế tương tự như đất của người dân, doanh nghiệp trong dự án là hợp lý. Mục tiêu cuối cùng là dự án được thực hiện thành công và giúp nhà nước, xã hội đạt được những lợi ích kinh tế, xã hội lớn hơn khi dự án được thực hiện thành công.

Nhà đầu tư được lựa chọn vẫn phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, tạo ra nguồn thu ngân sách, không làm thất thoát ngân sách nhà nước

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Việc cho phép thực hiện cơ chế này góp phần bổ sung một phần khuyết thiếu của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (vốn đang không có quy định về hình thức xử lý hợp lý đối với tài sản công trong các dự án cần đưa ra tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án).

+ Đảm bảo tính đồng bộ giữa quy định của Luật Đấu thầu, Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Luật Đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

+ Bên cạnh đó, theo Điểm b Khoản 4 Điều 128 Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi (Dự thảo ngày 30/12/2022):

“Điều 128. Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thông qua việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất

4. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

b) Trường hợp trong khu vực đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này có diện tích đất do Nhà nước quản lý thì diện tích đất do Nhà nước quản lý được đưa vào tổng diện tích đất để lập dự án và được Nhà nước thu hồi để giao, cho thuê cho nhà đầu tư thực hiện dự án không phải thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không phải đấu thầu dự án có sử dụng đất; ”

- Tác động về mặt xã hội: Giúp Thành phố giải được bài toán về cạn kiệt quỹ đất xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, trong đó đặc biệt là bãi đỗ xe tại khu vực trung tâm.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

(ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đấu thầu nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh

hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Bên cạnh đó, theo Điểm b Khoản 4 Điều 128 Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi (Dự thảo ngày 30/12/2022):

“Điều 128. Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thông qua việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất

4. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

b) Trường hợp trong khu vực đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này có diện tích đất do Nhà nước quản lý thì diện tích đất do Nhà nước quản lý được đưa vào tổng diện tích đất để lập dự án và được Nhà nước thu hồi để giao, cho thuê cho nhà đầu tư thực hiện dự án không phải thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không phải đấu thầu dự án có sử dụng đất; ”

Như vậy, trường hợp chấp thuận theo Phương án 2 thì sẽ đảm bảo phù hợp với nội dung dự kiến sửa đổi của Luật Đất đai trong thời gian tới.

Sớm giúp Thành phố tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư trên Thành phố (kéo dài qua rất nhiều năm). Đa phần đây là các dự án lớn (khu đô thị, trung tâm thương mại có diện tích lớn, ở vị trí đắc địa, trong nhiều trường hợp là cả một khu vực hoặc một ô phố...), một khi đi vào hoạt động góp phần nâng cao đời sống của người dân, giải quyết các nhu cầu an sinh xã hội. Đây nhanh quá trình đưa đất vào sử dụng, triển khai đầu tư dự án, hạn chế tối đa tình trạng hoang hóa, lãng phí đất trong quá trình sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

5. Cơ chế chính sách để đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) như: lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa; thực hiện BOT trên các tuyến đường hiện hữu; cho thực hiện trở lại phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

5.1. Xác định vấn đề bất cập trong đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư

a. Về lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa

Ngày 14 tháng 02 năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tại Điều 4 về lĩnh vực đầu tư và phân loại dự án có quy định dự án văn hóa và thể thao thuộc lĩnh vực được áp dụng thực hiện của Nghị định này.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (*thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP*). Theo đó, dự án thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao vẫn được quy định áp dụng thực hiện theo hình thức đối tác công tư.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Quốc hội ban hành Luật số 64/2020/QH14 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, tại Điều 4 – lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án không có dự án thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1014/QĐ-TTg về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 với quan điểm, mục tiêu *“Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao, mở rộng khả năng tiếp cận của các tầng lớp Nhân dân đối với các loại hình dịch vụ văn hóa và thể dục thể thao...”*.

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI đã chỉ đạo *“Tập trung đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao tiêu biểu, mang tầm vóc khu vực, tương xứng vai trò, vị trí của một đô thị đặc biệt và thành phố mang tên Bác. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, có chính sách khuyến khích, kêu gọi các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực hoạt động và xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, thể thao, tạo điều kiện tiếp tục phát triển các cơ sở văn hóa, thể thao ngoài công lập...”*

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, Bộ Chính trị có Kết luận số 14-KL/TW về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, chỉ đạo như sau: *“Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, khuyến khích cán bộ có tư duy sáng tạo, cách làm đột phá, tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung. Đề xuất đổi mới, sáng tạo của cán bộ phải báo cáo với người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị nơi công tác; được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thực hiện hoặc thực hiện thí điểm, bảo đảm không trái với Hiến pháp và Điều lệ Đảng...”*

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ đạo *“... Nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển văn hóa...”*

Ngày 10/6/2022, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo số 397/TB-VP về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Dương Anh Đức tại buổi họp nghe báo cáo về tình hình triển khai một số dự án trọng điểm ngành văn hóa và thể thao; theo đó *“Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các Sở ngành liên quan rà soát, tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Quốc hội (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14) về cơ chế đặc thù phát triển Thành phố Hồ*

Chí Minh, trong đó đề xuất cho phép Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất lĩnh vực văn hóa và thể thao theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư”.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có Kế hoạch số 124-KH/TU về thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung “Các ý tưởng sáng tạo, đột phá là của từng cá nhân hoặc của nhóm cá nhân phải được cấp có thẩm quyền thông qua và đồng ý về chủ trương, hỗ trợ về mọi mặt để tổ chức thực hiện; đối với các trường hợp bức thiết khẩn cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải đề xuất, báo cáo cấp thẩm quyền quyết định và chỉ đạo cụ thể.”

* Về thực tiễn:

Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng phát triển cơ sở vật chất của Ngành Văn hóa và Thể thao để đáp ứng yêu cầu phát triển; Thành phố đã kêu gọi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư¹¹.

Các dự án của Ngành Văn hóa và Thể thao đang trong quá trình triển khai thực hiện, hoàn chỉnh trình cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định. Tuy nhiên, tất cả dự án của Ngành đều dừng thực hiện do Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020 (Điều 4 – lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án) không cho phép các dự án mới thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao được áp dụng thực hiện.

Hiện nay, yêu cầu xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa và thể thao thành phố là rất cần thiết; trong khi nguồn vốn ngân sách đầu tư cho phát triển văn hóa và thể thao còn hạn chế. Theo nhu cầu phát triển cơ sở vật chất Ngành Văn hóa Thể thao giai đoạn 2021-2025 đề xuất gồm **53 dự án**. Tuy nhiên chỉ có **09 dự án** được ghi vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương từ nguồn dự phòng đầu tư công trung hạn), tổng vốn được bố trí là **3,619** tỷ đồng.

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hệ thống thiết chế ngành Văn hóa và Thể thao Thành phố đa năng, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế nhưng nguồn lực tài chính đầu tư còn thấp, trong khi cơ chế thực hiện đầu tư theo phương

¹¹ Một số dự án như:

- Khu phức hợp Trung tâm văn hóa nghệ thuật đa năng (số 30 Trần Hưng Đạo, Q1);
- Khu phức hợp Trung tâm Văn hóa thiếu nhi đa năng, Rạp chiếu phim (số 651 Trần Hưng Đạo, Q1);
- Khu nhà kho và dịch vụ triển lãm đa năng tại Bảo tàng Mỹ thuật;
- Khu trưng bày chuyên đề đa năng và phòng trải nghiệm cho học sinh – sinh viên tại Bảo tàng Lịch sử;
- Rạp Kim Châu số 15-17 Nguyễn Thái Bình, Q1;
- Các dự án thành phần trong Khu Liên hợp TDTT quốc gia Rạch Chiếc
- + Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Liên hợp TDTT quốc gia Rạch Chiếc;
- + Dự án Nhà thi đấu TDTT tổng hợp và thi đấu Futsal;
- + Dự án sân đua xe đạp lòng chảo và đường đua xe mô tô kết hợp sân bóng đá ngoài trời;
- + Dự án sân vận động 50.000 chỗ có bố trí đường chạy điền kinh;
- + Học viện Bóng đá;
- + Dự án Khu dịch vụ cho vận động viên, huấn luyện viên, chuyên gia và khách mời...

thức đối tác công tư không được áp dụng thực hiện. Đây là khó khăn rất lớn cho Ngành để đạt được mục tiêu đề ra.

b) Trong lĩnh vực hạ tầng đường bộ

Hệ thống đường bộ (gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong đó nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng, các tuyến Quốc lộ đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh rất cần mở rộng mặt cắt ngang theo quy hoạch, đầu tư đường trên cao trên các tuyến đường hiện hữu để đáp ứng nhu cầu lưu thông, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và giải quyết điểm nghẽn về hạ tầng giao thông góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, có một số vướng mắc như sau:

Vướng mắc quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) tại điểm d Khoản 5 Điều 101, quy định: “Dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT.”

Vướng mắc quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) khi thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT đã làm cho Thành phố gặp phải khó khăn trong việc huy động nguồn vốn ngoài ngân sách, thu xếp nguồn vốn triển khai đầu tư hoàn thiện các tuyến đường trục chính này trong bối cảnh ngân sách thành phố còn rất hạn hẹp. Cụ thể:

- Tại điểm b Khoản 9 Điều 3 về giải thích từ ngữ có quy định: “*Dự án PPP là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thông qua việc thực hiện một hoặc các hoạt động sau đây:*

...

b) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có;

...”

- Điểm Khoản 1 Điều 45 quy định: “1. Nhóm hợp đồng dự án áp dụng **cơ chế thu phí trực tiếp** từ người sử dụng hoặc tổ chức bao tiêu sản phẩm, dịch vụ công, bao gồm:

a) **Hợp đồng BOT** là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng, kinh doanh, vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó cho Nhà nước;”.

- Điểm Khoản 4 Điều 45 quy định: “4. Đối với dự án quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật này, **không áp dụng** loại hợp đồng thông qua **cơ chế thu phí trực tiếp** từ người sử dụng.”

Phần lớn các tuyến đường trục chính hiện hữu của Thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã có trong quy hoạch nhưng chưa được đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng

theo đúng quy mô quy hoạch được phê duyệt. Với quy định tại Khoản 4 Điều 45 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư nêu trên, việc đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng (không phải duy tu, sửa chữa) hoặc đầu tư đường trên cao các tuyến đường hiện hữu (*hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có*) theo đúng quy mô quy hoạch được duyệt là không được phép thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT.

Thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh:

Về hiện trạng hệ thống đường bộ của Thành phố, trong đó các tuyến đường trục chính đô thị, cửa ngõ, kết nối với các tỉnh lân cận và các tuyến Quốc lộ đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh đã được đầu tư và đang khai thác. Tuy nhiên quy mô hiện hữu chưa đáp ứng nhu cầu lưu thông và chưa được mở rộng theo lộ giới quy hoạch. Về Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2013, trong đó các tuyến đường trên cao (gồm 05 tuyến) dự kiến sẽ được đầu tư trên cơ sở các tuyến đường hiện hữu, khi đầu tư đường trên cao, đồng thời sẽ phải thực hiện mở rộng đường hiện hữu theo lộ giới quy hoạch đáp ứng bố trí tuyến đường trên cao theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn¹².

Về nguồn lực đầu tư: Trong bối cảnh khả năng cân đối ngân sách thành phố không thể đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nói chung và kết cấu hạ tầng giao thông nói riêng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn chế (Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thành phố thông qua bố trí cho lĩnh vực giao thông là 52.744 tỷ đồng, đạt 19,8% so với tổng nhu cầu vốn).

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để tăng cường huy động nguồn lực và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển văn hóa, đồng thời thực hiện nội dung **đột phá chiến lược** để huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: *“huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công – tư”*¹³.

¹² Thực tế trước khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai nhiều dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT (chủ yếu là các dự án đầu tư hạ tầng giao thông) theo các quy định trước đây tại Nghị định 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao, hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh, hợp đồng xây dựng – chuyển giao, Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.

¹³ *Đối với nội dung cơ chế đề xuất áp dụng hình thức Hợp đồng BOT, các dự án có thể xem xét như:*

- Quốc lộ 1 đoạn An Lạc đến ranh Long An: chiều dài 9,6km, hiện trạng MCN đường 19m (04 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy); Lộ giới theo Quy hoạch 120m; đầu tư quy mô MCN 52m (mở rộng từ 04 lên 08 làn xe); sơ bộ TMDT 12.876 tỷ đồng.

- Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 22 (đoạn từ nút giao An Sương đến đường Vành đai 3): hiện trạng MCN đường 37-39m (mặt đường 27-28m; vỉa hè mỗi bên 3-4m; dải phân cách giữa 3m), 04 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy; Lộ giới theo Quy hoạch 60m; quy mô đầu tư cải tạo, nâng cấp với chiều dài 9,1 km, rộng 39,5m, Xây dựng 02 cầu vượt trên Quốc lộ 22 tại nút Nguyễn Ảnh Thủ và nút Nguyễn Văn Bứa; sơ bộ TMDT 1.200 tỷ đồng.

Tạo điều kiện cho Thành phố có thể chủ động linh hoạt trong việc kêu gọi, triển khai các thủ tục đầu tư PPP nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đẩy mạnh hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng xã hội.

5.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế chính sách để đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) như: lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa; thực hiện BOT trên các tuyến đường hiện hữu; cho thực hiện trở lại phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** nếu đầu tư theo quy định hiện hành thì các thiết chế văn hóa của Thành phố thường sẽ được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách thành phố. Tuy nhiên do nguồn vốn hạn chế, Thành phố sẽ khó triển khai được các công trình dự án văn hóa thể thao có quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, việc triển khai đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách thành phố sẽ không tận dụng được kinh nghiệm, thế mạnh của các nhà đầu tư tư nhân trong việc quản lý, khai thác vận hành.

Hạn chế khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách Thành phố chưa đáp ứng. Hạn chế đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, tăng chi phí vận chuyển, giảm tính cạnh tranh hàng hóa.

- **Tác động về mặt xã hội:** khi số lượng thiết chế văn hóa ít, người dân ít cơ hội, mong muốn tham gia các hoạt động, phong trào thể dục thể thao, chưa nâng cao được sức khỏe và cải thiện đời sống tinh thần, chưa có điều kiện tham gia các hoạt

- Quốc lộ 13 đoạn nội thành đến ranh Bình Dương: chiều dài 5,8km, hiện trạng MCN đường 19m (04 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy); Lộ giới theo quy hoạch 40-60m; đầu tư quy mô MCN theo quy hoạch; sơ bộ TMĐT 12.192 tỷ đồng.

- Trục đường Bắc – Nam (đường Âu Cơ – KCN Hiệp Phước): chiều dài 26,8km, hiện trạng MCN đường 18-24m (mặt đường 10-16m; vỉa hè mỗi bên 3-4m), 02 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy; Lộ giới theo quy hoạch 40-60m; đầu tư quy mô MCN theo quy hoạch 40-60m; sơ bộ TMĐT 54.204 tỷ đồng

- Các tuyến đường trên cao số 1, 5 (đi trên các tuyến đường hiện hữu), với tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 32.905 tỷ đồng.

- Dự án Đầu tư xây dựng cầu đường Bình Tiên (một đoạn mở rộng đường Bình Tiên hiện hữu), với tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 6.500 tỷ đồng.

Đối với nội dung cơ chế áp dụng hình thức hợp đồng BT, các dự án có thể xem xét như:

- Dự án Xây dựng cầu Cần Giờ. Tổng mức đầu tư dự kiến: 12.500 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 2.500 tỷ đồng).

- Dự án xây dựng cầu đường Nguyễn Khoái. Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.812 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 593 tỷ đồng).

- Dự án Nâng cấp mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (đoạn từ nút giao An Phú đến đường Vành đai 2). Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.124 tỷ đồng (không phải thực hiện BTGPMB).

- Dự án Mở rộng đường dẫn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương (đoạn Bình Thuận - Chợ Đệm và Tân Tạo - Chợ Đệm). Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.351 tỷ đồng (không phải thực hiện BTGPMB).

- Dự án Mở rộng đường Ung Văn Khiêm và xây dựng nút giao Đài Liệt Sỹ Tổng mức đầu tư dự kiến: 3.196 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 2.600 tỷ đồng).

- Dự án Xây dựng nút giao thông Ngã tư Bốn Xã. Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.727 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 1.536 tỷ đồng).

động thể thao với chất lượng dịch vụ tốt, đa dạng, chuyên nghiệp. Hệ thống hạ tầng văn hóa, xã hội, giao thông vận tải bị quá tải không đáp ứng nhu cầu xã hội, hưởng thụ đời sống văn hóa, nghệ thuật của người dân.

Hạn chế khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại và các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

- **Tác động về vấn đề giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về vấn đề giới:** không ảnh hưởng và tác động về vấn đề giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không thay đổi thủ tục hành chính.

- **Tác động đối hệ thống pháp luật:** không làm thay đổi hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:**

+ Tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư PPP lĩnh vực văn hóa, thể thao đối với các công trình có quy mô lớn, có thể đáp ứng được các sự kiện thể thao quốc tế. Khi có sự tham gia của nhà đầu tư tư nhân, của xã hội vào các dự án, công trình công trong lĩnh vực thể thao, văn hóa thì việc đầu tư sẽ phù hợp với thực tế, công tác quản lý vận hành sẽ đạt được kết quả tốt hơn và Nhà nước không chịu rủi ro hỗ trợ ngân sách. Với số lượng dự án lĩnh vực thể thao văn hóa đang được đề xuất, nếu kêu gọi thành công theo hình thức PPP sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế TPHCM nói chung và cả nước nói riêng. Thông qua việc giao khối tư nhân khai thác, vận hành dưới sự quản lý của Thành phố, nhiều công trình thể thao, nhà hát, bảo tàng... đang xuống cấp có thể được đầu tư mới hoặc cải tạo sửa chữa theo hình thức Hợp đồng PPP phù hợp (O&M, BTL/BLT), tạo điều kiện để nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng thu ngân sách thông qua việc cung cấp dịch vụ đa dạng.

+ Tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư PPP. Tại thành phố Hồ Chí Minh, trong giai đoạn 2015 - 2017, Thành phố đã kêu gọi nhiều dự án đầu tư và hoàn tất đàm phán ký kết 04 Hợp đồng BT với tổng mức đầu tư là 14.736 tỷ đồng thuộc lĩnh vực giao thông, môi trường, hạ tầng kỹ thuật.

Triển khai được ngay để đầu tư các dự án trọng điểm, cấp bách trong giai đoạn ngân sách thành phố còn hạn chế, phát huy hiệu quả đầu tư ngay khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, không phụ thuộc vào khả năng cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025, không chờ vốn từ đấu giá quỹ đất, không chờ bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất; ngoài ra, quỹ đất sạch của Thành phố hiện nay là rất hạn chế.

Tăng khả năng huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng số vốn đầu tư dự kiến cho 03 dự án đề xuất

áp dụng cơ chế này khoảng 30.500 tỷ đồng, trong bối cảnh nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn chế. Tăng khả năng đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, thúc đẩy rút ngắn thời gian di chuyển, tăng năng suất, khối lượng hàng hóa lưu thông, tiết kiệm chi phí vận chuyển, tăng tính cạnh tranh hàng hóa.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, coi thể dục thể thao là công cụ hữu hiệu để nâng cao sức khỏe, thể lực tâm vóc, chất lượng cuộc sống của nhân dân và đẩy lùi dịch bệnh, nâng cao sức khỏe cho cộng đồng để vận động toàn dân tích cực tập luyện thể dục thể thao và thường xuyên tổ chức các sự kiện thể thao từ phong trào đến thành tích cao; các giải thể thao giành cho người khuyết tật, người cao tuổi, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên. Nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bổ sung các địa điểm tổ chức các hoạt động giao lưu, sáng tạo văn hóa và thụ hưởng về văn hóa từ các công trình văn hóa thể thao. Từ đó cộng đồng, người dân có thể thấm thụ được hệ giá trị quốc gia và các giá trị văn hóa.

+ Xây dựng được nhiều công trình có kiến trúc đẹp, phục vụ nâng cao mỹ quan chung của Thành phố. Góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bổ sung các địa điểm tổ chức các hoạt động giao lưu, sáng tạo văn hóa và thụ hưởng về văn hóa từ các công trình văn hóa thể thao. Từ đó cộng đồng, người dân có thể thấm thụ được hệ giá trị quốc gia và các giá trị văn hóa.

+ Giải quyết nhu cầu lưu thông, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và giải quyết điểm nghẽn về hạ tầng giao thông góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các tỉnh lân cận.

Trong quá trình nghiên cứu xác định danh mục dự án áp dụng cơ chế, Thành phố sẽ tổ chức thực hiện lấy ý kiến đồng thuận của người dân, sẽ có trường hợp người dân không đồng tình ủng hộ về xác định đối tượng chịu phí, mức phí, vị trí đặt trạm thu phí,...những nội dung này, Sở Giao thông vận tải căn cứ mức độ đồng thuận, nội dung chưa đồng thuận của người dân, tham mưu báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xác định danh mục dự án, giải pháp tổ chức thực hiện và thông tin giải thích để người dân bị ảnh hưởng hiểu, chia sẻ và đồng thuận trước khi tổ chức triển khai thực hiện.

- Tác động về vấn đề giới: Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm thay đổi thủ tục hành chính về tổ chức triển khai dự án đã được quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Chỉ mở rộng đối tượng áp dụng hình thức Hợp đồng BOT theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Có thể rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư PPP thông qua bằng hình thức đấu giá kết hợp đánh giá năng lực.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan, đề cao tính phân cấp, phân quyền mạnh mẽ đến các địa phương. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật PPP nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Phạm vi áp dụng nội dung cơ chế, chính sách chỉ xác định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trường hợp cơ chế thí điểm được áp dụng hiệu quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sẽ là mô hình được nhân rộng và sẽ là cơ sở cập nhật, điều chỉnh đối tượng áp dụng của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

II. Cơ chế, chính sách về tài chính ngân sách

Trong lĩnh vực Tài chính ngân sách đề xuất 9 nội dung. Một số nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 tiếp tục đề xuất thực hiện bao gồm Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 7 và Khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Cơ chế cho phép ban hành Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định:

Nội dung này đề xuất lại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 về Quản lý tài chính – ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Cụ thể như sau:

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Theo quy định tại Điều 21 Luật Phí và Lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền: (1) Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền; (2) Xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Phí và Lệ phí: Giữa hai kỳ họp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước: Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các loại thuế.

Hiện nay, có một số loại phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 như: thu phí đậu đỗ xe ô tô, thu phí các loại phương tiện cơ giới cá nhân tham gia lưu thông vào khu vực

trung tâm... nên việc đề xuất Quốc hội cho phép Thành phố Hồ Chí Minh được chủ động, linh hoạt trong thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn sẽ tạo điều kiện cho Thành phố:

- Phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô của chính sách phí, lệ phí;

- Thực hiện tái phân phối thu nhập xã hội tốt hơn cho nền kinh tế để bảo đảm phát triển cân bằng, hài hòa, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Động viên, khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh đối với những ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển và có thế mạnh.

- Tăng khả năng huy động nguồn thu đóng góp cho ngân sách nhà nước từ một số ngành, lĩnh vực có tăng trưởng tốt, tạo dư địa nguồn lực tài chính bổ sung cần thiết đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi của Thành phố.

Nội dung này, Quốc hội đã đồng ý cho Thành phố Hồ Chí Minh (tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017). Tiếp theo đó, Quốc hội đã đồng ý cho một số địa phương như thành phố Hà Nội (tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội), thành phố Đà Nẵng (tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội), thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội) áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự.

Qua quá trình thực hiện, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018, Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 điều chỉnh mức thu của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018). Theo báo cáo tổng kết Nghị quyết số 54/2017/QH14, song song với việc ban hành chính sách thu, Thành phố tổ chức tập huấn, tuyên truyền các quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho toàn bộ các cơ sở sản xuất, chế biến, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố để giúp cơ sở nắm bắt và thực hiện đúng các quy định, tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, mức độ ảnh hưởng không lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường. Tổng số thu từ các doanh nghiệp do Thành phố quản lý (khoảng 2.500 doanh nghiệp) được nộp đầy đủ vào ngân sách địa phương (lũy kế đến tháng 3 năm 2022 đã thu là 132.595.502.331 đồng).

Việc ban hành các loại phí, lệ phí chưa được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã được Thành phố quan tâm, thường xuyên theo dõi để kịp thời báo cáo, đề xuất. Thành phố đã xem xét đề xuất về thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng cho tất cả các loại hình đăng ký đất đai thuộc danh mục do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành (gồm nhiều loại hình ngoài chuyển nhượng) và thu phí tạm giữ tang vật, phương

tiện vi phạm hành chính tại các kho, bãi được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên Thành phố đã tạm dừng việc xem xét các đề xuất này.

1.1.2. Liên quan đến cơ chế, chính sách này, Thành phố hiện đang áp dụng điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, cụ thể:

- Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (*Hiện nay là, Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND*), theo đó mức về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp **tăng 5-6 lần** so với thu theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP¹⁴. Tính từ thời điểm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành) đến tháng 3 năm 2022, tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là 132,6 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền thu phí được nộp 100% vào Ngân sách địa phương. Việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường.

Tuy nhiên, ngày 05 tháng 5 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, tuy nhiên, mức thu vẫn còn thấp, chưa công bằng đối với các cơ sở xả thải, nhất là với các cơ sở có lưu lượng xả thải lớn. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu điều chỉnh mức phí bằng việc tiếp tục sử dụng hệ số K trong tính mức thu phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND).

Sau 05 năm thực hiện đã góp phần đáng kể trong việc thay đổi nhận thức, tu dưỡng và định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Về mặt tăng thu ngân sách nhà nước, tổng số thu tăng thêm cho ngân sách Thành phố khoảng 132,6 tỷ đồng (trong khoảng thời gian phòng,

¹⁴ Hằng quý, phát hành thông báo phí (theo hệ số K và phí biến đổi Cq) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình từ 5 m3/ngày đêm trở lên. Hằng năm, phát hành thông báo phí cố định (1.500.000 đồng/năm) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình dưới 5m3/ngày đêm. Định kỳ thực hiện thẩm định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm có trong nước thải để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, tổng hợp, thống kê, rà soát danh sách các đối tượng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, tổng số cơ sở đang thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố là 2.710 cơ sở; trong đó có 17 cơ sở là chủ đầu tư hạ tầng của 17 khu công nghiệp/khu chế xuất/khu công nghệ cao, 13 cơ sở xử lý chất thải rắn (bổ sung theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND) và 2.680 cơ sở ngoài khu công nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất ô nhiễm phải xử lý. Ngày 09/12 /2021, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND

chống dịch bệnh thì thu khoảng 30 tỷ đồng).

Đến nay, Thành phố vẫn đang tiếp tục rà soát, đề xuất ban hành nội dung liên quan cơ chế này. Chẳng hạn, Thành phố đã xây dựng, hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu liên quan và dự kiến báo cáo, xin ý kiến Thành ủy trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành điều chỉnh mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phí đăng ký giao dịch bảo đảm khi thực hiện chứng nhận đăng ký đối với biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại các cơ quan nhà nước.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Kế thừa từ những kết quả đạt được, cũng như để bảo đảm tính linh hoạt, giúp Thành phố Hồ Chí Minh chủ động hơn trong việc thực hiện chính sách phí, lệ phí, vừa phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết vĩ mô, tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, vừa tăng cường khả năng điều chỉnh, khuyến khích hành vi, dẫn dắt đầu tư sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố, tạo dư địa tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố.

1.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2: Cho phép ban hành Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định (tiếp tục thực hiện như quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14).

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc theo dõi, đánh giá, đề xuất ban hành chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố, từ đó thúc đẩy, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước (tăng thêm hơn 130 tỷ đồng), tạo dư địa tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố. Bên cạnh đó, tác động đến ý thức của một bộ phận chủ thể của khoản phí, lệ phí được ban hành để thay đổi hành vi theo hướng tích cực hơn.

- Tác động về mặt xã hội:

Bảo đảm tính linh hoạt, chủ động trong chính sách phí, lệ phí để thực hiện tốt hơn vai trò điều tiết, tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, bảo đảm phát triển cân bằng, hài hòa, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh

thần của nhân dân. Nâng cao ý thức, điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực đối với đối tượng được tác động theo chính sách phí, lệ phí.

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Cơ chế cho phép Thành phố linh hoạt trong việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ:

Cơ chế nêu trên đã được quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Tại điểm b khoản 4 Điều 19 (*Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội*) Luật NSNN quy định:

“Điều 19:

...

4. Quyết định dự toán ngân sách nhà nước:

...

b) *Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ;*”

- Tại điểm c khoản 1 Điều 30 (*Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp*) Luật NSNN quy định:

“1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình

thực tế tại địa phương, quyết định:

...

c) Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ;”

- Quy định này chưa thể tạo sự chủ động của Thành phố:

Theo Nghị quyết của Trung ương yêu cầu chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề phải đảm bảo tối thiểu 20% tổng chi NSNN; Luật Khoa học và công nghệ yêu cầu bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi NSNN. Để thực hiện quy định Nghị quyết của Đảng, Luật Khoa học và công nghệ và Luật Ngân sách Nhà nước, khi Quốc hội quyết định dự toán mức chi cho các lĩnh vực nêu trên cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Hội đồng nhân dân Thành phố không được quyết định mức chi của các lĩnh vực này thấp hơn.

Do đó, tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội đã cho phép Thành phố: “*Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ*” thì Hội đồng nhân dân Thành phố có thể quyết định các lĩnh vực này cao hơn hoặc thấp hơn mức Quốc hội quyết định, nhưng phải đảm bảo quy định theo hướng Nghị quyết của Đảng, Quốc hội ưu tiên trong phân bổ ngân sách Thành phố cho các lĩnh vực này phù hợp với yêu cầu thực tế của Thành phố. Qua thời gian thực hiện, Thành phố đã đảm bảo bố trí dự toán chi các khoản chi theo đúng định hướng như sau:

Năm	Các lĩnh vực chi	Tỷ trọng	
		TW giao	TPHCM phân bổ
2018	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,5%	30,9%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	2,0%
2019	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,7%	35,1%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	3,9%
2020	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,8%	34,3%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,6%	2,9%
2021	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,8%	35,8%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,6%	2,9%
2022	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	34,7%	30,1%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	4,4%
2023	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	34,7%	35,0%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,4%	2,7%

Theo đó, giai đoạn 2018 – 2023, dự toán ngân sách Thành phố phân bổ hằng năm đều đảm bảo định hướng bố trí dự toán cho các lĩnh vực: tối thiểu 20% đối với giáo dục, đào tạo và dạy nghề và tối thiểu 2% đối với khoa học công nghệ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Theo Nghị quyết số 31-NQ/TW, Bộ Chính trị đã định hướng cơ chế đặc thù cho Thành phố như sau:

“Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực: Quản lý đầu tư; tài chính - ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên môi trường; quản lý văn hoá và trật tự xã hội; tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”.

Thành phố đề xuất giữ nguyên quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, quy định:

“Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

Giải pháp 1: Không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội hết hiệu lực.

Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Thành phố linh hoạt trong việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14, hằng năm, Thành phố đã bố trí dự toán chi ngân sách chặt chẽ, chủ động, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo đúng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành; tạo sự chủ động cho Thành phố Hồ Chí Minh trong việc sử dụng nguồn lực được phân cấp để thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Tác động về mặt xã hội:

Thuận lợi cho việc quản lý, điều hành dự toán của Thành phố Hồ Chí Minh; chủ động bố trí dự phòng ngân sách để xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Góp phần phục vụ đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

- Tác động về vấn đề giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Ảnh hưởng đến tính đồng bộ, thống nhất giữa chính sách với quy định của Luật NSNN; Điều 19 Luật NSNN quy định: Quốc hội quyết định Tổng số chi NSNN, bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ.

+ Tuy nhiên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản QPPL “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

3. Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương và cho phép sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương:

Cơ chế nêu trên đã được quy định tại khoản 6 Điều 5 tại Nghị quyết số 54/2017/QH14.

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Qua thời gian hơn 4 năm triển khai thực hiện cơ chế sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo khả năng cân đối và nhu cầu sử dụng của Thành phố tại khoản 6 Điều 5 tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 đã góp phần tháo gỡ một số vướng mắc của Thành phố về chính sách tiền lương và thu nhập hiện hành; tạo động lực để các đơn vị, địa phương rà soát, sắp xếp, khai thác nguồn lực để bổ sung nguồn cải cách tiền lương. Cụ thể:

a) Về chi thu nhập tăng thêm:

Chính sách chi thu nhập tăng thêm được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với khả năng cân đối của Thành phố. Với mật độ dân số của Thành phố rất cao như hiện nay, tỷ lệ người dân mà mỗi công chức phải phục vụ là cao nhất cả nước, cường độ làm việc rất lớn, đặc biệt trong giai đoạn chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế-xã hội sau dịch, áp lực càng tăng cao, việc triển khai thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức, là một cơ chế đã tạo được động lực góp phần giảm bớt khó khăn, cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức; khơi gợi tinh thần lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc, củng cố và nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước trên các lĩnh vực, giúp Thành phố đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua.

b) Về việc thực hiện quy định tỷ lệ trích lập:

Từ khi thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 đến nay, do tác động của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình kinh tế, xã hội nên chưa phát sinh nguồn thu lớn như kỳ vọng; vì vậy, các đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện trích lập theo quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính.

c) Về sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố; cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách và chi thu nhập tăng thêm:

Qua thực tiễn từ năm 2018 đến năm 2022 và dự toán năm 2023 ngân sách Thành phố vẫn bổ sung dự toán chi thường xuyên (nguồn cải cách tiền lương của Thành phố) cho ngân sách cấp dưới để thực hiện chính sách chi thu nhập tăng thêm nên ngân sách cấp dưới không có nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình.

Riêng năm 2022, trên cơ sở đề nghị của huyện Hóc Môn khi rà soát, đánh giá nguồn cải cách tiền lương của đơn vị cam kết đủ đảm bảo chi trả kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm, ngân sách Thành phố không phải bổ sung; Huyện Hóc Môn đã kiến nghị cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi đầu tư phát triển (Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 về chủ trương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện Hóc Môn).

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung định hướng tại nội dung số 6, mục III về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: *“Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển. Giữ tỉ lệ điều tiết ngân sách Thành phố theo mức hiện nay đến hết năm 2025 và tiếp tục giữ ở mức không thấp hơn trong các năm tiếp theo, tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm và nâng cao phúc lợi của người dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”*.

3.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2: Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương và cho phép sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Với mức chi trả chưa tương xứng với yêu cầu công việc, chưa bù đắp được chi phí sinh hoạt thì Thành phố khó giữ chân được lớp cán bộ, công chức, viên chức trẻ, giỏi và ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành kinh tế - xã hội của Thành phố. Bên cạnh đó, Thành phố sẽ chưa chủ động nguồn lực để cân đối cho các nội dung chi về

đầu tư phát triển, các đơn vị chưa có động lực phấn đấu tăng thu để được sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tác động về mặt xã hội:

Chưa giải quyết vấn đề bức xúc của người cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách, chưa tạo được động lực cống hiến, chưa bù đắp được nhu cầu chính đáng được hưởng thụ về đời sống vật chất, tinh thần sau giờ làm việc. Thu nhập thấp gây ảnh hưởng lớn đến quyết định gắn bó công việc, đặc biệt là những người phải gánh vác nhiệm vụ nuôi dưỡng gia đình.

- Tác động về vấn đề giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Chủ động nguồn lực của Thành phố trong việc sử dụng nguồn lực được phân cấp để thực hiện nhiệm vụ của Thành phố. Thành phố tiếp tục được chủ động nguồn lực để cân đối cho các nội dung chi về đầu tư phát triển, các đơn vị chưa có động lực phấn đấu tăng thu để được sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tác động về mặt xã hội:

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương; góp phần tập trung cống hiến, phát triển, gắn kết, gắn bó, ổn định với công việc và cũng là chìa khóa để Thành phố có thể thu hút, giữ chân, đào tạo lớp cán bộ, công chức, viên chức trẻ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tiếp tục sự nghiệp phát triển địa phương, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

- Tác động về vấn đề giới: Không có

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản QPPL: “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định:

...

b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;”.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Trường hợp được Quốc hội thông qua chính sách, Thành phố tiếp tục rà soát, hướng dẫn việc trích lập nguồn cải cách tiền lương của Thành phố và của các đơn vị sự nghiệp công trên địa bàn, tính toán lộ trình chi thu nhập tăng thêm phù hợp với khả năng nguồn lực; củng cố quy định đánh giá hiệu quả công việc để làm cơ sở chi trả. Tại địa phương, sẽ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung đánh giá hiệu quả công việc hàng quý để việc chi trả thu nhập tăng thêm tiếp tục là động lực, thu hút, giữ chân nguồn nhân lực của Thành phố.

4. Cơ chế cho phép Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài, trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp

4.1. Xác định vấn đề bất cập:

a) Về hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương:

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, mức dư nợ vay của ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh được cho phép tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Thời điểm năm 2022, dư nợ vay của Thành phố được theo dõi là 28.538 tỷ đồng, khoảng 32% số thu được hưởng theo phân cấp của ngân sách Thành phố. Theo số thu ngân sách Nhà nước được phân cấp cho Thành phố năm 2022 là 89.739 tỷ đồng thì hạn mức dư nợ theo tỷ lệ 90% số thu là 80.765 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Thành phố dự kiến triển khai thêm một số dự án đến năm 2030 như tuyến Metro số 2 (Bến Thành – Tham Lương) khoảng 47.890 tỷ đồng, tuyến Metro số 5 (ngã tư Bảy Hiền – cầu Sài Gòn, giai đoạn 1) khoảng 38.276 tỷ đồng và khoảng 14.630 tỷ đồng đối với giai đoạn 2,..., Dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát: nhu cầu vốn vay là 6.678 tỷ đồng, Dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn: nhu cầu vốn vay là 6.961 tỷ đồng,... Tổng nhu cầu vay là khoảng 92.020 tỷ đồng. Theo đó, dự kiến từ năm 2023 đến năm 2026, mức dư nợ hằng năm sẽ tăng từ 31.690 tỷ đồng lên 83.015 tỷ đồng. Trong khi đó, với mức dư nợ vay là 90% như hiện nay, hạn mức dư nợ vay tối đa của Thành phố năm 2026 là 93.527 tỷ đồng (90% của số ước thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2026 là 103.919 tỷ đồng) – tức là từ sau năm 2026 thì Thành phố không còn bảo đảm hạn mức dư nợ vay để vay tiếp.

Về nghĩa vụ trả nợ, Thành phố thực hiện thanh toán trả nợ (nợ gốc, lãi và các khoản phí) đầy đủ, đúng hạn, không để phát sinh nợ quá hạn, đảm bảo nghĩa vụ nợ theo cam kết, đảm bảo uy tín đối với các nhà đầu tư. Trong giai đoạn 2017 – 2021, tổng số trả nợ vay của Thành phố là 14.224,544 tỷ đồng. Tỷ lệ thanh toán nghĩa vụ đến hạn trong năm của Thành phố so với số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp qua các năm dao động ở mức từ 2,49% đến 3,84%. Theo tính toán,

đến năm 2025, với mức dư nợ là 64.611 tỷ đồng, nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí của Thành phố ở mức 2.140 tỷ đồng và bằng 2,16% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Đến năm 2030, với mức dư nợ là 156.631 tỷ đồng, nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí của Thành phố ở mức 5.000 tỷ đồng và bằng 4,1% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Bên cạnh việc phát huy các chính sách, cơ chế thu như đề xuất tại Nghị quyết này, Thành phố sẽ sắp xếp các nội dung, nhiệm vụ chi, siết chặt kỷ luật ngân sách nhà nước, để bảo đảm nguyên tắc ưu tiên bố trí đầy đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đến hạn của Thành phố.

Để Thành phố có thêm dư địa được vay và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động huy động nguồn lực để đầu tư, thay vì hỗ trợ từ ngân sách trung ương thì việc đề xuất Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù cho phép nâng mức nợ vay của ngân sách Thành phố lên 120% là cần thiết đáp ứng được nhu cầu huy động nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Thành phố. Căn cứ tiềm năng, lợi thế phát triển, dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước, Thành phố sẽ xây dựng các giải pháp để bảo đảm được khả năng hấp thụ nguồn vốn vay cũng như đáp ứng được nghĩa vụ trả nợ vay của ngân sách Thành phố theo hạn mức dư nợ vay đề xuất là 120% và vẫn đảm bảo quy định tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hàng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tăng mức dư nợ vay đối Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 54/2017/QH14), thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ, thành phố Hải Phòng và tỉnh Thanh Hóa.

b) Về tính chủ động điều hành vay của địa phương trong quá trình thực hiện dự toán hàng năm:

Theo Luật quản lý nợ công thì tổng mức vay của địa phương được phân loại theo nguồn vay gồm vay trong nước và nguồn vay của Chính phủ vay về cho vay lại. trong giai đoạn 2017 – 2021, tổng số vốn vay của Thành phố là 16.202,642 tỷ đồng; trong đó, vay từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là 4.800 tỷ đồng với các kỳ hạn 15 năm, 20 năm và 30 năm và vay lại từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ là 11.402,642 tỷ đồng. Có thể thấy, việc vay nợ của Thành phố tập trung vào việc vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ (chiếm tỷ lệ 70% trong tổng số vốn vay của Thành phố). Cơ cấu nợ vay của Thành phố chưa đa dạng, còn phụ thuộc vào nguồn vốn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, tiềm ẩn khả năng rủi ro về tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất v.v..., nhất là khi điều kiện vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài ngày càng tiệm cận với điều kiện thương mại và kém ưu đãi hơn so với trước đây.

Bên cạnh đó, Thành phố là địa phương có thị trường vay trong nước qua nhiều năm; cụ thể, Thành phố đã phát hành thành công 4.800 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương với các kỳ hạn 15 năm, 20 năm và 30 năm. Việc phát hành thành công các kỳ hạn nêu trên một mặt đã góp phần hỗ trợ cân đối nhu cầu vốn dài hạn của ngân sách Thành phố với mức lãi suất phát hành ngày càng giảm (chẳng hạn, lãi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm của Thành phố năm 2020 là 3,75%), qua đó tiết kiệm chi phí cho ngân sách Thành phố và giảm áp lực cho ngân sách Thành phố

trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn để trả nợ; về mặt khác, Thành phố cũng duy trì được kênh huy động vốn dài hạn trong nước.

Tuy nhiên, việc giải ngân vốn nguồn vay của Chính phủ về cho vay lại phụ thuộc nhiều vào tiến độ dự án và các thủ tục kèm theo nên chưa bảo đảm sử dụng hết số bội chi ngân sách Thành phố được Quốc hội giao; trong khi đó, do định hướng ưu tiên giải ngân hết nguồn vốn vay nước ngoài nên có giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh không được giao dự toán vay trong nước; điều này đã ảnh hưởng đến khả năng chủ động điều hành ngân sách của Thành phố cũng như duy trì kênh huy động vốn dài hạn trong nước với lãi suất phù hợp.

Vì vậy, Thành phố nhận thấy cần có cơ chế cho phép Thành phố trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tiến độ giải ngân của các chương trình, dự án sử dụng nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại và khả năng vay, Hội đồng nhân dân Thành phố được giảm nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại và tăng nguồn vay trong nước nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

Một cách khái quát, Thành phố đề xuất cơ chế: hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân Thành phố được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Về bổ sung hình thức nguồn vay trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại; nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại, Thành phố được vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố:

Theo Luật Quản lý nợ công năm 2017, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ để phục vụ cho chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương. Các chương trình, dự án này được xác định nguồn vốn là vốn vay ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và thuộc phương thức hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia.

Xuất phát từ thực trạng sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi đối với dự án vẫn còn phát sinh vấn đề giải ngân chưa bảo đảm tiến độ dự kiến, Thành phố nhận thấy cần thiết bổ sung hình thức sử dụng vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung, khoản hỗ trợ được chuyển trực tiếp vào ngân sách địa phương và được sử dụng để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố.

Bên cạnh đó, cơ cấu nợ công của Thành phố có cơ cấu nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ cao nên chưa bảo đảm tính an toàn nợ công do các tác động bởi các yếu tố tỷ giá, lãi suất. Thành phố đề xuất thêm hình thức: nguồn vay trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại vừa để giảm chi phí đi vay, vừa để tái cơ cấu nợ công của Thành phố.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính an toàn, bền vững: “*hoàn thiện thể chế, đặc biệt là các chính sách, công cụ, bộ máy quản lý nợ công*”; bám sát quan điểm chủ đạo của Chiến lược nợ công quốc gia đến năm 2030 tại Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*quản lý nợ công chặt chẽ là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị sử dụng vốn; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng vốn vay, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, vai trò chủ động của ngân sách địa phương*”.

Tạo điều kiện cho Thành phố huy động trước nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, bảo đảm an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để Thành phố tiếp tục phát huy vai trò theo định hướng được đề ra.

4.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài, trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Chưa tạo đủ dư địa tài chính cần thiết để Thành phố cân đối nhu cầu huy động nguồn lực xây dựng và phát triển Thành phố. Dư nợ tập trung lớn ở vay nước ngoài, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Thành phố do rủi ro tỷ giá, lãi suất,...

- Tác động về mặt xã hội:

Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Tác động về vấn đề giới: không có sự tác động, phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Áp dụng chính sách nêu trên sẽ tạo điều kiện cho Thành phố huy động được thêm, đa dạng hơn nguồn lực đầu tư và chủ động điều hành; phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập trung giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối của Thành phố.

- Tác động về mặt xã hội: tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- Tác động về vấn đề giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Thành phố sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lựa chọn phương thức triển khai phù hợp về vay, đẩy mạnh khả năng hấp thụ - giải ngân vốn vay của Thành phố, phối hợp với Bộ Tài chính để có cách thức giao dự toán ngân sách nhà nước về vay của Thành phố phù hợp với đề xuất được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Cơ chế cho phép bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố

Cơ chế đã được quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14.

5.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo Luật Ngân sách Nhà nước (khoản 4 Điều 59):

“4. Thuởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách:

a) Trường hợp ngân sách trung ương tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách

trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 30% của số tăng thu thường cho các địa phương có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

Căn cứ vào mức thường do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thường vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thường cho ngân sách cấp dưới”.

Hiện nay, Thành phố đang áp dụng quy định các cơ chế về thường vượt thu theo khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh: “*Hàng năm, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; số bổ sung có mục tiêu không cao hơn số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước”.*

Qua thời gian thực hiện, Thành phố đã đạt được các kết quả như sau:

Hàng năm, Thành phố luôn phân đầu nuôi dưỡng nguồn thu để có thêm nguồn lực chi đầu tư phát triển từ số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% theo quy định. Trên cơ sở kết quả thu ngân sách năm 2019, 2021, UBND Thành phố đã báo cáo Bộ Tài chính trình Chính phủ đề xuất Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố từ nguồn vượt thu ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố của năm 2019 và năm 2021, cụ thể:

Tại Công văn số 568/UBND-KT ngày 25 tháng 02 năm 2022, UBND Thành phố đề nghị Bộ Tài chính thường vượt thu và thực hiện bổ sung có mục tiêu từ nguồn vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố theo Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Nghị quyết số 54/2017/QH14 với tổng số tiền là 3.057.652 triệu đồng.

Tại Công văn số 6961/BTC-NSNN ngày 19 tháng 7 năm 2022 về thường vượt dự toán thu phân chia giữa NSTW và NSDP và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2021, Bộ Tài chính thông báo cho Ủy ban nhân dân Thành phố: “*Bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022 cho ngân sách địa phương số tiền 1.654 tỷ đồng*”. Trên cơ sở số bổ sung này, Thành phố đã nhanh chóng triển khai rà soát và bố trí cho các dự án đầu tư công của Thành phố theo quy định.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung định hướng tại nội dung số 6, mục III về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển*”.

Trong điều kiện tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương ngày càng tăng. Trong khi đó, nhu cầu chi đầu tư của Thành phố ngày càng tăng để cải thiện cơ sở hạ tầng, giải quyết ô nhiễm môi trường. Những vấn đề này nếu không sớm được giải quyết sẽ thành điểm nghẽn, ảnh hưởng cuộc sống người dân, sự phát triển kinh tế của Thành phố và cả nước.

Thành phố là địa phương luôn nỗ lực hoàn thành vượt bậc nhiệm vụ đóng góp vào thu ngân sách nhà nước các năm. Việc quy định cơ chế thưởng cho Thành phố cần được xem xét để phù hợp với Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị và cũng là điều kiện để Thành phố tái đầu tư cơ sở hạ tầng, phục vụ nhu cầu chính đáng của Nhân dân trên địa bàn và cũng là cách để Thành phố có thể đóng góp tiếp tục vào cân đối thu ngân sách nhà nước hằng năm.

5.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Thành phố chưa có thêm nguồn lực để đầu tư các cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển nền kinh tế của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung..

- Tác động về mặt xã hội:

Nhu cầu chi đầu tư của Thành phố ngày càng tăng để cải thiện cơ sở hạ tầng, giải quyết ô nhiễm môi trường. Những vấn đề này nếu không sớm được giải quyết sẽ thành điểm nghẽn, ảnh hưởng cuộc sống người dân, sự phát triển kinh tế của Thành phố và cả nước.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Với cơ chế thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, Thành phố dự kiến được tăng thêm nguồn lực để đầu tư các cơ sở hạ tầng, thúc

đẩy phát triển nền kinh tế của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung. Trường hợp quy định cơ chế có ràng buộc điều kiện “*ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu*”, sẽ có khả năng Thành phố phần đầu thu vượt chỉ tiêu được giao nhưng không được bổ sung đủ theo tính toán tại quy định này do còn phụ thuộc vào việc tăng thu của ngân sách trung ương.

- Tác động về mặt xã hội:

Chất lượng đời sống của người dân được cải thiện, nâng cao nhờ việc Thành phố có nguồn lực để đầu tư thêm các công trình hạ tầng, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, như: xây dựng đường vành đai 3; xây dựng đường cao tốc TP.HCM – Mộc Bài; xây dựng cầu Cần Giờ; nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm,...

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

6. Cơ chế cho phép Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán nhằm khắc phục bất cập của mô hình chính quyền đô thị khi các quận không còn là cấp ngân sách

6.1. Xác định vấn đề bất cập:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 trở về trước, Ủy ban nhân dân quận là một cấp chính quyền địa phương do có tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (quy định tại Điều 4 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương), do đó theo quy định tại Điều 6 Luật Ngân sách nhà nước: “*ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương*”, Ủy ban nhân dân Quận là một cấp ngân sách, có các nguồn lực như dự phòng, chi khác và cả nguồn kết dư để chủ động quản lý, điều hành kinh tế - xã hội của quận.

Khi thực hiện chính quyền đô thị được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 131/2020/QH14, Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của **đơn vị dự toán ngân sách** trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 131/2020/QH14). Khi đó, nguồn lực của quận phụ thuộc vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng

nhân dân Thành phố quyết định bố trí, cơ quan tài chính cùng cấp với Ủy ban nhân dân quận không còn là Phòng Tài chính – Kế hoạch quận.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân quận không còn quyền điều hành cân đối ngân sách, mà chỉ được điều hành trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được giao. Quy định này chưa đáp ứng với yêu cầu tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Với đặc thù quản lý địa bàn dân cư, việc quản lý cần dựa trên các thông tin, chỉ tiêu, trong đó có chỉ tiêu thu, chi ngân sách trên địa bàn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể quyết định, có đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện quyết định của mình. Thực tiễn hoạt động hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu đó, do nguồn lực ngân sách được chuyển về cấp Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chưa thể thực hiện đầy đủ quyền điều hành (trong đó, có việc cân đối thu, chi, bố trí, quyết định phân bổ dự toán ngân sách) như dự kiến khi thực hiện mô hình. Hơn nữa, địa bàn quận của Thành phố rộng với mật độ dân cư đông đúc, thường phát sinh rất nhiều nhiệm vụ chi đột xuất không thể dự kiến đầy đủ khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Việc tiếp tục áp dụng theo đúng quy định về đơn vị dự toán như hiện nay đã bộc lộ một số vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chưa thể kịp thời trong công tác điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cũng như gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng về quốc phòng, an ninh, phòng, chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm trên địa bàn.

Để giải quyết về nhu cầu kinh phí quản lý, điều hành địa bàn của các quận, trong năm 2022 và 2023, Thành phố có bố trí cho các Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh khoản dự toán kinh phí phục vụ nhiệm vụ điều hành kinh tế – xã hội trên địa bàn của quận. Tuy nhiên về mặt thẩm quyền thì việc bố trí dự toán, điều chỉnh dự toán sử dụng giữa các lĩnh vực trong điều hành vẫn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, chưa thật sự tạo sự chủ động, tự chịu trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân quận. Những vấn đề nêu trên chưa đáp ứng mục tiêu đặt ra khi tổ chức chính quyền đô thị trên địa bàn Thành phố, chưa tạo được sự chủ động trong quản lý, điều hành của quận và gia tăng áp lực cho Thành phố về khối lượng công việc và khó đảm bảo thời gian thực hiện các nhiệm vụ tham mưu quan trọng của Thành phố Hồ Chí Minh.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề ra chủ trương “*thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”.

Mô hình chính quyền đô thị đề cao thẩm quyền, trách nhiệm của chủ tịch ủy ban nhân dân quận với tư cách là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; bảo đảm tính chủ động, độc lập của chính quyền đô thị trong việc thực

hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; bảo đảm điều kiện về ngân sách và nguồn nhân lực các địa phương khi phân cấp, phân quyền trong quản lý đô thị; bảo đảm sự thông suốt, nhanh và hiệu quả, giảm bớt tổ chức trung gian, hướng tới chính quyền đô thị một cấp thống nhất. Khi đó, nếu được quy định phát huy quyền quản lý, điều hành nguồn tài chính nhất định thì sẽ chủ động, hiệu quả hơn trong hoạt động.

6.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: cho phép Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán nhằm khắc phục bất cập của mô hình chính quyền đô thị khi các quận không còn là cấp ngân sách.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** áp lực xử lý, giải quyết các nội dung lớn nhưng không được giao thẩm quyền quản lý tài chính – ngân sách nên chưa bảo đảm việc chủ động thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao dẫn đến ảnh hưởng tiến độ xử lý các nội dung, chế độ trên địa bàn quận và có thể ảnh hưởng đến cơ hội phát triển của đơn vị.

- **Tác động về mặt xã hội:** việc chưa giao thẩm quyền quản lý, điều hành tài chính – ngân sách cho quận sẽ ảnh hưởng đến tâm tư của một bộ phận quản lý tài chính – ngân sách ở địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết công việc, phục vụ nhân dân, các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, ảnh hưởng đến mục đích tổ chức chính quyền đô thị.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** khi không được giao quyền quản lý, điều hành tài chính – ngân sách, các quận phải báo cáo, đề xuất cấp Thành phố xem xét, giải quyết và có thể không kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý địa bàn của quận.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** chưa thể thực hiện mô hình chính quyền đô thị hiệu lực, hiệu quả.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** việc giao thẩm quyền quản lý tài chính – ngân sách góp phần tạo sự chủ động, dám nghĩ, dám làm của quận trong quản lý, điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn, giúp người đứng đầu ủy ban nhân dân quận có những

quyết định nhanh chóng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- **Tác động về mặt xã hội:** giải quyết được yêu cầu quản lý điều hành địa bàn quận. Giảm bớt áp lực cho cấp Thành phố.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** giảm bớt áp lực về các quy trình, thủ tục về quản lý tài chính – ngân sách ở cấp Thành phố.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** tạo tiền đề cơ sở thực tiễn về xây dựng dự toán, điều hành dự toán khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố với các quận quản lý mật độ dân cư đông đúc. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách nêu trên quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

- Nếu được thông qua cơ chế, chính sách nêu trên, Thành phố triển khai rà soát để bố trí cho Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh khoản dự toán kinh phí phục vụ nhiệm vụ điều hành kinh tế – xã hội trên địa bàn của quận phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của quận.

7. Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng; hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết

7.1. Về đề xuất sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng:

7.1.1. Xác định vấn đề:

Theo khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015:

“Điều 36. *Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương*

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các dự án, bao gồm cả các dự án có tính chất liên vùng, khu vực của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này”.

Về nguyên tắc phân cấp ngân sách nhà nước, tại Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định:

“3. *Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp*

với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

...”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội đã khẳng định chủ trương: “*Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư; các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc*”. Việc được đầu tư cơ sở hạ tầng có tính chất vùng, liên vùng tại các địa phương để góp phần tăng cường thương mại giữa các địa phương trong cả nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông cần được quan tâm đầu tư, giúp cải thiện đáng kể sự kết nối giữa các tỉnh trong vùng và giữa vùng với cả nước để cùng tạo ra cơ hội cho các địa phương có sự phát triển bứt phá về kinh tế - xã hội, đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước. Do đó, Đại hội XIII định hướng phát triển vùng theo hướng: “*Khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới...*”. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, liên kết phát triển vùng là một nhiệm vụ trọng tâm trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng này đã và đang được Trung ương quan tâm, chỉ đạo sát sao: trong năm 2022, lần đầu tiên Bộ Chính trị đã ban hành 6 Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 Vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm: Trung du, miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng. Ngày 7/10/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đặt mục tiêu đến năm 2030, Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước. Cũng theo Nghị quyết số 31-NQ/TW, Bộ Chính trị đã nêu nhiệm vụ, giải pháp như sau: “- *Chủ động thúc đẩy liên kết vùng, phát huy vai trò nòng cốt, đầu tàu của Thành phố trong liên kết phát triển nhằm thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động lực, không gian phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực, địa phương trong cả nước*”.

Hiện nay, nhu cầu đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng tại khu vực là rất lớn, góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn... Trong đó, có các dự án trọng điểm như: dự án Xây dựng đường cao tốc TPHCM - Mộc Bài, dự Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương - Bến Cát (CRUS1), dự án Cải thiện hệ thống thoát

nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn (CRUS2), 02 dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, 02 dự án thuộc đường Vành đai 2 Thành phố Hồ Chí Minh; dự án Trồng cây xanh cách ly và tạo quỹ đất dự trữ phát triển khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, huyện Củ Chi; dự án Đầu tư hạ tầng, trường học, công viên cây xanh trong phạm vi Nghĩa trang Bình Hưng Hòa - giai đoạn 3...

7.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện định hướng nêu trên, Thành phố đề xuất Trung ương xem xét, có cơ chế cho phép Thành phố cân đối, sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng.

Để thực hiện nhiệm vụ này, thực hiện phương châm: “*Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh*”, Thành phố cũng đề xuất Trung ương xem xét, phân cấp thêm nguồn thu, ưu tiên bổ sung thêm định mức chi cho Thành phố khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước; kết hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của Thành phố để Thành phố có đủ khả năng bảo đảm chủ động thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng.

7.1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: thực hiện theo quy định.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng.

7.1.4 Phân tích các giải pháp:

a) Giải pháp 1: Không có đóng góp cho sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng, liên vùng.

b) Giải pháp 2: Với nguồn lực được bổ sung thêm và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố, Thành phố sẽ phối hợp với các địa phương triển khai đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng, góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn...

- Tác động về kinh tế:

Áp dụng chính sách nêu trên vừa giúp giải quyết bài toán đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng thông qua cơ chế Trung ương phân cấp thêm nguồn thu, kết hợp với cân đối của ngân sách Thành phố để có nguồn lực đáp ứng nhu cầu, giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối, một số dự án về môi trường,... của Thành phố với các địa phương trong vùng, cũng như liên vùng.

- Tác động về mặt xã hội: tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án ... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có liên quan.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

7.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

7.2. Về sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết:

7.2.1 Đặt vấn đề:

Theo khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015:

“9. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng”.

Trong quá trình thực hiện, có phát sinh một số trường hợp cần thiết phải hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác; chẳng hạn: các địa phương có đóng góp, các địa phương là nơi có ý nghĩa lớn trong cách mạng Việt Nam (Pác Bó, Cao Bằng, Nghệ An, Hậu Giang, Trà Vinh, Hòa Bình, Điện Biên, Bến Tre, Đồng Tháp,...) là vùng căn cứ kháng chiến cũ của Khu ủy Sài Gòn – Gia Định bị thiệt hại nhiều trong kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước có đề nghị Thành phố hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa, một số công trình tưởng niệm trên địa bàn, hỗ trợ về cải tạo, mở rộng trường học,...; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, công trình ở nước ngoài có ý nghĩa về mặt đối ngoại, chính trị, thắt chặt tình cảm, mối quan hệ lâu dài với một số địa phương tại một số nước như Campuchia, Lào, Cuba, Nga,... như: như hỗ trợ đúc tượng Bác, tu bổ công viên Bác Hồ,...; duy trì quan hệ hợp tác trên một số lĩnh vực, duy trì quan hệ đối tác; hỗ trợ một số địa phương là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc

ít người, đặc biệt khó khăn trong cuộc sống.

7.2.2. Mục tiêu giải quyết:

Thành phố đề xuất có cơ chế: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác trong các trường hợp cần thiết. Đối tượng hỗ trợ, nội dung hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

7.2.3. Các giải pháp giải quyết:

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo quy định.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết.

7.2.4. Phân tích các giải pháp:

a) Giải pháp 1: Chưa thể thực hiện một cách toàn diện phương châm “Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh”.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:**

Áp dụng cơ chế nêu trên giúp thúc đẩy, tạo tiền đề cho các địa phương có khả năng cân đối ngân sách hợp tác, hỗ trợ các địa phương khác để từ đó phát triển hơn về kinh tế – xã hội.

- **Tác động về mặt xã hội:** thể hiện tinh thần tương thân, tương ái.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

7.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

8. Một số cơ chế về hoạt động của Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC): bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC, lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố

8.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính, *“Quỹ đầu tư phát triển địa phương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương”*.

Tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định 147/2020/NĐ-CP quy định nội dung tổ chức thực hiện áp dụng đối với HFIC:

“1. Đối với HFIC:

a) Hoạt động huy động vốn của HFIC thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định này; riêng đối với phát hành trái phiếu và hình thức huy động khác (gồm cả vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ) thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Tổng mức vốn huy động của HFIC áp dụng như đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định này.

b) Hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn.

c) Đối với các hoạt động khác, HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và pháp luật có liên quan.

d) HFIC thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này; Bộ Tài chính hướng dẫn quy định tại điểm này.”

Như vậy HFIC thực hiện chức năng, nhiệm vụ của **Quỹ đầu tư phát triển địa phương** là một quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập, *hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn*, là cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định áp dụng đối với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương; và phải đảm bảo các quy định của **Doanh nghiệp nhà nước**.

Do đó, HFIC không phát huy được toàn diện các chính sách được quy định cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương cũng như của doanh nghiệp nhà nước.

Ngoài ra, sự thay đổi của khung pháp lý liên quan đến việc huy động vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài ảnh hưởng đến HFIC trong việc thực hiện nhiệm vụ huy động theo chức năng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để tài trợ cho các dự án đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố mà HFIC đã làm rất tốt, có hiệu quả trong thời gian qua.

8.1.1. Về cơ chế tăng vốn điều lệ của HFIC

a) Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, nguồn thu từ cổ phần hóa ngân sách địa phương được hưởng 100%, căn cứ Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015, ngân sách địa phương được chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính của địa phương theo quy định.

Theo đó, nhằm phát huy hơn nữa vai trò của HFIC là công cụ tài chính của Thành phố để huy động các nguồn vốn xã hội theo hình thức tự vay tự trả không làm phát sinh tăng nợ của ngân sách Thành phố, việc bổ sung nguồn thu cổ phần hóa để tăng vốn cho HFIC góp phần tập trung nguồn lực, tăng cường năng lực tài chính của HFIC để tạo vốn đối ứng nhằm thu hút nhiều hơn nữa các nguồn lực xã hội đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng đô thị của Thành phố trong thời gian tới.

Đồng thời với cơ chế đầu tư “vốn môi”, HFIC tiếp tục phát huy vai trò là cánh tay nối dài của ngân sách Thành phố, thu hút thêm các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để tài trợ, đầu tư trực tiếp hoặc hợp tác với khu vực tư nhân để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm và dự án thuộc các lĩnh vực an sinh xã hội của Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho HFIC; quyết định việc HFIC được giữ lại lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Hiện nay, các Quỹ đầu tư phát triển địa phương được giữ lại toàn bộ phần chênh lệch thu chi (sau khi nộp thuế, nộp ngân sách và phân phối các quỹ) để bổ sung vốn điều lệ (Điểm đ khoản 4 Điều 34 Nghị định 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ). Tuy nhiên, HFIC phải thực hiện theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước (Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp) là nộp ngân sách toàn bộ phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế, nộp ngân sách và trích lập các quỹ. Do đó, HFIC gặp khó khăn trong việc bổ sung nguồn vốn hoạt

động để có thêm nguồn lực nhằm tài trợ cho các dự án phát triển hạ tầng - kỹ thuật, kinh tế - xã hội của Thành phố.

Ngoài ra, theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ được Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh quyết định sau khi có sự phê duyệt chủ trương của Thủ tướng chính phủ (Điều 9 Nghị định 91/2015/NĐ-CP), trong khi việc tăng vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh xem xét, quyết định (Điều 35 Nghị định 147/2020/NĐ-CP).

Vi vậy, kiến nghị cơ chế đầu tư bổ sung vốn điều lệ và nguồn bổ sung vốn điều lệ cho HFIC được thực hiện tương tự các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác là HFIC được giữ lại lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển HFIC để bổ sung vốn điều lệ của Công ty; và Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho HFIC.

8.1.2. Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố

a) Về các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên phát triển của Thành phố

Sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có vai trò quan trọng trong việc cung cấp sản phẩm có thiết kế sáng tạo, tính ưu việt và cũng là nguồn nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp công nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh. Đặc biệt, Thành phố Hồ Chí Minh có dân số lớn nhất cả nước, nhưng sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ với chất lượng cao vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển công nghiệp công nghệ cao. Hiện các doanh nghiệp vẫn phải tiến hành nhập khẩu các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ mặc dù rất nhiều các sản phẩm này doanh nghiệp Thành phố có thể sản xuất được.

Trong bất cứ hình thức đầu tư nào thì vốn luôn là ưu tiên hàng đầu, lĩnh vực bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ cũng không ngoại lệ. Nhiều doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có phương án sản xuất tốt, có kỹ thuật giỏi nhưng thiếu vốn, thiếu mặt bằng cũng không thể mở rộng sản xuất, không đạt năng suất mong muốn. Đặc biệt, đối với Thành phố Hồ Chí Minh, với định hướng phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ với công nghệ cao, công nghệ sinh học chất lượng cao thì nhu cầu về vốn đầu tư sản xuất rất lớn. Do đó, nhu cầu vay vốn để đầu tư, mở rộng sản xuất là nhu cầu tất yếu, khách quan của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa không có tài sản tích lũy, chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất. Để phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố thì việc đưa các cơ chế chính sách phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ để kích cầu đầu tư là hết sức cần thiết.

Vì vậy, phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá các sản phẩm của doanh nghiệp FDI thông qua việc hỗ trợ lãi suất vốn vay từ nguồn vốn vay tín dụng của doanh nghiệp nhằm kích cầu đầu tư đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Từ những bất cập tổng quan trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, đồng thời để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là phát triển nhóm sản phẩm chủ lực của Thành phố, tăng cường liên kết sản xuất trong giai đoạn tới, cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung nội dung chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong đó xác định những vấn đề bất cập, cụ thể như:

+ Cần có cơ chế chính sách hỗ trợ ưu tiên cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân, cá nhân đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành nghề nông thôn đặc trưng của thành phố;

+ Cần có cơ chế hỗ trợ ưu tiên đối với hộ dân là thành viên của hợp tác xã nhằm khuyến khích nông dân tham gia và trở thành thành viên hợp tác xã, phát triển hợp tác xã;

+ Cần có cơ chế hỗ trợ ưu tiên đối với các doanh nghiệp tham gia liên kết với hợp tác xã trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Theo quy định của Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp chống Trợ cấp (SCM) thì việc hỗ trợ lãi vay từ ngân sách Nhà nước cho các dự án không vi phạm cam kết của Việt Nam đối với WTO nhưng có thể bị kiện do thuộc dạng trợ cấp đèn vàng nếu trường hợp các nước khác chứng minh được thiệt hại do trợ cấp gây ra cho doanh nghiệp của họ.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi vay cho các dự án dự kiến phát sinh mới phát sinh khoảng 3.400 tỷ đồng.

b) Nhằm tạo cơ chế thu hút các nhà đầu tư vào các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên phát triển của Thành phố, mang lại giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố thông qua việc hỗ trợ một phần lãi vay có thời hạn.

Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015 và các quy định tại Điều 30 Luật NS nhà nước, Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của Ngân sách địa phương bao gồm “c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật”.

Do đó để đảm bảo chặt chẽ pháp lý trong thực hiện, kiến nghị nội dung quy định cho phép Thành phố được bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tạo điều kiện phát huy vai trò huy động vốn của HFIC, củng cố tiềm lực tài chính nhằm tạo bước đột phá về huy động vốn cho phát triển hạ tầng của Thành phố đối với các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Với mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng, khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ cũng như tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển đầu tư đổi mới công nghệ trên địa bàn Thành phố như trên thì việc ban hành quy định hỗ trợ một phần lãi suất lãi vốn vay nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư là hết sức cần thiết. Việc hỗ trợ lãi vay thông qua HFIC cho các tổ chức, cá nhân thông qua nguồn vốn vay tín dụng cần đáp ứng các mục tiêu sau:

- Hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm vào các hạng mục đầu tư sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao, tác động lớn đến quyết định đầu tư, sản xuất của chủ đầu tư.

- Đầu tư sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có khả năng cạnh tranh cao, năng lực sản xuất lớn, có tiềm năng thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích hộ nông dân Thành phố chuyển đổi sản xuất phù hợp với quá trình phát triển nông nghiệp đô thị của Thành phố.

8.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố, cho HFIC mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Một số cơ chế về hoạt động của Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC): bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC, lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung

vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Hạn chế cơ hội tiếp cận các nguồn vốn vay với chi phí vốn thấp của HFIC để cho vay và đầu tư các chương trình, dự án theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; không phát huy được hết vai trò Quỹ đầu tư phát triển địa phương của HFIC.

- **Tác động về vấn đề giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

Năm 2019 Luật Đầu tư công mới được ban hành, thay thế Luật Đầu tư công năm 2004; theo đó quy định cụ thể về đối tượng đầu tư công:

“Điều 5. Đối tượng đầu tư công

...

6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; **hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.**

Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng quy định tại khoản này.”

- Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

“Điều 43. Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định chính sách, bao gồm cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công cho các đối tượng thuộc chính sách.”

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Công văn số 4279/UBND-DA gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hỗ trợ có ý kiến hướng dẫn về

bố trí nguồn vốn ngân sách Thành phố cho Chương trình kích cầu đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến tại Công văn số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022 như sau: Việc bố trí vốn ngân sách Thành phố cho Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2021 – 2025 **không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công.**

Nguồn vốn ngân sách Thành phố bố trí hỗ trợ lãi vay được thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Tạo cơ chế thu hút thêm nguồn vốn có tính chất ưu đãi ngoài vốn ngân sách để tài trợ cho các dự án đầu tư trên địa bàn TP.HCM, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của TP.

+ HFIC với vai trò tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có thêm nguồn lực tài chính để tạo đòn bẩy tiếp tục huy động thêm các nguồn vốn xã hội khác phục vụ tài trợ các dự án đầu tư hạ tầng KT-XH theo các chương trình mục tiêu, kế hoạch phát triển hạ tầng của Thành phố. Trong giai đoạn 2010 - 2020, HFIC cho vay **215 dự án** thuộc các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền cam kết cho vay là **15.875 tỷ đồng**. Tính trên tổng nhu cầu vốn đầu tư của **215 dự án (ước tính khoảng 38.484 tỷ đồng)** thì phần vốn tham gia của HFIC chiếm tỷ lệ 41%, tức **1 đồng** vốn tham gia của HFIC có thể huy động được thêm **1,4 đồng** vốn của xã hội để đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng phát triển đô thị của Thành phố.

Do đó, giải pháp này sẽ tạo điều kiện góp phần hỗ trợ Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động trong cân đối các nguồn lực và tận dụng, phát huy được các công cụ hỗ trợ việc huy động vốn ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án theo mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong từng thời kỳ thông qua định chế tài chính trung gian như HFIC - trong vai trò là quỹ tài chính ngoài ngân sách, thực hiện huy động các nguồn vốn để tài trợ các dự án, chương trình thuộc kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tiếp tục khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu; công nghiệp hỗ trợ và nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố, thông qua các phương án đầu tư sản xuất được hỗ trợ lãi vay tạo thêm việc làm cho lao động, tăng giá trị và thu nhập trong sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu; công nghiệp hỗ trợ và nông nghiệp đô thị.

+ Khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần khuyến khích hộ nông dân Thành phố chuyển đổi sản xuất phù hợp với quá trình phát triển nông nghiệp đô thị của Thành phố, chuyển từ các loại cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế thấp sang các loại cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh

tế cao hơn. Đặc biệt, khuyến khích hộ nông dân tham gia liên kết, trở thành thành viên hợp tác xã; khuyến khích hợp tác xã liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, kết nối sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và hợp tác xã. Tạo động lực cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân, cá nhân đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành nghề nông thôn đặc trưng của Thành phố.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Thành phố có thêm nguồn lực để phát triển các công trình hạ tầng phục vụ an sinh xã hội (như bệnh viện, trường học, các dự án cấp nước, xử lý rác thải...), góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố.

+ Thúc đẩy nâng cao giá trị sản lượng và chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, cung ứng nhu cầu tiêu dùng cho người dân thành phố; đẩy mạnh phát triển các nghề truyền thống, nâng cao thu nhập cho lao động ngoại thành, góp phần vào thực hiện mục tiêu chuyển dịch nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại của Thành phố.

+ Thông qua các phương án sản xuất được hỗ trợ lãi vay tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn, tăng giá trị sản xuất và thu nhập của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

- Tác động về vấn đề giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định ngoài các quy định tại Điều 33 Luật Quản lý Nợ công 2017; Điều 174, 175 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị định 147/2020/NĐ-CP và các quy định hướng dẫn liên quan khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết theo quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Điểm b Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 1 **Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015** và các quy định tại **Điều 30 Luật NS nhà nước, Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP** ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của Ngân sách địa phương bao gồm “c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật”.

Do đó để đảm bảo chặt chẽ pháp lý trong thực hiện, kiến nghị nội dung quy định cho phép Thành phố được bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

9. Cơ chế cho phép Thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phục vụ công tác duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động

9.1. Xác định vấn đề bất cập:

Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 của Bộ Tài chính về quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó: Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là khoản tiền do các doanh nghiệp thuê đất tại KCN, KCX đóng góp, để vận hành, duy tu và tái tạo cơ sở hạ tầng KCN, KCX tại Thành phố Hồ Chí Minh. Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng do các doanh nghiệp thuê đất nộp cho Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN theo mức thỏa thuận tại hợp đồng thuê đất. Do đặc thù riêng nên mỗi KCX, KCN có mức thu và hình thức thu phí duy tu khác nhau. Toàn bộ nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng được các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN đưa vào tài khoản ngân hàng riêng, theo dõi và hạch toán riêng với các khoản doanh thu hoạt động khác và chỉ để phục vụ cho công tác công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng. **Phí duy tu được quản lý riêng theo cơ chế chuyên thu, chuyên chi và không coi là doanh thu của công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng.**

Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 của Bộ Tài chính về ban hành Quy chế tự chủ kinh phí hoạt động của Ban Quản lý. Theo đó, hàng năm, các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN trích nộp về Ban Quản lý theo tỷ lệ % nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng. Đây là nguồn thu chủ yếu của Ban Quản lý và là cơ sở để Ban Quản lý thực hiện chế độ tự chủ tài chính mà không sử dụng ngân sách nhà nước.

9.2. Về thực trạng:

Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các KCN, KCX do các doanh nghiệp sử dụng hạ tầng các KCN, KCX thỏa thuận nộp cho doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng các KCN, KCX nhằm bảo trì, duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các KCN, KCX tại Thành phố Hồ Chí Minh là một chính sách đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2008, thực hiện Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng tại các khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đã tạo được nguồn kinh phí ổn định và lâu dài để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng; phục vụ các doanh nghiệp một cách kịp thời, hữu hiệu; hoàn thiện môi trường kinh doanh; giúp các doanh nghiệp trong khu mở rộng chức năng, phát triển về qui mô và ngành nghề sản xuất. Tổng nguồn thu phí duy tu của doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2021 là 2.691,62 tỷ đồng, trung bình mỗi năm thu được là 192,26 tỷ đồng/năm. Tình hình sử dụng phí duy tu tại các KCX, KCN tăng qua các năm, năm sau thường cao

hơn năm trước, do cơ sở hạ tầng qua thời gian sử dụng ngày càng xuống cấp, nhu cầu duy tu, tái tạo ngày càng tăng, nguồn tích lũy phát huy tác dụng trong việc cần sửa chữa lớn, trang bị lại các tài sản, phương tiện, thiết bị đã hao mòn theo thời gian.

Cơ chế tài chính của Ban Quản lý dùng để chi hoạt động thường xuyên hàng năm được quy định tại Quyết định 42/2008/QĐ-BTC. Theo đó, hàng năm, các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN trích nộp về Ban Quản lý theo tỷ lệ % nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng. Đây là nguồn thu chủ yếu của Ban Quản lý và là cơ sở để Ban Quản lý thực hiện chế độ tự chủ tài chính.

Nếu tiền sử dụng dịch vụ hạ tầng trong KCN, KCX theo quy định pháp luật về giá sẽ dẫn đến các bất cập sau:

- Làm thay đổi bản chất thu và sử dụng phí. Các khoản thu và sử dụng phí duy tu tại KCX, KCN sẽ được công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng hạch toán vào doanh thu, chi phí, kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận hàng năm. Trong khi, cơ sở hạ tầng qua thời gian sử dụng ngày càng xuống cấp, nhu cầu duy tu, tái tạo ngày càng tăng. Nguồn kinh phí để thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phải lệ thuộc vào tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng, khó có thể đáp ứng kịp thời, hữu hiệu, đảm bảo cơ sở hạ tầng luôn trong tình trạng tốt phục vụ các nhà đầu tư. Trong trường hợp phải tái tạo lại các hạng mục hạ tầng, Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng sẽ không có nguồn để thực hiện. Trường hợp, Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng vì lý do nào đó không tồn tại, sẽ không còn đơn vị nào chịu trách nhiệm thực hiện việc duy tu hàng triệu m² đường giao thông, hàng chục nghìn mét đường ống cấp nước, thoát nước, hàng trăm trạm hạ thế cùng hệ thống chiếu sáng, để phục vụ nhà đầu tư, khi đó để đảm bảo sự vận hành bình thường của các KCX, KCN Nhà nước có thể phải thực hiện công việc này và sẽ gây gánh nặng cho ngân sách.

- Làm thay đổi phương thức tính toán số thu: Tại KCX Tân Thuận, công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng đang áp dụng thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng theo kim ngạch xuất khẩu và Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp cùng phối hợp với công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng để tính số thu phí duy tu hàng tháng. Nếu chuyển sang áp dụng thu phí duy tu theo quy định pháp luật về giá, công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng không thể tính và kiểm soát số liệu về kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp. Do đó, buộc công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng phải thay đổi phương thức thu tiền khác, dựa trên tổng tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng hoặc một chỉ tiêu khác. Điều này sẽ làm mất ổn định môi trường kinh doanh tại KCX khi xuất hiện tình huống doanh nghiệp trước đây nộp phí ít thì nay phải nộp nhiều hơn và ngược lại. Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng phải thỏa thuận lại với từng doanh nghiệp trong KCX (đa số là doanh nghiệp nước ngoài), việc này trước đây phải mất rất nhiều thời gian, công sức để đạt được sự đồng thuận như hiện nay. Nhất là, thu phí duy tu theo

tổng tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng sẽ không đủ kinh phí để duy trì tình trạng hạ tầng tốt như hiện nay.

- Làm thay đổi cơ bản cơ chế của nguồn kinh phí hoạt động đối với Ban Quản lý, vừa tạo thêm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, vừa không còn tạo cơ chế tự chủ cho Ban Quản lý: Kinh phí hoạt động hiện nay của Ban Quản lý chủ yếu là phí duy tu được trích nộp từ các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng. Nếu thay đổi sang thực hiện thu tiền sử dụng hạ tầng theo quy định về giá, các công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng không có cơ sở để trích nộp cho Ban Quản lý. Khi đó, ngân sách Nhà nước phải cấp kinh phí để Ban Quản lý hoạt động (khoảng 22 tỷ đồng/năm). Điều này vừa tạo thêm áp lực cho ngân sách Nhà nước, vừa đi ngược với chủ trương của Nhà nước trong việc đổi mới tài chính công, tăng cường tự chủ về tài chính đối với các cơ quan hành chính Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước tại những địa bàn đủ điều kiện về nguồn thu và khó thu hút được nhân tài phục vụ lâu dài tại Ban Quản lý.

Từ thực tiễn cần phải duy trì cơ chế đặc thù riêng về nguồn kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý, ngày 10 tháng 01 năm 2023, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 81/UBND-KT gửi Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC, trong đó có nội dung *“Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang dự thảo báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh và sẽ trình Quốc hội nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết này. Vì vậy, trên cơ sở thống nhất giữa Bộ Tài chính và Ủy Ban nhân dân thành phố tại cuộc họp ngày 10 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã bổ sung nội dung “quy chế thu và sử dụng khoản kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa nội dung của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC” vào dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14.”*

9.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tiếp tục thực hiện theo cơ chế tài chính thu và sử dụng khoản kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa nội dung của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

9.4. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cho phép Thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phục vụ công tác duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động.

9.5. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng. Phát huy tối hiệu quả sử dụng và tăng thêm sự bền vững của các công trình cơ sở hạ tầng, góp phần kéo dài tuổi thọ của công trình, tổ chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của các nhà đầu tư trong khu.

- **Tác động về mặt xã hội:** Đảm bảo tính kế thừa, không phát sinh các tranh chấp với các nhà đầu tư (nhất là các doanh nghiệp FDI) khi Công ty kinh doanh hạ tầng phải thỏa thuận lại với nhà đầu tư theo cơ chế giá, tránh ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Thành phố. Công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thực hiện một cách kịp thời, hữu hiệu, hoàn thiện môi trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư trong các KCX, KCN trên địa bàn Thành phố. Tăng khả năng cung cấp dịch vụ, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải, bảo đảm chất lượng công trình và sử dụng an toàn, thông suốt, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giảm các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Giảm thủ tục hành chính liên quan VAT vì khoản thu này không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nộp

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: cơ chế đề xuất nêu trên chưa có quy định tại Luật Giá, Luật Phí, lệ phí và các văn bản có liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

9.6. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

III. Cơ chế, chính sách về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường

Trong lĩnh vực Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường, đề xuất 16 nội dung. Trong đó, tiếp tục đề xuất một số nội dung đã được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Chính sách cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500ha

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có “*Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 hécta đất trồng lúa trở lên...*”.

Từ khi có Nghị quyết 54/2017/QH14 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố có thể chủ động trình Danh mục dự án có sử dụng lúa trên 10ha cùng thời điểm trình các Danh mục thu hồi đất, dự án sử dụng lúa dưới 10ha vào kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân thành phố (trước năm kế hoạch) trước khi duyệt Kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ngay sau khi kế hoạch sử dụng đất được duyệt, có thể thực hiện các bước thủ tục về đất đai, tiết kiệm được thời gian và đảm bảo việc đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.

Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, theo đó, tại khoản 2 Điều 30 đã có quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất lúa như sau:

“Điều 30. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội

Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

2. Dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên;

Quy định trên đã xác định mức trần trong thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa của Thủ tướng Chính phủ là dưới 500ha.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Như vậy, việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động, xem xét chuyển mục đích của

các dự án sử dụng đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố¹⁵.

1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề:

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

Giải pháp 2: Chính sách cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500ha

1.4. Đánh giá:

Việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nêu trên là phù hợp và mang tính kế thừa.

- Phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng đất trồng lúa;

- Giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Đề cao vai trò chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của chính quyền địa phương được phân cấp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính Trung ương đến cơ sở.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

¹⁵ (1) Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 28 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1.722,99 ha; (2) Nghị quyết 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 03 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 67,27 ha; (3) Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 01 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 53,53 ha; (4) Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; (5) Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 hủy bỏ các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

2. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và rút gọn các bước lập quy hoạch nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Về thời hạn và quy trình rà soát:

Theo khoản 1 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị và khoản 1 Điều 15 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về rà soát quy hoạch đô thị và rà soát quy hoạch xây dựng, thời hạn rà soát định kỳ theo quy định là 05 năm kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.

Theo khoản 3, khoản 4 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị và khoản 3 Điều 15 Luật Xây dựng, kết quả rà soát phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

- Về quy hoạch chung đô thị:

+ Cơ quan thẩm định:

Theo khoản 2 Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị (được sửa đổi bởi khoản 10 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị quy định

“Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị có thẩm quyền quy định tại Điều 41 của Luật này thẩm định về các căn cứ, điều kiện và nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch”.

Theo khoản 1 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị về cơ quan thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị quy định:

“Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”.

+ Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Theo khoản 1 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị (được sửa đổi bởi Khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị sau đây:

“Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên”; “Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị của thành phố trực thuộc trung ương là đô thị loại đặc biệt” và “Quy

hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của quốc gia theo quy định của Chính phủ”.

Theo khoản 3 Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị (được sửa đổi bởi khoản 10 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị quy định:

“Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.”

- Về quy hoạch khu chức năng:

+ Cơ quan thẩm định:

Theo khoản 2 Điều 39 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 12 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng

“Cơ quan quản lý quy hoạch có thẩm quyền quy định tại Điều 32 của Luật này thẩm định về các căn cứ, điều kiện và nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch”.

Theo khoản 1 Điều 32 Luật Xây dựng về Thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng quy định:

“Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”.

+ Cơ quan phê duyệt:

Theo khoản 3 Điều 39 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 12 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng:

“Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch xây dựng”.

Theo khoản 1 Điều 34 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng sau:

“Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao” và “Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia”.

- Quy định này gây vướng mắc, khó khăn sau:

+ Về pháp lý: nội dung báo cáo, yêu cầu lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan, thời hạn phản hồi để đảm bảo đầy đủ cơ sở tổng hợp trong rà soát, thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chưa được quy định.

+ Về thực tiễn: việc quy định thời hạn định kỳ 05 năm trong công tác rà soát làm cơ sở để báo cáo xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và việc thông qua Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt không đáp ứng kịp thời trước những biến động về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, dân cư cũng như nắm bắt các đề xuất kiến nghị có cơ hội làm tăng tính khả thi và nguồn thu cho ngân sách Thành phố trong thực hiện quy hoạch.

+ Thực trạng Thành phố: qua quá trình quản lý chuyển tiếp giữa các đồ án quy hoạch xây dựng có nhiều yếu tố phát sinh như sai lệch giữa quy hoạch và thực tế hướng tuyến, ranh mốc quy hoạch; cải tiến công nghệ trong kỹ thuật xây dựng; biến đổi môi trường khí hậu; xu thế phát triển sau đại dịch ... cần xem xét điều chỉnh một số nội dung để kịp thời khắc phục các hạn chế và theo kịp nhu cầu đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên việc thực hiện theo quy trình hiện tại sẽ không đảm bảo về mặt thời gian, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý kỳ vọng của Nhà đầu tư trước các cơ hội và thời điểm quan trọng.

- Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án nhà ở xã hội:

- Theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, quy định “*Việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư*”.

- Theo điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, quy định: “..... *Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất lên tối đa 1,5 lần so với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Việc tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất phải đảm bảo sự phù hợp với chỉ tiêu dân số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian, kiến trúc cảnh quan trong phạm vi đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đó phê duyệt điều chỉnh*”.

Theo quy định của Luật Đầu tư, Nhà nước chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án phù hợp với quy hoạch;

Tuy nhiên, các dự án nhà ở xã hội khi xác định chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo pháp luật về nhà ở xã hội nêu trên (tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất lên tối đa 1,5 lần) đều dẫn đến chưa phù hợp với quy hoạch chi tiết và quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000. Điều này dẫn đến không thể thực hiện được thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư.

Trường hợp Nhà nước thực hiện điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 thì phải tổ chức lập và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, trong đó

có việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư. Việc này sẽ kéo dài thời gian thực hiện thủ tục đầu tư nhà ở xã hội ít nhất từ 06 tháng đến 01 năm. Ngay cả khi việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 thực hiện xong, trường hợp nhà đầu tư (đã có quyền sử dụng đất ở hợp pháp) không đáp ứng các điều kiện khác còn lại theo Luật Đầu tư thì cũng không được Nhà nước chấp thuận chủ trương đầu tư. Khi đó, việc đã điều chỉnh quy hoạch phân khu trước sẽ không còn ý nghĩa do nhà đầu tư đang có quyền sử dụng đất ở lại không đáp ứng đủ điều kiện để lựa chọn được nhà đầu tư và Nhà nước không tìm được nhà đầu tư khác.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Đẩy mạnh phân cấp, trách nhiệm trong công tác quản lý quy hoạch; phát huy khả năng tự chủ trong việc giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính khả thi của quy hoạch, tăng hiệu quả đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện; khai thác tiềm năng sử dụng đất, tạo không gian phát triển mới; xây dựng hệ thống đô thị bền vững, hiện đại theo đúng nhiệm vụ “*Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại*” được giao tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đồng thời góp phần thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về 4 chương trình phát triển Thành phố 2020 - 2025/2030 chương trình đột phá đổi mới quản lý Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể là Chương trình đột phá đổi mới quản lý Thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu “*Công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải được rút ngắn thời gian, quy trình xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện thống nhất trong các cấp chính quyền toàn Thành phố*” trong đề án tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháo gỡ vướng mắc về trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư và thủ tục điều chỉnh quy hoạch phân khu theo pháp luật về quy hoạch đô thị. Theo đó sẽ đánh giá các điều kiện để nhà đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư với quy mô dự án được tính toán theo pháp luật về nhà ở xã hội, sau đó sẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết theo pháp luật về nhà ở xã hội.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và rút gọn các bước lập quy hoạch nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- **Tác động về kinh tế:** Đẩy nhanh quy trình và giảm thiểu chi phí phát sinh liên quan đến công tác điều chỉnh quy hoạch chung. Tạo hành lang pháp lý về quy hoạch nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước khai thác tốt quỹ đất hữu hạn, tuân thủ định hướng chiến lược phát triển chung, góp phần thực hiện nhiệm vụ nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tác động về mặt xã hội:

Chủ động khắc phục những sai sót về mặt kỹ thuật trong quá trình lập - quản lý chuyên tiếp quy hoạch, giải quyết quyền lợi chính đáng của người dân, kiến nghị hợp lý của doanh nghiệp hướng tới xây dựng chính quyền địa phương dám chịu trách nhiệm, gần gũi và sẵn sàng giúp đỡ nhân dân.

- Tác động về vấn đề giới:

Không gây tác động và ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Đề cao vai trò chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của chính quyền địa phương được phân cấp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính Trung ương đến cơ sở.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

3. Chính sách thúc đẩy đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: rút gọn thủ tục về quy hoạch, việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư khi chưa có sự thống nhất giữa quy hoạch các cấp, việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo Điều 7 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy định Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị phải theo trình tự sau:

1. Lập nhiệm vụ quy hoạch đô thị;
2. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị;
3. Lập đồ án quy hoạch đô thị;
4. Thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị.”

Theo điểm c, khoản 7, Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư như sau:

“Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết (nếu có), quy hoạch phân khu (nếu có); trường hợp quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung”.

- Quy định này gây vướng mắc, khó khăn sau:

+ Về thực tiễn: Thời điểm trước đây, pháp luật về quy hoạch có cho phép Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu vực đã được cấp giấy phép quy hoạch, là quy định hỗ trợ thuận lợi cho công tác lập quy hoạch chi tiết đối với dự án nhà ở xã hội. Hiện nay, việc tiến hành từng bước lập nhiệm vụ (gồm 01 tháng lập, 20 ngày thẩm định, 15 ngày phê duyệt) và lập đồ án quy hoạch chi tiết (06 tháng lập, 25 ngày thẩm định, 15 ngày phê duyệt) theo luật định đối với dự án nhà ở xã hội đã hạn chế tính chủ động cũng như khả năng đẩy nhanh tiến độ lập dự án đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng nhà ở xã hội. Bên cạnh đó, các dự án nhà ở xã hội đều có nhu cầu tăng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc về mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất tối đa 1,5 lần so với quy hoạch được duyệt đảm bảo ưu đãi theo luật định, tuy nhiên, điều này dẫn đến thông số chỉ tiêu không phù hợp pháp lý quy hoạch hiện hành tại khu vực (cần thực hiện điều chỉnh cục bộ) nên không được xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư gây khó khăn trong công tác triển khai các bước tiếp theo của dự án.

+ Thực trạng Thành phố: Qua kinh nghiệm thẩm định và quản lý số lượng lớn các đồ án quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc triển khai lập đồ án có thể thực hiện cùng lúc với công tác lập nhiệm vụ nhằm đảm bảo tính liên tục trong nội dung và chủ động rút ngắn tối đa thời gian hoàn thiện hồ sơ trình thẩm duyệt đồ án ngay sau khi nhiệm vụ được thông qua. Ngoài ra, vướng mắc về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên đã ảnh hưởng đến tính pháp lý của dự án khiến hầu hết các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn đều không thể tiếp tục triển khai xây dựng.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả trong công tác lập quy hoạch theo tinh thần Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu của Đề án “đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp (giai đoạn 2021-2030)” của Chính phủ tại Thông báo số 242/TB-VPCP ngày 10 tháng 8 năm 2022 về kết luận của Thủ tướng

Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội cho công nhân, người thu nhập thấp.

3.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

Chính sách thúc đẩy đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: rút gọn thủ tục về quy hoạch, việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư khi chưa có sự thống nhất giữa quy hoạch các cấp, việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- ***Tác động về kinh tế:*** giải quyết các vướng mắc trong thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, tiết kiệm chi phí xây dựng, tận dụng hiệu quả các chính sách ưu đãi đã được pháp luật cho phép.

- Tác động về mặt xã hội:

Tăng cơ hội tiếp cận sở hữu nhà ở, ổn định cuộc sống, yên tâm “an cư lạc nghiệp” đối với lượng người lao động đến sinh sống và làm việc ngày càng nhiều trên địa bàn; cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút thêm sự quan tâm từ phía các doanh nghiệp đầu tư đối với các dự án nhà ở xã hội.

- Tác động về vấn đề giới:

Không gây tác động và ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc cho phép thực hiện không ảnh hưởng đến công tác thẩm duyệt đồ án, không làm sai lệch vai trò của Nhiệm vụ đồ án mà sẽ góp phần tăng tính chủ động, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Cơ chế cho phép Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua

4.1. Xác định vấn đề bất cập:

Điều 113 Luật Đất đai quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm một lần đối với từng loại đất, theo từng vùng. Trong thời gian thực hiện khung giá đất mà giá đất phổ biến trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá tối thiểu trong khung giá đất thì Chính phủ điều chỉnh khung giá đất cho phù hợp. Quá trình thực hiện thời gian qua cho thấy

khung giá đất không theo kịp biến động giá đất trong thực tế, chưa điều chỉnh kịp thời, biên độ quá rộng. Một số địa phương đề nghị cho phép ban hành bảng giá đất vượt khung giá, có địa phương đề nghị bỏ khung giá đất.

Pháp luật về đất đai đã quy định các nguyên tắc định giá đất, trong đó có nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường; quy định 5 phương pháp định giá đất (so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư và hệ số điều chỉnh giá đất); quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm 01 lần làm căn cứ xây dựng Bảng giá đất; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm 01 lần để sử dụng vào các trường hợp tính thuế, phí, lệ phí...; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể để sử dụng vào các trường hợp giao đất, cho thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất...; quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và trách nhiệm của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định thẩm quyền xác định giá đất cụ thể thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc xác định giá đất cụ thể được xác định theo một trong bốn phương pháp so sánh, thặng dư, thu nhập, chiết trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và điểm a khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Đối với những thửa đất hoặc khu đất tính theo bảng giá đất có giá trị từ 30 tỷ đồng trở lên (áp dụng 1 trong 4 phương pháp: thặng dư, so sánh, thu nhập, chiết trừ): Tổng thời gian giải quyết hồ sơ thời gian từ 3 đến 6 tháng có trường hợp kéo dài từ một đến vài năm do nhiều nguyên nhân khách quan, trong đó có việc các quy định pháp luật liên quan đến công tác xác định, thẩm định giá đất thay đổi thường xuyên.

Mặc dù đã giảm tối đa thời gian thực hiện quy trình xác định giá đất cụ thể nhưng thời gian thực hiện, luân chuyển hồ sơ để thực hiện các bước trong công tác xác định giá đất vẫn kéo dài.

Việc chậm xác định, thẩm định, quyết định giá đất cụ thể dẫn đến chưa kịp thời huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, mất cơ hội đầu tư của nhà đầu tư, làm chậm sự phát triển của kinh tế, xã hội. Do vậy, khi áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá thu tiền sử dụng đất, thuê đất sẽ đảm bảo rút ngắn quy trình thực hiện, vừa tạo điều kiện nâng cao, hiệu quả công tác quản lý nhà nước vừa tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Đó đó, việc ban hành cơ chế để giải quyết những vướng mắc bất cập trên là cần thiết.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Thực hiện chủ trương của Đảng về hoàn thiện cơ chế định giá đất:

+ Bỏ khung giá đất, có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất, thẩm định giá đất.

+ Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất. Có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: Công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng, không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các vi phạm...

- Hạn chế những bất cập nhằm bảo đảm giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường, cân bằng lợi ích các bên và phát huy hiệu quả trong quản lý, sử dụng đất đai ở Việt Nam.

Thể chế hóa những định hướng trên, Khoản 3 Điều 155 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định: “*Điều 155. Giá đất cụ thể*

3. Đối với khu vực đã có bảng giá đất tới từng thửa đất theo vùng giá trị đất, giá thửa đất chuẩn thì việc định giá đất cụ thể được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm định giá”.

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm sẽ giải quyết được những bất cập trên. Đảm bảo việc xác định giá đất cụ thể được công bằng giữa các chủ đầu tư trong sử dụng đất; khuyến khích các đơn vị phát huy hiệu quả trong sử dụng đất với các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng được phê duyệt; Cải cách thủ tục hành chính trong xác định giá đất cụ thể đảm bảo công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

4.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** chưa kịp thời huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, làm chậm sự phát triển của kinh tế, xã hội.

- **Tác động về mặt xã hội:** mất cơ hội đầu tư của nhà đầu tư.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** đảm bảo rút ngắn quy trình thực hiện, vừa tạo điều kiện nâng cao, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

- **Tác động về mặt xã hội:** tạo tâm lý dễ người sử dụng đất yên tâm, đẩy mạnh đầu tư vào đất.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** góp phần cắt giảm một số bước trong quy trình thủ tục trình, phê duyệt giá đất. Trình tự và thủ tục thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai 2013.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

5. Cơ chế cho phép đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc trách nhiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân các cấp và có sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Đồng thời, giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương. Người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định thì được bồi thường bằng đất, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền. Giá đất tính tiền bồi thường là giá đất cụ thể theo loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Việc bồi thường về đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Ngoài việc được bồi thường, người có đất thu hồi còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tái định cư và hỗ trợ khác. Đến

nay, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn. Đã quy định và phân định rõ trách nhiệm các sở, ban, ngành, các đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhờ đó đã bước đầu khắc phục được tình trạng thu hồi đất tràn lan, lãng phí đất.

Theo quy định của Luật Đất đai (khoản 2 Điều 74), trường hợp có quỹ đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích với loại đất thu hồi. Việc quy định như trên đã làm hạn chế phương thức thực hiện bồi thường bằng đất trong trường hợp địa phương không có quỹ đất có cùng mục đích với loại đất thu hồi nhưng lại có quỹ đất có mục đích khác, trong khi nhu cầu của người có đất thu hồi lại mong muốn được nhận bồi thường bằng đất hoặc nhà, không nhận bồi thường bằng tiền. Luật Đất đai cũng chưa có chính sách cụ thể về cơ chế hỗ trợ đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật mà không có khả năng lao động, sản xuất, là thành viên trong các hộ gia đình có đất thu hồi mà thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo trợ xã hội. Do đó, dẫn đến các đối tượng này chưa có nguồn thu nhập thường xuyên để ổn định cuộc sống khi bị mất đất sản xuất.

Hiện nay, việc tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập của nhiều Dự án được triển khai tại bước thực hiện dự án sau khi đã hoàn thiện các thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư. Do đó, việc chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng dẫn tới kéo dài thời gian thực hiện dự án, tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ làm đội vốn đầu tư, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh dự án, làm chậm tiến độ thực hiện chung của dự án.

Ngoài ra, Thành phố đang triển khai rất nhiều dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đặc biệt có những dự án có chi phí rất cao trên 10.000 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường chiếm tỷ lệ từ 50 - 70%). Để thực hiện các dự án nói trên thì nhu cầu về vốn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là rất lớn, nhưng khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh còn hạn chế do phải điều tiết phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các dự án trọng điểm, cấp thiết khác như Vành đai 3, dự án chống ngập, tuyến Metro số 2, ... Về nguyên tắc, thay vì phải bỏ ra chi phí rất lớn để đầu tư các dự án nêu trên, thì cần dùng đòn bẩy kinh tế bằng cách sử dụng quỹ đất và công cụ quy hoạch để quy hoạch thành các khu đất tái định cư, người dân bị thu hồi đất sẽ được bồi thường bằng cùng loại đất, nếu khác loại đất thì sẽ được hoán đổi theo tỉ lệ tương ứng và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm triển khai dự án.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Khắc phục các vướng mắc trong thực tế triển khai, đảm bảo quyền lợi, tạo sinh kế bền vững cho người có đất thu hồi, bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, góp phần giảm khiếu nại, khiếu kiện về đất đai.

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, góp phần đẩy nhanh thời gian chuẩn bị dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án làm đội vốn đầu tư dự án.

Bên cạnh đó, một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “*Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư, để người dân có đất bị thu hồi phải có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống bằng hoặc tốt hơn*”.

Thể chế hóa định hướng trên, Khoản 2, 3 Điều 89 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định:

“Điều 89. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

2. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo thu nhập và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

3. Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở”.

Các giải pháp này mang lại hiệu quả kinh tế rất cao như: Nhà nước không cần phải chi một số tiền quá lớn để đầu tư xây dựng các công trình trong điều kiện nguồn vốn ngân sách hạn chế không đáp ứng kịp thời cùng lúc thực hiện nhiều công trình thì phương thức bồi thường bằng đất ở hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật là rất cần thiết, điều tiết giá trị tăng thêm cho người có đất bị thu hồi, rút ngắn thời gian thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, giải quyết hài hòa quyền lợi giữa Nhà nước và người dân, khắc phục tình trạng các dự án treo, dự án bị kéo dài.

Chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, người dân có đất thu hồi phải có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, đạt mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tránh lãng phí và đây cũng là tập quán, thói quen của dân tộc Việt Nam với mong muốn tái định cư tại chỗ sẽ tạo sự đồng thuận cho người dân có đất thu hồi trong dự án, cũng như trong nhân dân khi triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đề án thí điểm này. Quan điểm xây dựng Đề án là xây

dựng cơ chế, chính sách để tạo sự chủ động, thông thoáng, linh hoạt trong triển khai dự án phù hợp với từng đối tượng, loại hình sử dụng đất để khơi dậy tiềm năng, phát huy cao nhất giá trị nguồn lực đất đai.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế cho phép đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh các chi phí, thủ tục do không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật.

- Đối với người dân: không được lựa chọn hình thức bồi thường bằng đất sản xuất kinh doanh đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất để phát triển kinh tế gia đình.

* Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo được sự ổn định của chính sách tránh sự so bì của những người có đất bị thu hồi đã áp dụng chính sách trước đây với người mới bị thu hồi áp dụng chính sách mới.

- Đối với người dân: có thể tác động đến tâm lý của các cá nhân, hộ gia đình, tiềm ẩn nguy cơ khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: mang lại hiệu quả kinh tế rất cao như: Nhà nước không cần phải chi một số tiền quá lớn để đầu tư xây dựng các công trình trong điều kiện nguồn vốn ngân sách hạn chế không đáp ứng kịp thời cùng lúc thực hiện nhiều công trình thì phương thức bồi thường bằng đất ở hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật là rất cần thiết, điều tiết giá trị tăng thêm cho người có đất bị thu hồi, rút ngắn thời gian thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, giải quyết hài hòa quyền lợi giữa Nhà nước và người dân, khắc phục tình trạng các dự án treo, dự án bị kéo dài. Ngoài ra, đảm bảo quyền lợi cho người có đất nông nghiệp, đất ở thu hồi có thể nhận bồi thường bằng đất sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình.

* Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Tạo điều kiện cho địa phương linh hoạt trong việc thực hiện bồi thường đất, đặc biệt đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất khác phù hợp, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các Dự án đầu tư.

- Đối với người dân: người dân có đất thu hồi có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, đạt mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tránh được lãng phí. Đây cũng là tập quán, thói quen của dân tộc Việt Nam với mong muốn tái định cư tại chỗ sẽ tạo được sự đồng thuận cho người dân có đất thu hồi trong dự án, cũng như trong nhân dân khi triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đề án thí điểm này. Tuy nhiên, việc thay đổi nội dung về hình thức bồi thường có thể phát sinh các khiếu nại, khiếu kiện, so bì giữa người có đất bị thu hồi đã áp dụng chính sách trước đây với người mới bị thu hồi áp dụng chính sách mới.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: quy định này chỉ đề ra về mặt nguyên tắc không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện được áp dụng tương tự các quy định theo Luật Đất đai 2013.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Ngoài ra, chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

6. Cơ chế cho phép Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Đến thời điểm hiện tại, chưa có quy định nào của pháp luật quy định về nội dung này.

Quy định về tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm đã được quy định từ Nghị định số 85-CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được nhà nước giao đất, cho thuê đất; được tiếp tục duy trì tại Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 đã góp phần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có tiềm lực tài chính hạn chế có thể tiếp cận đất đai với chi phí trả tiền thuê đất hàng năm với giá rẻ. Tuy nhiên, sau hơn 25 năm phát triển tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước đã phát triển, thị trường tín dụng có thể cung cấp nguồn tài chính giúp doanh nghiệp chủ động được nguồn vốn, sản xuất kinh doanh. Quy định về cho thuê đất trả tiền hàng năm với hạn chế về quyền sử dụng đất được tham gia giao dịch về chuyển quyền đã xuất hiện những hạn chế để thúc đẩy phát triển thị trường, tạo ra những giao dịch ngầm về quyền sử dụng đất khi bán tài sản gắn liền với đất, có thể gây thất thoát tài sản nhà nước khi Nhà nước cổ phần hóa, thoái vốn tại những doanh nghiệp giữ phương án sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm.

Mặt khác, chính sách mới được ban hành tại Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã có các nhiệm vụ giải pháp có mối liên hệ chặt chẽ với chính sách thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm gồm: “Chủ yếu thực hiện việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất”; “Cơ bản thực hiện hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm, trừ những trường hợp đặc biệt sẽ được trả tiền thuê đất một lần theo quy định của pháp luật..”. Đây là quan điểm mới sẽ phải thể chế trong Luật Đất đai (sửa đổi) nhưng có tác động lớn đến việc “thương mại hoá quyền sử dụng đất” và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nguồn thu ngân sách nhà nước.

Thứ nhất, Nhà nước phải bỏ ra một lượng tiền lớn để thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người dân nhưng lại chỉ thu được một lượng tiền nhỏ được trả hàng năm (Điều 4 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định). Dẫn đến ngân sách nhà nước không đảm bảo, không đảm bảo nguyên tắc thu hồi được vốn đầu tư phát triển quỹ đất.

Thứ hai, theo quy định hiện hành thì người thuê đất trả tiền hàng năm không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi đó các giao dịch bất động sản thương mại, sản xuất kinh doanh sẽ giảm đáng kể. Nhà nước không thu được thuế thu nhập và lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thứ ba, đặt trong mối quan hệ với quan điểm của dự thảo Nghị quyết là “chủ yếu thực hiện việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất” sẽ dẫn đến bất cập về nguồn vốn ban đầu Nhà nước phải bỏ ra lớn về chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chi phí xác định giá đất khởi

điểm để đấu giá, đấu thầu, chi phí tổ chức đấu giá đấu thầu là lớn nhưng lại chỉ cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thứ tư, hệ thống tài chính ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng do đối tượng được thế chấp bằng quyền sử dụng đất bị giảm do quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm không được thế chấp.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Thành phố, số lượng các trường hợp tổ chức đang sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm là rất lớn, tuy nhiên các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm tại Điều 175 Luật Đất đai 2013 vẫn hạn chế, chưa cho phép thực hiện đối với quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng “quyền thuê đất” đóng tiền hàng năm. Việc này gây nhiều khó khăn trên thực tế cho các tổ chức sử dụng đất khi muốn thực hiện các quyền trên dẫn đến các tình trạng như:

- Đối với chuyển nhượng là tình trạng “lách luật, né thuế” khi chỉ đăng ký, kê khai việc chuyển nhượng tài sản trên đất nhưng thực tế đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và tài sản trên đất.

- Đối với thế chấp là tình trạng các ngân hàng thẩm định giá trị tài sản thế chấp để cho vay lớn hơn thực tế (gồm cả giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm chứ không chỉ thẩm định riêng tài sản trên đất.

- Đối với cho thuê là việc tổ chức sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm không thể cho thuê được quyền sử dụng đất này mà chỉ cho thuê được tài sản trên đất dẫn đến những hạn chế trong việc khai thác, sử dụng theo nhu cầu, mục đích và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì những lý do trên, có thể nói việc hạn chế, chưa cho phép các tổ chức sử dụng đất thực hiện các quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng “quyền thuê đất” đóng tiền hàng năm đã “kèm hãm” nguồn lực đất đai và chưa hiện thực hóa được chủ trương “xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả” theo tinh thần, định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW . Do đó, cần có cơ chế để tạo điều kiện cho nhà đầu tư chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, kích thích doanh nghiệp phát triển, đồng thời nhằm đảm bảo đất được tham gia rộng rãi thị trường bất động sản.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế Nghị quyết số 18-NQ/TW về các nội dung liên quan đến phát huy nguồn lực đất đai và đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất.

- Hoàn thiện hơn nữa các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình sử dụng đất.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu, người sử dụng đất chỉ có quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Nội dung quy định về các quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng đối với “quyền thuê đất” trả tiền hàng năm của tổ chức kinh tế sử dụng đất là một trong những chính sách mới của dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), nội dung này đã được Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 như sau:

“Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm

1. Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

....

b) Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam;

c) Bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật này; người mua tài sản gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất theo mục đích đã được xác định;

d) Góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê; người nhận góp vốn bằng tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất theo mục đích đã được xác định”.

Nhằm giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, đặc biệt là việc ngăn chặn các trường hợp giao dịch không đăng ký tại cơ quan nhà nước. Ngoài ra, để có cơ sở hiện thực hóa chủ trương “xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả” theo tinh thần, định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW. Trên cơ sở kết quả đánh giá tác động khi dự thảo quy định trên vào dự thảo Luật Đất đai sửa đổi và ý kiến thống nhất cho phép thí điểm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thành phố kiến nghị Quốc hội xem xét, cho phép Thành phố được thí điểm thực hiện trước đối với cơ chế, chính sách này làm tiền đề để đánh giá mức độ khả thi của quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế cho phép Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

- Đối với Nhà nước: Việc thực hiện theo phương án này không có tác động tích cực về kinh tế do giữ nguyên như quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc thực hiện theo phương án này có thể dẫn đến thiệt hại kinh tế nghiêm trọng do các giao dịch về quyền sử dụng đất trong nền kinh tế bị ngưng trệ do cơ bản chuyển sang thuê đất trả tiền hàng năm.

- Đối với người dân: Việc thực hiện theo phương án này không có tác động tích cực về kinh tế do giữ nguyên như quy định hiện hành, nhưng khiến người dân thuê đất trả tiền hàng năm không có quyền về đất để huy động vốn từ ngân hàng và chuyển nhượng cho chủ thể khác khi cần.

- Đối với doanh nghiệp: Tương tự tác động với người dân, ngoài ra, các tổ chức sử dụng đất vẫn gặp những khó khăn, vướng mắc trong vấn đề này, những nội dung bất cập đã phân tích vẫn tồn tại, ngoài ra “kềm hãm” sự phát triển của nguồn lực đất đai

- Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: không có tác động về xã hội do giữ nguyên như quy định hiện hành.

- Đối với người dân và doanh nghiệp: tạo tâm lý trong xã hội là hệ thống pháp luật đất đai chưa có sự cởi mở, khuyến khích các giao dịch đất đai.

- Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này sẽ không thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 “*Đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất*”. Việc thực hiện theo phương án này tuy giúp pháp luật đất đai có sự phân biệt về quyền giữa các hình thức sử dụng đất song lại làm hạn chế các quyền tài sản của người thuê đất với thời hạn 50 năm, chưa phù hợp với cách thức pháp luật nhiều nước trên thế giới cho phép nhằm phát huy nguồn lực đất đai. Tuy nhiên, có thể làm cho hệ thống pháp luật đất đai có những bất cập nội tại giữa quy định về cơ bản cho thuê đất trả tiền hàng năm nhưng lại không có quyền chuyển nhượng quyền thuê.

b) Giải pháp 2:

*** Tác động về kinh tế:**

- Đối với Nhà nước: Việc bổ sung quy định cho phép chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất đồng thời người sử dụng đất phải nộp các loại thuế khi chuyển nhượng sẽ giúp ổn định nguồn thu từ đất. Tuy nhiên, việc thực hiện theo phương án này Nhà nước sẽ mất một khoản chi phí để sửa đổi các văn bản pháp luật có quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm.

Thế chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW về thương mại hóa quyền sử dụng đất và cơ bản thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm và xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả. Tạo điều kiện khơi thông nguồn lực đất đai, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người sử dụng đất nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai, góp phần phát triển đất nước. Ngoài ra góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng.

- Đối với người dân: Việc thực hiện theo Phương án 1 khuyến khích được các giao dịch đất đai của người dân trong nền kinh tế thị trường; khuyến khích doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào đất; khi người sử dụng đất chuyển nhượng, bản thân giá trị địa tô từ đất đã gia tăng và nhà nước sẽ tiếp tục thu được thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Đối với doanh nghiệp: Việc thực hiện theo Phương án khuyến khích được các giao dịch đất đai của người dân trong nền kinh tế thị trường; khuyến khích doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào đất; khi người sử dụng đất chuyển nhượng, bản thân giá trị địa tô từ đất đã gia tăng và nhà nước sẽ tiếp tục thu được thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

* Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Giúp minh bạch hóa thị trường quyền sử dụng đất, người dân được thỏa thuận đúng giá trị của quyền sử dụng đất, tài sản và các quyền tài sản gắn liền với đất khi tham gia giao dịch; giúp giá đất phản ánh đúng giá trị thị trường; chống các giao dịch ngầm trong lĩnh vực đất đai.

- Đối với người dân và doanh nghiệp: tạo tâm lý tốt cho người sử dụng đất, đặc biệt là các tổ chức yên tâm, đẩy mạnh đầu tư vào đất (đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị máy móc, áp dụng khoa học kỹ thuật...). Ngoài ra, là cơ sở để các doanh nghiệp hạch toán giá trị quyền sử dụng đất vào tài sản của doanh nghiệp, minh bạch các giao dịch chuyển nhượng, thế chấp... Tuy nhiên, người thuê đất trả tiền hàng năm sẽ phải nộp thuế, phí khi thực hiện quyền chuyển nhượng, thế chấp.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính. Việc đăng ký thế chấp, chuyển nhượng và cho thuê quyền sử dụng đất trả tiền hàng năm

thực hiện theo quy định của Điều 95 Luật Đất đai 2013 và theo các biểu mẫu, thủ tục được hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật có liên quan.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Ngoài ra, sẽ thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về “*Đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất*” và việc bổ sung quy định này giúp đảm bảo và tăng cường khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

7. Cơ chế xử lý bất cập trong thu hồi đất, giao đất, tính tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực

7.1. Xác định vấn đề bất cập:

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đã dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 101 của Luật. Tuy nhiên, trên địa bàn thành phố vẫn còn nhiều dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo hình thức Hợp đồng BT đã được Thành phố ký kết Hợp đồng thực hiện dự án với các Nhà đầu tư trúng thầu trước ngày này (Trong hợp đồng đã xác định quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư là các quỹ đất công). Tuy nhiên, do Luật Đất đai 2013 chưa có quy định về việc Nhà nước thực hiện thu hồi đất để thanh toán quỹ đất cho nhà đầu tư thực hiện Dự án theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) mà chỉ có một số quy định có thể áp dụng như cơ chế Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 đối với quỹ đất thanh toán sử dụng vào mục đích xây dựng khu đô thị mới hoặc khu dân cư nông thôn mới. Đối với các trường hợp còn lại như quỹ đất sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ thì không áp dụng cơ chế nhà nước thu hồi đất được dẫn đến các vướng mắc kéo dài cho đến nay. Các trường hợp cụ thể như sau:

STT	Tên dự án BT	Quỹ đất nhà nước quản lý dự kiến thanh toán	Diện tích (ha)	Thông tin quy hoạch
1	Dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi	Lô C8A – Khu A – Khu đô thị mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, Quận 7	0.55	- Chức năng sử dụng đất: đất hỗn hợp (dịch vụ công cộng – thương mại – căn hộ).

	khí hậu (giai đoạn 1)			<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ xây dựng khối đế: 60%. - Mật độ xây dựng khối cao tầng: 40%. - Hệ số sử dụng đất tối đa: 10 lần, trong đó chức năng ở 05; chức năng dịch vụ công cộng, thương mại 05.
2		Khu đất 232 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, Quận 9 (nay thuộc TP Thủ Đức)	1.76	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ. - Mật độ xây dựng tối đa: 40%. - Hệ số sử dụng đất: tối đa 8,0, trong đó, chức năng ở 6,0; chức năng thương mại dịch vụ 2,0.
3		Khu đất tại số 762 Bình Quới, Phường 26, quận Bình Thạnh	0.4298	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: một phần đất giao thông, phần còn lại thuộc quy hoạch đất nhóm ở hiện hữu kết hợp xây dựng mới). - Mật độ xây dựng: 60%. - Hệ số sử dụng đất: 3,0.
4	Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa - Quốc lộ 1, TP Thủ Đức	Khu đất tại số 234 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1	0.06423	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất phù hợp quy hoạch là nhà ở hoặc nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; - Hệ số sử dụng đất: 7,0; - Mật độ xây dựng:

				65%; - Tầng cao: tối đa 12 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD);
5		Khu đất số 582 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân	1.22403	Có phần lớn diện tích thuộc ô ký hiệu II-42A chức năng đất nhóm nhà ở quy hoạch ngắn hạn; phần diện tích còn lại thuộc quy hoạch đường giao thông. Chi tiêu quy hoạch kiến trúc của ô phố II-42A: - Mật độ xây dựng: 40% (trường hợp có bố trí khối để thì mật độ xây dựng khối để $\leq 50\%$); - Tầng cao: 2 – 10 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD); - Hệ số sử dụng đất tối đa: 5,0;
6		Khu đất số 132 đường Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10	1.06185	- Chức năng quy hoạch sử dụng đất chung cư kết hợp thương mại dịch vụ. Chi tiêu quy hoạch kiến trúc của ô phố II-B27 như sau: -Diện tích: 10.618,5m ² ; - Cây xanh công cộng: 2.100m ² ; - Đất xây dựng chung cư: 8.518,6m ² ; - Chi tiêu sử dụng đất nhóm nhà ở: 5m ² /người;

			<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ xây dựng: 40%; - Tầng cao: 25 tầng; - Hệ số sử dụng đất: 8,5 (trong đó chức năng ở: 6,5; chức năng thương mại – dịch vụ: 2). 	
7		Khu đất số 12 Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3	0.094	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất phù hợp quy hoạch là nhà ở hoặc nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; - Hệ số sử dụng đất: 7,0; - Mật độ xây dựng: 65%; - Tầng cao: tối đa 12 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD;

Tổng diện tích của 07 quỹ đất thanh toán là 5,18126ha, tuy không nhiều nhưng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng của Thành phố đã tồn đọng trong thời gian dài. Do đó, việc cần có giải pháp để giải quyết vấn đề này là rất cần thiết.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Việc cho phép Thành phố thí điểm áp dụng các quy định trên để giải quyết việc giao, cho thuê đất đối với các quỹ đất công đã được chấp thuận chủ trương sử dụng để thanh toán cho các Nhà đầu tư trúng thầu dự án đầu tư theo hình thức BT trước đây sẽ góp phần giải quyết được các vướng mắc trong thời gian qua, giải tỏa được tâm lý của các Nhà đầu tư đã trúng thầu các dự án BT. Ngoài ra sẽ tối đa hóa được giá trị quyền sử dụng các khu đất dự kiến sử dụng thanh toán theo tinh thần của Nghị quyết 18-NQ/TW, tăng thêm các nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách thành phố nói riêng.

7.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế xử lý bất cập trong thu hồi đất, giao đất, tính tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc thực hiện nghĩa vụ đã ký kết tại các Hợp đồng đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Thành phố.

* Tác động về mặt xã hội: có thể tác động đến tâm lý của các Chủ đầu tư đã thực hiện dự án BT, chủ thể hợp đồng ký kết với Thành phố, trong đó có nhiều chủ thể là các Nhà đầu tư nước ngoài, tiềm ẩn nguy cơ khiếu nại, khiếu kiện Thành phố nói riêng và Nhà nước nói chung tại các cơ quan tài phán quốc tế liên quan đến nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: hoàn thành nghĩa vụ của Thành phố với vai trò là chủ thể ký kết các hợp đồng đầu tư dự án PPP – Hợp đồng BT (bản chất là các hợp đồng kinh tế) được ký kết với các đối tác trong và ngoài nước. Trực tiếp cải thiện môi trường đầu tư của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

* Tác động về mặt xã hội: Tạo tâm lý ổn định cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc tìm hiểu, đẩy mạnh đầu tư tại Thành phố. Giải pháp này không trực tiếp tác động đến quyền lợi của người dân do quỹ đất thanh toán cho các Hợp đồng là quỹ đất công.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện được áp dụng tương tự các quy định theo Luật Đất đai 2013.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Ngoài ra, chính sách về đất đai

được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

8. Chính sách phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện

8.1. Xác định vấn đề bất cập:

Đến thời điểm hiện tại, chưa có quy định nào của pháp luật quy định về nội dung này.

Pháp luật về đất đai đã quy định các nguyên tắc định giá đất, trong đó có nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường; quy định 5 phương pháp định giá đất (so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư và hệ số điều chỉnh giá đất); quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm 01 lần làm căn cứ xây dựng Bảng giá đất; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm 01 lần để sử dụng vào các trường hợp tính thuế, phí, lệ phí...; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể để sử dụng vào các trường hợp giao đất, cho thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất...; quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và trách nhiệm của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013, điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT đều quy định thẩm quyền xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đặc thù của Thành phố có nhiều dự án cần thực hiện thủ tục này cùng lúc, dẫn đến thời gian thực hiện thủ tục hành chính về xác định giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ kéo dài. Do đó, cần phải có cơ chế, chính sách đặc thù để cải cách thời gian thực hiện thủ tục này.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thực hiện chủ trương của Đảng về hoàn thiện cơ chế định giá đất:

+ Bỏ khung giá đất, có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất, thẩm định giá đất.

+ Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất. Có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: Công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng, không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các vi phạm...

- Hạn chế những bất cập nhằm bảo đảm giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường, cân bằng lợi ích các bên và phát huy hiệu quả trong quản lý, sử dụng đất đai ở Việt Nam.

- Một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “*Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư, để người dân có đất bị thu hồi phải có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống bằng hoặc tốt hơn*”.

Ngoài ra, Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trình Quốc hội đã bổ sung thẩm quyền quyết định giá đất cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan quản lý đất đai cùng cấp như sau:

“Điều 155. Giá đất cụ thể

2. Việc quyết định giá đất cụ thể thực hiện theo quy định sau đây:

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết, thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức việc xác định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh, cơ quan quản lý đất đai cấp huyện được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể. Cơ quan quản lý đất đai trình Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định kết quả tư vấn xác định giá đất; căn cứ kết quả của Hội đồng thẩm định giá đất trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định”.

Quy định nêu trên tại dự thảo giúp tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động, gắn trách nhiệm của Chính quyền địa phương theo Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là giải pháp tăng thẩm quyền, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương trong chủ động thực hiện và rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực này.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Chính sách phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa tạo sự chủ động, linh hoạt của địa phương trong việc thực hiện xác định giá đất phù hợp với từng khu vực.

* Tác động về mặt xã hội: có thể tác động đến tâm lý của các cá nhân, hộ gia đình, tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sử dụng đất.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: Góp phần cắt giảm một số chi phí do giảm bớt quy trình thủ tục, đồng thời tạo sự chủ động linh hoạt cho địa phương trong việc xác định giá đất cho các cá nhân, hộ gia đình.

* Tác động về mặt xã hội: tạo tâm lý dễ người sử dụng đất yên tâm, tăng thẩm quyền cho địa phương liên quan đến việc xác định giá đất.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: góp phần cắt giảm một số bước trong quy trình thủ tục trình, phê duyệt giá đất. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như trách nhiệm của người đứng đầu góp phần triển khai hiệu quả Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

9. Chính sách xử lý thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước đối với các dự án lấn biển

9.1. Xác định vấn đề bất cập:

Đối với các dự án lấn biển, việc giao đất, cho thuê đất, thuê đất có mặt nước vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tuy nhiên, phần đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm, bồi lấp của các dự án lấn biển chưa được quy định về việc áp dụng trình tự giao thuê trong các Luật trên, gây nên những khó khăn bất cập cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc áp dụng căn cứ pháp luật để thực hiện các thủ tục giao thuê. Do đó, việc ban hành quy định để làm rõ việc áp dụng pháp luật trong trường hợp này là rất cần thiết.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Làm rõ hơn các trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Tại điểm k khoản 2 Điều 78 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định:

“Điều 78. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là các dự án phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thực hiện chính sách về phát triển hạ tầng, đô thị, nông nghiệp, nông thôn; giải quyết các vấn đề chính sách xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản văn hóa, phân bổ công bằng, hài hòa giá trị tăng thêm từ đất, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nhằm phát triển kinh tế của đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng bao gồm:

...2. Dự án công trình để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này bao gồm:

...k) Dự án lấn biển”.

Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã có ý kiến về nội dung đề xuất này theo hướng thống nhất và trình Quốc hội xem xét quyết định theo thẩm quyền do “*Đây là nội dung vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) cũng đã đề xuất nội dung này theo hướng diện tích dự án lấn biển thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất*”.

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm nội dung này sẽ giúp tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng từ các khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu dự án có sử dụng đất hình thành sau khi thực hiện việc lấn biển thông qua nhận chìm và bồi lấp vật chất tạo quỹ đất.

9.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Chính sách xử lý thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước đối với các dự án lấn biển.

9.4. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc phát triển các dự án lấn biển trên địa bàn Thành phố. Chưa tạo được cơ chế đột phá cho Thành phố trong việc huy động được những nguồn lực tài nguyên sẵn có.

* Tác động về mặt xã hội: Hạn chế xu hướng năng động, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố để ứng dụng trong việc đầu tư, phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc phát triển các dự án lấn biển. Là cơ sở để các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh nghiên cứu, tư duy sáng tạo trong đầu tư những ngành nghề mà Nhà nước không cấm. Trực tiếp cải thiện môi trường đầu tư của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

* Tác động về mặt xã hội: Tạo tâm lý ổn định cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc tìm hiểu, đẩy mạnh đầu tư tại Thành phố. Giải pháp này không trực tiếp tác động đến quyền lợi của người dân do quỹ đất được hình thành từ việc lấn biển.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

- Đối với phần diện tích mặt nước thì thực hiện việc cho thuê theo Luật Biển Việt Nam và Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm sẽ được thực hiện cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.

9.5. Kiến nghị:

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

10. Cơ chế xử lý đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp mà chủ đầu tư mua tài sản phát mãi từ các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất

10.1. Xác định vấn đề bất cập:

10.1.1. Hiện nay tổ chức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp nếu hết thời hạn thì được gia hạn và phải chuyển sang thuê đất (Khoản 29 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

- Đối với tổ chức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp nếu đất nông nghiệp hết thời hạn sử dụng, pháp luật không quy định việc gia hạn.

- Bên cạnh đó, quy định gia hạn sử dụng đất nông nghiệp chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân (Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) và cơ sở tôn giáo (Khoản 48 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

Trường hợp chủ đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án nhưng chưa hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng đất (chưa có Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất) thì thời hạn sử dụng đất nông nghiệp đã hết (do đa số các quyền sử dụng đất nông nghiệp được cấp theo Luật Đất đai năm 1993 có thời hạn 20 năm, nay đã hết hạn).

a) Việc không có quy định dẫn tới lúng túng trong việc giải quyết thủ tục đất đai liên quan đến:

- Cho phép nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án (bao gồm chuyển nhượng từ người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân và chủ đầu tư đã nhận chuyển nhượng nay không tiếp tục thực hiện dự án chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư kế tiếp thực hiện dự án).

- Chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Hiện nay rất nhiều vụ việc khi thi hành án (trong đó có trường hợp vụ án bà Hứa Thị Phấn) thì quyền sử dụng đất nông nghiệp đã hết thời hạn sử dụng.

Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân hết thời hạn sử dụng 20 năm khi thực hiện thế chấp bằng quyền sử dụng đất thì Ngân hàng buộc phải thực hiện trước thủ tục gia hạn. Điều này cũng gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

b) Việc không gia hạn gây tác động tiêu cực đến thực hiện các thủ tục hành chính, khó khăn cho cơ quan Nhà nước giải quyết các thủ tục đất đai và cả về phía người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của người có quyền sử dụng đất hợp pháp chỉ vì chưa thực hiện thủ tục gia hạn, trong khi theo Luật Đất đai năm 2013, thời hạn sử dụng đất nông nghiệp nay thống nhất là 50 năm (Khoản 1 Điều 126).

Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân cần phải được Nhà nước bảo hộ trong mọi trường hợp mà không liên quan đến thời hạn sử dụng đất, trừ trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp giao, cho thuê vượt hạn mức.

Thực tế việc sử dụng đất nông nghiệp tại Miền Nam có nguồn gốc do ông, bà để lại, do đó việc buộc phải gia hạn mới thực hiện các quyền là không phù hợp.

Việc thực hiện thủ tục gia hạn trong trường hợp này là không thật sự cần thiết.

10.1.2. Khoản 6 Điều 27 Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư quy định: “Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện gia hạn hoạt động quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nhưng không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo từng năm cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư chỉ thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án cho năm đầu tiên gia hạn.”

Như vậy, trong trường hợp dự án có sử dụng đất hết thời hạn hoạt động, dự án vẫn đáp ứng được các điều kiện về giao đất, cho thuê đất, môi trường, công nghệ nhưng quy hoạch tại vị trí thực hiện dự án thay đổi thành mục đích khác và nhà nước chưa có nhu cầu thu hồi đất để thực hiện theo quy hoạch (chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện) thì pháp luật về đầu tư cho gia hạn thời hạn hoạt động của dự án hàng năm để dự án vẫn được tiếp tục hoạt động, tránh lãng phí đất đai trong thời gian quy hoạch chưa được thực hiện.

Tuy nhiên, pháp luật về đất đai hiện chưa hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất hàng năm trong trường hợp này -> Có sự không thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai.

Ngày 25/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 6241/SKHĐT-KTĐN đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xử lý vấn đề này. Hai Bộ đã có văn bản trả lời (Số 2434/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 29/9/2022 của Tổng cục quản lý đất đai và số 7575/BKHĐT-PC ngày 21/10/2022) trả lời nhưng 2 Bộ đang đề nghị tham khảo Bộ còn lại và chưa hướng dẫn xử lý.

Do vậy, đề nghị bổ sung để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tránh lãng phí đất đai trong thời gian quy hoạch chưa được thực hiện

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tại khoản 1 Điều 168 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trình Quốc hội đã có quy định như sau:

“Điều 168. Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất

1. Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với loại đất có quy định thời hạn là thời gian sử dụng đất còn lại của thời hạn sử dụng đất trước khi nhận chuyển quyền sử dụng đất. Khi hết thời hạn sử dụng đất, nếu có nhu cầu thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất được Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất.

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức sử dụng của hộ gia đình, cá nhân thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận quyền sử dụng đất trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ, quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành mà hết hạn sử dụng đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì được Nhà nước xem xét cho gia hạn theo thời hạn quy định tại Điều 166 của Luật này”.

Việc cho phép Thành phố thí điểm thực hiện trước cơ chế này sẽ giải quyết được những vướng mắc bất cập hiện tại. Khởi thông tâm lý cho người sử dụng đất.

10.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế xử lý đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp mà chủ đầu tư mua tài sản phát mãi từ các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất.

10.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: gây tác động khó khăn cho cơ quan Nhà nước giải quyết các thủ tục đất đai và cả về phía người dân, doanh nghiệp. Gián tiếp ảnh hưởng đến việc hạch toán giá trị tài sản, quyền sử dụng đất vào nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, qua đó ảnh hưởng đến việc kiểm tra thuế, tài chính của Nhà nước.

* Tác động về mặt xã hội: ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của người có quyền sử dụng đất hợp pháp chỉ vì chưa thực hiện thủ tục gia hạn, trong khi theo Luật Đất đai năm 2013.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Về kinh tế: giải quyết được những vướng mắc bất cập hiện tại. Tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất, đặc biệt là các tổ chức hạch toán được giá trị tài sản, quyền sử dụng đất vào nguồn vốn chủ sở hữu, qua đó cũng tạo được điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về thuế, tài sản.

* Về mặt xã hội: Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước bảo hộ trong mọi trường hợp mà không liên quan đến thời hạn sử dụng đất, trừ trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp giao, cho thuê vượt hạn mức.

* Về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Về thủ tục hành chính: thủ tục hành chính thực hiện tương tự công tác đăng ký, gia hạn quyền sử dụng đất đã được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

* Về hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến. Tăng cường được hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

10.5. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

11. Cơ chế xác định các hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội và nhà ở thương mại

11.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở:

“3. Đất để phát triển nhà ở xã hội bao gồm:

a) Đất được Nhà nước giao để xây dựng nhà ở cho thuê, cho thuê mua, bán;

b) Đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng nhà ở cho thuê;

c) Diện tích đất ở trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư phải dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;

d) **Đất ở hợp pháp** của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân dùng để xây dựng nhà ở xã hội.”

- Tại điểm c Khoản 2 Điều 57 Luật Nhà ở năm 2014 quy định về chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội như sau:

“2. Đối với nhà ở xã hội được đầu tư không phải bằng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lựa chọn chủ đầu tư theo quy định như sau:

(...)

c) **Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền sử dụng đất hợp pháp**, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở, có đủ điều kiện làm chủ đầu tư và có nhu cầu xây dựng nhà ở xã hội thì doanh nghiệp, hợp tác xã đó được giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội.”

- Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở nêu trên, để phát triển nhà ở xã hội, ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở nêu trên, nhà đầu tư sẽ phải có đất ở thì mới có thể đề xuất thực hiện dự án nhà ở xã hội. Điều này đồng nghĩa với việc nếu nhà đầu tư đi nhận chuyển nhượng các loại đất khác không phải là đất ở hoặc nhà đầu tư đang có quyền sử dụng đất nhưng không phải là đất ở thì sẽ không đáp ứng được điều kiện để phát triển nhà ở xã hội theo quy định nêu trên.

- Quy định này thậm chí đang chặt hơn điều kiện để phát triển nhà ở thương mại vì tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở¹⁶ (được sửa đổi bởi Điều 4 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022) cho phép trong trường hợp nhà đầu tư vừa có đất ở vừa có đất khác không phải là đất ở

¹⁶ Điểm a Khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở (sửa đổi bởi): “Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 của Luật Nhà ở Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Có quyền sử dụng đất hợp pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này mà việc sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp thuộc diện Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và các trường hợp thu hồi khác theo quy định của pháp luật:

a) Có quyền sử dụng đất ở;

b) Có quyền sử dụng đất ở và đất khác không phải là đất ở đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

Sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định của pháp luật về đất đai.”

đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì vẫn có đủ điều kiện để phát triển nhà ở thương mại.

- Trên thực tế, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được nhiều hồ sơ thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở xã hội; trong đó Nhà đầu tư đính kèm tài liệu chứng minh Nhà đầu tư có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải là đất ở để thực hiện đầu tư dự án nhà ở xã hội hoặc nhà đầu tư có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Quyết định giao đất nhưng mục đích sử dụng đất hiện hữu không phải là đất ở. Trong các trường hợp này, căn cứ theo quy định của Điều 23 Luật nhà ở hoặc Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở nêu trên, nhà đầu tư sẽ không đáp ứng được điều kiện về đất để phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội.

- Trong khi đó, pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai đã có quy định cho phép thực hiện dự án nhà ở (nói chung) và nhà ở xã hội (nói riêng) trong trường hợp nhà đầu tư nhà đầu tư có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở và đất khác không phải là đất ở) hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

+ Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư quy định:

“Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất, trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật và đất đai;

b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;”

+ Khoản 1 Điều 193 Luật Đất đai quy định:

“Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án;”

Căn cứ các quy định nêu trên, Luật Đầu tư và Luật Đất đai cho phép trong trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở hoặc đất có mục đích sử dụng khác không phải là đất ở) hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bao gồm cả đất nông nghiệp) thì có thể sử dụng các đất này để đề xuất thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (bao gồm đầu tư xây dựng nhà ở xã hội).

- Để quản lý việc phát triển nhà ở, nhà nước còn công cụ là quy hoạch và kế hoạch, cụ thể như sau:

+ Theo quy định tại Điểm a và Điểm 3 Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, để thực hiện dự án, Đề xuất dự án phải phù hợp với quy hoạch¹⁷ và mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở.

Theo đó, nhà nước dùng công cụ quy hoạch để xác định khu vực nào sẽ được thực hiện dự án nhà ở xã hội và dùng kế hoạch để xác định trong giai đoạn nào sẽ được phát triển bao nhiêu nhà ở xã hội. Như vậy, nhà nước đã có các công cụ phù hợp để thực hiện việc quản lý nhà nước về phát triển nhà ở xã hội, tránh tình trạng mua gom đất, phát triển nhà ở xã hội một cách ồ ạt.

- Bên cạnh đó, tại các vị trí đã được quy hoạch để phát triển nhà ở xã hội và đã được đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nếu nhà nước không chấp thuận cho phép thực hiện dự án nhà ở xã hội do hiện trạng đất không phải là đất ở thì sẽ dẫn tới tình trạng đất đai tại địa điểm đó không được sử dụng một cách hiệu quả, gây lãng phí đất đai, cụ thể:

+ Nếu nhà đầu tư tiếp tục sử dụng đất theo mục đích cũ hoặc phát triển dự mới phù hợp với mục đích sử dụng đất theo mục đích hiện hữu thì sẽ không được chấp thuận do việc thực hiện theo mục đích cũ sẽ không phù hợp với quy hoạch đã được duyệt cho vị trí đó là để phát triển nhà ở.

+ Nếu nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích để phát triển nhà ở thì sẽ không phù hợp với quy định về việc phải có đất ở mới được phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội nêu trên tại Điểm d Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở.

- Ngoài ra, theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai, khi sử dụng đất để phát triển nhà ở xã hội thì không phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai, nhà đầu tư sẽ được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi phát triển nhà ở xã hội. Do vậy, việc chấp thuận cho nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở và các loại đất khác) hoặc chấp thuận cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải đất ở sẽ không dẫn tới tình trạng thiếu cạnh tranh hoặc không gây thất thoát về nguồn thu của nhà nước.

- Việc yêu cầu phải có đất ở mới được thực hiện nhà ở xã hội khiến có các khu đất có đủ điều kiện làm nhà ở xã hội ít đi, làm tăng chi phí đầu vào cho nhà đầu tư trong việc huy động quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, qua đó làm tăng giá nhà ở xã hội.

Nói tóm lại, việc Điểm d Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở quy định nhà đầu tư phải có đất ở mới được phát triển nhà ở xã hội đang khiến cho Luật Nhà ở không

¹⁷ Điểm a Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư quy định về nội dung thẩm định dự án: "Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có):"

đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai; không thể hiện rõ mục tiêu quản lý nhà nước, gây lãng phí đất đai, góp phần làm tăng giá nhà ở xã hội và là trở ngại pháp lý dẫn tới làm chậm tiến độ chủ trương thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội của Chính phủ.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai và Luật Nhà ở đang được sửa đổi, góp phần khai thác một cách hiệu quả nguồn lực đất đai. Tháo gỡ khó khăn pháp lý cho các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở thương mại khi thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này đồng thời góp phần khai thác một cách hiệu quả nguồn lực đất đai.

11.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Giải pháp 2: Cơ chế xác định các hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội và nhà ở thương mại.

11.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: vẫn còn vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao thuê đất, công nhận chủ đầu tư cho các doanh nghiệp, dẫn đến việc làm sụt giảm nguồn cung sản phẩm nhà ở, đẩy giá nhà trên địa bàn thành phố tăng cao. Ngoài ra ảnh hưởng đến các nguồn thu từ đất của ngân sách nhà nước.

* Tác động về mặt xã hội: Như đã phân tích, việc giữ nguyên quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở trong đó quy định nhà đầu tư phải có đất ở mới được phát triển nhà ở xã hội đang khiến cho Luật Nhà ở không đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai; không thể hiện rõ mục tiêu quản lý nhà nước, gây lãng phí đất đai, góp phần làm tăng giá nhà ở xã hội và là trở ngại pháp lý dẫn tới làm chậm tiến độ chủ trương thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội của Chính phủ..

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: Góp phần đẩy nhanh việc triển khai đầu tư các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tác động về mặt xã hội: góp phần đẩy nhanh việc triển khai các dự án nhà xã hội đang rất cấp thiết tại Thành phố Hồ Chí Minh, tránh hoang hóa, lãng phí nguồn tài nguyên đất đai khi chưa đưa vào triển khai thực hiện dự án theo đúng quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ vướng mắc, khó khăn đối với các dự án đã được chấp thuận chủ trương, chấp thuận đầu tư nhưng chưa đảm bảo quyền sử dụng đất ở, chưa được giao đất, chưa được chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đất đai. Tạo ra nguồn cung nhà ở trên thị trường, góp phần giảm giá nhà trên mặt bằng chung giải quyết nhu cầu về chỗ ở giá cả hợp lý cho người dân.

- Tác động về vấn đề giới: không có

- Tác động về thủ tục hành chính: không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Góp phần đảm bảo sự đồng bộ cho hệ thống pháp luật, trong đó có quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai và pháp luật về nhà ở.

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

12. Quy định về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:

12.1 Xác định vấn đề bắt cập

a) Về quy định pháp luật hiện hành

Công trình nhà đỗ xe cao tầng lắp ghép có thể bố trí tại các vị trí trên đất của đường bộ, đất công viên hoặc đất quy hoạch xây dựng công trình công cộng (nhưng chưa thực hiện dự án, chưa khai thác hết công năng). Tuy nhiên, việc xây dựng công trình này chưa có tiền lệ và cần xem xét đảm bảo đúng quy định.

Theo quy định tại Quy chuẩn 01:2021/BXD về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng có yêu cầu về diện tích đỗ xe tối thiểu mà các công trình (khách sạn, văn phòng cao cấp, trụ sở cơ quan đối ngoại, trung tâm hội nghị, triển lãm, trung bày, trung tâm thương mại, chung cư) phải đáp ứng để bảo đảm việc hoạt động bình thường, 100m² sàn sử dụng cho trung tâm thương mại thì chủ đầu tư công trình phải bảo đảm bố trí tối thiểu 1 chỗ đỗ xe ô tô (diện tích 25m²). Nơi để xe đạp xe máy, xe ô tô tại các cơ quan nhà nước thực hiện theo Tiêu chuẩn số TCVN 4601:2012.

b) Thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Khu vực trung tâm thành phố ngoài việc có nhiều công trình thu hút người dân đến mua sắm, làm việc như các trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng còn là

nơi có nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng như: đường đi bộ Nguyễn Huệ, công viên Bến Bạch Đằng, công viên 23 Tháng 9, công viên 30 Tháng 4, Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện Thành phố, Thảo cầm viên, các bảo tàng,... nhu cầu về đỗ xe của người dân tại các công trình, địa điểm này hiện là vấn đề cấp thiết.

Hiện nay, lượng ô tô thành phố quản lý khoảng hơn 850.000 phương tiện, cùng hơn 7,8 triệu xe máy (tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2021), chưa tính xe vắng lai từ địa phương khác. Số liệu ghi nhận từ Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn Quận 1, 3, 5 đang có hơn 21.500 phương tiện ô tô. Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm, xe ô tô đăng ký mới hơn 7.500 xe, tăng hơn 20% so với cùng kỳ. Trong khi hệ thống bến bãi ở thành phố hiện chỉ đạt khoảng 20% quy hoạch (thiếu hơn 900 ha so với chỉ tiêu gần 1.200 ha) khiến nhu cầu đỗ, giữ xe ngày càng bức bách, đặc biệt ở khu trung tâm thành phố.

Theo quy hoạch có 4 bãi đỗ xe ngầm kết hợp dịch vụ thương mại và công cộng trong khu vực 930ha tại: Sân khấu Trống Đồng, Công viên Lê Văn Tám, Công viên Tao Đàn và Sân vận động Hoa Lư (tổng công suất dự kiến là 5.708 xe ô tô, 5.793 xe 02 bánh) nhưng đến nay chưa có công trình nào được triển khai và hiện còn đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm 2022, thành phố đã đón hơn 11 triệu lượt khách nội địa¹⁸ (tăng 43% so với cùng kỳ năm ngoái) và đón được gần 500.000 lượt khách quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển khách du lịch, mỗi ngày thành phố phải tiếp nhận hàng nghìn lượt xe từ 30 chỗ trở lên và khoảng 6.000 xe dưới 30 chỗ.

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Theo Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai nhằm tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

Việc triển khai các công trình phục vụ lợi ích công cộng như: nhà đậu xe cao tầng lắp ghép; các công trình phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao..., xây dựng tạm thời là rất cần thiết nhằm góp phần giải quyết phần nào nhu cầu đỗ xe của nhân dân, doanh nghiệp tại khu vực trung tâm thành phố, góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông, tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đồng thời khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.

12.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh

¹⁸ Báo cáo số 949/BC-SDL ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Sở Du lịch về tình hình hoạt động du lịch 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm.

b) Giải pháp 2: Quy định về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

12.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: hạn chế khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng, hạn chế khả năng phát huy nguồn lực đầu tư, cũng như khả năng khai thác hiệu quả sử dụng đất do nhà nước quản lý.

- Tác động về mặt xã hội: hạn chế khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hạ tầng, hạn chế nhu cầu đậu xe, các hoạt động văn hóa xã hội khác và các hao phí xã hội do thiếu chỗ đậu xe.

- Tác động về vấn đề giới: không ảnh hưởng và tác động về vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: không thay đổi thủ tục hành chính.

- Tác động đối hệ thống pháp luật: không làm thay đổi hệ thống pháp luật

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng. Phát huy tối đa nguồn lực từ sử dụng đất, tổ chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

- Tác động về mặt xã hội: tăng khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hoàn thiện đô thị và hạ tầng đô thị, đặc biệt phát triển hạ tầng giao thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu đậu xe và giảm các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

- Tác động về vấn đề giới: không ảnh hưởng và tác động về vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: bổ sung thủ tục hành chính sau khi cơ chế đề xuất này được Chính phủ quy định chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện.

- Tác động đối hệ thống pháp luật: được bổ sung Nghị định quy định của Chính phủ đối với việc tổ chức áp dụng, triển khai cơ chế, chính sách sau khi Quốc hội thông qua.

12.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

13. Cơ chế khuyến khích đối với các Chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện

13.1. Xác định vấn đề bất cập

- Quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do Quốc hội ban hành: “Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Theo khoản 5 Điều 12 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, dịch vụ xử lý rác sinh hoạt nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.

- Quy định này gây vướng mắc, khó khăn như thế nào:

Hiện nay, chất thải rắn sinh hoạt (sau đây gọi tắt là CTRSH) phát sinh trên địa bàn Thành phố với khối lượng khoảng 10.000 tấn/ngày, đang được điều phối về 03 cơ sở xử lý CTRSH trong các khu liên hợp xử lý chất thải của Thành phố, cụ thể như sau:

- Nhà máy xử lý của Công ty Cổ phần Vietstar – KLH XLCTR Tây Bắc, huyện Củ Chi: 1.800 tấn/ngày;

- Nhà máy xử lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa – KLH XLCTR Tây Bắc, huyện Củ Chi: 1.000 – 1.400 tấn/ngày;

- Bãi chôn lấp Đa Phước của Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam – KLH XLCTR Đa Phước, huyện Bình Chánh: 3.000 tấn/ngày theo Hợp đồng và phần khối lượng CTRSH còn lại (tổng khối lượng về bãi chôn lấp Đa Phước khoảng 7.200 tấn/ngày).

Để thực hiện chỉ tiêu về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt “Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện) và tái chế đạt ít nhất 80% (hướng tới 2030: 100%)” trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và góp phần giải quyết vấn đề đảm bảo an ninh rác thải cho Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thực hiện các nhóm giải pháp như sau:

(1) Kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của các nhà máy hiện hữu. Đến nay, đã có một số nhà đầu tư được cấp Quyết định chủ trương đầu tư với công suất chuyển đổi công nghệ cao hơn công suất trong Hợp đồng đã ký kết với Thành phố (như Công ty Cổ phần Vietstar được cấp chủ trương đầu tư với công suất 2.000 tấn/ngày, công suất trong Hợp đồng là 1.200 tấn/ngày; Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa được cấp chủ trương đầu tư với công suất 2.000 tấn/ngày, công suất trong Hợp đồng là 1.000 tấn/ngày). Tuy nhiên, theo ý kiến của các Sở ngành Thành phố, để lựa chọn các dự án xử lý CTRSH thông qua hình thức đấu thầu đảm bảo đúng quy định pháp luật thì

Thành phố chỉ chuyển đổi công nghệ xử lý CTRSH của các nhà máy hiện hữu theo đúng công suất được quy định trong Hợp đồng đã ký kết giữa Thành phố với các đơn vị xử lý (cụ thể là Công ty Cổ phần Vietstar chỉ được chuyển đổi sang công nghệ đốt phát điện với công suất trong Hợp đồng là 1.200 tấn/ngày, Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa chỉ được chuyển đổi sang công nghệ đốt phát điện với công suất trong Hợp đồng là 1.000 tấn/ngày).

Hiện nay tiến độ thực hiện chuyển đổi công nghệ của tất cả các đơn vị còn khá chậm, vẫn đang ở bước hoàn thiện thủ tục pháp lý. Hiện 02 nhà máy của Công ty Vietstar và Công ty Tâm Sinh Nghĩa đang chờ quy hoạch điện, nếu thuận lợi dự kiến đến cuối năm 2024 mới hoàn thành và đi vào vận hành. Ngoài Công ty Vietstar và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa đã có giá đốt phát điện (theo văn bản số 3527/UBND-ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố), các đơn vị còn lại đều chưa hoàn thành báo cáo đầu tư dự án và chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đơn giá xử lý khi chuyển đổi công nghệ.

(2) Kêu gọi đầu tư dự án xử lý CTRSH mới theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại Hợp đồng BLT để xử lý khối lượng CTRSH phát sinh của Thành phố và khối lượng sau khi bãi chôn lấp của Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam đóng bãi, tuy nhiên tiến độ hiện nay đang ở bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng dự thảo quy trình chung đấu thầu và dự thảo này cũng cần nhiều thời gian hoàn thiện để có tính hiệu lực, hiệu quả cao vì đây là phương thức mới. Ngoài ra, loại hợp đồng BLT cũng chưa được các Bộ ngành hướng dẫn triển khai thực hiện cũng như chưa được áp dụng trên thực tế

Trên cơ sở hiện trạng chuyển đổi công nghệ trên địa bàn Thành phố và tiến độ thực hiện Dự án PPP như trên, nếu Thành phố không nhanh chóng triển khai các giải pháp để hỗ trợ các dự án chuyển đổi công nghệ kịp hoàn thành, đi vào vận hành trong năm 2024 thì từ năm 2024 trở đi, công tác xử lý CTRSH trên địa bàn Thành phố sẽ rất khó khăn do không còn nhà máy nào khác để tiếp nhận ngoài 02 nhà máy hiện hữu của Công ty Vietstar và Công ty Tâm Sinh Nghĩa (02 nhà máy xử lý có công suất giới hạn liên quan đến công nghệ xử lý với tổng công suất xử lý của 02 nhà máy hiện nay vào khoảng 2.800-3.000 tấn/ngày). Với khối lượng rác sinh hoạt dự báo phát sinh trong năm 2025 lên tới 12.000 tấn/ngày, khối lượng rác sinh hoạt dự kiến không có các đơn vị tiếp nhận, xử lý lên đến 9.000 tấn/ngày nếu các dự án chuyển đổi công nghệ xử lý không kịp đưa vào vận hành trong năm 2025.

Trong trường hợp các đơn vị xử lý rác sinh hoạt có sự đồng thuận trong đầu tư chuyển đổi công nghệ xử lý hiện hữu và nhanh chóng triển khai dự án chuyển đổi công nghệ xử lý với khối lượng theo Hợp đồng theo đúng tiến độ yêu cầu của Thành phố thì dự kiến đến năm 2025, tổng khối lượng rác được xử lý tại các nhà máy chuyển đổi công nghệ là 5.700 tấn/ngày (bao gồm nhà máy Vietstar 1.200 tấn/ngày, nhà máy Tâm Sinh Nghĩa 1.000 tấn/ngày, nhà máy Tasco 500 tấn/ngày và nhà máy của Công ty VWS 3.000 tấn/ngày). Với khối lượng rác sinh hoạt dự báo phát sinh

trong năm 2025 lên tới 12.000 tấn/ngày, khối lượng rác sinh hoạt dự kiến không có các đơn vị tiếp nhận, xử lý lên đến 6.300 tấn/ngày do Dự án PPP triển khai chậm.

Do đó, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy công tác chuyển đổi công nghệ và nâng công suất xử lý rác của các nhà máy hiện hữu cần được triển khai cấp bách trong thời gian tới là một giải pháp vô cùng quan trọng để giảm rủi ro về an ninh chất thải trên địa bàn Thành phố

13.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Đảm bảo tình hình an ninh chất thải cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và các quy định hướng dẫn liên quan:

+ Khoản 4 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2022 quy định: Chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chính phủ quy định lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp.

+ Khoản 2 Điều 60 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định "Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi đầu tư mới hoặc đưa vào vận hành các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt ưu tiên đầu tư công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; bảo đảm giảm dần tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp chất thải rắn do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ phát triển".

- Phần đầu đạt chỉ tiêu về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 “Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện) và tái chế đạt ít nhất 80% (hướng tới 2030: 100%)”

13.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Cơ chế khuyến khích đối với các chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện.

13.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp

- Tác động về kinh tế:

Với việc triển khai giải pháp này, Thành phố huy động được nguồn lực xã hội hóa trong việc đầu tư, xây dựng nhà máy chuyển đổi công nghệ; trong đó, nguồn vốn đầu tư Nhà máy chuyển đổi công nghệ của Công ty Cổ phần Vietstar là 3.414.750.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa là 4.966.639.485.764 đồng (theo Quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp) và nguồn vốn đầu tư 01 Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến, hiện đại ước tính khoảng trên 4.000 tỷ đồng (tương đương với nhà máy chuyển đổi công nghệ 2.000 tấn/ngày nêu trên).

- Tác động về mặt xã hội:

Đảm bảo an ninh chất thải, góp phần đảm bảo tình hình trật tự xã hội cho Thành phố.

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do Quốc hội ban hành: “Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật”.

Theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định “Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng” thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng (số thứ tự 5, mục II Biểu 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

Việc triển khai thực hiện đấu thầu lựa chọn đơn vị xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố còn chậm, có khả năng ảnh hưởng đến tình hình an ninh rác thải của Thành phố. Do đó, nếu áp dụng giải pháp này sẽ khuyến khích các đơn vị xử lý hiện hữu cải tiến, đổi mới công nghệ xử lý và khuyến khích nhà đầu tư mới tham gia đầu tư, xây dựng nhà máy xử lý công nghệ tiên tiến, hiện đại giúp cho Thành phố đảm bảo tình hình an ninh rác thải, hướng đến việc hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp đảm bảo theo yêu cầu của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

13.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

Nếu được thông qua cơ chế, chính sách nêu trên, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiến hành thực hiện các nội dung như sau:

+ Đàm phán để ký kết các phụ lục hợp đồng để tiếp tục đặt hàng cung ứng dịch vụ xử lý rác với các chủ xử lý đã ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý rác với TP.HCM để thực hiện chuyển đổi công nghệ và nâng công suất xử lý, cụ thể như sau: Công ty Cổ phần Vietstar (2.000 tấn/ngày), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển

Tâm Sinh Nghĩa (2.000 tấn/ngày). Đây là cơ sở để đơn vị xử lý nhanh chóng triển khai, đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy.

+ Lựa chọn ngay nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm để đầu tư dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt công nghệ tiên tiến, hiện đại với công suất 2.000 tấn/ngày.

14. Cơ chế về công tác thu hồi đất trong vùng phụ cận

14.1. Xác định vấn đề bất cập:

Luật Đất đai 2013 đã quy định cụ thể các trường hợp thu hồi đất cho mục đích quốc phòng, an ninh và cho phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng tại Điều 61 và Điều 62. Theo đó, Nhà nước chỉ thu hồi đất với các dự án đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư và một số trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua sự cần thiết phải thu hồi đất. Tuy nhiên, thực tế việc áp dụng các quy định về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế bất cập nhất là việc thu hồi đất trong vùng phụ cận như việc thu hồi đất vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Luật Đất đai còn nhiều khó khăn hạn chế do diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận lại không thuộc các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai.

Hiện nay, Thành phố hiện đang thực hiện các dự án đầu tư công trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị như các Dự án tuyến Metro, Vành đai, Cao tốc, Rạch Xuyên Tâm, Khu Bình Quới – Thanh Đa. Đây là các dự án đầu tư công lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất trong vùng phụ cận, làm tăng giá đất, giá nhà và cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc đầu cơ đất đai tại các khu vực này.

Lấy ví dụ cụ thể đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông mà Thành phố đã đầu tư trước đây như tuyến đường Võ Văn Kiệt, tuyến đường Hoàng Sa – Trường Sa hay mới nhất là tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên. Trước khi thông tin quy hoạch được công bố, đã xuất hiện tình trạng người dân, tổ chức “đổ xô đi mua đất” vùng phụ cận các dự án trên.

Việc này ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, đồng thời gián tiếp làm tăng giá trị bồi thường khi Nhà nước cần thu hồi đất trong vùng phụ cận này để thực hiện các dự án đầu tư công khác.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc ban hành cơ chế, chính sách để giải quyết vấn đề này là cần thiết.

14.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Quy định cụ thể việc khai thác hiệu quả quỹ đất phụ cận các công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chính sách ưu tiên cho người có đất ở bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 53 Điều 3 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã giải thích về “Vùng phụ cận” như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

... 53. Vùng phụ cận là vùng đất tiếp giáp với các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”.

Bên cạnh đó, tại khoản 4d Điều 39 Luật Đất đai 2013 và tại điểm c khoản 4 Điều 64 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ cũng đã thể hiện nội dung quy định như sau:

“Điều 64. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

...4. Nội dung kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, bao gồm:

c) Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án cấp quốc gia và cấp tỉnh sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật này; các công trình, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh”.

Như vậy, theo quy định trên, Luật Đất đai 2013 và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) vẫn cho phép khi lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì được phép xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, tại Điều 77 và 78 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP của Chính phủ nêu trên quy định về việc thu hồi đất để phục vụ các mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng lại **không** thể hiện quy định về việc Nhà nước được thu hồi để thực hiện các dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong vùng phụ cận của các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm thực hiện trước đối với chính sách trên giúp cho việc thực hiện các dự án đầu tư công trong vùng phụ cận của Thành phố được thuận lợi. Tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng. Ngoài ra, tạo nguồn kinh phí cho Thành phố để tiếp tục thực hiện các dự án tương tự trong các vùng phụ cận. Bên cạnh đó, sẽ thể chế hóa, hiện thực hóa được các định hướng, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

14.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Cho phép Thành phố được triển khai thực hiện thí điểm cơ chế về công tác thu hồi đất trong vùng phụ cận.

14.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: Việc thực hiện các dự án trong vùng phụ cận của các dự án đề xuất thí điểm vẫn gặp nhiều khó khăn bất cập về chi phí bồi thường, về thực hiện các thủ tục thu hồi đất,...

* Tác động về mặt xã hội: Vẫn tồn tại tình trạng đầu cơ đất đai.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Về kinh tế:

- Đối với Nhà nước: Giải pháp này đảm bảo thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, cụ thể là tạo sự rõ ràng, rành mạch trong việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Nhà nước tạo được quỹ đất sạch để chủ động khai thác nguồn lực đất đai đáp ứng nhu cầu đất đai cho quá trình phát triển và điều tiết địa tô chênh lệch. Ngoài ra giúp cho việc thực hiện các dự án đầu tư công trong vùng phụ cận của Thành phố được thuận lợi. Tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng. Ngoài ra, tạo nguồn kinh phí cho Thành phố để tiếp tục thực hiện các dự án tương tự trong các vùng phụ cận.

- Đối với người sử dụng đất: tạo sự rõ ràng, rành mạch trong việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

* Về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, người sử dụng đất và chủ đầu tư do thu hẹp và quy định rõ ràng, rành mạch cơ chế việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng để Nhà nước tạo được quỹ đất sạch để chủ động khai thác nguồn lực đất đai đáp ứng nhu cầu đất đai cho quá trình phát triển và điều tiết địa tô chênh lệch. Thể chế hóa các định hướng, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

- Đối với công dân và doanh nghiệp: Tiếp tục thu hẹp và quy định rõ ràng, rành mạch cơ chế thực hiện việc thu hồi đất trong vùng phụ cận.

* Về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Về thủ tục hành chính: thủ tục hành chính thực hiện tương tự công tác thu hồi đất đã được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

* Về hệ thống pháp luật: Tăng cường được hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

14.5. Kiến nghị:

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

15. Cơ chế xử lý các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp

15.1. Xác định vấn đề bất cập:

15.1.1. Về quyền chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch để thực hiện dự án của doanh nghiệp

Theo quy định của Điều 57, 58 Luật Đất đai, người sử dụng đất được quyền chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khi chuyển mục đích sử dụng đất thì phải đảm bảo thực hiện các thủ tục, trình tự và thực hiện nghĩa vụ tài chính tương ứng với mục đích mới.

Theo quy định của Khoản 1 Điều 7 Luật doanh nghiệp (không phân biệt loại hình doanh nghiệp), doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp. Như vậy, tùy thời điểm nhu cầu thị trường, định hướng hoạt động của doanh nghiệp, ... mà doanh nghiệp cổ phần hóa xác định mục tiêu đầu tư, hoạt động tại địa điểm khu đất hiện hữu được trao quyền sử dụng đất sao cho có hiệu quả nhất mà vẫn đảm bảo quy hoạch nhà nước phê duyệt hoặc thậm chí doanh nghiệp cổ phần hóa quyết định bán, chuyển nhượng tài sản trên khu đất hoặc bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giao/ thuê trả tiền 01 lần cho các tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp vì mục tiêu quản lý mà Nhà nước điều chỉnh quy hoạch khiến doanh nghiệp không thể tiếp tục thực hiện dự án theo mục tiêu cũ một cách có hiệu quả thì doanh nghiệp có thể thực hiện việc đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch theo các quy định nêu trên.

Theo quy định của Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư, khi doanh nghiệp đề nghị nhà nước chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Việc thu hồi đất chỉ thực hiện nếu thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 61 (thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh), Điều 62 (thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng), Điều 64 (thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai) và Điều 65 (thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người).

Do vậy, trường hợp khu đất do doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý, sử dụng hợp pháp không thuộc phạm vi thu hồi theo quy định trên thì không có căn cứ để thu hồi đất. Trong trường hợp doanh nghiệp đáp ứng được điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất thì doanh nghiệp được quyền chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 57 Luật Đất đai 2013.

15.1.2. Về Phương án sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa:

Việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước bắt đầu thực hiện từ Nghị định số 28-CP ngày 07 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ về chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Đến thời điểm hiện nay, liên quan đến lĩnh vực này, Chính phủ đã ban hành 10 Nghị định (Nghị định số 28-CP, Nghị định số 25/1997/NĐ-CP, Nghị định số 64/2002/NĐ-CP, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP, Nghị định số 109/2007/NĐ-CP, Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, Nghị định số 59/2004/NĐ-CP, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, không kể Nghị định số 150/2020/NĐ-CP về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần).

Việc lập Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được quy định lần đầu tiên tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Việc hướng dẫn lập Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được hướng dẫn lần đầu tại Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, Thông tư này chỉ hướng dẫn lập phương án sử dụng đất đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

Như vậy, các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trước Nghị định 109/2007-NĐ-CP có hiệu lực thì không phải thực hiện lập Phương án sử dụng đất do không có quy định.

Đến thời điểm hiện tại, hầu hết các doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực đều

không lập Phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa như yêu cầu tại Nghị định này.

15.1.3. Một số vướng mắc, khó khăn khi thực hiện thủ tục trao quyền sử dụng đất (cho thuê đất, cấp Giấy Chứng nhận QSDĐ) cho doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa

Theo Điểm m Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị, “doanh nghiệp sau cổ phần hóa phải thực hiện đúng phương án sử dụng đất đã được phê duyệt trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp”.

Theo Khoản 27 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai về sửa đổi, bổ sung Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, theo đó Điểm a Khoản 3 Điều 43 đã sửa đổi, bổ sung quy định “xử lý tồn tại đối với các trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đang sử dụng đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kiểm tra, rà soát việc quản lý sử dụng đất đai theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt để hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho doanh nghiệp cổ phần theo quy định.

Trường hợp phát hiện có vi phạm trong quản lý sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra để xử lý dứt điểm trước khi thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp cổ phần”.

Do không có “phương án sử dụng đất đã được phê duyệt trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp” nên khi thực hiện các trình tự, thủ tục hành chính về đất đai liên quan đến doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường **không có cơ sở** thực hiện Điểm m Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 82/2019/QH14 về kiểm tra “doanh nghiệp sau cổ phần hóa phải thực hiện đúng phương án sử dụng đất”.

Hiện tại chỉ vướng mắc đối với trường hợp cổ phần hóa sau ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực vì sau thời điểm này Nghị định yêu cầu phải lập phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa; các trường hợp không lập phương án sử dụng đất là thực hiện sai quy định của Nghị định 109/2007/NĐ-CP và như vậy, không có cơ sở thực hiện tiếp thủ tục về đất đai.

Đối với trường hợp cổ phần hóa trước ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực, do pháp luật không yêu cầu phải lập phương án sử dụng đất nên khi doanh nghiệp thuộc diện này đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất, Sở TNMT vẫn tiến hành thủ tục về đất đai theo đề nghị của doanh

nghiệp, không có vướng mắc với các trường hợp cổ phần hóa trước ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực.

Cụ thể, các quy định về cổ phần hóa trước đây **không quy định** doanh cổ phần hóa phải lập phương án sử dụng đất, cho đến Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ (hiệu lực ngày 01 tháng 8 năm 2007) mới quy định doanh nghiệp cổ phần hóa lập phương án sử dụng đất. Do vậy, **đối với doanh nghiệp cổ phần hóa trước ngày 01 tháng 8 năm 2007 (thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP) không có quy định về lập phương án sử dụng đất.**

15.1.4. Nhiều trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá, khi cổ phần hóa không có phương án sử dụng đất được duyệt, sau khi cổ phần hóa do tài sản trên đất đã tính vào giá trị cổ phần hóa nên nhà nước tiếp tục cho thuê đất, trả tiền thuê hàng năm. Tuy nhiên, do quy hoạch thay đổi ảnh hưởng tới việc tiếp tục thực hiện dự án theo mục tiêu cũ, nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án mới theo quy hoạch điều chỉnh thì bị đề xuất thu hồi, đấu giá. Điều này khiến cho dự án bị đình trệ, không khai thác được hiệu quả theo mục đích cũ và cũng không thể thực hiện được theo mục đích mới, cụ thể vướng mắc về pháp lý như sau:

+ Theo quy định của Luật Đất đai, người sử dụng đất được quyền chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khi chuyển mục đích sử dụng đất thì phải đảm bảo thực hiện các thủ tục, trình tự và thực hiện nghĩa vụ tài chính ương ứng với mục đích mới. Luật Đất đai không quy định bắt buộc trong mọi trường hợp người sử dụng đất nếu không sử dụng đất đúng mục đích đã được giao, cho thuê sử dụng thì Nhà nước thu hồi và bán đấu giá.

- Theo quy định của Luật Đất đai thì việc thu hồi đất chỉ thực hiện nếu thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 61 (thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh), Điều 62 (thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng), Điều 64 (thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai) và Điều 65 (thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người); do vậy, trường hợp khu đất của doanh nghiệp cổ phần hóa không thuộc phạm vi thu hồi theo quy định trên thì không có căn cứ để thu hồi đất, doanh nghiệp được quyền chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 57 Luật Đất đai.

+ Ngày 29 tháng 11 năm 2016, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 10285/VPCP-ĐMDN truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, tại Điểm 3 Công văn đã chỉ đạo “Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát việc sử dụng đất của các doanh nghiệp cổ phần hóa, **trường hợp doanh nghiệp chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ**”.

+ Tuy nhiên, sau đó ngày 07 tháng 12 năm 2017, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 563/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp về xử lý vướng mắc khi triển khai Công văn số 342/TTg-

V.I ngày 07 tháng 3 năm 2017 và Công văn số 10285/VPCP ĐMDN ngày 29 tháng 11 năm 2016, kết luận:

“1. ...

- Trường hợp đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc diện thu hồi theo quy định tại Điều 62, Điều 64 và Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 thì thực hiện thu hồi, bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, không để xảy ra sai phạm, thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chỉ đạo này thay thế nội dung tại Điểm 3, Công văn số 10285/VPCP-ĐMDN ngày 29 tháng 11 năm 2016”.

Về đấu giá quyền sử dụng đất: các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai và điều kiện để tổ chức đấu giá quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai, trong đó có điều kiện “**đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản thuộc hữu Nhà nước**”.

+ Ngày 15 tháng 6 năm 2018, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 60/2018/QH14 về tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; giao Chính phủ tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó “... trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép **chuyển mục đích sử dụng đất khác với phương án đã được phê duyệt thì tổ chức thu hồi và đấu giá công khai**”. Mặc dù, Nghị quyết số 60/2018/QH14 **hết hiệu lực** kể từ ngày Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 được thông qua; tuy nhiên, đến nay vẫn chưa ban hành quy định, cơ chế, chính sách liên quan đến hướng xử lý các khu đất do doanh nghiệp cổ phần hóa đang sử dụng nay xin chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt sẽ được xử lý như thế nào, việc chuyển mục đích sử dụng đất chỉ cần thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai hay phải đáp ứng thêm các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quản lý tài sản công do các khu đất này có nguồn gốc trước đây của doanh nghiệp Nhà nước quản lý, sử dụng.

+ Về trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước cho thuê đất ngắn hạn hàng năm cho đến khi thực hiện quy hoạch, trường hợp nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án nhà ở có phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư hay phải thu hồi đất để đấu giá, thì ngày 22 tháng 4 năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2218/BTNMT-TCQLĐĐ có ý kiến “đề nghị thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai để giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý và sẽ tổ chức **giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất**”.

- Căn cứ các nội dung trên, quan điểm đang được các cơ quan áp dụng hiện nay là nếu nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy hoạch mới thì sẽ bị đề xuất thu hồi để đấu giá. Điều này có nhiều bất cập vì:

+ Theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày

15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ) đối với doanh nghiệp có tỷ lệ vốn nhà nước dưới 50% không thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà đất, việc quản lý, sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

+ Việc thay đổi quy hoạch là do nhà nước thực hiện. Quy hoạch thay đổi khiến nhà đầu tư không thể tiếp tục thực hiện dự án theo mục tiêu cũ một cách có hiệu quả.

+ Khi tiến hành cổ phần hóa, tài sản trên đất thuộc sở hữu của doanh nghiệp cổ phần. Khi tham gia mua cổ phần, nhà đầu tư đã xem xét đến khả năng phát triển doanh nghiệp trong tương lai dựa trên nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố về các mặt bằng khu đất doanh nghiệp cổ phần hóa được quản lý sử dụng để quyết định mua cổ phần.

+ Theo quy định của Luật doanh nghiệp, (không phân biệt loại hình doanh nghiệp) doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp. Như vậy, tùy thời điểm nhu cầu thị trường, định hướng hoạt động của doanh nghiệp, ... mà doanh nghiệp cổ phần hóa xác định mục tiêu đầu tư, hoạt động tại địa điểm khu đất hiện hữu được giao/ thuê sử dụng sao cho có hiệu quả nhất mà vẫn đảm bảo quy hoạch nhà nước phê duyệt hoặc thậm chí doanh nghiệp cổ phần hóa quyết định bán, chuyển nhượng tài sản trên khu đất hoặc bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giao/ thuê trả tiền 01 lần cho các tổ chức, cá nhân khác.

+ Ngày 12 tháng 5 năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; theo đó, Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT chỉ quy định chi tiết về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp nay cổ phần hóa, để cổ phần hóa; không quy định và áp dụng cho doanh nghiệp đã cổ phần hóa. Về phê duyệt phương án sử dụng đất cho doanh nghiệp đã cổ phần hóa thì hiện nay không có quy định, không có căn cứ và không thể lập, thẩm định, trình phê duyệt phương án sử dụng đất.

15.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhằm thống nhất hướng xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa xin chuyển mục đích sử dụng đất; quy định cơ chế, chính sách đối với các trường hợp này.

15.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

- **Giải pháp 2:**

Cơ chế xử lý các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

15.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Việc giữ như hiện trạng khiến cho các dự án thuộc diện này không thể triển khai thực hiện do các vướng mắc về pháp lý. Do đó, có tác động tiêu cực tới cả kinh tế, xã hội, và khiến hệ thống pháp luật cũng không đảm bảo được sự đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: Tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, linh hoạt và áp dụng quy định để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục có liên quan đến khu đất đã được nhà nước giao/cho thuê.

- Tác động về vấn đề giới: không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hữu, không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định cụ thể để doanh nghiệp cổ phần hoá chủ động thực hiện các thủ tục có liên quan để thực hiện dự án đối với khu đất đã được nhà nước giao/cho thuê.

15.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

16. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi ban hành thông báo thu hồi đất

16.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng là “điểm nghẽn” rất lớn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đối với tất cả các loại dự án có yêu cầu thu hồi và sử dụng đất. Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng là công tác rất khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, nơi ở và sinh kế của người dân có đất bị thu hồi, tiềm tàng các nguy cơ về trật tự, an toàn xã hội. Đối với dự án đầu tư kinh doanh sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do đặc thù của loại dự án này là đã có sẵn mặt bằng sạch (theo hình thức đấu giá) hoặc việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công. Trong khi đó, để đẩy mạnh tiến độ,

quá trình phục hồi và phát triển kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh sau đại dịch COVID-19, rất cần triển khai sớm các công trình, dự án lớn, nhất là về hạ tầng kỹ thuật (giao thông) và hạ tầng khu đô thị mới như Dự án cải tạo Rạch Xuyên Tâm, Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4, Dự án Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2, Dự án khu Bình Quới – Thanh Đa, Dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao Quốc gia Rạch Chiếc, Dự án Công viên khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Dự án Khu công viên – Hồ điều tiết – Khu dân cư Tam Phú; đây cũng là mong muốn của các nhà đầu tư có năng lực, có cam kết đầu tư tư lâu dài tại Thành phố. Tuy nhiên, trình tự thực hiện công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013 mất rất nhiều thời gian khi phải thông qua các bước: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ Điều 40 Luật Đất đai (sửa đổi tại Điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch Thành phố và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND Thành phố phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch thành phố được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai.

Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300ha trở lên. Do đó, rất cần cơ chế đặc thù để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi; từ đó sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các Nhà đầu tư trong việc triển khai dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ phục hồi kinh tế tăng trưởng GRDP của Thành phố.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Thành phố, tình hình biến động đất đai rất lớn và hết sức phức tạp trong đó bao gồm biến động về ranh giới và chủ thể sử dụng đất, do đó việc trích lục sẽ không đảm bảo việc ban hành Thông báo thu hồi đất đúng ranh giới, đúng đối tượng sử dụng.

Việc Thông báo thu hồi đất không đúng ranh giới, đối tượng sử dụng sẽ dẫn đến việc phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Thông báo thu hồi và ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ thực hiện dự án.

Đồng thời, đối với những dự án lớn trên địa bàn Thành phố nêu trên, số lượng người dân bị ảnh hưởng nhiều thì sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất mới thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm sẽ không đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

16.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, trong đó tại khoản 2 Điều 5 đã có quy định cho phép tỉnh Khánh hòa thí điểm thực hiện công tác kiểm đếm trước khi ban hành Thông báo thu hồi đất đối với một số dự án như sau:

“Điều 5. Quản lý đất đai

2. Việc thực hiện chuẩn bị thu hồi đất tại Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm được quy định như sau:

a) Đối với dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và có quy mô từ 300 ha trở lên, căn cứ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành danh mục các dự án được tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này;

b) Căn cứ danh mục dự án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, ban hành thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được gửi đến từng người sử dụng đất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư;

c) Trên cơ sở thông báo tại điểm b khoản này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai được phép triển khai việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo thu hồi đất và sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và ban hành trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này”.

Theo đó, Quốc hội đã chấp thuận cho tỉnh Khánh Hòa được thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm là biện pháp kỹ thuật nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án. Dự kiến trong thời gian thực hiện đo đạc, kiểm đếm, cơ quan có thẩm quyền sẽ chấp thuận chủ trương đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; sau khi lựa chọn được nhà đầu tư sẽ sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để cập nhật, làm cơ sở ban hành Thông báo thu hồi đất cũng như để chuẩn bị cho công tác lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Các trình tự, thủ tục sau khi đã lựa chọn được nhà đầu tư, ra thông báo thu hồi đất được tiếp tục thực hiện theo quy định của điều 69 Luật Đất đai (nhưng không thực hiện lại thủ tục khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đã thực hiện trước đó). Việc đo đạc, kiểm đếm theo chính sách này không ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của người dân cũng như có ý kiến thực tiễn, vì rút ngắn thời gian thực hiện khoảng 5-6 tháng so với quy định.

Do đó, Thành phố kiến nghị Chính phủ và Quốc hội cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành đo đạc, kiểm đếm ngay sau khi chủ trương đầu tư thực hiện dự án được phê duyệt mà không chờ đến Thông báo thu hồi đất được ban hành mới thực hiện nhằm đảm bảo công tác ban hành Thông báo thu hồi đất đúng ranh giới, đúng đối tượng sử dụng, tránh bỏ sung, điều chỉnh nhiều lần, mất thời gian ảnh hưởng đến tiến độ chung dự án. Đặc biệt, đối với những dự án lớn, trọng điểm, cấp bách nêu trên cần hoàn thành sớm công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng.

16.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi ban hành thông báo thu hồi đất.

16.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Việc Thông báo thu hồi đất không đúng ranh giới, đối tượng sử dụng sẽ dẫn đến việc phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Thông báo thu hồi, làm chậm tiến độ thực hiện dự án, sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố.

- Tác động về mặt xã hội:

Dự án kéo dài sẽ tạo bức xúc cho người dân, dẫn đến người dân không đồng thuận thực hiện dự án.

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không đáp ứng thời gian về trình tự thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với nhà nước: Rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư và việc triển khai này cũng gắn với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó, góp phần làm tăng tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; tăng vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng... Qua rà soát, thống kê thì nếu thực hiện theo quy trình này sẽ rút ngắn thời gian thực hiện khoảng 5-6 tháng so với quy định hiện hành, nên sẽ tiết kiệm được chi phí thời gian thực hiện thủ tục của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, sẽ tăng thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát huy nguồn lực đất đai của Thành phố.

+ Đối với doanh nghiệp: được hưởng lợi về kinh tế thông qua việc rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Đối với nhà nước:

Về mặt tích cực: khi triển khai chính sách, tiến độ thực hiện dự án được đẩy nhanh, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội. góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các quy hoạch đã được cấp thẩm quyền thông qua tránh tình trạng “quy hoạch treo”.

Về mặt tiêu cực: Việc thực hiện các thủ tục điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất trước khi lựa chọn nhà đầu tư có thể dẫn đến gây tác động, xáo trộn đời sống của người dân do chưa có thông báo thu hồi đất (tuy nhiên quyền và lợi ích hợp pháp của người dân vẫn thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật Đất đai).

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Việc thực hiện các thủ tục điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đồng thời với công việc chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có thể sẽ ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; tiềm ẩn rủi ro về tăng giá đất (tuy nhiên giá đất tăng khi có quy hoạch được duyệt **chứ không theo các nhóm dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất áp dụng chính sách này**).

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này sẽ dẫn đến thay đổi về thủ tục hành chính về thu hồi đất. Trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính này do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đất đai nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Chính sách đảm bảo Theo Khoản 3 Điều 9 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Hồ sơ trình

ban hành thông báo thu hồi đất và phù hợp với thực tiễn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (biến động nhiều về ranh giới và chủ thể sử dụng đất).

+ Trong thực tiễn khi thực hiện các Dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 3 thì người dân rất đồng thuận cho đo đạc, kiểm đếm trước khi ban hành Thông báo thu hồi đất, làm cơ sở cho việc đẩy nhanh và đáp ứng yêu cầu tiến độ theo Nghị Quyết 57/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị Quyết 105/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

+ Trong quá trình sửa đổi Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị đưa nội dung này vào để thực điều chỉnh nhằm hoàn thiện quy định và phù hợp với thực tiễn.

16.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

IV. Các chính sách ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh đối với đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ có vốn từ 3.000 tỷ trở lên; đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (có thời hạn) như áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi, miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư...

1. Các căn cứ:

Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có đề ra các nhiệm vụ:

- *Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án công nghệ cao, quản trị hiện đại và có tác động lan toả, kết nối chặt chẽ với kinh tế trong nước; phát triển công nghiệp hỗ trợ kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI.*

- *Xúc tiến đầu tư Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ,*

- *Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng logistics, nâng công suất bốc dỡ và kho chứa cảng biển, đón đầu các chuỗi cung ứng; hình thành trung tâm cung ứng dịch vụ logistics tâm cỡ khu vực.*

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nội dung giải pháp liên quan đến phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị là "xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ".

2. Xác định vấn đề bất cập:

2.1. Về pháp lý:

2.1.1. Về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư:

Điều 18 Luật Đầu tư 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 quy định Hình thức hỗ trợ đầu tư:

“1. Các hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm: a) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; b) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; c) Hỗ trợ tín dụng; d) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; đ) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; e) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; g) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

2. Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.”

Điều 20 Luật Đầu tư 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt:

“1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản

1 Điều 18 của Luật này.”

Điều 6 Quyết định số 29/2021/TTg-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 về thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: “1. Miễn thuế 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 10 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.”

Chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư, gồm các hình thức hỗ trợ như: Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án; Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển... Thực tiễn việc hỗ trợ không thể thực hiện được khi đàm phán với các nhà đầu tư nước ngoài về các chính sách hỗ trợ để thu hút các dự án công nghệ cao, cụ thể như:

- Về Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án: khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020 có quy định hình thức hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư. Việc hỗ trợ hạ tầng nếu thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương hoặc ngân sách địa phương cần tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư công. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án đầu tư không thuộc đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; do đó, không có cơ sở thực hiện.

- Về Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển không thuộc các khoản chi theo Luật ngân sách nhà nước và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương.

- Về Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vận dụng.... phải vận dụng hình thức chi theo đề tài, dự án theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 về Quy chế quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đối với các nhà đầu tư công nghệ cao lớn sẽ không phù hợp.

- Về thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) sẽ không còn hấp dẫn với các doanh nghiệp công nghệ khi hiện nay Qui định về thuế tối thiểu toàn cầu do Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) công bố ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Paris

có hiệu lực từ 2023, có nghĩa là dù Việt Nam cho nhà đầu tư FDI miễn thuế TNDN, nhà đầu tư FDI vẫn phải đóng tối thiểu 15% tại quốc gia mẹ (đặc biệt Hoa Kỳ đang muốn giữ chân các công ty công nghệ lớn tiếp tục mở rộng đầu tư tại nước mình), do đó chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt tại Quyết định số 29/2021/TTg-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ không còn là lợi thế cạnh tranh để thu hút đầu tư các tập đoàn công nghệ cao

2.1.2. Về hình thức lựa chọn nhà đầu tư:

- Khoản 1 Điều 29 Luật Đầu tư quy định:

"1. Lựa chọn nhà đầu tư được tiến hành thông qua một trong các hình thức sau đây:

- a) Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;*
- b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;*
- c) Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này."*

- Luật Đất đai năm 2013:

+ Khoản 1 Điều 118 quy định:

"1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

- a) Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê hoặc cho thuê mua;*
- b) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê;*
- c) Sử dụng quỹ đất để tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;*
- d) Sử dụng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;*
- đ) Cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối;*
- e) Giao đất, cho thuê đất đối với đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước;*
- g) Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân;*
- h) Giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất".*

+ Khoản 2 Điều 118 quy định:

"2. Các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất bao gồm: ...i) Các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định."

+ Khoản 1 Điều 119 quy định:

" 1. Điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất:

- a) Đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;*

b) Đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản thuộc sở hữu nhà nước;

c) Có phương án đấu giá quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Điều 140 quy định:

- “Điều 140. Đất có mặt nước ven biển

1. Đất có mặt nước ven biển được Nhà nước cho thuê đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, phi nông nghiệp.

2. Việc sử dụng đất có mặt nước ven biển theo quy định sau đây:

a) Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo vệ đất, làm tăng sự bồi tụ đất ven biển;

c) Bảo vệ hệ sinh thái, môi trường và cảnh quan;

d) Không cản trở việc bảo vệ an ninh quốc gia và giao thông trên biển.”

- Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ

+ Điều 46 quy định chi tiết trình tự đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất:

+ Điều 73 quy định Trình tự thẩm định, phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

“1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề xuất áp dụng phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

2. Trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

3. Căn cứ hồ sơ đề xuất của người có thẩm quyền và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.”

+ Điều 74 quy định Hồ sơ đề xuất áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

“1. Văn bản đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin cơ bản của dự án;

b) Lý do đặc thù, riêng biệt của dự án mà không thể áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Điều 20 và Điều 22 của Luật Đấu thầu và Điều 10 của Nghị định này;.

c) *Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (bao gồm các bước thực hiện lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được tính đặc thù, riêng biệt của dự án được đề xuất để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án).*

2. Các văn bản pháp lý có liên quan.

3. Các tài liệu cần thiết khác để giải trình (nếu có).”

2.2. Về thực trạng của Thành phố Hồ Chí Minh

- Với đặc thù của Thành phố là trung tâm kinh tế - văn hoá - sáng tạo của cả nước, Thành phố cần phát triển kinh tế dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, nhà máy thông minh, tiêu tốn ít lao động... việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lĩnh vực công nghệ cao có vai trò quan trọng. Song, thời gian qua, Thành phố đã mất nhiều cơ hội thu hút đầu tư dự án công nghệ cao có quy mô lớn do không có cơ sở và thẩm quyền áp dụng cơ chế ưu đãi do nhà đầu tư đề xuất.

Hiện nhiều quốc gia trên thế giới đang có các gói ưu đãi đầu tư thuận lợi để mời gọi các dự án đầu tư lớn, nhất là đầu tư ngành sản xuất chip, vi mạch bán dẫn, như: Châu Âu có gói ưu đãi 15 tỉ Euro (EU Chip Act), Hoa Kỳ có gói ưu đãi 50 tỉ đô-la Mỹ (US Chip Act), Nhật Bản có gói kích thích sản xuất Chip trị giá 6,8 tỉ đô-la Mỹ, Ấn Độ lập Quỹ ưu đãi 10 tỉ đô-la Mỹ Do đó, Thành phố cần có gói ưu đãi linh hoạt để thu hút các dự án công nghệ cao, nhất là đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D), chế tạo và thiết kế sản phẩm bán dẫn công nghệ cao và lĩnh vực công nghệ thuộc Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Các doanh nghiệp FDI chưa tạo ra được nhiều lan toả về công nghệ, kỹ thuật và chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp trong nước.

Mặc dù Thành phố đã có nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút các dự án FDI công nghệ cao và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp nội địa, tuy nhiên những kết quả đạt được vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu và nhu cầu của quá trình phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, lũy kế giải ngân vốn đầu tư nước ngoài còn thấp, chỉ đạt khoảng 46% tổng vốn đăng ký. Đầu tư FDI từ khu vực công nghệ nguồn của thế giới như EU và Mỹ vào Thành phố còn hạn chế. Các đối tác đầu tư lớn từ khu vực châu Á, ngoại trừ Nhật Bản và Hàn Quốc đa số có trình độ công nghệ ở mức trung bình, không cao hơn nhiều so với công nghệ sẵn có trong nước.

- Sự hội nhập quốc tế Thành phố nói riêng và cả nước nói chung ngày càng sâu rộng, độ mở của nền kinh tế Việt Nam rất cao, chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp trước các biến động của tình hình quốc tế, việc tăng giá đồng USD; tăng lãi suất chung trên thị trường và tình trạng trì trệ của các nền kinh tế lớn... dễ bị ảnh hưởng và tổn thương hơn do sự thay đổi trong cấu trúc thương mại, cung ứng trên thế giới.

- Dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh, cạnh tranh thương mại,... có thể sẽ vẫn tiếp

diễn, do vậy Thành phố đều có những cách thích ứng của mình để tồn tại và phát triển, nhất là những quốc gia có quy mô nền kinh tế còn nhỏ, còn bị phụ thuộc vào bên ngoài, vào dòng vốn đầu tư toàn cầu khi dòng vốn này cũng đang biến động.

- Môi trường đầu tư của Thành phố đang chịu sự cạnh tranh, lực hút đầu tư của các tỉnh, thành, quốc gia khác có môi trường đầu tư thuận lợi hơn, đây là thách thức to lớn cho các nhà quản lý Thành phố, đơn cử về 197 dự án có thể kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài của Thành phố, tuy nhiên, thực tế chưa có dự án nào để nhà đầu tư nước ngoài sẵn sàng ký cam kết, nghiên cứu triển khai thực hiện.

- Tỷ lệ lấp đầy của Khu Công nghệ cao, các Khu chế xuất - Khu Công nghiệp luôn ở mức cao, quỹ đất để thu hút các dự án phục vụ cho sản xuất công nghiệp không còn nhiều. Do đó, có một số Nhà đầu tư đã phải chuyển hướng đầu tư sang địa phương khác mặc dù trước đó đã có nguyện vọng đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong những năm gần đây một số tỉnh như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Phòng, ... đã thành công trong việc thu hút những tập đoàn đa quốc gia đứng đầu chuỗi cung ứng (Samsung, LG, Apple ...) Nhờ đó, các địa phương nêu trên liên tục thu hút được các nhà cung cấp cấp I, II .. của các tập đoàn này tiếp tục dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng thời gian qua chưa thu hút thêm được các nhà đầu tư thuộc diện này nên không thu hút được các nhà đầu tư trong chuỗi cung ứng vào đầu tư tại Thành phố.

- Thành phố chưa có hành lang pháp lý mạnh mẽ, vượt trội so với mặt bằng chung của cả nước hoặc đủ cạnh tranh với các nhà đầu tư trong khu vực. Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nếu qua quy trình thông thường, thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì thường các tập đoàn lớn không tham gia do không xác định được lộ trình triển khai, thời gian thực hiện rất dài, nguy cơ ảnh hưởng đến thương hiệu và giá trị doanh nghiệp nếu không được lựa chọn. Đồng thời, các nhà đầu tư chiến lược thường cân nhắc nhiều địa điểm tại nhiều quốc gia khác nhau để triển khai dự án và tổ chức đàm phán các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, thời gian triển khai và địa điểm triển khai. Do đó, nếu không có cơ chế đủ mạnh thì Thành phố không thể cạnh tranh với các địa phương ở các quốc gia khác, cụ thể Thành phố đang dự kiến thu hút đầu tư vào Dự án Đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ với một số thông tin như sau:

Bến cảng dự kiến dài 7,2km, trong đó cầu bến chính dài khoảng 6,8km tiếp nhận tàu mẹ trọng tải tới 250.000 DWT (24.000 Teu) và tàu feeder tàu trọng tải 10.000 - 65.000 DWT và bến sà lan dài 1,9km tiếp nhận tàu feeder có trọng tải 10.000 DWT và sà lan trọng tải lên đến 8.500 T (356 TEU);

Tổng diện tích bến dự kiến: 571 ha;

Công suất cảng dự kiến: 16,9 triệu TEU;

Tổng mức đầu tư dự kiến: 5,3 tỷ USD.

Dự án Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ là dự án cảng biển thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Theo Phụ lục II – nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư). Dự án có quy mô vốn đầu tư rất lớn (vốn đầu tư toàn bộ dự án là 125,9 ngàn tỷ đồng. Riêng vốn đầu tư cho Giai đoạn 1 – dự kiến giải ngân trong vòng 03 năm – là 15,7 ngàn tỷ đồng), được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại điều 19 – Luật đầu tư 61/2020/QH14. Theo đó sẽ miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê mặt nước... Theo điều 110 và 118, Luật đất đai 45/2013/QH13, dự án rơi vào trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất (khoản b, mục 2, điều 118).

Tuy nhiên, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Để lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược đủ tầm thì Thành phố phải tích cực tham gia đàm phán và phải có cơ chế đẩy nhanh các thủ tục về đầu tư, quy hoạch và xác định các ưu đãi có thể đưa ra để đàm phán. Do đó, nếu không có cơ chế quyết định chủ trương đầu tư đồng thời với lựa chọn nhà đầu tư mà buộc phải đấu giá đất hoặc đấu thầu dự án thì hãng tàu MSC hoàn toàn có thể chuyển hướng sang đầu tư phát triển cảng trung chuyển quốc tế ở một quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, và chúng ta sẽ bỏ lỡ cơ hội.

4. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Có cơ chế vượt trội trong việc lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược vào các ngành, lĩnh vực mà Thành phố có ưu thế, phù hợp với xu hướng thời đại, có tác động lớn, lan tỏa đến kinh tế của Thành phố, vùng Đông Nam bộ và cả nước

5. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Các chính sách ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh đối với đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ có vốn từ 3.000 tỷ trở lên; đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (có thời hạn) như áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi, miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư.

6. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: Việc giữ các quy định như hiện nay không tạo ra đột phá để Thành phố có thể thu hút được nhà đầu tư chiến lược, không đáp ứng được các yêu cầu và mục tiêu phát triển mà Trung ương đã đề ra, không tạo được hành lang pháp lý để Thành phố cạnh tranh với các trung tâm kinh tế khác của khu vực và thế giới trong việc thu hút vốn và nâng cao trình độ phát triển của Thành phố và cả nước.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** thu hút được nhà đầu tư cho một số dự án lớn mà Thành phố đang đàm phán trong lĩnh vực sản xuất chip, hạ tầng cảng biển với tổng vốn đầu tư thu hút thêm dự kiến khoảng 8,6 tỷ đô-la Mỹ. Ngoài các dự án lớn đang đàm phán này, với các cơ chế chính sách này, Thành phố sẽ thu hút thêm 1 loạt các dự án lớn vào Khu công nghệ cao Thành phố hiện hữu và giai đoạn 2 đang chuẩn bị đầu tư, cũng như các nhà đầu tư trong hệ sinh thái của nhà đầu tư chiến lược (công nghiệp phụ trợ, logistics,...) đến đầu tư tại Thành phố. Theo mục tiêu Thành phố đề ra, các chính sách trên nếu được thực hiện sẽ góp phần nâng tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mà Thành phố có thể thu hút được trong giai đoạn 2021-2025 khoảng từ 27-36 tỷ đô-la Mỹ (5,4-7,2 tỷ đô-la Mỹ/năm), giai đoạn 2026-2030 khoảng 36-54 tỷ đô-la Mỹ (7,2-10,8 tỷ đô-la Mỹ/năm).

- **Tác động về vấn đề giới:** không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư hiện hữu, không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động đến hệ thống quy định pháp luật do vẫn vận dụng các quy định hiện hữu, chỉ bổ sung các tiêu chí và điều kiện lựa chọn nhà đầu tư. Phạm vi áp dụng trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và có tính chất thí điểm.

7. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Căn cứ vào các nội dung nêu trên, để đảm bảo tận dụng được thời cơ thu hút những các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đứng đầu chuỗi cung ứng trong trường hợp thành phố chưa hoàn tất việc đầu tư xây dựng mới các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao; khai thác được tối đa quỹ đất do Thành phố quản lý; đảm bảo điều kiện quốc phòng, an ninh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án (trong trường hợp dự án Cảng trung chuyển quốc tế được thực hiện tại huyện biên giới biển Cần Giờ), Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Quốc hội xem xét, chấp thuận không áp dụng hình thức đấu giá mà thực hiện thủ tục như cơ chế đề xuất.

- Theo đó, tại quá trình công bố yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ bổ sung các điều kiện sàng lọc nhà đầu tư liên quan công nghệ, điều kiện chuyển

giao công nghệ, vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác với nhà đầu tư chiến lược trong đó đặc biệt là điều kiện quốc phòng, an ninh đối với những dự án thực hiện tại các địa bàn nhạy cảm về quốc phòng an ninh như các khu vực ven biển, xã đảo.

- Sau khi dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc công bố dự án và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 điều 7 dự thảo Nghị định.

- Theo đó, sẽ không thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá, không ưu tiên tiêu chí số tiền nhà nước thu về mà ưu tiên các tiêu chí khác để nhà đầu tư được thu hút thực sự có khả năng tạo ra thay đổi đáng kể, mang lại hiệu quả lớn hơn và là động lực để thúc đẩy các hoạt động kinh tế, xã hội tại Thành phố phát triển chứ không chỉ dừng lại ở việc đóng góp vào ngân sách nhà nước.

V. Cơ chế, chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đề xuất 02 nội dung. Cụ thể như sau:

1. Các cơ chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như: Miễn thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Miễn thuế cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố. Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung:

1.1. Căn cứ pháp lý:

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong đó có:

+ “**Có chính sách hỗ trợ hiệu quả** doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, **đổi mới sáng tạo**”.

+ “**ưu tiên phát triển nguồn nhân lực** cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài **đổi mới sáng tạo**”.

- Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có đề ra nhiệm vụ:

+ “*Tiếp tục đầu tư xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo.....thích ứng với quá trình chuyển đổi số, **đổi mới sáng tạo**.*”.

+ “***Có cơ chế, chính sách** vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các **trung tâm đổi mới sáng tạo** tại Thành phố.*”

+ “*thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao.*”

- Quyết định số 844/QĐ-TTg, tại Khoản 11, Mục III, Điều 1: “*Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về: ... “Cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ”; “Cơ chế hỗ trợ thoái vốn của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.*

- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược Phát triển KH&ĐMST đến năm 2030, điểm a Khoản 1 Mục IV: “*...Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và **đổi mới sáng tạo**...*”

- Quyết định số 2407/QĐ-TTg Ngày 31/12/2014 của Thủ tướng chính phủ ban hành về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, có đưa ra nhiệm vụ và giải pháp: *Hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các khu công nghệ thông tin tập trung; đẩy mạnh việc trao đổi, kết hợp các hoạt động sản xuất và nghiên cứu giữa các khu công nghệ thông tin tập trung và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo..*

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, quy định về việc phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm: *Đầu tư nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm phần cứng, tích hợp hệ thống mà Việt Nam có lợi thế hoặc vì yêu cầu an toàn an ninh; các sản phẩm vi mạch, điện tử, bán dẫn; phát triển công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực phần cứng - điện tử. Đầu tư phát triển các sản phẩm CNTT trọng điểm, sản phẩm an toàn thông tin, sản phẩm CNTT phục vụ các hệ thống thông tin quốc gia, an ninh, quốc phòng.*

1.2. Xác định vấn đề bất cập

- Về pháp lý

- Đối với chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, tại Điều 18 chưa quy định cụ thể thời gian và mức hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược Phát triển KHCN&ĐMST đến năm 2030, điểm a Khoản 1 Mục IV: “...Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...”

Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi “*Cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại Trung tâm*” “*được hưởng các ưu đãi cao nhất về thuế được quy định tại pháp luật về thuế*”, tuy nhiên chưa có mức quy định cụ thể cũng như chưa có chính sách dành cho các tổ chức trung gian này, trong khi đó đây là các tổ chức quan trọng là nơi ươm mầm và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng là nơi kết nối và liên kết các nguồn lực trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Vì vậy cần có chính sách ưu đãi về thuế cho nhóm đối tượng này tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với ưu đãi thuế cho cá nhân

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Điều 18 quy định “*Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*”... “*Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp*”

Tuy Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có quy định miễn thuế TNDN đối với: “*Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế theo quy định*”, tuy nhiên chưa có chính sách ưu đãi về thuế cho nhà đầu tư khi họ thực hiện việc chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp. Thực tiễn cho thấy 99% nhà đầu tư chưa thu lợi nhuận từ các thương vụ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, vì vậy cần

có chính sách ưu đãi về thuế để tạo động lực thu hút nguồn vốn các nhà đầu tư đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Đối với các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới

Việc nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới ở một số lĩnh vực đang vướng quy định. Cụ thể: đối với việc thực hiện nghiên cứu thiết bị bay. Theo quy định tại Thông tư số 35/2017/TT-BQP ngày 12/2/2017 của Bộ Quốc phòng thì thẩm quyền cấp phép cho các cơ sở thiết kế, thử nghiệm phương tiện bay thuộc trách nhiệm của Cục Tác chiến sau khi có ý kiến đồng ý của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu và thực hiện các thủ tục theo quy định (Điều 8). Việc này gây khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ chỉ tập trung cho lĩnh vực nghiên cứu. Khu CNTT tại TP. HCM tập trung nhiều doanh nghiệp R&D và các chuyên gia muốn tập trung nghiên cứu thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới, nhưng do vướng quy định hoặc quy định quá phức tạp nên không thực hiện được.

- Về thực tiễn

- Đối với chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Hiện chưa có quy định pháp luật hướng dẫn chi tiết các tiêu chí để xác định một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (KNST). Tuy nhiên, theo khái niệm nêu trên, một số điểm khác biệt cơ bản giữa doanh nghiệp KNST so với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trước hết nằm ở việc doanh nghiệp KNST phát triển trên nền tảng tài sản trí tuệ, nghiên cứu công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Đó có thể là việc phát triển mới một nền tảng công nghệ mới (như trường hợp Công ty Axie Infinity tạo tựa game NFT trên nền tảng block chain) hay sáng tạo ra một mô hình kinh doanh mới (như trường hợp công ty Vbee phát triển hệ sinh thái các giải pháp về giọng nói trí tuệ nhân tạo như Vbee AI Call Center, Vbee AI Callbot). Ngoài ra, khả năng tăng trưởng nhanh cũng là điểm khác biệt giữa doanh nghiệp KNST và doanh nghiệp nhỏ và vừa (ví dụ trường hợp của công ty OpenCommerce Group đã tăng trưởng gấp 13,8 lần trong 02 năm đầu ra mắt)

Với những đặc trưng trên, cần chính sách ưu đãi để thúc đẩy doanh nghiệp KNST tạo ra những giá trị mới, có nhiều giá trị gia tăng cho xã hội, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở ra một mô hình kinh doanh mới cho nền kinh tế; tuy nhiên, cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro mất vốn. Đây cũng là lý do lý giải việc doanh nghiệp KNST luôn được các nước khuyến khích phát triển thông qua việc ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, cụ thể là chính sách ưu đãi về thuế.

Các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp

nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, tổ chức đổi mới công nghệ, tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp) là các tổ chức hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ về ươm tạo, tăng tốc, hỗ trợ thương mại hóa, chuyển giao công nghệ, cung cấp các giải pháp đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, đây là các tổ chức quan trọng là nơi ươm mầm và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng là nơi kết nối và liên kết các nguồn lực trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rất cần sự ưu đãi từ Nhà nước, đặc biệt là thuế. Thực tiễn cho thấy, phần kinh phí, doanh thu các tổ chức này nhận được tập trung chủ yếu cho hoạt động ươm tạo và phát triển các sản phẩm đổi mới sáng tạo hiện nay được xem như là nguồn thu của doanh nghiệp, phần thu đơn vị phải đóng theo quy định là 20% và do đó cần có ưu đãi thuế cho các nhóm đối tượng này.

+ *Về tình hình nhà đầu tư cá nhân vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:*

Bên cạnh các nhà đầu tư là quỹ đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp thì số lượng nhà đầu tư cá nhân cũng chiếm phần lớn trong việc đầu tư các doanh nghiệp KNST, do đó cũng cần miễn thuế thu nhập cá nhân cho các nhà đầu tư cá nhân này để khuyến khích cho việc đầu tư, phát triển doanh nghiệp KNST vốn cần nguồn vốn lớn để phát triển.

Theo dõi tình hình và tốc độ phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay cho thấy hơn 10 năm phát triển Việt Nam tính đến thời điểm này chỉ có 04 startup kỳ lân (unicorn) cho thấy khả năng sinh lời trong lĩnh vực này rất thấp. Thực tế việc đầu tư vào các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam từ 2016 đến nay cho thấy 99% Nhà đầu tư chưa thu lợi nhuận từ các thương vụ đầu tư cho doanh nghiệp KNST; Nhà đầu tư cá nhân đầu tư thường ít ai muốn khai báo vào Mã số thuế cá nhân, nên thường bị áp 0.1% thuế trên giá trị giao dịch, vì vậy họ thường ký Hợp đồng không đúng giá trị giao dịch và làm lệch lạc thông tin đầu tư.

- **Về thực trạng của Thành phố hiện nay:**

+ *Tình hình đầu tư doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:*

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có gần 2.000 doanh nghiệp KNST, trong đó 65% tập trung ở lĩnh vực công nghệ thông tin. Hơn 44 cơ sở ươm tạo và tăng tốc khởi nghiệp (cả nhà nước và tư nhân). Các cơ sở ươm tạo nhà nước hầu hết tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ cao hay công nghệ sinh học, cơ khí tự động hóa, đây là các lĩnh vực cần thời gian ươm tạo dài, vốn đầu tư lớn, nhưng chính các lĩnh vực này mới tạo ra được các công nghệ lõi cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đây là yếu tố quan trọng để hệ sinh thái khởi nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phát triển bền vững và có lợi thế cạnh tranh. Trong khi đó, các cơ sở ươm tạo tư nhân phần lớn tập trung ươm tạo và tăng tốc cho các

doanh nghiệp KNST trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, thương mại điện tử và công nghệ tài chính,... do chi phí đầu tư không lớn, thời gian ươm tạo ngắn và thoái vốn nhanh - đây là các nhóm đối tượng quan trọng trong việc ươm mầm và phát triển các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo cho Thành phố.

Đồng hành với các cơ sở ươm tạo, tăng tốc nêu trên là các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyên giao công nghệ, tổ chức đổi mới công nghệ, tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyên đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, đây là các tổ chức thúc đẩy việc phát triển doanh nghiệp KNST ngày càng hiệu quả và có chất lượng hơn.

Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hơn 95% đồng nghĩa với việc rủi ro cho đầu tư vào khởi nghiệp cao nên nếu không có chính sách này thì không khuyến khích được vốn tư nhân cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Hiện Thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế trực tiếp đánh vào tài chính của doanh nghiệp nên sự hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối doanh nghiệp KNST chủ yếu là sắc thuế này. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) 2017: “1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp KNST này sẽ được tham chiếu pháp luật chung về thuế thu nhập doanh nghiệp mà chưa có quy định cụ thể về mức thuế suất áp dụng cho DNNVV. Nói cách khác, ưu đãi này vẫn chưa được cụ thể hóa riêng cho doanh nghiệp KNST trên thực tế, các doanh nghiệp KNST phải áp dụng theo những ưu đãi của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo ngành nghề kinh doanh, doanh thu cũng như địa bàn hoạt động để hưởng ưu đãi.

Việc đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startup) được xem là đầu tư mạo hiểm do rủi ro đầu tư trong lĩnh vực này là rất cao. Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các startup là hơn 95% do các các doanh nghiệp đang trong giai đoạn phát triển khá sớm, nhân sự mỏng, kiêm nhiệm nhiều vị trí cùng lúc, chưa có sản phẩm hoàn chỉnh và vẫn đang hoàn thiện sản phẩm và tìm kiếm mô hình kinh doanh phù hợp. Hoạt động đầu tư và góp vốn vào các doanh nghiệp này mang tính giằng dụa cho nhiều doanh nghiệp cùng lúc. Về quy định pháp luật chưa có sự phân biệt giữa Quỹ đầu tư mạo hiểm và Quỹ đầu tư thông thường, do đó, trong quá trình chuyển nhượng hoặc thoái vốn, theo quy định nhà nước thuế thu nhập đối với giao dịch chuyển nhượng được tính như sau:

+ Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty đại chúng gọi là chuyển nhượng chứng khoán, áp dụng thuế 0.1% cho nhà đầu tư cá nhân/tổ chức nước ngoài và cá nhân trong nước. Tổ chức trong nước đóng thuế 25% trên lợi tức.

+ Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty cổ phần không đại chúng gọi là chuyển nhượng vốn, đóng thuế như sau:

+ Nhà đầu tư là tổ chức (Việt Nam hoặc nước ngoài): áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi tức (giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan) ;

+ Nhà đầu tư cá nhân Việt nam: áp dụng thuế suất 20% trên lợi tức (theo Luật thuế thu nhập cá nhân).

+ Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài: áp dụng thuế suất 0.1% trên giá bán (tổng số tiền được từ việc chuyển nhượng phần vốn)

Như vậy hiện nay các Nhà đầu tư mạo hiểm (nhà đầu tư cá nhân và Quỹ đầu tư mạo hiểm) vẫn chịu thuế theo dạng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tất cả các thương vụ đầu tư vào doanh nghiệp KNST dù thất bại hay thành công đều phải đóng thuế khi chuyển nhượng hoặc góp vốn. Trong khi đó, rủi ro trong đầu tư mạo hiểm là hơn 95% và các đối tượng này chưa được nhà nước xem xét hỗ trợ. Các nước khác như Singapore, Úc, New Zealand,... đều có chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho Nhà đầu tư mạo hiểm do tính rủi ro lớn, ngược lại, nếu thành công sẽ tạo ra nhiều tác động rất lớn cho xã hội về hiệu quả của hoạt động đổi mới sáng tạo.

Thực tế cho thấy các nhà đầu tư khi đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp không ngại việc đóng thuế nếu có lợi nhuận, tuy nhiên bản chất của đầu tư mạo hiểm là việc đầu tư vào các giai đoạn rất sớm của doanh nghiệp, tính đến nay, hầu hết đều là các thương vụ thất bại. Các Nhà đầu tư chỉ cần miễn thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nghĩa là được miễn thuế trên mỗi doanh nghiệp KNST mà họ đầu tư.

1.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Để đạt được mục tiêu tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025:... **hỗ trợ được 800 dự án...** Đến năm 2025: **Hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.** Xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động hiệu quả và có lợi thế cạnh tranh trong khu vực.

Việc miễn các loại thuế trên không chỉ giúp Nhà đầu tư tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực đổi mới sáng tạo mà còn giúp thị trường minh bạch hơn. Các nhà đầu tư sẵn sàng cung cấp các thông tin chính xác cho các giao dịch thực hiện với Doanh nghiệp KNST, từ đó, xây dựng nguồn doanh nghiệp ngày càng nhiều để phục vụ cho các mục tiêu lớn của Thành phố trong tương lai

Để hoàn thành được nhiệm vụ hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các khu công nghệ thông tin tập trung theo Quyết định

số 2407/QĐ-TTg Ngày 31/12/2014 của Thủ tướng chính phủ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao theo Nghị quyết số 31-NQ/TW.

1.4. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Có các cơ chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như: Miễn thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Miễn thuế cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyên nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố. Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

1.5. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1:

Tác động về kinh tế

Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hơn 95% đồng nghĩa với việc rủi ro cho đầu tư vào khởi nghiệp cao nên nếu không có chính sách này thì không khuyến khích được vốn tư nhân cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (KNST).

Hiện Thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế trực tiếp đánh vào tài chính của doanh nghiệp nên sự hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối doanh nghiệp KNST chủ yếu là sắc thuế này. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) 2017: “1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp KNST này sẽ được tham chiếu pháp luật chung về thuế thu nhập doanh nghiệp mà chưa có quy định cụ thể về mức thuế suất áp dụng cho DNNVV. Nói cách khác, ưu đãi này vẫn chưa được cụ thể hóa riêng cho doanh nghiệp KNST trên thực tế, các doanh nghiệp KNST phải áp dụng theo những ưu đãi của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo ngành nghề kinh doanh, doanh thu cũng như địa bàn hoạt động để hưởng ưu đãi.

Tác động về mặt xã hội

Hiện nay các Nhà đầu tư mạo hiểm (nhà đầu tư cá nhân và Quỹ đầu tư mạo hiểm) vẫn chịu thuế theo dạng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tất cả các thương vụ đầu tư vào doanh nghiệp KNST dù thất bại hay thành công đều phải đóng thuế khi chuyển nhượng hoặc góp vốn. Trong khi đó, rủi ro trong đầu tư mạo hiểm là hơn 95% và các đối tượng này chưa được nhà nước xem xét hỗ trợ. Các nước khác như Singapore, Úc, New Zealand,... đều có chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho Nhà đầu tư mạo hiểm do tính rủi ro lớn, ngược lại, nếu thành công sẽ tạo ra nhiều tác động rất lớn cho xã hội về hiệu quả của hoạt động đổi mới sáng tạo.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong 5 năm đầu hầu như không có lợi nhuận, họ hoạt động nhờ nguồn vốn từ các nhà đầu tư thiên thần và một số quỹ đầu tư ở giai đoạn hạt giống, các sáng lập viên và đồng sáng lập thường ký hợp đồng với nhà đầu tư để nhận tiền và phải đóng thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập này. Do đó, trong giai đoạn đầu các cá nhân này rất cần sự chính sách hỗ trợ và ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân từ nhà nước để tạo nguồn lực họ tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, tiếp cận nguồn vốn đầu tư và thị trường. Nếu không có chính sách hỗ trợ Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các Trung tâm đổi mới sáng tạo sẽ hạn chế các cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, ảnh hưởng việc tham gia và đóng góp vào các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tác động về bình đẳng giới

Không tác động tích cực đến bình đẳng giới do không có cơ chế ưu đãi đối với rất nhiều các quỹ đầu tư ưu tiên cho nhóm Doanh nghiệp KNST do nữ làm chủ và các sản phẩm và dịch vụ cho những đối tượng yếu thế trong xã hội.

Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Không phát huy hiệu quả, mục tiêu đồng thời khắc phục hạn chế của các chính sách về khoa học và công nghệ hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Tác động về kinh tế

Thông qua ưu đãi thuế sẽ tạo động lực thu hút nguồn vốn từ bên ngoài, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên; khuyến khích tạo việc làm; thúc đẩy xuất khẩu, gia tăng sản phẩm nội địa sản xuất trong nước; hoặc phát triển khoa học và công nghệ,... Trong thời gian ngắn hạn sẽ giảm nguồn thu ngân sách, nhưng về dài hạn sẽ giúp các doanh nghiệp KNST nâng cao năng lực tích lũy, năng lực cạnh tranh qua đó thúc đẩy kinh tế phát triển và tạo ra “hiệu ứng lan tỏa” khác cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, chính sách này sẽ thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh

vực ưu tiên của Thành phố. Đây sẽ là nguồn lực quan trọng để phát triển các giải pháp đổi mới sáng tạo trong tương lai để phục vụ cho các Chương trình lớn của Thành phố.

Với việc triển khai chính sách này, Thành phố sẽ xây dựng được một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có lợi thế cạnh tranh trong khu vực. Thành phố sẽ tạo được nguồn lực quan trọng về đổi mới sáng tạo, giúp tạo ra rất nhiều các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong 5 năm hoặc 10 năm tới dựa trên các nguồn tài chính huy động từ hệ sinh thái và các quỹ đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư trong lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu tại các Chương trình lớn Thành phố đang triển khai trong dài hạn như: Chương trình đô thị thông minh, chuyển đổi số, xây dựng Thành phố thành Trung tâm tài chính trong khu vực,...

Việc nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới nhằm thúc đẩy việc tìm kiếm và đưa ra thị trường các sản phẩm công nghệ mới mang thương hiệu Việt Nam có khả năng cạnh tranh với các giải pháp công nghệ tiên tiến trên thế giới, cung cấp cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, người dân các sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao với giá thành phù hợp, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất của người lao động, giảm chi phí, tạo lợi thế cạnh tranh không chỉ ở thị trường trong nước mà cả thị trường ngoài nước.

Khoa học và công nghệ là nguồn lực quan trọng của phát triển kinh tế. Các sản phẩm KHCN đặc biệt là sản phẩm từ công nghệ mới, tiên tiến đang đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GDP. Thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần cho sự phát triển KHCN và gián tiếp có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế

Tác động về mặt xã hội

Nhà nước cần phát huy vai trò hỗ trợ ban đầu cho các doanh nghiệp KNST, các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố. Từ đó, liên kết và hợp tác với các thành phần khác trong hệ sinh thái thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố hiện đang hoạt động với gần 2.000 Doanh nghiệp KNST (gần 50% của cả nước) tập trung vào lĩnh vực chính là công nghệ thông tin (chiếm hơn 65%), là một hệ sinh thái năng động Thành phố đang có hơn 150 quỹ đầu tư mạo hiểm đang hoạt động. Tuy nhiên, các quỹ đầu tư này khi xem xét đầu tư vào Doanh nghiệp KNST có xu hướng đưa các doanh nghiệp này qua nước khác đăng ký thành lập công ty để được hưởng các ưu đãi từ chính quyền các nước có các chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư, rất nhiều doanh nghiệp KNST Việt Nam qua Singapore thành lập công ty để nhận vốn đầu tư. Nếu không có chính sách ưu đãi cho Nhà đầu tư mạo hiểm sẽ khó giữ chân và thu hút các nguồn vốn lớn từ khu vực tư nhân hoặc từ nước ngoài cho việc phát triển các

Doanh nghiệp KNST tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó khó phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo có ưu thế trong khu vực và quốc tế. Ngoài ra, chính sách ưu đãi cụ thể sẽ giúp minh bạch các thông tin về đầu tư hơn.

Việc phát triển các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực tin học viễn thông, các giải pháp cho nhà thông minh, làng thông minh, đô thị thông minh sẽ góp phần tác động lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội. Việc thử nghiệm và đưa ra được thị trường các sản phẩm, giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần tăng giao lưu xã hội làm cho đời sống tinh thần người dân phong phú hơn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Sự phát triển KHCN trong cuộc CMCN 4.0 đặc biệt là công nghệ mới, tiên tiến luôn hình thành và phát triển đã tác động rõ rệt đến mọi mặt đời sống xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người.

Tuy nhiên để KHCN mới, tiên tiến được đi vào thực tế để phục vụ con người thì cần thời gian triển khai, thử nghiệm. Do đó nếu có những mô hình thử nghiệm có kiểm soát tại KCNC hay Khu CNTT tập trung sẽ giúp rút ngắn thời gian nghiên cứu thử nghiệm và sớm đem lại kết quả.

Tác động về bình đẳng giới

Có tác động tích cực đến bình đẳng giới do có rất nhiều các quỹ đầu tư ưu tiên cho nhóm Doanh nghiệp KNST do nữ làm chủ và các sản phẩm và dịch vụ cho những đối tượng yếu thế trong xã hội.

Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phát huy hiệu quả của các chính sách về khoa học và công nghệ hiện hành.

Khu CNC và khu CNTTTT TP. Hồ Chí Minh là các khu đặc thù phục vụ cho việc nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới, tuy nhiên chưa có cơ chế, chính sách mở để các doanh nghiệp, chuyên gia tại đây có thể thực hiện các nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới nên do đó, Thành phố Hồ Chí Minh cần có khung chính sách riêng cho Khu CNC và Khu CNTTTT để khuyến khích thực hiện mục tiêu này.

Luật CNC ra đời năm 2008 và đến nay vẫn còn hiệu lực. Tại điều 31 của Luật CNC 2008 có quy định về các hoạt động KHCN tại KCNC, tuy nhiên chưa làm rõ nội dung KHCN về việc thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới, đặc biệt là thử nghiệm các cơ chế thúc đẩy hiệu quả hợp tác 03 nhà. Do đó trong quá trình thử nghiệm sẽ đề xuất những cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển KHCN đặc biệt là lĩnh vực CNC góp phần xây dựng hoàn chỉnh hành lang pháp lý đảm bảo KHCN luôn là trọng tâm ưu tiên phát triển.

1.6. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

2. Chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc; thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

2.1. Các căn cứ:

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài.*”.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19) có mục tiêu “*đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp...*”.

- Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trong đó, có nêu “*Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao*”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư “*yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, ...*”, “*Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ tốt của thế giới*”.

- Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 “*Sắp xếp, cơ cấu lại hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ; xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo mang tầm quốc gia, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao, các viện nghiên cứu, trường đại học. Phát triển mạnh thị trường*

khoa học - công nghệ; có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tại Thành phố. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đạt trình độ quốc tế ở các lĩnh vực ưu tiên”

Tuy nhiên thực tiễn quy định pháp luật còn một số vấn đề bất cập, Thành phố nghiên cứu thí điểm các chính sách để làm cơ sở đánh giá trước khi xây dựng điều chỉnh các quy định trên cả nước.

2.2. Xác định vấn đề bất cập

- Về pháp lý

Tuy khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 54/2017/NQ-CP: *“Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định”*, nay đề xuất điều chỉnh cụ thể hơn, tương tự Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: *“Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định chính sách ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng, môi trường làm việc, trang thiết bị làm việc, quy hoạch, bổ nhiệm, tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách khác đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt; tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại thành phố Buôn Ma Thuột”*.

- Về thực tiễn

Việc thu hút nhân tài vào một số chức danh lãnh đạo trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cần thiết trong bối cảnh tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị quyết số 19, tuy nhiên tiền lương, tiền công của các chức danh lãnh đạo này hiện nay áp dụng theo quy định ngạch, bậc chung của viên chức.

Bên cạnh đó việc giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học) để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố là cần thiết trong bối cảnh thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng theo quy định thống nhất cả nước.

- Về thực trạng

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, có 14 tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố. Các tổ chức này có chức năng chính là nghiên cứu khoa học, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố (tham mưu cơ chế chính sách, nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,

chuyên giao công nghệ để phục vụ phát triển sản phẩm đặc thù của địa phương, ...). Thu nhập bình quân của cá nhân làm nghiên cứu khoa học tại các tổ chức này dưới 10.000.000 đồng/tháng. Mức thu nhập như vậy khó giữ chân nhân lực, đặc biệt là nhân lực có trình độ cao và chuyên môn tốt.

- Năng suất lao động của Thành phố luôn ở mức cao hơn so với trung bình cả nước, đặc biệt là năng suất lao động các ngành thâm dụng khoa học và công nghệ như thông tin và truyền thông; tài chính, ngân hàng; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế... Theo báo cáo nghiên cứu thị trường lương năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh của các công ty nhân sự như Navigos, Adeco cho thấy để thu hút nhân sự cho các ngành công nghệ cao đòi hỏi mức lương cao hơn gấp nhiều lần so với định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Ví dụ mức lương hàng tháng của giám đốc công nghệ (CTO) là 250 - 400 triệu đồng; chuyên gia phân tích dữ liệu là 40-80 triệu đồng; chuyên gia thiết bị y tế là 25-40 triệu đồng; quản lý quỹ đầu tư là 350-400 triệu đồng

Vì vậy cần có ưu đãi về tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với lực lượng hoạt động nghiên cứu khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố để giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học) để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố là cần thiết trong bối cảnh tiền lương, tiền công, thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng theo quy định thống nhất cả nước.

2.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư “*yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, ...*”, “*Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ tốt của thế giới*”.

Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có đề ra nhiệm vụ “*có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế.*”

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, trong đó có nêu các định hướng phát triển, ứng dụng công nghệ (Mục III. 3).

2.4. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

Giải pháp 2: Chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc; thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2.5. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1:

Tác động về kinh tế

Việc thu hút nhân tài vào một số chức danh lãnh đạo trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cần thiết trong bối cảnh tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị quyết số 19, tuy nhiên tiền lương, tiền công của các chức danh lãnh đạo này hiện nay áp dụng theo quy định ngạch, bậc chung của viên chức. Do đó phần nào ảnh hưởng đến việc thu hút và giữ chân nhân tài tập trung cống hiến lâu dài cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trước sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ các tổ chức khoa học tư nhân và quốc tế.

Tác động về mặt xã hội

Bên cạnh khó khăn trong việc giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học), việc thiếu cơ chế chính sách ưu đãi ảnh hưởng việc xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của Thành phố, ảnh hưởng việc bắt nhịp với sự phát triển ngày càng nhanh chóng, đa dạng và đầy cạnh tranh của khu vực và thế giới.

Tác động về bình đẳng giới

Chưa ghi nhận tác động tiêu cực đến bình đẳng giới.

Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Không phát huy hiệu quả, mục tiêu đồng thời khắc phục hạn chế của các chính sách về khoa học và công nghệ hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Tác động về kinh tế

Thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc, nghiên cứu sẽ góp phần thay đổi mô hình quản trị tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm tập trung phát triển, ươm tạo, thương mại hóa công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới dựa trên cơ sở hợp tác chặt chẽ với các đại học thông qua việc đầu tư và thành lập

các phòng thí nghiệm liên kết đặt tại các trường đại học và ký kết các hợp đồng nghiên cứu phát triển và doanh nghiệp, nhằm hỗ trợ chuyển giao cho doanh nghiệp; hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố.

b) Tác động về mặt xã hội

Giữ chân các nhà khoa học chất lượng cao đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố, góp phần giải quyết các vấn đề của Thành phố mà còn tận dụng các nguồn lực, cơ sở vật chất đã đầu tư, khai thác hiệu quả máy móc thiết bị, đào tạo tập huấn cho cán bộ nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu và mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế, tham gia mạng lưới nghiên cứu tiên tiến trên thế giới.

c) Tác động về bình đẳng giới

Không có tác động tiêu cực đến bình đẳng giới

d) Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật: *“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”*.

2.6. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

VI. Cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy của Thành phố

Về tổ chức bộ máy, Thành phố đề xuất 05 nội dung. Một số nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 tiếp tục đề xuất thực hiện bao gồm Khoản 3, 5 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Quy định những nội dung về phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm; tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phường, xã, thị trấn, cơ chế về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Nhằm tháo gỡ những khó khăn do vướng phải các quy định của Luật không có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho cơ quan chuyên ngành an toàn

thực phẩm và trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6: **“trường hợp đặc biệt cần tăng thêm đầu mối từ cấp vụ, cục hoặc tương đương trở lên phải có ý kiến của Bộ Chính trị”**. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội cơ chế cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm để tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo cơ sở để xây dựng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở An toàn thực phẩm Thành phố không được quy định trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y.

- Tạo điều kiện thuận lợi, đặc thù để triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở An toàn thực phẩm Thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khi chưa được quy định trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y.

- Hiện tại, Thành phố có 02 huyện loại II là huyện Hóc Môn và huyện Cần Giờ và 48 phường, xã, thị trấn loại I có dân số từ 50.000 dân trở lên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015: *“Ủy ban nhân dân huyện loại I có không quá ba Phó Chủ tịch; huyện loại II và loại III có không quá hai Phó Chủ tịch”* và khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền năm 2019: *“Ủy ban nhân dân xã loại I, loại II có không quá hai Phó Chủ tịch; xã loại III có một Phó Chủ tịch”*. Do đó, với mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố và đặc điểm là một đô thị đặc biệt với mật độ dân số cao, số dân lớn và khối lượng các công việc quản lý nhà nước cần giải quyết, đáp ứng cho nhu cầu Nhân dân là một áp lực đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện tham mưu công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

- Mặt khác, trong nhiệm kỳ 2011 - 2016, thực hiện Công văn số 3533-CV/VPTW ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Trung ương Đảng về chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền của Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 838-CV/BTCTW ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ban Tổ chức Trung ương về việc số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2020 tại Thành phố đã thực hiện tăng thêm 01 Phó Chủ tịch. Tuy nhiên, từ nhiệm kỳ 2016 - 2021 chủ trương tăng thêm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã đang tạm ngừng thực hiện, nên các địa phương có dân số đông, tính chất phức tạp trong quản lý nhà nước và có tình hình đô thị hóa cao đang thiếu nguồn lực cán bộ quản lý. Dẫn đến sự thiếu hụt nguồn lực để vận hành, tham mưu, xây dựng các chính sách trong quá trình phát triển Thành phố, từ đó phát sinh nhiều trở ngại, bất cập, chưa phát huy hết tiềm năng của mình do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân cần xem xét đánh giá là cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn chưa tương xứng, phù hợp với đặc điểm, tình hình phát triển của một đô thị đặc biệt.

- Thực hiện quy định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trình độ chuyên môn đối với công chức cấp xã yêu cầu từ đại học trở lên và quy định để thực hiện xét tuyển đối với cán bộ, công chức cấp xã vào công chức cấp huyện trở lên theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP cũng yêu cầu phải đạt trình độ đại học trở lên và có thời gian tham gia công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định từ đủ 60 tháng (không tính thời gian tập sự). Do đó, nếu duy trì sự khác biệt đối với công chức phường với công chức xã, thị trấn sẽ làm cho các điều kiện phát triển bị ràng buộc, tạo sự phân biệt giữa công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường và công chức cấp xã đang công tác tại 63 xã, thị trấn. Qua đó, làm ảnh hưởng đến tâm lý đội ngũ cán bộ, công chức và gây khó khăn trong công tác bố trí, quy hoạch không tạo ra động lực cho đội ngũ công chức xã, thị trấn.

- Hiện nay, tại Thành phố đang triển khai thực hiện thống nhất trong việc đào tạo, bồi dưỡng công chức xã, thị trấn như công chức phường, theo đó có trên 94% có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên; đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của công chức từ cấp huyện trở lên, đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Đồng thời khối lượng công việc, mức độ và chất lượng phục vụ của công chức xã, thị trấn có tính chất tương đồng. Một số xã, thị trấn phát sinh khối lượng công việc của công chức cấp xã tăng gấp nhiều lần so với công chức phường; địa bàn rộng hơn phường; phức tạp hơn; nhiều xã, thị trấn dân số đông hơn phường (03 xã trên 100.000 dân, 09 xã trên 50.000 dân, 15 xã, thị trấn trên 30.000 đến 50.000 dân); các chế độ, chính sách đối với công chức xã, thị trấn được Thành phố thực hiện thống nhất như công chức phường.

- Khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, do Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc Ủy ban nhân dân quận, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên, Nghị quyết số 131/2020/QH14 chỉ nêu đối với các quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết số 131/2020/QH14 và các luật, nghị quyết khác thì thực hiện theo Nghị quyết số 131/2020/QH14; chưa quy định đối với các vấn đề có tính chất chuyên ngành chưa được đề cập tại Nghị quyết số 131/2020/QH14. Do đó, cần thiết bổ sung 01 điều khoản tại Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh về quy định thống nhất xác định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tại Thành phố được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, kể cả quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Áp dụng xuyên suốt đối với các luật, nghị quyết ban hành sau Nghị quyết số 131/2020/QH14.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Việc thành lập một cơ quan chuyên môn về an toàn thực phẩm (Sở) thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ tạo điều kiện nhằm phát huy tối đa các hiệu quả mà mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã đạt được thông qua việc khắc phục những hạn chế về mặt pháp lý của mô hình Ban Quản lý. Do là một mô hình thí điểm nên chưa được quy định trong hệ thống văn bản pháp luật vì vậy trong quá

trình hoạt động đã gặp một số vướng mắc về pháp lý (thẩm quyền thanh tra, ra quyết định xử phạt) cũng như tổ chức nhân sự (tuyển dụng, chuyển đổi công chức - viên chức). Mặc dù, tất cả các khó khăn đã được Thành phố tạm tháo gỡ để bảo đảm hoạt động của Ban trong thời gian hoạt động thí điểm, nhưng nếu được chính thức hóa thành mô hình Sở thì sẽ giải quyết được tận gốc những khó khăn trong quá trình hoạt động của mô hình thí điểm Ban.

- Tại Nghị quyết 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ ra nhiệm vụ: “- *Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả*;...” Thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và từ thực tiễn Thành phố đã thực hiện tại nhiệm kỳ 2011 - 2016, Thành phố kiến nghị, tăng số lượng Phó Chủ tịch của Ủy ban nhân dân huyện (có ba Phó Chủ tịch) và đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có số dân từ 50.000 dân trở lên (có không quá ba Phó Chủ tịch) để đảm bảo nhân lực cán bộ giải quyết các công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ Nhân dân và phù hợp với đặc điểm dân số đông, tình hình phát triển ngày càng cao của một đô thị đặc biệt.

- Thống nhất việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức được giao hằng năm. Thống nhất trong các quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng, kỷ luật, khen thưởng, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức; không phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã để tạo sự liên thông, đồng bộ trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động và bố trí nguồn lực nhân sự phục vụ công tác xây dựng, tham mưu quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.

- Đồng thời, trong thời gian hiện tại Thành phố đang nghiên cứu, xây dựng Đề án đầu tư xây dựng huyện thành quận hoặc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030 nên việc thực hiện liên thông công chức (công chức xã, thị trấn là công chức từ cấp huyện trở lên) đảm bảo định hướng của Trung ương, định hướng của Thành phố về xây dựng Đề án; đảm bảo đồng bộ trong việc thực thi công chức, công vụ; đảm bảo cho công tác bố trí cán bộ được kịp thời, hiệu quả.

- Bổ sung 01 điều khoản tại Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh về quy định thống nhất xác định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường tại Thành phố được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, phường, kể cả quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Áp dụng xuyên suốt đối với các luật, nghị quyết ban hành sau Nghị quyết số 131/2020/QH14.

1. 3. Giải pháp đề xuất:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Quy định những nội dung về phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm; tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phường, xã, thị trấn, cơ chế về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố.

1.5. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ sở để triển khai thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất tỉnh, vừa tham gia giám sát, truy xuất nguồn gốc tại các chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ ngày càng được nâng cao, tăng chất lượng hàng hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực tiễn phát triển của Thành phố đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải có sự ổn định và liên thông để liên tục đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công tác theo yêu cầu nhiệm vụ, tuy nhiên số biên chế công chức thực có tại các phường, xã, thị trấn của Thành phố hiện nay còn thiếu rất nhiều so với biên chế được Trung ương giao hàng năm. Trong thời gian qua, dù đã rất cố gắng thực hiện tinh giản biên chế, tạm ngừng tuyển dụng mới công chức để giảm tối đa biên chế và thực hiện xã hội hóa, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp theo chỉ đạo của Trung ương, nhưng do tốc độ tăng dân số cơ học và yêu cầu phát triển Thành phố, nhằm đảm bảo tốt nhiệm vụ chính trị, công tác phục vụ Nhân dân, nhất là các công việc liên quan đến quản lý sản xuất, kinh doanh, đất đai, giáo dục và đào tạo, y tế...tăng qua các năm nên rất cần tuyển dụng công chức mới thay thế số công chức đã nghỉ hưu, thôi việc nhằm đáp ứng yêu cầu công tác, thực hiện nhiệm vụ chính trị của các phường, xã, thị trấn. Do đó khi Thành phố được chủ động tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức được giao hằng năm sẽ kịp thời bổ sung nhân lực giải quyết, thực hiện nhiệm vụ tại những địa phương, đơn vị chuyên môn còn thiếu. Thông qua đó, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế

Đảm bảo được sự chủ động, linh hoạt trong quá trình ra quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường. Bộ máy nhà nước cấp cơ sở chú trọng nâng cao nhận thức, thái độ trong thực thi nhiệm vụ, phục vụ người dân, lấy sự hài lòng của

người dân là thước đo hiệu quả hoạt động. Việc cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, phường theo quy định tại Điều 5 và Điều 9 Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định pháp luật khác có liên quan sẽ góp phần xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh và xây dựng lòng tin của Nhân dân đối với bộ máy của Đảng và Nhà nước.

- Tác động về xã hội:

Tập trung đầu mối thanh tra, kiểm tra thuận lợi cho người dân khi chỉ có một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp Thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở với tần suất theo qui định, tránh chồng chéo và tình trạng mỗi năm một cơ sở, doanh nghiệp phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của quá nhiều cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Với vị trí, vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, nhiệm vụ thực hiện phát triển kinh tế - xã hội là một trong những trọng tâm cần tập trung thực hiện. Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đòi hỏi Thành phố phải có bước đột phá trong việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phù hợp với tiềm năng và lợi thế của Thành phố, gắn với phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mà việc xác định, phân bổ số lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố là một nhiệm vụ rất quan trọng. Đội ngũ đó chính là nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương trên toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, an sinh xã hội, phục vụ Nhân dân

Đảm bảo được sự chủ động, linh hoạt trong quá trình ra quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường. Từ đó nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân trên địa bàn, tiết kiệm các thời gian, công sức đi lại của người dân trong giao dịch với chính quyền, bút phá cũng như nâng cao đánh giá hiệu quả hoạt động chính quyền trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, an sinh xã hội.

- Tác động về giới: Không có

- Tác động về thủ tục hành chính:

Có thể làm thay đổi một số biểu mẫu thủ tục hành chính theo thẩm quyền.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải quyết hạn chế về cơ chế phối hợp giữa các Sở - ngành và đầu mối chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý an toàn thực phẩm: hình thành một cơ quan chuyên môn (Sở) thường trực của Ban chỉ đạo liên ngành Thành phố về an toàn thực phẩm, là đầu mối thống nhất tổng hợp tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

Điều chỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền năm 2019, theo đó sẽ giải quyết được những bất cập trong bố trí nguồn lực cán bộ phụ trách, đảm nhiệm vai trò, nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước.

Điều chỉnh đến quy định tại khoản 5 Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, theo đó, Thành phố kiến nghị Quốc hội sẽ cho phép Thành phố được nhập số lượng cán bộ, công chức xã, thị trấn vào số lượng công chức hành chính giao hàng năm của Ủy ban nhân dân huyện. Theo đó, sẽ căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô, đặc điểm của địa phương để xây dựng vị trí việc làm từ đó tính ra số lượng biên chế cán bộ, công chức cần bố trí để đảm nhận các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương.

Tác động đến khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số 131/2020/QH14.

1.6. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định về cơ cấu, chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn; quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ; quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Thành phố hiện có 48/312 phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 người trở lên (hơn gấp 3 lần với quy định về quy mô dân số theo tiêu chuẩn của phường là 15.000 dân trở lên của NQ 1211/2016/UBTVQH về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính), đặc biệt có những phường, xã có số dân gần 100.000 người như: phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức (dân số 101.452 người; diện tích 6,46 km²), phường Hiệp Thành, Quận 12 (dân số 99.910 người; diện tích 5,42 km²); phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (dân số 124.000 người; diện tích 4,65 km²); xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (dân số 125.267 người; diện tích 19,66 km²), xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (dân số 122.142 người; diện tích 17,44 km²). Theo đó, đối với những phường, xã, thị trấn đông dân đang có tốc độ đô thị hóa cao, địa hình phức tạp cũng là áp lực tác động đến công tác quản lý nhà nước về: quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội, phục vụ Nhân dân sinh sống trên địa bàn đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải tăng cường độ làm việc để hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt trong năm 2020, 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp, lây lan nhanh, số lượng người lây nhiễm cao, gây tổn hại lớn về tính mạng, sức khỏe và đời sống của Nhân dân Thành phố. Vì vậy, để từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực quản

lý, điều hành của chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - an sinh xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân là yếu tố tiên quyết cần đánh giá, xác định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức công tác tại phường, xã, thị trấn đặc biệt là đối với phường, xã, thị trấn đông dân tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, việc xây dựng cơ cấu tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW chưa được thực hiện nên Thành phố chưa có cơ sở xác định quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để làm cơ sở so sánh hệ số chi thu nhập tăng thêm theo mức đề xuất không quá **1,8 lần** mức lương ngạch, bậc, chức vụ với quy định không quá **0,8 lần** quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Do đó, để tiếp tục tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn bó, cống hiến, cơ bản đáp ứng mức sống tại Thành phố, góp phần hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đề xuất chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ trong Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội cho đến khi thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Lực lượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt là nguồn chất xám có giá trị và tầm quan trọng đặc biệt, có vai trò dẫn dắt và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Đội ngũ nhân lực này không đông đảo về số lượng và luôn được các quốc gia, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp tập trung chiêu mộ, mời gọi. Do đó, muốn thu hút và giữ chân nhân tài thì Thành phố Hồ Chí Minh phải có chính sách đãi ngộ hấp dẫn để có thể cạnh tranh với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nâng cao chế độ, chính sách tiền lương, chính sách thu hút cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách về phường, xã, thị trấn.

Nhằm tiếp tục tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, đáp ứng được mức sinh hoạt tại Thành phố, yên tâm công tác.

Thành phố đề xuất tiếp tục thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14: “Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định” để đảm bảo ổn định về hành lang pháp lý, tạo động lực thực hiện hiệu quả 03 đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Đây cũng là cơ sở để Thành phố tiếp tục là

địa phương đi đầu trong thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

2.4. Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định về cơ cấu, chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn; quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ; quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố.

2.5. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập

b) Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế:

Tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn, đáp ứng mức sinh hoạt, tạo điều kiện yên tâm công tác.

Đội ngũ nhân tài khi được thu hút, trọng dụng sẽ phát huy vai trò tiên phong, tiêu biểu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hàm lượng giá trị gia tăng cao; đồng thời nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và tăng hiệu quả công tác quản lý nhà nước; cũng như góp phần chuyên nghiệp hóa, bồi dưỡng năng khiếu, nhân lực lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao của Thành phố. Chính sách đãi ngộ hấp dẫn sẽ giúp Thành phố cạnh tranh được với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

b) Tác động về xã hội

Xây dựng, tổ chức bộ máy cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn đảm bảo về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước các cấp chính quyền, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn vừa hồng vừa chuyên.

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương.

Chính sách sử dụng và phát huy nguồn chất xám khoa học từng bước tạo sự chủ động cho đơn vị cũng như góp phần củng cố niềm tin, tạo động lực cho các chuyên gia yên tâm công tác. Đồng thời, chính sách này có ý nghĩa lớn trong việc

phát huy sức mạnh tri thức của Thành phố, bổ sung thêm tri thức mới, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

c) Tác động về giới: Không có.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.6. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; (2) Quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (3) phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Trước yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và đẩy mạnh tính đổi mới, sáng tạo, tích cực, chủ động của Thành phố lớn, đi đầu trong cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh cần được phân cấp mạnh mẽ một số thẩm quyền đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp Thành phố. Do đó, việc phân cấp thẩm quyền cho đơn vị sự nghiệp sẽ giải quyết được các khó khăn, bất cập hiện nay như: giảm bớt các quy trình, thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho cơ quan nhà nước và đơn vị đề xuất; phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tế của địa phương; tăng tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của Thành phố.

Trong quá trình thực thi quy định và trong thực tiễn quản lý điều hành, một số cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ chưa phù hợp (như: lĩnh vực quản lý công trình giao thông, quản lý đầu tư xây dựng, du lịch, tài chính, cấp giấy phép đăng ký kinh doanh...) Thành phố đề xuất giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố được quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho để có cơ chế linh động để thực hiện giao một số chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành chuyên môn phù hợp với đặc điểm của Thành phố, đặc biệt là trong công tác quản lý đô thị để đáp ứng vai trò là một đô thị đặc biệt của cả nước.

Đối với những công việc mang tính chất: đột xuất, cấp bách cần giải quyết ngay; các nội dung gắn với thủ tục hành chính đòi hỏi phải quyết định trong thời gian ngắn để thực hiện công tác quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu của Nhân dân trên địa bàn Thành phố hoặc việc ban hành các hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố; các biện pháp thực hiện nhiệm

vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất về nguyên tắc trong quá trình tham mưu trình các cấp có thẩm quyền xem xét, tuy nhiên theo quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì vẫn phải thực hiện đúng quy trình giải quyết trước khi ban hành.

Các công việc này, *nếu thực hiện đúng theo quan điểm phải thông qua tập thể trước khi ban hành*, thì quy trình, trình tự thực hiện của *các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương* phải tổ chức họp tập thể hoặc thực hiện thủ tục lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân, có những trường hợp các thành viên Ủy ban nhân dân không có chuyên môn sâu lĩnh vực đó hoặc quá bận rộn, họ phải cần thời gian nghiên cứu, nên ý kiến gửi đi rất chậm. *Sau đó, nếu đa số đồng ý, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký “Thay mặt” Ủy ban nhân dân ban hành.* Việc này, dẫn đến kéo dài và không đảm bảo thời gian so với quy định, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, mặt khác để triển khai hiệu quả tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14, đồng thời, trong thời gian chờ, các Luật chuyên ngành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về nhiệm vụ, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Việc cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và cơ quan hành chính khác; phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, giúp tăng tính chủ động, trách nhiệm và góp phần giảm thiểu quy trình giải quyết công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

3.3. Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2:

Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; (2) Quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (3) phân

công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.4. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập

b) Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế

Đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế qua từng giai đoạn. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực, rút ngắn thời gian giải quyết công việc mang tính chất sự vụ để triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế, hạ tầng đô thị, đặc biệt trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, chủ đầu tư dự án,.. góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, nâng cao sức cạnh tranh cho Thành phố trong việc thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của Thành phố.

b) Tác động về xã hội:

Nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố, đặc biệt trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, chủ đầu tư dự án,.. Góp phần tăng cường niềm tin của xã hội, của người dân, nhà đầu tư và cộng đồng doanh nghiệp vào năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

c) Tác động về giới: Không có.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Thay đổi thẩm quyền giải quyết, rút ngắn thời gian giải quyết và có thể làm thay đổi mẫu tờ khai.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đảm bảo khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật phù hợp cho các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

4.1. Xác định vấn đề

Theo khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019 đã sửa

đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 như sau: “1. Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản**”. Theo quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (quận/huyện, thành phố Thủ Đức) thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể và phải được thể hiện bằng văn bản.

Ngoài cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Thành phố còn có các cơ quan hành chính khác (Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố...), các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố nhưng theo quy định hiện hành, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố không thể ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình**. Trong khi thực tiễn người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cũng có nhu cầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền, nhất là trong lĩnh vực nội vụ. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là cần thiết.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để góp phần giảm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp khi cần liên hệ giải quyết công việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do không phải trình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết mà các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết, người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn; góp phần cải cách hành chính, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết.

Nâng cao vai trò chủ động cho người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; giảm tải áp lực công việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong khi một số nhiệm vụ thì người đứng đầu cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có thể thực hiện được không phải qua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết.

4.3. Giải pháp:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

4.4. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1: Không giải quyết được các bất cập

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Giảm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp khi cần liên hệ giải quyết công việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do không phải trình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết mà các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết.

- **Tác động về xã hội:** Góp phần cải cách hành chính, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết. Người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn.

Đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tiễn tại Thành phố là đô thị tập trung đông dân. Đồng thời, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn.

- **Tác động về giới (nếu có):** Không có

- **Tác động về thủ tục hành chính (nếu có):** Góp phần cải cách hành chính, nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Đảm bảo, thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đảm bảo khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố khi tổ chức thực hiện.

Khi thực hiện ủy quyền đảm bảo thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật, khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

4.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

5. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi nội khu; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nội khu

5.1. Vấn đề bất cập:

Khoản 3 Điều 68 Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định:

“3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại khu công nghiệp, khu kinh tế và các giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận khác trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

b) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế đã được phê duyệt; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi, hủy Giấy phép xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình đối với dự án, công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

c) Nhận báo cáo về việc cho thôi việc nhiều người lao động; tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được;

d) Tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế»

a) Đối với nhiệm vụ Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng:

Nhiệm vụ trên thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận, huyện được quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020): “3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019): “Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ được ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, không được ủy quyền cho cơ quan hành chính khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp).

b) Đối với nhiệm vụ: thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp

(1) Đối với nhiệm vụ: thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố:

+ Khoản 8 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, tổ chức khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp):

“Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

.....

8. *Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh”.*

+ Tuy nhiên Điểm b Khoản 3 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm của Ban Quản lý phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, không quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường:

“3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm sau đây:

a) *Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

b) *Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường và thực hiện công tác bảo vệ môi trường khác của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

c) *Tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

d) *Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật;*

đ) *Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

e) *Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật;*

g) *Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.*

Do đó, việc ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp còn vướng mắc tại Luật Bảo vệ môi trường.

(2) Đối với nhiệm vụ: cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019): Ủy ban nhân dân quận, huyện có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, không được ủy quyền cho cơ quan hành chính khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp)

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thực hiện Khoản 3 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp thực hiện các nhiệm vụ về quản lý nhà nước trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

5.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi nội khu; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nội khu.

5.4. Đánh giá tác động của chính sách:

a) Giải pháp 1: Yêu cầu bổ sung

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** đảm bảo cơ chế “một cửa tại chỗ” đang thực hiện tại Ban Quản lý theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính; từ đó tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng đưa dự án vào hoạt động và đầu tư mở rộng sản xuất.

- **Tác động về xã hội:** nhà đầu tư đánh giá cao về cơ chế “một cửa tại chỗ” thực hiện tại Ban Quản lý, từ đó tăng chỉ số cải thiện môi trường đầu tư (PCI) tại Ban Quản lý và Thành phố.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

+ Không phát sinh thêm thành phần hồ sơ hoặc kéo dài thời gian giải quyết, chỉ thay đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

+ Giải quyết thủ tục pháp lý về môi trường tập trung một đầu mối tại Ban Quản lý, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Quản lý trong công tác kiểm tra, giám

sát doanh nghiệp trong KCX, KCN trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

-Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tăng tính đồng bộ của pháp luật chuyên ngành về quy hoạch, xây dựng, tổ chức chính quyền địa phương với quy định pháp luật về quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp.

5.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

VII. Cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức

Về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức, đề xuất 06 nội dung. Cụ thể như sau:

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong một số lĩnh vực

1.1. Xác định vấn đề bất cập

** Về quy định pháp luật:*

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015: “... Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản”.

** Về thực tiễn:*

Hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức đang điều hành quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội với cơ chế, thẩm quyền cấp quận huyện, chưa phát huy hết vai trò chủ động, tính tự chủ, dám làm dám chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố để phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Để phát huy hơn nữa tính chủ động sáng tạo, dám làm dám chịu trách nhiệm của thành phố Thủ Đức trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền đô thị kiểu mới đầu tiên trong cả nước cũng như khắc phục triệt để tình trạng tồn khá nhiều thời gian qua các khâu trung gian trong giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức, từ đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trên các lĩnh vực, đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải có một cơ chế đặc thù để đẩy mạnh thẩm quyền, tăng tính chủ động cho thành phố Thủ Đức để tổng hợp thế mạnh và có đầy đủ năng

lực điều phối, phát huy tối đa các nguồn lực nổi trội của khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo điều kiện cho thành phố Thủ Đức chủ động trong giải quyết các thủ tục hành chính, các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 19, Điều 21 và Điều 22 Luật Tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015. Cơ chế này tạo ra sự chủ động trong quản lý điều hành, hỗ trợ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức dưới sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, trong đó bao gồm 2 mục tiêu cụ thể sau:

- Cụ thể hóa nội dung định hướng, chỉ đạo theo Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị.

- Tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong giải quyết các nội dung công việc từ thực tiễn quản lý nhà nước và phát triển kinh tế trên địa bàn;

- Tăng thẩm quyền, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức để tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trong điều kiện mô hình chính quyền đô thị mới.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong một số lĩnh vực.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Trường hợp thành phố Thủ Đức tiếp tục vận hành theo cơ chế quận, huyện mà không có bước đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội thì việc thành lập thành phố Thủ Đức không đạt kỳ vọng theo mục tiêu của Đề án số 591/ĐA-CP ngày 11/11/2020 của Chính phủ về thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Thủ Đức sẽ không phát huy hết tiềm năng, thế mạnh, khơi thông điểm nghẽn trong quản lý, vận hành, từ đó không đáp ứng được là một động lực tăng trưởng mới của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

- **Tác động về mặt xã hội:** Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH-14 và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12

năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thủ Đức và Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.
- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính
- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Áp dụng cơ chế chính sách nêu trên sẽ có tác động kinh tế mạnh mẽ, rút ngắn được thời gian trong giải quyết các thủ tục hành chính, chủ động giải quyết được các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó giúp thành phố Thủ Đức sẽ là địa phương thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài đến hợp tác và đầu tư nhờ sự chủ động trong thẩm quyền quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức ước thực hiện năm 2022 là 19.818 tỷ đồng và bằng 185,64% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2022 là 6.030,288 tỷ đồng, đạt 199,26% so tổng dự toán 2022 (3.026,29 tỷ đồng) và bằng 94,39% so với cùng kỳ năm trước (6.389,002 tỷ đồng). Tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố Thủ Đức ước thực hiện năm 2022 là 2.969,101 tỷ đồng, đạt 98,11% so tổng dự toán 2022 (3.026,29 tỷ đồng) và bằng 52,70% so với cùng kỳ năm trước (5.634,410 tỷ đồng).

Dự kiến, sau khi được giao thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực: quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý kinh tế; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; quản lý văn hóa xã hội; tổ chức, bộ máy quản lý hành chính của chính quyền đô thị và cán bộ, công chức, viên chức thi hoạt động đầu tư, kinh doanh, phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức sẽ thu hút được rất nhiều nguồn vốn, nguồn lực cả trong và ngoài nước, từ đó nguồn thu ngân sách nhà nước sẽ tăng cao, là cơ sở quan trọng đáp ứng mục tiêu ước tính đóng góp đến 30% GRDP của Thành phố Hồ Chí Minh và chiếm 7% GDP cả nước.

- **Tác động về mặt xã hội:** Thể hiện tính thực tiễn và tính khoa học về tổ chức chính quyền địa phương – việc giao thẩm quyền của Thành phố Hồ Chí Minh cho thành phố Thủ Đức càng mạnh thì hiệu quả trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, thu hút đầu tư càng lớn, góp phần ý nghĩa trong việc thực hiện kỳ vọng xây dựng thành phố Thủ Đức trở thành "hạt nhân", một "cực" tăng trưởng mới thúc đẩy kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như tạo ra sự đột phá trong phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, hướng tới xây dựng đô thị theo hướng phát triển kinh tế tri thức dựa trên nền tảng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, đô thị xanh và thân thiện với môi trường, nâng cao đời sống nhân dân.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân về những lĩnh vực đã được ủy quyền.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015 và các Luật chuyên ngành nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trường hợp ví dụ cụ thể: Công tác thu hồi đất đối với các dự án đầu tư, dự án phát triển nhà ở trên địa bàn.

- Theo Khoản 1 Điều 13 Luật tổ chức chính quyền địa phương: "Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

- Theo Khoản 1, Điều 59 và Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013 thì Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 59, Luật Đất đai.

Như vậy, đối với quy định nêu trên, do có sự chồng chéo giữa quy định của 2 luật khác nhau dẫn đến việc phân cấp giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức cần có văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bởi Quốc hội để đảm bảo pháp lý thực hiện

1.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành

phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Thứ nhất, sau khi sát nhập 03 quận và thành lập thành phố Thủ Đức, khối lượng công việc cũng như số lượng đầu việc của chính quyền thành phố Thủ Đức tăng gấp 03 lần so với các đơn vị hành chính quận, huyện khác trong Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các đơn vị hành chính cấp huyện trên cả nước nói chung. Tuy nhiên việc giảm nhân sự theo chủ trương về tinh giản biên chế tại Nghị quyết số 37-NQ/TW và Đề án số 591/ĐA-CP ngày 11/11/2020 của Chính phủ về thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức đã, đang và sẽ ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương khi sự quá tải về công việc là không tránh khỏi. Áp lực về thời hạn giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính có thể làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố Thủ Đức và ảnh hưởng tâm lý, tư tưởng, quyền lợi của cán bộ, công chức.

Thực hiện theo Đề án 591 đến ngày 31/12/2022, số biên chế công chức và người lao động trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức là 459 người, số lượng biên chế công chức, người lao động trong các cơ quan chuyên môn phải sắp xếp (giảm) là 227 biên chế (686 biên chế - 459 biên chế), tỷ lệ 33%. Số lượng biên chế viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Thủ Đức đến ngày 31/12/2022 là 165 người, số lượng biên chế viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập phải sắp xếp là 81 biên chế, tỷ lệ 33%.

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp phường trên địa bàn thành phố cũng đang gặp phải những khó khăn, thách thức rất lớn khi số lượng dân cư trên địa bàn ngày càng đông tỷ lệ nghịch với nhân sự hạn chế. Hiện thành phố Thủ Đức có 02 phường có dân số trên 100 nghìn dân, nhiều phường có dân số trên 80 nghìn dân trong khi tiêu chuẩn của phường được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì “Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương từ 7.000 người trở lên”. Việc dân cư ngày càng gia tăng sẽ đặt ra nhiều thách thức cho thành phố Thủ Đức trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh trong thời gian tới.

Thứ hai, việc tổ chức cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và tổ chức Ủy ban nhân dân ở các phường không có sự khác biệt cơ bản với các quận trong Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay khung pháp lý về tổ chức các cơ quan chuyên môn được ấn định cụ thể trong Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Với cơ cấu tổ chức như hiện nay ngoài 12 cơ quan chuyên môn tổ chức thông nhất ở cấp quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thì thành phố Thủ Đức có thêm 01 cơ quan chuyên môn là Phòng Khoa học và Công nghệ. Như vậy, kỳ vọng xây dựng, quản lý, phát triển thành phố Thủ Đức thành một khu đô thị sáng tạo, công nghệ - kỹ thuật cao tương tác đa chiều, phát triển theo hướng nền kinh tế tri thức, đóng góp khoảng 7%GDP của cả nước sẽ rất khó khăn.

Thứ ba, việc tăng số lượng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hiện chưa có quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành mặc dù nhu cầu về bổ sung các phòng chuyên môn của thành phố Thủ Đức để giảm tải đầu mỗi công việc cho các phòng hiện nay cũng như tập trung chuyên môn sâu cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức là yêu cầu cấp thiết. Trong đó, Thành phố đề xuất thành lập phòng Giao thông công chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Hiện nay, khối lượng đầu mỗi công việc tập trung đến các phòng chuyên môn là tương đối lớn (**34 phường và 168 đơn vị sự nghiệp công lập**), do đó, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức vẫn còn nhiều bất cập.

Một ví dụ điển hình của nội dung đề xuất nêu trên là việc thành lập phòng Giao thông công chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Lý do:

Phòng Quản lý đô thị thành phố Thủ Đức hiện nay đang thực hiện chức năng, lĩnh vực của 03 đơn vị (Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải) với số lượng nhân sự là 56 cán bộ, công chức và người lao động với khối lượng công việc rất lớn. Năm 2022, phòng Quản lý đô thị đã xử lý 7.979 hồ sơ hành chính và nhiều nội dung khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức..

Hiện nay, thành phố Thủ Đức được phân cấp quản lý nhiều tuyến đường, hẻm, hệ thống thoát nước, công viên, cây xanh..., cụ thể như sau:

+ Hệ thống đường giao thông trên địa bàn thành phố Thủ Đức có tổng số 6.139 tuyến đường, hẻm và 177 cầu (trong đó tổng số tuyến đường phân khu vực là 1.033 tuyến, tổng số tuyến đường hẻm là 5.106 tuyến) với tổng chiều dài đường và cầu là 915.237m (trong đó chiều dài đường phân khu vực là 622.126m, chiều dài đường hẻm là 293.110m), diện tích mặt đường là 6.963.091m² (trong đó diện tích đường phân khu vực là 5.485.726 m², diện tích đường hẻm là 1.447.366 m²). Trong đó, Trung tâm quản lý đường bộ quản lý: 58 tuyến đường phân khu vực với

chiều dài 182,108km, diện tích 2.356.130 m² và 154 cầu đường bộ chiều dài 20,442km, diện tích 271.903 m², còn lại đã phân cấp về thành phố Thủ Đức quản lý.

+ Hệ thống tuyến cống thoát nước được phân cấp quản lý là 231,7km bên cạnh 64 công viên với tổng diện tích hơn 354km², 5.220 cây xanh (chưa bao gồm diện tích mảng xanh).

Ngoài ra, trong thời gian sắp tới, thành phố Thủ Đức sẽ được thành lập Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức. Đây là cơ quan chịu trách nhiệm là đầu mối, thống nhất việc tiếp nhận và quản lý chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng thủy lợi và hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Qua đó, có thể nhận thấy nhu cầu thành lập các phòng chuyên môn theo đặc thù phát triển của thành phố Thủ Đức là xu hướng tất yếu. Hiện nay, việc thành lập mới các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp quận huyện là chưa được quy định bởi quy định pháp luật hiện hành.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thành phố Thủ Đức được chủ động trong sắp xếp, tổ chức bộ máy các phòng ban chuyên môn phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề nghị Trung ương cho phép thành phố Thủ Đức được quyết định về biên chế cấp phường, các phòng chuyên môn theo hướng dựa trên quy mô dân số để bố trí con người. Cần quy định số cán bộ, công chức trên số dân tối thiểu và cứ tăng bao nhiêu dân thì được bố trí thêm bao nhiêu cán bộ, công chức. Trao quyền tự chủ cho thành phố Thủ Đức trong việc bố trí nguồn tài chính trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức.

- Đề xuất trao cho Thành phố Hồ Chí Minh những quyền hạn thực hiện chính sách đãi ngộ đặc thù cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Thủ Đức như nhân hệ số lương, phụ cấp ưu đãi... để phù hợp với phạm vi, quy mô, tính chất công việc của đơn vị hành chính thành phố thuộc Thành phố trực thuộc trung ương đầu tiên và duy nhất trên cả nước.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không tạo đủ cơ chế đột phá để thành phố Thủ Đức phát triển theo đúng kỳ vọng của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh khi ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không tạo bước đột phá về phát triển kinh tế. Không đạt được mục tiêu phát triển thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tác động về mặt xã hội: Hiện nay, thành phố Thủ Đức được đánh giá chưa có nội dung gì mới về thẩm quyền mà vẫn vận hành theo mô hình quận huyện và như vậy sẽ khó đạt được mục tiêu tăng trưởng về kinh tế - xã hội.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: Thành phố Thủ Đức chủ động trong quyết định số lượng, cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ tác động tích cực đến phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về mặt xã hội: Tác động tích cực về xã hội vì sau khi được thành lập, các phòng chuyên môn chuyên sâu về quản lý nhà nước sẽ giúp công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố Thủ Đức được hoàn chỉnh. Đây là điểm mới, phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm của thành phố Thủ Đức trong phục vụ người dân một cách tốt nhất, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, hướng tới mô hình thành phố phát triển toàn đô thị.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Tác động tích cực về giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Về tính đồng bộ của

hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với pháp luật hiện hành nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

3. Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Quá trình hoạt động từ khi thành lập thành phố Thủ Đức đến nay cho thấy một số cơ quan như Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Đội Thanh tra trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Thủ Đức... cần tổ chức lại với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu phát triển thành phố Thủ Đức. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp để phù hợp yêu cầu phát triển đô thị thông minh, sáng tạo, tương tác cao, đảm bảo tinh gọn bộ máy, giao thành phố Thủ Đức thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác phối hợp triển khai nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn vẫn chưa thống nhất đầu mối quản lý dẫn đến tình trạng chậm trễ trong công việc, tra địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc Thanh tra Sở Xây dựng và được Sở Xây dựng thành lập.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất, Thanh tra xây dựng và Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức nhằm thống nhất trong quản lý, điều hành, nhằm đáp ứng khối lượng công việc của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

Các đơn vị sau khi được Thành phố Hồ Chí Minh thành lập thì thành phố Thủ Đức sẽ quản lý toàn diện về tổ chức bộ máy, nhân sự lãnh đạo, số lượng biên chế, đảm bảo cơ sở vật chất... để thực hiện nhiệm vụ. Việc phối hợp công tác, liên thông dữ liệu của toàn hệ thống vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Việc chậm trễ trong giải quyết các thủ tục về đất đai, nhà đất trong thời gian đã có ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức của các nhà đầu tư, gây thất thu nguồn tiền sử dụng đất. Bên cạnh đó, nguồn lực về đất đai để phát triển của thành phố Thủ Đức là rất lớn nhưng chưa có cơ quan chuyên môn thực thi nhiệm vụ phát triển nguồn lực này. Hiện nay, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức chỉ cơ bản đáp ứng nhu cầu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức, chưa thật sự phát huy hết tiềm năng nguồn quỹ đất của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về mặt xã hội: Việc chậm trễ trong thủ tục hành chính về đất đai, trật tự xây dựng trong thời gian qua đã tác động không tốt về bộ máy tổ chức thành phố Thủ Đức.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức sẽ có tác động tích cực về kinh tế, giúp việc điều hành công việc sẽ thuận lợi hơn

với quy mô dân số và diện tích của thành phố Thủ Đức, giúp tác đẩy nhanh thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Tác động về mặt xã hội: Tác động tích cực về xã hội vì giúp hiệu quả công việc tốt hơn, giúp vấn đề giải quyết các thủ tục hành chính nhanh hơn, tạo tác động tích cực cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Đẩy nhanh thời gian thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Có tác động về hệ thống pháp luật vì thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các thay đổi này mang tính tích cực và có thể áp dụng cho các địa phương khác trong tương lai; (iii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.4. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

4. Thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó chủ tịch và đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo Khoản 4 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015:

" 4. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân,

giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân".

Theo quy định hiện nay, Ban đô thị của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giao thông, xây dựng, môi trường, tổ chức cung cấp dịch vụ công trên địa bàn thành phố trực thuộc trung ương.

Theo Khoản 3 Điều 46 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 về cơ cấu tổ chức Hội đồng nhân dân quận:

"3. Hội đồng nhân dân quận thành lập Ban pháp chế và Ban kinh tế - xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân quận gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân quận quyết định. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách".

Ngoài ra, theo Khoản 14 Điều 2 Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015:

"14. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

"Điều 44. Chính quyền địa phương ở quận

Chính quyền địa phương ở quận là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương.

Cấp chính quyền địa phương ở quận gồm có Hội đồng nhân dân quận và Ủy ban nhân dân quận."

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 46 như sau:

"1. Hội đồng nhân dân quận gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở quận bầu ra.

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân quận được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

a) Quận có từ một trăm nghìn dân trở xuống được bầu ba mươi đại biểu; có trên một trăm nghìn dân thì cứ thêm mười lăm nghìn dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá ba mươi lăm đại biểu;

b) Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở quận có từ ba mươi phường trực thuộc trở lên do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, nhưng tổng số không quá bốn mươi đại biểu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quận gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng

nhân dân quận. Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.”

Thành phố Thủ Đức với diện tích 211,56 km² và quy mô dân số 1.013.795 người, gồm 34 phường trực thuộc là trung tâm miền Đông Nam Bộ với hệ thống giao thông được đầu tư phát triển đồng bộ, thuận lợi để kết nối, hợp tác phát triển kinh tế với các tỉnh lân cận như tuyến metro số 1 từ Suối Tiên (Quận 9) đến Bến Thành (Quận 1) sẽ đi vào hoạt động từ năm 2023, tuyến đường Vành đai 3 (Mỹ Phước – Tân Vạn – Nhơn Trạch), tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 1K, Xa lộ Hà Nội và các tuyến giao thông đường thủy trên sông Sài Gòn – sông Đồng Nai... và là một trong những địa phương dẫn đầu về tốc độ đô thị hóa, phát triển dự án...

Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực đô thị trên địa bàn thành phố Thủ Đức còn nhiều vấn đề bất cập, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (đất đai, giải phóng mặt bằng, dự án đầu tư xây dựng, vấn đề rác thải, ngập úng...). Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động thuộc lĩnh vực đô thị hiện nay của thành phố Thủ Đức vẫn đang còn một số hạn chế nhất định, một trong những nguyên nhân là thiếu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan giám sát độc lập sau khi Thành phố Hồ Chí Minh không tổ chức Hội đồng nhân dân Phường theo Nghị quyết 131/2020/QH14 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có 03 Phó Chủ tịch UBND và 13 cơ quan chuyên môn có không quá 03 Phó Trưởng phòng. Với quy định “03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố” như hiện nay là chưa phù hợp tình hình thực tế quản lý hành chính nhà nước tại thành phố Thủ Đức, vì khối lượng của mỗi vị trí việc làm là rất lớn do quy mô dân số hơn 1,2 triệu dân (ngoài ra có 400 đến 500 ngàn người tạm trú), 34 đơn vị hành chính cấp phường, 600 cơ sở giáo dục, 154 cơ sở tín ngưỡng, 285 cơ sở tôn giáo, trên địa bàn Thành phố Thủ Đức đã và đang triển khai 300 dự án...

Khối lượng công việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (tính theo khối lượng công việc của 03 quận 2, 9, Thủ Đức gộp lại) năm 2020 cao hơn gần gấp đôi so với khối lượng công việc tại các Ủy ban nhân dân quận - huyện khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và chiếm gần 15% trong tổng số khối lượng công việc cần phải xử lý tại khối quận - huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phát huy vai trò giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy cần thiết phải thành lập Ban đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để thực hiện công tác giám sát về lĩnh vực đô thị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về các vấn đề khó khăn, bức xúc của cử tri, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố

Thủ Đức để xử lý, từ đó nâng cao vai trò, vị thế của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó chủ tịch và đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Việc thiếu nhân sự lãnh đạo của Hội đồng nhân dân và thiếu cơ quan kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về lĩnh vực đô thị ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư công, các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Bên cạnh đó, hiện nay với 03 nhân sự Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cũng chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- **Tác động về mặt xã hội:** Có thể ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội khi chưa phản ánh kịp thời ý kiến phản ánh, bức xúc của cử tri trong lĩnh vực xây dựng, đô thị.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Tác động tích cực về kinh tế vì việc tăng thêm 01 lãnh đạo là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và thành lập Ban Đô thị hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ góp phần nâng cao chất lượng đối với các quyết sách về phát triển đô thị, hạ tầng... cũng như tăng cường giám sát, chất vấn, phản biện, giúp đảm bảo mục tiêu về kinh tế, tài chính cho các dự án đầu tư của thành phố Thủ Đức.

Ngoài ra, khi tăng cường nhân sự cấp quản lý (tăng thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố), việc điều hành công việc sẽ thuận lợi hơn với quy mô dân số và diện tích của thành phố Thủ Đức, giúp tác đẩy nhanh thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Tác động về mặt xã hội: Tác động tích cực về mặt xã hội.

Với khối lượng công việc rất lớn như hiện nay, việc tăng thêm 01 biên chế Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và việc thành lập Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ phát huy vai trò giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy cần thiết phải thành lập Ban đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để thực hiện công tác giám sát về lĩnh vực đô thị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về các vấn đề khó khăn, bức xúc của cử tri, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để xử lý, từ đó nâng cao vai trò, vị thế của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức. Trong thời gian tiếp theo, sau khi được cấp thẩm quyền xem xét, ban hành cơ chế chính sách mới để phát triển thành phố Thủ Đức, với khối lượng công việc tăng cao, phạm vi, lĩnh vực được phân cấp và ủy quyền được mở rộng, việc thành lập Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng để giúp sức, tham mưu kịp thời cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.

Bên cạnh đó, việc tăng thêm 01 biên chế Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân sẽ giúp công tác chỉ đạo, điều hành được vận hành tốt với số lượng đầu mỗi đơn vị hành chính như hiện nay.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết công việc. Kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn đối với các thủ tục liên quan cho người dân và doanh nghiệp.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 11/11/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “*Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021*” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

5. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Trước khi có Nghị định số 33/2021/NĐ-CP, cơ chế phân cấp, ủy quyền tổ chức chính quyền đô thị về cơ bản chỉ là quy định chung: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, quận, thành phố Thủ Đức và Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan. Do vậy thực tế cơ chế phân cấp ủy quyền thời gian qua chủ yếu vẫn theo Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố và Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố.

Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đã tạo ra cơ chế để phân cấp ủy quyền chung cho thành phố để triển khai thực hiện để triển khai tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị quyết 1111/NQ-UBTVQH tuy nhiên cơ chế phân cấp ủy quyền giữa thành phố và thành phố Thủ Đức vẫn là quy định chung nên khi áp dụng vào thực tiễn sẽ có những thuận lợi khó khăn và thách thức.

Hiện nay, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đã có một số quy định về phân cấp, ủy quyền chung cho thành phố nhưng chưa có quy định cụ thể về việc phân cấp ủy quyền giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức nên phát sinh các khó khăn và thách thức sau:

Thứ nhất, việc triển khai các nội dung phân cấp, ủy quyền giữa Thành phố và thành phố Thủ Đức là vấn đề mới chưa có tiền lệ nên phải thực hiện thận trọng nghiên cứu kỹ đảm bảo quy trình và thẩm quyền. Do vậy quá trình triển khai mất nhiều thời gian, công sức chưa đảm bảo đúng tiến độ công việc, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của người dân khi có những kỳ vọng phát triển vượt bậc của mô hình “thành phố trong thành phố”.

Thứ hai, hệ thống thể chế chưa hoàn thiện vì lần đầu có chính quyền thành phố Thủ Đức, mặc dù đã có Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14. Do vậy thực tiễn vẫn còn nhiều bất cập chưa giải quyết được các vấn đề cần thiết của việc phân cấp, ủy quyền giữa Thành phố và thành phố Thủ Đức cụ thể:

Một là, khoản 2, điều 4 Nghị quyết số 131/2020/QH14 quy định UBND quận làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên Luật Đất đai năm 2013 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đều thuộc thẩm quyền tập thể UBND. Như vậy Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định chủ tịch UBND quận ký với

tư cách là người đứng đầu cơ quan ban hành và thành phố Thủ Đức cũng được xem như thẩm quyền như quận nên thực tế có nhiều lúng túng khi triển khai.

Hai là, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định về phân cấp, ủy quyền ở một số lĩnh vực tuy nhiên các quy định này lại chưa bao quát vấn đề nên thực tiễn áp dụng có nhiều lúng túng do hiểu chưa phù hợp hoặc quy định thuật ngữ chưa chính xác cụ thể:

Thực tiễn áp dụng còn nhiều lúng túng do cách hiểu chưa phù hợp: Khoản 5, Điều 18 quy định Chủ tịch phường được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực. Nhưng theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì thẩm quyền chứng thực được Chính phủ phân cấp trực tiếp cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký trực tiếp (không cần ủy quyền của Chủ tịch) nhưng Nghị định số 33/2021/NĐ-CP không quy định Phó Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực. Điều này dẫn đến lúng túng (do trình độ áp dụng luật của cán bộ, công chức): Phó Chủ tịch UBND phường có được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực hoặc Phó Chủ tịch UBND phường có thẩm quyền ký trực tiếp chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP hay không.

Quy định thuật ngữ chưa chính xác: Điều 15, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân thành phố thuộc thành phố có thanh tra quận là chưa chính xác mà phải dùng thuật ngữ “thanh tra thành phố” vì đây là thành phố Thủ Đức, cơ quan chuyên môn của nó thuộc thành phố Thủ Đức.

Thứ ba, công tác kiểm tra giám sát vẫn chủ yếu theo các quy định pháp luật chung chưa có các hướng dẫn hoặc quy định đặc thù cho cơ chế phân cấp, ủy quyền giữa thành phố và thành phố Thủ Đức nên gặp nhiều khó khăn cho việc triển khai tạo nên tâm lý e ngại và tính minh bạch tính công tâm của chính quyền.

Thứ tư, hiện nay thành phố Thủ Đức chỉ thẩm quyền ngang với quận, huyện, mô hình tổ chức và các chức năng nhiệm vụ của Thành phố Thủ Đức về cơ bản vẫn là một đơn vị hành chính cấp huyện. Điều này một mặt chưa phát huy được vai trò của một chính quyền đô thị đúng nghĩa, mặt khác chưa tạo được tính chủ động, khuyến khích được tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm từ chính quyền thành phố Thủ Đức.

Thứ năm, khoản 3, Điều 16 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tuy nhiên thành đặc thù của thành phố Thủ Đức là đơn vị hành chính “cấp huyện khổng lồ” với tổng cộng số lượng công việc của 03 quận gộp lại nhưng biên chế lại giảm tạo ra sự quá tải về công việc, gây áp lực thời hạn giải quyết hồ sơ, quy định nêu trên vẫn mang tính chung, vẫn là “cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định”, không có quy định về chính sách đãi ngộ cụ thể đặc biệt nào cho những người làm việc bằng ba người, từ đó làm giảm hiệu lực hiệu quả của bộ máy hành chính thành phố thuộc thành phố.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất Trung ương cho phép Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường một số nhiệm vụ, quyền hạn, trừ những nội dung đã được Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp cơ sở, đảm bảo yêu cầu phát triển của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không có tác động về tích cực về phát triển kinh tế.
- Tác động về mặt xã hội: Không có tác động về tích cực xã hội vì tốc độ xử lý thủ tục hành chính hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển xã hội.
- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.
- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Tạo điều kiện cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, UBND phường và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ. Việc phân cấp, ủy quyền sẽ giúp nâng cao trách nhiệm quyền hạn của các phòng ban chuyên môn, UBND phường tạo điều kiện thuận lợi chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình rút ngắn thời gian giải quyết, giảm khâu trung gian vì không phải trình qua Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hoặc có ý kiến của các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân phường.

- Tác động về mặt xã hội:

Việc ủy quyền các nội dung thuộc nhiệm vụ của thành phố Thủ Đức cho cấp phường nêu trên tạo điều kiện thuận lợi hơn, giúp cho bộ máy quản lý hành chính thành

phố Thủ Đức vận hành tốt hơn trong phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan đơn vị nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Giảm thiểu chi phí hành chính của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi có thủ tục hành chính cần được giải quyết do tập trung về một đầu mối của cơ quan được ủy quyền. Đẩy mạnh việc nâng cao chỉ số cải cách hành chính và chỉ số quản trị hành chính công của thành phố Thủ Đức, giảm khâu trung gian rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tăng hiệu quả thực hiện cũng như trách nhiệm của các cơ quan đơn vị UBND phường trong triển khai một số nhiệm vụ UBND thành phố.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Có tác động về hệ thống pháp luật vì thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các thay đổi này mang tính tích cực và có thể áp dụng cho các địa phương khác trong tương lai; (iii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

6. Điều chỉnh theo hướng nâng cao chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy mô, khối lượng công việc và yêu cầu về năng lực công tác

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Do yêu cầu công việc nhiều, áp lực lớn với đầu mối quản lý 34 đơn vị hành chính

cấp phường, 600 cơ sở giáo dục, 154 cơ sở tín ngưỡng, 285 cơ sở tôn giáo, trên địa bàn Thành phố Thủ Đức đã và đang triển khai 300 dự án... như đã nêu trên đòi hỏi tính trách nhiệm cao của đội ngũ quản lý và đặc biệt thành phố Thủ Đức là đơn vị có nhiều chương trình, đề án của Thành ủy - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên việc tăng thêm phụ cấp chức vụ các chức danh lãnh đạo là phù hợp với thực tình hình thực tiễn của địa phương, tránh tâm lý cào bằng như các địa phương khác với tính chất, quy mô công việc đơn giản hơn, đây cũng là chủ trương của Đảng và nhà nước trong việc chăm lo đời sống cho cán bộ, công chức.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất Trung ương chấp thuận mức chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, công chức trong thực hiện công vụ, đáp ứng khối lượng công việc của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Điều chỉnh theo hướng nâng cao chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy mô, khối lượng công việc và yêu cầu về năng lực công tác.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không có tác động về tích cực về phát triển kinh tế.
- Tác động về mặt xã hội: Với số lượng hồ sơ hiện nay, cán bộ công chức của thành phố Thủ Đức phải tăng cường mật độ làm việc, không kể ngày nghỉ, ngoài giờ để đáp ứng việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhưng hiện nay mức đãi ngộ về phụ cấp là chưa tương xứng. Do đó đã phần nào tác động tâm lý không hiệu quả đến tiến độ trong việc thực thi công vụ.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.
- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Với khối lượng công việc lớn, cùng với yêu cầu đề cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý, được sự quan tâm của cấp thẩm quyền về chế độ đãi ngộ trong phụ cấp chức vụ, chế độ công tác sẽ giúp đội ngũ cán bộ công chức chuyên tâm công tác, phấn đấu nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao sẽ góp phần giúp nâng cao hiệu quả tiến độ công việc, giúp việc giải quyết hồ sơ hành chính nhanh hơn, góp phần vào sự phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức.

Về tài chính: Trường hợp được áp dụng hệ số phụ cấp chức vụ theo phụ cấp của cấp sở, nhu cầu kinh phí chi lương, phụ cấp và các chế độ bảo hiểm xã hội sẽ **tăng lên 389triệu/năm**. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ cân đối ngân sách địa phương để đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh phí tăng (*cụ thể theo bảng số liệu*).

DVT: ngàn đồng

STT	CHỨC DANH	HIỆN HƯỞNG	ĐỀ XUẤT	HỆ SỐ CHÊNH LỆCH	TỔNG SỐ TIỀN CHÊNH LỆCH	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	
	TỔNG CỘNG	4.20	5.60	1.40	37,173	93	388,984	
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TPTĐ	2.10	2.80	0.70	18,586	5	22,569	
1	Chủ tịch HĐND TPTĐ	0.80	1.00	0.20	5,310	1	5,310	Kiểm nhiệm
2	Phó Chủ tịch HĐND TPTĐ	0.65	0.80	0.15	3,983	1	3,983	
3	Trưởng các Ban chuyên trách HĐND	0.40	0.60	0.20	5,310	1	5,310	Kiểm nhiệm
4	Phó Trưởng Ban chuyên trách HĐND	0.25	0.40	0.15	3,983	2	7,966	
II	ỦY BAN NHÂN DÂN TPTĐ	2.10	2.80	0.70	18,586	88	366,415	
1	Chủ tịch UBND TPTĐ	0.80	1.00	0.20	5,310	1	5,310	
2	Phó Chủ tịch UBND TPTĐ	0.65	0.80	0.15	3,983	3	11,948	
3	Chánh Thanh tra, Trưởng các cơ quan chuyên môn	0.40	0.60	0.20	5,310	11	58,414	

4	Phó Chánh Thanh tra, Phó Trưởng cơ quan chuyên môn	0.25	0.40	0.15	3,983	73	290,742
---	--	------	------	------	-------	----	---------

Qua phân tích nêu trên, việc đề xuất phụ cấp chức vụ, chế độ công tác của các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức không có tác động đáng kể đối với nguồn quỹ lương của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về mặt xã hội:

Việc đề xuất kiến nghị tăng chế độ công tác, phụ cấp chức vụ sẽ giúp cho bộ máy quản lý hành chính thành phố Thủ Đức vận hành tốt hơn, hiệu quả hơn sau khi sáp nhập, phần nào động viên đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ mới hết sức áp lực, trách nhiệm nặng nề hơn rất nhiều so với các địa phương khác và nỗ lực phấn đấu nhiều hơn trước, nâng cao hiệu quả làm việc, bên cạnh đó, khắc phục tình trạng “chảy máu chất xám”, vừa tận dụng được tri thức, kinh nghiệm.

Việc tăng mức đãi chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có thể tác động rất nhỏ lên mức thu nhập của cán bộ, công chức nhưng sẽ tác động rất tích cực về mặt xã hội, đây là cơ chế khuyến khích, động viên, tạo động lực phấn đấu, tăng cao hiệu quả công việc trong thi hành công vụ.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Đẩy nhanh thời gian thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Có tác động về hệ thống pháp luật vì thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các thay đổi này mang tính tích cực và có thể áp dụng cho các địa phương khác trong tương lai; (iii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2

(Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)./.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2023 của
Bộ Kế hoạch và Đầu Tư)*

Hà Nội, tháng 2 năm 2023

Phần mở đầu
TỔNG QUAN VỀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VÀ MỤC TIÊU CỦA BÁO CÁO

I. Tổng quan về Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích tự nhiên 2.095,35 ha, dân số 9.167 ngàn người. Mặc dù chỉ chiếm 0,6% diện tích tự nhiên và 9,3% dân số cả nước nhưng Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp 15,6% GDP, 29,6% tổng thu ngân sách cả nước, GRDP bình quân đầu người Thành phố Hồ Chí Minh đạt 6.229 USD¹. Nằm trong vùng Đông Nam Bộ, tiếp giáp vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh còn là vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, đầu mối giao lưu quốc tế, tập trung các cơ quan ngoại giao. Ngoài vị trí, vai trò quan trọng về kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí quan trọng về quốc phòng an ninh khu vực phía Nam và cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển, Thành phố có các sông lớn chảy qua gồm sông Sài Gòn và sông Đồng Nai, trong đó sông Sài Gòn chảy qua trung tâm Thành phố tạo lợi thế to lớn cho phát triển dịch vụ. Thành phố Hồ Chí Minh tiếp giáp biển Đông, hình thành nên khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ, được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn thế giới đầu tiên của Việt Nam. Việc tiếp giáp với biển Đông, hợp lưu giữa sông Sài Gòn và sông Đồng Nai tạo cho Thành phố những lợi thế to lớn về phát triển logistics với hệ thống cảng biển quy mô lớn, là trung tâm, đầu mối xuất nhập khẩu của cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh có hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, bao gồm hạ tầng giao thông, hệ thống cảng biển, cảng hàng không quốc tế, đầu mối giao thông của cả nước, trung tâm logistics; hạ tầng công nghiệp, thương mại dịch vụ với mạng lưới các khu chế xuất và công nghiệp, khu công nghệ cao, công viên phần mềm, hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm hàng đầu của cả nước; mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo; y tế, văn hóa – thể thao,... Hạ tầng kinh tế - xã hội Thành phố không chỉ phục vụ nhu cầu người dân Thành phố mà còn cho cả khu vực phía Nam và cả nước, đặc biệt là lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo.

Thành phố Hồ Chí Minh có lực lượng doanh nghiệp đông đảo, ngoài khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, khu vực kinh tế ngoài nhà nước phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu GRDP Thành phố².

¹ Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, cả nước năm 2021

² Tại thời điểm 31/12/2021 Thành phố Hồ Chí Minh có 268.465 doanh nghiệp đang hoạt động, tương đương 31,3% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của cả nước (NGTK 2021). Đến năm 2021 giá trị tăng thêm của loại hình kinh

II. Mục tiêu, phương pháp tiếp cận của báo cáo

1. Mục tiêu của báo cáo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đánh giá kết quả thực hiện 12 năm những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2011-2020 làm cơ sở xây dựng định hướng phát triển Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Xác định những tiềm năng, thế mạnh của Thành phố về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, các nguồn lực kinh tế - xã hội, kết quả khai thác những tiềm năng, lợi thế vào phát triển Thành phố thời kỳ 2011-2022; xác định những mặt hạn chế, nguyên nhân khách quan, chủ quan, đặc biệt là những nguyên nhân về cơ chế chính sách kiềm hãm phát triển Thành phố trên cơ sở đó đề ra các phương hướng và nhiệm vụ phát triển Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phương pháp tiếp cận

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở (1) Đánh giá thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2011-2022. (2) Báo cáo tổng kết triển khai thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; (3) Văn kiện đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh qua các nhiệm kỳ. (4) Nghị quyết 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2011 - 2022

A. KẾT QUẢ CHỦ YẾU

I. Về phát triển kinh tế

1. Quy mô kinh tế Thành phố

Thành phố Hồ Chí Minh có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước. Đến năm 2022 GRDP Thành phố theo giá hiện hành đạt 1.479.227 tỷ đồng, gấp 2,9 lần so với năm 2010, tương đương 63 tỷ USD. Dịch vụ là khu vực có quy mô lớn nhất, giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ năm 2022 gấp 3,2 lần so với năm 2010.

Bảng 1. Quy mô kinh tế TP.HCM theo giá hiện hành

	2010	2015	2020	2021	2022
Tổng số	512.522	919.025	1.371.510	1.323.474	1.479.227
Nông nghiệp	3.413	6.726	9.818	8.013	8.390
Công nghiệp - xây dựng	141.071	229.745	327.902	282.932	326.248
Dịch vụ	295.575	566.671	857.745	853.878	947.044
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	72.463	115.883	176.045	178.651	197.545

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM

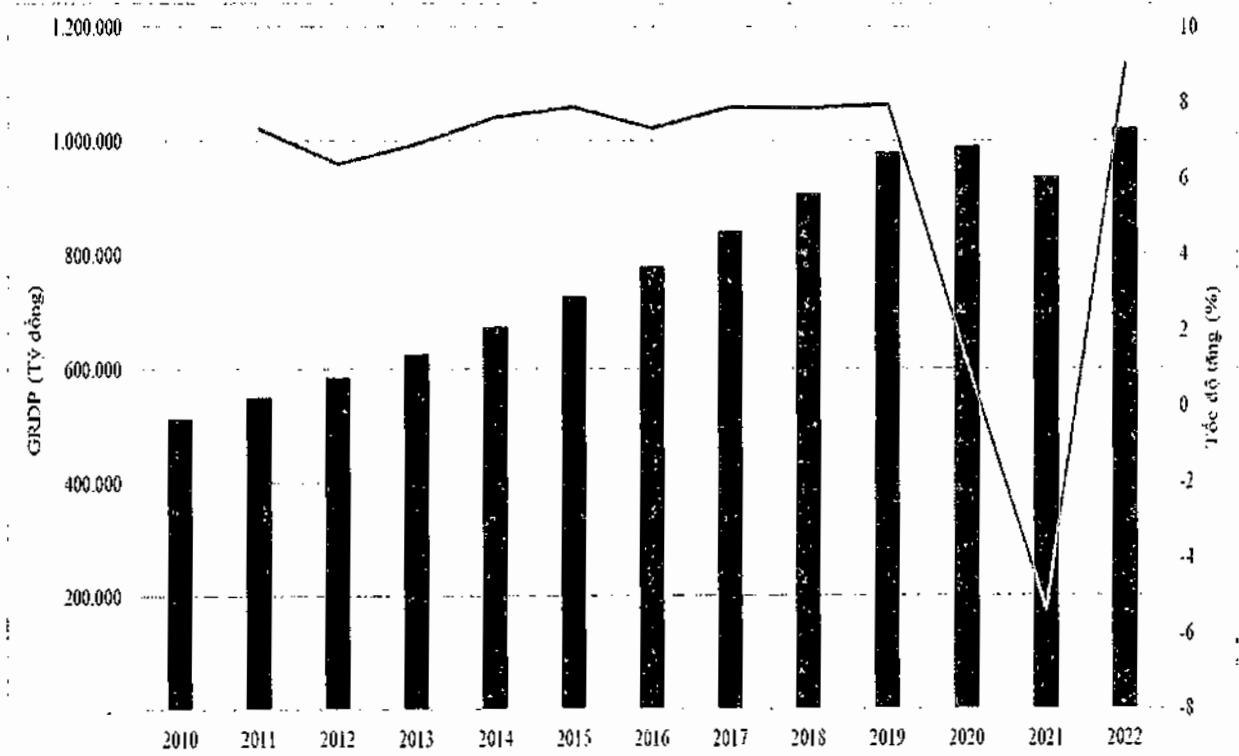
2. Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Thành phố duy trì tăng trưởng liên tục qua các năm, ngoại trừ vào năm chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19. GRDP tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 7,22%, giai đoạn 2016 - 2020 là 6,40. Dưới tác động của đại dịch COVID-19, kinh tế Thành phố tăng trưởng chậm lại ở mức 1,16% trong năm 2020 và suy giảm ở mức -5,36% trong năm 2021, năm 2022 tăng 9,03%, bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 1,58%/năm. Năm 2022, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, người dân Thành phố, cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội thành phố đã phục hồi trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều biến động khó lường. GRDP tăng trưởng trên 9% (kế hoạch 2022 tăng trưởng 6-6,5%). Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội Thành phố đã mang lại một số hiệu quả nhất định cho nền kinh tế.

Giai đoạn 2016-2020 Thành phố đã có nhiều nỗ lực nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế thông qua thu hút đầu tư phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất, chất

lượng và năng lực cạnh tranh. Điều này góp phần nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế Thành phố giai đoạn 2016-2019 cao hơn giai đoạn 2011-2015. Giai đoạn 2011-2016 kinh tế Thành phố tăng trưởng 7,22%/năm, giai đoạn 2016-2019 tăng trưởng kinh tế Thành phố đạt 7,55%/năm. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung của Thành phố giai đoạn 2016-2020.

Hình 1. GRDP và tốc độ tăng trưởng TP.HCM thời kỳ 2011-2022



Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM và báo cáo kinh tế - xã hội TP.HCM năm 2022

Xét theo ngành kinh tế, khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân cao nhất của cả thời kỳ 2011-2022, đồng thời là khu vực đóng góp cao nhất vào tốc độ tăng trưởng kinh tế Thành phố. Theo đó, khu vực dịch vụ tăng bình quân 6,79%/năm, đóng góp 4,13 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp – xây dựng tăng trưởng bình quân 4,37%/năm, đóng góp 1,16 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng kinh tế Thành phố.

Bảng 2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế TP.HCM thời kỳ 2011-2022 theo ngành kinh tế (%/năm)

	2011-2015	2016-2020	2021-2022	2011-2022
Tổng số	7,22	6,40	1,58	5,92
Nông nghiệp	5,51	3,08	-5,36	2,61
Công nghiệp - xây dựng	5,43	6,16	-2,46	4,37

Dịch vụ	8,45	6,75	2,85	6,79
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	5,45	5,35	3,45	5,07

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM

Bảng 3. Đóng góp của các khu vực kinh tế vào tăng trưởng kinh tế TP.HCM (Điểm %/năm)

	2011-2015	2016-2020	2021-2022	2011-2022
Tổng số	7,22	6,40	1,58	5,92
Nông nghiệp	0,04	0,02	-0,03	0,02
Công nghiệp - xây dựng	1,43	1,66	-0,59	1,16
Dịch vụ	5,06	3,91	1,88	4,13
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	0,69	0,70	0,46	0,65

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chuyển dịch đúng định hướng, khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế trong khi khu vực công nghiệp - xây dựng giảm nhanh. Đến năm 2022 khu vực dịch vụ tăng 6,4 điểm phần trăm so với năm 2010, khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 5,5 điểm phần trăm so với năm 2010.

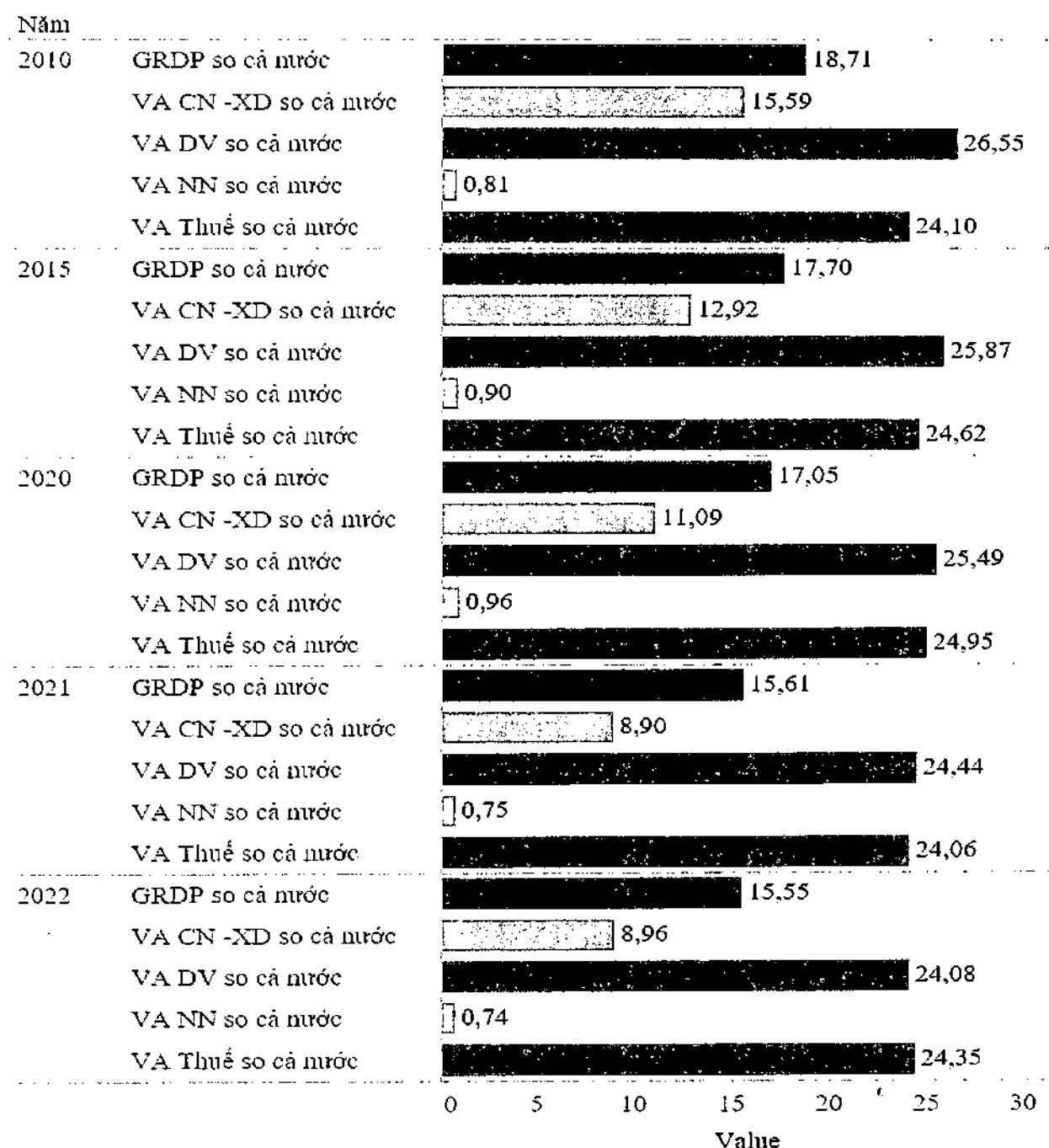
Bảng 4. Cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh theo khu vực kinh tế

	2010	2015	2020	2021	2022	+/- 2022 so 2010 (Điểm %)
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
Nông nghiệp	0,7	0,7	0,7	0,6	0,6	-0,1
Công nghiệp - xây dựng	27,5	25,0	23,9	21,4	22,1	-5,5
Dịch vụ	57,7	61,7	62,5	64,5	64,0	6,4
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	14,1	12,6	12,8	13,5	13,4	-0,8

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh đã phát huy lợi thế về vị trí địa lý chiến lược, cửa ngõ giao thương của cả nước và khu vực Đông Nam Á để phát triển mạnh khu vực dịch vụ so với các khu vực còn lại, khai thác các thế mạnh về thương mại, vận tải và kho bãi, tài chính ngân hàng, hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ, bất động sản, y tế,...

So với cả nước, tỷ trọng kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng giảm dần. Điều này xảy ra ở hầu hết các khu vực kinh tế. GRDP năm 2010 chiếm 18,71% trong cơ cấu GDP cả nước, đến năm 2022 chỉ còn chiếm 15,55%, giảm 3,2 điểm phần trăm so với năm 2010; khu vực công nghiệp – xây dựng năm 2010 chiếm 15,59% giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp – xây dựng cả nước, đến năm 2022 chỉ còn chiếm 8,96%, giảm 6,6 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ năm 2010 chiếm 26,55% so với khu vực dịch vụ cả nước, đến năm 2022 chiếm 24,08%, giảm 2,5 điểm phần trăm; nông, lâm nghiệp và thủy sản là khu vực có mức giảm 0,1 điểm phần trăm trong cơ cấu nông, lâm nghiệp và thủy sản cả nước với mức giảm 0,1 điểm phần trăm. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là khu vực duy nhất có tỷ trọng tăng so với cả nước với mức tăng 0,3 điểm phần trăm so với năm 2010 điều này cho thấy Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương có mức nộp thuế sản phẩm cao nhất cả nước về giá trị và tốc độ tăng.

Hình 2. GRDP TP.HCM so với cả nước theo khu vực kinh tế (ĐVT: %)

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM và cả nước

4. Thực trạng phát triển các ngành

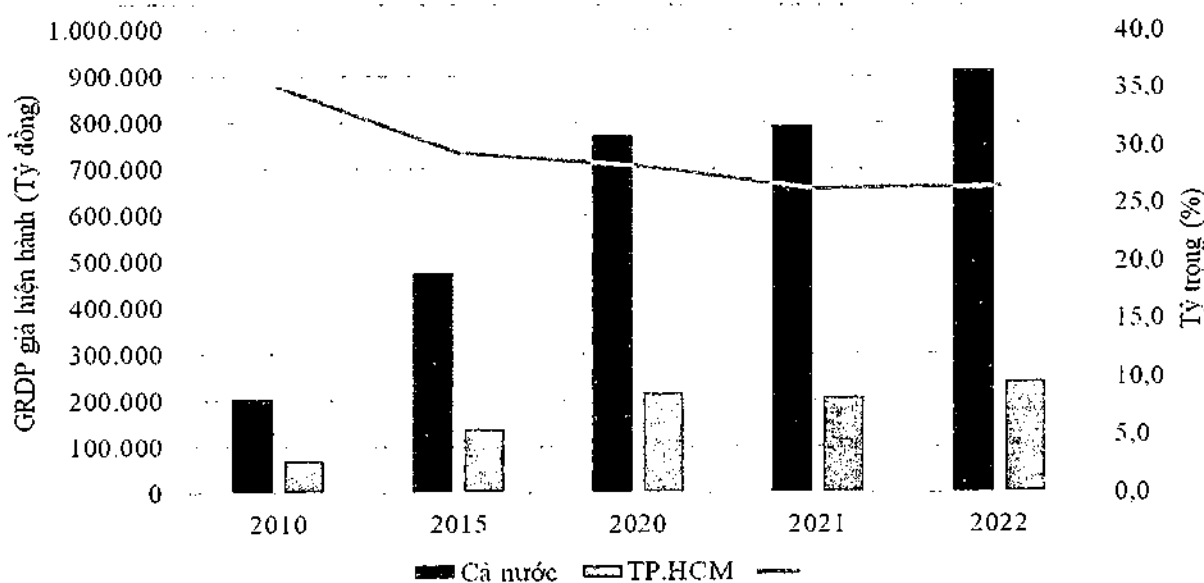
4.1. Thực trạng phát triển các ngành dịch vụ

4.1.1. Hoạt động thương mại

Khu vực dịch vụ đóng góp cao nhất trong cơ cấu GRDP Thành phố trong thời kỳ 2011 - 2022. Trong đó, ngành thương mại chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành dịch vụ và có xu hướng gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu GRDP Thành phố, tỷ trọng của Thành phố trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011-2025 là 23,9%.

Năm 2022 ngành thương mại chiếm tỷ trọng 16,4% GDRP Thành phố, tăng 2,5 điểm phần trăm so với năm 2010. Với vai trò đầu tàu về trung tâm phân phối, đầu mối xuất nhập khẩu, trung tâm bán buôn, bán lẻ lớn nhất cả nước, ngành thương mại Thành phố phát triển nhanh trong những năm qua và đóng góp đáng kể vào phát triển khu vực dịch vụ nói riêng và kinh tế Thành phố nói chung. Kết cấu hạ tầng thương mại Thành phố phát triển mạnh, bao gồm hệ thống các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm quy mô lớn, thương mại điện tử. Với vai trò trung tâm bán buôn, trung tâm phân phối và tiêu thụ hàng hóa cả nước, ngành thương mại Thành phố đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế các địa phương trong cả nước.

Hình 3. Giá trị tăng thêm ngành thương mại giá hiện hành, tỷ trọng trong cơ cấu GRDP TP.HCM



Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, báo cáo kinh tế - xã hội TP.HCM năm 2022

Thành phố đã ban hành nhiều giải pháp phát triển thương mại điện tử, đã ban hành đề án phát triển thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thương mại điện tử phát triển mạnh trên địa bàn Thành phố góp phần quan trọng vào phát triển và cao hiệu quả kinh doanh thương mại, đặc biệt là trong những năm chịu ảnh hưởng mạnh bởi đại dịch Covid-19.

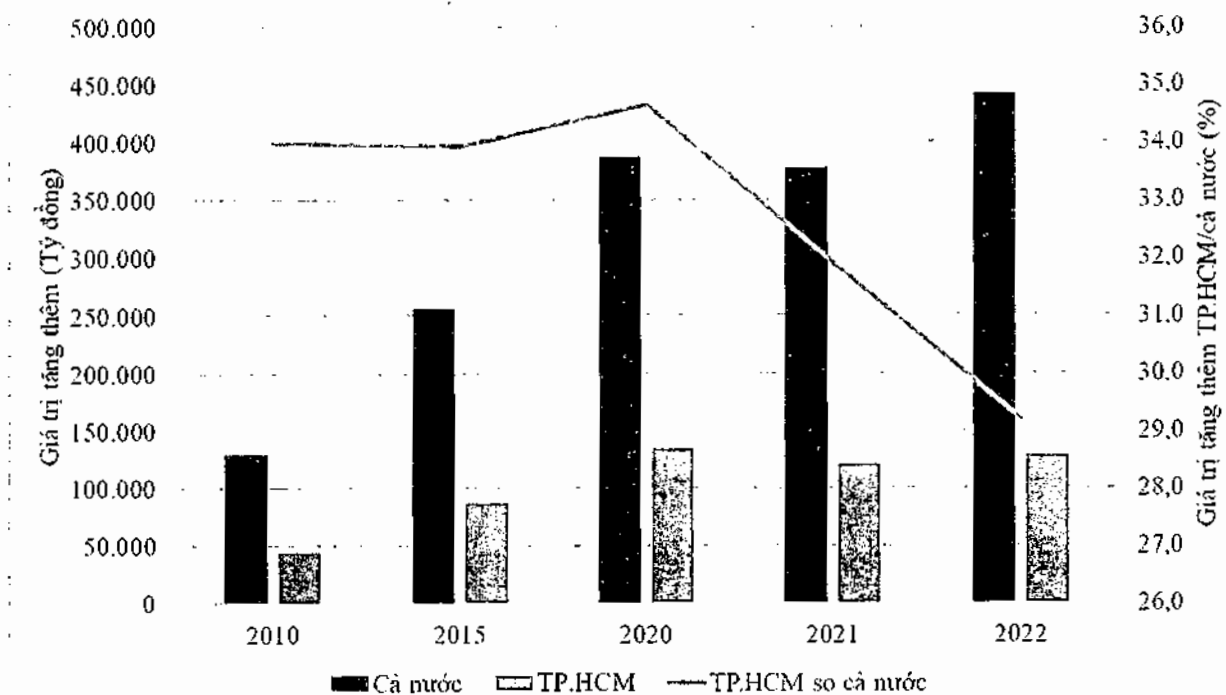
Về xuất khẩu hàng hóa, đến năm 2022 Thành phố đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu trên 47 tỷ USD, tăng bình quân 6,3%/năm thời kỳ 2011-2022. Đây là mức tăng thấp so với bình quân chung cả nước. Thời kỳ 2011-2022 kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng trưởng bình quân 14,6%/năm. Thành phố đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu theo hướng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao. Thành phố đầu tư phát triển khu công nghệ cao, đến nay đã thu hút trên 10 tập đoàn hàng đầu toàn cầu đầu tư vào Khu công nghệ cao. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong Khu công nghệ cao năm 2022 đạt 23 tỷ USD, chiếm 48,9% tổng kim ngạch xuất khẩu Thành phố.

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có độ mở kinh tế lớn. Năm 2021 độ mở kinh tế Thành phố đạt 1,6 lần. Độ mở kinh tế lớn cho thấy Thành phố hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế thế giới, tạo cho Thành phố nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức trong bối cảnh kinh tế chính trị thế giới diễn biến phức tạp hiện nay.

4.1.2. Ngành vận tải và kho bãi

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm logistics của cả nước, ngành vận tải kho bãi phát triển mạnh và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GRDP. Năm 2022 ngành vận tải kho bãi chiếm 8,7% trong cơ cấu GRDP Thành phố, tăng 0,2 điểm phần trăm so với năm 2010. So với cả nước, ngành vận tải và kho bãi Thành phố chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá trị tăng thêm ngành vận tải và kho bãi cả nước, chiếm đến 29,2% cơ cấu giá trị tăng thêm ngành vận tải kho bãi cả nước năm 2022.

Hình 4. Cơ cấu giá trị tăng thêm ngành vận tải, kho bãi TP.HCM so với ngành vận tải, kho bãi cả nước (ĐVT: %)



Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, cả nước, báo cáo kinh tế - xã hội TP.HCM và cả nước

Hạ tầng ngành vận tải và kho bãi trên địa bàn Thành phố phát triển mạnh trong thời gian qua và có những đóng góp quan trọng vào phát triển logistics trên địa bàn Thành phố và vùng Đông Nam bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm hệ thống cảng biển, kho bãi, cảng hàng không quốc tế. Với vai trò là trung tâm trung chuyển hàng hóa, đầu mối xuất nhập khẩu của khu vực phía Nam, khối lượng hàng hóa vận chuyển trên địa bàn Thành phố hàng năm là khá lớn. Ngoài ra, với quy mô kinh tế lớn nhất của cả nước (năm 2022 là trên 63 tỷ USD), khối lượng

hàng hóa vận chuyển nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố hàng năm là khá lớn.

Ứng dụng công nghệ trong hoạt động ngành vận tải kho bãi trên địa bàn Thành phố phát triển mạnh trong những năm gần đây, đặc biệt là trong dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa thông qua các mô hình kinh tế chia sẻ.

4.1.3. Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm tài chính của cả nước, ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm đóng góp trên 10% trong cơ cấu GRDP trên địa bàn Thành phố năm 2022 và chiếm 33% ngành hoạt động tài chính ngân hàng bảo hiểm của cả nước. Ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm trên địa bàn Thành phố duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân 8,5%/năm trong suốt thời kỳ 2011-2022. Điều này góp phần nâng cao tỷ trọng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm trong cơ cấu GRDP Thành phố lên 2,5 điểm phần trăm.

Bảng 5. Tỷ trọng và tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

	2010	2015	2020	2022	+/- 2022 so 2010
Tỷ trọng trong GRDP (%)	7,6	8,2	8,8	10,1	2,5
		2011-2015	2016-2020	2021-2022	2011- 2022
Tốc độ tăng (%/năm)		8,1	9,0	8,6	8,5

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, báo cáo kinh tế - xã hội TP.HCM 2022

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi đặt trụ sở và chi nhánh của nhiều ngân hàng thương mại cổ phần trong và ngoài nước. Với quy mô dân số đông, tiềm lực kinh tế to lớn, nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố là khá lớn, tốc độ tăng vốn huy động và dư nợ tín dụng.

Bảng 6. Vốn huy động, dư nợ tín dụng và tốc độ tăng trên địa bàn TP.HCM

	2010	2015	2020	2021	2022
Vốn huy động (Tỷ đồng)	1.014.900	1.567.139	2.908.088	3.143.581	3.249.800
Dư nợ tín dụng (Tỷ đồng)	889.000	1.235.222	2.533.672	2.834.069	3.192.700

		2011-2015	2016-2020	2021-2022	2011-2022
Tốc độ tăng vốn huy động (%/năm)		9,1	13,2	5,7	10,2
Tốc độ tăng dư nợ tín dụng (%)		6,8	15,5	12,3	11,2

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, báo cáo kinh tế - xã hội TP.HCM 2022

Tốc độ tăng dư nợ tín dụng thời kỳ 2011-2022 cao hơn tốc độ tăng vốn huy động cho thấy nhu cầu tăng cao về vốn trên địa bàn Thành phố. Điều này đặt ra yêu cầu về những giải pháp cần được triển khai trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng về vốn cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

Khai thác tiềm năng và thế mạnh của Thành phố trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đặc biệt là phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế, Thành phố đang xây dựng đề án phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số mô hình hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng phát triển mạnh trên địa bàn Thành phố và lan tỏa cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương khởi nguồn mô hình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp, đến nay mô hình này đã được cả nước áp dụng. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ góp phần hình thành những ngành kinh doanh mới trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đặc biệt là mô hình công nghệ tài chính Fintech.

4.1.4. Ngành Thông tin và truyền thông

Năm 2022 ngành thông tin và truyền thông chiếm 5,1% trong cơ cấu GRDP Thành phố, giảm 0,3 điểm phần trăm so với năm 2010. Thời kỳ 2011-2022 Thành phố đã có nhiều nỗ lực phát triển ngành thông tin và truyền thông, từng bước đưa ngành thông tin và truyền thông, đặc biệt là internet trở thành hạ tầng cho các ngành kinh tế. Thành phố phát triển Công viên phần mềm Quang Trung trở thành chuỗi công viên phần mềm hoạt động trên phạm vi cả nước, phát triển thành phố Thủ Đức thành đô thị sáng tạo, tương tác cao. Thành phố đã phê duyệt Chương trình chuyển đổi số Thành phố và ban hành kế hoạch triển khai, triển khai đề án Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh.

Sự phát triển của ngành thông tin và truyền thông góp phần quan trọng vào phát triển Thành phố theo hướng thúc đẩy các hoạt động giao dịch trực tuyến, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển xã hội số, chính quyền số,...

4.1.5. Ngành hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ

Năm 2022 ngành hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ chiếm 5,3% trong cơ cấu GRDP Thành phố, tăng 0,6 điểm phần trăm so với năm 2010. Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm khoa học, công nghệ của cả nước, tập trung các nguồn lực to lớn về khoa học công nghệ, bao gồm cơ sở nghiên cứu, nguồn nhân lực và đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Thành phố đã thu hút nhiều

tập đoàn lớn có vốn đầu tư trong nước và FDI đầu tư các trung tâm nghiên cứu phát triển. Với quan điểm phát triển khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, ngay từ đầu những năm 2000, Thành phố đã chủ trương xây dựng Khu công nghệ cao Thành phố. Đến nay, Khu công nghệ cao đã có những đóng góp quan trọng vào thu hút đầu tư phát triển sản phẩm công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao,... Với vai trò là trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo lớn nhất của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều chương trình, đề án thúc đẩy phát triển đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo. Thành phố đã ban hành kế Chương trình Nghiên cứu và phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030, đồng thời Trung ương đã có chủ trương xây dựng Trung tâm khởi nghiệp quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố giữ vững vai trò trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cả nước³; trở thành cái nôi của cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp trên cả nước⁴. Tiềm lực khoa học và công nghệ ngày càng được tăng cường, trong đó có sự hình thành các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập⁵; sản giao dịch khoa học và công nghệ được duy trì vận hành với hình thức và thông tin đa dạng hơn⁶. Thị trường khoa học và công nghệ từng bước hình thành, phát triển và tăng trưởng về quy mô; thu hút và thúc đẩy đầu tư từ các doanh nghiệp vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ⁷. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã tạo ra các sản phẩm có giá trị trên nhiều lĩnh vực như y tế, cơ khí chế tạo, quản lý đô thị, công nghệ thông tin và điện tử viễn thông, công nghệ nano, nông nghiệp công nghệ cao. Các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ được duy trì; từ đó, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp quan tâm đầu tư, áp dụng các công cụ quản lý giúp tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh⁸.

³ Tính từ năm 2012 đến năm 2022, Thành phố là địa phương dẫn đầu cả nước về số đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu ước đạt 143.553 đơn (37% tổng số của cả nước), trong đó số đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích là 2.502 đơn (25,5% tổng số của cả nước), về sở hữu số văn bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích ước đạt 537 văn bằng (21% tổng số của cả nước). (Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ).

⁴ Trong giai đoạn vừa qua, Thành phố là địa phương có nhiều hoạt động triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời cũng là địa phương luôn tiên phong trong hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ban hành nhiều chính sách đột phá nhằm hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

⁵ Trên địa bàn Thành phố đến nay có 371 tổ chức khoa học và công nghệ (công lập, ngoài công lập, tập thể); 109 trường đại học, cao đẳng, 279 phòng thí nghiệm về các lĩnh vực hóa, sinh học, xây dựng, y tế, cơ khí, dược, điện - điện tử; 21.210 cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Số tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập đăng ký hoạt động tăng qua các năm: năm 2012 là 97, năm 2016 là 129 và năm 2021 là 239. (Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

⁶ Tính từ năm 2012 đến năm 2022, có hơn 1,6 triệu lượt doanh nghiệp, khách hàng đã được tiếp cận thông tin công nghệ và hơn 150.000 lượt doanh nghiệp, khách hàng được tư vấn về công nghệ, kết nối với nhà cung ứng. Thành phố đã thu hút và thúc đẩy đầu tư từ xã hội cho mục tiêu đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo. (Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ).

⁷ Theo ước tính của Sở Khoa học và Công nghệ, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và ngoài nhà nước vào khoa học và công nghệ đạt trên 55.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2016 - 2020, đạt bình quân 10.006 tỷ đồng/năm (0,91%/GRDP), gấp 4,8 lần so với năm 2015.

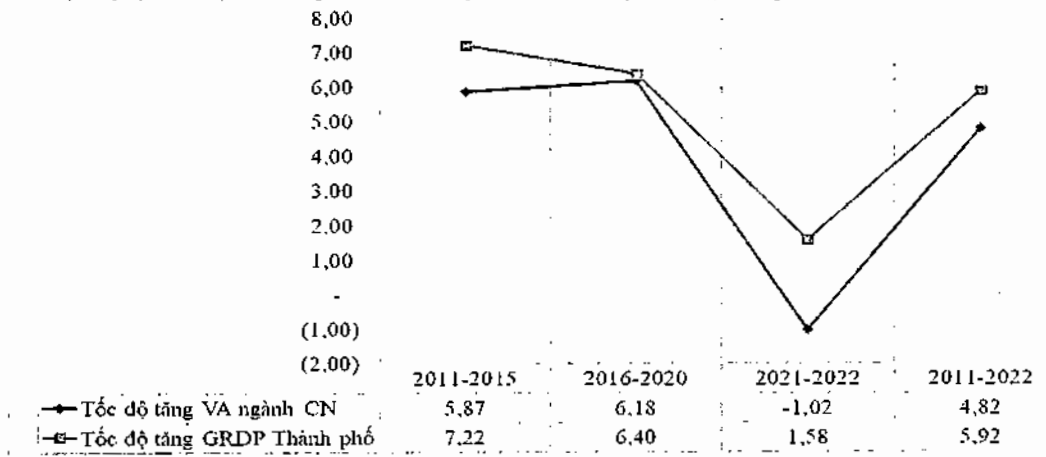
⁸ Điều này thể hiện qua số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong giai đoạn 2016 - 2020 giữ tỷ lệ trên 44,1% trong tổng số của cả nước; đồng thời, năng suất lao động xã hội của Thành phố cao hơn 2,7 lần so với cả nước, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội cao gấp 1,7 lần so với cả nước, năng suất lao động của doanh nghiệp có

4.2. Thực trạng phát triển các ngành công nghiệp

Đến năm 2022 công nghiệp chiếm 18,1% trong cơ cấu GRDP Thành phố, giảm 3,9 điểm phần trăm so với năm 2010. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất, năm 2021 giá trị tăng thêm chiếm 90,6% giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp, giảm 0,6 điểm phần trăm so với năm 2010.

Ngành công nghiệp Thành phố có tốc độ tăng chậm hơn tốc độ tăng bình quân GRDP cho thấy hoạt động ngành công nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức.

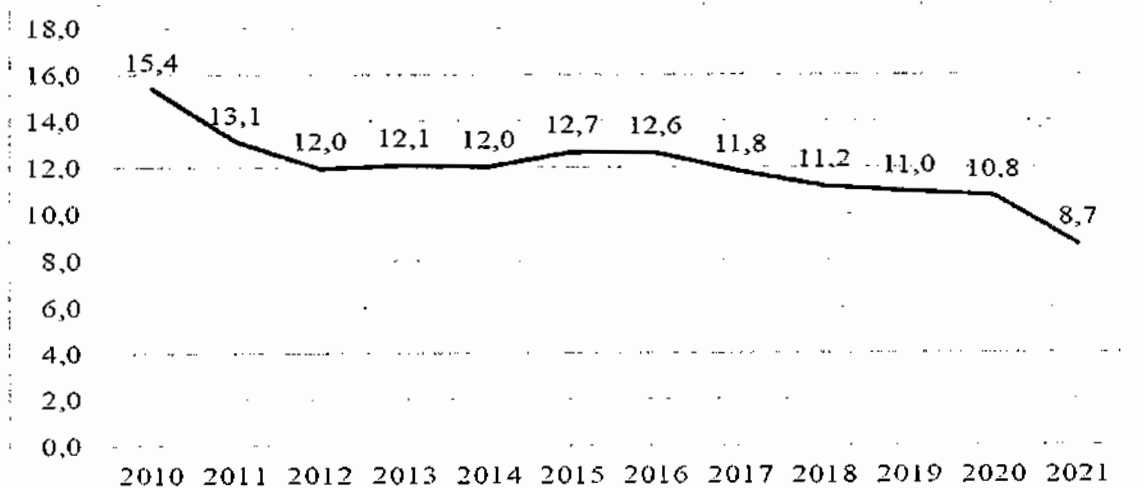
Hình 5. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp và tốc độ tăng GRDP Thành phố



Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM

So với công nghiệp cả nước, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp Thành phố chiếm tỷ trọng ngày càng giảm. Đến năm 2021 công nghiệp Thành phố chiếm 8,7% giá trị tăng thêm trong cơ cấu giá trị tăng thêm công nghiệp cả nước, giảm 6,7 điểm phần trăm so với năm 2010.

Hình 6. Tỷ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp TP.HCM so với công nghiệp cả nước

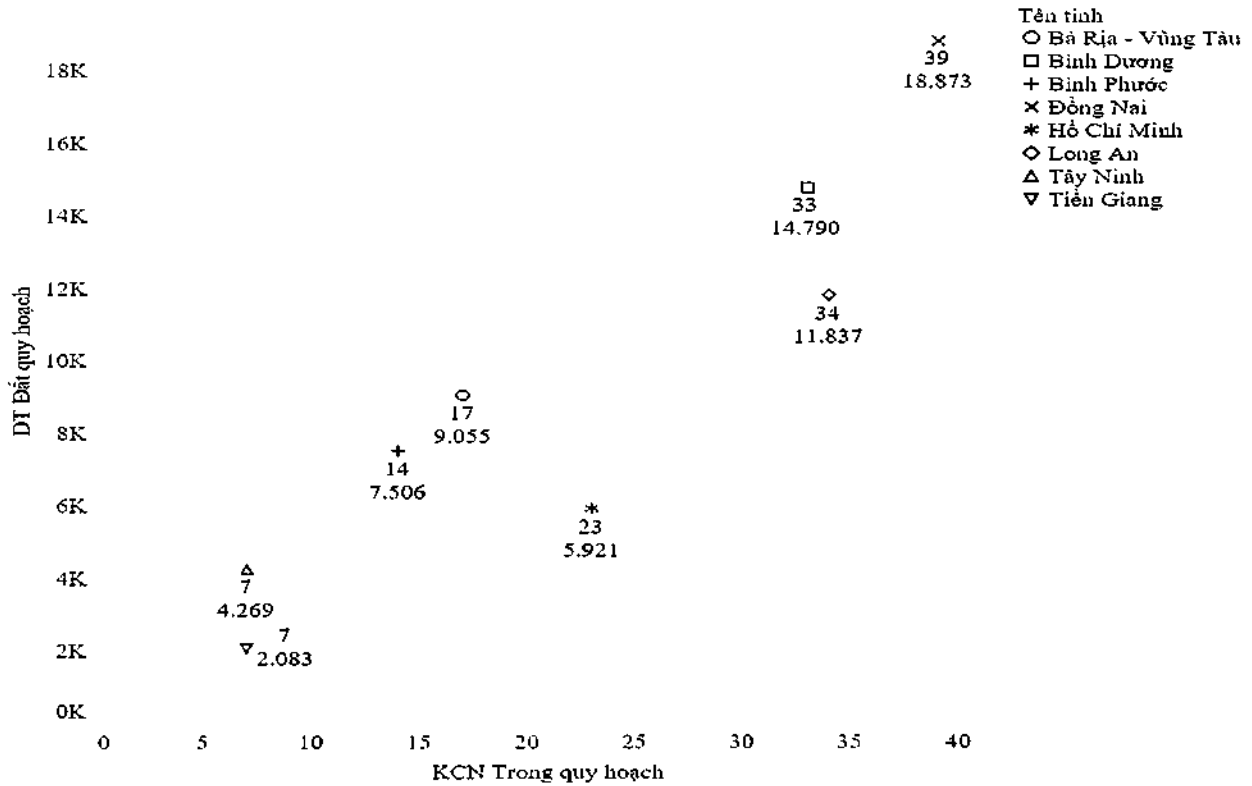


Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM và cả nước

hàm lượng khoa học và công nghệ cao thuộc 4 ngành công nghiệp và 9 ngành dịch vụ trọng yếu cao gấp 1,57 lần năng suất lao động xã hội tính chung của Thành phố. (Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Thời kỳ 2011-2022 Thành phố đã có nhiều nỗ lực phát triển hạ tầng công nghiệp. Thành phố đã quy hoạch phát triển 23 khu chế xuất và công nghiệp với tổng diện tích khoảng 6.000 ha. So với các địa phương khác, đặc biệt là Bình Dương, Long An, Đồng Nai, Bình Phước diện tích đất công nghiệp TP.HCM là khá hạn chế.

Hình 7. Diện tích đất khu công nghiệp được quy hoạch đến năm 2020



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số liệu khu công nghiệp cả nước đến năm 2021.

Đến nay Thành phố Hồ Chí Minh không còn nhiều đất sạch cho phát triển công nghiệp đòi hỏi Thành phố phải đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp theo hướng ít sử dụng đất, phát triển công nghiệp công nghệ cao, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất, tập trung vào các phân khúc mang lại giá trị gia tăng cao như nghiên cứu phát triển, các ngành công nghiệp thời trang, hạn chế thu hút các ngành công nghiệp thâm dụng lao động phổ thông,...

4.3. Phát triển nông nghiệp

Nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu GRDP nhưng đóng vai trò quan trọng trong phát triển Thành phố, duy trì mảng xanh và bảo vệ môi trường. Đến năm 2022 nông nghiệp Thành phố chỉ chiếm 0,6% GRDP, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 2,61%/năm giai đoạn 2011-2022. Thành phố đã có nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu GRDP nhưng ngành nông nghiệp Thành phố chiếm diện tích đất khá lớn. Đến năm 2021 diện tích đất nông nghiệp

Thành phố chiếm 53,37% diện tích tự nhiên, một phần dịch tích đất nông nghiệp được xem là quỹ đất dự trữ để chuyển đổi, phục vụ phát triển lĩnh vực phi nông nghiệp.

4.4. Phát triển văn hóa - xã hội

Dân số: Thành phố là nơi tập trung dân cư với mật độ cao nhất cả nước, lực lượng lao động có trình độ, khoa học và công nghệ ngày càng phát triển⁹. **Thị trường lao động việc làm** phát triển về quy mô và chất lượng¹⁰, năng suất lao động tăng qua các năm¹¹. Thành phố liên tục đạt tiến triển trong giải quyết việc làm¹²; giảm nghèo¹³; nâng cao mức sống dân cư; thực hiện chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng bảo trợ xã hội ... Chỉ số phát triển con người có tiến triển. Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các nguồn lực trong xã hội có đóng góp thiết thực vào chăm lo an sinh xã hội.

Cụ thể, Thành phố cơ bản hoàn thành mục tiêu giải quyết chính sách tồn đọng sau chiến tranh về công tác xác nhận thương binh, liệt sĩ; kịp thời tham mưu chăm lo chính sách đối với người có công, đảm bảo có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống người dân nơi cư trú; triển khai thực hiện các chính sách Người khuyết tật phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong từng giai đoạn cụ thể. Về cơ sở bảo trợ, Thành phố có 16 cơ sở bảo trợ xã hội công lập (do Sở Lao động Thương binh và Xã hội quản lý), trong 5 năm tiếp nhận, quản lý 6.157 đối tượng bảo trợ xã hội.

Từ năm 2011 tới năm 2021, lực lượng lao động trong độ tuổi trên địa bàn Thành phố tăng dần đều, dao động từ mức thấp nhất là 4.054 ngàn người (năm 2011) tới mức cao nhất là 4.915 ngàn người (năm 2020). Từ năm 2011 tới năm 2021, thu nhập bình quân đầu người đã tăng dần đều¹⁴. Tuy nhiên, giải quyết việc làm và thu nhập đối với một bộ phận người lao động còn chưa cao, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế gặp khó khăn.

⁹ Dân số Thành phố trong tổng số của cả nước là 8,53% năm 2011 tăng lên 9,46% năm 2020. Mật độ dân số trên địa bàn Thành phố năm 2011 gấp cả nước 13,48 lần; đến năm 2020 tăng lên đến 15,17 lần. (Nguồn: Tính từ số liệu Tổng Cục Thống kê)

¹⁰ Lực lượng lao động năm là 4,05 triệu người; đến năm 2021 là 4,62 triệu người, tăng tương đương 1,14 lần. Tỷ lệ thất nghiệp bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 3,6%; bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 3,0%. Tỷ lệ thiếu việc làm bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 0,3%; bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 0,5%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố)

¹¹ Năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 264 triệu đồng/người/năm, cao hơn so với mức 188 triệu đồng/người/năm của bình quân giai đoạn 2011 - 2015. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố)

¹² Số lao động đang làm việc năm 2011 là 3,854 triệu người, đến năm 2021 là 4,332 triệu người, tăng tương đương 1,1 lần. Tỷ lệ thất nghiệp bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 3,57%; bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 3,05%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố)

¹³ Đến cuối năm 2018, hoàn thành mục tiêu cơ bản không còn hộ nghèo theo chi tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về “Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn chương trình “Giảm nghèo bền vững” giai đoạn 2016 - 2020 bình quân 1%/năm”. Đến cuối năm 2020, hoàn thành mục tiêu “cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo thành phố”. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều qua các năm là: 2,52% năm 2016; 1,10% năm 2017; 0,19% năm 2018; 0,39% năm 2020; 1,45% năm 2021. (Nguồn: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội)

¹⁴ Từ 2.737 triệu đồng (năm 2010) lên 3.653 triệu đồng (năm 2012), 4.840 triệu đồng (năm 2014), 5.109 triệu đồng (năm 2016), 6.177 triệu đồng (năm 2018) và 6.537 triệu đồng (năm 2020). Nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công là chủ yếu và có xu hướng tăng dần từ 58,9% (năm 2011) lên 67,1% (năm 2020) nhưng đột ngột giảm còn 58% (năm 2016). Chênh lệch thu nhập giữa nhóm cao nhất và thấp nhất nhìn chung ổn định ở mức 6,5 lần (từ năm 2012 tới năm 2016) và cao nhất là 6,9 lần (năm 2018) nhưng đột ngột giảm mạnh về mức 3,3 lần (năm 2020)

Giáo dục- đào tạo, Y tế, Văn hóa và thể dục, thể thao có bước tiến triển.

Các cơ sở ngoài công lập từng bước hình thành trong các lĩnh vực, góp phần phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội trên địa bàn Thành phố. Hệ thống trường lớp phát triển mạnh từ nội thành đến ngoại thành, vùng sâu vùng xa của thành phố. Thành phố đã thực hiện các chương trình nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển thành phố trong giai đoạn mới và phát triển kinh tế tri thức.

Cụ thể, Y tế Thành phố nỗ lực đảm bảo điều kiện để chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng tốt hơn; thúc đẩy các bệnh viện tiến hành các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm cung ứng dịch vụ y tế an toàn, chất lượng và mang lại sự hài lòng cho người bệnh, người dân và nhân viên y tế. Thành phố ưu tiên phân bổ ngân sách để phát triển cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho bệnh viện quận, huyện. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực Y Tế phát triển và nâng cao qua các năm¹⁵.

Văn hóa và thể dục, thể thao có bước tiến triển thể hiện qua các nhiệm vụ về xây dựng con người Thành phố phát triển toàn diện; tổ chức các phong trào văn hóa, các sự kiện lễ hội quan trọng; hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa. Mức thụ hưởng văn hóa ở khu vực ngoại thành được quan tâm chú trọng¹⁶. Thành phố tăng cường đầu tư sáng tác những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, có giá trị cao về tư tưởng nghệ thuật. Công tác bảo tồn, bảo tàng và gìn giữ, phát huy di sản văn hóa vật thể - phi vật thể được đầu tư, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của công chúng, thu hút khách du lịch. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng ngày càng phát triển sâu rộng trong cộng đồng, thể hiện qua việc tỷ lệ gia đình luyện tập TDTT tăng đều theo từng năm; nhiều phong trào thể thao thu hút đông đảo lực lượng tham gia. Trình độ thi đấu quốc tế của vận động viên thuộc các môn thể thao trọng điểm ngày càng được nâng cao, số huy chương giành được tại các giải quốc tế chính thức tăng về số lượng.

Các chính sách xã hội và an sinh xã hội. Các chính sách giảm nghèo và chăm lo an sinh xã hội được quan tâm triển khai, có sự tham gia tích cực từ các nguồn lực trong xã hội; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng nâng cao. Trong các năm chưa xảy ra đại dịch COVID-19, Thành phố liên tục đạt tiến triển trong giải quyết việc làm; giảm nghèo; nâng cao mức sống dân cư¹⁷; chú trọng giải quyết vấn đề bất bình đẳng trong xã hội và nỗ lực thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Chỉ số phát triển con người hầu như tăng qua các năm

¹⁵ Giai đoạn 2012 -2020, công tác phát triển nhân lực y tế của Thành phố đã đạt và vượt các chỉ tiêu theo quy định của Bộ Y tế, số bác sĩ trên vạn dân tăng từ 16,07 năm 2016 lên 20 năm 2020; số điều dưỡng trên vạn dân tăng từ 33,34 năm 2016 lên 15 năm 2020; số cán bộ, công chức,viên chức y tế có trình độ sau đại học tăng từ 6.385 năm 2016 lên 7.188 năm 2020. Số bác sĩ có trình độ chuyên môn sau đại học tăng từ 3.565 năm 2010 lên 5.115 năm 2015 và 6.085 người năm 2020.

¹⁶ Tính đến nay, đã có 54/56 xã được đánh giá đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

¹⁷ Thu nhập bình quân đầu người/tháng trên địa bàn Thành phố tăng qua các kỳ khảo sát mức sống dân cư do Tổng Cục Thống kê tiến hành; cụ thể là: 2,7 triệu đồng/người/tháng năm 2010; 3,7 triệu đồng/người/tháng năm 2012; 4,8 triệu đồng/người/tháng năm 2014; 5,1 triệu đồng/người/tháng năm 2016; 6,1 triệu đồng/người/tháng năm 2018; 6,5 triệu đồng/người/tháng năm 2020.

và luôn ở mức cao hơn so với bình quân của cả nước¹⁸. Thành phố luôn chú trọng thực hiện chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng bảo trợ xã hội ... Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các nguồn lực trong xã hội có đóng góp thiết thực vào chăm lo an sinh xã hội.

4.5. Thực trạng phát triển hạ tầng

Phát triển cơ sở hạ tầng luôn được đặt ở vị trí trọng tâm trong các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển của Thành phố qua các thời kỳ và được tập trung đầu tư, cải tạo, nâng cấp; công tác quy hoạch, chỉnh trang và phát triển đô thị có những tiến triển nhất định. Nhiều công trình giao thông trọng điểm hoàn thành và đi vào sử dụng, góp phần tăng cường đáp ứng nhu cầu giao thông nội thành và ở các cửa ngõ ra, vào Thành phố; mật độ đường giao thông tăng lên¹⁹. Hệ thống cấp điện²⁰, cấp nước²¹ tăng cường công suất và phủ kín trên địa bàn. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải từng bước hoàn thiện²²; các khu công nghiệp, khu chế xuất vận hành hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung, hoàn thành hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải sau xử lý, thiết lập đường truyền dữ liệu quan trắc về tình hình xử lý nước thải của các doanh nghiệp. Cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, là địa phương đầu tiên trong cả nước triển khai mạng 5G²³; một số tiện ích được cung cấp cho người dân thông qua công nghệ thông tin hoặc ứng dụng trên điện thoại di động. Cơ sở hạ tầng thương mại²⁴, vận tải kho bãi²⁵, du lịch²⁶, văn hóa và thể dục, thể thao²⁷, giáo dục và đào tạo²⁸, y tế²⁹

¹⁸ Chỉ số phát triển con người (HDI) của Thành phố năm 2016 là 0,777; năm 2017 là 0,780; năm 2018 là 0,786; năm 2019 là 0,798; năm 2020 là 0,795. Chỉ số này của Thành phố đạt cao hơn chỉ số chung của cả nước năm 2016 là 0,682; năm 2017 là 0,687; năm 2018 là 0,693; năm 2019 là 0,703; năm 2020 là 0,706. (Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

¹⁹ Mật độ đường giao thông (km/km²) tăng từ 1,75 năm 2010 lên 2,2 năm 2020 và 2,26 năm 2021. Tỷ lệ diện tích đường giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (%) tăng từ 5,84 năm 2010 lên 12,2 năm 2020 và 12,76 năm 2021. (Nguồn: Sở Giao thông Vận tải)

²⁰ Nhiều công trình nguồn, lưới điện được hoàn thành, đưa vào sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân và phát triển kinh tế - xã hội Thành phố. Công suất cực đại tăng trưởng bình quân hàng năm 5,08% trong giai đoạn 2016 - 2020, năm 2021 tăng 1,35% so với năm trước. Tình trạng tổn thất điện năng được cải thiện với tỷ lệ giảm qua các năm; giảm bình quân hàng năm 0,24% trong giai đoạn 2016 - 2020, năm 2021 giảm 0,29% so với năm trước. Sản lượng điện thương phẩm tăng trưởng bình quân 6,6% trong giai đoạn 2016 - 2019; tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn dưới tác động của dịch bệnh COVID-19 vào năm 2020 và năm 2021, sản lượng giảm so với năm trước. (Nguồn: Sở Công Thương).

²¹ Công suất cấp nước năm 2011 là 1,5 triệu m³/ngày; đến năm 2021 là 1,9 triệu m³/ngày. Từ năm 2016 đến nay, tỷ lệ hộ dân được cấp nước đã đạt 100%. Tỷ lệ nước thất thoát giảm từ 38,42% năm 2011 xuống 18,86% năm 2021. Từ cuối năm 2019, hộ dân đô thị được cấp nước sạch và hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đã đạt chỉ tiêu 100%. (Nguồn: Bộ xây dựng, Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 16; Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn).

²² Thành phố sắp xếp lại hoạt động thu gom rác dân lập và chấn chỉnh công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển và quản lý điểm hẹn, trạm trung chuyển, vận chuyển. Trên địa bàn Thành phố hiện có khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Phước Hiệp và Đa Phước với công nghệ chủ yếu là chôn lấp hợp vệ sinh và sản xuất compost; đang xúc tiến triển khai các dự án chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sang đốt phát điện.

²³ Cấp quang băng rộng được triển khai đến cấp xã, đạt tỷ lệ 100% xã, phường có mạng lưới và dịch vụ truy cập Internet băng rộng. Mạng 3G, 4G cũng được phủ khắp Thành phố. Thành phố vận hành Trung tâm dữ liệu Thành phố, kết nối từ cấp thành phố đến các đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống mạng băng thông rộng; thành lập Trung tâm Điều hành hệ thống mạng băng thông rộng thành phố (NOC) và Trung tâm Giám sát an ninh mạng (SOC).

²⁴ Số cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại và chợ truyền thống năm 2012 lần lượt là 731, 162, 26 và 243; đến năm 2021 lần lượt là 3.101, 237, 46 và 236. (Nguồn: Sở Công Thương)

²⁵ Thành phố có 5 cảng cạn đang hoạt động tại khu vực phường Trường Thọ, quận Thủ Đức với 1.112 m cầu cảng, có khả năng tiếp nhận tàu 5.000 tấn. Cảng biển Thành phố là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại 1 gồm

... và các dịch vụ hạ tầng đô thị có bước tiến triển. Chương trình Chính trang và Phát triển đô thị đạt một số kết quả cụ thể về di dời và tổ chức lại cuộc sống cho người dân đang sống trên và ven kênh, rạch; cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới chung cư; nâng cấp, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; phát triển các khu đô thị mới³⁰. Thành phố tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; phủ kín quy hoạch phân khu trên địa bàn³¹; phối hợp các nguồn lực trong và ngoài nước nghiên cứu đề xuất ý tưởng quy hoạch phát triển một số khu vực động lực phát triển mới; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác bảo tồn cảnh quan kiến trúc đô thị. Công tác quản lý trật tự xây dựng được chú trọng kéo giảm tình trạng xây dựng không phép, sai phép. Công nghệ thông tin được tăng cường ứng dụng trong công khai thông tin quy hoạch, góp phần cải cách hành chính và tăng cường sự giám sát, cải thiện sự hài lòng của người dân. Phát triển theo mô hình đô thị thông minh là bước đi tiên phong của Thành phố, đạt kết quả ban đầu³².

Công tác bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được tập trung nhiều hơn. Thành phố chú trọng tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng; huy động các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư để chung tay cùng thực hiện

các khu bến chính trên sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Nhà Bè, sông Soài Rạp; có tổng số 41 bến cảng hoạt động với 104 cầu bến, diện tích đất là 700,8 ha. Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất có 3 ga hàng hóa với tổng công suất phục vụ khoảng gần 700.000 tấn hàng hóa/năm. (Nguồn: Đề án phát triển ngành logistics trên địa bàn Thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 4432/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2020).

²⁶ Số cơ sở lưu trú năm 2016 là 1.862; đến năm 2021 là 335. Số doanh nghiệp lữ hành năm 2016 là 1.135; đến năm 2021 là 1.027. (Nguồn: Sở Du lịch)

²⁷ Thành phố có 7 đơn vị nghệ thuật công lập và 1 Trung tâm Tổ chức biểu diễn và Điện ảnh, 1 Trung tâm Văn hóa và 7 Nhà văn hóa; có 13 bảo tàng (11 bảo tàng công lập, 2 bảo tàng ngoài công lập); 185 di tích có quyết định xếp hạng (2 di tích quốc gia đặc biệt); 100 công trình, địa điểm được đưa vào danh mục kiểm kê di tích lịch sử. Thành phố có 9 đơn vị quản lý trên 40 môn thể thao, 27 công trình đủ điều kiện đăng cai tổ chức thi đấu; từ năm 2012 đến nay, số cơ sở thể thao ngoài công lập từ 1.685 cơ sở tăng trên 2.500 cơ sở. (Nguồn: Sở Văn hóa và Thể thao, Đề án Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Thành phố đến năm 2030).

²⁸ Tổng số trường công lập tăng lên 1.717 từ năm học 2012 - 2013; ngoài công lập tăng từ 597 (2012 - 2013) lên 1.016 (2021-2022). Phân loại số trường học theo các cấp học, mầm non tăng từ 827 năm học 2012 - 2013 lên 1.351 năm học 2021 - 2022; tiểu học tăng từ 474 lên 514; trung học cơ sở tăng từ 259 lên 286; trung học phổ thông tăng từ 184 lên 204; giáo dục thường xuyên tăng từ 27 lên 32. Năm 2012-2013, tổng số số giáo viên là 61.045 người, trong đó công lập là 47.663 người, ngoài công lập là 13.382 người. (Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo)

²⁹ Tổng số cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố tăng từ 449 năm 2011 lên 470 năm 2021; trong đó, bệnh viện tăng từ 99 lên 125. Tỷ lệ giường bệnh bệnh viện/1 vạn dân là 40,8 năm 2011 tăng lên 42,3 năm 2021. Tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân là 13,2 năm 2011 tăng lên 20,2 năm 2021. (Nguồn: Sở Y tế).

³⁰ Kết quả Chương trình Chính trang và Phát triển đô thị theo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI tóm lược như sau: di dời và tổ chức lại cuộc sống cho người dân đang sống trên và ven kênh, rạch đạt 2.487 căn, 12,4% kế hoạch; cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới đạt 222 chung cư, 93,67% kế hoạch; nâng cấp, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; phát triển các đô thị mới.

³¹ Thành phố hoàn thành việc phủ kín quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 + 1/5.000 trên phần diện tích đất xây dựng đô thị với khoảng 600 đồ án với tổng diện tích khoảng 88.268,81 ha.

³² Đề án Đô thị thông minh được Thành phố triển khai từ năm 2017, đạt được một số kết quả của giai đoạn 1 gồm: Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở; xây dựng Trung tâm Điều hành đô thị thông minh; thành lập Trung tâm Mô phỏng và Dự báo kinh tế - xã hội; thí điểm Đề án tại Quận 1 và Quận 12; ban hành hướng dẫn mô hình triển khai đô thị thông minh cho các sở, ban, ngành quận, huyện để làm cơ sở xây dựng kế hoạch triển khai.

hiệu quả cuộc vận động người dân không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước³³. Chất thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố được tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường³⁴. Ngoài ra, Thành phố còn triển khai việc rà soát, chuyển hóa các điểm ô nhiễm môi trường do tồn đọng rác thải thành các mảng xanh, công trình xanh phục vụ cộng đồng; phát triển hệ thống giao thông xanh, tăng cường trồng cây xanh, phát triển mảng xanh³⁵; thực hiện triển khai thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng bền vững theo hướng tăng trưởng xanh³⁶. Thành phố tiếp tục thực hiện việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và tổ chức các đợt kiểm tra, thanh tra định kỳ, đột xuất nhằm kiểm soát, xử lý kịp thời các hoạt động gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; đồng thời, chỉ đạo tăng cường xử phạt các hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường trên địa bàn. Đối với công tác ứng phó biến đổi khí hậu, Thành phố tiếp tục triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố đến năm 2015; xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Bên cạnh đó, Thành phố còn chủ động và tích cực trong việc hợp tác với các Bộ ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế để xây dựng các phương án ứng phó với sự tác động của biến đổi khí hậu.

4.5. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững mạnh; xây dựng lực lượng vũ trang Thành phố trong sạch, vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, bảo đảm sẵn sàng chiến

³³ Kết quả triển khai Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Cuộc vận động người dân Thành phố không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước tính đến cuối năm 2021 như sau: 312/312 phường, xã, thị trấn đã tổ chức đối thoại với Nhân dân (đạt tỷ lệ 100%); tổ chức 8.688 cuộc đối thoại, tổng số hộ dân đã thực hiện bản cam kết là 2.278.321 hộ (đạt tỷ lệ 99%); tiếp nhận và giải quyết được 32.974/32.993 ý kiến phản ánh của người dân về tình trạng xả rác ra đường, kênh rạch, các điểm gây ô nhiễm môi trường, hành vi vi phạm về môi trường và trật tự đô thị (đạt tỷ lệ 99,9%); 137/312 phường, xã, thị trấn đạt danh hiệu “Phường, xã, thị trấn sạch, xanh và thân thiện môi trường” (đạt tỷ lệ 43,9%). (Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường).

³⁴ Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế đạt 100% từ năm 2012 đến nay.

³⁵ Các dự án công viên, mảng xanh được triển khai; một số hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành và cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý lĩnh vực công viên, xây xanh ... được xây dựng, phục vụ nâng cao hiệu quả của công tác quản lý. (Nguồn: Sở Xây dựng). Trong giai đoạn 2016 - 2020, diện tích rừng trồng mới được 158,27 ha, với trên 2,3 triệu cây trồng mới. So với năm 2010, diện tích có rừng tăng 1.916,23 ha (tăng 5,9% tổng diện tích có rừng). (Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

³⁶ Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh được triển khai trên địa bàn Thành phố với các hoạt động như ứng dụng công nghệ mới trong tiêu chuẩn hóa lưới điện để giảm tổn thất và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, bảo vệ an ninh các công trình điện; phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo tập trung vào năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối; phổ biến công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, làm nguyên liệu cho công nghiệp, biogas, phân bón hữu cơ; thay thế dần thói quen sử dụng bao ni lông truyền thống túi ni lông tự hủy sinh học tại các siêu thị, chợ; nhân rộng mô hình “nhanh sinh thái” nhằm thay đổi hành vi tiêu dùng qua việc cung cấp thông tin cho người tiêu dùng về sự thân thiện với môi trường của sản phẩm so với các sản phẩm, dịch vụ cùng loại. (Nguồn: Quyết định số 3544/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

đầu trong mọi tình huống; xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh theo hướng vững mạnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn, tiềm năng, thế mạnh của Thành phố và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác phối hợp giữa lực lượng Quân sự, Công an, Bộ đội Biên phòng và các sở, ban, ngành, quận, huyện của Thành phố được đảm bảo; xử lý kịp thời, có hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, dân tộc, tôn giáo, các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quan hệ lao động, đình công trái pháp luật... Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác quốc phòng, an ninh, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát triển. Thành phố tập trung lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; kiểm chế và kéo giảm phạm pháp hình sự; triệt phá nhiều băng, ổ nhóm tội phạm hình sự, đường dây liên tỉnh và xuyên quốc gia vận chuyển, mua bán, tàng trữ, sản xuất trái phép chất ma túy ở quy mô lớn; nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4.6. Công tác đối ngoại trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa

Quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế được tăng cường và mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển Thành phố, thúc đẩy hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng. Công tác đối ngoại được triển khai sâu rộng, hiệu quả trên các kênh đối ngoại của Đảng, ngoại giao Chính quyền, đối ngoại Nhân dân; đồng bộ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, thông tin tuyên truyền đối ngoại và công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Thông qua đó, chủ động cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách và tình hình phát triển của Thành phố và Việt Nam ra cộng đồng quốc tế; và tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, đặc biệt là linh hoạt điều chỉnh phương thức đối với các hoạt động đối ngoại trong tình hình có dịch bệnh COVID-19. Đây là tiền đề quan trọng để Thành phố đưa các hợp tác đi vào chiều sâu, thực chất; góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; góp phần tăng cường quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế và uy tín của Thành phố trên trường quốc tế; đồng thời, mang lại hiệu quả thiết thực trong thu hút nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

4.7. Công tác xây dựng Đảng, hiệu quả hiệu lực quản lý nhà nước.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đạt kết quả tích cực. Thành ủy và các cấp ủy nghiêm túc thực hiện vai trò lãnh đạo đối với hệ thống chính trị; kịp thời triển khai các chương trình hành động, chỉ thị, nghị quyết của Đảng; thường xuyên kiểm tra, giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định của Điều lệ Đảng; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được củng cố; phương thức lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được đổi mới. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đấu tranh, phòng, chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến” “tự chuyển hóa” trong nội bộ được tăng cường, góp phần ổn định tư tưởng chính trị, tạo niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo sự thống nhất nội bộ và đồng thuận xã hội; công tác dự báo tình hình, nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm trạng,

nghiên cứu dư luận xã hội³⁷ và lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản được quan tâm, đặc biệt là trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thành phố thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo quan điểm chỉ đạo của Trung ương và phù hợp thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ trên địa bàn; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành thông qua các giải pháp về tập trung quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực tốt và gắn bó mật thiết với nhân dân, trong đó chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân từ công nhân, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ chính trị; thực hiện hiệu quả của các chương trình đào tạo cán bộ³⁸, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa; xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý làm cơ sở bố trí, bổ nhiệm, đánh giá, nhận xét cán bộ; tăng cường phân cấp quản lý cán bộ đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và chấn chỉnh, khắc phục hạn chế, sai sót qua kiểm tra, rà soát về công tác cán bộ³⁹. Công tác phát triển đảng và nâng cao chất lượng đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm; số lượng đảng viên được kết nạp hàng năm đều tăng, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, gắn với tăng cường bồi dưỡng, giáo dục, phát triển đảng viên; công tác xây dựng tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được chú trọng, đạt kết quả về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng. Ban Thường vụ Thành ủy thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát⁴⁰ và thi hành kỷ luật đối với một số tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền⁴¹; chất lượng, hiệu quả

³⁷ Hệ thống tuyên giáo Thành phố linh hoạt sử dụng nhiều hình thức nắm bắt thông tin và định hướng dư luận xã hội trên địa bàn như thông qua hội nghị thông tin thời sự cho cán bộ chủ chốt, mạng lưới cộng tác viên, phương tiện thông tin đại chúng, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, mạng xã hội của cơ sở ... duy trì chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ theo tháng và báo cáo đột xuất khi có vấn đề phát sinh, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến an ninh trật tự, vấn đề nhạy cảm, phức tạp.

³⁸ Chương trình tạo nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi, Chương trình tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất thân từ công nhân, Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.

³⁹ Kết luận số 48-KL/TW ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Ban Bí thư về kết quả tự kiểm tra, rà soát thực hiện công tác cán bộ theo Thông báo kết luận số 43-TB/TW ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Chính trị.

⁴⁰ Trong giai đoạn 2013 - 2016, Ban Thường vụ Thành ủy đã thành lập 29 đoàn, trực tiếp kiểm tra, giám sát 72 tổ chức đảng và 34 đảng viên. Trong đó, kiểm tra, giám sát trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI với trọng tâm là việc thực hiện kế hoạch, biện pháp khắc phục những vấn đề đã được kết luận qua kiểm điểm tự phê bình, phê bình đối với 51 tổ chức đảng, 22 đảng viên. Trong giai đoạn 2016 - 2021, Ban Thường vụ Thành ủy thành lập 05 đoàn kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII và công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đối với 27 tổ chức đảng và 26 đảng viên. Song song đó, chỉ đạo, hướng dẫn các ban Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Văn phòng Thành ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Thành Đoàn, ban thường vụ các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, cấp ủy, tập thể lãnh đạo các sở, ban - ngành Thành phố về tự kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau khi kiểm điểm tự phê bình và tiếp thu phê bình.

⁴¹ Về kết quả thi hành kỷ luật, từ năm 2016 đến nay, các cấp ủy toàn Thành phố đã thi hành kỷ luật 48 tổ chức đảng (khiển trách 39; cảnh cáo 08; giải tán 01); trong đó, Ban Thường vụ Thành ủy thi hành kỷ luật 07 tổ chức đảng (khiển trách 05, cảnh cáo 02); cấp ủy các cấp thi hành kỷ luật 41 tổ chức đảng. Về xem xét xử lý kỷ luật đảng viên, cấp ủy các cấp đã xem xét, xử lý 2.160 đảng viên (khiển trách 1.526, cảnh cáo 500, cách chức 84, khai trừ 50); trong đó, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy thi hành kỷ luật 19 đảng viên (khiển trách 04; cảnh cáo 03; cách tất cả các chức vụ trong Đảng 07; khai trừ 05), cấp ủy các cấp thi hành kỷ luật 2.141 đảng viên. Nội dung vi phạm chủ yếu việc thực hiện không đúng quy chế làm việc; việc thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao; việc vi

kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được nâng lên, góp phần quan trọng vào việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh⁴². Bên cạnh đó, tập trung lãnh đạo tăng cường công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố; tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, điều tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của Nhân dân; giữa kiểm tra, giám sát của cấp trên với tự kiểm tra, giám sát của cấp dưới.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền gắn với xây dựng mô hình chính quyền đô thị, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính. Trong mười năm qua, mô hình chính quyền đô thị của Thành phố trải qua ba lần điều chỉnh; theo đó, đặt ra những vấn đề cần tập trung giải quyết về sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự và bố trí nguồn lực để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền. Ba lần điều chỉnh gồm: (i) thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (được sửa đổi bổ sung năm 2011); (ii) Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, không tiếp tục thí điểm tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường; (iii) Với Luật Tổ chức chính quyền địa phương được bổ sung, sửa đổi năm 2019, thực hiện mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội và thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, theo đó cấp chính quyền địa phương được tổ chức ở Thành phố, thành phố Thủ Đức, các huyện, không tổ chức Hội đồng nhân dân tại quận, phường.

- Thành phố tổ chức thành công các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII, khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2010 - 2015, nhiệm kỳ 2016 - 2021; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy Hội đồng nhân dân các cấp. Vai trò của Hội đồng nhân dân Thành phố được phát huy hiệu quả thông qua nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và chất lượng tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố; tăng cường hoạt động giám sát, tái giám sát với nhiều hình thức và khảo sát thực tiễn; giữ mối liên hệ chặt chẽ với cử tri và đổi mới các diễn đàn đối thoại với người dân; thực hiện Quy chế phối hợp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố với Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.

- Tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân các cấp được xây dựng theo hướng ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, xác định rõ

phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; công tác tổ chức cán bộ; công tác quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực về đất đai, trật tự xây dựng,...

⁴² Chương trình hành động số 08-CTrHĐ/TU ngày 02 tháng 8 năm 2016 về “Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp giai đoạn 2016 - 2020” của Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đổi mới mạnh mẽ phương pháp, nội dung, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp và tình hình thực tế của Đảng bộ Thành phố. Sau 5 năm thực hiện thực hiện Chương trình hành động đạt kết quả cụ thể.

thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp chính quyền, tổ chức, cá nhân trong thực thi công vụ phù hợp với nhiệm vụ quản lý và điều kiện đặc thù của Thành phố. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng phát triển về phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và tận tụy phục vụ Nhân dân.

- Thành phố đảm bảo tiến độ triển khai các nội dung về tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội, Nghị định số 33/NĐ-CP của Chính phủ; khẩn trương, nghiêm túc tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt động; cơ bản hoàn thành công tác cán bộ; đồng thời, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức phường được chuyển thành công chức cấp huyện theo yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn của công chức hành chính. Thành phố Thủ Đức được thành lập theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Quốc hội; việc sắp xếp lại các cơ quan hành chính, ban hành các quyết định thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (trong đó, có thành lập mới Phòng Khoa học và Công nghệ) được tiến hành để tổ chức bộ máy đi vào hoạt động nhanh chóng, ổn định.

Công tác cải cách hành chính được triển khai toàn diện trên tất cả lĩnh vực; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử. Các mô hình, sáng kiến được áp dụng hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin có bước phát triển đột phá, phục vụ ngày càng tốt hơn cho quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Công tác tiếp xúc, đối thoại được tăng cường thực hiện nhằm giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề bức xúc tại cơ quan, đơn vị và của công dân; được xem là phương thức hiệu quả trong công tác dân vận của chính quyền.

B. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. Hạn chế

Tốc độ tăng trưởng chậm dần so với giai đoạn trước, vai trò đầu tàu, động lực tăng trưởng kinh tế của cả nước có phần giảm sút. Tăng trưởng kinh tế Thành phố giai đoạn 2011-2022 mặc dù có nhiều nỗ lực nhưng chưa đạt kết quả như kỳ vọng. Tăng trưởng kinh tế Thành phố thấp hơn so với mục tiêu các kỳ đại hội Đảng và Nghị quyết 16-NQ/TW. GRDP bình quân đầu người năm 2015 là 5.104 đô-la Mỹ và năm 2020 là 6.405 đô-la Mỹ, thấp hơn so với nghị quyết Đại hội đảng bộ Thành phố. Mục tiêu tăng trưởng nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng của cả nước 1,5 lần cũng không đạt trong giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020. Bên cạnh nguyên nhân khách quan từ bối cảnh có những yếu tố không thuận lợi, thì nguyên nhân chủ quan dẫn đến vai trò đầu tàu, động lực tăng trưởng kinh tế của Thành phố đối với cả nước suy giảm là do còn có mặt hạn chế trong công tác quản lý, điều hành và sự thiếu đầu tư tương xứng, có hiệu quả để bồi đắp các động lực tăng trưởng, sự chậm khắc phục các điểm nghẽn kéo dài qua nhiều năm, đặc biệt là quá tải cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội (giao thông, thoát nước, y tế, giáo dục, nhà ở ...).

Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế dẫn đến cải thiện chất lượng, từng bước chuyển từ phát triển chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu trên cơ sở ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ; mặc dù vậy, mức

độ cải thiện chưa đáp ứng yêu cầu. Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP mặc dù liên tục tăng qua các năm và các giai đoạn⁴³, nhưng vẫn thấp hơn so với tỷ lệ đóng góp của yếu tố truyền thống như vốn đầu tư⁴⁴. Tuy năng suất lao động tiếp tục tăng⁴⁵, nhưng vẫn chưa vượt trội nếu so sánh trên phương diện cạnh tranh quốc tế.

Chuyển dịch cơ cấu nội ngành kinh tế còn chậm, các khu vực kinh tế cũng gặp khó khăn trong quá trình cơ cấu lại. Một số ngành trọng điểm trong cơ cấu kinh tế có xu hướng tăng trưởng chậm lại so với giai đoạn trước, trong đó có các ngành công nghiệp trọng điểm và một số ngành dịch vụ giữ tỷ trọng lớn trong GRDP⁴⁶; các khu vực kinh tế tăng trưởng không đồng đều⁴⁷; phần lớn doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế có quy mô nhỏ, siêu nhỏ⁴⁸. Quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước chậm tiến độ, còn vướng mắc; một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động hiệu quả chưa cao. Các tổ chức kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã, tuy có chuyển biến tích cực với phương thức hoạt động bước đầu đổi mới, phù hợp hơn với cơ chế thị trường⁴⁹, nhưng còn chậm, có mặt chưa hiệu quả⁵⁰. Trong

⁴³ Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 38,42%, cao hơn so với mức 33,15% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố).

⁴⁴ Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP là 33,15% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 và 38,42% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020; đóng góp của vốn đầu tư là 46,07% và 41,70%; đóng góp của lao động lần lượt là 20,78% và 19,88%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố).

⁴⁵ Năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 264 triệu đồng/người/năm, cao hơn so với mức 188 triệu đồng/người/năm của bình quân giai đoạn 2011 - 2015. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố).

⁴⁶ Tăng trưởng GRDP của dịch vụ bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 8,45%, bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 6,75%; tuy nhiên, năm 2021 suy giảm -5,50%. Một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn trong GRDP tăng trưởng bình quân hàng năm chậm lại nếu so sánh giai đoạn 2011 - 2015 với giai đoạn 2016 - 2020; cụ thể như sau: thương mại tăng trưởng lần lượt là 9,86% và 7,89%; vận tải tăng trưởng lần lượt là 10,37% và 7,27%; kinh doanh bất động sản tăng trưởng lần lượt là 2,82% và 2,43%. Ở chiều ngược lại, vẫn có ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn trong GRDP tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 cao hơn so với giai đoạn 2011 - 2015; cụ thể như sau: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tăng trưởng lần lượt là 8,09% và 8,78%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố)

⁴⁷ Tăng trưởng GRDP của loại hình kinh tế nhà nước bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 2,51%, bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là -1,00%, năm 2021 là -9,80%; loại hình kinh tế ngoài nhà nước lần lượt là 7,46%, 8,61%, -9,23%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lần lượt là 14,46%, 7,19%, -1,71%.

⁴⁸ Số liệu doanh nghiệp năm 2020 (đang hoạt động tại thời điểm ngày 31/12/2020) có quy mô vốn dưới 0,5 tỷ đồng giữ tỷ trọng 12,81% tổng số doanh nghiệp; từ 0,5 đến dưới 1 tỷ đồng là 10,56%; từ 1 đến dưới 5 tỷ đồng là 35,96% (năm 2010: 37,70%); từ 5 đến dưới 10 tỷ đồng là 15,18% (năm 2010: 19,55%); từ 10 đến dưới 50 tỷ đồng là 18,27% (năm 2010: 23,28%); từ 50 đến dưới 200 tỷ đồng là 4,77% (năm 2010: 4,84%); từ 200 đến dưới 500 tỷ đồng là 1,21% (năm 2010 là: 1,21%); từ 500 tỷ đồng trở lên là 1,24% (năm 2010 là: 0,82%) (Nguồn: NGTK năm 2011 và 2021).

⁴⁹ Thành phố đã có hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nguồn vốn hoạt động hàng trăm, hàng ngàn tỷ đồng, thu hút hàng ngàn thành viên, lao động; liên kết, mở rộng sản xuất kinh doanh ngoài phạm vi Thành phố, có hàng hóa xuất khẩu. Số lượng hợp tác xã đăng ký hoạt động đến cuối năm 2021 là 704 đơn vị với khoảng 51.000 thành viên, tăng 432 đơn vị và giảm khoảng 10.000 thành viên so với cuối năm 2013 là 534 đơn vị với khoảng 61.000 thành viên. Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã đến cuối năm 2021 khoảng 22.000 lao động, tăng 1.927 người so với cuối năm 2013 là 20.073 lao động. Doanh thu bình quân một hợp tác xã năm 2021 khoảng 27 tỷ đồng, tăng 32,7% so với năm 2013 là 20.350 tỷ đồng. (Nguồn: Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

⁵⁰ Phân loại, đánh giá theo quy mô thành viên vào năm 2020 cho thấy, trong tổng số hợp tác xã, có 77,13% quy mô siêu nhỏ; 17,4% quy mô nhỏ; 3,07% quy mô vừa; 2,4% quy mô lớn. Phần lớn các hợp tác xã vẫn có vốn ít, khả năng tích lũy phân chia lợi nhuận cho thành viên và tái đầu tư chưa cao; thiếu chiến lược kinh doanh, chậm đổi mới, chưa phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh, thu hút nguồn lực để phát triển. Quan hệ giữa thành viên với tập thể trong các hợp tác xã tổ chức theo mô hình dịch vụ hỗ trợ chưa chặt chẽ và liên kết giữa các hợp tác xã cũng chưa chặt chẽ. So với các khu vực kinh tế khác, đội ngũ quản lý hợp tác xã còn nhiều bất cập, có trình độ, năng lực còn nhiều hạn chế và

hoạt động của khu công nghệ cao⁵¹, các khu chế xuất, khu công nghiệp⁵² có mặt còn hạn chế, đặc biệt là về đổi mới công nghệ. Vẫn còn những khiếm khuyết trong sự vận hành của các loại thị trường, trong công tác quản lý thị trường trên địa bàn Thành phố; chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nói chung tuy có cải thiện nhưng còn hạn chế về khả năng cạnh tranh.

Thành phố vẫn là trung tâm kinh tế của cả nước; tuy vậy, đóng góp vào nền kinh tế của cả nước có xu hướng giảm trên một số phương diện, việc phát huy các nguồn lực để phát triển kinh tế có mặt chưa hiệu quả. Về các nguồn lực, hiệu quả sử dụng các nguồn lực nhà nước và nguồn lực xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển Thành phố còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của Thành phố mặc dù lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lao động; còn tồn tại những dự án đầu tư quy mô lớn chậm triển khai trong nhiều năm, giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch hàng năm⁵³, chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài và trong nước có quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu và triển khai trên địa bàn và có sự hợp tác với doanh nghiệp trong nước để phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành chuỗi sản xuất và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; cơ cấu sử dụng đất chưa hợp lý, tỷ lệ đất dành cho giao thông, công nghiệp và dịch vụ còn rất thấp so với yêu cầu phát triển của một trung tâm kinh tế⁵⁴; sự hình thành liên kết doanh

việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến hiện đại của hợp tác xã vào quá trình sản xuất, kinh doanh vẫn kém hơn. Sự gắn kết giữa công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp chưa bền vững, chưa phát huy được hết vai trò của chuỗi liên kết trong sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã. Về tổ hợp tác, hầu hết có quy mô nhỏ, hoạt động tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại và dịch vụ và công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, nhưng hiệu quả chưa cao, đóng góp còn rất nhỏ vào sự phát triển kinh tế của địa phương. (Nguồn: Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

⁵¹ Đối với các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao, giá trị sản xuất và kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh nhưng giá trị gia tăng trong sản phẩm công nghệ cao chưa cao; hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao còn thâm dụng lao động phổ thông, nguyên vật liệu phụ thuộc vào nhập khẩu. Việc kết nối giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn tương đối hạn chế do thiếu nhà cung ứng cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Thực tế quá trình sản xuất ở Khu Công nghệ cao thông thường là công đoạn cuối và việc chi cho R&D chưa được doanh nghiệp FDI thật sự quan tâm; sản phẩm tạo ra chủ yếu theo quy trình công nghệ nhập khẩu hoặc ở công đoạn lắp ráp, kiểm tra sản phẩm, đóng gói; việc chuyển giao công nghệ cũng chỉ ở mức độ vận hành, bảo trì thiết bị. (Nguồn: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao).

⁵² Đa số các dự án đầu tư trong các khu chế xuất, khu công nghiệp có quy mô vốn nhỏ; số dự án có công nghệ tiên tiến, hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao chiếm tỉ lệ còn thấp. Các khu công nghiệp chủ yếu phát triển theo mô hình đa ngành, chưa liên kết giữa các doanh nghiệp trong khu để tạo nên cụm sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển mạnh mẽ. Quỹ đất thu hút đầu tư ngày càng hạn hẹp; trong khi đó, một số khu công nghiệp mới được thành lập nhưng chậm triển khai (như Phong Phú, Lê Minh Xuân 2, Lê Minh Xuân mở rộng, Vĩnh Lộc mở rộng, Tây Bắc Củ Chi mở rộng) do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất triển khai dự án, pháp lý của chủ đầu tư. Hệ thống giao thông kết nối đến các khu chế xuất, khu công nghiệp mặc dù có cải thiện nhưng chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ với sự phát triển của các khu. (Nguồn: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp).

⁵³ Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 88,9% năm 2016, 92,03% năm 2017, 76,44% năm 2018, 96,41% năm 2019, 81,90% năm 2020; bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 đạt 86,06% so với kế hoạch. (Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư).

⁵⁴ Đất nông nghiệp năm 2010 là 118.052 ha (56,33% tổng số), năm 2015 là 115.768 ha (55,25% tổng số), năm 2020 là 111.958 ha (53,43% tổng số); giảm 6.094 ha nếu so sánh năm 2020 với năm 2010. Đất phi nông nghiệp năm 2010 là 90.868 ha (43,36% tổng số), năm 2015 là 92.762 ha (44,27% tổng số), năm 2020 là 96.551 ha (46,08% tổng số); tăng 5.683 ha nếu so sánh năm 2020 với năm 2010. Đất chưa sử dụng năm 2010 là 635 ha (0,30% tổng số), năm 2015 là 1.000 ha (0,48% tổng số), năm 2020 là 1.030 ha (0,49% tổng số); tăng 395 ha nếu so sánh năm 2020 với năm 2010. (Nguồn: Niên Giám thống kê Thành phố).

nghiệp - khoa học - đào tạo - nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước và liên kết vùng tuy có triển khai nhưng chưa thực sự hiệu quả, còn bất cập về cơ chế liên kết vùng; hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng trong khi năng lực cạnh tranh quốc tế còn thấp so với các trung tâm kinh tế lớn ở khu vực. Cơ chế liên kết vùng còn bất cập, chưa tạo điều kiện phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Thành phố cũng như các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để cùng hợp tác phát triển⁵⁵. Về hội nhập kinh tế quốc tế, việc tham gia thực hiện các hiệp định thương mại song phương, đa phương mà nước ta là thành viên, cùng với hoạt động xúc tiến, tạo điều kiện mở rộng xuất, nhập khẩu⁵⁶ và thu hút vốn đầu tư nước ngoài⁵⁷; tuy nhiên, năng lực cạnh tranh quốc tế còn thấp⁵⁸, hiệu quả của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế chưa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ về công nghệ sản xuất, kết nối và chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước⁵⁹.

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị chưa có bước đột phá về phát triển đồng bộ, hiện đại để có thể đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố, phục vụ cho đời sống của Nhân dân và kết nối giao thông với các địa phương lân cận; tình trạng ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường chưa khắc phục được; khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu còn gặp nhiều thách thức; quy hoạch, quản lý đô thị và sử dụng nguồn lực đất đai có mặt chưa hiệu quả. Điểm nghẽn về cơ sở hạ tầng trên địa bàn Thành phố tồn tại qua nhiều năm. Tình trạng ùn tắc giao thông kéo dài; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, cảng ... còn chậm so với quy hoạch được

⁵⁵ Vai trò và thẩm quyền ra quyết định của Ban Chỉ đạo và Hội đồng Vùng chưa được phân định rõ; bộ máy của Hội đồng Vùng hiện nay chưa phải là một cấp hành chính hoàn chỉnh; giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng chưa xác định được cơ chế, giải pháp mang tính thống nhất trong phân công nhiệm vụ để phối hợp giải quyết những lĩnh vực cơ bản trong liên kết vùng như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển kết nối hạ tầng giao thông, bảo vệ môi trường... dẫn đến việc chưa phát huy tối đa thế mạnh của từng địa phương và toàn Vùng. Vai trò của Ban Chỉ đạo điều phối chưa phát huy hiệu quả, chưa tạo sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau giữa các Bộ ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng; chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ ngành Trung ương với các địa phương, vì vậy còn chậm trong điều hành cơ chế, chính sách cho Vùng.

⁵⁶ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Thành phố tăng từ 28,18 tỷ đô-la Mỹ năm 2011 lên 40,29 tỷ đô-la Mỹ năm 2021, tương đương 1,43 lần. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Thành phố tăng từ 27,39 tỷ đô-la Mỹ năm 2011 lên 52,74 tỷ đô-la Mỹ năm 2021, tương đương 1,93 lần. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố).

⁵⁷ Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (tổng FDI đăng ký) năm 2011 đạt 3,14 tỷ đô-la Mỹ, đến năm 2019 đạt 8,33 tỷ đô-la Mỹ; từ năm 2020 chịu tác động bởi đại dịch COVID-19, đạt 5,22 tỷ đô-la Mỹ, đến năm 2021 đạt 7,18 tỷ đô-la Mỹ. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố).

⁵⁸ Chỉ số tham khảo do tổ chức quốc tế công bố cho thấy Thành phố còn khoảng cách đáng kể so với các thành phố lớn trên thế giới và ở trong khu vực Đông Nam Á. Ví dụ như chỉ số thành phố toàn cầu của Kearney cho thấy sự sụt giảm thứ hạng từ 76 năm 2016 xuống 97 năm 2021 (khu vực Đông Nam Á có các thành phố được xếp hạng gồm Bangkok, Kuala Lumpur, Singapore và Thành phố Hồ Chí Minh).

⁵⁹ Tuy xuất khẩu tăng về kim ngạch, nhưng sản xuất phục vụ xuất khẩu còn thâm dụng lao động phổ thông và phụ thuộc các yếu tố đầu vào nhập khẩu. Điều này phần nào có thể quan sát từ cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; ví dụ như mặt hàng máy vi tính, sản phẩm và linh kiện điện tử đồng thời giữ tỷ trọng cao nhất trong kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu, mặt hàng dệt may giữ tỷ trọng cao trong kim ngạch xuất khẩu và cũng có mặt hàng vải và nguyên phụ liệu dệt may giữ tỷ trọng cao trong kim ngạch nhập khẩu. Ngoài ra, tỷ trọng của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cao nhất so với các khu vực kinh tế khác và ngày càng lớn trong kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu; trong khi đó, tỷ lệ đóng góp của khu vực này vào GRDP của Thành phố thấp hơn so với khu vực trong nước.

phê duyệt; phát triển vận tải hành khách công cộng chưa đạt yêu cầu trong khi số lượng phương tiện giao thông cá nhân tiếp tục tăng⁶⁰; hệ thống giao thông liên kết vùng, các đường vành đai chưa khép kín mặc dù đã quy hoạch nhiều năm; kết nối giao thông giữa Thành phố với các địa phương lân cận và trong Vùng chưa được tăng cường đồng bộ, hiện đại⁶¹. Tình trạng quá tải cơ sở hạ tầng xã hội chậm được khắc phục, đặc biệt là trường học và cơ sở khám, chữa bệnh, trong khi người từ địa phương khác đến Thành phố sinh sống, làm việc ngày càng đông. Chương trình Chính trang và phát triển đô thị⁶², Chương trình Giảm ngập nước⁶³, Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường⁶⁴ còn có những nội dung chưa hoàn thành; phát triển nhà ở chưa đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người dân, đặc biệt là phân khúc nhà ở giá rẻ, nhà ở xã hội; tình trạng ngập nước ngày càng trầm trọng hơn; khả năng đáp ứng của hệ thống thoát nước hiện hữu còn rất hạn chế, chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa trên địa bàn Thành phố; một bộ phận doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư cho bảo vệ môi trường; tình trạng sử dụng nước ngầm trực tiếp cho sinh hoạt còn phổ biến ở các huyện ngoại thành, trong khi các giải pháp triển khai nhằm đảm bảo ổn định nguồn nước thô và nước sạch chưa bền vững. Phát triển mảng xanh công viên chưa được quan tâm đúng mức, nhất là tại các dự án chung cư đô thị. Công

⁶⁰ Số lượng xe mô tô năm 2015 là 6,8 triệu xe, năm 2021 là 7,6 triệu xe; xe ô tô năm 2015 là 556,6 ngàn xe, năm 2021 là 819,1 ngàn xe. Hoạt động vận tải hành khách ứng dụng công nghệ phát triển nhanh (năm 2015 là 1.877 xe tham gia, năm 2019 là 52.133 xe, tăng 28 lần). Tuy nhiên, hệ thống các tuyến đường sắt đô thị (metro) và xe buýt nhanh BRT chưa hình thành. (Nguồn: Sở Giao thông Vận tải).

⁶¹ Đối với Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, mạng lưới kết cấu hạ tầng cấp vùng, liên vùng được đánh giá còn thiếu, yếu, chưa đồng bộ, hạn chế sự phát triển và lan tỏa của vùng. Hệ thống giao thông quá tải, tắc nghẽn, xuống cấp; thiếu đồng bộ giữa phát triển các phương thức vận tải, giữa hệ thống giao thông với các bến cảng, trung tâm logistics, giữa kết cấu hạ tầng của các địa phương trong Vùng dẫn đến làm chậm khả năng luân chuyển hàng hóa. Cơ sở hạ tầng xã hội chưa theo kịp sự phát triển.

⁶² Kết quả di dời nhà trên và ven kênh rạch còn rất hạn chế, chậm tiến độ so với kế hoạch, chủ yếu tập trung ở các dự án sử dụng vốn ngân sách nhưng đa số cũng chỉ dừng lại ở công tác chuẩn bị đầu tư và bồi thường, trong khi chưa kêu gọi được dự án vốn ngoài ngân sách. Công tác tháo dỡ, xây dựng mới thay thế các chung cư cũ chủ yếu dừng lại ở việc di dời tạm cư người dân để đảm bảo an toàn đối với chung cư hư hỏng nặng, nguy hiểm. Công tác sửa chữa chung cư chủ yếu khắc phục các hư hỏng, sơn sửa, dặm và mặt ngoài, bỏ sung các thiết bị phòng cháy chữa cháy, chưa triển khai sửa chữa đến các kết cấu xuống cấp, nguy hiểm, an toàn chịu lực cũng như cải tạo sửa chữa toàn diện chung cư cũ. Việc triển khai đầu tư xây dựng, phát triển diện tích sàn xây dựng tăng thêm tại các khu đô thị mới chưa đạt yêu cầu; kết nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu đô thị mới chưa đồng bộ. (Nguồn: Báo cáo tổng kết Chương trình chính trang và phát triển đô thị giai đoạn 2015 - 2020). Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2015 - 2020 đạt 69,44% chỉ tiêu giải quyết các tuyến đường trực chính ngập do mưa; chưa có đủ nguồn lực để đầu tư cho toàn bộ các đề án, dự án thuộc Chương trình; tiến độ triển khai một số dự án còn chậm do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, nguồn vốn không đảm bảo, trình tự thủ tục kéo dài; một số dự án của nhà đầu tư chưa được kết nối đồng bộ với các dự án thoát nước, chống ngập chung làm phát sinh tình trạng ngập cục bộ tại một số khu vực; chưa có quy hoạch hồ điều tiết để làm cơ sở triển khai dự án. (Nguồn: Báo cáo tổng kết Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2015 - 2020).

⁶³ Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2015 - 2020 đạt 69,44% chỉ tiêu giải quyết các tuyến đường trực chính ngập do mưa; chưa có đủ nguồn lực để đầu tư cho toàn bộ các đề án, dự án thuộc Chương trình; tiến độ triển khai một số dự án còn chậm do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, nguồn vốn không đảm bảo, trình tự thủ tục kéo dài; một số dự án của nhà đầu tư chưa được kết nối đồng bộ với các dự án thoát nước, chống ngập chung làm phát sinh tình trạng ngập cục bộ tại một số khu vực; chưa có quy hoạch hồ điều tiết để làm cơ sở triển khai dự án. (Nguồn: Báo cáo tổng kết Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2015 - 2020)

⁶⁴ Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2015 - 2020 có 37/54 chương trình/dự án/đề án hoàn thành, đạt tỷ lệ 68%; một số chỉ tiêu không đạt (gồm các chỉ tiêu như 80% tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý tập trung đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường; giảm 50% khối lượng túi nilon khó phân hủy sử dụng tại các chợ dân sinh so với năm 2010; giảm thiểu 90% tải lượng chất ô nhiễm vượt chuẩn thải vào nguồn nước mặt); vấn đề môi trường tại khu vực giáp ranh giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương chưa được giải quyết triệt để. (Nguồn: Báo cáo tổng kết Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2015 - 2020).

tác quản lý quy hoạch còn khó khăn⁶⁵; công tác quản lý trật tự xây dựng còn hạn chế, việc lập lại trật tự lòng đường, vỉa hè chưa căn cơ. Quá trình triển khai một số công trình cơ sở hạ tầng còn vướng mắc, chậm tiến độ; sự phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông liên kết vùng chưa hiệu quả.

Cơ sở vật chất và nhân lực trong các trường học còn có mặt hạn chế; sĩ số bình quân trên lớp còn cao, nhất là ở một số quận, huyện chịu áp lực từ quá trình gia tăng dân số cơ học⁶⁶. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng của Thành phố. Công tác phối hợp quản lý các cơ sở giáo dục và đào tạo, nhất là đối với khối ngoài công lập, còn hạn chế.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị, nhân lực y tế chưa theo kịp nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng tăng, dẫn đến có lúc còn tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến Thành phố⁶⁷; hệ thống y tế cơ sở bộc lộ nhiều hạn chế. Tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên y tế ở một số cơ sở y tế còn có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc phát triển nguồn nhân lực ở một số cơ sở y tế công lập còn khó khăn trong tuyển dụng và giữ được nhân viên có năng lực chuyên môn giỏi, chủ yếu do hạn chế trong chính sách, chế độ đãi ngộ. Công tác quản lý đối với các cơ sở tư nhân còn hạn chế, vẫn xảy ra hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khám, chữa bệnh. Trong công tác dân số, tình trạng mức sinh thấp so với mức sinh thay thế vẫn tiếp diễn⁶⁸.

Hệ thống thiết chế văn hóa chưa phát triển tương xứng với vị trí, vai trò trung tâm của Thành phố trong cả nước; một số công trình trọng điểm chưa hoàn thành. Việc trùng tu, tôn tạo, bảo quản các di tích có trường hợp còn chưa kịp thời. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục, thể thao chưa đáp ứng nhu cầu trong khi dân số trên địa bàn Thành phố ngày càng tăng. Còn thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật lớn; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để khích lệ, động viên, thu hút và phát huy các nguồn lực xã hội tham gia phát triển lĩnh vực này, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Công tác quản lý đối với hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, báo chí và xuất bản có mặt chưa hiệu quả; quản lý còn chưa chặt chẽ dẫn đến du nhập văn hóa phẩm không lành mạnh, gây ảnh hưởng tiêu cực đến lối sống và nền văn hóa dân tộc.

Tình hình an sinh xã hội có lúc, có nơi còn chưa đảm bảo; công tác quản lý phát triển xã hội có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Giải quyết việc làm và cải thiện thu

⁶⁵ Ví dụ như: cơ sở pháp lý trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và phát triển hạ tầng đô thị còn bất cập, chồng chéo, chưa đồng bộ; nguồn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lập quy hoạch chưa đầy đủ, thống nhất.

⁶⁶ Số học sinh bình quân 1 lớp học ở cấp tiểu học dao động từ 38 đến 40 từ năm 2011 đến năm 2021, cấp trung học cơ sở dao động từ 41 đến 42, cấp trung học phổ thông dao động từ 39 đến 40; tức là gần như không có sự kéo giảm đối với chỉ số này trong 10 năm qua. (Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo).

⁶⁷ Số lượt khám bệnh tại các cơ sở y tế (không tính bệnh viện thuộc các Bộ ngành quản lý) tăng từ 26,8 triệu năm 2011 lên 39,6 triệu năm 2020. (Nguồn: Sở Y tế).

⁶⁸ Tổng tỷ suất sinh trong nhiều năm qua đều thấp hơn mức sinh thay thế 2,1 con/phụ nữ (năm 2020 là 1,53). Chỉ số này bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 (1,37) thấp hơn so với giai đoạn 2011 - 2015 (1,37). (Nguồn: Sở Y tế, Tổng Cục Thống kê).

nhập đối với một bộ phận người lao động còn chưa cao. Chăm lo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững còn hạn chế, đặc biệt là trong đại dịch COVID-19 đã bộc lộ nhiều vấn đề từ hệ thống an sinh xã hội cần tiếp tục cải thiện. Chênh lệch giàu nghèo vẫn là tình trạng cần quan tâm giải quyết; đời sống của một bộ phận người dân còn rất khó khăn, trong đó có người từ các địa phương khác di cư đến Thành phố. Tệ nạn xã hội còn tồn tại; các trường hợp vi phạm pháp luật về gia đình, trẻ em vẫn tiếp tục xảy ra.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Công tác nắm, tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo tình hình vẫn còn có nơi, có lúc chưa sát ... Công tác tham mưu, phối hợp với các cơ quan chức năng ngăn chặn, đấu tranh, phản bác các thông tin phản động, quan điểm, luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên không gian mạng chưa đạt hiệu quả cao. Trật tự an toàn xã hội tuy ổn định, hoạt động của tội phạm hình sự, ma túy tuy được kéo giảm về số vụ, nhưng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, diễn biến phức tạp, khó lường. Tai nạn giao thông tuy được kéo giảm, nhưng chưa được kiểm soát ổn định. Tình hình cháy, nổ tiềm ẩn nhiều nguy cơ, trong khi công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn nhiều bất cập, dẫn đến hạn chế trong phối hợp thực hiện công tác phòng, chống cháy, nổ.

Tính chủ động và hiệu quả của hợp tác quốc tế trong một số lĩnh vực, với một số đối tác còn chưa cao. Một số cam kết quốc tế của Thành phố chưa được triển khai hiệu quả; có trường hợp chỉ dừng ở khung hợp tác. Tính hiệu quả trong phối hợp triển khai hợp tác quốc tế giữa các cơ quan, đơn vị của Thành phố còn chưa cao; năng lực cán bộ đối ngoại của các sở, ngành và quận, huyện chưa đồng đều; một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức, lúng túng, thiếu kinh nghiệm trong triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế ... chủ yếu do sự quan tâm và nguồn lực cán bộ cấp cơ sở trực tiếp triển khai các dự án, chương trình hợp tác còn hạn chế.

Vẫn còn hạn chế trên một số lĩnh vực trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với hệ thống chính trị cần tiếp tục được đổi mới để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là khả năng phát hiện, đề ra biện pháp lãnh đạo, giải quyết các vấn đề phát sinh ở cơ sở theo thẩm quyền, trách nhiệm. Công tác quản lý, đánh giá cán bộ, đảng viên vẫn có mặt chưa đạt, cần phải tập trung cải thiện; phát triển đảng ở một số địa bàn chưa tương xứng với quy mô, số lượng, yêu cầu xây dựng tổ chức đảng; các trường hợp bỏ sinh hoạt đảng, xin ra khỏi đảng tiếp tục tăng. Công tác tư tưởng có trường hợp chưa đạt tính thuyết phục cao; nắm bắt tình hình tư tưởng đảng viên ở cấp ủy cơ sở có lúc có nơi chưa sâu sát, chưa kịp thời; tổ chức thực hiện việc giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên có mặt còn hình thức; định hướng dư luận xã hội có lúc còn chậm. Một số lĩnh vực vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ dễ phát sinh tiêu cực, sai phạm nhưng chưa được

các cấp ủy quan tâm kiểm tra, giám sát nhiều⁶⁹. Ý thức chấp hành kỷ luật của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao, đặc biệt là có trường hợp người đứng đầu cấp ủy; một bộ phận cán bộ, đảng viên nói không đi đôi với làm, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ, lợi ích nhóm; còn có các trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, bị xử lý hình sự, gây ảnh hưởng đến uy tín của Đảng bộ, chính quyền Thành phố.

Còn có mặt hạn chế, yếu kém trên các lĩnh vực quản lý nhà nước và trong công tác cải cách hành chính. Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức, chưa phát huy được tính chủ động trong điều hành, tham mưu các giải pháp cải cách hành chính; vẫn còn trường hợp chưa kiên quyết, nghiêm túc trong xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức bị phản ánh về thái độ, hành vi chưa chuẩn mực và giải quyết trễ hạn các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Các chỉ số như PAR-Index, PCI, PAPI tuy nhìn chung có cải thiện về điểm số qua các năm, nhưng thứ hạng không đạt mục tiêu đề ra⁷⁰. Việc sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế có mặt chưa đạt; chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhìn chung chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Tổ chức thực hiện chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội, Nghị định số 33/NĐ-CP của Chính phủ còn gặp nhiều vướng mắc do các cơ chế, quy định thiếu đồng bộ và có nội dung chưa phù hợp thực tiễn khi áp dụng cho một địa bàn lớn với khối lượng công việc nhiều, phức tạp như Thành phố Hồ Chí Minh⁷¹.

II. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân khách quan, song nguyên nhân chủ quan là chính. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết của các cấp ủy, chính quyền trên địa bàn Thành phố đạt hiệu quả chưa cao; ý thức trách nhiệm, tinh thần năng động, sáng

⁶⁹ Cụ thể như: công tác quản lý đất đai, trật tự đô thị, xây dựng, bồi thường giải phóng mặt bằng; công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; công tác quy hoạch, luân chuyển, bố trí cán bộ; việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, đầu tư công ...

⁷⁰ Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính phần nào được phản ánh qua các chỉ số như PAR-Index, PCI, PAPI tuy nhìn chung có cải thiện về điểm số qua các năm, nhưng thứ hạng không đạt mục tiêu đề ra.

PAR-Index năm 2012: 83,83 điểm (hạng 3); năm 2015: 87,22 điểm (hạng 18); năm 2016: 77,93 điểm (hạng 15); năm 2017: 83,5 điểm (hạng 10); năm 2018: 79,63 điểm (hạng 10); năm 2019: 83,56 điểm (hạng 7); năm 2020: 84,7 điểm (hạng 23); năm 2021: 85,92 điểm (hạng 43).

PCI năm 2011: 61,9 điểm (hạng 20); năm 2015: 61,4 điểm (hạng 6); năm 2016: 61,7 điểm (hạng 8); năm 2017: 65,2 (hạng 8); năm 2018: 65,3 (hạng 10); năm 2019: 67,2 điểm (hạng 14); năm 2020: 65,7 điểm (hạng 14); năm 2021: 67,5 điểm (hạng 14).

PAPI năm 2011: 36,77 điểm (hạng 18); năm 2015: 34,22 điểm (hạng 47); năm 2016: 34,91 điểm (hạng 44); năm 2017: 35,88 (hạng 39); năm 2018: 42,41(hạng 52); năm 2019: 43,79 điểm (hạng 31); năm 2020: 41,98 điểm (hạng 46); năm 2021: 40,68 điểm (hạng 46). (Ghi chú: PAPI không thực hiện xếp hạng, kết quả này tính trên điểm số).

⁷¹ Cụ thể như sau: Quy định về việc bố trí số lượng công chức và người hoạt động không chuyên trách tại phường chưa phù hợp với khối lượng công việc và quy mô dân số. Cơ chế, quy định về phân cấp còn có những ràng buộc chưa được thông suốt giữa Trung ương và địa phương. Việc chuyển đổi Ủy ban nhân dân các quận từ cấp ngân sách thành đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhiều lúng túng trong công tác quản lý, điều hành ngân sách. Một số vướng mắc xuất phát từ việc thiếu những quy định cụ thể trong công tác lĩnh vực tư pháp, kế hoạch và đầu tư, tài nguyên môi trường, thanh tra. (Nguồn: Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố sơ kết 01 năm thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội và Nghị định số 33/2021/NĐ-CP của Chính phủ)

tạo vì lợi ích chung của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tốt và bị giám sát, nhất là trong bộ máy hành chính nhà nước các cấp. Sự phối hợp chưa hiệu quả với các cơ quan Trung ương và sự thiếu kiên trì kiến nghị của Thành phố dẫn đến một số chủ trương chậm hoặc chưa được thực hiện đầy đủ. Sự quan tâm, hỗ trợ của một số Bộ ngành với Thành phố có mặt chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu phối hợp giải quyết một số vấn đề cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Trung ương và vướng mắc liên quan đến các quy định của pháp luật chuyên ngành.

III. Bài học kinh nghiệm

Một là, quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển nhanh, bền vững; coi trọng việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, với phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giữa phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với phát triển đô thị và đảm bảo quốc phòng, an ninh; đồng thời, cần có sự bố trí nguồn lực tương xứng và tăng cường công tác quản lý, sử dụng nguồn lực để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Thành phố một cách đồng bộ, hiệu quả.

Hai là, huy động được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong quá trình tổ chức thực hiện; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, trách nhiệm của các cấp ủy, người đứng đầu; chú trọng kiểm tra, giám sát và định kỳ sơ kết, tổng kết Nghị quyết; phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát, phản biện của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ba là, xác định đúng tầm quan trọng của liên kết vùng, hợp tác quốc tế với các đối tác chiến lược - xem đây là yếu tố có ảnh hưởng đến sự phát triển nhanh, bền vững của Thành phố.

Bốn là, việc có các cơ chế, chính sách đặc thù để có thể xây dựng và phát triển đô thị đặc biệt với tính chất đặc thù như Thành phố là chủ trương đúng đắn; tuy vậy, để triển khai chủ trương này đòi hỏi không chỉ có sự chủ động, sáng tạo và nỗ lực từ phía Thành phố, mà còn rất cần sự phối hợp, hỗ trợ từ phía các cơ quan Trung ương.

Năm là, việc kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng bằng các văn bản của Quốc hội và Chính phủ có ý nghĩa quyết định; tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật là nền tảng căn bản để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng sau khi được thể chế hóa.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước

Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tiếp tục có những thuận lợi, khó khăn và cơ hội, thách thức đan xen trong thời gian tới.

Thế giới tiếp tục có những biến chuyển nhanh chóng, phức tạp, khó lường và có những rủi ro khó có thể dự đoán. Xu thế phát triển bền vững và tăng trưởng xanh vẫn là xu thế bao trùm trên thế giới; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia; công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội; xu thế đô thị hóa tiếp diễn và xu thế phát triển đô thị thông minh ngày càng nổi trội. Tuy nhiên, thế giới sẽ còn gặp nhiều thách thức dưới tác động của hệ lụy từ đại dịch COVID-19, sự phục hồi của nền kinh tế không đồng đều, không bền vững và sự cạnh tranh chiến lược, điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn. Vấn đề an ninh phi truyền thống sẽ tiếp tục đặt ra thách thức lớn chưa từng có đối với sự phát triển bền vững. Các nhân tố gây mất ổn định vẫn tiềm ẩn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương - nơi được xem là động lực thúc đẩy quá trình phát triển của thế giới - do cạnh tranh chiến lược của các cường quốc và tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Biến chuyển khó lường cùng rủi ro khó định đoán của thế giới đi kèm với cơ hội để có bước phát triển mới; mặc dù vậy, tận dụng được cơ hội còn phụ thuộc vào năng lực xây dựng và thực thi chính sách ở mỗi quốc gia.

Đất nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới, phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực trong giai đoạn vừa qua là tiền đề rất quan trọng để đất nước ta tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, nền kinh tế và hầu hết các lĩnh vực khác như quản lý phát triển xã hội, khai thác tài nguyên, xử lý ô nhiễm môi trường,... còn nhiều hạn chế, yếu kém và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc cải thiện các yếu tố nền tảng như thể chế, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, tiềm lực khoa học và công nghệ,... để đáp ứng yêu cầu phục vụ cho quá trình phát triển và mục tiêu vươn lên trong cạnh tranh quốc tế là cấp bách và cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi nỗ lực vượt bậc. Nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia đòi hỏi các giải pháp phù hợp trong bối cảnh mới với các yếu tố an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,... diễn biến khó lường. Yêu cầu đặt ra không chỉ là hóa giải các nguy cơ, vượt qua các khó khăn, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước các cơ hội mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu đang được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch COVID-19. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 xác định phải “đổi mới tư duy phát triển” với các đột phá chiến lược về hoàn thiện và nâng

cao chất lượng thể chế kinh tế, đổi mới quản trị quốc gia; phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, hạ tầng số..

Cùng với đó, Thành phố Hồ Chí Minh vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch COVID-19, vừa nỗ lực, tăng tốc để bắt kịp với xu thế phát triển của thời đại, định hướng phát triển thành phố đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, đi đầu trong việc tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trở thành trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ và văn hóa của khu vực Đông Nam Á vào năm 2030; trở thành trung tâm về kinh tế, tài chính của châu Á vào năm 2045, đã đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề hơn, phức tạp hơn, đòi hỏi quyết tâm cao hơn, nỗ lực lớn hơn để phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước. Trước bối cảnh thế giới và trong nước mở ra nhiều cơ hội, thách thức mới đối với sự phát triển thành phố, đồng thời làm trầm trọng hơn nếu tiếp tục chậm khắc phục các hạn chế hiện hữu. Thực tiễn trong nhiều năm qua cho thấy nếu tiềm năng, lợi thế của thành phố không được chủ động bồi đắp, nuôi dưỡng bằng cơ chế, chính sách đúng tầm và nếu năng lực thực thi của các cấp, các ngành không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thì không thể tạo nên những đột phá mới. Để thành phố phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, các nhược điểm trong xây dựng, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách cần được khắc phục đúng bản chất, căn bản và đồng bộ. Tuy vậy, việc khắc phục các nhược điểm cũng đòi hỏi đánh giá đúng bản chất vấn đề và phải được giải quyết trong tầm nhìn, quyết sách chiến lược cấp quốc gia, vượt khỏi ranh giới hành chính cấp địa phương.

II. Quan điểm phát triển và mục tiêu

1. Quan điểm

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, định hướng phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong báo cáo này sẽ quán triệt tinh thần của Nghị quyết 31-NQ/TW. Các quan điểm phát triển Thành phố bao gồm:

- Xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại là nhiệm vụ chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, nhất là Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố với phương châm: "Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh".

- Tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi để tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững. Thành phố phải tiếp tục giữ vững vai trò là trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; sớm trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ,

văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á và Châu Á, có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị Thành phố đoàn kết, gương mẫu, trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, trình độ cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; phát huy dân chủ, đồng thuận xã hội, ý chí tự lực, tự cường, truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết, nghĩa tình của Đảng bộ và Nhân dân Thành phố.

2. Mục tiêu và tầm nhìn

- *Mục tiêu đến năm 2030*: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á. Tăng trưởng bình quân đạt khoảng 8 - 8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người khoảng 14.500 USD; kinh tế số đóng góp 40% vào GRDP.

- *Tầm nhìn đến năm 2045*: Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hoá phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực

- Cơ cấu lại tổng thể kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng suất lao động cao. Quy hoạch, chuyển đổi mô hình các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất theo hướng phát triển công nghệ cao, sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; lựa chọn các sản phẩm và công đoạn có giá trị gia tăng cao tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của Thành phố, phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái; xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá. Phát triển thành phố Thủ Đức trở thành cực tăng trưởng mới, là đô thị sáng tạo, tương tác cao, hạt nhân thúc đẩy kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tập trung xây dựng Thành phố trở thành trung tâm dịch vụ lớn của cả nước và khu vực với các ngành dịch vụ cao cấp, hiện đại; hình thành trung tâm hội

chợ triển lãm quốc tế; có cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; hỗ trợ phát triển đồng bộ các thị trường; thúc đẩy kinh tế tri thức, công nghệ số trong các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, thương mại điện tử, du lịch, văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế chất lượng cao... Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, ưu tiên các ngành và sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Phát triển đồng bộ các khu vực kinh tế; hoàn thiện mô hình quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tiếp tục sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố; hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể, tổ chức lại các mô hình hợp tác xã kiểu mới; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng một số doanh nghiệp mang tầm quốc gia và toàn cầu.

- Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án công nghệ cao, quản trị hiện đại và có tác động lan toả, kết nối chặt chẽ với kinh tế trong nước; phát triển công nghiệp hỗ trợ kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI. Phát huy vai trò động lực, dẫn dắt của đầu tư công, kết hợp khơi thông nguồn vốn từ khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức tài chính quốc tế. Thực hiện có hiệu quả hợp tác công - tư trong huy động nguồn vốn xã hội và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp, dịch vụ. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai nhằm tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

- Sắp xếp, cơ cấu lại hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ; xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo mang tầm quốc gia, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao, các viện nghiên cứu, trường đại học. Phát triển mạnh thị trường khoa học - công nghệ; có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tại Thành phố.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đạt trình độ quốc tế ở các lĩnh vực ưu tiên.

2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Nâng cao chất lượng quy hoạch với tư duy đột phá, tầm nhìn dài hạn nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo không gian và động lực phát triển mới, ổn định, lâu dài cho Thành phố, trọng tâm là lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060; thực hiện đồng bộ các quy hoạch: Quy hoạch phát triển không gian ngầm, không gian xanh, không gian sông nước, không gian văn hoá, đặc biệt là khu vực trung tâm Thành phố, các khu đô thị mới, xung quanh các nhà ga Metro theo mô hình phát triển đô thị gắn kết với

giao thông công cộng (TOD). Thực hiện nghiêm kỷ cương quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch kiến trúc. Thực thi quy hoạch tích hợp ngành gắn với phương thức tạo quỹ đất, tài chính đô thị, phát triển giao thông, chính sách nhà ở, quản lý tài nguyên nước và chống ngập nước.

- Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng đa trung tâm, kết nối vùng, đô thị xanh, đô thị thông minh, phát triển hài hoà giữa nông thôn và đô thị. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; kết hợp đồng bộ giữa cải tạo, chỉnh trang đô thị với phát triển đô thị mới, bảo đảm kiến trúc hài hoà, giữ gìn và phát huy các yếu tố văn hoá đặc trưng; tổ chức lại đời sống dân cư nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống trong quá trình cải tạo, chỉnh trang, phát triển đô thị. Thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo nhà ở ven kênh rạch, chung cư cũ. Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở công nghiệp, trường đại học, bệnh viện theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành; sử dụng có hiệu quả quỹ đất sau di dời để ưu tiên xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội.

- Phát triển ngành xây dựng, thiết kế, thi công với công nghệ hiện đại, phát triển vật liệu mới, năng lượng xanh, tái tạo, thân thiện môi trường. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện chất lượng không khí, xử lý rác thải, nước thải. Đẩy mạnh phát triển mảng xanh đô thị. Đầu tư hoàn thiện hệ thống cấp nước, thoát nước, chống ngập, xử lý chất thải; quản lý nghiêm việc khai thác, sử dụng nước ngầm; củng cố hệ thống đê ven biển, cống ngăn triều, công trình thủy lợi ven sông phục vụ kiểm soát lũ, giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước; bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.

- Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thành phố bảo đảm tổng thể, đồng bộ và hiện đại; trong đó, chú trọng phân bổ hợp lý nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, kết hợp đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là hình thức đối tác công - tư (PPP). Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng năng lượng, viễn thông đồng bộ, hiện đại; hoàn thành xây dựng các tuyến đường quốc lộ và hệ thống đường kết nối nội vùng, liên vùng theo quy hoạch; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm quốc gia, nhất là tuyến vành đai 3, 4, các đường cao tốc, đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất. Xúc tiến đầu tư Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, mạng lưới đường sắt kết nối vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống giao thông công cộng có sức chở lớn, phát triển, khai thác hiệu quả mạng đường sắt đô thị, luồng tàu đường biển, đường sông, bảo đảm kết nối liên hoàn với các tỉnh Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Chủ động thúc đẩy liên kết vùng, phát huy vai trò nòng cốt, đầu tàu của Thành phố trong liên kết phát triển nhằm thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động

lực, không gian phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực, địa phương trong cả nước.

- Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng logistics, nâng công suất bốc dỡ và kho chứa cảng biển, đón đầu các chuỗi cung ứng; hình thành trung tâm cung ứng dịch vụ logistics tầm cỡ khu vực.

3. Phát triển mạnh mẽ văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xây dựng con người Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, xứng đáng với Thành phố mang tên Lãnh tụ Hồ Chí Minh

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân về nhiệm vụ phát triển văn hoá, xây dựng con người trong giai đoạn mới; xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về văn hoá, có sức lan toả, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cả nước. Coi trọng chính trang không gian, công trình văn hoá bảo đảm giữ gìn Thành phố xanh, sạch, đẹp; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các thiết chế văn hoá, thể thao đồng bộ, ngang tầm đô thị lớn. Phát triển công nghiệp văn hoá, xây dựng thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ văn hoá, thể thao và sản phẩm du lịch mang tầm quốc tế; đầu tư trọng tâm, trọng điểm hoạt động văn hoá, thể thao thành tích cao cùng với phát triển sâu rộng phong trào văn hoá, thể dục, thể thao quần chúng.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiệm cận trình độ quốc tế, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập. Ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao, phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới, hướng tới mục tiêu là trung tâm chăm sóc sức khoẻ khu vực ASEAN. Bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế; tăng cường năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao; chủ động ứng phó hiệu quả các loại dịch bệnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm". Quyết tâm xây dựng việc làm bền vững, quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ. Thực hiện đồng bộ chính sách chăm lo người có công, nâng cao đời sống gia đình chính sách; nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo bền vững, nâng mức chuẩn nghèo của Thành phố cao gấp 2 lần so với mức chuẩn chung cả nước. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người dân và cư dân nông thôn; tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở công nhân và người lao động nghèo.

4. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bố trí thể chiến lược khu vực phòng thủ, bảo đảm hợp thành thể trận liên hoàn, vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh phù hợp với quy hoạch tổng thể của thể trận phòng thủ quốc gia; tập trung xây dựng tiềm lực chính trị - kinh tế - quốc phòng, an ninh vững mạnh. Tăng cường lãnh đạo và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nghiên cứu quy hoạch phát triển một số ngành và cơ sở công nghiệp có tính lưỡng dụng, sản xuất trang thiết bị hiện đại phục vụ huấn luyện và chiến đấu; đẩy mạnh công tác động viên công nghiệp sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

- Chăm lo xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, nhất là trên không gian mạng; sẵn sàng phương án ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống, đấu tranh, trấn áp, kéo giảm các loại tội phạm, nhất là tội phạm hình sự, kinh tế, môi trường, ma tuý, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, sử dụng công nghệ cao bảo đảm an ninh, an toàn cho mọi tầng lớp Nhân dân và khách du lịch đến Thành phố.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; chủ động nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại thế hệ mới; củng cố các mối quan hệ truyền thống, mở rộng hợp tác với các thành phố trên thế giới; tăng cường công tác đối ngoại nhân dân, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển.

5. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Tăng cường, kiên quyết, kiên trì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị về mọi mặt; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các cấp; xây dựng tổ chức cơ sở đảng phù hợp với mô hình đô thị; chú trọng công tác phát triển đảng viên và nâng cao chất lượng đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc và kiên quyết đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, quản lý của các cấp uỷ, chính quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ. Chăm lo quy hoạch, đào tạo, phát triển

đội ngũ cán bộ kế thừa; tạo môi trường thuận lợi và khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân. Tăng cường sự phối hợp giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của Nhân dân. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát quyền lực; quyết liệt cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, tạo chuyển biến căn bản về cải thiện môi trường đầu tư, đưa Thành phố trở lại nhóm dẫn đầu các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Đổi mới, nâng cao nhận thức và hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới; thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc. Tập trung giải quyết những vụ việc, khiếu nại, khiếu kiện tồn đọng, phức tạp kéo dài; chú trọng công tác tiếp công dân, giải quyết đúng đắn, kịp thời nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, nhất là những vấn đề bức xúc được dư luận xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận, thống nhất, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và chế độ.

6. Ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính năng động, sáng tạo vì lợi ích chung của cán bộ Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố trong giai đoạn mới

Trên cơ sở tổng kết, tiến hành bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững:

- Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực: Quản lý đầu tư; tài chính - ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên môi trường; quản lý văn hoá và trật tự xã hội; tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển. Giữ tỉ lệ điều tiết ngân sách Thành phố theo mức hiện nay đến hết năm 2025 và tiếp tục giữ ở mức không thấp hơn trong các năm tiếp theo, tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm và nâng cao phúc lợi của người dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Ban hành chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; cho thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ trong lĩnh vực tài chính và chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào Trung tâm Tài chính quốc tế.

- Xây dựng cơ chế đột phá thu hút nguồn lực đầu tư phát triển và thúc đẩy xã hội hoá trong các lĩnh vực: Y tế, giáo dục và đào tạo, văn hoá, thể thao; nâng cao hiệu quả các loại hình liên kết đầu tư trong các lĩnh vực này. Áp dụng thí điểm

việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công - tư để triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và khoa học - công nghệ.

- Cho thực hiện cơ chế cần thiết để xử lý những dự án đầu tư, những công trình tồn đọng nhiều năm do vướng mắc về cơ chế, thủ tục.

- Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn./.

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số /BKHĐT-KTĐPLT ngày / /2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
1	Bộ giao thông vận tải (Công văn số 1400/BGTVT-KHĐT ngày 16/02/2023)	<p>Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện thí điểm 5 năm, do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, lựa chọn đề xuất các cơ chế, chính sách thực sự đột phá, tháo gỡ các điểm nghẽn, có tính khả thi thực hiện trong thời gian 5 năm, đồng thời bảo đảm sau khi Nghị quyết được Quốc hội ban hành sẽ triển khai được ngay, không cần phải ban hành Nghị định của Chính phủ để hướng dẫn.</p> <p>Đề nghị rà soát, cụ thể về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân hay Hội đồng nhân dân trong từng vấn đề.</p> <p>Đề nghị báo cáo đánh giá tác động lưu ý đánh giá tác động chính sách đến đối tượng là cơ quan, tổ chức, nhân sự đang thực hiện chính sách khi chưa phân cấp và sau khi phân cấp.</p>	Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết
2	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 378/LĐTĐBXH-KHTC ngày 14/02/2023)	Hồ sơ sửa đổi dự thảo Nghị quyết 54/2017/QH14 của Quốc hội bảo đảm đủ thành phần tài liệu theo quy định. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, bổ sung báo cáo về kinh nghiệm quốc tế đối với việc thí điểm chính sách, cơ chế đặc thù cho một thành phố để tạo động lực phát triển vượt trội và đóng vai trò cực tăng trưởng đầu tàu kinh tế cả nước.	Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Công văn số 595/NHNN-CSTT ngày 07/02/2023)	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa Đề án xây dựng dự thảo Nghị quyết, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết; Báo cáo kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020, phương hướng nhiệm vụ phát triển thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các phụ lục liên quan đối với các nội dung Ngân hàng Nhà nước Việt Nam góp ý cụ thể về quy định	Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
		doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và xây dựng Đề án trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	
4	Bộ Ngoại giao (Công văn số 513/BNG-THKT ngày 10/02/ 2023)	Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, đầu tàu kinh tế, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa – giáo dục, khoa học - công nghệ, đầu mối giao lưu, hội nhập quốc tế của cả nước. Theo đó việc ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14 về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng, tạo điều kiện khai thác tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của Thành phố, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của cả nước. Bộ Ngoại giao ủng hộ đề xuất ban hành Nghị quyết mới và cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Đề nghị rà soát và đưa những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ vào dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, đảm bảo các cơ chế chính sách khi Nghị quyết được ban hành có thể thực hiện được ngay, hạn chế phải đợi Nghị định hướng dẫn mới triển khai thực hiện được.	Đã tiếp thu, rà soát các cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của Quốc hội.
5	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 756/BTNMT-KHTC ngày 14/ 02/2023)	Bộ Tài nguyên và môi trường đã có 13 ý kiến góp ý cụ thể đối với các nội dung chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý đô thị, môi trường, xử lý chất thải và phân cấp, phân quyền Thành phố Thủ Đức đề nghị thành phố rà soát, chỉnh sửa đưa vào dự thảo Nghị quyết	Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết
6	Bộ Xây dựng (Công văn số 449/BXD-PC ngày 13/02/2023)	Bộ Xây dựng đề nghị cân nhắc đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng Luật Đô thị đặc biệt cho Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đánh giá tác động đối với đề xuất Thành phố được chủ động xây dựng và triển khai các mô hình phát triển đô thị như: đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, đô thị định hướng phát triển giao thông (TOD) nhằm nâng cao năng lực quản lý đô thị và phát triển đô thị bền vững. Đề nghị điều chỉnh dự thảo báo cáo đánh giá tác động, dự thảo Đề án, các phụ lục phân chia nhóm cơ chế chính sách và các tài liệu	Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
		có liên quan tương ứng đối với các chính sách về quy hoạch, quản lý đô thị Bộ xây dựng đã góp ý cụ thể.	
7	Bộ Khoa học Công nghệ (Công văn số 205/BKH-CN-ĐP ngày 07/02/2023)	<p>Bộ Khoa học Công nghệ nhất trí với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ ngành liên quan xây dựng. Dự thảo nghị quyết có tính kế thừa các cơ chế, chính sách đã được quy định tại Nghị quyết 54/2017/QH14 đồng thời đề xuất được nhiều cơ chế, chính sách mới có tính khả thi trong giai đoạn tới.</p> <p>Về Đề án xây dựng dự thảo Nghị quyết: Bên cạnh các thông tin đã đưa ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần giải thích rõ hơn phương án đề xuất của Bộ trong từng lĩnh vực để thuận tiện cho việc trao đổi thống nhất phương án.</p> <p>Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi cụ thể cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.</p>	Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết
8	Bộ Tư pháp (Công văn số 488/BTP-PLDSKT ngày 16/02/2023)	<p>Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được ban hành hơn 05 năm. Theo thông báo số 1549/TB-TTKQH ngày 14/10/2022 của Tổng thư ký Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có kết luận về tổng kết thực hiện Nghị quyết này trong đó đã chỉ đạo: “đánh giá kỹ hơn các cơ chế, chính sách thí điểm, kết quả và tác động cụ thể của từng chính sách, làm rõ các chính sách thực sự hiệu quả có thể nhân rộng áp dụng cho toàn quốc...” (điểm 1 mục 2); “thống nhất trình Quốc hội xem xét, quyết định cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 đến hết ngày 31/12/2023 và đưa nội dung này vào nghị quyết chung của Kỳ họp thứ 4, Quốc hội Khóa XV” (điểm 2 mục 2); “trình cấp có thẩm quyền về cơ chế, chính sách cho thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khi đến hết thời hạn thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14” (điểm 3 mục 2). Vì vậy, việc</p>	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Trình lập đề nghị và đề xuất Chính phủ trình Quốc hội cho phép thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn đồng thời đề xuất Quốc hội xem xét, thông qua tại một kỳ họp. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát các nội dung dự thảo đề nghị xây dựng chính sách bám sát các chính sách của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị.

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
		<p>xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 là cần thiết.</p> <p>Tài liệu gửi kèm Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa có dự thảo Tờ trình; chưa có báo cáo giải trình ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14</p> <p>Bộ Tư pháp đề nghị tuân thủ quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết trước khi xây dựng Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Trường hợp ban hành Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn, đề nghị thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó <i>“Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; trình Quốc hội quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội”</i></p> <p>Bộ Tư pháp đề nghị xây dựng chính sách bám sát các chính sách của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</p> <p>Các chính sách thí điểm cần được rà soát đảm bảo không trái với Hiến pháp; làm rõ vướng mắc với pháp luật liên quan, có bảng so sánh với pháp luật hiện hành và đánh giá tác động chi tiết, đánh giá chi phí, lợi ích.</p>	<p>Thực hiện rà soát, thể hiện trong Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật, không có nội dung vi phạm quy định của Hiến pháp.</p> <p>Việc làm rõ vướng mắc với pháp luật liên quan, có bảng so sánh với pháp luật hiện hành và đánh giá tác động chi tiết, đánh giá chi phí, lợi ích: nội dung này đã thể hiện trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Đồng thời sẽ có báo cáo riêng về các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.</p>

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
9	<p style="text-align: center;">Bộ Y tế (Công văn số 735/BYT- KH-TC Ngày 16/02/2023)</p>	<p>Về cơ bản, Bộ Y tế nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội. Nghị quyết sau khi được ban hành sẽ là cơ sở để Thành phố Hồ Chí Minh phát huy hết tiềm năng, lợi thế thể hiện được vai trò, vị trí đầu tàu của Thành phố với cả nước, cạnh tranh ngang tầm với các trung tâm kinh tế lớn của khu vực và thế giới.</p> <p>Các nội dung dự thảo Nghị quyết phải phù hợp và hài hòa với Nghị quyết số 24-NQ-TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p> <p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung quy định về giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm do Thành phố Hồ Chí Minh thành lập.</p>	<p>Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết</p>
10	<p style="text-align: center;">Bộ Công Thương (Công văn số 799/BCT-CTĐP ngày 20/02/2023)</p>	<p>Bộ Công Thương cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ công thương đánh giá cao nội dung hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ đã nêu được những vấn đề bất cập khi thành phố triển khai các quy định của pháp luật hiện hành, từ đó đã đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp đột phá để tháo gỡ các điểm nghẽn, ảnh hưởng đến sự phát triển của Thành phố trong thời gian tới.</p>	<p>Đã tiếp thu, điều chỉnh một số nội dung và bỏ nội dung về đầu tư công chưa phù hợp ra khỏi dự thảo Nghị quyết.</p>

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
		<p>Bộ Công thương đề nghị Thành phố cân nhắc, xem xét chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết đối với các chính sách cụ thể về quản lý đầu tư và tài chính ngân sách, nghiên cứu khả năng triển khai thực hiện. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các cơ chế chính sách giải quyết vấn đề tắc nghẽn giao thông, ứng ngập, ô nhiễm môi trường của Thành phố, xây dựng các công trình thương mại liên quan đến các tuyến tàu điện ngầm, Cảng quốc tế Cần Giờ và Trung tâm tài chính Quốc tế...</p>	
11	<p>Bộ Nội vụ (Công văn số 576/BNV-CQDP ngày 17/02/2023)</p>	<p>Bộ Nội vụ có ý kiến về việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố cần bảo đảm các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Phù hợp với chủ trương của Đảng về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.</p> <p>b) Bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.</p> <p>c) Phù hợp với điều kiện, đặc điểm và năng lực quản lý của Thành phố.</p> <p>Đề nghị Quý Bộ bổ sung dự thảo Tờ trình, Đề án của Thành phố Hồ Chí Minh vào hồ sơ lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan Trung ương nhằm thuyết minh, giải trình rõ các căn cứ đề xuất các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết. rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết để bảo đảm chỉ đề xuất quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nếu cần thiết quy định trong dự thảo Nghị quyết thì chỉ quy định mang tính nguyên tắc, làm cơ sở để các cơ quan thực hiện phân công, phân cấp theo thẩm quyền</p>	<p>Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết</p>
12	<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>- Về căn cứ ban hành:</p>	<p>Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết</p>

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
	<i>(Công văn số 448/BVHTTDL-KHTC ngày 16/02/2023)</i>	<p>Điều 9 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước quy định: “Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản, có hiệu lực pháp lý cao hơn; đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành, tuy chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành” (khoản 1) và “Luật được ban hành căn cứ vào Hiến pháp. Nghị quyết của Quốc hội được ban hành căn cứ vào Hiến pháp, luật (nếu có)” (khoản 2), do đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị bỏ căn cứ “Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.</p> <p>- Về kết cấu Đề nghị xem xét chuyển Điều 3 (Đối tượng áp dụng) lên thành Điều 2, ngay sau Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh).</p> <p>- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Thành phố bổ sung sửa đổi 1 số chính sách cụ thể tại dự thảo Nghị quyết liên quan đến đầu tư thuộc lĩnh vực văn hóa thể thao, ngành nghề ưu tiên, quy định về áp dụng pháp luật, điều khoản thi hành...</p>	
13	Bộ Thông tin và Truyền thông <i>(Công văn số 560/BTTTT-VCL ngày 22/02/2023)</i>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị sửa đổi, bổ sung 5 chính sách liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin vào dự thảo Nghị quyết.</p> <p>Đề nghị xem xét rà soát số lượng cơ chế, chính sách có tính đặc thù, có phạm vi ảnh hưởng lớn và tạo động lực phát triển đột phá.</p>	Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết
14	Bộ Tài chính <i>(Công văn số 1754/BTC-NSNN ngày 24/02/2023)</i>	<p>2. Về ý kiến tham gia cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về quản lý đầu tư (Điều 4 dự thảo); - Về tài chính ngân sách (Điều 5 dự thảo); 	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu; Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp

STT	Cơ quan Số văn bản	Ý kiến của các cơ quan	Ý kiến tiếp thu
		<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 6 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định về cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương; - Khoản 7 Điều 5 dự thảo Nghị quyết; - Khoản 9 Điều 5 dự thảo Nghị quyết; - Khoản 10 Điều 5 dự thảo Nghị quyết; - Khoản 11 Điều 5 dự thảo Nghị quyết; - Khoản 12 Điều 5 dự thảo Nghị quyết; - Khoản 12 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định về thị trường cacbon; - Về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, ủy quyền và và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (Điều 9 dự thảo). 	<p>với UBND Thành phố để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, xin ý kiến Bộ Tài chính trong các dự thảo tiếp theo.</p>
15	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (<i>dự thảo</i>)</p>	<p>Bộ NNPTNT thống nhất với những nội dung dự thảo liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ.</p>	
16	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>dự thảo</i>)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phân cấp mạnh, có những cơ chế đặc thù, vượt trội cho UBNDTPHCM đối với các chính sách ưu đãi trong lĩnh vực giáo dục. - Đề nghị rà soát ủy quyền cho TPHCM quyết định chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, miễn giảm học phí, đào tạo và tuyển dụng giáo viên...ngoài các quy định hiện hành của Chính phủ. 	<p>Đã tiếp thu, có chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết</p>

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 488 /BTP-PLDSKT
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết thay thế
Nghị quyết số 54/2017/QH14

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: ... 65.99.....
ĐẾN Ngày: 10.02.2023
Chuyên:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở tài liệu được cung cấp, chức năng và nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có một số ý kiến như sau:

1. Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được ban hành hơn 05 năm. Theo Thông báo số 1549/TB-TTKQH ngày 14/10/2022 của Tổng Thư ký Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có kết luận về tổng kết thực hiện Nghị quyết này trong đó đã chỉ đạo: "đánh giá kỹ hơn các cơ chế, chính sách thí điểm, kết quả và tác động cụ thể của từng chính sách, làm rõ các chính sách thực sự hiệu quả, có thể nhân rộng áp dụng cho toàn quốc..." (điểm 1 mục 2); "thống nhất trình Quốc hội xem xét, quyết định cho phép thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 đến hết ngày 31/12/2023 và đưa nội dung này vào Nghị quyết chung của Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV" (điểm 2 mục 2); "trình cấp có thẩm quyền về cơ chế, chính sách cho thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khi hết thời hạn thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14" (điểm 3 mục 2). Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 là cần thiết. Tuy nhiên, tài liệu gửi kèm Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa có dự thảo Tờ trình; chưa có báo cáo giải trình ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung để làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị quyết.

2. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), "Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành" (Điểm b khoản 2 Điều 15) và "Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật" thuộc trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật). Trong trường hợp này, cơ quan chủ trì soạn thảo phải lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định để báo cáo Chính phủ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét thông qua để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội (bước 1). Sau khi được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, cơ quan chủ trì soạn thảo tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định để trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội ban hành (bước 2). Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tuân thủ quy định nêu trên lập đề nghị xây dựng Nghị quyết trước khi xây dựng Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trường hợp ban hành Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó "Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; trình Quốc hội quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội".

3. Về các nội dung cụ thể tại dự thảo Nghị quyết, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp cho ý kiến chi tiết sau khi đề nghị xây dựng Nghị quyết được thông qua. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh lưu ý một số nội dung như sau:

3.1. Đề nghị xây dựng chính sách bám sát các chính sách của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.2. Các chính sách thí điểm cần được rà soát đảm bảo không trái với Hiến pháp; làm rõ vướng mắc với pháp luật liên quan, có bảng so sánh với pháp luật hiện hành và đánh giá tác động chi tiết, đánh giá chi phí, lợi ích.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp góp ý dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tham khảo *Hoàng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ CVĐCVXDPL (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH. Thuytt).



Số: 1400 /BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

V/v tham gia ý kiến xây dựng Nghị quyết
thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14
của Quốc hội.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được nhận được Văn bản số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến xây dựng Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội). Sau khi nghiên cứu, Bộ GTVT có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

- Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội) sẽ được Chính phủ trình Quốc hội ban hành, do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát kỹ về thẩm quyền quyết định đối với các cơ chế, chính sách đề xuất trong dự thảo Nghị quyết, chỉ đề xuất đưa vào dự thảo Nghị quyết những cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

- Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện thí điểm dự kiến trong 5 năm, do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, lựa chọn đề xuất các cơ chế, chính sách thực sự đột phá, tháo gỡ các điểm nghẽn, có tính khả thi thực hiện trong thời gian 5 năm, đồng thời bảo đảm sau khi Nghị quyết được Quốc hội ban hành sẽ triển khai được ngay, không cần phải ban hành Nghị định của Chính phủ để hướng dẫn.

- Trong dự thảo Nghị quyết có nhiều nội dung đang sử dụng cụm từ “*cho phép thành phố Hồ Chí Minh...*”: đề nghị rà soát, xác định rõ “*thành phố Hồ Chí Minh*” là “*Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*” hay “*Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*” đối với từng nội dung cơ chế bảo đảm phù hợp với thẩm quyền.

- Đối với Báo cáo đánh giá tác động chính sách: hiện tại báo cáo chưa có đánh giá tác động chính sách đến đối tượng là cơ quan, tổ chức, nhân sự đang thực hiện chính sách khi chưa phân cấp và sau khi phân cấp, do đó đề nghị bổ sung việc đánh giá này để đảm bảo tính khả thi của việc đẩy mạnh phân cấp tạo động lực phát triển cho Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Một số ý kiến góp ý cụ thể

2.1. Đề xuất về thực hiện đầu tư dự án đầu tư công độc lập để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dọc theo các tuyến giao thông¹ (khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết): Bộ GTVT ủng hộ việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế như nêu trên nhằm giúp Thành phố tổ chức lại đô thị, đồng thời hình

¹ Đường sắt đô thị số 1, Đường sắt đô thị số 2, tuyến đường Vành đai 2, Vành đai 3, Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, rạch Xuyên Tâm và tại Khu vực bán đảo Bình Quới - Thanh Đa);

thành quỹ đất và tổ chức đấu giá để tạo nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện các dự án quan trọng khác. Tuy nhiên, tại Báo cáo đánh giá tác động cơ chế chính sách, đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ thêm về quy hoạch của Thành phố dọc theo các tuyến giao thông và hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông các tuyến giao thông nêu trên, tính khả thi thực hiện trong thời gian thí điểm (dự kiến 5 năm).

2.2. Về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (khoản 9 Điều 4 dự thảo Nghị quyết):

- Về đề xuất lĩnh vực đầu tư dự án PPP tại điểm a và điểm b: Đề nghị rà soát cụm từ "*linh vực công nghiệp văn hóa và thể thao*" tại điểm a và cụm từ "*linh vực văn hóa, thể thao*" tại điểm b đảm bảo phù hợp, thống nhất.

- Về đề xuất tại điểm c "*Thành phố được áp dụng loại hợp đồng BOT đối với các dự án đầu tư Công trình nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa đường bộ (gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ) hiện hữu*": Tình trạng ùn tắc giao thông tại Thành phố và các cửa ngõ kết nối với các tỉnh lân cận do hệ thống giao thông đường bộ kết nối nội vùng và liên vùng của Thành phố chưa đồng bộ và chưa được đầu tư mở rộng, hiện đại hóa theo quy hoạch hiện đang là một "điểm nghẽn" ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố cũng như các tỉnh lân cận. Do vậy, Bộ GTVT ủng hộ việc đề xuất cơ chế, chính sách như nêu trên nhằm giúp Thành phố huy động được mọi nguồn lực tham gia đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố, trong quá trình thực hiện cần phải công khai, minh bạch, lựa chọn các dự án đầu tư bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, đồng thời lấy ý kiến tham vấn cộng đồng, dân cư (thông qua Mặt trận tổ quốc) trong phạm vi dự án và đánh giá tác động của việc thực hiện dự án theo phương thức PPP đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Luật PPP. Ngoài ra, do đặc thù các dự án mở rộng đường hiện hữu tại Thành phố Hồ Chí Minh có chi phí GPMB chiếm tỷ trọng lớn trong tổng mức đầu tư, để tăng hiệu quả đầu tư dự án, giảm mức chi trả của người dân và đảm bảo tính khả thi thực hiện chính sách nêu trên (lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện) kiến nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế cho phép tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án.

- Về đề xuất tại điểm d "*Thành phố được thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông theo phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) trên địa bàn Thành phố ... và sẽ được Thành phố thanh toán bằng vốn ngân sách thành phố cho nhà đầu tư (theo thỏa thuận trong hợp đồng BT)*": Thực tiễn triển khai cho thấy, hình thức đầu tư theo Hợp đồng BT đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thay đổi diện mạo và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Các bất cập của hình thức đầu tư theo Hợp đồng BT giai đoạn trước đây bên cạnh nguyên nhân do hành lang pháp lý về hình thức đầu tư này chưa hoàn thiện còn có nguyên nhân chủ quan từ phía cơ quan được giao nhiệm vụ chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại điểm d khoản 5 Điều 101 Luật PPP quy định kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/01/2021) *dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT*. Tại điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy

định “*Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh thu hút và huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhằm tạo nguồn lực để tháo gỡ “điểm nghẽn” về hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố cũng như các tỉnh lân cận, Bộ GTVT ủng hộ đề xuất cơ chế, chính sách nêu trên để thực hiện thí điểm, làm cơ sở hoàn thiện hành lang pháp lý; đồng thời đề nghị rà soát, bổ sung hướng dẫn về quy trình, thủ tục để triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, chống thất thoát lãng phí.

- Về đề xuất tại điểm e “*Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố và phương án thanh, quyết toán (bao gồm các chi phí hợp pháp đã thực hiện của nhà đầu tư) các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (bao gồm các dự án đang thi công dở dang, đã hoàn thành một số hạng mục có thể đưa vào khai thác, vận hành độc lập và hoàn thành toàn bộ dự án) thuộc trường hợp phải chấm dứt hợp đồng trước hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền được quy định tại điểm a, đ Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư*”: Bộ GTVT ủng hộ việc đề xuất chính sách nêu trên nhằm tạo hành lang pháp lý cho Thành phố xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc kéo dài đối với các dự án PPP của Thành phố thuộc trường hợp dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng và do hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định pháp luật về dân sự.

2.3. Về đề xuất “*Cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công*” (khoản 10 Điều 4 dự thảo Nghị quyết): Theo nội dung dự thảo của khoản này, Thành phố đang đề xuất cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố được tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công thuộc lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý rác thải và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác..., theo đó dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng vẫn gắn với dự án đầu tư xây dựng tổng thể. Khoản 1 Điều 5 Luật Đầu tư công đã cho phép *tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập* khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A, do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, điều chỉnh cụm từ “*tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công*” cho phù hợp. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ thêm mục tiêu giải quyết bất cập đối với đề xuất chính sách nêu trên tại Báo cáo đánh giá tác động các cơ chế, chính sách.

2.4. Về quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 12 Điều khoản thi hành “*2. Chính phủ có trách nhiệm sau đây: a. Ban hành nghị định của Chính phủ cụ thể hóa tổ chức thực hiện Nghị quyết này;...*”: Kiến nghị điều chỉnh điểm a thành “*Tổ chức thực hiện Nghị quyết này;...*” tương tự Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm có chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ quy trình, thủ tục đối với các cơ chế, chính sách đề xuất (nếu cần thiết) để bảo đảm sau khi Nghị quyết

được Quốc hội ban hành sẽ triển khai được ngay, không cần phải ban hành Nghị định của Chính phủ để hướng dẫn.

3. Để tăng cường phân cấp, phân quyền, kết hợp sử dụng nguồn lực của Thành phố Hồ Chí Minh trong việc triển khai đầu tư các công trình giao thông trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu phát triển, để Thành phố giữ vững và phát huy vai trò đầu tàu, mang tầm vóc của đô thị hiện đại, đặc biệt là các tuyến đường sắt đô thị, tuyến cao tốc, các dự án giao thông liên kết vùng qua địa bàn, kiến nghị nghiên cứu một số cơ chế, chính sách sau:

- Giao thành phố Hồ Chí Minh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm A, B theo Luật Đầu tư công đi qua địa bàn từ 2 tỉnh trở lên (Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh lân cận) sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có) do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý đầu tư.

- Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư các công trình giao thông do Trung ương quản lý trên địa bàn; đầu tư các tuyến giao thông liên kết vùng, công trình qua địa bàn từ 2 tỉnh trở lên.

Trên đây là ý kiến của Bộ Giao thông vận tải về xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, KHĐT (VINHTQ).



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số 378 /LĐTBXH-KHTC
V/v tham gia ý kiến đối với Nghị quyết
thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14
của Quốc hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ

Hồ sơ sửa đổi dự thảo Nghị quyết 54/2017/QH14 của Quốc hội bảo đảm đủ thành phần tài liệu theo quy định. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, bổ sung báo cáo về kinh nghiệm của quốc tế đối với việc thí điểm chính sách, cơ chế đặc thù cho một thành phố để tạo động lực phát triển vượt trội và đóng vai trò cực tăng trưởng đầu tàu kinh tế cả nước.

2. Về nội dung dự thảo

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung thí điểm tại 1 đến 2 quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh Mô hình an sinh xã hội kiểu mẫu, tiên tiến, ngang tầm một số nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

- Khoản 6 Điều 4 Về quản lý đầu tư đề nghị sửa, bổ sung như sau: "Hội đồng nhân dân thành phố được sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương để cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và cho vay giải quyết việc làm thông qua việc ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo chính sách do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành".

Trên đây là ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Dũng

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 595 /NHNN-CSTT
V/v tham gia ý kiến xây dựng
Nghị quyết thay thế Nghị
quyết số 54/2017/QH14 của
Quốc hội

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Quý Bộ đề nghị tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội

1.1. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định “*Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh*”. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định “*Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh*”. Do đó, đề nghị xem xét, chỉnh sửa quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

1.2. Tại điểm b khoản 2 Điều 12 (trang 22) dự thảo Nghị quyết, đề nghị xem xét chỉnh sửa thành “*Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức có liên quan khẩn trương hoàn thiện Đề án xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.*” do: (1) Đề án xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế tại Tp.HCM đang được Ủy ban nhân dân Tp.HCM nghiên cứu, xây dựng, lấy ý kiến các bộ, ngành, do đó cần hoàn thiện trước khi giao Chính phủ trình Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội có liên quan; (2) Trong trường hợp nếu Đề án được thông qua, khi đó các cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội đề xuất tại Đề án sẽ được hình thành một khung pháp lý riêng (Luật/Nghị quyết Quốc hội) áp dụng trong Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam.

2. Đề nghị quý Bộ rà soát, chỉnh sửa Đề án xây dựng dự thảo Nghị quyết, Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết; Báo cáo Kinh tế - xã hội Tp.HCM giai đoạn 2011-2020, phương hướng, nhiệm vụ phát

triển thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các phụ lục liên quan với các nội dung tương ứng đã được tham gia ý kiến tại điểm 1 nêu trên.

Trên đây là một số ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng;
- Lưu: VP, CSTT (N.T.Linh).

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Phạm Tiến Dũng



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 513 /BNG-THKT

V/v góp ý hồ sơ xây dựng Nghị quyết thay thế
Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Quý Bộ đề nghị đóng góp ý kiến đối với hồ sơ xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao xin có ý kiến như sau:

1. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, đầu tàu kinh tế, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa - giáo dục, khoa học - công nghệ, đầu mối giao lưu, hội nhập quốc tế của cả nước. Theo đó, việc ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14 về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng, tạo điều kiện khai thác tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của Thành phố, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của cả nước. Bộ Ngoại giao ủng hộ đề xuất ban hành Nghị quyết mới và cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết.

2. Các cơ chế, chính sách được đề nghị tại dự thảo Nghị quyết nhằm cải thiện cơ chế quản lý đối với Thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân sách, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền..., về cơ bản không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Để dự thảo Nghị quyết được hoàn thiện, xin có một số ý kiến sau:

- Tại Điều 1: đề nghị sửa lại như sau: “....., thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, là cực tăng trưởng và...”.

- Đây là Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm, do đó Nghị quyết chỉ được thực hiện thí điểm trong 5 năm. Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cân nhắc, lựa chọn và đề xuất những cơ chế, chính sách có tính đột phá nhất để giúp Thành phố có thể phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh, tạo được động lực phát triển thực sự cho Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

- Đề nghị rà soát và đưa những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ vào dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, đảm bảo các cơ chế, chính sách khi Nghị quyết được ban hành có thể thực hiện được ngay, hạn chế phải đợi có Nghị định hướng dẫn mới triển khai thực hiện được.

4. Về hồ sơ, đề nghị bổ sung bằng tổng hợp tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến đóng góp của các bộ, ngành liên quan đối với dự thảo Nghị quyết theo công văn số 2520/UBND-TH ngày 22/7/2022 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ Ngoại giao xin gửi Quý Bộ ý kiến nêu trên để tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị: LPQT;
- Lưu: HC, THKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Vũ

Nguyễn Minh Vũ

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 560 /BTTTT-VCL

V/v góp ý Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Xin ý kiến xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Điều 4, về quản lý đầu tư, khoản 9. Về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), đề nghị bổ sung “*Thành phố được áp dụng Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xây dựng chính quyền số*”.

2. Điều 5 về tài chính ngân sách, đề nghị điều chỉnh khoản 16 như sau: “*Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách Thành phố để thực hiện các dự án liên vùng, các dự án có tính lan tỏa, kết nối liên hoàn với các tỉnh Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; các dự án phát triển và hỗ trợ phát triển về khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin, công nghệ số, đổi mới sáng tạo, đầu tư mạo hiểm.*”

3. Điều 7 về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh, tại khoản 1 về Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị:

+ Điều chỉnh điểm a như sau: “*Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ thông tin, công nghệ số, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao theo quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên.*”

+ Điều chỉnh điểm b như sau: “*b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này; miễn tiền thuê đất trong thời gian thuê đối với dự án đầu tư về công nghệ thông tin, công nghệ số thực hiện trong Khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao*”.

4. Điều 8 về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, tại khoản 1, đề nghị:

+ Điều chỉnh điểm c) như sau: “*c) Chuyên gia, nhà khoa học và người có tài*

năng đặc biệt làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và Trung tâm Đổi mới sáng tạo, cơ sở uơm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ thông tin nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số trên địa bàn Thành phố được miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ lương, tiền công phát sinh tại Thành phố. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định tiêu chí chuyên gia.”

+ Bổ sung một điểm vào trước Điểm e) như sau:

“ Cho phép các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm các công nghệ số mới, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số (sandbox) trong phạm vi nội khu.”.

+ Điều chỉnh điểm e) như sau: “e) Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định lĩnh vực ưu tiên; điều kiện, tiêu chí đối tượng ưu đãi, và lựa chọn các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung để thử nghiệm công nghệ số mới.”.

5. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định sau: “Cho phép các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ số chiếm cổ phần chi phối thuộc Thành phố quản lý được trích tối đa 50% lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp phục vụ hoạt động đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ cho phát triển kinh tế số và chính phủ số.”

6. Đề nghị xem xét rà soát số lượng cơ chế, chính sách có tính đặc thù, có phạm vi ảnh hưởng lớn và tạo động lực phát triển đột phá.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Lưu: VT, VCL (4).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phan Tâm



Số: 449 /BXD-PC

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển TP Hồ Chí Minh

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến đối với những nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng tại dự thảo Nghị quyết (khoản 2, khoản 10, khoản 11 Điều 6; khoản 3 Điều 9) và một số nội dung liên quan khác tại dự thảo Nghị quyết; các nội dung liên quan tại dự thảo Đề án xây dựng dự thảo Nghị quyết (sau đây gọi tắt là dự thảo Đề án) và các tài liệu khác của hồ sơ dự thảo Nghị quyết như sau:

1. Góp ý đối với dự thảo Nghị quyết, dự thảo Đề án

1.1. Về nội dung phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt điều chỉnh cục bộ một số đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (điểm a khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, điểm 2 mục III Phần thứ ba dự thảo Đề án)

Đề nghị chỉnh lý quy định về phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt điều chỉnh cục bộ một số đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ tại điểm a khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết tương tự như các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách phát triển một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ban hành trong thời gian qua¹. Đồng thời, cần nhắc bổ sung vào dự thảo Nghị quyết việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về nội dung về lập quy hoạch chi tiết, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà ở xã hội (điểm b khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, điểm 2 mục III Phần thứ ba dự thảo Đề án)

- Đề nghị chỉnh lý quy định "đối với các dự án xây dựng nhà ở xã hội,

¹ Ví dụ: Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

được phép đồng thời lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết và lấy ý kiến cộng đồng cùng một lúc" tại điểm b khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết để bảo đảm vừa rút ngắn thời gian, vừa bảo đảm tính thứ bậc của nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch. Theo đó, cần làm rõ việc lập nhiệm vụ, đồ án, lấy ý kiến có thể thực hiện song song, đồng thời; tuy nhiên, phải làm rõ việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phải được thực hiện trước để làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch.

- Về đề xuất "cho phép thực hiện trước việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo trình tự thủ tục của Luật Đầu tư đối với dự án nhà ở xã hội với mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất được tăng lên tối đa 1,5 lần so với quy hoạch hiện hữu và tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 sau" tại điểm b khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết:

Theo dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết, đề xuất này xuất phát từ việc triển khai quy định tại điểm c khoản 7 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Điểm c khoản 7 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định: "Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết (nếu có), quy hoạch phân khu (nếu có); trường hợp quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung."

Bộ Xây dựng thấy rằng khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020 quy định một trong những nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư là: "Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có)". Luật Đầu tư năm 2020 không quy định cụ thể phải phù hợp với cấp độ quy hoạch đô thị nào mà nội dung này chỉ quy định cụ thể trong Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Do vậy, đề nghị cân nhắc chỉnh lý, đề xuất nội dung nêu trên trong dự thảo Nghị quyết theo hướng: tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp quy hoạch chi tiết và quy hoạch phân khu không phù hợp quy hoạch chung thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung, trường hợp quy hoạch chi tiết không phù hợp quy hoạch chung và quy hoạch phân khu thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu. Đồng thời, quy định rõ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết phải được phê duyệt trước khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng và triển khai các bước tiếp theo của dự án.

1.3. Về nội dung thì điểm bổ sung hình thức sử dụng đất khác không phải đất ở để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở (điểm c khoản 10 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, điểm 10 mục III Phần thứ ba dự thảo Đề án)

Tại khoản 10 Điều 6 dự thảo Nghị quyết đề xuất: "Cho phép Thành phố

thí điểm bổ sung hình thức có quyền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất không phải là đất ở đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội vào các quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Nhà ở (đối với nhà ở xã hội), Điểm c Khoản 1 Điều 75 Luật Đầu tư 2020 và Điều 4 Luật số 03/2022/QH15". Tuy nhiên, nội dung đề xuất này chưa bảo đảm tính khả thi vì nếu đề xuất như dự thảo Nghị quyết thì cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở, Luật số 03/2022/QH15 mới thực hiện được chính sách. Mặt khác, nội dung đề xuất áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội nhưng trong các quy định dẫn chiếu lại bao gồm đối tượng là dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.

Do vậy, cần xác định rõ việc đề xuất thí điểm bổ sung hình thức sử dụng đất là chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội hay áp dụng đối với 02 loại dự án (dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại). Đồng thời, đề tháo gỡ các vướng mắc trên thực tiễn như đã nêu tại điểm 10 mục III Phần thứ ba dự thảo Đề án, Bộ Xây dựng đề nghị chỉnh lý nội dung tại khoản 10 Điều 6 dự thảo Nghị quyết theo hướng: quy định cụ thể chính sách đặc thù (không yêu cầu sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở, Luật số 03/2022/QH15); bảo đảm thể chế hóa yêu cầu phát triển nhà ở xã hội tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022²; yêu cầu phát triển nhà ở thương mại tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Bộ Chính trị³, bảo đảm quản lý, sử dụng chặt chẽ, hiệu quả nguồn lực đất đai, tránh thất thoát ngân sách nhà nước; đồng thời, bảo đảm thống nhất với dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi), dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đang trình Chính phủ, Quốc hội.

1.4. Về nội dung cho phép Thành phố tổ chức triển khai đầu tư các công trình có thời hạn, không xem xét yếu tố phù hợp về quy hoạch, tại các khu đất hiện hữu chưa có kế hoạch triển khai đầu tư theo quy hoạch đã được phê duyệt (khoản 11 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, điểm 11 mục III Phần thứ ba dự thảo Đề án)

Bộ Xây dựng thấy rằng nội dung này cần được rà soát theo 02 trường hợp sau:

(i) Trường hợp đã có quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và **chưa có quyết định thu hồi đất** của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Trường hợp này, Bộ Xây dựng thống nhất chủ trương có thể mở rộng thêm một số trường hợp được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn so với quy định của pháp luật về xây dựng hiện hành. Tuy nhiên, cần phải xác định rõ đối

² Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Bộ Chính trị về "tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao".

tương cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trong dự thảo Nghị quyết và kiểm soát về cấp giấy phép xây dựng, quản lý xây dựng, trách nhiệm của chủ đầu tư khi hết thời hạn tồn tại của công trình hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất.

(ii) Trường hợp đã có quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố và *đã có quyết định thu hồi đất* của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Trường hợp này, Bộ Xây dựng đề nghị cân nhắc kỹ về việc cho phép đầu tư các công trình có thời hạn để tránh những hệ lụy phát sinh trên thực tế và không bảo đảm yêu cầu triển khai thực hiện quy hoạch.

1.5. Về đề xuất thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho cơ quan hành chính khác (điểm b khoản 3 Điều 9, điểm 3.2 mục VI Phần thứ ba dự thảo Đề án)

Việc đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho cơ quan hành chính khác tại điểm b khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị quyết, điểm 3.2 mục VI Phần thứ ba dự thảo Đề án cần cân nhắc kỹ, tránh vi phạm nguyên tắc quản lý thống nhất về ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương và không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được bổ sung nhiệm vụ.

1.6. Về một số nội dung khác trong dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung Ủy ban nhân dân Thành phố được chủ động thực hiện việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất theo quy hoạch phân khu đã được phê duyệt đối với một số dự án (khoản 7 Điều 4 dự thảo Nghị quyết, điểm 7 mục I Phần thứ ba dự thảo Đề án)

Đề nghị cân nhắc quy định "*Ủy ban nhân dân Thành phố được chủ động thực hiện việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt*" tại khoản 7 Điều 4 dự thảo Nghị quyết, điểm 7 mục I Phần thứ ba dự thảo Đề án bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định tại dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi), dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đang trình Quốc hội.

b) Về nội dung nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất (khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết, điểm 4 mục III Phần thứ ba dự thảo Đề án)

Theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014, việc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất chỉ được thực hiện đối với khu vực nằm ngoài nội đô thuộc thuộc đô thị loại đặc biệt, tại đô thị loại 1 và loại 2 (khoản 1 Điều 35 Luật Nhà ở năm 2014). Đồng thời, dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi) đang trình Chính phủ cũng cơ bản giữ nguyên quy định hiện hành về các nguyên tắc tái định cư tại đô thị.

Do vậy, đề nghị chỉnh lý khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết theo hướng bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định tại dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi). Đồng thời, đề nghị tổng hợp ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

1.7. Về nội dung đề xuất xây dựng Luật đô thị đặc biệt cho Thành phố Hồ Chí Minh (điểm 4 mục I Phần thứ nhất dự thảo Đề án)

Đề nghị cần nhắc về đề xuất "xây dựng Luật đô thị đặc biệt cho Thành phố Hồ Chí Minh" tại điểm 4 mục I Phần thứ nhất dự thảo Đề án để tránh trùng lặp vì: hiện nay, đối với đô thị đặc biệt là thành phố Hà Nội thì Quốc hội đã ban hành Luật Thủ đô, trong đó, đã có chính sách xây dựng, phát triển và quản lý thủ đô. Như vậy, đề xuất tại dự thảo Đề án về bản chất là cơ chế đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi, thời gian qua đã có nhiều Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến các chính sách phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, hiện nay, triển khai Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV tại Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đã thực hiện rà soát, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý và phát triển đô thị, báo cáo Chính phủ tại Báo cáo số 118/BC-BXD ngày 30/9/2022; đang triển khai lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo chỉ đạo tại văn bản số 6860/VPCP-PL ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ thì hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Quản lý và phát triển đô thị dự kiến trình Chính phủ trước ngày 01/11/2023.

2. Góp ý đối với các tài liệu khác trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở ý kiến góp ý tại mục 1 văn bản này, đề nghị chỉnh lý tương ứng cáo nội dung liên quan tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, dự thảo Đề án, các Phụ lục phân chia nhóm cơ chế, chính sách và các tài liệu khác có liên quan.

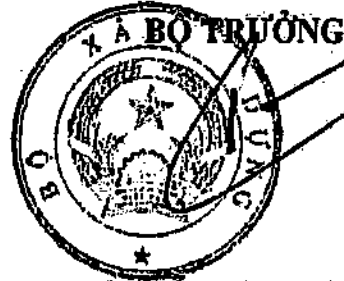
3. Đề xuất bổ sung một số cơ chế, chính sách

Với mục tiêu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á, Bộ Xây dựng trân trọng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cần nhắc nghiên cứu, đánh giá tác động, đề xuất một số chính sách về phát triển đô thị trong dự thảo Nghị quyết; cụ thể là: Thành phố được chủ động xây dựng và triển khai các mô hình phát triển đô thị như: đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, đô thị định hướng phát triển giao thông (TOD) nhằm nâng cao năng lực quản lý đô thị và phát triển đô thị bền vững.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc TP Hồ Chí Minh;
- Các Cục, Vụ: QHKT, PTĐT, HTKT, QLN, HỖXD;
- Lưu: VT, PC.



Nguyễn Thanh Nghị





BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 205 /BKHCN-ĐP

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2023

V/v cho ý kiến xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14 của Quốc hội.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/1/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội (dự thảo Nghị quyết), sau khi nghiên cứu, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

I. Về tổng thể:

Nhất trí với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ ngành liên quan xây dựng. Dự thảo Nghị quyết có tính kế thừa các cơ chế, chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 đồng thời đề xuất được nhiều cơ chế chính sách mới có tính khả thi trong giai đoạn tới.

Hồ sơ chuẩn bị đầy đủ các tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản.

II. Một số ý kiến góp ý

1. Dự thảo Nghị quyết

1.1. Tại khoản a, mục 1, Điều 8 Dự thảo đã viết: ... "Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của nhà đầu tư thu được từ khoản đầu tư vốn vào doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...".

Tuy nhiên căn cứ vào tình hình thực tiễn chúng ta thấy: Các tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN); tổ chức ươm tạo, thúc đẩy kinh doanh, cung cấp thiết bị dùng chung, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là các tổ chức hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ về ươm tạo, tăng tốc, hỗ trợ thương mại hóa, chuyển giao công nghệ, cung cấp các giải pháp đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và rất cần sự ưu đãi từ nhà nước, đặc biệt là thuế.

Hơn nữa các cơ sở ươm tạo nhà nước hầu hết tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ cao hay công nghệ sinh học, cơ khí tự động hóa, đây là các lĩnh vực cần thời gian ươm tạo dài, vốn đầu tư lớn, nhưng chính các lĩnh vực này mới tạo ra được các công nghệ lõi cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đây là yếu tố quan trọng để hệ sinh thái khởi nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phát triển bền vững và có lợi thế cạnh tranh. Ngược lại, hầu như các cơ sở ươm tạo tư nhân không muốn tham gia đầu tư vào, mà chỉ tập

Bộ KH&CN đề nghị sửa lại thành: **Miễn thuế thu nhập cá nhân trong 05 năm cho các cá nhân tham gia dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp và chuyên gia làm việc tại các trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.**

Ngoài ra, Bộ KH&CN đề nghị bổ sung thêm 01 nội dung của Điều 8: **"Hội đồng nhân dân quyết định chế độ cấp phép lao động đặc thù (về thời hạn, thủ tục, điều kiện); đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư, góp vốn, thoái vốn, nhà đầu tư, doanh nhân tham gia dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh; chế độ ưu tiên trong mua sắm công của Thành phố đối với sản phẩm công nghệ của dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Thủ tiêu xây dựng và vận hành sản giao dịch vốn và công nghệ dành cho dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thử nghiệm chính sách hỗ trợ, cấp phép hoạt động cho mô hình kinh doanh mới, nền tảng công nghệ mới trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu thiết thực của doanh nghiệp và người dân của Thành phố".**

2. Về các tài liệu liên quan trong Hồ sơ:

1.1. Đề án xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bên cạnh các thông tin đã đưa ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần giải thích rõ hơn phương án đề xuất của Bộ trong từng lĩnh vực để thuận tiện cho việc trao đổi thống nhất phương án.

- Lĩnh vực liên quan đến quản lý KH, CN và Đổi mới sáng tạo trong Đề án là Điều 7 nhưng trong Dự thảo Nghị quyết là Điều 8. Đề nghị chỉnh sửa.

Tương tự chỉnh sửa thông tin Điều 7 thành Điều 8 ở Phụ lục 4.

1.2. Về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý trước đây của các cơ quan liên quan.

1.3. Về Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách: Đồng ý với dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với dự thảo Nghị quyết mới của Bộ Chính trị thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Trân trọng /,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐP



trung cho các lĩnh vực như công nghệ thông tin, thương mại điện tử và công nghệ tài chính,... do chi phí đầu tư không lớn, thời gian ươm ngấn và thoái vốn nhanh. Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hơn 95% do đó cần có chính sách cho các tổ chức trung gian để tạo ra ngày càng nhiều các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, từ đó hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp KH&CN. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cần sự hỗ trợ và liên kết chặt chẽ của khởi công - tư. Tuy nhiên cả 02 nhóm tổ chức này đều chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể.

Bộ KH&CN đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu bổ sung thông tin theo phương án 1: Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung, tổ chức đổi mới công nghệ, tổ chức chuyển giao công nghệ, tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

1.2. Khoản c, mục 1 Điều 8: Dự thảo quy định đối tượng là các chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và Trung tâm Đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.

Tuy nhiên thực tiễn cho thấy: Hiện nay chưa có chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân tham gia vào các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong khi Thành phố đang xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, một số trung tâm đổi mới sáng tạo trong khu vực công đều là loại hình các trung tâm đổi mới sáng tạo. Trong các trung tâm này đang có rất nhiều các cá nhân hoặc nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khả thi và có tiềm năng phát triển đang được ươm tạo để đưa vào các Chương trình ươm tạo và tăng tốc của tư nhân, các dự án này đã được xét duyệt qua nhiều vòng hội đồng và được đánh giá yếu tố về khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo và chủ yếu đang ở giai đoạn đầu (giai đoạn hạt giống). Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng này khi hoạt động tại các trung tâm này dựa trên tiền đề là đã có chính sách ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ theo Luật Khoa học và Công nghệ.

Chúng ta cần phân định rõ đối tượng được miễn thuế:

+ Cá nhân tham gia dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại các trung tâm đổi mới sáng tạo;

+ Chuyên gia làm việc tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị quyết đề nghị "miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ lương, tiền công phát sinh" là quá rộng so với đề xuất của Thành phố Hồ Chí Minh.

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 735 /BYT-KH-TC

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

V/v góp ý xây dựng Nghị quyết
thay thế Nghị quyết số
54/2017/QH14 của Quốc hội

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Y tế nhận được văn bản số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi lấy ý kiến về dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội. Sau khi nghiên cứu các hồ sơ kèm theo, Bộ Y tế xin có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, Bộ Y tế nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội. Nghị quyết sau khi được ban hành sẽ là cơ sở để Thành phố Hồ Chí Minh phát huy hết tiềm năng, lợi thế, thể hiện được vai trò, vị trí đầu tàu của Thành phố với cả nước, cạnh tranh ngang tầm với các trung tâm kinh tế lớn của khu vực và thế giới.

2. Các nội dung của dự thảo Nghị quyết phải phù hợp và hài hòa với Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đề nghị Quý Bộ hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, bổ sung quy định về giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm do Thành phố Hồ Chí Minh thành lập.

Trên đây là báo cáo của Bộ Y tế, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KH-TC3.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG *Khuê*

* Trần Văn Thuận



Số: **799/BCT-CTDP**
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
quyết thay thế Nghị quyết số
54/2017/QH14 của Quốc hội

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết), Bộ Công Thương có ý kiến đối với các nội dung có liên quan đến chức năng quản lý của Bộ như sau:

1. Về nội dung chung của dự thảo Nghị quyết:

Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ Công Thương đánh giá cao nội dung hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, hồ sơ đã nêu được những vấn đề bất cập khi thành phố triển khai các quy định của pháp luật hiện hành, từ đó đã đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp, đột phá để tháo gỡ các điểm nghẽn, ảnh hưởng đến sự phát triển của Thành phố trong thời gian tới.

2. Về nội dung cụ thể của dự thảo Nghị quyết (gồm 4 nhóm cơ chế, chính sách với 52 cơ chế, chính sách (CCCS)):

2.1. Bộ Công Thương ủng hộ nội dung các CCCS của dự thảo Nghị quyết đối với Nhóm 1: gồm 12 CCCS đã được quy định tại Nghị quyết số 54 như: quyết định phí, lệ phí mới, Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách Thành phố, tăng mức dư nợ vay; Nhóm 2: gồm 6 CCCS có nội dung tương tự đã được quy định tại các Nghị quyết đặc thù của các địa phương khác như: tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công, UBND Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị; Nhóm 3: gồm 9 CCCS có trong dự thảo Luật đất đai sửa đổi, Luật nhà ở sửa đổi dự kiến trình Quốc hội trong thời gian sắp tới như: UBND Thành phố được ban hành và áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tất cả

các khu đất, thửa đất; phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho UBND các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện.

2.2. Đối với nhóm 4: gồm 35 CCCS mới, có trong các Điều từ Điều 4 đến Điều 10 (chia thành 3 loại):

+ Loại 1: Bộ Công Thương ủng hộ các CCCS về ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm nghiên cứu và phát triển R&D; sản xuất chip, bán dẫn, vật liệu mới, năng lượng sạch (Điều 7); CCCS về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp (Điều 8); phân cấp, phân quyền cho Thành phố Thủ Đức (Điều 10) vì đây là các CCCS có tính đột phá, tạo động lực phát triển cho Thành phố, phù hợp với các Nghị quyết của Bộ Chính trị mới được ban hành.

+ Loại 2: Bộ Công Thương đề nghị Thành phố cân nhắc, xem xét sự cần thiết đưa vào dự thảo Nghị quyết: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn NSDP hàng năm trước ngày 15/12; Hội đồng nhân dân các cấp được quyết định tạm dừng, hủy bỏ chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của cấp mình.

+ Loại 3: Đối với các CCCS còn lại như: phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD) (khoản 6 Điều 4); CCCS về thuê nhà đất thứ hai trở lên (khoản 1 Điều 5); đầu tư thực hiện dự án thuộc lĩnh vực giao thông theo hình thức BT được thanh toán bằng vốn ngân sách thành phố (khoản 10 Điều 4), Bộ Công Thương đề nghị Thành phố nghiên cứu kỹ khả năng triển khai thực hiện.

2.3. Đối với nhóm 5: Một số CCCS chưa được xây dựng nhưng có tác động lớn đến quá trình phát triển kinh tế của Thành phố, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm như: CCCS để giải quyết vấn đề tắc nghẽn giao thông, ứng ngập, ô nhiễm môi trường của Thành phố, xây dựng các công trình thương mại liên quan đến các tuyến tàu điện ngầm, Cảng quốc tế Cần Giờ và Trung tâm tài chính Quốc tế.

3. Về các nội dung cụ thể, đề nghị nghiên cứu, bổ sung:

3.1. Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 về ban hành danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng giai đoạn 2021-2025. Do vậy, đề nghị rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù, nổi bật liên quan đến ngành công nghiệp và thương mại, trong đó tập trung phát triển trung tâm Logistic và phát triển thương mại điện tử để Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giữ vai trò nền tảng, tăng sức cạnh tranh cho toàn ngành trong việc phát triển thương mại nội địa cũng như xuất khẩu, nhập khẩu.

3.2. Đối với các cơ chế thí điểm phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố:

Ngày 17/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó đã định hướng nhiều giải pháp đột phá nhằm phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa.

Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu triển khai một số giải pháp thí điểm, đột phá trên cơ sở phù hợp với Nghị quyết số 29-NQ/TW nhằm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn như sau:

- Xây dựng cơ chế thí điểm đặt hàng, mua sắm công, giao nhiệm vụ sản xuất cho các doanh nghiệp lớn nhằm nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghiệp trọng điểm của Thành phố.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế hỗ trợ tín dụng từ nguồn ngân sách của Thành phố cho các doanh nghiệp có dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp trọng điểm, công nghiệp hỗ trợ.

- Cơ chế hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo công nghiệp với các ưu đãi vượt trội từ ngân sách của Thành phố cho trung tâm nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng các công nghệ sản xuất cho doanh nghiệp.

3.3. Tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị nghiên cứu, bổ sung:

“Đối với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật như đầu tư các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào Luật Điện lực, quy hoạch phát triển điện lực được duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được chủ động quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án có nguồn vốn ngoài đầu tư công với hình thức giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất.”.

3.4. Tại Mục 1 Điều 7 về các ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rà soát, điều chỉnh các ngành, nghề ưu tiên của thành phố dựa trên các nguyên tắc sau:

- + Các ngành, nghề ưu tiên nêu trên cần có cơ hội về quy mô thị trường phù hợp (trong nước hoặc xuất khẩu);

- + Có khả năng lan tỏa, phát triển hệ thống doanh nghiệp công nghiệp – đặc biệt là doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn;

- + Phù hợp với khả năng hỗ trợ từ nguồn lực của Thành phố (cả nguồn lực từ ngân sách lẫn nguồn lực xã hội hóa).

Trên cơ sở đó, Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét bổ sung một số ngành, nghề ưu tiên phát triển trong thời gian tới như sau:

+ Thiết kế thời trang – với mục tiêu để Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm thời trang của quốc gia, làm động lực để thúc đẩy phát triển các ngành dệt may, da – giày ở các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao theo định hướng Chiến lược phát triển ngành dệt may, da – giày được phê duyệt tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 29/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chế tạo thiết bị năng lượng – đặc biệt là các thiết bị năng lượng tái tạo để tận dụng cơ hội thị trường khi Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt, phù hợp với xu thế ứng phó với biến đổi khí hậu;

+ Công nghiệp hóa dược, sinh học;

+ Chế tạo máy nông nghiệp, máy động lực.

3.5. Tại Điều 8 của dự thảo Nghị quyết:

+ Tại Khoản a, b Mục 1 đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định, tiêu chí làm rõ các đối tượng được hưởng ưu đãi, gồm: doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (mặc dù, tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết đã giải thích từ ngữ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

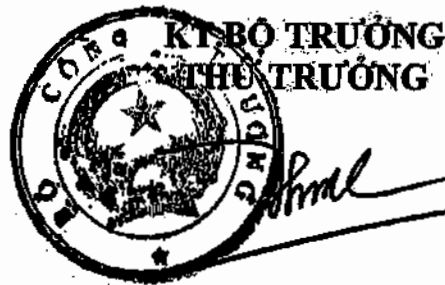
+ Tại Khoản c Mục 1, bổ sung trách nhiệm của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong việc quy định tiêu chí đối với “nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt”.

+ Đối với các mức ưu đãi cụ thể quy định tại Điều 8, đề nghị cơ quan chủ trì dự thảo Nghị quyết làm việc, tham vấn với các Bộ, ngành, đầu mối có liên quan để xác định mức ưu đãi phù hợp.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công Thương, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, hoàn thiện. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Cục: ĐL, CN, KTAT;
- Các Vụ: KHTC, TTTN, KHCCN, TKNL;
- Lưu: VT, CTĐP (02).



Phan Thị Thắng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 576 /BNV-CQDP

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết thay
thế Nghị quyết số 54/2017/QH14
của Quốc hội

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Văn bản số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

I. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố cần bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chủ trương của Đảng về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

c) Phù hợp với điều kiện, đặc điểm và năng lực quản lý của Thành phố.

2. Về nhóm các vấn đề dự kiến đề xuất quy định trong Nghị quyết của Quốc hội

Bộ Nội vụ đề nghị tập trung vào 04 nhóm vấn đề sau: (1) Những nội dung quy định trong Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội vẫn còn phù hợp đề nghị tiếp tục thực hiện trong thời gian tới; (2) Rà soát các nội dung quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội đã ban hành về các cơ chế, chính sách đặc thù đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, nếu phù hợp với thực tiễn phát triển của Thành phố thì đề xuất đưa vào dự thảo Nghị quyết; (3) Rà soát các nội dung quy định trong các dự thảo Luật đang chuẩn bị trình Quốc hội thời gian tới để đề xuất cho Thành phố áp dụng thí điểm trước khi các Luật này được trình Quốc hội xem xét; (4) Đề xuất các nội dung chính sách, cơ chế mới có tính đặc thù, vượt trội, phù hợp với điều kiện, đặc điểm phát triển riêng của Thành phố.

3. Về hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết

a) Hồ sơ lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan Trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi đến chưa kèm theo dự thảo Tờ trình, Đề án của Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, đề nghị Quý Bộ bổ sung các văn bản này nhằm thuyết minh, giải trình rõ các căn cứ đề xuất các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết.

b) Rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết để bảo đảm chỉ đề xuất quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nếu cần thiết quy định trong dự thảo Nghị quyết thì chỉ quy định mang tính nguyên tắc, làm cơ sở để các cơ quan thực hiện phân công, phân cấp theo thẩm quyền.

II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Điều 3 (đối tượng áp dụng)

Đề nghị làm rõ khoản 3 Điều 3 “Tổ chức, cá nhân khác có liên quan” (như các đối tượng thuộc quản lý của các cơ quan Trung ương có trụ sở làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị quyết (về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo)

Tại tiết đ điểm 3.1 khoản 3 Mục II Nghị quyết số 27-NQ/TW đã quy định “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao”. Theo đó, đề nghị rà soát nội dung tại khoản 2 Điều 8 để quy định cho phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW.

3. Khoản 5 Điều 10 dự thảo Nghị quyết (chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo):

Để có cơ sở triển khai thực hiện được ngay khi dự thảo Nghị quyết này được ban hành, đề nghị đề xuất cụ thể mức phụ cấp chức vụ tại dự thảo Nghị quyết và làm rõ căn cứ đề xuất mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với từng chức danh lãnh đạo của thành phố Thủ Đức tại dự thảo Tờ trình, bảo đảm tương quan chung đối với các chức danh lãnh đạo của thành phố Hồ Chí Minh (không quy định “phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo được quy định phù hợp với yêu cầu, tính chất và quy mô công việc” như tại khoản 5 Điều 10 nêu trên).

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Duy Thăng;
- Văn phòng Bộ (Phòng TH -TK);
- Lưu: VT, CQĐP (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng

Số: 448 /BVHTTDL-KHTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về cơ chế chính sách thí điểm tạo động lực phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành như sau:

1. Về căn cứ ban hành

Điều 9 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước quy định: “Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản, có hiệu lực pháp lý cao hơn; đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành, tuy chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành” (khoản 1) và “Luật được ban hành căn cứ vào Hiến pháp, Nghị quyết của Quốc hội được ban hành căn cứ vào Hiến pháp, luật (nếu có)” (khoản 2), do đó, cần bỏ căn cứ là “Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

2. Về kết cấu

Đề nghị xem xét chuyển Điều 3 (Đối tượng áp dụng) lên thành Điều 2, ngay sau Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh).

3. Đối với điểm a, khoản 9, Điều 4 đề nghị bổ sung sửa đổi như sau:

“Thành phố được áp dụng Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án *đầu tư thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao*”, vì:

- Lĩnh vực văn hóa và thể thao có nhiều hoạt động công ích phục vụ xã hội nên khó thu hút đầu tư (do lợi nhuận không cao so với nhiều ngành khác). Do đó, nếu được áp dụng Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao (đặc biệt là các dự án xây dựng cơ sở vật chất lĩnh vực văn hóa và thể thao) góp phần tăng cường hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trong lĩnh vực văn hóa và thể thao, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định “*cơ cấu của ngành công nghiệp văn hóa bao gồm 12 lĩnh vực chủ yếu sau: quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa*”. Khái niệm “văn hóa” rộng hơn so với “công nghiệp văn hóa”, đặc biệt đáp ứng yêu cầu huy động nguồn lực để thực hiện trùng tu, bảo tồn di sản văn hóa như Báo cáo đánh giá tác động của chính sách mà Thành phố Hồ Chí Minh đang nêu.

- Đề đảm bảo thống nhất với nội dung đánh giá tại báo cáo đánh giá tác động của chính sách “*việc thu hút đầu tư giúp thành phố xây dựng được nhiều công trình có kiến trúc đẹp nâng cao mỹ quan của thành phố, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bổ sung các địa điểm tổ chức các hoạt động giao lưu sáng tạo văn hóa và thụ hưởng về văn hóa từ các công trình văn hóa thể thao.*”

4. Điều 7 (Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị bổ sung một số ngành thuộc lĩnh vực văn hóa: xây dựng các trung tâm công nghiệp văn hóa, không gian sáng tạo và khởi nghiệp; trung tâm chiếu phim hiện đại, trường quay, khu phức hợp, đa năng phù hợp với các loại hình nghệ thuật như biểu diễn ca nhạc, trình diễn thời trang,...; các trung tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp văn hóa; trung tâm triển lãm, mỹ thuật, nhiếp ảnh. Đầu tư, xây dựng thí điểm Trung tâm giám định và đấu giá tác phẩm mỹ thuật ngoài công lập, các trung tâm thiết kế thời trang và mạng lưới liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong ngành để phù hợp với đề xuất tại điểm a, khoản 9 Điều 4 của dự thảo.

5. Điều 11 (Áp dụng pháp luật) Nên cân nhắc bỏ khoản 3 Điều 11. Trong trường hợp có Nghị quyết bãi bỏ hoặc thay thế dự thảo Nghị quyết thì nội dung tại khoản 3 Điều 11 sẽ được quy định trong điều khoản chuyên tiếp của Nghị quyết bãi bỏ, thay thế dự thảo Nghị quyết.

6. Điều 12 (Điều khoản thi hành)

- Cân nhắc bỏ cụm từ “cho đến khi có Nghị quyết hoặc văn bản luật mới thay thế” tại khoản 1 Điều 12.

- Đề nghị bỏ khoản 5 Điều 12 do trùng lặp với khoản 4 Điều 12.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Hoàng Đạo Cương (để báo cáo);
- UBND TP Hồ Chí Minh;
- Cục Bản quyền tác giả; Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, KHTC, NTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Đạo Cương

Số: 756 /BTNMT-KHTC

V/v xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

I. Về cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công tại Khoản 10, Điều 4 của dự thảo Nghị quyết:

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ ngày 01 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 5995/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 7 tháng 10 năm 2022 gửi Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Về nội dung thị trường cacbon quy định tại điểm a, b Khoản 13, Điều 5 Dự thảo Nghị quyết:

Nội dung tại Điểm a, b Khoản 13 Điều 5 bản chất là quy định về thí điểm cơ chế sử dụng nguồn vốn vay từ Ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho các doanh nghiệp tư nhân, đơn vị sự nghiệp công vay để thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và thực hiện theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cacbon cũng như sử dụng nguồn tài chính thu được từ bán tín chỉ cacbon và cho phép sử dụng các mái nhà của các trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công, trụ sở doanh nghiệp có vốn nhà nước của Thành phố để lắp đặt hệ thống điện mặt trời. Các quy định này không phải quy định về cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cacbon và phát triển thị trường cacbon. Đây là các quy định về cơ chế tài chính nhằm hỗ trợ kinh phí thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, trong đó có phương án thu được tín chỉ cacbon để bán trên thị trường.

Việt Nam đã cam kết cắt giảm phát thải khí nhà kính bắt đầu từ năm 2021 cho giai đoạn đến năm 2030 và đến năm 2050. Mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính quốc gia đến năm 2030 được cụ thể hóa tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) gửi Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 của Việt Nam đã được cụ thể hóa tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Các địa phương có nghĩa vụ tổ chức triển khai thực hiện NDC cập nhật theo chức năng,

nhiệm vụ được giao; hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ, quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy mô và ngành nghề sản xuất tại địa phương và phạm vi quản lý nhằm góp phần đạt được mục tiêu cam kết cắt giảm phát thải khí nhà kính trong NDC. Do đó, đề nghị Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các Bộ: Công Thương, Giao thông và vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường xác định tỉ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn Thành phố cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính quốc gia.

III. Về các đề xuất tại Điều 6 Dự thảo Nghị quyết về lĩnh vực Quản lý đô thị và môi trường:

1. Đề xuất về xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất:

Khoản 3 Điều 6 cho phép Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua; trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Thành phố được ban hành và áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tất cả các khu đất, thửa đất (không phân biệt giá trị tính theo bảng giá đất) đối với các trường hợp:

a) Bảng giá đất đã thu thập thông tin thị trường đến từng thửa đất để đảm bảo áp dụng cho hộ gia đình cá nhân sử dụng đất ngoài hạn mức và các dự án thấp tầng;

b) Đối với dự án của các tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Trả lời: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ ngày 01 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 5995/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 7 tháng 10 năm 2022 gửi Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, đề nghị cân nhắc việc áp dụng quy định này đối với các dự án xây dựng nhà ở thương mại vì Dự án nhà ở thương mại là dự án nhà ở được đầu tư xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua theo cơ chế thị trường; trong đó, chủ đầu tư phải xây dựng nhà ở và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong dự án theo đúng quy hoạch chi tiết, nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tuân thủ thiết kế, tiêu chuẩn diện tích nhà ở và tiến độ của dự án đã được phê duyệt. Khi đó, dự án nhà ở thương mại sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng sẽ tạo ra giá trị thặng dư lớn hơn nhiều so với giá trị hiện tại của khu đất khi chưa được đầu tư xây dựng. Việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất ban hành hàng năm sẽ không phản ánh được chính xác giá đất phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao đất để thực hiện dự án. Do vậy, đề nghị cân nhắc việc áp dụng quy định này đối với các dự án xây dựng nhà ở thương mại, cần phải thực hiện xác định giá đất cụ thể theo quy trình chặt chẽ, bảo đảm không thất thu ngân sách nhà nước.

2. Đề xuất về nguyên tắc bồi thường về đất:

Khoản 4 Điều 6 Ủy ban nhân dân Thành phố được áp dụng nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

a) Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo thu nhập và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ;

b) Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu và Thành phố có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tỷ lệ phần trăm này phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trả lời: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ ngày 01 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 5995/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 7 tháng 10 năm 2022 gửi Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đề xuất về thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng "quyền thuê đất" đóng tiền hàng năm:

Khoản 5 Điều 6 Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng "quyền thuê đất" đóng tiền hàng năm đối với các khu đất có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn hoặc tạo lập hợp pháp bằng nguồn vốn không có nguồn gốc thuộc ngân sách nhà nước đảm bảo các điều kiện như sau:

a) Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận, trừ trường hợp phải thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực thi hành hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra;

c) Đất không có tranh chấp;

d) Trong thời hạn sử dụng đất;

đ) Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013;

e) Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án và phải thực hiện thủ tục đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trả lời: Thể chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW về thương mại hóa quyền sử dụng đất dự thảo Luật đã bổ sung quy định quyền của người sử dụng đất thuê

trả tiền thuê đất hàng năm được thế chấp, bán quyền thuê đất trong hợp đồng thuê đất và cho thuê lại quyền thuê đất.

Việc thành phố đề xuất nội dung thí điểm được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng "quyền thuê đất" đề nghị sửa lại như sau:

"5. Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất theo quy định sau đây:

a) Người thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 188 và khoản 1 Điều 189 Luật Đất đai;

b) Người nhận chuyển nhượng, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Đất đai;

c) Người nhận chuyển nhượng, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án."

4. Đề xuất đối với các quỹ đất được chấp thuận chủ trương thanh toán cho các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) trước ngày 01 tháng 01 năm 2021:

Khoản 6, Điều 6 Dự thảo Nghị quyết đối với các quỹ đất thanh toán cho các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2021):

a) Cho phép Thành phố thực hiện việc "Thu hồi đất đối với các quỹ đất công để tạo quỹ đất thanh toán cho các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) do Thủ tướng Chính phủ hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất";

b) Cho phép Thành phố được áp dụng "Căn cứ kết quả lựa chọn Nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền" để thực hiện giao thuê đối với các quỹ đất công được chấp thuận chủ trương thanh toán cho các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2021). Thời điểm thực hiện giao, thuê các khu đất để thanh toán cho các dự án BT chỉ thực hiện sau khi dự án BT được nghiệm thu và kiểm toán. Giá đất được tính tại thời điểm đã nghiệm thu và kiểm toán.

Trả lời: Việc giải quyết quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 là nội dung đã được quy định trong Luật Đầu tư năm 2020. Trong trường hợp Hợp đồng BT đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực (ngày 01 tháng 01

năm 2021) đã xác định thanh toán bằng quỹ đất, đã chỉ rõ vị trí khu đất sẽ được dùng để thanh toán thì việc Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị tiếp tục thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, thời điểm xác định giá đất như trong Dự thảo là phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng BT.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rà soát đảm bảo việc ký kết và thực hiện các hợp đồng BT đã ký kết là đúng quy định, trình tự, thủ tục và thẩm quyền tại thời điểm ký kết và chịu trách nhiệm về việc thực hiện theo cơ chế này theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đồng thời xem xét chi thực hiện thu hồi đất đối với quỹ đất là tài sản công đã được xác định để thanh toán đối ứng cho Nhà đầu tư thực hiện xong dự án BT.

Trường hợp chuyển sang thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai thì đề nghị Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Tổ công tác theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ để được xem xét giải quyết tương tự như các trường hợp đã đưa vào Báo cáo của Tổ công tác này.

5. Đề xuất phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

Khoản 7, Điều 6 phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện. Việc phân cấp được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức tổ chức việc xác định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp huyện được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể;

c) Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức căn cứ nhiệm vụ được giao để thành lập Hội đồng thẩm định giá đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định kết quả tư vấn xác định giá đất; căn cứ kết quả của Hội đồng thẩm định giá đất trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hội đồng thẩm định giá đất tại các quận, huyện và thành phố Thủ Đức được áp dụng tương tự như quy định tại Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT của Liên Bộ Tài chính và Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp vướng mắc, khó khăn, Chủ tịch Hội đồng Thẩm định giá đất cấp tỉnh hướng dẫn thực hiện.

Trả lời: Đề xuất phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện là phù hợp với chủ trương, quan điểm “phân cấp, phân quyền phù hợp, hiệu quả đối với địa phương” của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

6. Đề xuất đối với các dự án về cảng biển (kể cả dự án lấn biển):

Khoản 8, Điều 6 đối với các dự án về cảng biển (kể cả dự án lấn biển), cho phép Thành phố thực hiện thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước như sau:

a) Đối với phần diện tích mặt nước thì thực hiện việc cho thuê theo Luật Biển Việt Nam và Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

b) Đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm, bồi lấp sẽ được thực hiện cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

Trả lời: Đây là nội dung vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Nay Thành phố đề nghị Quốc hội cho phép chỉ áp dụng pháp luật về đất đai là đúng thẩm quyền của Quốc hội.

Tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) cũng đã đề xuất nội dung này theo hướng dự án lấn biển thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

7. Đề xuất đối với các trường hợp gia hạn sử dụng đất:

Khoản 9, Điều 6 Thành phố được gia hạn sử dụng đất đối với các trường hợp theo phân loại như sau:

a) Trường hợp các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại phát mãi quyền sử dụng đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất; Chủ đầu tư các dự án đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp mà đang thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Trường hợp Chủ đầu tư các dự án đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp mà chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì được Nhà nước gia hạn sử dụng đất đến trước ngày 30 tháng 6 năm 2024. Sau thời hạn trên, nếu không được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì thực hiện thu hồi đất và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;

b) Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất nhưng không quá thời điểm Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực thi hành. Sau thời điểm Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Dự án được gia hạn thời hạn hoạt động của dự án theo từng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư thì Ủy ban nhân dân Thành phố được gia hạn thời hạn sử dụng đất theo từng năm cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện.

Trả lời: Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XIII), đồng thời để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đã đề xuất nội dung sửa đổi như sau: “Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với loại đất có quy định thời hạn là thời gian sử dụng đất còn lại của thời hạn sử dụng đất trước khi nhận chuyển quyền sử dụng đất. Khi hết thời hạn sử dụng đất, nếu có nhu cầu thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất được Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức sử dụng của cá nhân thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận quyền sử dụng đất trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ, quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành mà hết hạn sử dụng đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì được Nhà nước xem xét cho gia hạn theo thời hạn quy định của pháp luật về đất đai.”

Việc thí điểm là cần thiết để giải phóng nguồn lực cho xã hội, tuy nhiên, đề nghị sửa lại như sau:

“Thành phố được gia hạn sử dụng đất đối với các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại phát mãi quyền sử dụng đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất; Chủ đầu tư các dự án đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp mà đang thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Trường hợp Chủ đầu tư các dự án đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp mà chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì được Nhà nước gia hạn sử dụng đất đến trước ngày 30 tháng 6 năm 2024. Sau thời hạn trên, nếu không được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì thực hiện thu hồi đất và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;

b) Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất nhưng không quá thời điểm Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực thi hành. Sau thời điểm Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.”

8. Đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội:

Khoản 10 Điều 6 Cho phép Thành phố thí điểm bổ sung hình thức “có quyền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn sử dụng đất không phải là đất ở đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội” vào các quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Nhà ở (đối với nhà ở xã hội), Điểm c Khoản 1 Điều 75 Luật Đầu tư 2020 và Điều 4 Luật số 03/2022/QH15.

Trả lời: Đây là nội dung vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Nhà ở, Luật Đầu tư. Nay Thành phố đề nghị Quốc hội cho phép chỉ áp dụng pháp luật về nhà ở là đúng thẩm quyền của Quốc hội.

9. Đề xuất về thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp Giấy phép môi trường:

Khoản 12, Điều 6 Phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng

thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quy định tại số thứ tự 1 Mục I Phụ lục III phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã được phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư quy định tại số thứ tự 4 và 5 Mục II Phụ lục III phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trừ trường hợp dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt liên tỉnh, có sử dụng hoặc có yêu cầu chuyển đổi đất, đất có mặt nước của các khu vực quy định tại điểm c, d, đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP mà khu vực đó nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên.

Trả lời: Cơ bản thống nhất chủ trương phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với một số trường hợp dự án đầu tư. Tuy nhiên, để bảo đảm tính đồng bộ và có tính khả thi, đề nghị chỉnh lý điểm a khoản 12 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết như sau: *“Thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quy định tại số thứ tự 1 Mục I Phụ lục III phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã được phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 4 và điểm a khoản 12 Điều 5 Nghị quyết này”*, do việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định chủ trương đầu tư đối với một số trường hợp cụ thể đang được quy định cụ thể tại Dự thảo Nghị quyết.

10. Về chất thải rắn sinh hoạt:

Khoản 13, Điều 6 Cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện cơ chế khuyến khích đối với các Chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện đáp ứng lộ trình, tiêu chí của Thành phố đề ra bằng hình thức đặt hàng bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt xử lý.

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường *“Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật”*, do vậy đối với đề xuất tại khoản 13 Điều 6 dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh *“Cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện cơ chế khuyến khích đối với các Chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt*

hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện đáp ứng lộ trình, tiêu chí của Thành phố đề ra bằng hình thức đặt hàng bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt xử lý" phù hợp với quy định. Tuy nhiên để việc triển khai hiệu quả, cần có đánh giá cụ thể trước và sau khi thực hiện.

IV. Tại Khoản 5, Điều 10 Dự thảo Nghị quyết về cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền và tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức:

Trả lời: Theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thì thành phố Thủ Đức vẫn thuộc đơn vị hành chính cấp huyện. Do đó, việc đề xuất thành lập Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức là không bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo tinh thần tại Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương: "Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; bố trí nguồn lực hợp lý để xây dựng, hoàn thiện đúng tiến độ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; bảo đảm quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương...". Do đó, đề nghị bỏ nội dung này đồng thời đề nghị chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

(Gửi kèm theo các văn bản: Phiếu Thành viên Chính phủ số 316/PLYK/2022 ngày 27 tháng 9 năm 2022 về việc cho ý kiến về dự thảo Báo cáo của Chính phủ tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 5995/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 gửi Văn phòng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi nhận:

- Như trên;

Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);

Lưu: VT, KHTC, (L).



Số: 1754 /BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023

V/v góp ý kiến xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trả lời văn bản số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xin ý kiến xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

1. Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu: "*Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển*"; Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo: "*Chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với Thành phố hoàn chỉnh Đề án ban hành Nghị quyết mới về thí điểm cơ chế, chính sách vượt trội phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trình Quốc hội;....*".

2. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó phân nhiệm vụ, giải pháp có nêu: "*Thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế*".

3. Chính phủ đã Báo cáo kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV về tổng kết Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội (Báo cáo số 417/BC-CP và số 418/BC-CP ngày 16/10/2022) và Quốc hội đã có Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15/11/2022 về kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, theo đó có nêu "*Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 54/2017/QH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất...*".

4. Căn cứ vào các định hướng nêu trên, Bộ Tài chính thống nhất với đề xuất của Thành phố cần thiết phải xây dựng Nghị quyết của Quốc hội thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14.

II. Về đánh giá thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14

Chính phủ đã Báo cáo kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV về tổng kết Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội (Báo cáo số 417/BC-CP và số 418/BC-CP ngày 16/10/2022). Do vậy, đề nghị Thành phố, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở nội dung Báo cáo của Chính phủ để rà soát, báo cáo nội dung đánh giá cho phù hợp; đồng thời, cập nhật, bổ sung nội dung Thành phố đã thực hiện (nếu có) từ thời điểm Chính phủ báo cáo Quốc hội cho đến thời điểm xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14.

III. Về nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14

1. Về ý kiến chung:

Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: Bộ Tài chính thống nhất thực hiện thí điểm ở các lĩnh vực quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh; quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, ủy quyền và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền và tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức.

2. Về ý kiến tham gia cụ thể:

a) Về quản lý đầu tư (Điều 4 dự thảo):

Tại khoản 8 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: “Phần diện tích đất công (nếu có) trong các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nêu tại Khoản 8 Điều này không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công”.

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Theo quy định của pháp luật về sắp xếp, xử lý tài sản công thì trường hợp bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công phải đấu giá cả đất và tài sản trên đất. Trong thực tế, trong một khu đất có phần nhà, đất là tài sản công và phần không phải là tài sản công¹; các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Tuy nhiên, nếu thỏa mãn điều kiện đấu thầu thì có thể thực hiện theo hình thức đấu thầu, nhưng lại vướng pháp luật về tài sản công. Do vậy, xử lý nội dung chính sách này, Bộ Tài chính đề nghị cần phân loại dự án để xử lý theo hướng:

¹ Theo quy định của pháp luật đất đai thì phải thực hiện đấu giá từ trường hợp: Giao đất không thu tiền sử dụng đất; sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định tại Điều 110 của Luật Đất đai; sử dụng đất vào mục đích hoạt động khoáng sản; sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội và nhà ở công vụ; giao đất ở cho cán bộ, công chức, viên chức chuyển nơi công tác theo quyết định điều động của cơ quan có thẩm quyền; giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở; giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở.

- Đối với dự án thuộc trường hợp đấu thầu, không thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì không phải sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, dự án kinh doanh bất động sản (dự án xây dựng nhà ở thương mại, dự án kinh doanh thương mại dịch vụ,...), thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công và phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản trên đất nếu có (không thực hiện đấu thầu dự án sử dụng đất).

b) Về tài chính ngân sách (Điều 5 dự thảo)

Về các chính sách của lĩnh vực này, tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 cho phép thành phố thí điểm 09 nội dung, trong đó có 01 nội dung về số thu từ cổ phần hóa và thoái vốn đã được quy định áp dụng trong cả nước. Dự thảo Nghị quyết đề xuất 16 chính sách, trong đó có 03 chính sách² đã được quy định trong Nghị quyết số 54/2017/QH14; có 03 chính sách³ đã quy định trong Nghị quyết số 54/2017/QH14 nhưng có sửa đổi, bổ sung; bỏ 02 chính sách⁴ đã được quy định trong Nghị quyết số 54/2017/QH14; có 10 chính sách đề xuất mới.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến cụ thể như sau:

(1) Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định:

"1. Về thuế nhà đất thứ hai trở lên: Xem xét, lựa chọn một phương án. Trường hợp không thực hiện Phương án 1 thì thực hiện Phương án 2.

² (1) HĐND Thành phố quyết định áp dụng trên địa bàn Thành phố: (i) Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; (ii) Tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí; (2) HĐND Thành phố được quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển KTXH và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ; (3) Hằng năm, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách thành phố tương ứng 70% số tăng thu NSTW từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và ngân sách thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định) và số tăng thu từ các khoản thu NSTW hưởng 100% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; số bổ sung có mục tiêu không cao hơn số tăng thu NSTW trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước

³ (1) Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách, HĐND Thành phố được quyết định sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách và chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức; (2) Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp; (3) Ngân sách thành phố được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do các cơ quan, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố (trừ các cơ quan, đơn vị quốc phòng, an ninh) để đầu tư hạ tầng KTXH thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố.

⁴ (1) HĐND Thành phố đề xuất để Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định áp dụng trên địa bàn Thành phố thí điểm tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường với mức tăng không quá 25% so với mức thuế hoặc thuế suất hiện hành; (2) Đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng thuộc nhiệm vụ chỉ của NSTW trên địa bàn Thành phố, cho phép Thành phố sử dụng ngân sách của mình, các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của Thành phố, vay trong phạm vi quy định hoặc huy động theo phương thức đối tác công tư (PPP) để sớm hoàn thành dự án. NSTW có trách nhiệm hoàn trả cho Thành phố phần dự toán chi thuộc trách nhiệm của NSTW, không bao gồm phần lãi vay trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo.

Phương án 1:

Thi điểm thu thuế đối với nhà ở và đất ở, mà người có quyền sử dụng đất hoặc sở hữu nhà ở không trực tiếp sử dụng để ở cho cá nhân và gia đình (gọi tắt là nhà, đất thứ 2 trở lên) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về căn cứ tính thuế, thuế suất, phương pháp tính thuế và thời gian áp dụng.

Phương án 2 (Trường hợp không thực hiện Phương án 1):

a) Chấp thuận tăng mức thu liên quan đến nhà đất thứ hai trở lên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: lệ phí trước bạ khi mua, nhận chuyển nhượng nhà đất thứ hai trở lên; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng nhà đất thứ hai trở lên;

b) Hội đồng nhân dân (HĐND) Thành phố quyết định áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tăng mức thuế suất thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở (mức tăng không quá 5 lần mức thu hiện hành) và tăng mức thuế suất thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng nhà đất thứ hai trở lên (mức tăng không quá 2 lần mức hiện hành);

c) HĐND Thành phố quyết định áp dụng tăng tỷ lệ thu lệ phí trước bạ khi mua, nhận chuyển nhượng nhà đất thứ hai trở lên từ mức 0,5% giá trị chuyển nhượng lên mức 2% và mức tối đa một hồ sơ chuyển nhượng từ mức 500 triệu đồng/hồ sơ lên 01 tỷ đồng/hồ sơ".

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Việc đánh thuế vào nhà ở, đất ở thứ hai sẽ điều tiết mạnh đối với tổ chức, cá nhân có nhiều nhà, đất, góp phần khuyến khích sử dụng nhà, đất tiết kiệm, hiệu quả, cũng như góp phần hạn chế đầu cơ bất động sản, khuyến khích phát triển thị trường bất động sản lành mạnh. Tuy nhiên, việc đánh thuế đối với nhà ở, đất ở thứ hai cần phải giải quyết một số vấn đề sau:

- Về mặt chính sách, đánh thuế đối với nhà ở, đất ở thứ hai có thể không đảm bảo tính công bằng trong nhiều trường hợp. Trên thực tế, giá trị nhà ở, đất ở có sự chênh lệch rất lớn, nếu đánh thuế đối với nhà, đất thứ 2 thì sẽ có trường hợp nhà, đất có giá trị không lớn lại thuộc đối tượng chịu thuế và nhà, đất có giá trị lớn lại không thuộc đối tượng chịu thuế; hoặc trường hợp người chỉ có một nhà ở, đất ở diện tích lớn hoặc giá trị lớn thì không bị đánh thuế, trong khi người có 2 nhà ở, đất ở đều có diện tích hoặc giá trị nhỏ lại bị đánh thuế. Điều này không đảm bảo công bằng xã hội, không đáp ứng được mục tiêu ban hành của chính sách thuế là điều tiết hợp lý thu nhập của một bộ phận tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng có giá trị lớn hoặc có nhiều nhà, đất.

- Về thực tiễn, việc đánh thuế đối với nhà ở, đất ở thứ hai là chưa phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam hiện nay: Tại Việt Nam các giao dịch mua bán bất động sản chủ yếu thực hiện trên hệ thống văn bản, giấy tờ, việc áp dụng công nghệ thông tin vẫn còn rất hạn chế, do đó, việc xác định sở hữu nhà, đất thứ hai trở đi của tổ chức, cá nhân là phức tạp, người nộp thuế sẽ tìm cách lách thuế bằng cách cho người khác đứng tên, hoặc thỏa thuận tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của từng thành viên trong gia đình.

- Về tác động đến thị trường bất động sản: Việc đánh thuế đối với nhà ở, đất ở thứ 2 trở lên tác động đến thị trường nhà cho thuê, chưa phù hợp với chủ trương của nhà nước về phát triển nhà ở. Đánh thuế đối với nhà cho thuê sẽ làm giảm cả cung - cầu nhà ở cho thuê và có khả năng ảnh hưởng tới người có thu nhập thấp do phần lớn đối tượng thuê nhà là người có thu nhập thấp.

- Ngoài ra, việc đánh thuế đối với nhà ở, đất ở thứ hai trở đi chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy hiện chỉ có rất ít quốc gia trên thế giới đánh thuế đối với việc sở hữu căn nhà thứ hai trở đi (như Croatia, Pháp).

Do đó, Bộ Tài chính đề nghị cân nhắc bỏ khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết.

(2) Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "HĐND Thành phố quyết định áp dụng trên địa bàn: a) Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. b) Tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí".

Đây là chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Theo Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố mới ban hành văn bản điều chỉnh tăng 01 khoản phí (phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị Thành phố đánh giá cụ thể, nhất là tác động đến môi trường kinh doanh khi ban hành chính sách về phí, lệ phí, để tránh tình trạng đề nghị được ban hành các cơ chế thí điểm vượt Luật, nhưng không triển khai trong thực tế dẫn đến các cơ chế, chính sách không đảm bảo tính thống nhất. Do đó, đề nghị Thành phố cân nhắc đề xuất cho tiếp tục thực hiện thí điểm chính sách này.

(3) Khoản 6 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định về cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương: "a) Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định (nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán không bao gồm kết dư ngân sách năm trước chuyển vào thu ngân sách năm sau). Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm

quyền, HĐND Thành phố được quyết định sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm theo Điều 8 của Nghị quyết này và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

b) HĐND Thành phố được quyết định tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên để thực hiện nội dung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này".

Chính sách này đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14, Bộ Tài chính đề nghị bỏ nội dung đề xuất thêm "nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán không bao gồm kết dư ngân sách năm trước chuyển vào thu ngân sách năm sau", vì theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 37 Luật NSNN là khoản thu của NSDP; mặt khác để bảo đảm thống nhất cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương của các địa phương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7, Ban chấp hành Trung ương Khóa XII.

(4) Khoản 7 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài (bao gồm cả hình thức vay nước ngoài hỗ trợ ngân sách Thành phố), trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN). Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, HĐND Thành phố được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

Đối với hình thức vay nước ngoài hỗ trợ ngân sách, ngân sách Thành phố được vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung, khoản hỗ trợ được chuyển trực tiếp vào ngân sách Thành phố để bố trí cho các chương trình, dự án thuộc danh mục đầu tư công trung hạn của Thành phố".

Chính sách này cơ bản đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14, có đề xuất thêm nguồn vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho Thành phố vay lại bằng hình thức hỗ trợ ngân sách Thành phố (không gắn với dự án cụ thể, quy trình thanh, quyết toán như nguồn vốn trong nước), vay lại từ nguồn Chính phủ vay trong nước; nâng mức dư nợ tối đa từ 90% lên 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp; đồng thời, quy định trong điều hành ngân

sách, Thành phố được chủ động về nguồn vay trong phạm vi dự toán đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

Bộ Tài chính thống nhất với đề xuất của Thành phố; tuy nhiên mức dư nợ đề nghị giữ như quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 là 90%, thực tế đến hết ngày 31/12/2021 tổng dư nợ của Thành phố là 24.161,6 tỷ đồng, mới bằng 31,9% mức dư nợ cho phép theo Nghị quyết số 54/2017/QH14.

(5) Khoản 9 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "*Ngân sách Thành phố được hưởng 30% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán nhà, đất) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố*".

Đây là chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14, có đề xuất bỏ cụm từ "*sau khi đã trừ kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới*" và mở rộng thêm phạm vi thêm các doanh nghiệp do Trung ương quản lý, ngân sách thành phố được hưởng 30% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Theo quy định tại Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, số tiền thu được từ sắp xếp lại nhà, đất của các Bộ, cơ quan trung ương (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) được nộp vào tài khoản tạm giữ do Bộ Tài chính làm chủ tài khoản, sau khi trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì số tiền còn lại được nộp vào NSNN. Khi thực hiện nộp tiền từ tài khoản tạm giữ vào ngân sách trung ương thì chưa xác định được số tiền thành phố Hồ Chí Minh được hưởng theo quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14, vì phụ thuộc vào việc phê duyệt, thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý. Việc phê duyệt, thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công nên thời gian thường kéo dài.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá Nghị quyết số 54/2017/QH14, nhằm mang lại hiệu quả thiết thực của việc thực thi chính sách, động viên, khuyến khích chính quyền địa phương, Bộ Tài chính cơ bản thống nhất với đề xuất của Thành phố, nhưng đề nghị sửa phạm vi như Nghị quyết số 54/2017/QH14 và mức ngân sách thành phố được hưởng; cụ thể: "*Ngân sách thành phố được hưởng 15% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán nhà, đất) do các cơ quan, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố (trừ các cơ quan, đơn vị quốc phòng, an ninh) để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố*".

(6) Khoản 10 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "Dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ trong tổng chi ngân sách quận để thực hiện các nhiệm vụ chi cần thiết thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách quận mà chưa được dự toán. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ khoản chưa phân bổ, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Thường trực HĐND Thành phố và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất".

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Để đảm bảo cho các quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính thống nhất với đề xuất của Thành phố, nhưng cần bổ sung mức quy định tối đa mức chưa phân bổ, cụ thể như sau: "Dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ 2-4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách quận mà chưa được dự toán. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ khoản chưa phân bổ, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Thường trực HĐND và báo cáo HĐND thành phố tại kỳ họp gần nhất".

(7) Khoản 11 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "Cho phép Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố (HFIC) là định chế tài chính đặc thù: Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; HĐND Thành phố được bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC; HFIC được phép cho ngân sách Thành phố vay để đầu tư các dự án đầu tư công mà Thành phố chưa bố trí được vốn với lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay tối thiểu của HFIC được Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định trong từng thời kì theo quy định; được thực hiện cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài để cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo ủy quyền của Bộ Tài chính; được nhận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập như tổ chức tín dụng; lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ, việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ của HFIC thực hiện như các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác, hỗ trợ doanh nghiệp thông qua cấp tín dụng ưu đãi".

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Bộ Tài chính đề nghị bỏ nội dung này, do HFIC là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ sở hữu hoạt động theo quy định của Luật Doanh

nghiệp và các văn bản liên quan. Ngoài ra, doanh nghiệp được chấp thuận thì điêm thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện chức năng của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương. Việc thực hiện tiếp nhận vốn và cho vay lại vốn thuộc chức năng của tổ chức tín dụng. Trong khi đó, theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thì doanh nghiệp nhà nước không được thực hiện chức năng cho vay đối với các doanh nghiệp khác. Do đó, việc đề xuất HFIC thực hiện chức năng định chế tài chính của chính quyền địa phương để tiếp nhận, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách thành phố, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để phục vụ cho đầu tư phát triển Thành phố; được thực hiện cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài để cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo ủy quyền của Bộ Tài chính là chưa đủ cơ sở nếu HFIC vẫn giữ mô hình là doanh nghiệp như hiện nay.

(8) Khoản 12 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "Đối với việc vay lại, sử dụng vốn vay trong nước, ngoài nước của Chính phủ: a) HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm A sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; b) Trong phạm vi hạn mức dư nợ vay và khả năng trả nợ của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố được vay lại vốn vay trong nước, ngoài nước của Chính phủ mà không thực hiện thẩm định điều kiện được vay lại".

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Đầu tư công, Thủ tướng Chính phủ quyết định chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Quy định này nhằm để Chính phủ thống nhất quản lý, kiểm soát vay nợ nước ngoài. Mặt khác, việc Thành phố vay lại nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện của các nhà tài trợ đã được Chính phủ cam kết; do vậy, Bộ Tài chính đề nghị bỏ nội dung này.

(9) Khoản 12 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định về thị trường cacbon:

"a) Cho phép Thành phố thí điêm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cac-bon và phát triển thị trường cac-bon. Ủy ban nhân dân Thành phố sử dụng nguồn vốn vay của Thành phố để cho vay hoặc giao HFIC làm đầu mối cho vay các doanh nghiệp tư nhân, đơn vị sự nghiệp công có mức độ tự chủ tài chính từ tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên, doanh nghiệp có vốn nhà nước của Thành phố để lắp đặt hệ thống điện mặt trời, chuyển đổi công nghệ để giảm phát thải khí nhà kính tạo ra tín chỉ cacbon.

b) Nguồn thu từ việc trao đổi, bù trừ tín chỉ cac-bon cho các tổ chức, đơn vị có nhu cầu được sử dụng để hoàn trả khoản nợ cho vay và xoay vòng để tiếp tục

phát triển thị trường cacbon trên địa bàn Thành phố cho đến khi có quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng nguồn thu này.

c) Cho phép sử dụng các mái nhà đảm bảo các điều kiện kỹ thuật của các trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công, trụ sở doanh nghiệp có vốn nhà nước của Thành phố để lắp đặt hệ thống điện mặt trời".

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Đối với các nội dung nêu trên, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Đối với quy định về cho vay lại nguồn vốn vay của Thành phố: Đề nghị không đưa nội dung này vào quy định về thị trường cacbon, vì thuộc nội dung về sử dụng vốn vay. Ngoài ra, theo Luật Quản lý nợ công, Ủy ban nhân dân không thuộc đối tượng được cho vay lại.

- Đối với việc cho phép sử dụng các mái nhà đảm bảo các điều kiện kỹ thuật của các trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công, trụ sở doanh nghiệp có vốn nhà nước của Thành phố để lắp đặt hệ thống điện mặt trời.

Về chính sách này, Bộ Tài chính đã có Công văn số 2731/BTC-QLCS ngày 24/3/2022 gửi Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh⁵, căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành, việc UBND Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thí điểm thực hiện việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp là không có cơ sở pháp luật để thực hiện. Tuy nhiên, đây là chính sách do Quốc hội quyết định, do vậy, trường hợp nhu cầu lắp đặt để sử dụng cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố Hồ Chí Minh nhằm giảm chi ngân sách cho Thành phố (không cho doanh nghiệp bên ngoài lắp đặt để kinh doanh) thì UBND Thành phố Hồ Chí Minh cần đánh giá kỹ hơn để có quy định cho phù hợp.

(10) Tại khoản 14 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: “Về thẩm quyền quyết định việc sử dụng tài sản công để thực hiện các hoạt động phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập: Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc giao Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự tổ chức thực hiện hoặc thực hiện đấu thầu, đấu giá lựa chọn tổ

⁵“... Tại khoản 4 Điều 34, khoản 4 Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng nhà ở công vụ, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản công khác để khai thác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 không quy định việc sử dụng mái nhà để thực hiện lắp đặt hệ thống điện mặt trời.

- Tại Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017, Quyết định số 02/2019/QĐ-TTg ngày 08/01/2019, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời Việt Nam quy định tổ chức, cá nhân có dự án điện mặt trời trên mái nhà bán lượng điện cho bên mua điện. Bên mua điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị thành viên được ủy quyền. Tại các Quyết định nêu trên của Thủ tướng Chính phủ cũng không quy định việc cho các doanh nghiệp sử dụng mái nhà của trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp để thực hiện dự án điện mặt trời và bán điện cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ vào các văn bản pháp luật nêu trên, việc UBND thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thí điểm thực hiện việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp là không có cơ sở pháp luật để thực hiện. Đề nghị không thực hiện”.

chức, cá nhân thuê tài sản công để thực hiện các hoạt động phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập”.

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Về chính sách này, Bộ Tài chính đã có Công văn số 9757/BTC-QLCS ngày 26/9/2022 gửi UBND Thành phố Hồ Chí Minh⁶; theo đó, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập cũng như mục đích sử dụng của các tài sản để xác định tài sản nào phục vụ nhiệm vụ chính trị của đơn vị và phục vụ cho hoạt động có tính chất kinh doanh để áp dụng quy định của pháp luật cho phù hợp. Vì vậy, không cần thiết phải đưa chính sách này vào Nghị quyết của Quốc hội.

(11) Khoản 15 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: "Cho phép Thành phố sử dụng kinh phí chi thường xuyên của NSNN để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; các dự án đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn".

⁶ "1. Về việc phân cấp hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại Khoản 7, khoản 11 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 quy định:

"Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

7. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước ở trung ương phân cấp, ủy quyền".

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 56, điểm a khoản 2 Điều 57, khoản 2 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: (i) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có giá trị lớn theo quy định của Chính phủ sau khi có ý kiến của Thường trực HĐND cùng cấp; (ii) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương vào mục đích liên doanh, liên kết sau khi có ý kiến của Thường trực HĐND cùng cấp.

Như vậy, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 không có quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý như nội dung Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nêu tại Công văn số 2348/UBND-KT ngày 12/7/2022.

Việc thực hiện thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và hướng dẫn của Bộ Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Về các hoạt động phụ trợ (hoạt động cần tin, bãi giữ xe, giặt là, dịch vụ lưu trú cho bệnh nhân,...)

- Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là tài sản phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

- Tại Điều 22 Luật Quản lý, sử dụng tài sản đã quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị có quyền sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Do vậy, các đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản công để thực hiện nhiệm vụ chính trị được Nhà nước giao, gồm có: Tài sản để phục vụ các nhiệm vụ chính (dạy, học, khám chữa bệnh...) và các hoạt động có tính chất phục vụ, phụ trợ (kỳ túc xá, căng tin, bãi giữ xe...).

- Theo quy định tại Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trong trường hợp tài sản được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất hoặc tài sản được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà không do ngân sách nhà nước đầu tư.

Căn cứ các quy định nêu trên: Trường hợp đơn vị sử dụng mặt bằng làm căng tin, bãi giữ xe để phục vụ hoạt động của đơn vị thì không thuộc trường hợp sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Điều 56, 57, 58 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và không phải lập Đề án. Trường hợp tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập đã được Nhà nước giao, đầu tư, xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị nhưng trong quá trình sử dụng không sử dụng hết công suất và đáp ứng 08 yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì đơn vị được sử dụng tài sản đó vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết và phải lập Đề án; báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định".

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Đối với nội dung: “*Sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư*”: Bộ Tài chính ủng hộ đề xuất của Thành phố, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp đề trình cấp có thẩm quyền.

- Đối với nội dung: “*Các dự án đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn*”: Bộ Tài chính thống nhất đề xuất của Thành phố, nhưng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham khảo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội để đảm bảo quy định tương quan về nội dung chính sách này.

c) Về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường (Điều 6 dự thảo)

Tại khoản 15 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “*Đối với các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp*”:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện các thủ tục về quyết toán, chuyển thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa; thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho doanh nghiệp cổ phần theo quy định của pháp luật đất đai;

b) Doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án để chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Bộ Tài chính thống nhất đề xuất của Thành phố, nhưng nghiên cứu, bổ sung điểm c tại khoản 15 Điều 6 dự thảo Nghị quyết theo hướng giao UBND Thành phố Hồ Chí Minh và doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa nhưng chưa lập và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa phải có trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng đất từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm quyết toán, chuyển thể đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai, tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, tránh thất thoát vốn, tài sản của nhà nước.

d) Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh (Điều 7 dự thảo)

Tại khoản 1, khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định:

"1. Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên.

5. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 5% trong thời gian 37 năm, miễn thuế 06 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp".

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Các ưu đãi thuế được quy định tại Luật thuế, thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Luật Thuế TNDN hiện hành quy định ưu đãi ở mức cao nhất (miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo; riêng các dự án có quy mô lớn và công nghệ cao hoặc mới cần đặc biệt thu hút đầu tư thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm) đối với các dự án đầu tư (bao gồm các dự án khởi nghiệp) tại các địa bàn, lĩnh vực ưu đãi, trong đó tập trung ưu đãi vào các lĩnh vực như khoa học và công nghệ, lĩnh vực công nghệ thông tin, lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư đã quy định cụ thể đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 quy định điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư. Nội dung đề xuất tại điểm a khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị quyết nêu trên là chưa có cơ sở và sẽ xung đột với quy định thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu đã được Diễn đàn hợp tác toàn cầu về BEPS thông qua ngày 08/10/2021 với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

Luật thuế TNDN quy định: "Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu

đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật".

Luật thuế không quy định cho phép khoản chi được trừ được tính bằng 150% chi phí thực tế khi tính thuế TNDN. Quy định này sẽ tạo ra sự phân biệt đối xử giữa Nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư khác. Nội dung chính sách quy định nêu trên cũng sẽ không đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật về thuế. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị bỏ chính sách này.

đ) Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (Điều 8 dự thảo)

Tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị quyết quy định:

"a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của nhà đầu tư thu được từ khoản đầu tư vốn vào doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân (TNCN) trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập của nhà đầu tư là cá nhân thu được từ khoản đầu tư vốn vào doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

c) Chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và Trung tâm Đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố được miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ lương, tiền công phát sinh tại Thành phố.

...

đ) Giảm 50% tiền thuê mặt bằng công sản tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức ươm tạo, thúc đẩy kinh doanh, cung cấp thiết bị dùng chung, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp."

Đây là chính sách đề xuất mới so với Nghị quyết số 54/2017/QH14. Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8: Luật thuế TNDN không quy định miễn thuế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thu nhập của nhà đầu tư thu được từ khoản đầu tư vốn vào doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Luật thuế TNDN hiện hành (khoản 6 Điều 4) quy định miễn thuế TNDN đối với *“Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp”*.

Như vậy trường hợp nhà đầu tư thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết vào doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi nhận thu nhập được chia từ hoạt động này thì được miễn thuế TNDN. Trường hợp khi thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện các dự án đầu tư đáp ứng điều kiện lĩnh vực và địa bàn ưu đãi thuế hiện hành thì được hưởng ưu đãi theo quy định. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị bỏ chính sách nêu trên, thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TNDN hiện hành.

- Đối với điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8: Luật thuế TNCN không quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập của nhà đầu tư là cá nhân thu được từ khoản đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nội dung đề xuất nêu trên chưa đảm bảo cơ sở pháp lý. Do đó, để đảm bảo công bằng, thống nhất trong việc thực thi chính sách thuế TNCN đối với các cá nhân có thu nhập. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị bỏ chính sách nêu trên, thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TNCN đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TNCN hiện hành.

- Tại điểm đ khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị quyết quy định: *“Giảm 50% tiền thuế mặt bằng công sản tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức uơm tạo, thúc đẩy kinh doanh, cung cấp thiết bị dùng chung, đổi mới công nghệ, chuyên gia công nghệ, thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp”*. Bộ Tài chính đề nghị bỏ chính sách này, đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

e) Về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, ủy quyền và và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (Điều 9 dự thảo)

Điểm c khoản 2 Điều 9 dự thảo Nghị quyết quy định HĐND Thành phố được quyền: *“Quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc khu vực quản*

lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ".

Nội dung này, tương tự như quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành trung ương khóa XII có nêu: "Mở rộng áp dụng cơ chế thí điểm đối với một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tự cân đối ngân sách và bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý".

Do vậy, để thực hiện đúng định hướng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, Bộ Tài chính đề nghị sửa lại như sau: "Quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ. Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do HĐND Thành phố quy định. Việc thực hiện các quy định này phải gắn với việc sắp xếp bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, cải cách tiền lương theo chủ trương của Đảng, Nhà nước".

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo./s.v/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;
- TCT; các Cục: TCDN, QLCS; QLN&TCĐN;
- Các Vụ: CST, TCNH, HCSN, ĐT, PC;
- Lưu: VT, NSNN (...b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Thành Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 742 /BGDDĐT-KHTC
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết thay
thế Nghị quyết số 54/2017/QH 14
của Quốc hội

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 959/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/2/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội), Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Cơ bản đồng ý với dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội. Về quan điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất phân cấp mạnh, có những cơ chế đặc thù, vượt trội cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các chính sách ưu đãi trong lĩnh vực giáo dục.

2. Một số ý kiến đối với chính sách liên quan đến lĩnh vực giáo dục

Đề nghị rà soát uỷ quyền cho Thành phố Hồ Chí Minh quyết định chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, miễn giảm học phí, đào tạo và tuyển dụng giáo viên,... ngoài các quy định hiện hành của Chính phủ.


Bộ Giáo dục và Đào tạo xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.



KT. BỘ TRƯỞNG 
THỨ TRƯỞNG


Nguyễn Văn Phúc

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BNN-KH

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

V/v góp ý dự thảo xây dựng Nghị quyết
thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 về
cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực
phát triển TP.HCM

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

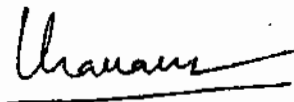
Phúc đáp công văn số 505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị góp ý dự thảo xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là dự thảo Nghị quyết); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với những nội dung dự thảo liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KH(6).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số:/...../.....

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2023

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG

**Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù
phát triển Thành phố Hồ Chí Minh**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) về quản lý đầu tư; tài chính, ngân sách nhà nước; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố; quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tổ chức bộ máy của Thành phố và thành phố Thủ Đức.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Điều 4. Về quản lý đầu tư

Các cơ chế, chính sách chính:

- Cơ chế giúp Thành phố linh hoạt trong điều hành kế hoạch vốn đầu tư công thông qua việc giao Thành phố chủ động quyết định danh mục dự án và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn trên cơ sở dự kiến khả năng tăng chi đầu tư phát triển do tăng thu ngân sách địa phương; sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm.

- Chính sách cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.

- Chính sách về thực hiện dự án bồi thường độc lập, làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng.

- Chính sách về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án; đất chưa được giải phóng mặt bằng.

- Cơ chế chính sách để đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) như: lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa; thực hiện BOT trên các tuyến đường hiện hữu; cho thực hiện trở lại phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Về tài chính ngân sách:

Các cơ chế, chính sách chính:

- Cơ chế cho phép ban hành Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Cơ chế cho phép Thành phố linh hoạt trong việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

- Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương và cho phép sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

- Cơ chế cho phép Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài, trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp.

- Cơ chế cho phép bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố.

- Cơ chế cho phép dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm

vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán nhằm khắc phục bất cập của mô hình chính quyền đô thị khi các quận không còn là cấp ngân sách.

- Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng; hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết.

- Một số cơ chế về hoạt động của Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC): bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC, lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Cơ chế cho phép Thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phục vụ công tác duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động.

Điều 6. Về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường

Các cơ chế, chính sách chính:

- Chính sách cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500ha.

- Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và rút gọn các bước lập quy hoạch nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch.

- Chính sách thúc đẩy đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: rút gọn thủ tục về quy hoạch, việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư khi chưa có sự thống nhất giữa quy hoạch các cấp, việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại.

- Cơ chế cho phép Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

- Cơ chế cho phép đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.

- Cơ chế cho phép Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất.

- Cơ chế xử lý bất cập trong thu hồi đất, giao đất, tính tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

- Chính sách phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện.

- Chính sách xử lý thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước đối với các dự án lấn biển.

- Cơ chế xử lý đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp mà chủ đầu tư mua tài sản phát mãi từ các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất.

- Cơ chế xác định các hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội và nhà ở thương mại.

- Quy định về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

- Cơ chế khuyến khích đối với các chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện.

- Cơ chế về công tác thu hồi đất trong vùng phụ cận.

- Cơ chế xử lý các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi ban hành thông báo thu hồi đất.

Điều 7. Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh

Các cơ chế, chính sách chính:

Các chính sách ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh đối với đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ có vốn từ 3.000 tỷ trở lên; đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ

30.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên. Nhà đầu tư chiến lược phải cam kết về thời gian giải ngân vốn, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các điều kiện về quốc phòng an ninh, được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (có thời hạn) như áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu tiên về chế độ, thủ tục hải quan, được hỗ trợ một phần chi phí từ ngân sách Thành phố, miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, được tính chi phí trừ thuế để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động R&D.

Điều 8. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

Các cơ chế, chính sách chính:

- Các cơ chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như: Miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Miễn thuế cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố. Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

- Chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc; thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Điều 9. Về tổ chức bộ máy của Thành phố

Các cơ chế, chính sách chính:

- Quy định những nội dung về phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như: cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm; tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phường, xã, thị trấn; cơ chế về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố.

- Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố: (1) Quyết định cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn; (2) Quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công

chức, viên chức, người lao động với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ; (3) Quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố.

- Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; (2) Quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (3) phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi nội khu; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nội khu; cấp, điều chỉnh thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố, UBND các quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong phạm vi nội khu.

Điều 10. Về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức

Các cơ chế, chính sách chính:

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong một số lĩnh vực.

- Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường.

- Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức.

- Thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó chủ tịch và đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường.

- Điều chỉnh theo hướng nâng cao chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy mô, khối lượng công việc và yêu cầu về năng lực công tác.

Điều 11. Áp dụng pháp luật

Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm cho đến khi có Nghị quyết hoặc văn bản luật mới thay thế.

2. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành nghị định của Chính phủ cụ thể hóa tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với Thành phố cải cách thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố.

b) Trình Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động xây dựng quy định, quy trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này trên cơ sở các quy định, quy trình đã được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, trường hợp cần thiết thì tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ THÍ ĐIỂM
MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2017/QH14)

Tháng 02 năm 2023

PHẦN THỨ NHẤT: SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ, QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết và cơ sở xây dựng đề án:

1. *Tiếp tục phát huy tinh thần chủ động nghiên cứu, đề xuất với Trung ương các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của Thành phố.* Đó là các cơ chế, chính sách liên quan đến mô hình chính quyền đô thị và phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương; tài chính, tỷ lệ điều tiết ngân sách; tổ chức bộ máy ..., cùng với các kiến nghị liên quan đến sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật.

Trong nhiều năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh kiên trì với những ý tưởng, kiến nghị về mô hình chính quyền đô thị. Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và, ngày 19 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực. Trước bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước có thuận lợi, khó khăn và cơ hội, thách thức đan xen, Thành phố tiếp tục phát huy và giữ vững thành quả ở các giai đoạn trước và có số thu ngân sách chuyển về Trung ương cao nhất cả nước. Với lợi thế là đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế, là đầu tàu, động lực kinh tế, có sức lan tỏa trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Thành phố đóng góp hằng năm 27% thu ngân sách cả nước¹ và có số thu ngân sách chuyển về Trung ương cao nhất cả nước². Đồng thời giữ vững vai trò một trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, là địa phương có vai trò quan trọng về chính trị và đối ngoại trong sự phát triển của cả nước.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 31-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đó, Nghị quyết số 31-NQ/TW xác định “*tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững*” đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp “*tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng,*

¹ Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị.

² Tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương tăng từ 77% (giai đoạn 2011 – 2016) lên 82% (giai đoạn 2017-2020).

hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực.”

Như vậy, việc tiếp tục đề xuất các cơ chế, chính sách đột phá là tiền đề quan trọng để Thành phố tiếp tục thể hiện rõ vai trò là một cực tăng trưởng, cửa ngõ kết nối giao thương của cả miền Nam, thành phố thông minh, năng động, sáng tạo và đóng góp chung vào sự phát triển của cả nước.

2. *Thời gian để thực hiện các cơ chế chính sách do Nghị quyết 54/2017/QH14 là chưa đủ để đánh giá toàn diện về hiệu quả do các chính sách đem lại.* Trong 05 năm thực hiện thí điểm, Thành phố Hồ Chí Minh đối diện với nhiều thách thức mới ngày càng gia tăng. Bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, đặc biệt là kinh tế thế giới, cục diện chính trị và đại dịch COVID-19.

Đà tăng trưởng của Thành phố Hồ Chí Minh đã chậm lại, nhiều động lực giảm sút. Cụ thể tốc độ tăng trưởng giảm mạnh, giai đoạn 1996 – 2010 kinh tế Thành phố tăng trưởng bình quân 10,2%/năm, cao hơn 1,6 lần mức bình quân cả nước; đến giai đoạn 2011 – 2025 giảm xuống còn 7,22%/năm; giai đoạn gần nhất 2016 – 2020 chỉ còn 6,41%/năm. Chất lượng tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu đề ra, hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và khó khăn trong việc thăng tiến lên nấc cao hơn của chuỗi giá trị và xác lập cơ cấu kinh tế hiện đại; trong đó có yếu tố hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao chưa có sự đột phá, chưa thu hút được nhiều tập đoàn lớn. Thành phố chưa phát huy được thế mạnh của một trung tâm khoa học – công nghệ trong việc nâng cao năng suất và chất lượng phát triển, chưa thể hiện được vai trò dẫn dắt phát triển vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

Sự vượt trội của Thành phố so với cả nước ở một số mặt đã chậm lại, hệ thống giao thông, hạ tầng chưa có bước đột phá, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố và phục vụ đời sống nhân dân. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã tạo ra cho Thành phố nhiều áp lực lớn đối với môi trường sinh thái. Thành phố Hồ Chí Minh đang chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, tiếng ồn ngày càng gia tăng. Nguyên nhân một phần bởi diễn biến của dịch Covid-19 nhưng phần quan trọng khác do còn nhiều điểm nghẽn trong thể chế, hạ tầng, đặc biệt là tình trạng ngập nước, kẹt xe, quá tải bệnh viện và trường học, thiếu nguồn lực... Qua quan sát thực tế có thể thấy rõ điểm nghẽn tồn tại ở cả sân bay Tân Sơn Nhất, các tuyến giao thông đường bộ, cảng Cát Lái... Chưa kể, chi phí thuê đất, chi phí logistics lớn cũng gây nhiều bất lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Dưới tác động của đại dịch COVID-19, đặc biệt là trong hai năm 2020, 2021, Thành phố đối diện với nhiều khó khăn, thách thức; dịch bệnh bùng phát mạnh nhất cả nước, diễn biến nhanh, phức tạp, gây ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất, kinh doanh và mọi mặt đời sống xã hội, làm chậm lại việc thực thi các cơ chế chính sách mà Nghị quyết 54/2017/QH14 đã thể chế hóa. Bước vào năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Thành phố và cả nước cơ bản được kiểm soát, tạo tiền đề quan trọng để các hoạt động kinh tế - xã hội dần trở lại bình thường;

tuy nhiên, dưới tác động của tình hình thế giới cùng với những vấn đề nội tại, thị trường trong nước có những yếu tố bất ổn, có những thời điểm biến động và giá cả một số hàng hóa tăng, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Tất cả những tác động bất lợi đến sự phát triển của Thành phố nói chung cũng ảnh hưởng tiến độ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 nói riêng. Cơ chế tài chính chưa được phát huy như mong đợi, Thành phố thiếu nguồn lực tài chính trầm trọng để phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật và xã hội. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan còn có nguyên nhân chủ quan như vướng mắc liên quan cơ chế, chính sách, thiếu quy định hướng dẫn. Hơn nữa, một số vấn đề mới, phức tạp, có tác động lớn, lâu dài, cần nhiều thời gian nghiên cứu, xem xét, đánh giá trước khi triển khai cụ thể. Do đó, cần thiết phải kéo dài thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù đã được ban hành để có thể đánh giá toàn diện nhất hiệu quả mà các cơ chế chính sách này đem lại.

3. Nhiều vấn đề đặt ra trong thực tiễn sau 5 năm triển khai Nghị quyết 54/2017/QH14 cần phải được thể chế hóa thành các cơ chế, chính sách mới.

Tiếp theo Nghị quyết 54/2017/QH14, Thành phố cũng được Trung ương quan tâm ban hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tại điểm d Khoản 4 Điều 10 có quy định Chính phủ “*Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố thuộc Thành phố*”. Sau hơn 1 năm thực hiện chính quyền đô thị, Thành phố cũng đã xác định được các cơ chế, chính sách cần được thể chế hóa để tạo nền tảng cho sự phát triển của thành phố Thủ Đức, cũng như nhìn nhận thấy một số bất cập phát sinh trong quá trình triển khai Nghị quyết số 131/2020/QH14 cần được điều chỉnh bởi Quốc hội³.

Thành phố cũng đang xây dựng Đề án phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua quá trình nghiên cứu cho thấy với khung thể chế như hiện tại thì việc xây dựng Trung tâm tài chính của Khu vực và Thế giới tại Thành phố là chưa thực sự khả thi. Cần thiết phải có sự điều chỉnh, cởi mở hơn về chính sách tài chính, công nghệ, ngân hàng, ngoại hối và các chính sách có liên quan để tạo nền tảng pháp lý cho đề xuất này.

Thành phố cũng có nhu cầu rất lớn trong việc có hành lang cơ chế để thu hút nguồn lực tư nhân vào phát triển kinh tế thành phố, đặc biệt là trong các lĩnh vực phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị, văn hóa, thể thao và các cơ chế để lựa

³ Bên cạnh công tác triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, năm 2020 thành phố Thủ Đức được thành lập theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận thành lập Phòng Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Tuy nhiên, thành phố Thủ Đức cần tăng cường cơ chế chính sách đặc thù, nhất là về phân cấp, ủy quyền, để thành phố Thủ Đức có điều kiện bứt phá, phát triển bền vững, xứng tầm vị thế, vai trò là trung tâm đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ cao trong tương lai.

chọn nhà đầu tư trong bối cảnh nguồn ngân sách Thành phố để chi đầu tư phát triển còn hạn hẹp.

Ngoài ra, trong quá trình thực thi công tác quản lý nhà nước, Thành phố nhận thấy có một số chức năng nhiệm vụ của các Bộ, ngành trung ương, chủ yếu là thủ tục hành chính, Thành phố có khả năng, nguồn lực để thực hiện. Việc này có lợi cho tất cả các bên liên quan: các Bộ, ngành trung ương giảm tải gánh nặng giải quyết thủ tục hành chính cho các đối tượng tại Thành phố; Thành phố được chủ động các giải pháp để phục vụ doanh nghiệp Thành phố tốt hơn; doanh nghiệp Thành phố đỡ mất thời gian, công sức, chi phí để đi lại thực hiện các thủ tục hành chính.

Nói cách khác, những nhiệm vụ trung hạn vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh, đó là thực hiện cải cách cả chính sách và hệ thống công vụ rộng hơn để tạo những thay đổi rõ nét về môi trường kinh doanh; cải thiện cơ chế chính sách và hạ tầng liên quan đến nền tảng số và đổi mới sáng tạo; tiếp tục đầu tư mạnh cho nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các hệ thống an sinh và bảo trợ xã hội hiệu quả, linh hoạt; phát triển hạ tầng an sinh xã hội bao trùm, bền vững hơn; thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng, kể cả trong việc phân bố lại cơ sở sản xuất theo hướng phân công, hợp tác vùng; đồng thời thúc đẩy phát triển trung tâm tài chính quốc tế, phát triển kinh tế số - chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Nghị quyết số 54/2017/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018. Khoản 1 điều 8 quy định *“Chính phủ sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2020, tổng kết thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2022 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về các cơ chế, chính sách đã thực hiện thí điểm.”*

Thực tiễn nêu trên đòi hỏi cần thiết phải có một nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14, tạo điều kiện cho Thành phố Hồ Chí Minh khơi thông nguồn lực và tạo đà phát triển trở lại. Việc ban hành cơ chế đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh không phải là ưu ái cho Thành phố mà thực tế đang phát huy vai trò, tiềm năng và gắn trách nhiệm của Thành phố Hồ Chí Minh đối với cả nước.

Về lâu dài, cần nghiên cứu xây dựng luật đô thị đặc biệt cho Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam chỉ có 2 đô thị đặc biệt là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện Hà Nội đã có Luật Thủ đô, còn Thành phố Hồ Chí Minh chưa có luật đặc thù, trong khi Thành phố có những đặc điểm về địa bàn, vị trí, dân số, kinh tế... khác hẳn các tỉnh, thành khác. Do đó, việc xây dựng cơ chế mang tính đột phá, áp dụng trong dài hạn để đầu tư kinh tế như Thành phố Hồ Chí Minh phát triển là điều cần thiết, đảm bảo quá trình vận hành thông suốt trong lúc chờ Trung ương xây dựng Luật đô thị đặc biệt như Luật Thủ Đô của Thành phố Hà Nội.

4. Thành phố đã chủ động xây dựng và trình Trung ương xem xét dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14. Ngày 15 tháng 3 năm 2022, Ban

Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch số 98-KH/TU về tổng kết Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 gắn với Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch số 1621/KH-UBND kiến nghị Quốc hội ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 để tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 và kiến nghị bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố, trong đó có cơ chế đặc thù cho Thành phố Thủ Đức, tạo cơ chế, hành lang pháp lý cho Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức phát triển nhanh, bền vững.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Báo cáo số 159/BC-UBND báo cáo Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14.

Tại điều 7 Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV giao Chính phủ *“nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất.”*

5. Thành phố tiếp tục rà soát các cơ chế chính sách mới bảo đảm phù hợp với các nội dung của Văn kiện Đại hội đảng XIII và phù hợp với quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn và các chỉ tiêu của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (thay thế Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị). Cụ thể:

Theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030, Thành phố được định hướng tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án cao tốc, quốc lộ, liên kết vùng, giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng giao thông, đô thị như kẹt xe, ngập úng; Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế.

Theo dự thảo quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò đầu tàu, tiếp tục là một động lực tăng trưởng của vùng Đông Nam Bộ và cả nước thời gian tới, dẫn đầu trong các lĩnh vực như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, công nghiệp chế tạo, tài chính ngân hàng...

6. Như vậy, trước bối cảnh phát triển của Thành phố với những thách thức, cơ hội đan xen, trên cơ sở phân tích kết quả, vướng mắc, nguyên nhân, tồn tại trong việc triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, đòi hỏi cần thiết phải có một Nghị

quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, tập trung giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách, đồng thời quy định về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) nhằm giữ vững và phát huy vai trò là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, là cực tăng trưởng và có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

Nghị quyết mới sẽ tạo điều kiện cho Thành phố khơi thông nguồn lực phát triển Thành phố trong giai đoạn tới. Đồng thời, kế thừa và tích hợp tất cả các cơ chế chính sách mà Thành phố Hồ Chí Minh cần Trung ương quan tâm hỗ trợ để phát triển tương xứng với vị trí đầu tàu về kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng; đảm bảo cơ sở pháp lý, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, bao quát toàn bộ nội dung cơ chế theo văn bản quy phạm pháp luật, không làm phát sinh bộ máy tổ chức và biên chế thực hiện các cơ chế, chính sách mới. Trong một số trường hợp, quy định trách nhiệm của Thành phố chủ động xây dựng quy trình thủ tục để triển khai quy định, liên hệ với các văn bản hướng dẫn các bộ ngành, thay vì chờ hướng dẫn của các cơ quan, ảnh hưởng hiệu quả trong công tác giải quyết, xử lý các bất cập.

II. Quan điểm, mục tiêu xây dựng đề án:

1. Quan điểm xây dựng đề án:

Để góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ Thành phố với mục tiêu tổng quát là *“xây dựng Thành phố thông minh, phát triển nhanh, bền vững, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước”* và mục tiêu cụ thể *“Đến năm 2025: Là đô thị thông minh, Thành phố dịch vụ, công nghiệp theo hướng hiện đại, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế, động lực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước”*. Đồng thời, thực hiện thành công các chỉ tiêu phát triển chủ yếu nhiệm kỳ 2020 – 2025, Thành phố tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò trung tâm về nhiều mặt của cả nước và phấn đấu vươn lên trong cạnh tranh quốc tế; tập trung huy động các yếu tố nguồn lực và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Những vấn đề thực tiễn đặt ra nhưng pháp luật chưa quy định hoặc quy định không phù hợp thì cho làm thí điểm theo tinh thần Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Các cơ chế, chính sách đặc thù phải không làm ảnh hưởng đến sự điều hành chung của Chính phủ và lợi ích của các địa phương khác, mà chủ yếu nhằm tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng các cơ chế nhằm giải phóng các nguồn lực đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài và đầu tư tư nhân, tham gia vào phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, văn hóa, thể thao và du lịch của Thành phố.

Không tăng tỷ lệ điều tiết của ngân sách chung về Thành phố, mà xây dựng cơ chế tạo ra nguồn thu để tăng chi, nhất là chi cho đầu tư. Hình thành các cơ chế để Thành phố có thêm nguồn thu cho ngân sách Thành phố để chi cho đầu tư phát triển, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo với mục tiêu phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu xây dựng đề án:

2.1. Làm rõ các thách thức gia tăng mà Thành phố đang đối mặt thời gian qua, do dân số gia tăng cao, do quy mô kinh tế lớn và không ngừng gia tăng, do vướng mắc về cơ chế, quy định và do thiếu nguồn lực để phát triển Thành phố. Trên cơ sở phân tích kết quả, vướng mắc, nguyên nhân, tồn tại trong việc triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14, xây dựng nghị quyết tập trung giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách, tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư nhằm giúp Thành phố có thể hoàn thành nhiệm vụ “đầu tàu” kinh tế, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển chung của đất nước.

2.2. Xây dựng nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54 theo hướng kế thừa và tích hợp tất cả các cơ chế chính sách mà Thành phố Hồ Chí Minh cần Trung ương hỗ trợ để phát triển tương xứng với vị trí đầu tàu về kinh tế - xã hội của cả nước. Trong đó có cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Thủ Đức nhằm xây dựng các thể chế để phát triển thành phố Thủ Đức tương xứng với vai trò, vị trí của thành phố trong thành phố, tạo hành lang pháp lý hình thành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho Thành phố đối với một số nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, một số chức năng nhiệm vụ của bộ ngành giao về cho Thành phố trực tiếp quản lý, điều hành. Tạo cơ chế để Thành phố thực hiện linh hoạt việc phân cấp, phân quyền và ủy quyền trong nội bộ Thành phố tương xứng với yêu cầu và khối lượng công việc được giao.

2.4. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tập trung 06 lĩnh vực và 01 nội dung về cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền và tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức. Trong đó, 06 lĩnh vực bao gồm: (1) Quản lý đầu tư; (2) Tài chính ngân sách; (3) Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; (4) Ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh; (5) Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; (6) Tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, ủy quyền và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

III. Kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội:

1. Công tác tuyên truyền, triển khai, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14:

Ngay sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết số 54, UBND Thành phố đã tham mưu Thành ủy ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2017 về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 54. UBND Thành phố đã phối

hợp Ban Tuyên giáo Thành ủy (1) tổ chức gặp gỡ lãnh đạo các cơ quan báo chí của Trung ương và Thành phố để quán triệt ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 54 đối với sự phát triển của Thành phố và quá trình triển khai thực hiện; (2) tổ chức quán triệt về công tác triển khai Nghị quyết số 54 tại Hội nghị cán bộ chủ chốt của Thành phố; (3) thông tin nội dung trên chương trình Chương trình lắng nghe và trao đổi của Hội đồng nhân dân Thành phố, (4) chỉ đạo các báo, đài tập trung đưa bài trên các phương tiện thông tin truyền thông; (5) chỉ đạo các sở ban ngành, thành phố Thủ Đức và các quận huyện chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 54 rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân Thành phố.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14:

Trên cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy⁴ và sự đồng tình, ủng hộ, phối hợp của các bộ, ngành Trung ương để triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù, Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố đã khẩn trương, tập trung lãnh đạo tổ chức quán triệt và ban hành đầy đủ văn bản triển khai Nghị quyết số 54. Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-HĐND nhằm kịp thời ban hành và triển khai các chính sách đặc thù, cũng như thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân Thành phố được quy định tại Nghị quyết số 54.

Ủy ban nhân dân Thành phố đã: (1) tổ chức gặp gỡ các chuyên gia, thành viên Tổ tư vấn của Thủ tướng; (2) ban hành Kế hoạch số 8127/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 triển khai thực hiện Nghị quyết số 54 với 21 nội dung, đề án cụ thể, trong đó có 8 đề án cần tổ chức nghiên cứu sâu và 13 nội dung, đề án thực hiện theo nhiệm vụ thường xuyên; (3) thành lập 02 tổ công tác (một Tổ chỉ đạo lĩnh vực tổ chức bộ máy do đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố phụ trách, một Tổ chỉ đạo lĩnh vực tài chính, ngân sách do một đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố phụ trách) để làm việc với các sở ngành thường xuyên để định hướng xây dựng kế hoạch, nội dung nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 54.

Thành phố ban hành quy định về trình tự triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 một cách khoa học, cụ thể, minh bạch, đúng quy định pháp luật đối với từng cấp quyết định theo thẩm quyền (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố). Trong đó, quy định quy trình tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực cụ thể:

3.1. Về quản lý đất đai (quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 54):

UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, lập danh mục các dự án chuyển mục đích trồng lúa⁵; trình Hội đồng nhân dân Thành phố

⁴ Nghị quyết số 08-NQ/TU, Kế hoạch số 171-KH/TU của Thành ủy.

⁵ Kế hoạch số 675/KH-STNMT-QLĐĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

thông qua 32 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1.843,79 ha, cụ thể tại các nghị quyết sau:

- Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 28 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1722,99 ha.

- Nghị quyết 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 03 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 67,27 ha.

- Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 01 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 53,53 ha.

- Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố.

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về hủy bỏ các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố.

Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 54 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân thành phố đã trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua 32 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha. Việc được chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, cụ thể:

Trước đây, căn cứ Luật Đất đai 2013 (Khoản 1, Điều 58), đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất lúa từ 10 ha trở lên phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Trong 03 năm đầu sau khi Luật Đất đai có hiệu lực (2015, 2016, 2017), UBND Thành phố đã trình Thủ tướng chính phủ 76 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa; Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận 12 dự án và có 09 dự án Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến tiếp tục việc chuyển mục đích mà không cần xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ.

- Quy trình thực hiện (trước Nghị quyết 54), UBND Thành phố phải phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm hoàn tất (*thông thường vào khoảng quý I của năm kế hoạch, sau đó tổng hợp danh mục dự án có sử dụng lúa trên 10 ha gửi ra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn có ý kiến thống nhất rồi mới trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (thông thường khoảng 06 tháng)*). Như vậy, sau khi kế hoạch sử dụng đất hàng năm được duyệt mà dự án có chuyển trên 10 ha đất lúa trở lên thì phải chờ thêm 06 tháng mới có thể triển khai các bước ra thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quyết định chuyển mục đích.

Như vậy, khi triển khai Nghị quyết 54 của Quốc hội, UBND Thành phố có

thể chủ động trình Danh mục dự án có sử dụng lúa trên 10 ha cùng thời điểm trình các Danh mục thu hồi đất, dự án sử dụng lúa dưới 10 ha vào kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân thành phố (trước năm kế hoạch) trước khi duyệt Kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Quy trình thực hiện dự án là ngay sau khi lập danh mục các dự án có thu hồi đất, có chuyển mục đích sử dụng đất lúa được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch sử dụng đất là có thể triển khai ngay các thủ tục về thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quyết định chuyển mục đích.

Trong 04 năm qua (2018, 2019, 2020 và 2021), UBND Thành phố đã trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua 32 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 héc ta (với tổng diện tích 1.843,79 héc ta); Nghị quyết 54 đã giúp Thành phố chủ động xem xét việc chuyển mục đích của các dự án sử dụng trên 10 hecta đất trồng lúa, giúp rút ngắn thời gian xem xét việc chấp thuận việc chuyển mục đích và có thể rút ngắn thủ tục các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm (tức là: rút ngắn bước liên quan đến thủ tục pháp lý).

Còn thực tế, sau khi các dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua thì vẫn phải triển khai thực hiện theo quy định; và việc triển khai kế hoạch sử dụng đất năm hàng năm để thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đối với các dự án nêu trên gặp phải một số khó khăn như:

- Do tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp, kéo dài từ năm 2020 cho đến nay. Hầu hết các hoạt động về đầu tư xây dựng, thủ tục pháp lý, kinh doanh,... trên địa bàn Thành phố phải giảm quy mô hoặc tạm ngưng; việc giãn cách xã hội kéo dài đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai kế hoạch sử dụng đất, chủ đầu tư các dự án.

- Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào tiến độ thực hiện các công trình, dự án của các ngành và các nhà đầu tư. Ngoài ra còn phải phụ thuộc trực tiếp vào khả năng tài chính của chủ đầu tư (đối với các dự án có vốn ngoài ngân sách nhà nước) và nguồn vốn ngân sách được phân bổ theo kế hoạch từng năm (đối với các dự án đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước). Đồng thời, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn phụ thuộc vào việc thẩm định và ban hành quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như: Quyết định công nhận chủ đầu tư, thẩm định – phê duyệt hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... Do đó, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính khả thi và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thành phố.

- Đối với dự án công cộng (sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước) thường có tiến độ triển khai rất chậm do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, khó khăn trong việc xác định nguồn gốc sử dụng đất, thông tin của người sử dụng đất để ra thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất....; Một số dự án chờ phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc chưa xác định được nguồn vốn thực hiện nhưng vẫn phải đưa vào kế hoạch để có cơ sở ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất và kêu gọi nhà đầu tư. Quy trình thẩm định, phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất tính bồi thường, hỗ trợ còn kéo dài.

- Do phải điều chỉnh lại chủ trương đầu tư (theo Luật đầu tư mới); Chủ đầu tư các dự án còn lúng túng trong việc hoàn thiện hồ sơ hoặc chậm bổ sung hồ sơ để được giao, thuê đất theo quy định.

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn phụ thuộc vào việc thẩm định và ban hành quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như: quyết định duyệt giá bồi thường, thẩm định hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... Do đó, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính khả thi và kết quả thực hiện đối với các dự án.

Ngoài ra, đối với các dự án không tiếp tục đăng ký vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm (*có 09 dự án theo danh mục đính kèm*): Theo quy định tại Khoản 8, Điều 49 của Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH 2018 hợp nhất Luật Đất đai do Văn phòng Quốc hội ban hành ngày 10 tháng 12 năm 2018 đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất "*Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất*".

Tạm ngưng không tiếp tục đăng ký vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm: vướng mắc về thủ tục pháp lý do thay đổi chủ trương của Thành phố, công tác thu hồi đất, khả năng tài chính, công tác đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của dự án.

3.2. Về quản lý đầu tư (quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 54):

Ủy ban nhân dân Thành phố đã trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm A như sau:

- Quyết định chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách Thành phố với tổng mức vốn đầu tư là 12.954,331 tỷ đồng, gồm:

- (1) *Xây dựng Rạp Xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ*: 1.491 tỷ đồng
- (2) *Xây dựng Nhà hát Giao hưởng, Nhạc và Vũ kịch*: 1.508,121 tỷ đồng.
- (3) *Bồi thường giải phóng mặt bằng Khu liên hợp thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc, phường An Phú, Quận 2*: 8.004,062 tỷ đồng.
- (4) *Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh*: 958,611 tỷ đồng.
- (5) *Xây dựng Trung tâm tiếp nhận và xử lý thông tin khẩn cấp của Thành phố Hồ Chí Minh thông qua một đầu số viễn thông duy nhất giai đoạn 2019 - 2025*: 992,537 tỷ đồng.

- Điều chỉnh chủ trương đầu tư 01 dự án từ nhóm B lên nhóm A sử dụng vốn ngân sách Thành phố: *Xây dựng đường nối đường Trần Quốc Hoàn – đường Cộng Hòa, quận Tân Bình*, tổng mức đầu tư tăng từ 1.402,810 tỷ đồng lên thành

4.849,320 tỷ đồng.

Đến nay, các chủ đầu tư đang triển khai các bước tiếp theo, theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Tiến độ thực hiện của các dự án như sau:

(1) Xây dựng Rạp Xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ:

- Dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018. Dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự án tại Quyết định số 4707/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 với tổng mức đầu tư: 1.395 tỷ đồng.

- Tiến độ thực hiện:

+ Dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2020 và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021.

+ Ngày 13 tháng 10 năm 2021, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố Tờ trình số 342-TTr/BCSD báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố và ngày 15 tháng 10 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố có Tờ trình số 3426/TTr-UBND trình Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Trong đó, đã thống nhất nguyên tắc đối với các dự án chuyển tiếp chưa thực hiện công tác bồi thường, chưa thi công, chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu thì chỉ bố trí bằng với giá trị vốn đã giải ngân cho các công tác chuẩn bị đầu tư đã thực hiện. Theo đó, Xây dựng Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ thuộc danh mục dự án chuyển tiếp chưa thực hiện công tác bồi thường, chưa thi công, chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu nên chỉ đề xuất bố trí số vốn là 285 triệu đồng.

+ Tại Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021, Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; theo đó dự án Xây dựng Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ được Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 285 triệu đồng.

(2) Xây dựng Nhà hát Giao hưởng, Nhạc và Vũ kịch:

- Dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2018. Tổng mức đầu tư: 1.508 tỷ đồng.

- Tiến độ thực hiện: Đã trao giải thưởng thiết kế kiến trúc công trình, hiện đang tạm ngưng theo Thông báo kết luận số 434-TB/BCSD ngày 27 tháng 11 năm 2021 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố.

(3) Bồi thường giải phóng mặt bằng Khu liên hợp thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc, phường An Phú, Quận 2:

- Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng Khu Rạch Chiếc được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư công tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018. Tổng mức đầu tư: 8.004 tỷ đồng. Mục tiêu là

tạo quỹ đất để đầu tư Khu Liên hợp Thể dục Thể thao Quốc gia Rạch Chiếc, đặc biệt là các công trình chính phục vụ Seagames 31 (năm 2021) đồng thời phục vụ rộng rãi nhân dân Thành phố, đảm bảo cảnh quan kiến trúc và môi trường. Thời gian thực hiện là 2018-2020.

- Tiến độ thực hiện:

Ngày 4 tháng 10 năm 2020, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản số 461-CV/BCS báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy về tình hình thực hiện vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 và nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025, theo đó đề xuất ngưng thực hiện các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng độc lập đã được phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định đầu tư (trong đó có dự án bồi thường giải phóng mặt bằng Khu liên hợp thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc, phường An Phú, quận 2).

Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Thành ủy có Kết luận số 01-KL/TU ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tình hình thực hiện vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 và nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025, trong đó có nội dung “*Thống nhất chủ trương ngưng thực hiện dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có quyết định đầu tư*”.

(4) *Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019. Tổng mức đầu tư: 958,611 tỷ đồng.

- Tiến độ thực hiện:

+ Dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020.

+ Đã triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các nội dung ký kết giữa các nhà thầu và Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể các gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Tư vấn khảo sát hiện trạng; Tư vấn thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án.

+ Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đang thẩm định và trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

(5) *Xây dựng Trung tâm tiếp nhận và xử lý thông tin khẩn cấp của Thành phố Hồ Chí Minh thông qua một đầu số viễn thông duy nhất giai đoạn 2019 - 2025:*

- Dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019. Tổng mức đầu tư: 992,537 tỷ đồng.

- Tiến độ thực hiện:

+ Dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020.

+ Đã triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các nội dung ký kết giữa các nhà thầu và Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể các gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Tư vấn khảo sát hiện trạng; Tư vấn thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án.

+ Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đang thẩm định và trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

(6) Dự án Xây dựng đường nối đường Trần Quốc Hoàn - đường Cộng Hòa, quận Tân Bình:

- Dự án Xây dựng đường nối đường Trần Quốc Hoàn – đường Cộng Hòa, quận Tân Bình đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, với tổng mức đầu tư là 1.402,840 tỷ đồng (nhóm B). Trong quá trình triển khai lập dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, Bộ Giao thông vận tải đã có Quyết định số 1942/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2018 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 dẫn đến việc điều chỉnh quy mô đầu tư dự án nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch chi tiết Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất đã được phê duyệt điều chỉnh. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đã báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 với tổng mức đầu tư điều chỉnh là 4.849,320 tỷ đồng (nhóm A). Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 về phê duyệt quyết định đầu tư dự án với tổng mức đầu tư được duyệt là 4.848,128 tỷ đồng và Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án.

- Tiến độ thực hiện:

+ Đến nay, Ủy ban nhân dân Thành phố đã hoàn tất việc xin ý kiến thống nhất của Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Quốc phòng để đủ cơ sở thực hiện điều chỉnh cục bộ các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các khu vực có liên quan đến dự án trên địa bàn quận Tân Bình; cũng như thực hiện hoàn tất các thủ tục theo quy định để quyết định điều chỉnh các đồ án quy hoạch này.

+ Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đang phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức tiếp nhận và bàn giao các khu đất do các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đang sử dụng để chuyển giao về cho Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng công trình; đồng thời, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các trường hợp bị ảnh hưởng bởi dự án; và chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình, tổ chức thi công các hạng mục đã được bàn giao mặt bằng.

3.3. Về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước (quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 54):

3.3.1 Về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:

Thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, Thành phố tổ chức tập huấn các quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho toàn bộ các cơ sở sản xuất, chế biến, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố để giúp cơ sở nắm bắt và thực hiện đúng các quy định; đồng thời, gửi công văn yêu cầu các cơ sở thực hiện kê khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

Hàng quý, phát hành thông báo phí (theo hệ số K và phí biến đổi Cq) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình từ 5 m³/ngày đêm trở lên. Hàng năm, phát hành thông báo phí cố định (1.500.000 đồng/năm) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình dưới 5 m³/ngày đêm. Định kỳ thực hiện thẩm định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm có trong nước thải để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, tổng hợp, thống kê, rà soát danh sách các đối tượng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, tổng số cơ sở đang thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố là 2.710 cơ sở; trong đó có 17 cơ sở là chủ đầu tư hạ tầng của 17 khu công nghiệp/khu chế xuất/khu công nghệ cao, 13 cơ sở xử lý chất thải rắn (bổ sung theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND) và 2.680 cơ sở ngoài khu công nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất ô nhiễm phải xử lý.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND. Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu từ 01/7/2018 (thời điểm Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND có hiệu lực) đến tháng 3 năm 2022 là 132.595.502.331 đồng (tăng 5-6 lần so với thu theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP). Toàn bộ số tiền thu phí được nộp 100% vào ngân sách.

Việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường⁶.

⁶ Ngoài ra, để đánh giá hiệu quả cũng như tác động xã hội của Đề án và Nghị quyết về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện đề tài "*Đánh giá tác động xã hội của các đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải*". Kết quả đề tài nghiên cứu như sau:

- Phần lớn tất cả doanh nghiệp đều biết đến và nhận thức rõ các quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, đặc biệt là các công ty xử lý nước thải tập trung tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao. Tuy nhiên còn 5% số doanh nghiệp ngoài Khu công nghiệp vẫn chưa rõ về các quy định thu và nộp phí.

- Đa số các doanh nghiệp đều cho rằng việc thu phí không có ảnh hưởng đến giá sản phẩm, lợi thế cạnh tranh, doanh thu và hình ảnh xã hội của doanh nghiệp, có 93% các doanh nghiệp bên ngoài Khu công nghiệp vẫn chưa tính phí bảo vệ môi trường vào giá thành sản phẩm; còn các công ty xử lý nước thải tập trung cho rằng việc này làm tăng lợi thế cạnh tranh, tăng giá xử lý

3.3.2. Về ban hành các loại phí, lệ phí chưa được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí:

UBND Thành phố đã ban hành Công văn số 2378/UBND-KT ngày 15 tháng 6 năm 2019 chỉ đạo các sở, ngành thường xuyên theo dõi để kịp thời báo cáo, đề xuất UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các khoản phí, lệ phí chưa có trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí; điều chỉnh tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí. Thành phố đã xem xét đề xuất về thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng cho tất cả các loại hình đăng ký đất đai thuộc danh mục do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành (gồm nhiều loại hình ngoài chuyên nhượng) và thu phí tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại các kho, bãi được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Thành phố đã dừng việc xem xét các đề xuất này.

3.3.3. Việc thực hiện thí điểm tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường:

Ngay từ đầu năm 2018, UBND Thành phố đã chỉ đạo Cục Thuế Thành phố xây dựng Đề án thí điểm tăng mức thu thuế Bảo vệ môi trường thông qua giá xăng trên địa bàn. Theo đó, đề xuất mức tăng thuế Bảo vệ môi trường thông qua giá xăng không quá 25% so với mức thuế hiện hành và nằm trong khung mức trần cho phép. Số thu dự kiến thu được khi ban hành chính sách này khoảng 750 tỷ đồng/năm.

Tuy nhiên, tại thời điểm đó Bộ Tài chính cũng đang đưa ra lấy ý kiến đề trình tham mưu Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết về biểu thuế Bảo vệ môi trường; theo đó giá xăng tăng từ 3.000 đồng/lít lên mức trần cho phép là 4.000 đồng/lít. Đến ngày 26 tháng 9 năm 2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 về Biểu thuế Bảo vệ môi trường, theo đó thuế Bảo vệ môi trường đối với giá xăng tăng lên 4.000 đồng/lít.

nước thải và giảm doanh thu của doanh nghiệp, có 76,5% công ty hạ tầng đã tính phí bảo vệ môi trường vào phí xử lý nước thải. Việc thu phí hiện nay hầu như có tác động rất ít lên thu nhập và phúc lợi của người lao động.

- Hầu hết các doanh nghiệp đều nhận thức rất rõ ràng về các tác động tích cực của việc thu phí đối với xã hội và cộng đồng, bao gồm nâng cao ý thức tiết kiệm nước, sử dụng hiệu quả nguồn nước, hạn chế ô nhiễm và nâng cao trách nhiệm xã hội; có 50 – 70% các doanh nghiệp đã tiến hành cải tiến quy trình sản xuất thông qua các hoạt động tiết kiệm nước, thay thế đường ống bị rò rỉ, giảm lưu lượng xả thải và giám sát quy trình sản xuất tốt hơn.

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND có mức độ ảnh hưởng không lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp đều có nhận thức tốt về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc nộp phí bảo vệ môi trường. Đa số doanh nghiệp thể hiện thái độ tuân thủ tốt quy định về nộp phí và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND, nhưng vẫn còn một số ít các doanh nghiệp chưa thực hiện đóng phí đầy đủ và đúng hạn. Nhờ áp dụng công cụ kinh tế này mà doanh nghiệp đã có các hành vi tích cực như áp dụng nhiều cách thức cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động bảo vệ môi trường trong cộng đồng nhằm nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ môi trường. Việc thu phí hầu như tác động không đáng kể đến thời gian làm việc, thu nhập và phúc lợi xã hội của người lao động.

Do đó, để tránh việc tăng mức thuế Bảo vệ môi trường đối với giá xăng có ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân và tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, Thành phố đã dùng các thủ tục đề xuất Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua chính sách tăng thuế Bảo vệ môi trường đối với giá xăng trên địa bàn Thành phố.

Trong năm 2019, Thành phố đã tiến hành thống kê, thu thập số liệu, dự thảo Đề cương Đề án xây dựng thí điểm tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng bia tiêu thụ trên địa bàn. Mức tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt không vượt quá 25% so với mức thuế hiện hành. Tuy nhiên, việc tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố; Thành phố đang tiếp tục thực hiện các bước để đánh giá tác động của việc tăng mức thuế này đến hoạt động của doanh nghiệp và nền kinh tế của Thành phố. Do đó, đến nay Thành phố chưa thực hiện tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

3.3.4. Việc thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương hàng năm. Việc quản lý sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư:

Thực hiện quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 5 Nghị quyết số 54, Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố đã quy định việc trích lập nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu được để lại hàng năm của các đơn vị và việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương; cụ thể:

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trích 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) số thu được để lại hàng năm để tạo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện quy định tăng lương tối thiểu theo lộ trình của Chính phủ và thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù.

- Trường hợp nguồn cải cách tiền lương được trích lập từ số thu trong năm (cộng với các nguồn cải cách tiền lương khác theo quy định) cao hơn nhu cầu thực hiện chi lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ và nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù, phân chênh lệch thừa, nếu đơn vị sự nghiệp công lập nào cam kết trong những năm tiếp theo tự đảm bảo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ và chi trả thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù thì được sử dụng nguồn 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) nêu trên còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của đơn vị và thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định.

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND và Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn nhu cầu, nguồn và phương thức thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo lộ trình, các đơn vị thực hiện trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định; trên cơ sở nguồn cải cách tiền lương các đơn vị đã trích theo đúng quy định, ngân sách nhà nước sẽ xem xét bổ sung nguồn cải cách tiền lương cho đơn vị để chi tăng lương theo lộ trình của Chính phủ và chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù trong trường hợp nguồn tại đơn vị thiếu.

Hầu hết các cơ quan, đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt

động (toàn bộ hoặc một phần), sau khi trích nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thì nguồn có được vẫn thấp hơn so với nhu cầu tăng lương theo lộ trình và chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND nên ngân sách nhà nước phải bổ sung để đảm bảo. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, phần lớn các đơn vị chi nhu cầu tăng lương theo lộ trình và Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị.

Ngoài ra, do nhu cầu chi từ nguồn cải cách tiền lương cho Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND khá lớn, nguồn trích cải cách tiền lương từ nguồn thu theo quy định không đủ đảm bảo, ngân sách phải bổ sung nên không còn nguồn dư để chi cho các nội dung khác, chỉ có một số rất ít các đơn vị có nguồn thu lớn nên nguồn trích cao hơn nhu cầu chi, nhưng chênh lệch không lớn nên các đơn vị chủ yếu chi thu nhập theo cơ chế tự chủ, không chi cho nội dung khác (như các phòng công chứng trực thuộc Sở Tư pháp, một số bệnh viện trực thuộc Sở Y tế...).

3.3.5. Về Đề án huy động vốn đầu tư xã hội (phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho Thành phố vay lại)

a) Về thực hiện nguồn vay trong nước và nước ngoài từ năm 2018 đến nay:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2018-2021
Tổng mức vay	985.667	63.592	11.687.939	1.450.164	14.187.362
Phát hành PCQP	800.000	-	2.000.000	-	2.800.000
Vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài	185.667	63.592	9.687.939	1.450.164	11.387.362

Trong giai đoạn 2018-2021, Thành phố đã phát hành thành công 2.800.000 triệu đồng trái phiếu chính quyền địa phương (các kỳ hạn 20 năm, 30 năm) và vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài là 11.387.362 triệu đồng.

- Đối với vay trong nước, việc phát hành thành công trái phiếu chính quyền địa phương kỳ hạn 20 năm và 30 năm đã góp phần đa dạng hóa kỳ hạn trái phiếu và cơ cấu danh mục trái phiếu theo hướng tăng kỳ hạn dài, giảm áp lực cho ngân sách Thành phố trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn để trả nợ. Bên cạnh đó, phần lớn khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương Thành phố phát hành được các công ty bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư (87,5% tổng khối lượng phát hành) đã chứng tỏ mức tín nhiệm đối với trái phiếu chính quyền địa phương Thành phố ngày một tăng cao, góp phần tăng tính thanh khoản của trái

phiếu trên thị trường thứ cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu trong những năm tiếp theo.

- Đối với các khoản vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, Thành phố tiếp tục giải ngân theo tiến độ và Hiệp định vay đã ký kết, ký Hợp đồng cho vay lại và giải ngân các khoản vay mới của các chương trình, dự án.

Việc được Ngân hàng Thế giới cung cấp khoản vay theo hình thức cho vay hỗ trợ ngân sách chung cho Chương trình hỗ trợ chính sách phát triển (DPO) là một bước đột phá của Thành phố trong việc tiếp cận nguồn vốn vay dài hạn của nhà tài trợ quốc tế. Đây là khoản vay hỗ trợ ngân sách đầu tiên nhằm thực hiện cải cách chính sách và hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho cấp địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh), góp phần đa dạng hóa các phương thức huy động vốn, tiếp cận nguồn vốn vay quốc tế với thời gian dài và lãi suất phù hợp, đồng thời cải thiện và nâng cao năng lực quản lý, thực hiện các hành động cải cách chính sách và thể chế trong một số lĩnh vực của Thành phố.

b) Về hạn mức vay của Thành phố:

Năm 2018, mức dư nợ cho phép tối đa không quá 90% thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp là 69.900 tỷ đồng. Thực hiện quyết toán năm 2018, Thành phố vay 985,667 tỷ đồng (vay trong nước bằng hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là 800 tỷ đồng; từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại là 185.667 tỷ đồng). Dư nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 18.103,572 tỷ đồng, bằng 28,78 % mức dư nợ cho phép.

Năm 2019, mức dư nợ cho phép tối đa không quá 90% thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp là 66.800 tỷ đồng. Thực hiện quyết toán năm 2019, Thành phố vay 63,592 tỷ đồng (vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại). Dư nợ đến ngày 31/12/2019 là 16.391,404 tỷ đồng, bằng 27,26% mức dư nợ cho phép.

Năm 2020, mức dư nợ cho phép tối đa không quá 90% thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp là 67.940 tỷ đồng. Thực hiện quyết toán năm 2020, Thành phố vay 11.687,939 tỷ đồng (vay trong nước bằng hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là 2.000 tỷ đồng; vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại là 9.687,939 tỷ đồng). Dư nợ đến ngày 31/12/2020 là 24.537,061 tỷ đồng, bằng 40,12% mức dư nợ cho phép.

Năm 2021, mức dư nợ cho phép tối đa không quá 90% thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp là 75.709 tỷ đồng. Thực hiện năm 2021, Thành phố vay 1.450,164 tỷ đồng (vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại). Dư nợ đến ngày 31/12/2021 là 24.161,604 tỷ đồng, bằng 31,9% mức dư nợ cho phép.

3.3.6. Về kết quả thực hiện khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54 về bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách Thành phố:

Trên cơ sở kết quả thu ngân sách năm 2019, 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã báo cáo Bộ Tài chính trình Chính phủ đề xuất Ủy ban Thường vụ Quốc hội

bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố từ nguồn vượt thu ngân sách trung ương trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh của năm 2019 và năm 2021, cụ thể:

(1) Tại Công văn số 784/UBND-KT ngày 06 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Bộ Tài chính kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung có mục tiêu từ nguồn vượt thu ngân sách trung ương trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 từ số thu ngân sách trung ương vượt dự toán năm 2019 với số tiền là 6.642.248 triệu đồng.

Tại Công văn số 3982/BTC-NSNN ngày 06 tháng 4 năm 2020, Bộ Tài chính trả lời cho Thành phố: “Tổng số thu ngân sách Trung ương (NSTW) được hưởng (để xác định tính bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách Thành phố) là 212.602.169 triệu đồng (gồm phần NSTW hưởng 82% từ các khoản thu phân chia là 158.048.502 triệu đồng + các khoản thu NSTW hưởng 100% là 54.553.667 triệu đồng), giảm 10.137.317 triệu đồng so với dự toán giao nên thành phố Hồ Chí Minh không được bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách Thành phố theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.

Việc Thành phố đề nghị bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách Thành phố từ nguồn tăng thu NSTW năm 2019 là 6.642.248 triệu đồng, do Thành phố chỉ tính riêng phần tăng thu đối với khoản thu NSTW được hưởng 100%, mà chưa tính phần giảm thu của NSTW từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và ngân sách thành phố là chưa phù hợp với quy định Nghị quyết số 54/2017 của Quốc hội.”

(2) Tại Công văn số 568/UBND-KT ngày 25 tháng 02 năm 2022, UBND Thành phố đề nghị Bộ Tài chính thường vượt thu và thực hiện bổ sung có mục tiêu từ nguồn vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố, trong đó kiến nghị bổ sung có mục tiêu từ nguồn vượt thu ngân sách trung ương trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 từ số thu ngân sách Trung ương vượt dự toán năm 2021 với số tiền là 259.528 triệu đồng.

3.3.7. Đối với việc hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền với đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công:

Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 1137/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ; trong đó tập trung công tác hậu kiểm việc triển khai thực hiện phương án sắp xếp nhà đất đã được Bộ Tài chính phê duyệt của các cơ quan, đơn vị, tổng công ty, công ty 100% vốn nhà nước thuộc khối trung ương; xây dựng cơ chế phối hợp giữa Thành phố và các Bộ, ngành trong rà soát việc sắp xếp lại và xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị Trung ương quản lý trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 1812/UBND-KT ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Công văn số 4270/UBND-KT ngày 17 tháng 9 năm 2018 đề nghị Bộ Tài chính có công văn đề nghị các Bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty nhà nước thực hiện kiểm tra, rà soát, báo cáo kết quả thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được Bộ Tài chính phê duyệt, đề xuất phương án xử lý và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng nhà, đất của cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 1130/UBND-KT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép Thành phố được tổ chức bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức đấu giá đối với các cơ sở nhà, đất thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố đã được Bộ Tài chính phê duyệt và được giữ lại 50% số tiền bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công; đồng thời, kiến nghị Bộ Tài chính sắp xếp thời gian làm việc với Thành phố để thống nhất triển khai các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ báo cáo, kê khai, phê duyệt phương án và việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố (*trước mắt tập trung phối hợp kiểm tra phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị đã được Bộ Tài chính phê duyệt*), tập trung vào Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Công Thương.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 750/VPCP-CN truyền đạt chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng như sau:

1. Về tổ chức bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cơ quan Trung ương quản lý, sử dụng trên địa bàn TP.HCM theo hình thức đấu giá đối với các cơ sở nhà đất đã được Bộ Tài chính phê duyệt: UBND TP.HCM thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc bán tài sản trên đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cơ quan Trung ương quản lý, sử dụng trên địa bàn TP.HCM: giao Bộ Tài chính hướng dẫn UBND TP.HCM thực hiện theo quy định; đồng thời rà soát, nghiên cứu, đề xuất giải pháp để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn UBND TP.HCM thực hiện các vấn đề liên quan đến Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, Bộ Tài chính có Công văn số 781/BTC-QLCS hướng dẫn Thành phố như sau:

“Căn cứ vào số thu (phần nộp ngân sách nhà nước) từ bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các Bộ, cơ quan trung ương trên địa bàn TP.HCM và dự toán chi đầu tư phát triển của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, phân chênh lệch giữa thu và chi sẽ thực hiện phân chia ngân sách TP.HCM hưởng 50% theo đúng khoản 9 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.”

Ngày 28/7/2020, Bộ Tài chính có Công văn số 9035/BTC-NSNN “thống nhất và sẽ phối hợp với UBND TP.HCM thực hiện kiểm tra tiến độ thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của 03 Bộ”.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, Bộ Tài chính tiếp tục có Công văn số 1661/BTC-QLCS trả lời kiến nghị của Thành phố về việc đẩy nhanh tiến độ kê

khai, phê duyệt và thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của các Bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty nhà nước trên địa bàn Thành phố để Thành phố có thêm nguồn lực đầu tư phát triển, trong đó có nội dung:

“...Trong quá trình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc trung ương quản lý, Bộ Tài chính đã luôn chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng của TP.HCM để triển khai thực hiện; tuy nhiên, tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất còn phụ thuộc vào việc kê khai, lập phương án xử lý của các Bộ, ngành, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Trường hợp có cơ sở nhà, đất không có nhu cầu sử dụng thì mới chuyển về địa phương quản lý, xử lý hoặc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội được thi hành (từ ngày 15/01/2018) thì chỉ có 02 cơ sở nhà, đất thuộc trung ương quản lý trên địa bàn TP.HCM được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng đến nay 02 cơ sở nhà, đất này vẫn chưa thực hiện được việc bán, chuyển nhượng nên chưa phát sinh nguồn thu để thực hiện theo Nghị quyết số 54/2017/QH14.”

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/9/2021, riêng quy định tại khoản 1 Điều 1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký). Ngày 26 tháng 7 năm 2021, Bộ Tài chính có Công văn số 8238/BTC-QLCS về việc triển khai thực hiện Nghị định số 67/2021/NĐ-CP, theo đó Bộ Tài chính đề nghị bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *“rà soát, lập danh mục toàn bộ các cơ sở nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở đó, thực hiện phân loại rõ danh mục nhà, đất thuộc phạm vi phải sắp xếp lại, xử lý và danh mục nhà, đất không thuộc phạm vi phải sắp xếp lại, xử lý theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP để đơn đốc cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc lập báo cáo kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc đối tượng cổ phần hóa), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP”*.

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1072/QĐ-BTC ngày 04/7/2018 về bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 địa chỉ nhà đất của Viện Cơ học và Tin học ứng dụng (thuộc Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam) bao gồm: số 547 đường Hồng Bàng, phường 14, quận 5 (diện tích đất 61,5m², diện tích sàn sử dụng 183m²) và số 185/4 đường Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1 (diện tích đất 76,8m², diện tích sàn sử dụng 386,4m²). Tuy nhiên đến nay, 02 địa chỉ nêu trên vẫn chưa thực hiện được việc bán. Do đó, Thành phố chưa phát sinh 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14.

3.3.8. Đối với việc hưởng số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước:

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số

26/2019/QĐ-TTg phê duyệt danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020; theo đó, Thành phố có 38 doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ, các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa có trách nhiệm rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước thời điểm quyết định cổ phần hóa. Tuy nhiên, tại thời điểm này chưa có hướng dẫn của cơ quan chức năng có thẩm quyền về Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa. Do đó, UBND Thành phố chưa thể ban hành quyết định cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên công tác cổ phần hóa doanh nghiệp kéo dài, không đảm bảo tiến độ đến hết năm 2020 hoàn thành công bố giá trị doanh nghiệp như mục tiêu đã đề ra.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Ngày 08 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 2278/UBND-KT giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND Thành phố phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (bao gồm doanh nghiệp đã cổ phần hóa nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất) theo Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch số 1864/KH-UBND tổ chức thực hiện Thông báo số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ; theo đó, tại phụ lục 2 của Kế hoạch có nêu:

“Giao Trưởng ban Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố chủ trì phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND Thành phố Kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Thành phố giai đoạn 2021-2025”.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 383/QĐ-UBND thành lập Tổ Công tác (do Phó Chủ tịch UBND Thành phố làm Tổ trưởng, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố là Tổ phó Thường trực) xây dựng Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trực thuộc UBND Thành phố giai đoạn 2021 - 2025. Hiện nay, UBND Thành phố đang rà soát đề xuất của các doanh nghiệp theo đặc thù của Thành phố và tình hình hoạt động của doanh nghiệp để báo cáo Bộ Kế hoạch đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

Sau khi Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thành phố sẽ khẩn trương triển khai việc sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do Thành phố quản lý nhằm tạo nguồn thu ngân sách phục vụ đầu tư phát triển.

3.3.9. Việc hưởng số thu từ thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do UBND Thành phố quản lý:

Hiện nay, UBND Thành phố không trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần. Phần vốn nhà nước góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần do các tổng công ty, công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thuộc Thành phố theo dõi, quản lý. Nguồn thu từ việc thoái vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, theo quy định được hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh của tổng công ty, công ty mẹ. Do đó, Thành phố không có nguồn thu từ thoái vốn nhà nước đầu tư tại các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

3.3.10. Đối với việc ứng vốn ngân sách Thành phố thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trên địa bàn Thành phố thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương:

Ngày 14 tháng 4 năm 2018, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 1545/KH-UBND triển khai Nghị quyết kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân Thành phố khóa IX và chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố theo tinh thần Nghị quyết số 54 của Quốc hội, trong đó giao Sở Giao thông vận tải phối hợp Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành trình phương án ứng vốn ngân sách Thành phố cho Trung ương thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 trên địa bàn Thành phố.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, Thành phố đã có các văn bản lấy ý kiến Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương về dự thảo đề xuất phương án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh theo cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó ứng kinh phí dự kiến 2.939 tỷ đồng từ nguồn ngân sách của Thành phố, các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của Thành phố, vay trong phạm vi quy định để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đoạn 3 (Bình Chuẩn - Quốc lộ 22), đoạn 4 (Quốc lộ 22 - Bến Lức) của tuyến đường Vành đai 3 trên địa bàn Thành phố theo quy mô dự án Bộ Giao thông vận tải đã nghiên cứu. Ngân sách Trung ương sẽ hoàn trả lại theo cơ chế đã nêu tại Nghị quyết số 54 của Quốc hội, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo (Dự kiến Bộ Giao thông vận tải hoàn trả lại bằng nguồn vốn vay của ADB hoặc nguồn vốn khác do Trung ương bố trí cho dự án đường Vành đai 3).

Ngày 06 tháng 10 năm 2018, Thành phố đã có Công văn số 4498/UBND-DA đề xuất Bộ Giao thông vận tải kiến nghị Chính phủ có chủ trương chính thức cho triển khai dự án để làm cơ sở đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua việc tạm ứng ngân sách Thành phố để tiến hành ngay công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trong khi chờ Bộ Giao thông vận tải tham mưu Chính phủ triển khai thủ tục và phương thức đầu tư dự án; đồng thời chỉ đạo Sở Giao thông Vận tải xây dựng kế hoạch triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng đường Vành đai 3.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, Bộ Giao thông vận tải đã trình Thủ tướng Chính phủ thông qua chủ trương đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 (đoạn 3 và 4) tại Tờ trình số 192/TTr-BGTVT (theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT), trình thẩm định nguồn vốn tại Tờ trình số 2373/TTr-BGTVT ngày 18 tháng 3 năm 2019. Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn chưa có kết quả thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn cho dự án Vành đai 3 (đoạn 3 và 4) để làm cơ sở Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Trong năm 2020, Thành phố tiếp tục triển khai các bước đẩy nhanh công tác đầu tư đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn Thành phố: (1) Đã tổ chức họp với các tỉnh (Đồng Nai, Bình Dương và Long An) ngày 13 tháng 02 năm 2020 để cùng rà soát tình hình thực hiện đầu tư khép kín đường Vành đai 3; (2) Tổ chức Hội nghị chuyên đề kết nối giao thông Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ngày 29 tháng 4 năm 2020; (3) Tiếp tục có văn bản đề xuất Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sớm rà soát, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư phù hợp, hiệu quả để bố trí cho dự án Vành đai 3 và đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho dự án.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 6875/BGTVT-KHĐT thông tin việc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ về đường Vành đai 3 theo hướng giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì triển khai lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện đầu tư.

Tại Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Minh Chính có kết luận, chỉ đạo:

“- Giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các địa phương liên quan (Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Long An) điều chỉnh phạm vi các dự án thành phần để giao các địa phương là cơ quan có thẩm quyền triển khai theo phương thức đối tác công tư PPP, trên nguyên tắc: các địa phương có trách nhiệm cân đối toàn bộ chi phí giải phóng mặt bằng; ngân sách Trung ương hỗ trợ chi phí phần vốn tham gia của nhà nước cho công tác xây lắp theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Đối với chi phí giải phóng mặt bằng tăng lên (khoảng 1.599 tỷ đồng) của Dự án thành phần 1A, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tự cân đối kết hợp đầu tư xây dựng các đường cao tốc, các trục giao thông gắn với quy hoạch chính trong đô thị, khai thác quỹ đất phát triển đô thị và khu công nghiệp, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh... hai bên đường theo quy định của pháp luật.

- Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh lại Dự án thành phần 1B để giao cho địa phương thực hiện theo cơ chế chung toàn tuyến.

- Bộ Giao thông vận tải tổng hợp nhu cầu kinh phí Trung ương qua từng địa phương nêu trên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 03 tháng 5 năm 2021. Trên cơ sở đó, giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp nhu cầu vốn trong kế hoạch đầu tư

trung hạn 2021-2025, trình Chính phủ xem xét cụ thể mức hỗ trợ.

- Các địa phương khác cũng chủ động nghiên cứu phương án khai thác quỹ đất hiệu quả gắn với các dự án phát triển hạ tầng để tạo ra nguồn vốn đầu tư.”

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, UBND Thành phố có Tờ trình số 878/TTr-UBND về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3; trong đó đã xây dựng tiến độ thực hiện (dự kiến hoàn thành vào năm 2026), giải ngân nguồn vốn cho dự án và đã được Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua, trình Chính phủ.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Cơ chế ủy quyền và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý (quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 54):

3.4.1. Tình hình thực hiện cơ chế ủy quyền:

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 và Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 14/4/2021) ủy quyền cho các sở - ngành, UBND cấp huyện thực hiện 59 nhiệm vụ, quyền hạn của UBND Thành phố trên các lĩnh vực đô thị, môi trường, kinh tế, ngân sách, dự án, văn hóa, xã hội, khoa học và kiểm tra công tác quản lý hành nghề luật sư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 và Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 14/4/2021) ủy quyền cho thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện 26 nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND Thành phố trên các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, dự án, giao thông, văn hóa, xã hội, khoa học và nội vụ.

Ngoài ra, UBND Thành phố thống nhất ban hành 07 nội dung quy định các nhiệm vụ, quyền hạn mà Chủ tịch UBND cấp huyện được ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã gồm: (1) Quyết định thành lập, giải thể Đội công tác xã hội tình nguyện; (2) Quyết định hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng; (3) Quyết định và chỉ đạo việc bẫy, bắt, bán cá thể động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong trường hợp động vật đó đe dọa tấn công trực tiếp đến tính mạng con người ở ngoài các khu rừng đặc dụng, phòng hộ, sau khi đã áp dụng các biện pháp xua đuổi nhưng không có hiệu quả; (4) Quyết định phương án tự vệ để bảo vệ tính mạng Nhân dân và hạn chế tổn hại đến loài động vật hoang dã trong trường hợp loài động vật hoang dã được ưu tiên bảo vệ đe dọa đến tài sản hoặc tính mạng của nhân dân; (5) Quyết định việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong vùng đang có dịch; (6) Quyết định việc áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng trong vùng đang có dịch; (7) Quyết định thành lập Điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng.

Việc thực hiện ủy quyền đã giúp rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục

hành chính về các lĩnh vực được ủy quyền ở một số cơ quan, đơn vị⁷.

Đối với lĩnh vực nội vụ, thực hiện tăng cường phân cấp theo các chủ trương của Trung ương theo các quy định pháp luật hiện hành⁸, UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức⁹ và quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức¹⁰. Các quy định phân cấp có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 12 năm 2021 và đã bãi bỏ các nội dung ủy quyền về lĩnh vực nội vụ nêu tại Quyết định số 4713/QĐ-UBND. Việc tăng cường phân cấp đã tạo cơ chế thuận lợi hơn nữa cho cơ quan, đơn vị; rút ngắn quy trình thực hiện các hồ sơ hành chính, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng thực hiện công tác cán bộ, công chức, viên chức.

3.4.2. Về điều chỉnh tên gọi của các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố¹¹:

Theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã không quy định tên gọi cụ thể của các phòng thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh mà chỉ quy định tiêu chí thành lập phòng chuyên môn trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh gồm 02 tiêu chí: có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở và khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu số biên chế theo quy định, cụ thể Thành phố là 07 biên chế. Thực tế chỉ có Sở Tài chính điều chỉnh tên gọi và bổ sung chức năng, nhiệm

⁷ - Thời gian giải quyết xử lý hồ sơ của quy trình công nhận Hiệu trưởng Trường trung cấp tư thục theo quy định là 20 ngày làm việc nhưng khi ủy quyền, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quy trình giải quyết còn 12 ngày làm việc, rút ngắn 08 ngày so với quy định. Riêng lĩnh vực lao động - tiền lương, thời gian phê duyệt Kế hoạch và thực hiện quỹ lương hàng năm của doanh nghiệp hoàn thành nhanh chóng các thủ tục để triển khai dự án; mặt khác, Ban Quản lý cũng dễ dàng theo dõi, giám sát và kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp theo hồ sơ đã được thẩm định, phê duyệt.

- Việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao đã rút ngắn thời gian 08 ngày (42 ngày so với quy định là 50 ngày), tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoàn thành nhanh chóng các thủ tục để triển khai dự án; mặt khác, Ban Quản lý cũng dễ dàng theo dõi, giám sát và kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp theo hồ sơ đã được thẩm định, phê duyệt.

- Đối với công tác tiếp các đoàn khách nước ngoài, các đơn vị đã chủ động trong việc thẩm định và xét duyệt hồ sơ các đoàn khách đến làm việc, gặp gỡ, tìm hiểu, trao đổi các vấn đề chuyên môn và lấy ý kiến sở - ngành có liên quan nếu thấy cần thiết. Sở Giáo dục và Đào tạo đã rút ngắn được trung bình 05 ngày làm việc (từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc cho mỗi đoàn khách nước ngoài); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã rút ngắn 10 ngày (từ 20 ngày xuống còn 10 ngày).

- Nhiệm vụ cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trên địa bàn Thành phố được Sở Công Thương thực hiện trung bình là 11 ngày làm việc, rút ngắn được 04 ngày làm việc so với quy định⁷.

- Việc ủy quyền Quyết định duyệt giá bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước giúp rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 22 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc, tạo sự chủ động cho Sở Xây dựng, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân trong việc giải quyết hồ sơ liên quan nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; đồng thời, giảm hồ sơ sự vụ phải trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Trong nội dung liên quan đến lĩnh vực nội vụ, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện rút ngắn được ít nhất là 15 ngày làm việc so với trước đây gửi lên Sở Nội vụ.

⁸ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

⁹ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố

¹⁰ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố

¹¹ Khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định: "UBND Thành phố được quyền điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố để phù hợp với đặc điểm của Thành phố".

vụ cho “Phòng Tin học - Thống kê” thành “Phòng Tin học - Thống kê và Quản lý nợ chính quyền địa phương” trên cơ sở sắp xếp, điều chỉnh tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính trong tổng số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định¹², đảm bảo không tăng số lượng phòng và biên chế được giao khi ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố còn lại đã sắp xếp các phòng chuyên môn theo hướng dẫn của các Bộ, ngành và không có đề nghị điều chỉnh tên gọi, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn trực thuộc. Do đó, Thành phố không triển khai nội dung này mà thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành trên cơ sở quy định khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu.

3.4.3. Chính sách thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức:

Sau khi Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố có hiệu lực, ngày 04 tháng 4 năm 2018, UBND Thành phố đã ban hành Công văn số 1370/UBND-KT triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên. Theo đó, Thành phố đã giao Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã triển khai đầy đủ nội dung quy định cũng như các văn bản chỉ đạo của Thành phố (đối với khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo các hướng dẫn của Ban Tổ chức Thành ủy). Các sở - ngành, quận - huyện đã ban hành quy định đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể hóa các tiêu chí của Thành phố theo đặc thù từng lĩnh vực, tổ chức và bộ phận. Việc đánh giá, phân loại hàng quý cơ bản được triển khai nghiêm túc, có chất lượng và công khai, minh bạch. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trung bình hàng quý đạt 97,82% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức (của cả khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và khối Nhà nước); trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt trung bình 64,39%; hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 33,43%. Số lượng hoàn thành nhiệm vụ/hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực trung bình hàng quý chỉ chiếm 1,84%; số lượng không hoàn thành nhiệm vụ không vượt quá 0,34%. Từ quý III năm 2019 trở đi, Thành phố áp dụng quy định đánh giá, phân loại sửa đổi, đồng thời triển khai thực hiện nguyên tắc tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của lãnh đạo, quản lý không quá 50% số lượng lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị để từng bước nâng cao chất lượng đánh giá theo hướng phản ánh chính xác năng lực và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trung bình của lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, quận, huyện và tương đương thuộc cả 02 khối (khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và khối Nhà nước) từ quý III năm 2019 đến hết quý IV năm 2021 chiếm 52,98% (tuy vượt quá 50% nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ quy định do được phép làm tròn thành 01 nếu có số dư 0,5 trở lên); đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương là 49,56%; cấp phòng, ban,

¹² khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

tổ, đội, nhóm trong đơn vị trực thuộc là 56,32%.

UBND Thành phố đã và trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND. Theo đó, hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm từ năm 2020 đến hết thời gian thí điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 tối đa là 1,2 lần mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ.

Tuy nhiên, trong năm 2020, để chủ động ứng phó với dịch Covid-19 và duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trong giai đoạn phòng dịch, UBND Thành phố đã ban hành Công văn số 1456/UBND-KT ngày 21 tháng 4 năm 2020 điều chỉnh giảm hệ số tăng thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức nhằm chia sẻ khó khăn với đồng bào, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong giai đoạn phòng, chống dịch; theo đó, hệ số tăng thu nhập điều chỉnh như sau:

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức có hệ số lương trên 3,00: Điều chỉnh hệ số tăng thu nhập tối đa từ 1,2 lần giảm còn 0,6 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của năm 2020.

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức có hệ số lương từ 3,00 trở xuống: Điều chỉnh hệ số tăng thu nhập tối đa từ 1,2 giảm còn 0,8 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của năm 2020.

Riêng trong năm 2021, nhằm hỗ trợ động viên cho lực lượng y tế tuyến đầu và các lực lượng tham gia phòng, chống dịch Covid-19, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 2820/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2021 trình Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND. Ngày 24 tháng 8 năm 2021, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND; theo đó, từ tháng 7 đến hết tháng 12 năm 2021: hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 1 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ. Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế (từ cấp Thành phố đến cấp xã) và cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách ở cấp phường xã, thị trấn tối đa là 1,2 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ. Ngày 31 tháng 3 năm 2022, UBND Thành phố đã có Tờ trình số 962/TTr-UBND đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 về sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND.

Về kinh phí chi thu nhập tăng thêm thực tế của Thành phố, trong năm 2018 là 2.816 tỷ đồng (*khối Thành phố: 1.148 tỷ đồng và khối quận – huyện: 1.668 tỷ đồng*); năm 2019 là 7.637 tỷ đồng (*khối thành phố là 3.029 tỷ đồng và khối quận – huyện là 4.608 tỷ đồng*); năm 2020 là 4.265 tỷ đồng (*khối thành phố là 1.903 tỷ đồng và khối quận – huyện là 2.362 tỷ đồng*); năm 2021 là 6.811 tỷ đồng (*khối thành phố là 3.032 tỷ đồng và khối quận – huyện là 3.779 tỷ đồng*).

3.4.4. Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và

người có tài năng đặc biệt:

Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố: Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực Thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022; Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố có nhu cầu trong giai đoạn 2019 - 2022. Đồng thời, thành lập các hội đồng thu hút và ban hành các quy trình thu hút, tuyển chọn chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

- Đối với việc thu hút chuyên gia, nhà khoa học, ngày 09 tháng 11 năm 2020, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4117/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thu hút, tuyển chọn chuyên gia, nhà khoa học năm 2020. Ngày 14 tháng 9 năm 2021, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3314/QĐ-UBND phê duyệt kết quả thu hút 05 chuyên gia, nhà khoa học. Trên cơ sở đó, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao đã tiến hành tiếp nhận, ký hợp đồng với các chuyên gia và phân công nhiệm vụ đối với từng trường hợp; đồng thời giao các đơn vị trực thuộc phối hợp tốt, tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi cho chuyên gia làm việc, cống hiến.

- Đối với việc thu hút người có tài năng đặc biệt lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao, ngày 03 tháng 02 năm 2021, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 381/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thu hút, tuyển chọn người có tài năng đặc biệt lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao giai đoạn 2020 - 2022. Sở Văn hóa và Thể thao đã đăng tải thông báo thu hút và đang triển khai thực hiện quy trình thu hút. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và số lượng đăng ký tham dự còn ít nên đến nay Thành phố chưa hoàn thành việc thu hút theo kế hoạch đề ra.

Năm 2022, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thu hút và Sở Nội vụ, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 về ban hành Kế hoạch thu hút chuyên gia, nhà khoa học năm 2022 cho 05 vị trí (05 chỉ tiêu) tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (02 vị trí, 02 chỉ tiêu) và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (03 vị trí, 03 chỉ tiêu cho Trung tâm Công nghệ sinh học). Hiện nay đang đăng tải thông báo thu hút và thực hiện quy trình tuyển chọn theo quy định.

3.5. Công tác phối hợp với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý ngân sách và xác định tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia ngân sách:

3.5.1. Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý ngân sách:

Để hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, thực hiện phân công của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã chỉ đạo Ban Cán sự Đảng

Bộ Tài chính xây dựng Đề án “Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan”. Với vai trò là thành viên tham gia Tổ Biên tập xây dựng Đề án, Thành phố đã và tiếp tục tham gia góp ý nội dung dự thảo Đề án theo đề nghị của Bộ Tài chính.

3.5.2. Về xây dựng Đề án tăng tỷ lệ điều tiết cho ngân sách Thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:

UBND Thành phố đã tham mưu Thành ủy ban hành Tờ trình số 189-TTr/TU ngày 20 tháng 8 năm 2020 kiến nghị Bộ Chính trị chấp thuận chủ trương tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách cho Thành phố giai đoạn 2022 - 2025 là 23%. Tại Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phủ đồng ý với đề xuất về chủ trương báo cáo các cấp có thẩm quyền tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách cho Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, UBND Thành phố có Công văn số 2516/UBND-KT gửi Bộ Tài chính tham gia góp ý các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; (thay thế định mức ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg) để làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 của Thành phố năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; từ đó, phối hợp Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách hợp lý cho Thành phố, báo cáo Chính phủ đề trình Quốc hội xem xét, quyết định cùng với dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022; theo đó, tỷ lệ ngân sách để lại cho Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 được điều chỉnh từ 18% lên 21% (tăng thêm 3%). Như vậy, sau nhiều năm tỷ lệ điều tiết liên tục giảm dần qua các thời kỳ thì đây là thời kỳ ổn định ngân sách đầu tiên tỷ lệ điều tiết cho Thành phố đã tăng 3%, qua đó gia tăng thêm nguồn lực chi đầu tư phát triển.

IV. Đánh giá chung:

1. Những điểm sáng cần tiếp tục phát huy:

1.1. Với sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan Trung ương, công tác quản trị, tuyên truyền, triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14 được thực hiện có hiệu quả, đạt được một số kết quả tích cực. Các đề án đã cơ bản hoàn thành đúng kế hoạch đề ra. Một số đề án, chương trình, cơ chế đột phá đã được nghiên cứu, xây dựng (đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực; quy chế thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt, các chính sách hỗ trợ tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức...) tạo sự phấn khởi, đồng thuận trong cả hệ thống chính trị Thành phố.

1.2. Công tác thông tin tuyên truyền được thực hiện thông qua nhiều phương thức đa dạng, phong phú, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và các tầng

lớp nhân dân Thành phố.

1.3. Sự tham gia tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố trong việc tổ chức lấy ý kiến phản biện các đề án, góp ý bổ sung nhiều nội dung cụ thể, thiết thực, phù hợp với đặc thù của Thành phố và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân.

1.4. Việc Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức nhiều phiên họp bất thường thông qua nhiều nội dung quan trọng thể hiện sự quyết tâm của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đảm bảo hoàn thành thật tốt Nghị quyết số 54/2017/QH14.

1.5. Việc triển khai các nội dung, đề án đạt một số kết quả tích cực, tạo thế chủ động nhiều hơn cho Thành phố so với thời gian trước. tiến độ các dự án nhóm A được đẩy nhanh hơn khá nhiều so với việc trình các cơ quan Trung ương thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của Thành phố.

1.6. Việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho Thành phố vay lại đã giúp Thành phố có thêm nguồn lực để đầu tư phát triển.

1.7. Việc được chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của Thành phố.

1.8. Việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

1.9. Chính sách chi thu nhập tăng thêm đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện Thành phố, góp phần giảm bớt khó khăn, cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức; khơi gợi tinh thần lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc, củng cố và nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước trên các lĩnh vực, giúp Thành phố đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua.

1.10. Việc đẩy mạnh ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn, địa phương thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội, thể mạnh của từng địa phương trên địa bàn Thành phố đã phát huy hiệu quả, phát huy được vai trò của người đứng đầu trong công tác quản lý, điều hành và nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả công việc ngày càng thực chất hơn; tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị, nhất là kịp thời giải quyết thủ tục, hồ sơ hành chính trong các lĩnh vực có liên quan; nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố, góp phần phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao sự hài lòng

của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan, tổ chức của Thành phố.

1.11. Một số nội dung triển khai có hiệu quả khi thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được đưa vào quy định tại Luật và áp dụng cho cả nước như: *quy định Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm A sử dụng ngân sách Thành phố theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định về cơ chế ủy quyền, quy định về điều chỉnh tên gọi của các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố...*

2. Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

2.1. Một số nội dung triển khai Nghị quyết số 54 còn chậm so với kế hoạch dự kiến. Nguyên nhân là do có ý kiến khác nhau giữa các Bộ ngành; một số vấn đề mới, phức tạp, có tác động lớn, lâu dài, khi triển khai cụ thể cần nghiên cứu kỹ trước khi xem xét, quyết định. Trong hai năm đầu kể từ khi Nghị quyết số 54 có hiệu lực (năm 2018, năm 2019), Thành phố đã triển khai thực hiện rất quyết liệt nhưng chủ yếu là công tác chuẩn bị, Thành phố kỳ vọng các chính sách sẽ được phát huy trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình hình kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó Thành phố là một trong những địa phương chịu tác động mạnh nhất. Trước tình hình đó, Thành phố nỗ lực huy động cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân triển khai khẩn trương “nhiệm vụ kép” vừa tập trung phòng, chống dịch bệnh vừa thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần tích cực cùng cả nước ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh. Trong bối cảnh vô cùng khó khăn đó, mặc dù Thành phố đã có các bước chuẩn bị cho việc ban hành các loại phí, lệ phí hoặc tăng mức thuế hoặc thuế suất nhưng buộc phải dừng việc xem xét các đề xuất này.

2.2. Cơ chế tài chính chưa được phát huy như mong đợi, Thành phố chưa có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư hạ tầng ngày càng gia tăng. Hơn 04 năm qua, không phát sinh khoản thu tiền sử dụng đất khi bán các tài sản công của các đơn vị Trung ương ở Thành phố, do đó, Thành phố chưa được hưởng 50% khoản tiền này để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố. Việc bán tài sản công chưa thực hiện được, trong đó có nguyên nhân các Bộ, ngành, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Trung ương chưa chủ động phối hợp thực hiện. Việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong đó có phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất) phụ thuộc vào việc kê khai, lập phương án xử lý của các Bộ, ngành, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Trường hợp các đơn vị trên có cơ sở nhà, đất không có nhu cầu sử dụng thì mới đề xuất phương án chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý hoặc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; báo cáo Bộ Tài chính để xem xét, phê duyệt. Việc triển khai thực hiện bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo phương án phê duyệt của Bộ Tài chính do các cơ quan, đơn vị, quản lý nhà, đất thực hiện.

Đối với 02 địa chỉ nhà đất đã được ban hành Quyết định phê duyệt phương

án bán nêu trên, nhưng đến nay vẫn chưa bán được. Nguyên nhân chủ yếu là Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ chưa quy định cụ thể thời điểm xác định giá khởi điểm để thực hiện bán đấu giá. Ngày 15/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2017/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 1/9/2021) đã quy định cụ thể thời điểm xác định giá khởi điểm để thực hiện bán đấu giá. Tuy nhiên lúc này Quyết định số 1072/QĐ-BTC ngày 04/7/2018 của Bộ Tài chính phê duyệt phương án bán đấu giá của 02 nhà đất nêu trên đã hết hiệu lực thi hành (quá 24 tháng kể từ ngày ban hành quyết định).

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các Bộ, ngành, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Trung ương đã được Bộ Tài chính phê duyệt, Thành phố đã chủ động kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính cho phép Thành phố được tổ chức bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các Bộ, ngành, các tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thuộc trung ương. Tuy nhiên, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: *“kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là chưa phù hợp quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ”* và Văn phòng Chính phủ đã có văn bản đề nghị Thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2.3. Thành phố cũng chưa có nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước do việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp các năm trước gặp vướng mắc do thiếu quy định hướng dẫn về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp khi cổ phần hóa nên Thành phố chưa có cơ sở để thực hiện phê duyệt Phương án sử dụng đất doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo trong quy trình thực hiện cổ phần hóa. Thành phố có số lượng doanh nghiệp thực hiện sắp xếp lại tương đối nhiều, hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô lớn, tình hình tài chính phức tạp, sở hữu nhiều đất đai, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện các chiến lược, mục tiêu về an sinh xã hội của Thành phố... Do đó, Thành phố cần phải thực hiện rà soát, cân nhắc thận trọng về tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ của từng doanh nghiệp khi thực hiện xây dựng kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp. Đến ngày 15 tháng 8 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020; theo đó, Thành phố có 38 doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa.

2.4. Một số cơ quan, đơn vị khi đề xuất nội dung ủy quyền mới nhưng không nêu rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý nên khó khăn cho quá trình thẩm định. Một số văn bản pháp luật chưa quy định cụ thể hoặc đang chờ văn bản hướng dẫn nên các nội dung ủy quyền chưa thể triển khai thực hiện.

2.5. Công tác hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá, phân loại hàng quý chưa theo kịp với tình hình thay đổi của thực tiễn. Nguyên tắc chi trả thu nhập tăng thêm căn cứ vào số ngày làm việc thực tế của cán bộ, công chức, viên chức khi triển khai còn một số khó khăn, vướng mắc do thời gian làm việc theo quy định riêng của mỗi ngành, lĩnh vực là khác nhau; đặc biệt là một số ngành, lĩnh vực đặc thù (giáo dục và đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể

thao...). Đồng thời, trong thời gian Thành phố tập trung thực hiện nhiệm vụ phát sinh, như công tác phòng, chống dịch Covid-19, một số ngành, lĩnh vực phải thay đổi thời gian hoạt động chuyên môn (ngành giáo dục và đào tạo tạm dừng tổ chức dạy học; ngành y tế tăng cường nhân lực, thời gian làm việc phục vụ phòng dịch...), do đó cần thiết phải có hướng dẫn riêng cho phù hợp.

2.6. Việc thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đòi hỏi sự thận trọng trong xây dựng cơ chế tổ chức thực hiện nên thời gian xây dựng quy trình cần nhiều thời gian nghiên cứu, hoàn thiện.

2.7. Một số nguyên nhân chính ảnh hưởng tiến độ triển khai:

Một số quy định cần phải có sự hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương.

Một số vấn đề mới, phức tạp, có tác động lớn, lâu dài, cần nhiều thời gian nghiên cứu, xem xét, đánh giá trước khi triển khai cụ thể.

Nghị quyết được đưa vào triển khai gần 5 năm nhưng có hơn 2 năm nên kinh tế Thành phố cũng như cả nước chịu tác động nặng nề bởi đại dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến tình hình triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14.

3. Bài học kinh nghiệm:

Thành phố đã phát huy sự năng động, sáng tạo, quyết liệt, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo các chủ trương, chính sách, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, đảm bảo tạo niềm tin trong nhân dân. Sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của Thành ủy, Ủy ban nhân dân, sự giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố trong tổ chức triển khai, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể, kịp thời phản ánh với Trung ương những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Thành phố đã tranh thủ tối đa sự đồng tình, hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ của các ban, bộ, ngành Trung ương, kiên trì đeo bám tiến độ xử lý các đề xuất của Thành phố. Để triển khai thành công cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, cần có các quy định pháp luật cụ thể của các cơ quan Trung ương.

PHẦN THỨ HAI: CÁC THÁCH THỨC KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ VÀ NHẬN DIỆN NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ

I. Các thách thức kinh tế - xã hội của Thành phố:

Trong quá trình phát triển, Thành phố Hồ Chí Minh đối mặt với các thách thức như sau:

1. Tiềm năng, lợi thế của Thành phố chưa được khai thác tối đa để có thể phát triển nhanh, bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại kinh tế Thành phố vẫn chưa đạt bước tiến vượt bậc:

Kinh tế Thành phố tăng trưởng chậm lại, khả năng chống chịu gặp thách thức dưới tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19; mức độ cải thiện chất lượng tăng trưởng chưa vượt trội. Mục tiêu tăng trưởng GRDP và GRDP bình quân đầu người giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 không đạt¹³. Tăng trưởng GDP và GRDP chậm lại qua các giai đoạn 5 năm (GDP tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2006 - 2010 là 11,4% và giai đoạn 2011 - 2015 là 9,6%; GRDP tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 7,22% và giai đoạn 2016 - 2020 là 6,41%). GRDP bình quân đầu người năm 2015 là 5.104 đô-la Mỹ và năm 2020 là 6.407 đô-la Mỹ. Về chất lượng tăng trưởng, đóng góp của yếu tố năng suất vào tăng trưởng kinh tế chưa vượt trội so với yếu tố truyền thống như vốn; tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP mặc dù liên tục tăng qua các năm và các giai đoạn, nhưng vẫn thấp hơn so với tỷ lệ đóng góp của vốn¹⁴. Dưới tác động của đại dịch COVID-19, hầu hết các ngành kinh tế tăng trưởng chậm lại trong năm 2020 và rơi vào suy giảm trong năm 2021¹⁵; các khu vực kinh tế đều gặp khó khăn, dẫn đến tình trạng tạm ngưng hoạt động và thất nghiệp gia tăng¹⁶.

Chuyển dịch cơ cấu nội ngành kinh tế còn chậm; các khu vực kinh tế cũng gặp khó khăn trong quá trình cơ cấu lại. Một số ngành trọng điểm trong cơ cấu kinh tế có xu hướng tăng trưởng chậm lại, đặc biệt là một số ngành dịch vụ giữ tỷ

¹³ Đây là đánh giá tại Báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu Thành phố lần thứ X, lần thứ XI. Từ năm 2016, số liệu GRDP được sử dụng thay GDP; vì vậy, không thể đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ “*phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân thời kỳ 2011 - 2020 cao hơn 1,5 lần mức tăng trưởng bình quân của cả nước; GDP bình quân đầu người cuối năm 2020 đạt khoảng 8.500 USD*” đề ra tại Nghị quyết số 16.

¹⁴ Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP là 33,15% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 và 38,42% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020; đóng góp của vốn lần lượt là 46,07% và 41,70%; đóng góp của lao động lần lượt là 20,78% và 19,88%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố)

¹⁵ Các ngành vẫn duy trì tăng trưởng trong năm 2021: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm 6,08%; thông tin và truyền thông 8,16%; y tế 28,68%; giáo dục và đào tạo 3,12%. Các ngành rơi vào suy giảm trong năm 2021: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản -13,68%; công nghiệp -10,54%; xây dựng -23,64%; thương mại -10,03%; vận tải kho bãi -9,26%; lưu trú và ăn uống -54,93%; kinh doanh bất động sản -17,32%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố)

¹⁶ Tình hình lao động và việc làm chịu ảnh hưởng nặng nề trong đợt bùng phát dịch bệnh COVID-19 vào năm 2021: tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III/2021 lên đến 9,93% và quý IV/2021 vẫn còn ở mức cao là 8,25%, giảm xuống 4,18% vào quý I/2022. Trước đó, tỷ lệ thất nghiệp xoay quanh 3%; tỷ lệ thất nghiệp bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 3,6% và bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 3,0%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố, Tổng Cục Thống kê)

trọng lớn trong GRDP¹⁷. Việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, thiết lập liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cũng như phát triển công nghiệp hỗ trợ và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu nhìn chung chưa đạt yêu cầu. Hoạt động của khu công nghệ cao¹⁸, các khu chế xuất, khu công nghiệp¹⁹ có mặt còn hạn chế; chưa có đột phá về thu hút dự án đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu và triển khai trên địa bàn và có sự hợp tác với doanh nghiệp trong nước để hình thành chuỗi sản xuất. Việc nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nói chung còn hạn chế; sản phẩm du lịch chưa thực sự đa dạng, phong phú và còn thiếu đặc trưng. Tăng trưởng không đồng đều giữa các khu vực kinh tế²⁰; phần lớn doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế vẫn thuộc nhóm quy mô nhỏ, siêu nhỏ²¹; quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước chậm tiến độ, còn vướng mắc; hoạt động của các loại hình kinh tế tập thể có mặt chưa hiệu quả²². Vẫn còn những bất cập, những hạn chế trong sự vận hành và trong công tác quản lý thị

¹⁷ Tăng trưởng GRDP của dịch vụ bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 8,45%, bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 6,75%; tuy nhiên, năm 2021 suy giảm -5,50%. Một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn trong GRDP tăng trưởng bình quân hàng năm chậm lại nếu so sánh giai đoạn 2011 - 2015 với giai đoạn 2016 - 2020; cụ thể như sau: thương mại tăng trưởng lần lượt là 9,86% và 7,89%; vận tải tăng trưởng lần lượt là 10,37% và 7,27%; kinh doanh bất động sản tăng trưởng lần lượt là 2,82% và 2,43%. Ở chiều ngược lại, vẫn có ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn trong GRDP tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 cao hơn so với giai đoạn 2011 - 2015; cụ thể như sau: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tăng trưởng lần lượt là 8,09% và 8,78%. (Nguồn: Cục Thống kê Thành phố)

¹⁸ Đối với các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao, giá trị sản xuất và kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh nhưng giá trị gia tăng trong sản phẩm công nghệ cao chưa cao; hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao còn thâm dụng lao động phổ thông, nguyên vật liệu phụ thuộc vào nhập khẩu. Việc kết nối giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn tương đối hạn chế do thiếu nhà cung ứng cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Thực tế quá trình sản xuất ở Khu Công nghệ cao thông thường là công đoạn cuối và việc chi cho R&D chưa được doanh nghiệp FDI thật sự quan tâm; sản phẩm tạo ra chủ yếu theo quy trình công nghệ nhập khẩu hoặc ở công đoạn lắp ráp, kiểm tra sản phẩm, đóng gói; việc chuyển giao công nghệ cũng chỉ ở mức độ vận hành, bảo trì thiết bị. (Nguồn: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao)

¹⁹ Đa số các dự án đầu tư trong các khu chế xuất, khu công nghiệp có quy mô vốn nhỏ; số dự án có công nghệ tiên tiến, hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao chiếm tỉ lệ còn thấp. Các khu công nghiệp chủ yếu phát triển theo mô hình đa ngành, chưa liên kết giữa các doanh nghiệp trong khu để tạo nên cụm sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển mạnh mẽ. Quỹ đất thu hút đầu tư ngày càng hạn hẹp; trong khi đó, một số khu công nghiệp mới được thành lập nhưng chậm triển khai (như Phong Phú, Lê Minh Xuân 2, Lê Minh Xuân mở rộng, Vĩnh Lộc mở rộng, Tây Bắc Củ Chi mở rộng) do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất triển khai dự án, pháp lý của chủ đầu tư. Hệ thống giao thông kết nối đến các khu chế xuất, khu công nghiệp mặc dù có cải thiện nhưng chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ với sự phát triển của các khu. (Nguồn: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp)

²⁰ Tăng trưởng GRDP của khu vực nhà nước bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 2,51%, bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là -1,00%, năm 2021 là -9,80%; khu vực ngoài nhà nước lần lượt là 7,46%, 8,61%, -9,23%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lần lượt là 14,46%, 7,19%, -1,71%.

²¹ Số liệu doanh nghiệp năm 2019 (đang hoạt động tại thời điểm ngày 31/12/2019) có quy mô vốn dưới 0,5 tỷ đồng giữ tỷ trọng 11,63% tổng số doanh nghiệp (tăng so với tỷ lệ 5,46% năm 2010); từ 0,5 đến dưới 1 tỷ đồng là 10,25% (năm 2010: 7,13%); từ 1 đến dưới 5 tỷ đồng là 15,8% (năm 2010: 19,55%); từ 5 đến dưới 10 tỷ đồng là 18,62% (năm 2010: 23,28%); từ 10 đến dưới 50 tỷ đồng là 6,64% (năm 2010:); từ 50 đến dưới 200 tỷ đồng là 36,71% (năm 2010: 37,70%); từ 200 đến dưới 500 tỷ đồng là 1,17% (năm 2010: 1,21%); từ 500 tỷ đồng trở lên là 1,18% (2010: 0,82%). (Nguồn: Niên Giám thống kê Thành phố năm 2011, năm 2020)

²² Phân loại, đánh giá theo quy mô thành viên vào năm 2020 cho thấy, trong tổng số hợp tác xã, có 77,13% quy mô siêu nhỏ; 17,4% quy mô nhỏ; 3,07% quy mô vừa; 2,4% quy mô lớn. Phần lớn các hợp tác xã vẫn có vốn ít, khả năng tích lũy phân chia lợi nhuận cho thành viên và tái đầu tư chưa cao; thiếu chiến lược kinh doanh, chậm đổi mới, chưa phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh, thu hút nguồn lực để phát triển. Quan hệ giữa thành viên với tập thể trong các hợp tác xã tổ chức theo mô hình dịch vụ hỗ trợ chưa chặt chẽ và liên kết giữa các hợp tác xã cũng chưa chặt chẽ. So với các khu vực kinh tế khác, đội ngũ quản lý hợp tác xã còn nhiều bất cập, có trình độ, năng lực còn nhiều hạn chế và việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến đại của hợp tác xã vào quá trình sản xuất, kinh doanh vẫn kém hơn. Sự gắn kết giữa công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp chưa bền vững, chưa phát huy được hết vai trò của chuỗi liên kết trong sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã. Về tổ hợp tác, hầu hết có quy mô nhỏ, hoạt động tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại và dịch vụ và công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, nhưng hiệu quả chưa cao, đóng góp còn rất nhỏ vào sự phát triển kinh tế của địa phương. (Nguồn: Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

trường trên địa bàn Thành phố.

Việc phát huy các nguồn lực để phát triển kinh tế còn hạn chế; hợp tác, liên kết vùng và hội nhập kinh tế quốc tế có mặt chưa hiệu quả; đóng góp của kinh tế Thành phố vào nền kinh tế của cả nước có xu hướng giảm trên một số phương diện. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu để có thể phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Thành phố, chưa theo kịp quá trình phát triển và là điểm nghẽn kéo dài qua nhiều năm; đặc biệt là, chưa phát triển đúng mức cơ sở hạ tầng giao thông, công nghiệp và dịch vụ để tạo được sự dẫn dắt phát triển các ngành kinh tế và tạo đột phá về thu hút đầu tư. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của Thành phố mặc dù lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lao động. Còn tồn tại những dự án đầu tư quy mô lớn chậm triển khai trong nhiều năm; giải ngân vốn đầu tư công nhìn chung đạt thấp so với kế hoạch hàng năm²³; chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài và trong nước có quy mô lớn và công nghệ cao. Cơ cấu sử dụng đất chưa hợp lý; tỷ lệ đất dành cho giao thông, công nghiệp và dịch vụ còn rất thấp so với yêu cầu phát triển của một trung tâm kinh tế²⁴; giới hạn về quỹ đất sẵn sàng và áp lực về chi phí gia tăng cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư và thu hút đầu tư mới. Sự hình thành liên kết doanh nghiệp - khoa học - đào tạo - nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Cơ chế liên kết vùng còn bất cập, chưa tạo điều kiện phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Thành phố cũng như các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để cùng hợp tác phát triển²⁵. Năng lực cạnh tranh quốc tế còn thấp²⁶; hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế chưa toàn diện, chưa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ về công nghệ sản xuất, kết nối và chuyển giao công

²³ Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 88,9% năm 2016, 92,03% năm 2017, 76,44% năm 2018, 96,41% năm 2019, 81,90% năm 2020; bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 đạt 86,06% so với kế hoạch. (Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư)

²⁴ Đất nông nghiệp năm 2010 là 118.052 ha (56,33% tổng số), năm 2015 là 115.768 ha (55,25% tổng số), năm 2020 là 111.958 ha (53,43% tổng số); giảm 6.094 ha nếu so sánh năm 2020 với năm 2010. Đất phi nông nghiệp năm 2010 là 90.868 ha (43,36% tổng số), năm 2015 là 92.762 ha (44,27% tổng số), năm 2020 là 96.551 ha (46,08% tổng số); tăng 5.683 ha nếu so sánh năm 2020 với năm 2010. Đất chưa sử dụng năm 2010 là 635 ha (0,30% tổng số), năm 2015 là 1.000 ha (0,48% tổng số), năm 2020 là 1.030 ha (0,49% tổng số); tăng 395 ha nếu so sánh năm 2020 với năm 2010. (Nguồn: Niên Giám thống kê Thành phố)

²⁵ Bên cạnh mặt đạt được trong công tác điều phối Vùng, có các hạn chế như: Các tỉnh trong Vùng chưa chủ động cao trong đề xuất, triển khai một số nội dung hợp tác và triển khai thực hiện chưa đồng bộ; trình độ phát triển của mỗi địa phương trong Vùng có sự chênh lệch và nguồn lực của một số tỉnh trong Vùng còn khó khăn. Vùng chưa có các quy định hữu hiệu trong việc đảm bảo kết nối cơ sở dữ liệu chung, hạn chế về ngân sách để thực hiện các dự án mang tính chất liên Vùng và các hoạt động của toàn Vùng; cơ sở hạ tầng mặc dù được cải thiện nhưng không đáng kể, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Vùng; các chương trình liên kết, hợp tác chưa chi rõ phương thức; giải pháp tổ chức, thời gian thực hiện cụ thể đối với từng lĩnh vực, không thường xuyên liên tục. Vai trò và thẩm quyền ra quyết định của Ban Chỉ đạo và Hội đồng Vùng chưa được phân định rõ; bộ máy của Hội đồng Vùng hiện nay chưa phải là một cấp hành chính hoàn chỉnh; giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng chưa xác định được cơ chế, giải pháp mang tính thống nhất trong phân công nhiệm vụ để phối hợp giải quyết những lĩnh vực cơ bản trong liên kết vùng như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển kết nối hạ tầng giao thông, bảo vệ môi trường... dẫn đến việc chưa phát huy tối đa thế mạnh của từng địa phương và toàn Vùng. Vai trò của Ban Chỉ đạo điều phối chưa phát huy hiệu quả, chưa tạo sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau giữa các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng; chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành Trung ương với các địa phương, vì vậy còn chậm trong điều hành cơ chế, chính sách cho Vùng.

²⁶ Chỉ số tham khảo do tổ chức quốc tế công bố cho thấy Thành phố còn khoảng cách đáng kể so với các thành phố lớn trên thế giới và ở trong khu vực Đông Nam Á. Ví dụ như chỉ số thành phố toàn cầu của Kearney cho thấy sự sụt giảm thứ hạng từ 76 năm 2016 xuống 97 năm 2021 (khu vực Đông Nam Á có các thành phố được xếp hạng gồm Bangkok, Kuala Lumpur, Singapore và Thành phố Hồ Chí Minh).

nghệ giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước²⁷. Vai trò đầu tàu tăng trưởng kinh tế của Thành phố đối với cả nước có thời điểm bị ảnh hưởng; lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ, kinh tế Thành phố tăng trưởng chậm hơn so với cả nước (năm 2020), rơi vào suy giảm (năm 2021)²⁸.

2. Mức độ quá tải về hạ tầng kinh tế, xã hội đang ngày càng gia tăng:

Hệ thống cơ sở hạ tầng nhìn chung chưa có bước đột phá, chưa đáp ứng yêu cầu liên kết vùng và phát triển Thành phố, phục vụ đời sống của Nhân dân; khó khăn về vốn đầu tư vẫn tiếp diễn, trong khi cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng còn bất cập và ngoài thẩm quyền giải quyết của Thành phố; công tác quy hoạch, chỉnh trang và phát triển đô thị và công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, trật tự xây dựng đô thị có mặt chưa đạt; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu còn gặp nhiều thách thức.

2.1. Thành phố Hồ Chí Minh - Địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, nguy cơ ngập nước ngày càng nghiêm trọng:

Thành phố Hồ Chí Minh là một địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, nguy cơ ngập nước ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng ngập nước vẫn tiếp diễn; triển khai các dự án thuộc Chương trình Giảm ngập nước còn chậm tiến độ; khả năng đáp ứng của hệ thống thoát nước hiện hữu còn rất hạn chế, chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa trên địa bàn Thành phố. Hiện nay trong thời điểm mưa lớn, Thành phố xuất hiện nhiều tuyến đường ngập trong mưa. Nếu không có giải pháp ngăn triều, xây dựng và thoát nước chủ động qua hệ thống bơm... nguy cơ ngập thường xuyên phần lớn diện tích đất thành phố Hồ Chí Minh là rất gần. ***Do vậy việc tạo nguồn lực để kết nối đồng bộ các hệ thống thoát nước, chống ngập đáp ứng tính bền vững trong công tác chống ngập là điều cấp thiết hiện nay.***

2.2. Thành phố Hồ Chí Minh bị ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng:

Công tác bảo vệ môi trường, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cũng còn có mặt chưa đạt. Một số nội dung chưa hoàn thành trong Chương trình Giảm

²⁷ Tuy xuất khẩu tăng về kim ngạch, nhưng sản xuất phục vụ xuất khẩu còn thâm dụng lao động phổ thông và phụ thuộc các yếu tố đầu vào nhập khẩu. Điều này phần nào có thể quan sát từ cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; ví dụ như mặt hàng máy vi tính, sản phẩm và linh kiện điện tử đồng thời giữ tỷ trọng cao nhất trong kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu, mặt hàng dệt may giữ tỷ trọng cao trong kim ngạch xuất khẩu và cũng có mặt hàng vải và nguyên phụ liệu dệt may giữ tỷ trọng cao trong kim ngạch nhập khẩu. Ngoài ra, tỷ trọng của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cao nhất so với các khu vực kinh tế khác và ngày càng lớn trong kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu; trong khi đó, tỷ lệ đóng góp của khu vực này vào GRDP của Thành phố thấp hơn so với khu vực trong nước.

²⁸ Trong năm 2020, tốc độ tăng trưởng GRDP của Thành phố (1,39%) đạt thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước (2,91%). Đến năm 2021, GDP của cả nước vẫn duy trì tăng trưởng (2,58%) trong bối cảnh khó khăn hơn so với năm trước; trong khi đó, GRDP của Thành phố suy giảm (-6,78%). Trước đại dịch COVID-19, tốc độ tăng trưởng GRDP của Thành phố (7,22% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015; 7,72% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2019) luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước (5,9% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011 - 2015; 6,8% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2019). (Nguồn: Tổng Cục Thống kê, Cục Thống kê Thành phố)

ngập nước²⁹, Giảm ô nhiễm môi trường³⁰. Khó khăn về vốn đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án xử lý nước thải, chất thải rắn; trong khi đó, một bộ phận doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư cho bảo vệ môi trường.

Tình trạng sử dụng nước ngầm trực tiếp cho sinh hoạt còn phổ biến ở các huyện ngoại thành; các giải pháp triển khai nhằm đảm bảo ổn định nguồn nước thô và nước sạch chưa bền vững. Phát triển mảng xanh công viên chưa được quan tâm đúng mức, nhất là tại các dự án chung cư đô thị.

Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh bị ô nhiễm không khí nghiêm trọng, ô nhiễm tiếng ồn ngày càng gia tăng, và ô nhiễm nguồn nước sông ở hầu hết các vị trí quan trọng. Trong khi đó, công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện nay chủ yếu vẫn là chôn lấp hợp vệ sinh dẫn đến một số tồn tại như phát sinh mùi hôi và nước rỉ rác. Các nhà máy tái chế, xử lý hiện chưa đáp ứng được toàn bộ nhu cầu Thành phố.

2.3. Thành phố Hồ Chí Minh có hạ tầng giao thông lạc hậu, chậm được mở rộng và nâng cấp:

Điểm nghẽn về cơ sở hạ tầng trên địa bàn Thành phố tồn tại qua nhiều năm; quá trình triển khai một số công trình cơ sở hạ tầng còn vướng mắc, chậm tiến độ; sự phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông liên kết vùng chưa hiệu quả. Tình trạng ùn tắc giao thông kéo dài; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, cảng ... còn chậm so với quy hoạch được phê duyệt; phát triển vận tải hành khách công cộng chưa đạt yêu cầu trong khi số lượng phương tiện giao thông cá nhân tiếp tục tăng³¹. Về hệ thống giao thông liên kết vùng, các đường vành đai chưa khép kín mặc dù đã quy hoạch nhiều năm; kết nối giao thông giữa Thành phố với các địa phương lân cận và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chưa được tăng cường đồng bộ, hiện đại.

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có khối lượng hàng hóa cần vận chuyển rất lớn và nhu cầu tăng lên hàng năm, cùng với lượng phương tiện cá nhân tăng cao. Trong những năm qua, Thành phố đã tập trung, ưu tiên nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng giao thông nhằm giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông tại Thành phố. Nhưng do nguồn vốn ngân sách Thành phố phân bổ hiện nay còn thấp chỉ đáp ứng 50% so với nhu cầu thực tế, dẫn đến tiến độ đầu tư, nâng cấp mở rộng

²⁹ Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2015 - 2020 đạt 69,44% chỉ tiêu giải quyết các tuyến đường trực chính ngập do mưa; chưa có đủ nguồn lực để đầu tư cho toàn bộ các đề án, dự án thuộc Chương trình; tiến độ triển khai một số dự án còn chậm do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, nguồn vốn không đảm bảo, trình tự thủ tục kéo dài; một số dự án của nhà đầu tư chưa được kết nối đồng bộ với các dự án thoát nước, chống ngập chung làm phát sinh tình trạng ngập cục bộ tại một số khu vực; chưa có quy hoạch hồ điều tiết để làm cơ sở triển khai dự án. (Nguồn: Báo cáo tổng kết Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2015 - 2020)

³⁰ Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2015 - 2020 có 37/54 chương trình/dự án/dề án hoàn thành, đạt tỷ lệ 68%; một số chỉ tiêu không đạt (gồm các chỉ tiêu như 80% tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý tập trung đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường; giảm 50% khối lượng túi nilon khó phân hủy sử dụng tại các chợ dân sinh so với năm 2010; giảm thiểu 90% tải lượng chất ô nhiễm vượt chuẩn thải vào nguồn nước mặt); vấn đề môi trường tại khu vực giáp ranh giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương chưa được giải quyết triệt để. (Nguồn: Báo cáo tổng kết Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2015 - 2020)

³¹ Số lượng xe mô tô năm 2015 là 6,8 triệu xe, năm 2021 là 7,6 triệu xe; xe ô tô năm 2015 là 556,6 ngàn xe, năm 2021 là 819,1 ngàn xe. Hoạt động vận tải hành khách ứng dụng công nghệ phát triển nhanh (năm 2015 là 1.877 xe tham gia, năm 2019 là 52.133 xe, tăng 28 lần). (Nguồn: Sở Giao thông Vận tải)

hạ tầng giao thông vận tải chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, kế hoạch đề ra và lạc hậu so với khu vực. Nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng từ ngân sách nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; trong khi đó, cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước còn bất cập. Thành phố quan tâm bố trí vốn đầu tư cơ sở hạ tầng với tỷ trọng cao trong tổng chi ngân sách³². Thực tế đòi hỏi phải huy động sự tham gia của các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước vào các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng; tuy nhiên, chưa đáp ứng nhu cầu. Các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo hình thức hợp tác công tư (PPP) gặp nhiều khó khăn, còn nhiều vướng mắc về cơ chế huy động.

Với hiện trạng giao thông này, giao thông công cộng của Thành phố cũng không phát triển do thiếu đường vành đai, đường kết nối ngang, mặt đường quá hẹp. Hiện vận tải hành khách công cộng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu đi lại của người dân. Hơn nữa, vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn (Metro, BRT, LRT, Monorail) hiện chưa có.

2.4. Thành phố Hồ Chí Minh đối mặt áp lực vừa đảm bảo duy trì, phát huy thế mạnh vừa phải huy động các nguồn lực đầu tư, đổi mới để bắt kịp sự phát triển khoa học kỹ thuật trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0:

Về Y tế, tình trạng quá tải cơ sở hạ tầng xã hội chậm được khắc phục, đặc biệt là trường học và cơ sở khám, chữa bệnh, trong khi người từ địa phương khác đến Thành phố sinh sống, làm việc ngày càng đông. Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang là trung tâm khám, chữa bệnh lớn của cả nước. Cơ sở vật chất và trang thiết bị, nhân lực y tế chưa theo kịp nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng tăng, dẫn đến có lúc còn tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến Thành phố³³; hệ thống y tế cơ sở bộc lộ nhiều hạn chế. Tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên y tế ở một số cơ sở y tế còn có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc phát triển nguồn nhân lực ở một số cơ sở y tế công lập còn khó khăn trong tuyển dụng và giữ được nhân viên có năng lực chuyên môn giỏi, chủ yếu do hạn chế trong chính sách, chế độ đãi ngộ. Công tác quản lý đối với các cơ sở tư nhân còn hạn chế, vẫn xảy ra hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khám, chữa bệnh. Trong công tác dân số, tình trạng mức sinh thấp so với mức sinh thay thế vẫn tiếp diễn³⁴.

Về giáo dục, mặc dù Thành phố đã ưu tiên bố trí nguồn kinh phí ngân sách để đầu tư tăng thêm phòng học nhưng nhìn chung chỉ đạt khoảng 40% so với nhu cầu cần phải đạt chuẩn theo chương trình giáo dục phổ thông mới (sĩ số học sinh bình quân của 1 lớp là 41 học sinh/35 học sinh, vượt chuẩn 17%). Mặc dù tỷ lệ đầu tư xã hội hoá cho giáo dục phổ thông và mầm non của Thành phố là cao nhất cả nước nhưng đến nay Thành phố vẫn còn thiếu nhiều phòng học để đáp ứng nhu cầu chỗ học theo dự báo phát triển dân số, đặc biệt là do gia tăng cơ học. Cơ sở vật

³² (Đề nghị Sở Tài chính bổ sung số liệu qua các năm từ 2017 đến nay)

³³ Số lượt khám bệnh tại các cơ sở y tế (không tính bệnh viện thuộc các bộ, ngành quản lý) tăng từ 26,8 triệu năm 2011 lên 39,6 triệu năm 2020. (Nguồn: Sở Y tế)

³⁴ Tổng tỷ suất sinh trong nhiều năm qua đều thấp hơn mức sinh thay thế 2,1 con/phụ nữ (năm 2020 là 1,53). Chỉ số này bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 (1,37) thấp hơn so với giai đoạn 2011 - 2015 (1,37). (Nguồn: Sở Y tế, Tổng Cục Thống kê)

chất và nhân lực trong các trường học còn có mặt hạn chế; sĩ số bình quân trên lớp còn cao, nhất là ở một số quận, huyện chịu áp lực từ quá trình gia tăng dân số cơ học³⁵. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng của Thành phố. Công tác phối hợp quản lý các cơ sở giáo dục và đào tạo, nhất là đối với khối ngoài công lập, còn hạn chế.

Về khoa học và công nghệ, chế độ, chính sách hiện hành chưa thể tạo điều kiện phát huy tối đa nguồn lực khoa học và công nghệ. Cơ chế huy động các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước trong xây dựng, tư vấn và phản biện chính sách của Thành phố chưa thực sự hiệu quả. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai và nguồn nhân lực trình độ cao chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là để phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm. Tuy có sự gia tăng trong tỷ lệ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu tăng, nhưng tỷ lệ ứng dụng trực tiếp chưa cao³⁶. Môi liên kết trong hoạt động khoa học và công nghệ giữa trường - viện và doanh nghiệp chưa chặt chẽ, bền vững; còn thiếu các tổ chức khoa học và công nghệ có khả năng đủ mạnh để kết nối và hình thành mạng lưới trung tâm nghiên cứu phát triển của Thành phố, liên kết chặt chẽ, bền vững với doanh nghiệp nhằm hỗ trợ hiệu quả hoạt động thương mại hóa và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ.

Về văn hóa và thể dục, thể thao, hệ thống thiết chế văn hóa chưa phát triển tương xứng với vị trí, vai trò trung tâm của Thành phố trong cả nước; một số công trình trọng điểm chưa hoàn thành. Việc trùng tu, tôn tạo, bảo quản các di tích có trường hợp còn chưa kịp thời. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục, thể thao chưa đáp ứng nhu cầu trong khi dân số trên địa bàn Thành phố ngày càng tăng. Còn thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật lớn; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để khích lệ, động viên, thu hút và phát huy các nguồn lực xã hội tham gia phát triển lĩnh vực này, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Công tác quản lý đối với hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, báo chí và xuất bản có mặt chưa hiệu quả; quản lý còn chưa chặt chẽ dẫn đến du nhập văn hóa phẩm không lành mạnh, gây ảnh hưởng tiêu cực đến lối sống và nền văn hóa dân tộc.

Tình hình an sinh xã hội có lúc, có nơi còn chưa đảm bảo; công tác quản lý phát triển xã hội có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Giải quyết việc làm và cải thiện thu nhập đối với một bộ phận người lao động còn chưa cao. Chăm lo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững còn bộc lộ hạn chế; đời sống của một bộ phận người dân còn rất khó khăn, trong đó có người từ các địa phương khác di cư đến Thành phố. Tệ nạn xã hội còn tồn tại; các trường hợp vi phạm pháp luật về gia đình, trẻ em vẫn tiếp tục xảy ra.

³⁵ Đến năm 2021, số học sinh bình quân 1 lớp học ở cấp tiểu học dao động từ 38 đến 40, cấp trung học cơ sở dao động từ 41 đến 42, cấp trung học phổ thông dao động từ 39 đến 40; tức là gần như không có sự kéo giảm đối với chỉ số này trong những năm qua. (Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo)

³⁶ Tỷ lệ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu giai đoạn 2016 - 2020 đạt 98,8% (tăng 2,5 lần so với giai đoạn 2011 - 2015), nhưng tỷ lệ ứng dụng trực tiếp chưa cao (đạt 55,5%) do các trường viện chưa thật sự bám sát yêu cầu thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; thiếu các điều kiện cơ sở vật chất nghiên cứu công nghệ, sản xuất thử nghiệm. (Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp. Công tác nắm, tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo tình hình vẫn còn có nơi, có lúc chưa sát ... Trật tự an toàn xã hội tuy ổn định, hoạt động của tội phạm hình sự, ma túy tuy được kéo giảm về số vụ, nhưng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, diễn biến phức tạp, khó lường. Tai nạn giao thông tuy được kéo giảm, nhưng chưa được kiểm soát ổn định. Tình hình cháy, nổ tiềm ẩn nhiều nguy cơ, trong khi công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn nhiều bất cập, dẫn đến hạn chế trong phối hợp thực hiện công tác phòng, chống cháy, nổ.

Tính chủ động và hiệu quả của hợp tác quốc tế trong một số lĩnh vực, với một số đối tác còn chưa cao. Một số cam kết quốc tế của Thành phố chưa được triển khai hiệu quả; có trường hợp chỉ dừng ở khung hợp tác. Tính hiệu quả trong phối hợp triển khai hợp tác quốc tế giữa các cơ quan, đơn vị của Thành phố còn chưa cao; năng lực cán bộ đối ngoại của các sở, ngành và quận, huyện chưa đồng đều; một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức, lúng túng, thiếu kinh nghiệm trong triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế ... chủ yếu do sự quan tâm và nguồn lực cán bộ cấp cơ sở trực tiếp triển khai các dự án, chương trình hợp tác còn hạn chế.

2.5. Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích nhà ở dưới mức bình quân cả nước:

Tính đến cuối năm 2021, diện tích nhà ở bình quân đầu người của Thành phố vẫn thấp hơn so với diện tích nhà ở bình quân đầu người của cả nước. Phát triển nhà ở chưa đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người dân, đặc biệt là phân khúc nhà ở giá rẻ, nhà ở xã hội.

Các chương trình nhà ở của Thành phố vẫn chưa triển khai đáp ứng đủ nhu cầu xã hội do nhiều vướng mắc khác nhau.

2.6. Thành phố Hồ Chí Minh có quy mô dân số lớn, tốc độ gia tăng dân số nhanh, mật độ dân số tăng cao dẫn đến có xu thế vượt mức độ an toàn đô thị:

Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi, nằm giữa vùng Nam bộ giàu tiềm năng, là đầu mối giao thông lớn, nối liền các địa phương trong cả nước và quốc tế. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông dân nhất cả nước hơn 9 triệu người (chiếm 9,3%).

Theo số liệu sơ bộ của Tổng điều tra dân số và nhà ở (ngày 01/4/2019), mật độ dân số của Thành phố năm 2019 là 4.385 người/km², tăng 24,8% so với năm 2009 (3.437 người/km²), gấp hơn 15 lần cả nước. Trong đó, tập trung tại các quận trung tâm với mật độ dân số rất cao, trên 37.000 người/km²³⁷. Mật độ dân số tập trung đông dẫn đến nguy cơ mất an ninh về mật độ dân số (theo khuyến nghị của quốc tế, mức mất an toàn là trên 8.000 người/km²). Do đó, dân số các quận, huyện này ngày càng phát triển với xu thế tăng mật độ dân số thì nguy cơ mất an toàn ngày càng tăng.

Điều này cho thấy tầm quan trọng của các chính sách dân số về lĩnh vực

³⁷ Quận có mật độ dân số trên 37.000 người/km² như Quận 4 là 41.890 người/km²; Quận 10 là 41.028 người/km²; Quận 11 là 40.792 người/km²; Quận 3 là 38.700 người/km²; Quận 5 là 37.245 người/km².

phân bố dân cư và mật độ dân số trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Do đó, thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều chương trình nhằm giãn dân, tránh tập trung ở các khu đông dân trước đây, nhưng do đầu tư hạ tầng và phát triển các đô thị vệ tinh chậm nên tình hình vẫn chưa được cải thiện.

Chỉnh trang và phát triển đô thị, công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch còn hạn chế. Một số nội dung của Chương trình Chỉnh trang và phát triển đô thị chưa hoàn thành³⁸. Cơ sở pháp lý trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và phát triển hạ tầng đô thị còn bất cập, chồng chéo và chưa đồng bộ. Công tác quản lý quy hoạch còn khó khăn; nguồn cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lập quy hoạch chưa đầy đủ, thống nhất. Công tác quản lý trật tự xây dựng còn hạn chế; việc lập lại trật tự lòng đường, vỉa hè chưa căn cơ.

Tóm lại, thách thức về hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố hiện nay đã và đang làm quá tải hệ thống hạ tầng giao thông đô thị thành phố, tình trạng ùn tắc và tai nạn giao thông tại Thành phố ngày càng diễn biến phức tạp và nghiêm trọng, nguy cơ ngập nước ngày càng tăng, ô nhiễm không khí, nước sông ngày tăng, nhà ở thiếu, diện tích nhà bình quân đầu người thấp hơn diện tích cả nước, bệnh viện, trường học quá tải... *Tất cả các yếu tố trên ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống của người dân, khả năng thu hút đầu tư phát triển kinh tế, du lịch, gây trở ngại cho sự phát triển nhanh và bền vững của thành phố Hồ Chí Minh.*

3. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Chỉ số cải cách hành chính chưa đạt như kỳ vọng cả về chất lượng và thứ hạng:

Trong 5 năm qua, Thành phố đã quyết tâm thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Tuy nhiên, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố có tăng theo từng năm nhưng mức tăng không lớn. Thứ hạng của Thành phố đối với các tỉnh thì xu hướng giảm (hiện Thành phố đang ở thứ hạng 14). Kết quả PCI của Thành phố liên tục giảm: từ hạng 8 (2016, 2017), hạng 10 (2018), hạng 14 (năm 2019, 2020, 2021). Về điểm số PCI có sự tăng nhẹ từ 67,16 (năm 2019) lên 67,5 năm (2020, 2021). Đặc biệt, Thành phố không còn nằm trong 5 địa phương có PCI cao nhất cả nước.

Thành phố còn 4 nhóm chỉ số thành phần nằm dưới mức trung bình, như tính minh bạch, gia nhập thị trường, năng động, pháp chế và an ninh trật tự. Cụ thể, năm 2020 trong 10 chỉ số thành phần của PCI (chỉ số chi phí gia nhập thị trường; chỉ số tính minh bạch; chỉ số chi phí thời gian; chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; chỉ số đào tạo lao động; chỉ số tiếp cận đất đai; chỉ số chi phí không chính thức; chỉ số cạnh tranh bình đẳng; chỉ số tính năng động; chỉ số thiết chế pháp lý)

³⁸ Kết quả di dời nhà trên và ven kênh rạch còn rất hạn chế, chậm tiến độ so với kế hoạch, chủ yếu tập trung ở các dự án sử dụng vốn ngân sách nhưng đa số cũng chỉ dừng lại ở công tác chuẩn bị đầu tư và bồi thường, trong khi chưa kêu gọi được dự án vốn ngoài ngân sách. Công tác tháo dỡ, xây dựng mới thay thế các chung cư cũ chủ yếu dừng lại ở việc di dời tạm cư người dân để đảm bảo an toàn đối với chung cư hư hỏng nặng, nguy hiểm. Công tác sửa chữa chung cư chủ yếu khắc phục các hư hỏng, sơn sửa, dặm vá mặt ngoài, bổ sung các thiết bị phòng cháy chữa cháy, chưa triển khai sửa chữa đến các kết cấu xuống cấp, nguy hiểm, an toàn chịu lực cũng như cải tạo sửa chữa toàn diện chung cư cũ. Việc triển khai đầu tư xây dựng, phát triển diện tích sàn xây dựng tăng thêm tại các khu đô thị mới chưa đạt yêu cầu; kết nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu đô thị mới chưa đồng bộ. (Nguồn: Báo cáo tổng kết Chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị giai đoạn 2015 - 2020).

thì có đến 4 chỉ số thành phần giảm điểm so với năm 2019, đặc biệt chỉ số tính minh bạch chỉ đạt 5,68 điểm (thấp nhất kể từ năm 2015 đến nay). Đây là những vấn đề Thành phố thường xuyên nỗ lực thực hiện nhưng chỉ số này vẫn chưa đạt như mong muốn. Một nguyên nhân là do số lượng người dân quá lớn, trong khi số lượng cán bộ công chức phục vụ không đạt sự hài lòng cao của người dân.

Về Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), theo công bố của Bộ Nội vụ giai đoạn 2012 – 2020, Thành phố Hồ Chí Minh đứng ở các vị trí thuộc nhóm khá tốt trong bảng xếp hạng và luôn cao hơn giá trị trung bình cả nước. Tuy nhiên, nếu so sánh TP. Hồ Chí Minh với 4 thành phố trực thuộc Trung ương còn lại, Par Index của Thành phố có lẽ chỉ hơn Thành phố Cần Thơ (năm 2020, TP. Cần Thơ xếp hạng 37/63). Tuy nhiên, Thành phố Cần Thơ đã có những năm vượt TP. Hồ Chí Minh: năm 2015 (Cần Thơ xếp 4/63, TP. Hồ Chí Minh xếp 16/63); năm 2017 (Cần Thơ xếp 9/63, TP. Hồ Chí Minh xếp 10/63); năm 2018 (Cần Thơ xếp 6/63, TP. Hồ Chí Minh xếp 10/63). Trong khi đó Đà Nẵng, Hải Phòng và Hà Nội luôn duy trì thứ hạng cao trong những năm qua (năm 2015 Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng lần lượt xếp thứ hạng 2; 4; 5 cao hơn TP. Hồ Chí Minh). Đặc biệt là năm 2020, khi cả nước đều gặp khó khăn vì Covid-19, các địa phương này vẫn duy trì thứ hạng cao (Hải Phòng xếp thứ 2/63; Đà Nẵng xếp thứ 6/63; Hà Nội xếp thứ 8/63). Trong khi đó TP. Hồ Chí Minh bị tụt hạng đáng kể xếp hạng 23/63. Kết quả này chưa tương xứng với vị thế, vai trò và tiềm lực của Thành phố cũng như chưa đáp ứng sự kỳ vọng của lãnh đạo và người dân Thành phố.

Như vậy, mặc dù thời gian qua, Thành phố đã có nhiều nỗ lực để cải thiện thứ hạng PCI và PAR INDEX. Tuy nhiên, kết quả cả hai chỉ số này thấp so với kỳ vọng đối với việc cải thiện môi trường đầu tư, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền, nhất là sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố.

II. Nhận diện nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển của Thành phố:

Đảng và Chính phủ đều thống nhất quan điểm thừa nhận vị thế vốn có và định hướng phát triển Thành phố Hồ Chí Minh như một đô thị đặc biệt, một trung tâm kinh tế - tài chính - dịch vụ hàng đầu trong nước. Nhận định này dựa trên thực tế khách quan về sự tăng trưởng, phát triển và cơ hội tiềm tàng của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Xuất phát từ vị trí rất quan trọng của Thành phố Hồ Chí Minh đối với đất nước cả về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học - công nghệ..., việc khơi dậy, tận dụng và phát huy các tiềm năng, cơ hội, lợi thế không gian của Thành phố đóng vai trò quan trọng cả hiện tại và tương lai.

1. Thành phố Hồ Chí Minh cần giữ vững vị thế trung tâm của Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam:

Thành phố Hồ Chí Minh và bảy tỉnh lân cận - Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Tiền Giang và Long An - tạo thành Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Vùng KTTĐPN), là trung tâm thương mại và đổi mới sáng tạo lớn nhất, tạo ra 60% nguồn thu và thu hút 50% nguồn vốn FDI của cả nước. Nằm ở vị trí trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Thành phố

Hồ Chí Minh đóng vai trò như cửa ngõ phát triển, liên kết kinh tế giữa miền Đông Nam Bộ, miền Tây Nam Bộ và Tây Nguyên. Đây là một vùng kinh tế quan trọng với vùng nguyên liệu nông nghiệp, cây công nghiệp tập trung quy mô lớn nhất cả nước; có nguồn tài nguyên giá trị kinh tế cao, đặc biệt là dầu khí, tạo điều kiện cho vùng có khả năng phát triển chuyên môn hóa cao, đồng bộ, có sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập. Thành phố Hồ Chí Minh là vùng kinh tế động lực phía Nam, hàng loạt hạ tầng như metro, cao tốc đang xây dựng, kinh tế phát triển mạnh mẽ, là thổi nam châm thu hút đầu tư mạnh của đất nước và nước ngoài, nhiều chục năm tới. Tuy nhiên mạng lưới đường giao thông của thành phố Hồ Chí Minh hiện nay còn yếu, sự liên kết với hệ thống giao thông các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam còn thiếu và gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, các thách thức về hạ tầng kỹ thuật và xã hội sẽ còn tăng và kéo dài.

2. Thành phố Hồ Chí Minh chưa tối ưu hiệu quả trong quản lý, vận hành hệ thống cảng biển và sân bay lớn nhất cả nước:

2.1. Cảng biển:

Số lượng cảng biển đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh gồm 04 khu bến chính: Khu bến trên sông Sài Gòn, khu bến Cát Lái trên sông Đồng Nai, khu bến trên sông Nhà Bè, khu bến Hiệp Phước trên sông Soài Rạp.

Trong đó, Cảng Tân Cảng Cát Lái hiện là cảng container quốc tế lớn và hiện đại nhất Việt Nam tại Quận 2 - Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đánh giá của Hội vận tải biển thế giới, cảng Tân Cảng - Cát Lái thuộc nhóm 50 cảng container lớn nhất thế giới dựa vào các tiêu chí tốc độ tăng trưởng sản lượng; hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong ngành khai thác cảng biển.

Tuy nhiên, các đường kết nối giao thông đi vào cảng biển khu vực Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn thiếu và yếu làm bến cảng luôn bị ùn tắc và việc giao hàng gặp trở ngại, ảnh hưởng đến công suất khai thác cảng biển.

2.2. Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất

Với diện tích 850 ha, đứng thứ hai về mặt diện tích, đứng thứ nhất về mặt công suất nhà ga, sân bay Tân Sơn Nhất đã và tiếp tục được nâng cấp để tăng công suất phục vụ hành khách, chưa kể sân bay Long Thành chuẩn bị khởi công. Tuy nhiên, với quy mô gần 1000ha, khoảng cách các chiều lớn nhất khoảng 4km và 5km, sân bay Tân Sơn Nhất đang có nguy cơ ngăn cản sự kết nối của không gian đô thị, cản trở các dòng phương tiện theo hướng kết nối ngang qua sân bay và sẽ bị dồn vào các tuyến đường chính bao quanh sân bay Tân Sơn Nhất. Mặt khác, với cơ cấu phương tiện phức tạp, đặc biệt là xe máy làm gia tăng mật độ phương tiện lưu thông trên các tuyến đường quanh khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, dẫn đến nguy cơ ùn tắc do các va chạm nhỏ tăng cao.

3. Thành phố Hồ Chí Minh cần đáp ứng nhu cầu phát triển của một tâm điểm, giao thương của khu vực Đông Nam Á:

Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở trung tâm của khu vực Đông Nam Á, nơi có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới và thị trường của hơn 600 triệu người. Ngoài

ra, vị trí thuận lợi nằm lân cận các nước trong ASEAN chỉ cách Phnom Pênh, Campuchia, Thái Lan tạo nên cơ hội việc làm rộng mở đối với người lao động và giúp dễ dàng giao thương với các nước láng giềng. Tuy nhiên các chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đã cho thấy Thành phố Hồ Chí Minh đang có nguy cơ tụt hậu so với các thành phố khác trong khu vực.

4. Thành phố cần phát huy vai trò là trung tâm Thương mại - tài chính; Nghiên cứu khoa học - dịch vụ; Công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp chuyên sâu; Văn hóa, giáo dục - đào tạo, Khoa học công nghệ và y tế chất lượng cao của cả Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước:

Hiện nay thành phố chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh trung tâm. Cụ thể, mục tiêu nâng cao tính hấp dẫn, tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh của thành phố, chỉ số cạnh tranh địa phương thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố tốt nhất cả nước chưa đạt.

Thành phố chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài và dự án đầu tư trong nước có quy mô lớn, nhất là ở lĩnh vực công nghiệp chế tạo, công nghệ cao... Việc liên kết doanh nghiệp, khoa học, đào tạo và Nhà nước hiệu quả chưa cao nên đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao còn chậm. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

Cơ cấu sử dụng đất đai Thành phố chưa hợp lý, tỷ lệ đất dành cho công nghiệp, dịch vụ và giao thông quá thấp; chưa có nguồn lực để phát triển hạ tầng công nghiệp, hạ tầng dịch vụ và hạ tầng giao thông nên chưa tạo được sự dẫn dắt phát triển các ngành kinh tế và tạo đột phá về thu hút đầu tư. **Do vậy, hiệu quả sử dụng các nguồn lực nhà nước và nguồn lực xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố còn hạn chế.**

Trong thực tế, một số cơ chế tạo nguồn thu theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội chưa thực hiện được, Thành phố thiếu nguồn lực tài chính nghiêm trọng để phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật và xã hội trong thời gian dài, dẫn đến quá tải về hạ tầng kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Vì vậy, Thành phố không thể phát huy hết tiềm năng và thế mạnh để thu hút đầu tư; nguồn lực để phát triển hạ tầng công nghiệp, hạ tầng dịch vụ và hạ tầng giao thông không đảm bảo nên nhà nước chưa thực sự dẫn dắt trong phát triển kinh tế - xã hội. Sự quá tải và tụt hậu về hạ tầng làm cho Thành phố không phát huy được hết lợi thế của một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của đất nước trong quá trình phát triển.

5. Nguy cơ suy giảm tăng trưởng kinh tế và nguồn thu đóng góp cho ngân sách quốc gia làm ảnh hưởng đến việc giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

Một khi tốc độ tăng trưởng chậm lại, Thành phố đối mặt nguy cơ giảm Tổng thu NSNN chuyển về Trung ương, làm ảnh hưởng đến ngân sách chung của quốc gia. Với mức đóng góp ngân sách về Trung ương lớn nhất cả nước, Thành phố ý

thức được vai trò chủ lực của Thành phố để đảm bảo các mục tiêu an ninh quốc phòng, an sinh xã hội, san sẻ nhiệm vụ cân đối tổng hòa ngân sách của Trung ương.

Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu của cả nước trong nhiều năm qua, đã có quá trình tích lũy và hội tụ về nguồn lực kinh tế và nguồn lực lao động. Tuy nhiên, với những thách thức đặt ra như hiện nay như tốc độ tăng trưởng, tốc độ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giảm dần nếu không được tháo gỡ kịp thời thì thành phố sẽ nhanh chóng suy giảm vai trò là đầu tàu kinh tế, hạt nhân phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Thành phố Hồ Chí Minh có nguy cơ bị chững lại so với các đô thị khác trong nước và tụt hậu so với các đô thị trong khu vực Đông Nam Á. Do đó, trong thời gian tới, thành phố cần phải có nguồn lực tài chính để triển khai các giải pháp mạnh mẽ và quyết liệt hơn nữa nhằm khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế; tiếp tục giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, đi đầu trong thực hiện mô hình tăng trưởng mới; phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động, là trung tâm khởi nghiệp sáng tạo lớn nhất cả nước, đi đầu trong việc tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn và phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu để không ngừng nâng cao chất lượng sống của Nhân dân thành phố và phục vụ nhân dân từ các địa phương trên cả nước đến thành phố sinh sống, làm việc, học tập, khám chữa bệnh... ngày càng tốt hơn.

PHẦN THỨ BA: CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CỤ THỂ VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÍ ĐIỂM TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nghị quyết về cơ chế, chính sách cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 (*sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết*) đề xuất cơ chế, chính sách tập trung giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách, tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư nhằm giúp Thành phố có thể hoàn thành nhiệm vụ “đầu tàu” kinh tế, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển chung của đất nước.

Cụ thể, từ đánh giá tác động của cơ chế, chính sách bao gồm các nội dung (1) xác định vấn đề bất cập, (2) mục tiêu giải quyết vấn đề, (3) các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề, (4) đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan, làm cơ sở (5) kiến nghị giải pháp lựa chọn.

Theo đó, Dự thảo Nghị quyết dự kiến gồm 06 lĩnh vực và 01 nội dung về Cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền và tổ chức bộ máy hành chính thành phố Thủ Đức. Trong đó, 06 lĩnh vực là (1) Quản lý đầu tư; (2) Tài chính ngân sách; (3) Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; (4) Ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh; (5) Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; (6) Tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, ủy quyền và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động³⁹.

Dự thảo Nghị quyết có đề xuất lại một số cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Trên cơ sở Đề cương dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. Cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư

Trong lĩnh vực Quản lý đầu tư đề xuất 06 nội dung. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Cơ chế giúp Thành phố linh hoạt trong điều hành kế hoạch vốn đầu tư công thông qua việc giao Thành phố chủ động quyết định danh mục dự án và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn trên cơ sở dự kiến khả năng tăng chi đầu tư phát triển do tăng thu ngân sách địa phương; sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển:

³⁹ Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố gồm 08 điều đối với 05 lĩnh vực: (1) quản lý đất đai (2) đầu tư (3) tài chính – ngân sách nhà nước (4) quy định cơ chế ủy quyền giữa các cấp chính quyền và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

** Về quy định pháp luật:*

- Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 60 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

2. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này. Quốc hội xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm các nội dung sau đây:

....

b) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách từng địa phương;

3. Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm tổng số vốn và cơ cấu vốn ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; danh mục, mức vốn của các chương trình, dự án đầu tư công, mức vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và đối tượng đầu tư công khác nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã cho phép “Đối với vốn cân đối ngân sách địa phương, các địa phương được giao Kế hoạch đầu tư công hàng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương trên cơ sở khả năng thu thực tế, bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương hằng năm.

- Khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư công 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

“2. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công hàng năm bao gồm:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước;

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm;

c) Kế hoạch đầu tư công trung hạn;

d) Nhu cầu và khả năng cân đối các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong năm kế hoạch.”

- Điều 53 Luật Đầu tư công 13 tháng 6 năm 2019 quy định:

“Điều 53. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm

1. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án đầu tư công khẩn cấp.

2. Chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp

có thẩm quyền quyết định.”

** Về thực tiễn:*

Việc thực hiện theo quy định hiện hành dẫn đến các khó khăn, vướng mắc sau:

- Theo nguyên tắc của Luật Đầu tư công và các Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các dự án đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn phải ưu tiên trước cho các dự án chuyển tiếp và các dự án có thể hoàn thành theo tiến độ được duyệt. Đồng thời, tổng danh mục các dự án và mức vốn bố trí phải nằm trong mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng). Trên cơ sở Kế hoạch trung hạn được duyệt, hằng năm việc bố trí vốn thực hiện các dự án căn cứ theo nhu cầu của chủ đầu tư, tiến độ triển khai của các dự án nhưng phải đảm bảo nguyên tắc, các dự án bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải có trong danh mục các dự án tại Kế hoạch trung hạn và mức vốn bố trí phải không lớn hơn số trung hạn đã giao.

- Căn cứ các nguyên tắc nêu trên, số vốn Thủ tướng Chính phủ giao (142.557 tỷ đồng) đã được Thành phố tập trung bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 – 2020 qua giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, các dự án được bố trí chủ yếu là các dự án chuyển tiếp (với tổng vốn bố trí là 104.936,144 tỷ đồng, chiếm 73,6% tổng vốn ngân sách địa phương trong trung hạn). Trong tổng 3.607 dự án chuyển tiếp có 753 dự án đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố kéo dài thời gian bố trí vốn. Như vậy, rất nhiều các dự án chuyển tiếp đều là các dự án gặp vướng mắc trong quá trình triển khai, đặc biệt là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, dẫn đến khả năng hấp thụ vốn kém, nhu cầu vốn bố trí hằng năm thấp.

- Thành phố có nhu cầu rất lớn đối với việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Nếu đưa được các dự án mới vào thì có thể bố trí vốn hằng năm và giải ngân nhanh. Hiện nay qua rà soát, Thành phố dự kiến có thể huy động từ các nguồn thu của Thành phố khoảng 119 ngàn tỷ, ngoài mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng) để đáp ứng cho các dự án này.

- Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã cho phép thực hiện cơ chế *“các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương trên cơ sở khả năng thu thực tế”*. Tuy nhiên, nội dung trên **không đề cập đến kế hoạch đầu tư công trung hạn**, dẫn đến không rõ các địa phương có được phép giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vượt mức vốn trung hạn đã được Quốc hội giao và ngoài danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua hay không. Do đó, dù các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm linh hoạt theo cơ sở khả năng thu thực tế nhưng vẫn

phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 và Điều 53 Luật Đầu tư công, tức là vẫn phải nằm trong mức vốn và danh mục các dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách thành phố đã được Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ giao là 142.557 tỷ đồng đã cố định với danh mục dự án cụ thể được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua. Do đó, không thể bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Nếu bố trí sẽ làm vượt tổng kế hoạch vốn trung hạn đã được Quốc hội thông qua, làm ảnh hưởng đến tính chủ động bố trí ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh trong khi Thành phố vẫn có khả năng cân đối thêm ngoài mức vốn 142.557 tỷ đồng được giao.

Mặt khác, các nguồn thu hợp pháp của Thành phố để cân đối cho đầu tư công là rất lớn, cụ thể từ nguồn thu sử dụng đất, đấu giá tài sản công, nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn, nguồn thu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... Theo các số liệu Thành phố đã rà soát sơ bộ đã báo cáo bộ ngành trung ương thì ngoài mức vốn được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg là 142.557 tỷ đồng, Thành phố có khả năng có thể cân đối nguồn vốn chi đầu tư phát triển cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 là 261.967,923 tỷ đồng, cao hơn 119.410,922 tỷ đồng so với mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ (142.557 tỷ đồng). Như vậy, trong giai đoạn 2021 – 2025, thay vì 142.557 tỷ đồng, Thành phố có thể cân đối cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 và bố trí cho các dự án với tổng số vốn là 261.967,923 tỷ đồng.

Tại buổi làm việc với Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh đã kiến nghị Quốc hội cho phép Thành phố được thực hiện cơ chế: Đối với các nguồn vốn mà Thành phố có thể huy động từ các nguồn thu của Thành phố ngoài mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg (142.557 tỷ đồng), Thành phố được phép chủ động quyết định việc bổ sung tổng mức vốn và danh mục các dự án đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Thành phố theo nguyên tắc bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương của Thành phố, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tại Thông báo số 852/TB-TTKQH ngày 31 tháng 3 năm 2022, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cũng đã có ý kiến như sau: *“Về chủ trương, cơ bản nhất trí với đề xuất của Thành phố về nội dung này theo khả năng ngân sách của Thành phố và quy định pháp luật về đầu tư công; đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, xem xét, có văn bản hướng dẫn trả lời đối với kiến nghị nêu trên, hoàn thành trước ngày 15/4/2022”*.

Trên cơ sở Thành phố được linh hoạt bố trí Kế hoạch đầu tư công hằng năm

theo cơ chế đã được Quốc hội chấp thuận tại Khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 và chủ trương cho phép Thành phố nâng trần mức Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của Chủ tịch Quốc hội nêu trên, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hướng dẫn Thành phố về nội dung này tại các Công văn số 4647/BTC-ĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính và Công văn số 3603/BKHĐT-KTĐPLT ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có ý kiến “*Trường hợp Thành phố có khả năng huy động từ các nguồn thu của Thành phố ngoài mức vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2020, đề nghị Thành phố tính toán, xác định cụ thể từng nguồn thu, chi ngân sách địa phương, đảm bảo chắc chắn, khả thi và dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, dự kiến cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (trong đó báo cáo lại tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2021-2025), đảm bảo các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội*”.

1.1.2. Về cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm:

- Điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về các khoản chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương như sau:

“Điều 38. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

1. Chi đầu tư phát triển:

a) *Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;*

b) *Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;*

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.”

Như vậy, theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước thì các khoản chi đầu tư phát triển khác trong nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương phải được cụ thể hóa bởi quy định pháp luật.

- Tại Công văn số 9625/BTC-ĐT ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ Tài chính có ý kiến hướng dẫn:

“Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước đã được Luật Đầu tư công quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 5 như sau:

“5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

6. *Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*"

- Tại Công văn số 4372/BKHĐT-KTĐPLT ngày 07 tháng 7 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác được xem là đối tượng của Luật Đầu tư công năm 2019 như sau:

"... Trường hợp các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 không thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công."

- Tại Công văn số 3076/BTC-NSNN ngày 05 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính có hướng dẫn về việc bố trí vốn ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm như sau:

"a) Ngày 10/6/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Kết luận số 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, theo đó Ban Bí thư thành thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có nhiệm vụ, giải pháp "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội,..... Cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội".

Thực hiện kết luận của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, theo đó Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo các bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương các cấp triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chương trình tín dụng chính sách xã hội, trong đó có giải pháp: "Các địa phương tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội; hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn các địa phương. Các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo quốc gia cân bố trí đủ nguồn lực để cho vay các đối tượng này".

b) Luật Ngân sách nhà nước (khoản 1 Điều 38) về nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương ngoài các quy định các nhiệm vụ chi cụ thể có quy định nhiệm vụ chi: "Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật".

Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước có quy định: “**Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: ... **Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp**”.

c) Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư và căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 1630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bố trí từ ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.”

- Tại Công văn số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

“1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản số 1025/BKHĐT-TCTT ngày 26/2/2021 và văn bản số 4372/BKHĐT-KTĐPLT ngày 7/7/2021 có ý kiến về việc bố trí vốn ngân sách Thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo của Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm và việc thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2021-2025 không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công (văn bản đính kèm theo).

2. Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương gồm:

“a) Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật”.

Đề nghị Quý Ủy ban căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 nêu trên và các quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định các nhiệm vụ chi của Thành phố theo thẩm quyền, trong đó gồm việc bố trí vốn ngân

sách Thành phố đối với Chương trình kích cầu đầu tư và bố trí nguồn vốn ngân sách thành phố cho Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố để ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm”.

Căn cứ các quy định pháp luật và ý kiến hướng dẫn của Bộ ngành nêu trên, để có cơ sở bố trí nguồn vốn đầu tư công (chi đầu tư phát triển khác) để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm (Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố) thì nhiệm vụ chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương này phải thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công.

Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền **quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương** (ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.

Hiện nay, Thành phố đang gặp khó khăn trong việc vận dụng các quy định nêu trên để triển khai công tác bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm của Thành phố, gây kéo dài thời gian bố trí nguồn vốn, không kịp đáp ứng nhu cầu vay vốn tín dụng ưu đãi của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Cho vay tín dụng ưu đãi là một trong những giải pháp chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tạo vốn, tạo nguồn lực để người nghèo có điều kiện tham gia sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập để ổn định cuộc sống, góp phần thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm tại Thành phố. Trong bối cảnh kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều biến động, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp tăng, hộ nghèo dễ có nguy cơ tái nghèo thì việc duy trì và phát triển mở rộng nguồn vốn cho vay ưu đãi cho người nghèo, các đối tượng chính sách và người lao động nghèo của Thành phố có nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, có thu nhập ổn định, cũng là một giải pháp căn cơ, nâng cao sức chống chịu trước biến cố để vươn lên thoát nghèo bền vững.

Do đó, để đảm bảo các mục tiêu nêu trên, Thành phố kiến nghị cho phép Hội đồng nhân dân thành phố được phép quyết định sử dụng vốn đầu tư công để cho vay hỗ trợ giảm nghèo và cho vay giải quyết việc làm thông qua bố trí nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội, phù hợp với chính sách do Hội đồng nhân dân thành phố ban hành.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

1.2.1. Về bố trí ngân sách địa phương nguồn chi đầu tư phát triển:

Tạo điều kiện cho Thành phố có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau khi chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-

19; bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn...; tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư công do có thể bố trí ngay cho các dự án khởi công mới có nhu cầu vốn cao, có thể giải ngân được ngay. Đối với các dự án đang vướng mắc về thủ tục (trong đó có công tác bồi thường giải phóng mặt bằng) có thể linh hoạt bố trí vốn hàng năm trong các năm tiếp theo sau khi đã tháo gỡ được các vướng mắc.

Đồng thời, giải quyết được các vấn đề về tắc nghẽn giao thông, cải tạo môi trường, áp lực lên hệ thống y tế, giáo dục; đẩy nhanh việc triển khai các dự án sẽ tạo sự đồng thuận xã hội, hạn chế các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”; việc phân bổ hiệu quả các dự án đầu tư công sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và hưởng thụ các dịch vụ y tế, văn hóa. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng cho tất cả người dân.

1.2.2. Về cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm:

Tại thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đang tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó, đến cuối năm 2025, cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo cả nước, còn dưới 0,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố. Đồng thời, Thành phố đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025.

- Mục tiêu thực hiện trên cơ sở chính trị và cơ sở pháp luật:

+ Thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06- KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; tại điểm a, mục 3 phần II của Kế hoạch quy định “*Các địa phương tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội... Các tỉnh, thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo quốc gia cần bố trí đủ nguồn lực để cho vay các đối tượng này*”.

+ Nhằm thực hiện tốt hơn nữa các giải pháp, chính sách phục vụ cho mục tiêu giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị Quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021

– 2025, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương theo Nghị quyết, Kế hoạch của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố.

+ Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về “vai trò, hiệu quả tín dụng chính sách trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững” tại Thông báo số 366/TB-VPCP ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, điểm đ khoản 3 mục III: “*Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách thì phần đầu bố trí ít nhất 500 tỷ đồng, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh phần đầu bố trí ít nhất 5.000 tỷ đồng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay*”. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành công văn số 5419/UBND-VX ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội trong năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

+ Văn bản số 3076/BTC-NSNN ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc bố trí ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho chương trình kích cầu đầu tư và cho Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm;

+ Văn bản số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bố trí nguồn vốn ngân sách Thành phố cho chương trình kích cầu đầu tư và cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm;

+ Nghị Quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

+ Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

+ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay Hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1:

Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Cơ chế giúp Thành phố linh hoạt trong điều hành kế hoạch vốn đầu tư công thông qua việc giao Thành phố chủ động quyết định danh mục dự án và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn trên cơ sở dự kiến khả năng tăng chi đầu tư phát triển do tăng thu ngân sách địa phương; sử dụng vốn đầu tư công của ngân sách Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện cho vay hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- ***Tác động về kinh tế:*** Chưa tạo đủ dư địa tài chính cần thiết để Thành phố Hồ Chí Minh có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có của Thành phố Hồ Chí Minh về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

- ***Tác động về mặt xã hội:*** Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- ***Tác động về vấn đề giới:*** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- ***Tác động về thủ tục hành chính:*** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- ***Tác động đối với hệ thống pháp luật:*** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- ***Tác động về kinh tế:*** Áp dụng chính sách trên Thành phố Hồ Chí Minh có thể chủ động linh hoạt trong việc điều hành ngân sách địa phương, tận dụng tối đa tiềm lực sẵn có về nguồn chi đầu tư phát triển để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau khi chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-19.

Nếu được áp dụng chính sách thì Thành phố dự kiến cân đối bổ sung được khoảng 119.000 tỷ đồng để bố trí vốn đầu tư các dự án mới để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố. Trong đó có các dự án trọng điểm như: dự án Xây dựng đường cao tốc TPHCM - Mộc Bài, dự Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát (CRUS1), dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn (CRUS2), 02 dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, 02 dự án thuộc đường Vành đai 2 Thành phố Hồ Chí Minh; dự án Trồng cây xanh cách ly và tạo quỹ đất dự trữ phát triển khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, huyện Củ Chi; dự án Đầu tư hạ tầng, trường học, công viên cây xanh trong phạm vi Nghĩa trang Bình Hưng Hòa - giai đoạn 3...

Các dự án trọng điểm trên góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn... Tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư công do có thể bố trí ngay cho các dự án khởi công mới có nhu cầu vốn cao, có thể giải ngân được ngay. Đối với các dự án đang vướng mắc về thủ tục (trong đó có công tác bồi thường giải phóng mặt bằng) có thể linh hoạt bố trí vốn hằng năm trong các năm tiếp theo sau khi đã tháo gỡ được các vướng mắc. Đồng thời, cơ chế cũng không làm tăng mức bội chi ngân sách hằng năm và không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản của Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy cũng không ảnh hưởng đến trần nợ công chung của cả nước.

Triển khai kịp thời nguồn vốn tín dụng chính sách đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách và người lao động nghèo trên địa bàn Thành phố để sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định, qua đó giảm nghèo bền vững, giảm tỷ lệ thất nghiệp; tập trung phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, có sức khỏe, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực có tay nghề cao để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thông qua triển khai các mô hình giảm nghèo hiệu quả; góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tác động về mặt xã hội: Giúp Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết được các vấn đề về tắc nghẽn của hoạt động đầu tư công trong các lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... từ đó, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố và cả các địa phương khu vực phía Nam, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân cho toàn bộ khu vực phía Nam; đồng thời đẩy nhanh việc triển khai các dự án sẽ tạo sự đồng thuận xã hội, hạn chế các bức xúc của người dân về việc chậm triển khai các dự án, “quy hoạch treo”, ... và nhất là giải quyết nghịch lý “có tiền nhưng không tiêu được” trong hoạt động đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2021 – 2025, phấn đấu đến cuối năm 2025 cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo cả nước, còn dưới 0,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố, góp phần giảm các chiều nghèo xã hội tương ứng.

Đảm bảo người nghèo, đối tượng chính sách, người lao động nghèo có nhu cầu vay vốn để sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, hạn chế vay tín dụng đen trên địa bàn Thành phố.

- Tác động về vấn đề giới: Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực

hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới. Việc phân bổ hiệu quả các dự án đầu tư công sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và hưởng thụ các dịch vụ y tế, văn hóa. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng cho tất cả người dân, không phân biệt giới tính

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan, đề cao tính phân cấp, phân quyền mạnh mẽ đến các địa phương. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đầu tư công nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Chính sách cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án nhóm B, nhóm C không được tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư).

Đối với dự án nhóm B, nhóm C thời gian thực hiện dự án là khá hạn hẹp khi phải triển khai công tác giải phóng mặt bằng đi kèm với các công việc khác như lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án và các hạng mục của dự án, triển khai đấu thầu... trước khi tổ chức thi công dự án. Trên thực tế, bản thân một số công việc này cũng mất rất nhiều thời gian (riêng công tác đấu thầu thường kéo dài từ 6-12 tháng đối với một dự án, tùy thuộc vào mức độ phức tạp của các gói thầu). Điều này dẫn đến 02 vấn đề: (1) Nhiều công việc phải triển khai trong thời gian tương đối ngắn, áp lực về thời gian làm cho chất lượng không bảo đảm; (2) Quá trình thực hiện dự án quy định trong Luật không phản ánh được bản chất của việc thực hiện dự án trên thực tế khi mà một số công việc có tính chất chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án được đưa vào thực hiện dự án.

Các vấn đề nêu trên càng nghiêm trọng hơn đối với các dự án nhóm B quy mô

lớn (Luật Đầu tư công 2019 quy định dự án nhóm B có quy mô tổng mức đầu tư từ 45 đến dưới 2.300 tỷ đồng), thường là các dự án có yêu cầu về giải phóng mặt bằng trên diện tích lớn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất (thuộc lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác) ... và hầu hết khó có thể đáp ứng yêu cầu về thời hạn bố trí vốn nêu trên. Trong trường hợp đó, việc tiếp tục bố trí vốn để triển khai cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, có thể tiếp tục gây kéo dài thời gian thực hiện dự án.

Việc không cho phép tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, cụ thể như sau:

- Chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án có thể thực hiện giải phóng mặt bằng sớm, làm tăng chi phí bồi thường do cơ quan được giao thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương chưa có cơ sở tính toán, áp dụng khung giá bồi thường, hỗ trợ.

- Theo quy định hiện hành, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư công chỉ thực hiện sau khi dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khoảng thời gian giữa lúc dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư cho đến khi được phê duyệt quyết định đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải trải qua nhiều bước khó khăn.

Trong khoảng thời gian này có thể phát sinh những yếu tố làm tăng chi phí bồi thường (địa phương phê duyệt khung giá bồi thường mới, người dân yêu cầu mức bồi thường cao hơn khi biết được có dự án sắp triển khai, trực lợi chính sách...) làm tăng chi phí bồi thường đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Đồng thời, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân, việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, lựa chọn tư vấn, đấu thầu...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Vấn đề này tạo ra “vòng lặp” trong quá trình thực hiện khi dự án vừa được phê duyệt đã phải điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh nhiều lần do các nội dung phê duyệt không còn phù hợp với tình hình thực tế. Dự án được phê duyệt nhưng việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng chậm dần tới kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và lại gây ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Như vậy, công tác giải phóng mặt bằng chậm – dự án tăng chi phí, đội vốn – phải điều chỉnh dự án – lại gây chậm trễ trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh

hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư không thể giải quyết toàn bộ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nếu không xử lý được các bất cập của chính công tác giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, việc tách riêng công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công đối với các dự án nhóm B thuộc các lĩnh vực cấp bách đang cần được đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố như giao thông, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý rác thải và công trình hạ tầng kỹ thuật khác sẽ đạt được một số lợi ích trong thực tế như:

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án.

- Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, vốn về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh để thực hiện trước một bước nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng như di dời người dân, thu hồi đất, hỗ trợ,...

- Chủ đầu tư xác định rõ về khả năng thực hiện và giải ngân của dự án trong khoảng thời gian nhất định (trung hạn 5 năm hoặc hàng năm), có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị thực hiện dự án được chuẩn bị tốt hơn, tránh việc chiếm dụng vốn.

- Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện tách khỏi dự án đầu tư, không tính vào thời gian thực hiện dự án, giảm bớt áp lực về mặt thời gian và tiến độ thực hiện do cho chủ đầu tư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp...qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế đối với các dự án ODA có yêu cầu mặt bằng sạch và các cam kết của địa phương trong đóng góp vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý trong thực hiện dự án.

- Phân định, làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách

đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Chính sách cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Vương mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án.

- **Tác động về mặt xã hội:** Phát sinh các vương mắc, rủi ro, tranh chấp về mặt pháp lý, có thể tác động đến tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:**

(i) Đối với nhà nước:

- Lợi ích:

+ Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện sớm, tạo thêm quỹ thời gian cho công tác xây lắp, giảm áp lực về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án cho Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, gián tiếp cải thiện chất lượng công trình, dự án.

+ Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tránh phát sinh các chi phí không cần thiết.

+ Tách riêng chi phí giải phóng mặt bằng ra khỏi chi phí phân thi công xây dựng sẽ cho phép so sánh chi phí, đơn giá xây dựng từng hạng mục công trình giữa các dự án, giúp quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư.

+ Khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể mới quyết định tách phần giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư sẽ góp phần đánh giá tổng thể hiệu quả phương án đầu tư và không thay đổi tổng mức vốn đầu tư khi phân loại dự án.

- **Tác động về mặt xã hội:**

(i) Đối với nhà nước:

Tích cực:

- Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

- Vừa huy động được nguồn lực, sức mạnh của địa phương, vừa tăng cường, xác định rõ trách nhiệm cho địa phương và chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án.

(ii) Đối với doanh nghiệp, người dân:

- Khi triển khai chính sách thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động.

- Việc giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án đầu tư sẽ không bị ảnh hưởng do giá đất tăng lên khi dự án triển khai; không làm tăng chi phí bồi thường, không gây mất bình đẳng giữa người dân nhân bồi thường trước và sau khi triển khai dự án.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Thủ tục hành chính được thực hiện tương tự đối với trường hợp tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Về tính động bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đầu tư công nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền quyết định ban hành chính sách là của Quốc hội).

3. Chính sách về thực hiện dự án bồi thường độc lập, làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Về tổng thể, Luật Đất đai đã có các quy định áp dụng cho công tác bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng (*sau đây gọi là công tác giải phóng mặt bằng*) để thực hiện dự án đầu tư.

Đồng thời tùy theo loại dự án, nguồn vốn sử dụng, việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng được quy định tại các Luật liên quan đến dự án đầu tư như: Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) và các quy định của pháp luật khác như: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Bảo vệ môi trường...

Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng đã từ lâu được xem là một trong số những “*điểm nghẽn*” trong việc thực hiện các dự án đầu tư, bất kể nguồn vốn đầu tư được sử dụng. Các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đã tạo ra những tác động, hậu quả như sau:

- Đối với dự án có yêu cầu sử dụng đất, các vướng mắc này ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; làm giảm cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư, hiệu quả thu hút đầu tư, vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng...

- Tác động trực tiếp làm chậm tiến độ triển khai, hoàn thành, đưa dự án vào khai thác sử dụng, giảm hiệu quả đầu tư và tăng chi phí xây dựng, lắp đặt, vận hành dự án, tác động đến chi phí cơ hội của nhà đầu tư.

- Công tác giải phóng mặt bằng kéo dài, trong khi cơ chế, chính sách áp dụng thay đổi theo quy định tương ứng với thời gian (giá đất, đơn giá bồi thường,...), dẫn đến việc phải áp dụng khung giá bồi thường cao hơn so với khung giá đã được phê duyệt từ đầu, làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng dẫn đến tăng tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh nhiều lần, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

- Phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt pháp lý, có thể tác động đến tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- Đối với dự án đầu tư công, ảnh hưởng đến khả năng, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn bố trí cho dự án, ảnh hưởng tới khả năng bố trí vốn cho các dự án khác, gây ứ đọng vốn khi các dự án không thể thực hiện được khi chưa có mặt bằng “*sạch*”.

Tóm lại, các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đã gây ảnh hưởng không tốt tới hiệu quả sử dụng nguồn vốn đã có sẵn và khả năng thu hút các nguồn vốn để thực hiện dự án đầu tư trong tương lai.

Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đang được xem là một giải pháp để tạo điều kiện đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, giảm bớt các hệ lụy tiêu cực có thể xảy ra. Pháp luật hiện hành đã quy định việc cho phép tách công

tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, dự án thành phần hoặc tiểu dự án để thực hiện đối với một số loại dự án cụ thể. Tuy nhiên, vẫn còn gặp phải một số khó khăn, vướng mắc như sau:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 quy định cơ sở pháp lý cho việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để thực hiện tại bước quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A nhưng cần phải chứng minh được các trường hợp thực sự cần thiết phải tách dự án giải phóng mặt bằng ngay trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C

Đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C không được tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án⁴⁰, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư). Đối với dự án do Bộ, cơ quan trung ương thực hiện đầu tư, Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất đã cho phép tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng và tổ chức thực hiện độc lập. Tuy nhiên, việc này chỉ được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư.

Việc không cho phép tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập đối với dự án nhóm B, nhóm C tại bước phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, cụ thể như sau:

(i) Chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án có thể thực hiện giải phóng mặt bằng sớm, làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng do tổ chức được giao thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương chưa có cơ sở tính toán, áp dụng khung giá bồi thường.

Theo quy định hiện hành⁴¹, việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với dự án đầu tư công chỉ được thực hiện sau khi dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khoảng thời gian giữa lúc dự án được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư cho đến khi được phê duyệt quyết định đầu tư thường mất không ít thời gian do phải trải qua nhiều bước thủ tục khác nhau.

Trong khoảng thời gian này có thể phát sinh những yếu tố làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng (địa phương phê duyệt khung giá bồi thường mới, người dân yêu cầu mức bồi thường cao hơn khi biết được có dự án sắp triển khai, trực lợi chính

⁴⁰ Khoản 3 Điều 54 Luật Đầu tư công.

⁴¹ Khoản 3 Điều 54 Luật Đầu tư công.

sách...) làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Đồng thời, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân, việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công,...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Vấn đề này tạo ra “vòng lặp” trong quá trình thực hiện khi dự án vừa được phê duyệt đã phải điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh nhiều lần do các nội dung phê duyệt không còn phù hợp với tình hình thực tế. Dự án được phê duyệt nhưng việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng chậm dần tới kéo dài thời gian thực hiện, tăng tổng mức đầu tư, phải thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và lại gây ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Như vậy, công tác giải phóng mặt bằng chậm – dự án tăng tổng mức đầu tư – phải điều chỉnh dự án – lại gây chậm trong công tác giải phóng mặt bằng.

(ii) Khó bảo đảm thời hạn bố trí vốn theo quy định do thời gian giải phóng mặt bằng kéo dài, đặc biệt đối với dự án nhóm B quy mô lớn, tiệm cận quy mô dự án nhóm A. Theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm⁴².

Do đó, đối với dự án nhóm B, nhóm C thời gian thực hiện dự án là khá hạn hẹp khi phải triển khai công tác giải phóng mặt bằng (theo đúng quy trình thủ tục và thời gian quy định của từng bước, không phân biệt nhóm dự án) đi kèm với các công việc khác như lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán dự án và các hạng mục của dự án, triển khai lựa chọn nhà thầu... trước khi tổ chức thi công dự án. Trên thực tế, bản thân một số công việc phục vụ việc triển khai thi công công trình cũng mất rất nhiều thời gian tùy thuộc vào mức độ phức tạp của các hạng mục công trình trong dự án.

Điều này dẫn đến 02 vấn đề: (1) Nhiều công việc phải triển khai trong thời gian tương đối ngắn, áp lực về thời hạn làm cho chất lượng không bảo đảm; (2) Quá trình thực hiện dự án quy định trong Luật không phản ánh được bản chất của việc thực hiện dự án trên thực tế khi mà một số công việc có tính chất chuẩn bị thực hiện dự án được đưa vào thực hiện dự án.

Các vấn đề nêu trên càng có tác động mạnh hơn đối với các dự án nhóm B quy mô lớn (Luật Đầu tư công quy định dự án nhóm B có quy mô tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng tùy theo lĩnh vực đầu tư), thường là các dự án có yêu cầu về giải phóng mặt bằng trên diện tích lớn, chuyển đổi mục đích sử dụng

⁴² Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công.

đất... và hầu hết khó có thể đáp ứng yêu cầu về thời hạn bố trí vốn nêu trên. Trong trường hợp đó, việc tiếp tục bố trí vốn để triển khai cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, có thể tiếp tục gây kéo dài thời gian thực hiện dự án.

Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng “sạch” trước khi ký kết Hiệp định.

c) Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP)

Đối với dự án PPP, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) quy định:

(1) Cơ chế sử dụng vốn nhà nước để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đất đai⁴³.

(2) Giới hạn tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và giải phóng mặt bằng dự án PPP không quá 50% tổng mức đầu tư dự án⁴⁴.

Các quy định này dẫn đến các khó khăn, vướng mắc sau trong việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án PPP:

(1) Dự án PPP gặp phải các vướng mắc tương tự trong việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư như đối với dự án sử dụng 100% vốn đầu tư công.

(2) Việc giới hạn tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện giải phóng mặt bằng trong tổng mức đầu tư dự án là không khả thi trong trường hợp chi phí cần thiết để giải phóng mặt bằng cao, vượt quá 50% tổng mức đầu tư dự án. Đồng thời, quy định

⁴³ Điều 56 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, hợp đồng dự án PPP và các hợp đồng liên quan.”

Điều 72 quy định:

“1. Vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Căn cứ quy mô, tính chất của từng dự án, cơ quan ký kết hợp đồng xem xét việc tách vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm thành dự án thành phần hoặc tiểu dự án và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đất đai.”

⁴⁴ Điều 69 quy định:

“1. Vốn nhà nước được sử dụng cho các mục đích sau đây:

a) Hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP;
 b) Thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;
 c) Chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm;
 d) Chi trả phần giảm doanh thu;
 đ) Chi phí của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, đơn vị chuẩn bị dự án PPP, bên mời thầu để thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ của mình quy định tại Điều 11 của Luật này;
 e) Chi phí của Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP.

2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Đối với dự án có nhiều dự án thành phần, trong đó có dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP thì tỷ lệ vốn nhà nước quy định tại khoản này được xác định trên tổng mức đầu tư của dự án thành phần đó.”

này cũng không phản ánh được bản chất về phần vốn hỗ trợ của Nhà nước thực hiện dự án PPP, dẫn đến không hài hòa giữa quyền lợi của Nhà nước và nhà đầu tư, khó thu hút nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án.

Bên cạnh quy định của Luật PPP thì quy định của Luật Ngân sách nhà nước cũng tác động đến khả năng huy động các nguồn lực từ ngân sách địa phương, các nguồn lực khác cho công tác giải phóng mặt bằng các công trình do trung ương quản lý khi quy định nhiệm vụ chi cấp nào do cấp đó bảo đảm⁴⁵.

d) Đối với dự án đầu tư kinh doanh

Đối với dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, do đặc thù của các dự án loại này là đã có sẵn mặt bằng sạch (theo hình thức đấu giá) hoặc việc giải phóng mặt bằng chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công hoặc dự án PPP.

Vướng mắc đối với dự án đầu tư kinh doanh nằm ở 02 vấn đề cụ thể: (i) trong việc tạo mặt bằng sạch thông qua Quỹ phát triển đất đai và (ii) trong việc dự án của nhà đầu tư không thuộc diện Nhà nước thực hiện thu hồi đất, nhà đầu tư tạo mặt bằng sạch thông qua thỏa thuận với người dân. Đây là hoạt động tiềm ẩn nhiều nguy cơ, có thể xảy ra vướng mắc, kiện tụng...

Do đó, cần thiết cho phép địa phương tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập nhằm thúc đẩy thời gian hoàn thiện dự án đầu tư và hạn chế khả năng làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện triển khai nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu lựa chọn nhà thầu, triển khai thi công công trình. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Việc không thể tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập không thể giải quyết toàn diện các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nếu không xử lý được các bất cập hiện nay của công tác giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, việc này sẽ là giải pháp sẽ quyết được một số điểm nghẽn trong thực tế như sau:

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước thủ tục đầu tư khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, hạn chế khả năng làm tăng chi phí giải phóng mặt bằng, dẫn đến phải

⁴⁵ Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015

điều chỉnh dự án.

- Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư (về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần phải thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh thực hiện trước một bước) nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng (như: di dời người dân, thu hồi đất,...).

- Chủ đầu tư dự án xác định rõ được khả năng thực hiện và giải ngân của dự án, có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị dự án được thực hiện tốt hơn, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn.

- Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện khi tách khỏi dự án đầu tư, không tính vào thời gian thực hiện dự án, giảm bớt áp lực về thời gian và tiến độ thực hiện cho chủ đầu tư dự án, tạo thêm thời gian cho các khâu tổ chức lựa chọn nhà thầu, thi công công trình,... qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án đầu tư, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế đối với các dự án có sử dụng vốn ODA có yêu cầu mặt bằng “sạch” và các cam kết của địa phương đối với việc đóng góp vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý trong thực hiện dự án.

- Phân định và làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc thực hiện giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.

3.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1:

Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Chính sách về thực hiện dự án bồi thường độc lập, làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- ***Tác động về kinh tế:*** vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án.

- ***Tác động về mặt xã hội:*** phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt

pháp lý, có thể tác động tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- **Tác động về vấn đề giới:** giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Đối với nhà nước:

+ Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện sớm, tạo thêm quỹ thời gian cho công tác xây lắp, giảm áp lực về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án, gián tiếp cải thiện chất lượng công trình và dự án đầu tư.

+ Tăng hiệu quả sử dụng vốn vay đối với các dự án có sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ, tránh phát sinh các chi phí không cần thiết.

+ Tách riêng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng ra khỏi tổng mức đầu tư dự án sẽ cho phép việc so sánh các chi phí, đơn giá xây dựng từng hạng mục công trình giữa các dự án, giúp giám sát chặt chẽ chi phí đầu tư xây dựng.

+ Khi quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể mới quyết định tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư sẽ góp phần đánh giá tổng thể hiệu quả phương án đầu tư và không thay đổi mức vốn đầu tư khi phân loại dự án.

+ Cho phép tạo dựng mặt bằng “sạch”, tạo quỹ đất để huy động nguồn lực ngoài xã hội tham gia đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, góp phần chỉnh trang đô thị, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; đồng thời giảm áp lực cho ngân sách của địa phương trong việc phải cân đối, bố trí phần vốn đầu tư xây dựng công trình trên đất.

- Tác động về mặt xã hội:

Đối với nhà nước:

+ Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án đầu tư được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

+ Vừa huy động được nguồn lực, sức mạnh của địa phương, vừa tăng cường, xác định rõ trách nhiệm cho địa phương và chủ đầu tư dự án trong việc thực hiện dự

án.

Đối với doanh nghiệp, người dân:

+ Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án đầu tư sớm đi vào hoạt động.

+ Việc giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án đầu tư sẽ không bị ảnh hưởng do biến động giá đất khi dự án đầu tư triển khai, không làm tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, không gây mất bình đẳng giữa người dân nhận bồi thường trước và sau khi triển khai dự án.

- **Tác động về vấn đề giới:** giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới

- **Tác động về thủ tục hành chính:** thủ tục hành chính được thực hiện tương tự đối với trường hợp tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án đầu tư công độc lập đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án Giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19, 20, 21 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

+ Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan.

+ Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đầu tư công năm 2019 nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Chính sách về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án; đất chưa được giải phóng mặt

bảng**4.1. Xác định vấn đề bất cập**

Đối với các khu đất do Nhà nước quản lý trong trường hợp đầu tư các công trình ngầm có mục tiêu công cộng thì hiện tại có 3 hình thức lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án là Đấu giá quyền sử dụng đất; Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và đầu tư theo hình thức hợp tác công tư.

Đối với mỗi hình thức lựa chọn nhà đầu tư đều có những ưu điểm và hạn chế, cụ thể như phân tích tại bảng sau:

	Đấu giá	Đấu thầu	PPP
Ưu điểm	- Phù hợp với hiện trạng khu đất (đất công, không có yêu cầu GPMB)	- Có thể đặt ra yêu cầu cụ thể (đầu bài đối với việc thực hiện dự án). - Luật Đấu thầu có quy định lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (Điều 26)	- Phù hợp thực tiễn (đất của Nhà nước, vốn của Nhà đầu tư)
Hạn chế	- Khó khăn trong việc đặt ra yêu cầu đối với mục tiêu thực hiện của dự án vì về nguyên tắc đất bán đấu giá cho nhà đầu tư, nhà đầu tư có quyền thực hiện dự án theo nhu cầu của mình, nhà nước có thể quản lý bằng các chỉ tiêu quy hoạch. - Luật Đất đai có quy định về đấu giá quyền sử dụng đất, có quy định về việc sử dụng phân đất ngầm nhưng không có quy định về việc đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình ngầm.	- Luật Đấu thầu không có quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án ngầm. - Luật Đất đai quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thương mại, dịch vụ nhưng không quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án hỗn hợp trong đó có các mục đích thương mại (trung tâm thương mại) và mục đích công cộng (bãi đỗ xe bus). - Theo quy định của pháp luật về đấu thầu (Khoản 3 Điều 11 Nghị định 25/2020/NĐ-CP) quy định việc đấu thầu chỉ được thực hiện trong trường hợp không đủ điều kiện đấu giá (đất chưa được giải phóng mặt	- Không phù hợp với các lĩnh vực đầu tư theo hình thức PPP do có cấu phần: thương mại – dịch vụ trong tổ hợp công trình (K1Đ4 Luật PPP)

		<p>bằng). Trong trường hợp này, không có cơ sở rõ ràng để xác định dự án không đủ điều kiện để tổ chức đấu giá (lý do: phần đất phía trên đang là công viên do nhà nước quản lý, phần đất phía dưới là phần đất ngầm. Việc triển khai thực hiện dự án sẽ không phải thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng)</p> <p>+ Thành phố đã tổ chức lấy ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhận được ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1026/BKHĐT-QLĐT ngày 26/02/2021; trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến:</p> <p>“Trường hợp dự án xây dựng một tổ hợp nhiều hạng mục công trình với các công năng sử dụng khác nhau như Dự án này, nhưng chỉ có một hạng mục đầu tư (khu thương mại, dịch vụ) được xác định là công trình thương mại, dịch vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, thì việc xác định cả Dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP là <u>chưa đủ cơ sở.</u>”</p>	
--	--	--	--

Như vậy, đối với các dự án thuộc diện này, hiện nay cả tổ chức đấu giá, đấu thầu hoặc thực hiện theo phương thức đối tác công tư đều có những vấn đề bất cập nhất định. Trong khi đó, nhu cầu của Thành phố trong việc thực hiện các dự án này là rất bức thiết, cần sớm có hướng để tháo gỡ.

- Thực tiễn hiện nay, đối với phần đất công nằm xen cài trong ranh khu đất chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư, theo quy định, sẽ thực hiện việc xử lý theo quy định

tại Điều 40, 62, 69, 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, trong số các hình thức xử lý tài sản công quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không có hình thức xử lý để đưa ra đấu thầu.

- Do đó, việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đối với các khu đất công thuộc khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng sẽ không khả thi, gây lãng phí thời gian khi phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng cũng không thể thực hiện được việc đấu thầu theo quy định pháp luật. Chưa có cơ sở đảm bảo việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ đảm bảo sử dụng đất hiệu quả hơn so với phương án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt. Với số lượng dân số ngày càng tăng đã dẫn tới sự quá tải cả về hạ tầng đô thị như: nhà ở, giao thông đô thị và không gian công cộng đô thị... Quỹ đất xây dựng đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh đang ngày càng ít lại. Đứng trước vấn đề này, theo xu hướng mới ở Việt Nam và không mới đối với thế giới là phải tận dụng, khai thác và quản lý phát triển không gian ngầm có hiệu quả thì mới góp phần quản lý và phát triển đô thị hiện đại và bền vững. Cùng với việc đang hoàn thiện về quy hoạch không gian ngầm của Thành phố thì Thành phố cũng đang tập trung vào việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư các công trình ngầm; dự án sử dụng đất với nhiều mục tiêu, trong đó có mục tiêu kinh doanh và mục tiêu công cộng. Tuy nhiên, do xu hướng này chưa được phổ biến tại Việt Nam nên về cơ sở pháp lý để triển khai vẫn đang chờ bổ sung, sửa đổi, cập nhật để dần hoàn thiện. Do đó, Thành phố Hồ Chí Minh mong muốn có một cơ chế đặc thù để thí điểm thực hiện, từ đó làm tiền đề, tạo động lực cũng như hành lang pháp lý cho việc thực hiện các dự án công trình ngầm khác của cả nước.

Sớm tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án cũng như giải quyết được việc sắp xếp, xử lý các khu đất công có trong ranh dự án theo quy định về Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với các khu đất công, tránh để khu đất thực hiện dự án bị hoang hóa, lãng phí hoặc quy hoạch treo ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân tại các khu vực này.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

- **Giải pháp 2:** Chính sách về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với một số loại dự án đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất theo trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án; đất chưa được giải phóng mặt bằng.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Việc giữ như hiện trạng khiến cho các dự án thuộc diện này không thể triển khai thực hiện do các vướng mắc về pháp lý. Do đó, có tác động tiêu cực tới cả kinh tế, xã hội, và khiến hệ thống pháp luật cũng không đảm bảo được sự đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Trong trường hợp nhà nước mong muốn thực hiện dự án thì nếu có đưa các khu đất công ra sắp xếp lại, xử lý thì cũng phải lựa chọn hình thức bán đấu giá để thu tiền về cho ngân sách. Tuy nhiên, khả năng đấu giá thành công sẽ rất thấp vì các tổ chức, cá nhân khi tham gia đấu giá sẽ biết được ngay sau khi trúng đấu giá, khu đất có thể sẽ bị thu hồi để thực hiện dự án lớn theo quy hoạch ban đầu (dự án gồm phần đất công và phần đất của tổ chức, cá nhân khác).

+ Trong khi đó, nếu thực hiện theo cơ chế đặc thù này, giá trị phần đất của nhà nước cũng vẫn được xác định theo thị trường thông qua việc nhà đầu tư đề xuất giá trị M2 trong quá trình tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Việc xác định giá trị phần đất của nhà nước vẫn đảm bảo công khai, minh bạch, cạnh tranh tương tự như việc tổ chức đấu giá.

+ Bên cạnh đó, nếu xét về người sử dụng đất, trong trường hợp này nhà nước cũng chỉ là một người sử dụng đất tương tự như tổ chức, cá nhân khác trong ranh dự án. Việc chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án là xuất phát từ ý chí của nhà nước nên việc nhà nước chấp nhận đất của mình bị thu hồi để thực hiện dự án với mức giá và cơ chế tương tự như đất của người dân, doanh nghiệp trong dự án là hợp lý. Mục tiêu cuối cùng là dự án được thực hiện thành công và giúp nhà nước, xã hội đạt được những lợi ích kinh tế, xã hội lớn hơn khi dự án được thực hiện thành công.

Nhà đầu tư được lựa chọn vẫn phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, tạo ra nguồn thu ngân sách, không làm thất thoát ngân sách nhà nước

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Việc cho phép thực hiện cơ chế này góp phần bổ sung một phần khuyết thiếu của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (vốn đang không có quy định về hình thức xử lý hợp lý đối với tài sản công trong các dự án cần đưa ra tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án).

+ Đảm bảo tính đồng bộ giữa quy định của Luật Đấu thầu, Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Luật Đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

+ Bên cạnh đó, theo Điểm b Khoản 4 Điều 128 Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi (Dự thảo ngày 30/12/2022):

“Điều 128. Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thông qua việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất

4. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

b) Trường hợp trong khu vực đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này có diện tích đất do Nhà nước quản lý thì diện tích đất do Nhà nước quản lý được đưa vào tổng diện tích đất để lập dự án và được Nhà nước thu hồi để giao, cho thuê cho nhà đầu tư thực hiện dự án không phải thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không phải đấu thầu dự án có sử dụng đất; ”

- Tác động về mặt xã hội: Giúp Thành phố giải được bài toán về cạn kiệt quỹ đất xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, trong đó đặc biệt là bãi đỗ xe tại khu vực trung tâm.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

(ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đấu thầu nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Bên cạnh đó, theo Điểm b Khoản 4 Điều 128 Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi (Dự thảo ngày 30/12/2022):

“Điều 128. Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thông qua việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất

4. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

b) Trường hợp trong khu vực đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này có diện tích đất do Nhà nước quản lý thì diện tích đất do Nhà nước quản lý được đưa vào tổng diện tích đất để lập dự án và được Nhà nước thu hồi để giao, cho thuê cho nhà đầu tư thực hiện dự án không phải thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không phải đấu thầu dự án có sử dụng đất; ”

Như vậy, trường hợp chấp thuận theo Phương án 2 thì sẽ đảm bảo phù hợp với nội dung dự kiến sửa đổi của Luật Đất đai trong thời gian tới.

Sớm giúp Thành phố tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư trên Thành phố (kéo dài qua rất nhiều năm). Đa phần đây là các dự án lớn (khu đô thị, trung tâm thương mại có diện tích lớn, ở vị trí đặc địa, trong nhiều trường hợp là cả một khu vực hoặc một ô phố...), một khi đi vào hoạt động góp phần nâng cao đời sống của người dân, giải quyết các nhu cầu an sinh xã hội. Đẩy nhanh quá trình đưa đất vào sử dụng, triển khai đầu tư dự án, hạn chế tối đa tình trạng hoang hóa, lãng phí đất trong quá trình sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

5. Cơ chế chính sách để đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) như: lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa; thực hiện BOT trên các tuyến đường hiện hữu; cho thực hiện trở lại phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

5.1. Xác định vấn đề bất cập trong đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư

a. Về lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa

Ngày 14 tháng 02 năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tại Điều 4 về lĩnh vực đầu tư và phân loại dự án có quy định dự án văn hóa và thể thao thuộc lĩnh vực được áp dụng thực hiện của Nghị định này.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (*thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP*). Theo đó, dự án thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao vẫn được quy định áp dụng thực hiện theo hình thức đối tác công tư.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Quốc hội ban hành Luật số 64/2020/QH14 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, tại Điều 4 – lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án không có dự án thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1014/QĐ-TTg về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 với quan điểm, mục tiêu "Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao, mở rộng khả năng tiếp cận của các tầng lớp Nhân dân đối với các loại hình dịch vụ văn hóa và thể dục thể thao...".

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI đã chỉ đạo “Tập trung đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao tiêu biểu, mang tầm vóc khu vực, tương xứng vai trò, vị trí của một đô thị đặc biệt và thành phố mang tên Bác. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, có chính sách khuyến khích, kêu gọi các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực hoạt động và xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, thể thao, tạo điều kiện tiếp tục phát triển các cơ sở văn hóa, thể thao ngoài công lập...”

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, Bộ Chính trị có Kết luận số 14-KL/TW về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, chỉ đạo như sau: “Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, khuyến khích cán bộ có tư duy sáng tạo, cách làm đột phá, tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung. Đề xuất đổi mới, sáng tạo của cán bộ phải báo cáo với người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị nơi công tác; được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thực hiện hoặc thực hiện thí điểm, bảo đảm không trái với Hiến pháp và Điều lệ Đảng...”

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ đạo “... Nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển văn hóa...”.

Ngày 10/6/2022, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo số 397/TB-VP về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Dương Anh Đức tại buổi họp nghe báo cáo về tình hình triển khai một số dự án trọng điểm ngành văn hóa và thể thao; theo đó “Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các Sở ngành liên quan rà soát, tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Quốc hội (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14) về cơ chế đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đề xuất cho phép Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất lĩnh vực văn hóa và thể thao theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư”.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh có Kế hoạch số 124-KH/TU về thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung “Các ý tưởng sáng tạo, đột phá là của từng cá nhân hoặc của nhóm cá nhân phải được cấp có thẩm quyền thông qua và đồng ý về chủ trương, hỗ trợ về mọi mặt để tổ chức thực hiện; đối với các trường hợp bức thiết khẩn cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải đề xuất, báo cáo cấp thẩm quyền quyết định và chỉ đạo cụ thể.”

* Về thực tiễn:

Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng phát triển cơ sở vật chất của Ngành Văn hóa và Thể thao để đáp ứng yêu cầu phát triển; Thành phố

đã kêu gọi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư⁴⁶.

Các dự án của Ngành Văn hóa và Thể thao đang trong quá trình triển khai thực hiện, hoàn chỉnh trình cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định. Tuy nhiên, tất cả dự án của Ngành đều dừng thực hiện do Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020 (*Điều 4 – lĩnh vực đầu tư, quy mô và phân loại dự án*) không cho phép các dự án mới thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao được áp dụng thực hiện.

Hiện nay, yêu cầu xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa và thể thao thành phố là rất cần thiết; trong khi nguồn vốn ngân sách đầu tư cho phát triển văn hóa và thể thao còn hạn chế. Theo nhu cầu phát triển cơ sở vật chất Ngành Văn hóa Thể thao giai đoạn 2021-2025 đề xuất gồm **53 dự án**. Tuy nhiên chỉ có **09 dự án** được ghi vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương từ nguồn dự phòng đầu tư công trung hạn), tổng vốn được bố trí là **3,619** tỷ đồng.

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hệ thống thiết chế ngành Văn hóa và Thể thao Thành phố đa năng, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế nhưng nguồn lực tài chính đầu tư còn thấp, trong khi cơ chế thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư không được áp dụng thực hiện. Đây là khó khăn rất lớn cho Ngành để đạt được mục tiêu đề ra.

b) Trong lĩnh vực hạ tầng đường bộ

Hệ thống đường bộ (gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong đó nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng, các tuyến Quốc lộ đi qua địa phận Thành phố Hồ Chí Minh rất cần mở rộng mặt cắt ngang theo quy hoạch, đầu tư đường trên cao trên các tuyến đường hiện hữu để đáp ứng nhu cầu lưu thông, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và giải quyết điểm nghẽn về hạ tầng giao thông góp

⁴⁶ Một số dự án như:

- Khu phức hợp Trung tâm văn hóa nghệ thuật đa năng (số 30 Trần Hưng Đạo, Q1);
- Khu phức hợp Trung tâm Văn hóa thiếu nhi đa năng, rạp chiếu phim (số 651 Trần Hưng Đạo, Q1);
- Khu nhà kho và dịch vụ triển lãm đa năng tại Bảo tàng Mỹ thuật;
- Khu trưng bày chuyên đề đa năng và phòng trải nghiệm cho học sinh – sinh viên tại Bảo tàng Lịch sử;
- Rạp Kim Châu số 15-17 Nguyễn Thái Bình, Q1;
- Các dự án thành phần trong Khu Liên hợp TDTT quốc gia Rạch Chiếc
- + Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Liên hợp TDTT quốc gia Rạch Chiếc;
- + Dự án Nhà thi đấu TDTT tổng hợp và thi đấu Futsal;
- + Dự án sân đua xe đạp lòng chảo và đường đua xe mô tô kết hợp sân bóng đá ngoài trời;
- + Dự án sân vận động 50.000 chỗ có bố trí đường chạy điền kinh;
- + Học viện Bóng đá;
- + Dự án Khu dịch vụ cho vận động viên, huấn luyện viên, chuyên gia và khách mời...

phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, có một số vướng mắc như sau:

Vướng mắc quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) tại điểm d Khoản 5 Điều 101, quy định: “Dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BOT.”

Vướng mắc quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) khi thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT đã làm cho Thành phố gặp phải khó khăn trong việc huy động nguồn vốn ngoài ngân sách, thu xếp nguồn vốn triển khai đầu tư hoàn thiện các tuyến đường trục chính này trong bối cảnh ngân sách thành phố còn rất hạn hẹp. Cụ thể:

- Tại điểm b Khoản 9 Điều 3 về giải thích từ ngữ có quy định: “*Dự án PPP là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thông qua việc thực hiện một hoặc các hoạt động sau đây:*

...

b) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có;

...”

- Điểm Khoản 1 Điều 45 quy định: “*1. Nhóm hợp đồng dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng hoặc tổ chức bao tiêu sản phẩm, dịch vụ công, bao gồm:*

a) Hợp đồng BOT là hợp đồng mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được nhượng quyền để xây dựng, kinh doanh, vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đó cho Nhà nước;”

- Điểm Khoản 4 Điều 45 quy định: “*4. Đối với dự án quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật này, không áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng.”*

Phần lớn các tuyến đường trục chính hiện hữu của Thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã có trong quy hoạch nhưng chưa được đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo đúng quy mô quy hoạch được phê duyệt. Với quy định tại Khoản 4 Điều 45 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư nêu trên, việc đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng (không phải duy tu, sửa chữa) hoặc đầu tư đường trên cao các tuyến đường hiện hữu (*hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có*) theo đúng quy mô quy hoạch được duyệt là không được phép thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT.

Thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh:

Về hiện trạng hệ thống đường bộ của Thành phố, trong đó các tuyến đường trục chính đô thị, cửa ngõ, kết nối với các tỉnh lân cận và các tuyến Quốc lộ đi qua

địa phận Thành phố Hồ Chí Minh đã được đầu tư và đang khai thác. Tuy nhiên quy mô hiện hữu chưa đáp ứng nhu cầu lưu thông và chưa được mở rộng theo lộ giới quy hoạch. Về Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2013, trong đó các tuyến đường trên cao (gồm 05 tuyến) dự kiến sẽ được đầu tư trên cơ sở các tuyến đường hiện hữu, khi đầu tư đường trên cao, đồng thời sẽ phải thực hiện mở rộng đường hiện hữu theo lộ giới quy hoạch đáp ứng bố trí tuyến đường trên cao theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn⁴⁷.

Về nguồn lực đầu tư: Trong bối cảnh khả năng cân đối ngân sách thành phố không thể đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nói chung và kết cấu hạ tầng giao thông nói riêng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn chế (Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thành phố thông qua bố trí cho lĩnh vực giao thông là 52.744 tỷ đồng, đạt 19,8% so với tổng nhu cầu vốn).

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để tăng cường huy động nguồn lực và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển văn hóa, đồng thời thực hiện nội dung **đột phá chiến lược** để huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: *“huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công – tư”*⁴⁸.

⁴⁷ Thực tế trước khi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai nhiều dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT (chủ yếu là các dự án đầu tư hạ tầng giao thông) theo các quy định trước đây tại Nghị định 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao, hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh, hợp đồng xây dựng – chuyển giao, Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.

⁴⁸ Đối với nội dung cơ chế áp dụng hình thức Hợp đồng BOT, các dự án có thể xem xét như:

- Quốc lộ 1 đoạn An Lạc đến ranh Long An: chiều dài 9,6km, hiện trạng MCN đường 19m (04 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy); Lộ giới theo Quy hoạch 120m; đầu tư quy mô MCN 52m (mở rộng từ 04 lên 08 làn xe); sơ bộ TMĐT 12.876 tỷ đồng.
- Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 22 (đoạn từ nút giao An Sương đến đường Vành đai 3): hiện trạng MCN đường 37-39m (mặt đường 27-28m; vỉa hè mỗi bên 3-4m; dải phân cách giữa 3m), 04 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy; Lộ giới theo Quy hoạch 60m; quy mô đầu tư cải tạo, nâng cấp với chiều dài 9,1 km, rộng 39,5m, Xây dựng 02 cầu vượt trên Quốc lộ 22 tại nút Nguyễn Ảnh Thủ và nút Nguyễn Văn Bứa; sơ bộ TMĐT 1.200 tỷ đồng.
- Quốc lộ 13 đoạn nội thành đến ranh Bình Dương: chiều dài 5,8km, hiện trạng MCN đường 19m (04 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy); Lộ giới theo quy hoạch 40-60m; đầu tư quy mô MCN theo quy hoạch; sơ bộ TMĐT 12.192 tỷ đồng.
- Trục đường Bắc – Nam (đường Âu Cơ – KCN Hiệp Phước): chiều dài 26,8km, hiện trạng MCN đường 18-24m (mặt đường 10-16m; vỉa hè mỗi bên 3-4m), 02 làn xe ô tô, 02 làn xe gắn máy; Lộ giới theo quy hoạch 40-60m; đầu tư quy mô MCN theo quy hoạch 40-60m; sơ bộ TMĐT 54.204 tỷ đồng
- Các tuyến đường trên cao số 1, 5 (đi trên các tuyến đường hiện hữu), với tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 32.905 tỷ đồng.
- Dự án Đầu tư xây dựng cầu đường Bình Tiên (một đoạn mở rộng đường Bình Tiên hiện hữu), với tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 6.500 tỷ đồng.

Đối với nội dung cơ chế áp dụng hình thức hợp đồng BT, các dự án có thể xem xét như:

Tạo điều kiện cho Thành phố có thể chủ động linh hoạt trong việc kêu gọi, triển khai các thủ tục đầu tư PPP nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đẩy mạnh hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng xã hội.

5.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế chính sách để đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP) như: lĩnh vực thể thao, công nghiệp văn hóa, bảo tàng, di tích và di sản văn hóa; thực hiện BOT trên các tuyến đường hiện hữu; cho thực hiện trở lại phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** nếu đầu tư theo quy định hiện hành thì các thiết chế văn hóa của Thành phố thường sẽ được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách thành phố. Tuy nhiên do nguồn vốn hạn chế, Thành phố sẽ khó triển khai được các công trình dự án văn hóa thể thao có quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, việc triển khai đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách thành phố sẽ không tận dụng được kinh nghiệm, thế mạnh của các nhà đầu tư tư nhân trong việc quản lý, khai thác vận hành.

Hạn chế khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách Thành phố chưa đáp ứng. Hạn chế đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, tăng chi phí vận chuyển, giảm tính cạnh tranh hàng hóa.

- **Tác động về mặt xã hội:** khi số lượng thiết chế văn hóa ít, người dân ít cơ hội, mong muốn tham gia các hoạt động, phong trào thể dục thể thao, chưa nâng cao được sức khỏe và cải thiện đời sống tinh thần, chưa có điều kiện tham gia các hoạt động thể thao với chất lượng dịch vụ tốt, đa dạng, chuyên nghiệp. Hệ thống hạ tầng văn hóa, xã hội, giao thông vận tải bị quá tải không đáp ứng nhu cầu xã hội, hưởng thụ đời sống văn hóa, nghệ thuật của người dân.

Hạn chế khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao

- Dự án Xây dựng cầu Cần Giò. Tổng mức đầu tư dự kiến: 12.500 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 2.500 tỷ đồng).

- Dự án xây dựng cầu đường Nguyễn Khoái. Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.812 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 593 tỷ đồng).

- Dự án Nâng cấp mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (đoạn từ nút giao An Phú đến đường vành đai 2). Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.124 tỷ đồng (không phải thực hiện BTGPMB).

- Dự án Mở rộng đường dẫn cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương (đoạn Bình Thuận - Chợ Đệm và Tân Tạo - Chợ Đệm). Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.351 tỷ đồng (không phải thực hiện BTGPMB).

- Dự án Mở rộng đường Ung Văn Khiêm và xây dựng nút giao Đài Liệt Sỹ Tổng mức đầu tư dự kiến: 3.196 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 2.600 tỷ đồng).

- Dự án Xây dựng nút giao thông Ngã tư Bốn Xã. Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.727 tỷ đồng (trong đó chi phí GPMB: 1.536 tỷ đồng).

thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại và các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

- **Tác động về vấn đề giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về vấn đề giới:** không ảnh hưởng và tác động về vấn đề giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không thay đổi thủ tục hành chính.

- **Tác động đối hệ thống pháp luật:** không làm thay đổi hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:**

+ Tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư PPP lĩnh vực văn hóa, thể thao đối với các công trình có quy mô lớn, có thể đáp ứng được các sự kiện thể thao quốc tế. Khi có sự tham gia của nhà đầu tư tư nhân, của xã hội vào các dự án, công trình công trong lĩnh vực thể thao, văn hóa thì việc đầu tư sẽ phù hợp với thực tế, công tác quản lý vận hành sẽ đạt được kết quả tốt hơn và Nhà nước không chịu rủi ro hỗ trợ ngân sách. Với số lượng dự án lĩnh vực thể thao văn hóa đang được đề xuất, nếu kêu gọi thành công theo hình thức PPP sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế TPHCM nói chung và cả nước nói riêng. Thông qua việc giao khối tư nhân khai thác, vận hành dưới sự quản lý của Thành phố, nhiều công trình thể thao, nhà hát, bảo tàng... đang xuống cấp có thể được đầu tư mới hoặc cải tạo sửa chữa theo hình thức Hợp đồng PPP phù hợp (O&M, BTL/BLT), tạo điều kiện để nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng thu ngân sách thông qua việc cung cấp dịch vụ đa dạng.

+ Tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư PPP. Tại thành phố Hồ Chí Minh, trong giai đoạn 2015 - 2017, Thành phố đã kêu gọi nhiều dự án đầu tư và hoàn tất đàm phán ký kết 04 Hợp đồng BT với tổng mức đầu tư là 14.736 tỷ đồng thuộc lĩnh vực giao thông, môi trường, hạ tầng kỹ thuật.

Triển khai được ngay để đầu tư các dự án trọng điểm, cấp bách trong giai đoạn ngân sách thành phố còn hạn chế, phát huy hiệu quả đầu tư ngay khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, không phụ thuộc vào khả năng cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025, không chờ vốn từ đấu giá quỹ đất, không chờ bố trí vốn để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất; ngoài ra, quỹ đất sạch của Thành phố hiện nay là rất hạn chế.

Tăng khả năng huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng số vốn đầu tư dự kiến cho 03 dự án đề xuất áp dụng cơ chế này khoảng 30.500 tỷ đồng, trong bối cảnh nguồn vốn ngân sách thành phố còn hạn chế. Tăng khả năng đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, thúc đẩy rút ngắn thời gian di chuyển, tăng năng suất, khối lượng hàng hóa lưu thông,

tiết kiệm chi phí vận chuyển, tăng tính cạnh tranh hàng hóa.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, coi thể dục thể thao là công cụ hữu hiệu để nâng cao sức khỏe, thể lực tâm vóc, chất lượng cuộc sống của nhân dân và đẩy lùi dịch bệnh, nâng cao sức khỏe cho cộng đồng để vận động toàn dân tích cực tập luyện thể dục thể thao và thường xuyên tổ chức các sự kiện thể thao từ phong trào đến thành tích cao; các giải thể thao giành cho người khuyết tật, người cao tuổi, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên. Nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bổ sung các địa điểm tổ chức các hoạt động giao lưu, sáng tạo văn hóa và thụ hưởng về văn hóa từ các công trình văn hóa thể thao. Từ đó cộng đồng, người dân có thể thấm thụ được hệ giá trị quốc gia và các giá trị văn hóa.

+ Xây dựng được nhiều công trình có kiến trúc đẹp, phục vụ nâng cao mỹ quan chung của Thành phố. Góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, bổ sung các địa điểm tổ chức các hoạt động giao lưu, sáng tạo văn hóa và thụ hưởng về văn hóa từ các công trình văn hóa thể thao. Từ đó cộng đồng, người dân có thể thấm thụ được hệ giá trị quốc gia và các giá trị văn hóa.

+ Giải quyết nhu cầu lưu thông, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và giải quyết điểm nghẽn về hạ tầng giao thông góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các tỉnh lân cận.

Trong quá trình nghiên cứu xác định danh mục dự án áp dụng cơ chế, Thành phố sẽ tổ chức thực hiện lấy ý kiến đồng thuận của người dân, sẽ có trường hợp người dân không đồng tình ủng hộ về xác định đối tượng chịu phí, mức phí, vị trí đặt trạm thu phí,...những nội dung này, Sở Giao thông vận tải căn cứ mức độ đồng thuận, nội dung chưa đồng thuận của người dân, tham mưu báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xác định danh mục dự án, giải pháp tổ chức thực hiện và thông tin giải thích để người dân bị ảnh hưởng hiểu, chia sẻ và đồng thuận trước khi tổ chức triển khai thực hiện.

- Tác động về vấn đề giới: Chính sách không ảnh hưởng đến năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm thay đổi thủ tục hành chính về tổ chức triển khai dự án đã được quy định Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Chỉ mở rộng đối tượng áp dụng hình thức Hợp đồng BOT theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Có thể rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư PPP thông qua bằng hình thức đấu giá kết hợp đánh giá năng lực.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan, đề cao tính phân cấp, phân quyền mạnh mẽ đến các địa phương. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật PPP nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Phạm vi áp dụng nội dung cơ chế, chính sách chỉ xác định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trường hợp cơ chế thí điểm được áp dụng hiệu quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sẽ là mô hình được nhân rộng và sẽ là cơ sở cập nhật, điều chỉnh đối tượng áp dụng của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

II. Cơ chế, chính sách về tài chính ngân sách

Trong lĩnh vực Tài chính ngân sách đề xuất 9 nội dung. Một số nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 tiếp tục đề xuất thực hiện bao gồm Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 7 và Khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Cơ chế cho phép ban hành Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định:

Nội dung này đề xuất lại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 về Quản lý tài chính – ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 54/2017/QH14. Cụ thể như sau:

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Theo quy định tại Điều 21 Luật Phí và Lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền: (1) Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền; (2) Xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Phí và Lệ phí: Giữa hai kỳ họp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước: Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các loại thuế.

Hiện nay, có một số loại phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 như: thu phí đậu đỗ

xe ô tô, thu phí các loại phương tiện cơ giới cá nhân tham gia lưu thông vào khu vực trung tâm... nên việc đề xuất Quốc hội cho phép Thành phố Hồ Chí Minh được chủ động, linh hoạt trong thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn sẽ tạo điều kiện cho Thành phố:

- Phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô của chính sách phí, lệ phí;

- Thực hiện tái phân phối thu nhập xã hội tốt hơn cho nền kinh tế để bảo đảm phát triển cân bằng, hài hòa, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Động viên, khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh đối với những ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển và có thế mạnh.

- Tăng khả năng huy động nguồn thu đóng góp cho ngân sách nhà nước từ một số ngành, lĩnh vực có tăng trưởng tốt, tạo dư địa nguồn lực tài chính bổ sung cần thiết đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi của Thành phố.

Nội dung này, Quốc hội đã đồng ý cho Thành phố Hồ Chí Minh (tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017). Tiếp theo đó, Quốc hội đã đồng ý cho một số địa phương như thành phố Hà Nội (tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội), thành phố Đà Nẵng (tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội), thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội) áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự.

Qua quá trình thực hiện, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018, Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 điều chỉnh mức thu của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018). Theo báo cáo tổng kết Nghị quyết số 54/2017/QH14, song song với việc ban hành chính sách thu, Thành phố tổ chức tập huấn, tuyên truyền các quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho toàn bộ các cơ sở sản xuất, chế biến, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố để giúp cơ sở nắm bắt và thực hiện đúng các quy định, tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, mức độ ảnh hưởng không lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường. Tổng số thu từ các doanh nghiệp do Thành phố quản lý (khoảng 2.500 doanh nghiệp) được nộp đầy đủ vào ngân sách địa phương (lũy kế đến tháng 3 năm 2022 đã thu là 132.595.502.331 đồng).

Việc ban hành các loại phí, lệ phí chưa được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã được Thành phố quan tâm, thường xuyên theo dõi để kịp thời báo cáo, đề xuất. Thành phố đã xem xét đề xuất về thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng cho tất cả các loại hình đăng ký đất đai thuộc danh mục do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành

(gồm nhiều loại hình ngoài chuyên nhượng) và thu phí tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại các kho, bãi được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên Thành phố đã tạm dừng việc xem xét các đề xuất này.

1.1.2. Liên quan đến cơ chế, chính sách này, Thành phố hiện đang áp dụng điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, cụ thể:

- Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (*Hiện nay là, Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND*), theo đó mức về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp **tăng 5-6 lần** so với thu theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP⁴⁹. Tính từ thời điểm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành) đến tháng 3 năm 2022, tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là 132,6 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền thu phí được nộp 100% vào Ngân sách địa phương. Việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường.

Tuy nhiên, ngày 05 tháng 5 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, tuy nhiên, mức thu vẫn còn thấp, chưa công bằng đối với các cơ sở xả thải, nhất là với các cơ sở có lưu lượng xả thải lớn. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu điều chỉnh mức phí bằng việc tiếp tục sử dụng hệ số K trong tính mức thu phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND).

Sau 05 năm thực hiện đã góp phần đáng kể trong việc thay đổi nhận thức, tư duy và định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Về mặt tăng thu ngân sách nhà nước, tổng số thu tăng thêm cho ngân sách Thành phố khoảng 132,6 tỷ đồng (trong khoảng thời gian phòng,

⁴⁹ Hằng quý, phát hành thông báo phí (theo hệ số K và phí biến đổi Cq) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình từ 5 m³/ngày đêm trở lên. Hằng năm, phát hành thông báo phí cố định (1.500.000 đồng/năm) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình dưới 5m³/ngày đêm. Định kỳ thực hiện thăm định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm có trong nước thải để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, tổng hợp, thống kê, rà soát danh sách các đối tượng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, tổng số cơ sở đang thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố là 2.710 cơ sở; trong đó có 17 cơ sở là chủ đầu tư hạ tầng của 17 khu công nghiệp/khu chế xuất/khu công nghệ cao, 13 cơ sở xử lý chất thải rắn (bổ sung theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND) và 2.680 cơ sở ngoài khu công nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất ô nhiễm phải xử lý. Ngày 09/12/2021, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND

chống dịch bệnh thì thu khoảng 30 tỷ đồng).

Đến nay, Thành phố vẫn đang tiếp tục rà soát, đề xuất ban hành nội dung liên quan cơ chế này. Chẳng hạn, Thành phố đã xây dựng, hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu liên quan và dự kiến báo cáo, xin ý kiến Thành ủy trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành điều chỉnh mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phí đăng ký giao dịch bảo đảm khi thực hiện chứng nhận đăng ký đối với biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại các cơ quan nhà nước.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Kế thừa từ những kết quả đạt được, cũng như để bảo đảm tính linh hoạt, giúp Thành phố Hồ Chí Minh chủ động hơn trong việc thực hiện chính sách phí, lệ phí, vừa phát huy hiệu quả vai trò công cụ điều tiết vĩ mô, tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, vừa tăng cường khả năng điều chỉnh, khuyến khích hành vi, dẫn dắt đầu tư sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố, tạo dư địa tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố.

1.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2: Cho phép ban hành Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định (tiếp tục thực hiện như quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14).

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc theo dõi, đánh giá, đề xuất ban hành chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố, từ đó thúc đẩy, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước (tăng thêm hơn 130 tỷ đồng), tạo dư địa tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố. Bên cạnh đó, tác động đến ý thức của một bộ phận chủ thể của khoản phí, lệ phí được ban hành để thay đổi hành vi theo hướng tích cực hơn.

- Tác động về mặt xã hội:

Bảo đảm tính linh hoạt, chủ động trong chính sách phí, lệ phí để thực hiện tốt hơn vai trò điều tiết, tái phân phối thu nhập xã hội của phí, lệ phí, bảo đảm phát triển cân bằng, hài hòa, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh

thần của nhân dân. Nâng cao ý thức, điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực đối với đối tượng được tác động theo chính sách phí, lệ phí.

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Cơ chế cho phép Thành phố linh hoạt trong việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ:

Cơ chế nêu trên đã được quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội.

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Tại điểm b khoản 4 Điều 19 (*Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội*) Luật NSNN quy định:

“Điều 19:

...

4. Quyết định dự toán ngân sách nhà nước:

...

b) *Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ;”*

- Tại điểm c khoản 1 Điều 30 (*Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp*) Luật NSNN quy định:

“1. Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định:

...

c) Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ;”

- Quy định này chưa thể tạo sự chủ động của Thành phố:

Theo Nghị quyết của Trung ương yêu cầu chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề phải đảm bảo tối thiểu 20% tổng chi NSNN; Luật Khoa học và công nghệ yêu cầu bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi NSNN. Để thực hiện quy định Nghị quyết của Đảng, Luật Khoa học và công nghệ và Luật Ngân sách Nhà nước, khi Quốc hội quyết định dự toán mức chi cho các lĩnh vực nêu trên cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Hội đồng nhân dân Thành phố không được quyết định mức chi của các lĩnh vực này thấp hơn.

Do đó, tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội đã cho phép Thành phố: *“Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ”* thì Hội đồng nhân dân Thành phố có thể quyết định các lĩnh vực này cao hơn hoặc thấp hơn mức Quốc hội quyết định, nhưng phải đảm bảo quy định theo hướng Nghị quyết của Đảng, Quốc hội ưu tiên trong phân bổ ngân sách Thành phố cho các lĩnh vực này phù hợp với yêu cầu thực tế của Thành phố. Qua thời gian thực hiện, Thành phố đã đảm bảo bố trí dự toán chi các khoản chi theo đúng định hướng như sau:

Năm	Các lĩnh vực chi	Tỷ trọng	
		TW giao	TPHCM phân bổ
2018	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,5%	30,9%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	2,0%
2019	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,7%	35,1%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	3,9%
2020	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,8%	34,3%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,6%	2,9%
2021	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	30,8%	35,8%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,6%	2,9%
2022	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	34,7%	30,1%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,5%	4,4%
2023	Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề	34,7%	35,0%
	Chính sách khoa học công nghệ	1,4%	2,7%

Theo đó, giai đoạn 2018 – 2023, dự toán ngân sách Thành phố phân bổ hằng năm đều đảm bảo định hướng bố trí dự toán cho các lĩnh vực: tối thiểu 20% đối với giáo dục, đào tạo và dạy nghề và tối thiểu 2% đối với khoa học công nghệ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Theo Nghị quyết số 31-NQ/TW, Bộ Chính trị đã định hướng cơ chế đặc thù cho Thành phố như sau:

“Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực: Quản lý đầu tư; tài chính - ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên môi trường; quản lý văn hoá và trật tự xã hội; tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”.

Thành phố đề xuất giữ nguyên quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số

54/2017/QH14 của Quốc hội, quy định:

“Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

Giải pháp 1: Không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội hết hiệu lực.

Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Thành phố linh hoạt trong việc quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14, hằng năm, Thành phố đã bố trí dự toán chi ngân sách chặt chẽ, chủ động, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo đúng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành; tạo sự chủ động cho Thành phố Hồ Chí Minh trong việc sử dụng nguồn lực được phân cấp để thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Tác động về mặt xã hội:

Thuận lợi cho việc quản lý, điều hành dự toán của Thành phố Hồ Chí Minh; chủ động bố trí dự phòng ngân sách để xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Góp phần phục vụ đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

- Tác động về vấn đề giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Ảnh hưởng đến tính đồng bộ, thống nhất giữa chính sách với quy định của Luật NSNN; Điều 19 Luật NSNN quy định: Quốc hội quyết định Tổng số chi NSNN, bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ.

+ Tuy nhiên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn

bản QPPL “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

3. Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương và cho phép sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương:

Cơ chế nêu trên đã được quy định tại khoản 6 Điều 5 tại Nghị quyết số 54/2017/QH14.

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Qua thời gian hơn 4 năm triển khai thực hiện cơ chế sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo khả năng cân đối và nhu cầu sử dụng của Thành phố tại khoản 6 Điều 5 tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 đã góp phần tháo gỡ một số vướng mắc của Thành phố về chính sách tiền lương và thu nhập hiện hành; tạo động lực để các đơn vị, địa phương rà soát, sắp xếp, khai thác nguồn lực để bổ sung nguồn cải cách tiền lương. Cụ thể:

a) Về chi thu nhập tăng thêm:

Chính sách chi thu nhập tăng thêm được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với khả năng cân đối của Thành phố. Với mật độ dân số của Thành phố rất cao như hiện nay, tỷ lệ người dân mà mỗi công chức phải phục vụ là cao nhất cả nước, cường độ làm việc rất lớn, đặc biệt trong giai đoạn chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế-xã hội sau dịch, áp lực càng tăng cao, việc triển khai thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức, là một cơ chế đã tạo được động lực góp phần giảm bớt khó khăn, cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức; khơi gợi tinh thần lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc, củng cố và nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước trên các lĩnh vực, giúp Thành phố đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua.

b) Về việc thực hiện quy định tỷ lệ trích lập:

Từ khi thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 đến nay, do tác động của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình kinh tế, xã hội nên chưa phát sinh nguồn thu lớn như kỳ vọng; vì vậy, các đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện trích lập theo quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính.

c) Về sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố; cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách và chi thu nhập tăng thêm:

Qua thực tiễn từ năm 2018 đến năm 2022 và dự toán năm 2023 ngân sách

Thành phố vẫn bổ sung dự toán chi thường xuyên (nguồn cải cách tiền lương của Thành phố) cho ngân sách cấp dưới để thực hiện chính sách chi thu nhập tăng thêm nên ngân sách cấp dưới không có nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình.

Riêng năm 2022, trên cơ sở đề nghị của huyện Hóc Môn khi rà soát, đánh giá nguồn cải cách tiền lương của đơn vị cam kết đủ đảm bảo chi trả kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm, ngân sách Thành phố không phải bổ sung; Huyện Hóc Môn đã kiến nghị cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi đầu tư phát triển (Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 về chủ trương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện Hóc Môn).

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung định hướng tại nội dung số 6, mục III về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển. Giữ tỉ lệ điều tiết ngân sách Thành phố theo mức hiện nay đến hết năm 2025 và tiếp tục giữ ở mức không thấp hơn trong các năm tiếp theo, tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm và nâng cao phúc lợi của người dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động*”.

3.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2: Cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương và cho phép sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để chi thu nhập tăng thêm và để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Với mức chi trả chưa tương xứng với yêu cầu công việc, chưa bù đắp được chi phí sinh hoạt thì Thành phố khó giữ chân được lớp cán bộ, công chức, viên chức trẻ, giỏi và ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành kinh tế - xã hội của Thành phố. Bên cạnh đó, Thành phố sẽ chưa chủ động nguồn lực để cân đối cho các nội dung chi về

đầu tư phát triển, các đơn vị chưa có động lực phấn đấu tăng thu để được sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tác động về mặt xã hội:

Chưa giải quyết vấn đề bức xúc của người cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách, chưa tạo được động lực cống hiến, chưa bù đắp được nhu cầu chính đáng được hưởng thụ về đời sống vật chất, tinh thần sau giờ làm việc. Thu nhập thấp gây ảnh hưởng lớn đến quyết định gắn bó công việc, đặc biệt là những người phải gánh vác nhiệm vụ nuôi dưỡng gia đình.

- Tác động về vấn đề giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Chủ động nguồn lực của Thành phố trong việc sử dụng nguồn lực được phân cấp để thực hiện nhiệm vụ của Thành phố. Thành phố tiếp tục được chủ động nguồn lực để cân đối cho các nội dung chi về đầu tư phát triển, các đơn vị chưa có động lực phấn đấu tăng thu để được sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư để tăng chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tác động về mặt xã hội:

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương; góp phần tập trung cống hiến, phát triển, gắn kết, gắn bó, ổn định với công việc và cũng là chìa khóa để Thành phố có thể thu hút, giữ chân, đào tạo lớp cán bộ, công chức, viên chức trẻ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tiếp tục sự nghiệp phát triển địa phương, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

- Tác động về vấn đề giới: Không có

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản QPPL: “2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định:

...

b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;”.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Trường hợp được Quốc hội thông qua chính sách, Thành phố tiếp tục rà soát,

hướng dẫn việc trích lập nguồn cải cách tiền lương của Thành phố và của các đơn vị sự nghiệp công trên địa bàn, tính toán lộ trình chi thu nhập tăng thêm phù hợp với khả năng nguồn lực; củng cố quy định đánh giá hiệu quả công việc để làm cơ sở chi trả. Tại địa phương, sẽ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung đánh giá hiệu quả công việc hằng quý để việc chi trả thu nhập tăng thêm tiếp tục là động lực, thu hút, giữ chân nguồn nhân lực của Thành phố.

4. Cơ chế cho phép Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài, trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp

4.1. Xác định vấn đề bất cập:

a) Về hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương:

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, mức dư nợ vay của ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh được cho phép tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Thời điểm năm 2022, dư nợ vay của Thành phố được theo dõi là 28.538 tỷ đồng, khoảng 32% số thu được hưởng theo phân cấp của ngân sách Thành phố. Theo số thu ngân sách Nhà nước được phân cấp cho Thành phố năm 2022 là 89.739 tỷ đồng thì hạn mức dư nợ theo tỷ lệ 90% số thu là 80.765 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Thành phố dự kiến triển khai thêm một số dự án đến năm 2030 như tuyến Metro số 2 (Bến Thành – Tham Lương) khoảng 47.890 tỷ đồng, tuyến Metro số 5 (ngã tư Bảy Hiền – cầu Sài Gòn, giai đoạn 1) khoảng 38.276 tỷ đồng và khoảng 14.630 tỷ đồng đối với giai đoạn 2,..., Dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát: nhu cầu vốn vay là 6.678 tỷ đồng, Dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn: nhu cầu vốn vay là 6.961 tỷ đồng,... Tổng nhu cầu vay là khoảng 92.020 tỷ đồng. Theo đó, dự kiến từ năm 2023 đến năm 2026, mức dư nợ hằng năm sẽ tăng từ 31.690 tỷ đồng lên 83.015 tỷ đồng. Trong khi đó, với mức dư nợ vay là 90% như hiện nay, hạn mức dư nợ vay tối đa của Thành phố năm 2026 là 93.527 tỷ đồng (90% của số ước thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2026 là 103.919 tỷ đồng) – tức là từ sau năm 2026 thì Thành phố không còn bảo đảm hạn mức dư nợ vay để vay tiếp.

Về nghĩa vụ trả nợ, Thành phố thực hiện thanh toán trả nợ (nợ gốc, lãi và các khoản phí) đầy đủ, đúng hạn, không để phát sinh nợ quá hạn, đảm bảo nghĩa vụ nợ theo cam kết, đảm bảo uy tín đối với các nhà đầu tư. Trong giai đoạn 2017 – 2021, tổng số trả nợ vay của Thành phố là 14.224,544 tỷ đồng. Tỷ lệ thanh toán nghĩa vụ đến hạn trong năm của Thành phố so với số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp qua các năm dao động ở mức từ 2,49% đến 3,84%. Theo tính toán,

đến năm 2025, với mức dư nợ là 64.611 tỷ đồng, nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí của Thành phố ở mức 2.140 tỷ đồng và bằng 2,16% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Đến năm 2030, với mức dư nợ là 156.631 tỷ đồng, nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí của Thành phố ở mức 5.000 tỷ đồng và bằng 4,1% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Bên cạnh việc phát huy các chính sách, cơ chế thu như đề xuất tại Nghị quyết này, Thành phố sẽ sắp xếp các nội dung, nhiệm vụ chi, siết chặt kỷ luật ngân sách nhà nước, để bảo đảm nguyên tắc ưu tiên bố trí đầy đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đến hạn của Thành phố.

Để Thành phố có thêm dư địa được vay và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động huy động nguồn lực để đầu tư, thay vì hỗ trợ từ ngân sách trung ương thì việc đề xuất Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù cho phép nâng mức nợ vay của ngân sách Thành phố lên 120% là cần thiết đáp ứng được nhu cầu huy động nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Thành phố. Căn cứ tiềm năng, lợi thế phát triển, dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước, Thành phố sẽ xây dựng các giải pháp để bảo đảm được khả năng hấp thụ nguồn vốn vay cũng như đáp ứng được nghĩa vụ trả nợ vay của ngân sách Thành phố theo hạn mức dư nợ vay đề xuất là 120% và vẫn đảm bảo quy định tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tăng mức dư nợ vay đối Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 54/2017/QH14), thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ, thành phố Hải Phòng và tỉnh Thanh Hóa.

b) Về tính chủ động điều hành vay của địa phương trong quá trình thực hiện dự toán hằng năm:

Theo Luật quản lý nợ công thì tổng mức vay của địa phương được phân loại theo nguồn vay gồm vay trong nước và nguồn vay của Chính phủ vay về cho vay lại. trong giai đoạn 2017 – 2021, tổng số vốn vay của Thành phố là 16.202,642 tỷ đồng; trong đó, vay từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là 4.800 tỷ đồng với các kỳ hạn 15 năm, 20 năm và 30 năm và vay lại từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ là 11.402,642 tỷ đồng. Có thể thấy, việc vay nợ của Thành phố tập trung vào việc vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ (chiếm tỷ lệ 70% trong tổng số vốn vay của Thành phố). Cơ cấu nợ vay của Thành phố chưa đa dạng, còn phụ thuộc vào nguồn vốn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, tiềm ẩn khả năng rủi ro về tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất v.v..., nhất là khi điều kiện vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài ngày càng tiệm cận với điều kiện thương mại và kém ưu đãi hơn so với trước đây.

Bên cạnh đó, Thành phố là địa phương có thị trường vay trong nước qua nhiều năm; cụ thể, Thành phố đã phát hành thành công 4.800 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương với các kỳ hạn 15 năm, 20 năm và 30 năm. Việc phát hành thành công các kỳ hạn nêu trên một mặt đã góp phần hỗ trợ cân đối nhu cầu vốn dài hạn của ngân sách Thành phố với mức lãi suất phát hành ngày càng giảm (chẳng hạn, lãi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm của Thành phố năm 2020 là 3,75%), qua đó tiết kiệm chi phí cho ngân sách Thành phố và giảm áp lực cho ngân sách Thành phố

trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn để trả nợ; về mặt khác, Thành phố cũng duy trì được kênh huy động vốn dài hạn trong nước.

Tuy nhiên, việc giải ngân vốn nguồn vay của Chính phủ vay về cho vay lại phụ thuộc nhiều vào tiến độ dự án và các thủ tục kèm theo nên chưa bảo đảm sử dụng hết số bội chi ngân sách Thành phố được Quốc hội giao; trong khi đó, do định hướng ưu tiên giải ngân hết nguồn vốn vay nước ngoài nên có giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh không được giao dự toán vay trong nước; điều này đã ảnh hưởng đến khả năng chủ động điều hành ngân sách của Thành phố cũng như khó duy trì kênh huy động vốn dài hạn trong nước với lãi suất phù hợp.

Vì vậy, Thành phố nhận thấy cần có cơ chế cho phép Thành phố trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tiến độ giải ngân của các chương trình, dự án sử dụng nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại và khả năng vay, Hội đồng nhân dân Thành phố được giảm nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại và tăng nguồn vay trong nước nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

Một cách khái quát, Thành phố đề xuất cơ chế: hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân Thành phố được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Về bổ sung hình thức nguồn vay trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại; nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại, Thành phố được vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố:

Theo Luật Quản lý nợ công năm 2017, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ để phục vụ cho chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương. Các chương trình, dự án này được xác định nguồn vốn là vốn vay ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và thuộc phương thức hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia.

Xuất phát từ thực trạng sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi đối với dự án vẫn còn phát sinh vấn đề giải ngân chưa bảo đảm tiến độ dự kiến, Thành phố nhận thấy cần thiết bổ sung hình thức sử dụng vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung, khoản hỗ trợ được chuyển trực tiếp vào ngân sách địa phương và được sử dụng để bố trí cho các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố.

Bên cạnh đó, cơ cấu nợ công của Thành phố có cơ cấu nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ cao nên chưa bảo đảm tính an toàn nợ công do các tác động bởi các yếu tố tỷ giá, lãi suất. Thành phố đề xuất thêm hình thức: nguồn vay trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại vừa để giảm chi phí đi vay, vừa để tái cơ cấu nợ công của Thành phố.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính an toàn, bền vững: “*hoàn thiện thể chế, đặc biệt là các chính sách, công cụ, bộ máy quản lý nợ công*”; bám sát quan điểm chủ đạo của Chiến lược nợ công quốc gia đến năm 2030 tại Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*quản lý nợ công chặt chẽ là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị sử dụng vốn; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng vốn vay, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, vai trò chủ động của ngân sách địa phương*”.

Tạo điều kiện cho Thành phố huy động trước nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, bảo đảm an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để Thành phố tiếp tục phát huy vai trò theo định hướng được đề ra.

4.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài, trong nước của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Chưa tạo đủ dư địa tài chính cần thiết để Thành phố cân đối nhu cầu huy động nguồn lực xây dựng và phát triển Thành phố. Dư nợ tập trung lớn ở vay nước ngoài, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Thành phố do rủi ro tỷ giá, lãi suất,...

- Tác động về mặt xã hội:

Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Tác động về vấn đề giới: không có sự tác động, phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Áp dụng chính sách nêu trên sẽ tạo điều kiện cho Thành phố huy động được thêm, đa dạng hơn nguồn lực đầu tư và chủ động điều hành; phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập trung giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối của Thành phố.

- Tác động về mặt xã hội: tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- Tác động về vấn đề giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Thành phố sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lựa chọn phương thức triển khai phù hợp về vay, đẩy mạnh khả năng hấp thụ - giải ngân vốn vay của Thành phố, phối hợp với Bộ Tài chính để có cách thức giao dự toán ngân sách nhà nước về vay của Thành phố phù hợp với đề xuất được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Cơ chế cho phép bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố

Cơ chế đã được quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14.

5.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo Luật Ngân sách Nhà nước (khoản 4 Điều 59):

“4. *Thuởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách:*

a) *Trường hợp ngân sách trung ương tăng thu so với dự toán từ các khoản*

thu phân chia giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách trung ương trích một phần theo tỷ lệ không quá 30% của số tăng thu thường cho các địa phương có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

Căn cứ vào mức thường do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng số thường vượt thu được hưởng để đầu tư xây dựng các chương trình, dự án kết cấu hạ tầng, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, thường cho ngân sách cấp dưới”.

Hiện nay, Thành phố đang áp dụng quy định các cơ chế về thường vượt thu theo khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh: “*Hàng năm, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; số bổ sung có mục tiêu không cao hơn số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước”.*

Qua thời gian thực hiện, Thành phố đã đạt được các kết quả như sau:

Hàng năm, Thành phố luôn phân đầu nuôi dưỡng nguồn thu để có thêm nguồn lực chi đầu tư phát triển từ số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và số tăng thu từ các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% theo quy định. Trên cơ sở kết quả thu ngân sách năm 2019, 2021, UBND Thành phố đã báo cáo Bộ Tài chính trình Chính phủ đề xuất Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố từ nguồn vượt thu ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố của năm 2019 và năm 2021, cụ thể:

Tại Công văn số 568/UBND-KT ngày 25 tháng 02 năm 2022, UBND Thành phố đề nghị Bộ Tài chính thường vượt thu và thực hiện bổ sung có mục tiêu từ nguồn vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố theo Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Nghị quyết số 54/2017/QH14 với tổng số tiền là 3.057.652 triệu đồng.

Tại Công văn số 6961/BTC-NSNN ngày 19 tháng 7 năm 2022 về thường vượt dự toán thu phân chia giữa NSTW và NSDP và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2021, Bộ Tài chính thông báo cho Ủy ban nhân dân Thành phố: “*Bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022 cho ngân sách địa phương số tiền 1.654 tỷ đồng*”. Trên cơ sở số bổ sung này, Thành phố đã nhanh chóng triển khai rà soát và bố trí cho các dự án đầu tư công của Thành phố theo quy định.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện nội dung định hướng tại nội dung số 6, mục III về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “*Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển*”.

Trong điều kiện tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương ngày càng tăng. Trong khi đó, nhu cầu chi đầu tư của Thành phố ngày càng tăng để cải thiện cơ sở hạ tầng, giải quyết ô nhiễm môi trường. Những vấn đề này nếu không sớm được giải quyết sẽ thành điểm nghẽn, ảnh hưởng cuộc sống người dân, sự phát triển kinh tế của Thành phố và cả nước.

Thành phố là địa phương luôn nỗ lực hoàn thành vượt bậc nhiệm vụ đóng góp vào thu ngân sách nhà nước các năm. Việc quy định cơ chế thưởng cho Thành phố cần được xem xét để phù hợp với Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị và cũng là điều kiện để Thành phố tái đầu tư cơ sở hạ tầng, phục vụ nhu cầu chính đáng của Nhân dân trên địa bàn và cũng là cách để Thành phố có thể đóng góp tiếp tục vào cân đối thu ngân sách nhà nước hằng năm.

5.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố sau khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 hết hiệu lực.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Thành phố chưa có thêm nguồn lực để đầu tư các cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển nền kinh tế của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

- Tác động về mặt xã hội:

Nhu cầu chi đầu tư của Thành phố ngày càng tăng để cải thiện cơ sở hạ tầng, giải quyết ô nhiễm môi trường. Những vấn đề này nếu không sớm được giải quyết sẽ thành điểm nghẽn, ảnh hưởng cuộc sống người dân, sự phát triển kinh tế của Thành phố và cả nước.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Với cơ chế thưởng vượt dự toán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân

sách, Thành phố dự kiến được tăng thêm nguồn lực để đầu tư các cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển nền kinh tế của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung. Trường hợp quy định cơ chế có ràng buộc điều kiện “*ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu*”, sẽ có khả năng Thành phố phấn đấu thu vượt chỉ tiêu được giao nhưng không được bổ sung đủ theo tính toán tại quy định này do còn phụ thuộc vào việc tăng thu của ngân sách trung ương.

- Tác động về mặt xã hội:

Chất lượng đời sống của người dân được cải thiện, nâng cao nhờ việc Thành phố có nguồn lực để đầu tư thêm các công trình hạ tầng, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, như: xây dựng đường vành đai 3; xây dựng đường cao tốc TP.HCM – Mộc Bài; xây dựng cầu Cần Giờ; nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm,...

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

6. Cơ chế cho phép Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán nhằm khắc phục bất cập của mô hình chính quyền đô thị khi các quận không còn là cấp ngân sách

6.1. Xác định vấn đề bất cập:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 trở về trước, Ủy ban nhân dân quận là một cấp chính quyền địa phương do có tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (quy định tại Điều 4 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương), do đó theo quy định tại Điều 6 Luật Ngân sách nhà nước: “*ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương*”, Ủy ban nhân dân Quận là một cấp ngân sách, có các nguồn lực như dự phòng, chi khác và cả nguồn kết dư để chủ động quản lý, điều hành kinh tế - xã hội của quận.

Khi thực hiện chính quyền đô thị được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 131/2020/QH14, Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của **đơn vị dự toán ngân sách** trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01

tháng 7 năm 2021 (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 131/2020/QH14). Khi đó, nguồn lực của quận phụ thuộc vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bố trí, cơ quan tài chính cùng cấp với Ủy ban nhân dân quận không còn là Phòng Tài chính – Kế hoạch quận.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân quận không còn quyền điều hành cân đối ngân sách, mà chỉ được điều hành trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được giao. Quy định này chưa đáp ứng với yêu cầu tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Với đặc thù quản lý địa bàn dân cư, việc quản lý cần dựa trên các thông tin, chỉ tiêu, trong đó có chỉ tiêu thu, chi ngân sách trên địa bàn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể quyết định, có đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện quyết định của mình. Thực tiễn hoạt động hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu đó, do nguồn lực ngân sách được chuyển về cấp Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chưa thể thực hiện đầy đủ quyền điều hành (trong đó, có việc cân đối thu, chi, bố trí, quyết định phân bổ dự toán ngân sách) như dự kiến khi thực hiện mô hình. Hơn nữa, địa bàn quận của Thành phố rộng với mật độ dân cư đông đúc, thường phát sinh rất nhiều nhiệm vụ chi đột xuất không thể dự kiến đầy đủ khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Việc tiếp tục áp dụng theo đúng quy định về đơn vị dự toán như hiện nay đã bộc lộ một số vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chưa thể kịp thời trong công tác điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cũng như gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng về quốc phòng, an ninh, phòng, chống, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm trên địa bàn.

Để giải quyết về nhu cầu kinh phí quản lý, điều hành địa bàn của các quận, trong năm 2022 và 2023, Thành phố có bố trí cho các Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh khoản dự toán kinh phí phục vụ nhiệm vụ điều hành kinh tế – xã hội trên địa bàn của quận. Tuy nhiên về mặt thẩm quyền thì việc bố trí dự toán, điều chỉnh dự toán sử dụng giữa các lĩnh vực trong điều hành vẫn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, chưa thật sự tạo sự chủ động, tự chịu trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân quận. Những vấn đề nêu trên chưa đáp ứng mục tiêu đặt ra khi tổ chức chính quyền đô thị trên địa bàn Thành phố, chưa tạo được sự chủ động trong quản lý, điều hành của quận và gia tăng áp lực cho Thành phố về khối lượng công việc và khó đảm bảo thời gian thực hiện các nhiệm vụ tham mưu quan trọng của Thành phố Hồ Chí Minh.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề ra chủ trương “*thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính*

quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Mô hình chính quyền đô thị đề cao thẩm quyền, trách nhiệm của chủ tịch ủy ban nhân dân quận với tư cách là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; bảo đảm tính chủ động, độc lập của chính quyền đô thị trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; bảo đảm điều kiện về ngân sách và nguồn nhân lực các địa phương khi phân cấp, phân quyền trong quản lý đô thị; bảo đảm sự thông suốt, nhanh và hiệu quả, giảm bớt tổ chức trung gian, hướng tới chính quyền đô thị một cấp thống nhất. Khi đó, nếu được quy định phát huy quyền quản lý, điều hành nguồn tài chính nhất định thì sẽ chủ động, hiệu quả hơn trong hoạt động.

6.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: cho phép Dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác mà chưa được dự toán nhằm khắc phục bất cập của mô hình chính quyền đô thị khi các quận không còn là cấp ngân sách.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** áp lực xử lý, giải quyết các nội dung lớn nhưng không được giao thẩm quyền quản lý tài chính – ngân sách nên chưa bảo đảm việc chủ động thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao dẫn đến ảnh hưởng tiến độ xử lý các nội dung, chế độ trên địa bàn quận và có thể ảnh hưởng đến cơ hội phát triển của đơn vị.

- **Tác động về mặt xã hội:** việc chưa giao thẩm quyền quản lý, điều hành tài chính – ngân sách cho quận sẽ ảnh hưởng đến tâm tư của một bộ phận quản lý tài chính – ngân sách ở địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết công việc, phục vụ nhân dân, các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, ảnh hưởng đến mục đích tổ chức chính quyền đô thị.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** khi không được giao quyền quản lý, điều hành tài chính – ngân sách, các quận phải báo cáo, đề xuất cấp Thành phố xem xét, giải quyết và có thể không kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý địa bàn của quận.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** chưa thể thực hiện mô hình chính

quyền đô thị hiệu lực, hiệu quả.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** việc giao thẩm quyền quản lý tài chính – ngân sách góp phần tạo sự chủ động, dám nghĩ, dám làm của quận trong quản lý, điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn, giúp người đứng đầu ủy ban nhân dân quận có những quyết định nhanh chóng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- **Tác động về mặt xã hội:** giải quyết được yêu cầu quản lý điều hành địa bàn quận. Giảm bớt áp lực cho cấp Thành phố.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** giảm bớt áp lực về các quy trình, thủ tục về quản lý tài chính – ngân sách ở cấp Thành phố.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** tạo tiền đề cơ sở thực tiễn về xây dựng dự toán, điều hành dự toán khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố với các quận quản lý mật độ dân cư đông đúc. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách nêu trên quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

- Nếu được thông qua cơ chế, chính sách nêu trên, Thành phố triển khai rà soát để bố trí cho Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh khoản dự toán kinh phí phục vụ nhiệm vụ điều hành kinh tế – xã hội trên địa bàn của quận phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của quận.

7. Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng; hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết

7.1. Về đề xuất sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng:

7.1.1. Xác định vấn đề:

Theo khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015:

“Điều 36. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các dự án, bao gồm cả các dự án có tính chất liên vùng, khu vực của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung

ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này”.

Về nguyên tắc phân cấp ngân sách nhà nước, tại Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định:

“3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

...”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội đã khẳng định chủ trương: *“Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư; các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc”.* Việc được đầu tư cơ sở hạ tầng có tính chất vùng, liên vùng tại các địa phương để góp phần tăng cường thương mại giữa các địa phương trong cả nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông cần được quan tâm đầu tư, giúp cải thiện đáng kể sự kết nối giữa các tỉnh trong vùng và giữa vùng với cả nước để cùng tạo ra cơ hội cho các địa phương có sự phát triển bứt phá về kinh tế - xã hội, đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước. Do đó, Đại hội XIII định hướng phát triển vùng theo hướng: *“Khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới...”.* Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, liên kết phát triển vùng là một nhiệm vụ trọng tâm trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng này đã và đang được Trung ương quan tâm, chỉ đạo sát sao: trong năm 2022, lần đầu tiên Bộ Chính trị đã ban hành 6 Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 Vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm: Trung du, miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng. Ngày 7/10/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đặt mục tiêu đến năm 2030, Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước. Cũng theo Nghị quyết số 31-NQ/TW, Bộ Chính trị đã nêu nhiệm vụ, giải pháp như sau: *“- Chủ động thúc đẩy liên kết vùng, phát huy vai trò nòng cốt, đầu tàu của Thành phố trong liên kết phát triển nhằm thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động lực, không gian phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực, địa phương trong cả nước”.*

Hiện nay, nhu cầu đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng tại khu vực

là rất lớn, góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn... Trong đó, có các dự án trọng điểm như: dự án Xây dựng đường cao tốc TPHCM - Mộc Bài, dự Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương – Bến Cát (CRUS1), dự án Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn (CRUS2), 02 dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, 02 dự án thuộc đường Vành đai 2 Thành phố Hồ Chí Minh; dự án Trồng cây xanh cách ly và tạo quỹ đất dự trữ phát triển khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, huyện Củ Chi; dự án Đầu tư hạ tầng, trường học, công viên cây xanh trong phạm vi Nghĩa trang Bình Hưng Hòa - giai đoạn 3...

7.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Thực hiện định hướng nêu trên, Thành phố đề xuất Trung ương xem xét, có cơ chế cho phép Thành phố cân đối, sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng.

Để thực hiện nhiệm vụ này, thực hiện phương châm: “*Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh*”, Thành phố cũng đề xuất Trung ương xem xét, phân cấp thêm nguồn thu, ưu tiên bổ sung thêm định mức chi cho Thành phố khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước; kết hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của Thành phố để Thành phố có đủ khả năng bảo đảm chủ động thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng.

7.1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: thực hiện theo quy định.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình quan trọng có tính chất vùng, liên vùng.

7.1.4 Phân tích các giải pháp:

a) Giải pháp 1: Không có đóng góp cho sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng, liên vùng.

b) Giải pháp 2: Với nguồn lực được bổ sung thêm và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố, Thành phố sẽ phối hợp với các địa phương triển khai đầu tư các dự án có tính chất vùng, liên vùng, góp phần giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế qua việc giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu) thoát khỏi tắc nghẽn...

- Tác động về kinh tế:

Áp dụng chính sách nêu trên vừa giúp giải quyết bài toán đầu tư các dự án có

tính chất vùng, liên vùng thông qua cơ chế Trung ương phân cấp thêm nguồn thu, kết hợp với cân đối của ngân sách Thành phố để có nguồn lực đáp ứng nhu cầu, giải quyết “điểm nghẽn” về cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông kết nối, một số dự án về môi trường,... của Thành phố với các địa phương trong vùng, cũng như liên vùng.

- **Tác động về mặt xã hội:** tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án ... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có liên quan.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không có.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

7.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

7.2. Về sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết:

7.2.1 Đặt vấn đề:

Theo khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015:

“9. Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

a) Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng”.

Trong quá trình thực hiện, có phát sinh một số trường hợp cần thiết phải hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác; chẳng hạn: các địa phương có đóng góp, các địa phương là nơi có ý nghĩa lớn trong cách mạng Việt Nam (Pác Bó, Cao Bằng, Nghệ An, Hậu Giang, Trà Vinh, Hòa Bình,

Điện Biên, Bến Tre, Đồng Tháp,...) là vùng căn cứ kháng chiến cũ của Khu ủy Sài Gòn – Gia Định bị thiệt hại nhiều trong kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước có đề nghị Thành phố hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa, một số công trình tưởng niệm trên địa bàn, hỗ trợ về cải tạo, mở rộng trường học,...; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, công trình ở nước ngoài có ý nghĩa về mặt đối ngoại, chính trị, thắt chặt tình cảm, mối quan hệ lâu dài với một số địa phương tại một số nước như Campuchia, Lào, Cuba, Nga,...như: như hỗ trợ đúc tượng Bác, tu bổ công viên Bác Hồ,...; duy trì quan hệ hợp tác trên một số lĩnh vực, duy trì quan hệ đối tác; hỗ trợ một số địa phương là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, đặc biệt khó khăn trong cuộc sống.

7.2.2. Mục tiêu giải quyết:

Thành phố đề xuất có cơ chế: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác trong các trường hợp cần thiết. Đối tượng hỗ trợ, nội dung hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

7.2.3. Các giải pháp giải quyết:

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo quy định.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để hỗ trợ các địa phương khác trong các trường hợp cần thiết.

7.2.4. Phân tích các giải pháp:

a) Giải pháp 1: Chưa thể thực hiện một cách toàn diện phương châm “Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh”.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Áp dụng cơ chế nêu trên giúp thúc đẩy, tạo tiền đề cho các địa phương có khả năng cân đối ngân sách hợp tác, hỗ trợ các địa phương khác để từ đó phát triển hơn về kinh tế – xã hội.

- Tác động về mặt xã hội: thể hiện tinh thần tương thân, tương ái.

- Tác động về vấn đề giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

7.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

8. Một số cơ chế về hoạt động của Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC): bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC, lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố

8.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính, “*Quỹ đầu tư phát triển địa phương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương*”.

Tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định 147/2020/NĐ-CP quy định nội dung tổ chức thực hiện áp dụng đối với HFIC:

“1. Đối với HFIC:

a) *Hoạt động huy động vốn của HFIC thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định này; riêng đối với phát hành trái phiếu và hình thức huy động khác (gồm cả vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ) thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Tổng mức vốn huy động của HFIC áp dụng như đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định này.*

b) *Hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn.*

c) *Đối với các hoạt động khác, HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và pháp luật có liên quan.*

d) *HFIC thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này; Bộ Tài chính hướng dẫn quy định tại điểm này.”*

Như vậy HFIC thực hiện chức năng, nhiệm vụ của **Quỹ đầu tư phát triển địa**

phương là một quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập, *hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn*, là cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định áp dụng đối với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương; và phải đảm bảo các quy định của ***Doanh nghiệp nhà nước***. Do đó, HFIC không phát huy được toàn diện các chính sách được quy định cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương cũng như của doanh nghiệp nhà nước.

Ngoài ra, sự thay đổi của khung pháp lý liên quan đến việc huy động vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài ảnh hưởng đến HFIC trong việc thực hiện nhiệm vụ huy động theo chức năng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để tài trợ cho các dự án đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố mà HFIC đã làm rất tốt, có hiệu quả trong thời gian qua.

8.1.1. Về cơ chế tăng vốn điều lệ của HFIC

a) Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, nguồn thu từ cổ phần hóa ngân sách địa phương được hưởng 100%, căn cứ Khoản 1 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015, ngân sách địa phương được chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính của địa phương theo quy định.

Theo đó, nhằm phát huy hơn nữa vai trò của HFIC là công cụ tài chính của Thành phố để huy động các nguồn vốn xã hội theo hình thức tự vay tự trả không làm phát sinh tăng nợ của ngân sách Thành phố, việc bổ sung nguồn thu cổ phần hóa để tăng vốn cho HFIC góp phần tập trung nguồn lực, tăng cường năng lực tài chính của HFIC để tạo vốn đối ứng nhằm thu hút nhiều hơn nữa các nguồn lực xã hội đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng đô thị của Thành phố trong thời gian tới.

Đồng thời với cơ chế đầu tư “vốn môi”, HFIC tiếp tục phát huy vai trò là cánh tay nối dài của ngân sách Thành phố, thu hút thêm các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để tài trợ, đầu tư trực tiếp hoặc hợp tác với khu vực tư nhân để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm và dự án thuộc các lĩnh vực an sinh xã hội của Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho HFIC; quyết định việc HFIC được giữ lại lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Hiện nay, các Quỹ đầu tư phát triển địa phương được giữ lại toàn bộ phần chênh lệch thu chi (sau khi nộp thuế, nộp ngân sách và phân phối các quỹ) để bổ

sung vốn điều lệ (Điểm đ khoản 4 Điều 34 Nghị định 147/2020/NĐ-CP của Chính phủ). Tuy nhiên, HFIC phải thực hiện theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước (Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp) là nộp ngân sách toàn bộ phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế, nộp ngân sách và trích lập các quỹ. Do đó, HFIC gặp khó khăn trong việc bổ sung nguồn vốn hoạt động để có thêm nguồn lực nhằm tài trợ cho các dự án phát triển hạ tầng - kỹ thuật, kinh tế - xã hội của Thành phố.

Ngoài ra, theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, mức điều chỉnh tăng vốn điều lệ được Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh quyết định sau khi có sự phê duyệt chủ trương của Thủ tướng chính phủ (Điều 9 Nghị định 91/2015/NĐ-CP), trong khi việc tăng vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh xem xét, quyết định (Điều 35 Nghị định 147/2020/NĐ-CP).

Vì vậy, kiến nghị cơ chế đầu tư bổ sung vốn điều lệ và nguồn bổ sung vốn điều lệ cho HFIC được thực hiện tương tự các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác là HFIC được giữ lại lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển HFIC để bổ sung vốn điều lệ của Công ty; và Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho HFIC.

8.1.2. Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố

a) Về các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên phát triển của Thành phố

Sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có vai trò quan trọng trong việc cung cấp sản phẩm có thiết kế sáng tạo, tính ưu việt và cũng là nguồn nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp công nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh. Đặc biệt, Thành phố Hồ Chí Minh có dân số lớn nhất cả nước, nhưng sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ với chất lượng cao vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển công nghiệp công nghệ cao. Hiện các doanh nghiệp vẫn phải tiến hành nhập khẩu các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ mặc dù rất nhiều các sản phẩm này doanh nghiệp Thành phố có thể sản xuất được.

Trong bất cứ hình thức đầu tư nào thì vốn luôn là ưu tiên hàng đầu, lĩnh vực bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ cũng không ngoại lệ. Nhiều doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có phương án sản xuất tốt, có kỹ thuật giỏi nhưng thiếu vốn, thiếu mặt bằng cũng không

thể mở rộng sản xuất, không đạt năng suất mong muốn. Đặc biệt, đối với Thành phố Hồ Chí Minh, với định hướng phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ với công nghệ cao, công nghệ sinh học chất lượng cao thì nhu cầu về vốn đầu tư sản xuất rất lớn. Do đó, nhu cầu vay vốn để đầu tư, mở rộng sản xuất là nhu cầu tất yếu, khách quan của các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa không có tài sản tích lũy, chưa mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất. Để phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố thì việc đưa các cơ chế chính sách phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ để kích cầu đầu tư là hết sức cần thiết.

Vì vậy, phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá các sản phẩm của doanh nghiệp FDI thông qua việc hỗ trợ lãi suất vốn vay từ nguồn vốn vay tín dụng của doanh nghiệp nhằm kích cầu đầu tư đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Từ những bất cập tổng quan trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, đồng thời để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là phát triển nhóm sản phẩm chủ lực của Thành phố, tăng cường liên kết sản xuất trong giai đoạn tới, cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung nội dung chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong đó xác định những vấn đề bất cập, cụ thể như:

+ Cần có cơ chế chính sách hỗ trợ ưu tiên cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân, cá nhân đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành nghề nông thôn đặc trưng của thành phố;

+ Cần có cơ chế hỗ trợ ưu tiên đối với hộ dân là thành viên của hợp tác xã nhằm khuyến khích nông dân tham gia và trở thành thành viên hợp tác xã, phát triển hợp tác xã;

+ Cần có cơ chế hỗ trợ ưu tiên đối với các doanh nghiệp tham gia liên kết với hợp tác xã trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Theo quy định của Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp chống Trợ cấp (SCM) thì việc hỗ trợ lãi vay từ ngân sách Nhà nước cho các dự án không vi phạm cam kết của Việt Nam đối với WTO nhưng có thể bị kiện do thuộc dạng trợ cấp đèn vàng nếu trường hợp các nước khác chứng minh được thiệt hại do trợ cấp gây ra cho doanh nghiệp của họ.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi vay cho các dự án dự kiến phát sinh mới phát sinh khoảng 3.400 tỷ đồng.

b) Nhằm tạo cơ chế thu hút các nhà đầu tư vào các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên phát triển của Thành phố, mang lại giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố thông qua việc hỗ trợ một phần lãi vay có thời hạn.

Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 1 **Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015** và các quy định tại **Điều 30 Luật NS nhà nước, Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP** ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của Ngân sách địa phương bao gồm “*c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật*”.

Do đó để đảm bảo chặt chẽ pháp lý trong thực hiện, kiến nghị nội dung quy định cho phép Thành phố được bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tạo điều kiện phát huy vai trò huy động vốn của HFIC, củng cố tiềm lực tài chính nhằm tạo bước đột phá về huy động vốn cho phát triển hạ tầng của Thành phố đối với các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Với mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng, khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ cũng như tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển đầu tư đổi mới công nghệ trên địa bàn Thành phố như trên thì việc ban hành quy định hỗ trợ một phần lãi suất lãi vốn vay nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư là hết sức cần thiết. Việc hỗ trợ lãi vay thông qua HFIC cho các tổ chức, cá nhân thông qua nguồn vốn vay tín dụng cần đáp ứng các mục tiêu sau:

- Hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm vào các hạng mục đầu tư sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao, tác động lớn đến quyết định đầu tư, sản xuất của chủ đầu tư.

- Đầu tư sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu và công nghiệp hỗ trợ có khả năng cạnh tranh cao, năng lực sản xuất lớn, có tiềm năng thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích hộ nông dân Thành phố chuyển đổi sản xuất phù hợp với quá trình phát triển nông nghiệp đô thị của Thành phố.

8.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố, cho HFIC mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Một số cơ chế về hoạt động của Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC): bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC, lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ, Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn Thành phố.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế - xã hội:** Hạn chế cơ hội tiếp cận các nguồn vốn vay với chi phí vốn thấp của HFIC để cho vay và đầu tư các chương trình, dự án theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; không phát huy được hết vai trò Quỹ đầu tư phát triển địa phương của HFIC.

- **Tác động về vấn đề giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Năm 2019 Luật Đầu tư công mới được ban hành, thay thế Luật Đầu tư công năm 2004; theo đó quy định cụ thể về đối tượng đầu tư công:

“Điều 5. Đối tượng đầu tư công

...

6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; **hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.**

Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng quy định tại khoản này.”

- Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

“Điều 43. Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định chính sách, bao gồm cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công cho các đối tượng thuộc chính sách.”

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Công văn số 4279/UBND-DA gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hỗ trợ có ý kiến hướng dẫn về bố trí nguồn vốn ngân sách Thành phố cho Chương trình kích cầu đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến tại Công văn số 2736/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26 tháng 4 năm 2022 như sau: Việc bố trí vốn ngân sách Thành phố cho Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố giai đoạn 2021 – 2025 **không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công.**

Nguồn vốn ngân sách Thành phố bố trí hỗ trợ lãi vay được thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, không thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Tạo cơ chế thu hút thêm nguồn vốn có tính chất ưu đãi ngoài vốn ngân sách để tài trợ cho các dự án đầu tư trên địa bàn TP.HCM, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của TP.

+ HFIC với vai trò tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có thêm nguồn lực tài chính để tạo đòn bẩy tiếp tục huy động thêm các nguồn vốn xã hội khác phục vụ tài trợ các dự án đầu tư hạ tầng KT-XH theo các chương trình mục tiêu, kế hoạch phát triển hạ tầng của Thành phố. Trong giai đoạn 2010 - 2020, HFIC cho vay **215 dự án** thuộc các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền cam kết cho vay là **15.875 tỷ đồng**. Tính trên tổng nhu cầu vốn đầu tư của **215 dự án (ước tính khoảng 38.484 tỷ đồng)** thì phần vốn tham gia của HFIC chiếm tỷ lệ 41%, tức **1 đồng** vốn tham gia của HFIC có thể huy động được thêm **1,4 đồng** vốn của xã hội để đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng phát triển đô thị của Thành phố.

Do đó, giải pháp này sẽ tạo điều kiện góp phần hỗ trợ Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động trong cân đối các nguồn lực và tận dụng, phát huy được các công cụ hỗ trợ việc huy động vốn ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án theo mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong từng thời kỳ thông qua định chế tài chính trung gian như HFIC - trong vai trò là quỹ tài chính ngoài ngân sách, thực hiện huy động các nguồn vốn để tài trợ các dự án, chương trình thuộc kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tiếp tục khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu; công nghiệp hỗ trợ và nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố, thông qua các phương án đầu tư sản xuất được hỗ trợ lãi vay tạo thêm việc làm cho lao động, tăng giá trị và thu nhập trong sản xuất các sản phẩm thuộc bốn ngành công nghiệp trọng yếu; công nghiệp hỗ trợ và nông nghiệp đô thị.

+ Khuyến khích nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần khuyến khích hộ nông dân Thành phố chuyển đổi sản xuất phù hợp với quá trình phát triển nông nghiệp đô thị của Thành phố, chuyển từ các loại cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế thấp sang các loại cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Đặc biệt, khuyến khích hộ nông dân tham gia liên kết, trở thành thành viên hợp tác xã; khuyến khích hợp tác xã liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, kết nối sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và hợp tác xã. Tạo động lực cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân, cá nhân đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực, ngành nghề nông thôn đặc trưng của Thành phố.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Thành phố có thêm nguồn lực để phát triển các công trình hạ tầng phục vụ an sinh xã hội (như bệnh viện, trường học, các dự án cấp nước, xử lý rác thải...), góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố.

+ Thúc đẩy nâng cao giá trị sản lượng và chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, cung ứng nhu cầu tiêu dùng cho người dân thành phố; đẩy mạnh phát triển các nghề truyền thống, nâng cao thu nhập cho lao động ngoại thành, góp phần vào thực hiện mục tiêu chuyển dịch nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại của Thành phố.

+ Thông qua các phương án sản xuất được hỗ trợ lãi vay tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn, tăng giá trị sản xuất và thu nhập của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

- Tác động về vấn đề giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định ngoài các quy định tại Điều 33 Luật Quản lý Nợ công 2017; Điều 174, 175 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị định 147/2020/NĐ-CP và các quy định hướng dẫn liên quan khác nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết theo quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Điểm b Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 1 **Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước 2015** và các quy định tại **Điều 30** Luật NS nhà nước, **Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP** ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của Ngân sách địa phương bao gồm “c) *Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật*”.

Do đó để đảm bảo chặt chẽ pháp lý trong thực hiện, kiến nghị nội dung quy định cho phép Thành phố được bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ban hành chính sách về chương trình kích cầu đầu tư để giao HFIC hỗ trợ lãi vay cho các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

9. Cơ chế cho phép Thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phục vụ công tác duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động

9.1. Xác định vấn đề bất cập:

Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 của Bộ Tài chính về quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó: Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là khoản tiền do các doanh nghiệp thuê đất tại KCN, KCX đóng góp, để vận hành, duy tu và tái tạo cơ sở hạ tầng KCN, KCX tại Thành phố Hồ Chí Minh. Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng do các doanh nghiệp thuê đất nộp cho Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN theo mức thỏa thuận tại hợp đồng thuê đất. Do đặc thù riêng nên mỗi KCX, KCN có mức thu và hình thức thu phí duy tu khác nhau. Toàn bộ nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng được các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN đưa vào tài khoản ngân hàng riêng, theo dõi và hạch toán riêng với các khoản doanh thu hoạt động khác và chỉ để phục vụ cho công tác công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng. **Phí duy tu được quản lý riêng theo cơ chế chuyên thu, chuyên chi và không coi là doanh thu của công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng.**

Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC ngày 25/6/2008 của Bộ Tài chính về ban hành Quy chế tự chủ kinh phí hoạt động của Ban Quản lý. Theo đó, hàng năm, các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN trích nộp về Ban Quản lý theo tỷ lệ % nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng. Đây là nguồn thu chủ yếu của Ban Quản lý và là cơ sở để Ban Quản lý thực hiện chế độ tự chủ tài chính mà không sử dụng ngân sách nhà nước.

9.2. Về thực trạng:

Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các KCN, KCX do các doanh nghiệp sử dụng hạ tầng các KCN, KCX thỏa thuận nộp cho doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng các KCN, KCX nhằm bảo trì, duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các KCN, KCX tại Thành phố Hồ Chí Minh là một chính sách đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2008, thực hiện Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng tại các khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đã tạo được nguồn kinh phí ổn định và lâu dài để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng; phục vụ các doanh nghiệp một cách kịp thời, hữu hiệu; hoàn thiện môi trường kinh doanh; giúp các doanh nghiệp trong khu mở rộng chức năng, phát triển về qui mô và ngành nghề sản xuất. Tổng nguồn thu phí duy tu của doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2021 là 2.691,62 tỷ đồng, trung bình mỗi năm thu được là 192,26 tỷ đồng/năm. Tình hình sử dụng phí duy tu tại các KCX, KCN tăng qua các năm, năm sau thường cao hơn năm trước, do cơ sở hạ tầng qua thời gian sử dụng ngày càng xuống cấp, nhu cầu duy tu, tái tạo ngày càng tăng, nguồn tích lũy phát huy tác dụng trong việc cần sửa chữa lớn, trang bị lại các tài sản, phương tiện, thiết bị đã hao mòn theo thời gian.

Cơ chế tài chính của Ban Quản lý dùng để chi hoạt động thường xuyên hàng năm được quy định tại Quyết định 42/2008/QĐ-BTC. Theo đó, hàng năm, các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng KCX, KCN trích nộp về Ban Quản lý theo tỷ lệ % nguồn thu phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng. Đây là nguồn thu chủ yếu của Ban Quản lý và là cơ sở để Ban Quản lý thực hiện chế độ tự chủ tài chính.

Nếu tiền sử dụng dịch vụ hạ tầng trong KCN, KCX theo quy định pháp luật về giá sẽ dẫn đến các bất cập sau:

- Làm thay đổi bản chất thu và sử dụng phí. Các khoản thu và sử dụng phí duy tu tại KCX, KCN sẽ được công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng hạch toán vào doanh thu, chi phí, kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận hàng năm. Trong khi, cơ sở hạ tầng qua thời gian sử dụng ngày càng xuống cấp, nhu cầu duy tu, tái tạo ngày càng tăng. Nguồn kinh phí để thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phải lệ thuộc vào tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng, khó có thể đáp ứng kịp thời, hữu hiệu, đảm bảo cơ sở hạ tầng luôn trong tình trạng tốt phục vụ các nhà đầu tư. Trong trường hợp phải tái tạo lại các hạng mục hạ tầng, Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng sẽ không có nguồn để thực hiện. Trường hợp, Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng vì lý do nào đó không tồn tại, sẽ không còn đơn vị nào chịu trách nhiệm thực hiện việc duy tu hàng triệu m² đường giao thông, hàng chục nghìn mét đường ống cấp nước, thoát nước, hàng trăm trạm hạ thế cùng hệ thống chiếu sáng, để phục vụ nhà đầu tư, khi đó để đảm bảo sự vận hành bình thường của các KCX, KCN Nhà nước có thể phải thực hiện công việc này và sẽ gây gánh nặng cho ngân sách.

- Làm thay đổi phương thức tính toán số thu: Tại KCX Tân Thuận, công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng đang áp dụng thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng theo kim ngạch

xuất khẩu và Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp cùng phối hợp với công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng để tính số thu phí duy tu hàng tháng. Nếu chuyển sang áp dụng thu phí duy tu theo quy định pháp luật về giá, công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng không thể tính và kiểm soát số liệu về kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp. Do đó, buộc công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng phải thay đổi phương thức thu tiền khác, dựa trên tổng tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng hoặc một chỉ tiêu khác. Điều này sẽ làm mất ổn định môi trường kinh doanh tại KCX khi xuất hiện tình huống doanh nghiệp trước đây nộp phí ít thì nay phải nộp nhiều hơn và ngược lại. Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng phải thỏa thuận lại với từng doanh nghiệp trong KCX (đa số là doanh nghiệp nước ngoài), việc này trước đây phải mất rất nhiều thời gian, công sức để đạt được sự đồng thuận như hiện nay. Nhất là, thu phí duy tu theo tổng tiền thuê đất đã có cơ sở hạ tầng sẽ không đủ kinh phí để duy trì tình trạng hạ tầng tốt như hiện nay.

- Làm thay đổi cơ bản cơ chế của nguồn kinh phí hoạt động đối với Ban Quản lý, vừa tạo thêm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, vừa không còn tạo cơ chế tự chủ cho Ban Quản lý: Kinh phí hoạt động hiện nay của Ban Quản lý chủ yếu là phí duy tu được trích nộp từ các Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng. Nếu thay đổi sang thực hiện thu tiền sử dụng hạ tầng theo quy định về giá, các công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng không có cơ sở để trích nộp cho Ban Quản lý. Khi đó, ngân sách Nhà nước phải cấp kinh phí để Ban Quản lý hoạt động (khoảng 22 tỷ đồng/năm). Điều này vừa tạo thêm áp lực cho ngân sách Nhà nước, vừa đi ngược với chủ trương của Nhà nước trong việc đổi mới tài chính công, tăng cường tự chủ về tài chính đối với các cơ quan hành chính Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước tại những địa bàn đủ điều kiện về nguồn thu và khó thu hút được nhân tài phục vụ lâu dài tại Ban Quản lý.

Từ thực tiễn cần phải duy trì cơ chế đặc thù riêng về nguồn kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý, ngày 10 tháng 01 năm 2023, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 81/UBND-KT gửi Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC, trong đó có nội dung *“Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang dự thảo báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thi điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh và sẽ trình Quốc hội nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết này. Vì vậy, trên cơ sở thống nhất giữa Bộ Tài chính và Ủy Ban nhân dân thành phố tại cuộc họp ngày 10 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố đã bổ sung nội dung “quy chế thu và sử dụng khoản kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố và*

ơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa nội dung của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC” vào dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 54/2017/QH14.”

9.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tiếp tục thực hiện theo cơ chế tài chính thu và sử dụng khoản kinh phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố và cơ chế tự chủ tài chính của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa nội dung của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC và Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

9.4. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cho phép Thành phố ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phục vụ công tác duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động.

9.5. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng. Phát huy tối hiệu quả sử dụng và tăng thêm sự bền vững của các công trình cơ sở hạ tầng, góp phần kéo dài tuổi thọ của công trình, tổ chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của các nhà đầu tư trong khu.

- **Tác động về mặt xã hội:** Đảm bảo tính kế thừa, không phát sinh các tranh chấp với các nhà đầu tư (nhất là các doanh nghiệp FDI) khi Công ty kinh doanh hạ tầng phải thỏa thuận lại với nhà đầu tư theo cơ chế giá, tránh ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của Thành phố. Công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thực hiện một cách kịp thời, hữu hiệu, hoàn thiện môi trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư trong các KCX, KCN trên địa bàn Thành phố. Tăng khả năng cung cấp dịch vụ, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải, bảo đảm chất lượng công trình và sử dụng an toàn, thông suốt, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giảm các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Giảm thủ tục hành chính liên quan VAT vì khoản thu này không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nộp

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: cơ chế đề xuất nêu trên chưa có quy định tại Luật Giá, Luật Phí, lệ phí và các văn bản có liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”. (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

9.6. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

III. Cơ chế, chính sách về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường

Trong lĩnh vực Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường, đề xuất 16 nội dung. Trong đó, tiếp tục đề xuất một số nội dung đã được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Chính sách cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500ha

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có “*Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên...*”.

Từ khi có Nghị quyết 54/2017/QH14 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố có thể chủ động trình Danh mục dự án có sử dụng lúa trên 10ha cùng thời điểm trình các Danh mục thu hồi đất, dự án sử dụng lúa dưới 10ha vào kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân thành phố (trước năm kế hoạch) trước khi duyệt Kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ngay sau khi kế hoạch sử dụng đất được duyệt, có thể thực hiện các bước thủ tục về đất đai, tiết kiệm được thời gian và đảm bảo việc đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.

Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, theo đó, tại khoản 2 Điều 30 đã có quy định về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất lúa như sau:

“Điều 30. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội

Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

2. Dự án đầu tư có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên;

Quy định trên đã xác định mức trần trong thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa của Thủ tướng Chính phủ là dưới 500ha.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Như vậy, việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố⁵⁰.

1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề:

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

Giải pháp 2: Chính sách cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500ha

1.4. Đánh giá:

Việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nêu trên là phù hợp và mang tính kế thừa.

- Phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cơ chế phân cấp cho chính quyền địa phương chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng đất trồng lúa;

- Giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

⁵⁰ (1) Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 28 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1.722,99 ha; (2) Nghị quyết 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 03 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 67,27 ha; (3) Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 01 dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 53,53 ha; (4) Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; (5) Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 hủy bỏ các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

Đề cao vai trò chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của chính quyền địa phương được phân cấp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính Trung ương đến cơ sở.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và rút gọn các bước lập quy hoạch nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Về thời hạn và quy trình rà soát:

Theo khoản 1 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị và khoản 1 Điều 15 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về rà soát quy hoạch đô thị và rà soát quy hoạch xây dựng, thời hạn rà soát định kỳ theo quy định là 05 năm kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.

Theo khoản 3, khoản 4 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị và khoản 3 Điều 15 Luật Xây dựng, kết quả rà soát phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

- Về quy hoạch chung đô thị:

+ Cơ quan thẩm định:

Theo khoản 2 Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị (được sửa đổi bởi khoản 10 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị quy định

“Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị có thẩm quyền quy định tại Điều 41 của Luật này thẩm định về các căn cứ, điều kiện và nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch”.

Theo khoản 1 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị về cơ quan thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị quy định:

“Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”.

+ Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Theo khoản 1 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị (được sửa đổi bởi Khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị sau đây:

“Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên”; “Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị của thành phố trực thuộc trung ương là đô thị loại đặc biệt” và “Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử của quốc gia theo quy định của Chính phủ”.

Theo khoản 3 Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị (được sửa đổi bởi khoản 10 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị quy định:

“Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.”

- Về quy hoạch khu chức năng:

+ Cơ quan thẩm định:

Theo khoản 2 Điều 39 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 12 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng

“Cơ quan quản lý quy hoạch có thẩm quyền quy định tại Điều 32 của Luật này thẩm định về các căn cứ, điều kiện và nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch”.

Theo khoản 1 Điều 32 Luật Xây dựng về Thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng quy định:

“Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”.

+ Cơ quan phê duyệt:

Theo khoản 3 Điều 39 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 12 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về trình tự điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng:

“Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch xây dựng”.

Theo khoản 1 Điều 34 Luật Xây dựng (được sửa đổi bởi khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng sau:

“Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao” và “Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia”.

- Quy định này gây vướng mắc, khó khăn sau:

+ Về pháp lý: nội dung báo cáo, yêu cầu lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, các cơ quan liên quan, thời hạn phản hồi để đảm bảo đầy đủ cơ sở tổng hợp trong rà soát, thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chưa được quy định.

+ Về thực tiễn: việc quy định thời hạn định kỳ 05 năm trong công tác rà soát làm cơ sở để báo cáo xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và việc thông qua Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt không đáp ứng kịp thời trước những biến động về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, dân cư cũng như nắm bắt các đề xuất kiến nghị có cơ hội làm tăng tính khả thi và nguồn thu cho ngân sách Thành phố trong thực hiện quy hoạch.

+ Thực trạng Thành phố: qua quá trình quản lý chuyên tiếp giữa các đồ án quy hoạch xây dựng có nhiều yếu tố phát sinh như sai lệch giữa quy hoạch và thực tế hướng tuyến, ranh mốc quy hoạch; cải tiến công nghệ trong kỹ thuật xây dựng; biến đổi môi trường khí hậu; xu thế phát triển sau đại dịch ... cần xem xét điều chỉnh một số nội dung để kịp thời khắc phục các hạn chế và theo kịp nhu cầu đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên việc thực hiện theo quy trình hiện tại sẽ không đảm bảo về mặt thời gian, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý kỳ vọng của Nhà đầu tư trước các cơ hội và thời điểm quan trọng.

- Về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án nhà ở xã hội:

- Theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, quy định *“Việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư”.*

- Theo điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, quy định: *“..... Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất lên tối đa 1,5 lần so với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Việc tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất phải đảm bảo sự phù hợp với chỉ tiêu dân số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian, kiến trúc cảnh quan trong phạm vi đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đó phê duyệt điều chỉnh”.*

Theo quy định của Luật Đầu tư, Nhà nước chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án phù hợp với quy hoạch;

Tuy nhiên, các dự án nhà ở xã hội khi xác định chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo pháp luật về nhà ở xã hội nêu trên (tăng mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất lên tối đa 1,5 lần) đều dẫn đến chưa phù hợp với quy hoạch chi tiết và quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000. Điều này dẫn đến không thể thực hiện được thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư.

Trường hợp Nhà nước thực hiện điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 thì phải tổ chức lập và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, trong đó có việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư. Việc này sẽ kéo dài thời gian thực hiện thủ tục đầu tư nhà ở xã hội ít nhất từ 06 tháng đến 01 năm. Ngay cả khi việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 thực hiện xong, trường hợp nhà đầu tư (đã có quyền sử dụng đất ở hợp pháp) không đáp ứng các điều kiện khác còn lại theo Luật Đầu tư thì cũng không được Nhà nước chấp thuận chủ trương đầu tư. Khi đó, việc đã điều chỉnh quy hoạch phân khu trước sẽ không còn ý nghĩa do nhà đầu tư đang có quyền sử dụng đất ở lại không đáp ứng đủ điều kiện để lựa chọn được nhà đầu tư và Nhà nước không tìm được nhà đầu tư khác.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Đẩy mạnh phân cấp, trách nhiệm trong công tác quản lý quy hoạch; phát huy khả năng tự chủ trong việc giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính khả thi của quy hoạch, tăng hiệu quả đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện; khai thác tiềm năng sử dụng đất, tạo không gian phát triển mới; xây dựng hệ thống đô thị bền vững, hiện đại theo đúng nhiệm vụ *“Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại”* được giao tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đồng thời góp phần thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về 4 chương trình phát triển Thành phố 2020 - 2025/2030 chương trình đột phá đổi mới quản lý Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể là Chương trình đột phá đổi mới quản lý Thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu *“Công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải được rút ngắn thời gian, quy trình xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện thống nhất trong các cấp chính quyền toàn Thành phố”* trong đề án tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháo gỡ vướng mắc về trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư và thủ tục điều chỉnh quy hoạch phân khu theo pháp luật về quy hoạch đô thị. Theo đó sẽ đánh giá các điều kiện để nhà đầu tư được chấp

thuận chủ trương đầu tư với quy mô dự án được tính toán theo pháp luật về nhà ở xã hội, sau đó sẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết theo pháp luật về nhà ở xã hội.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và rút gọn các bước lập quy hoạch nhằm đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- **Tác động về kinh tế:** Đẩy nhanh quy trình và giảm thiểu chi phí phát sinh liên quan đến công tác điều chỉnh quy hoạch chung. Tạo hành lang pháp lý về quy hoạch nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước khai thác tốt quỹ đất hữu hạn, tuân thủ định hướng chiến lược phát triển chung, góp phần thực hiện nhiệm vụ nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tác động về mặt xã hội:

Chủ động khắc phục những sai sót về mặt kỹ thuật trong quá trình lập - quản lý chuyên tiếp quy hoạch, giải quyết quyền lợi chính đáng của người dân, kiến nghị hợp lý của doanh nghiệp hướng tới xây dựng chính quyền địa phương dám chịu trách nhiệm, gần gũi và sẵn sàng giúp đỡ nhân dân.

- Tác động về vấn đề giới:

Không gây tác động và ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Đề cao vai trò chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của chính quyền địa phương được phân cấp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của hệ thống hành chính Trung ương đến cơ sở.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

3. Chính sách thúc đẩy đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: rút gọn thủ tục về quy hoạch, việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư khi chưa có sự thống nhất giữa quy hoạch các cấp, việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Theo Điều 7 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy định Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị phải theo trình tự sau:

1. *Lập nhiệm vụ quy hoạch đô thị;*
2. *Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị;*
3. *Lập đồ án quy hoạch đô thị;*
4. *Thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị.*”

Theo điểm c, khoản 7, Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư như sau:

“Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết (nếu có), quy hoạch phân khu (nếu có); trường hợp quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung”.

- Quy định này gây vướng mắc, khó khăn sau:

+ Về thực tiễn: Thời điểm trước đây, pháp luật về quy hoạch có cho phép Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu vực đã được cấp giấy phép quy hoạch, là quy định hỗ trợ thuận lợi cho công tác lập quy hoạch chi tiết đối với dự án nhà ở xã hội. Hiện nay, việc tiến hành từng bước lập nhiệm vụ (gồm 01 tháng lập, 20 ngày thẩm định, 15 ngày phê duyệt) và lập đồ án quy hoạch chi tiết (06 tháng lập, 25 ngày thẩm định, 15 ngày phê duyệt) theo luật định đối với dự án nhà ở xã hội đã hạn chế tính chủ động cũng như khả năng đẩy nhanh tiến độ lập dự án đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng nhà ở xã hội. Bên cạnh đó, các dự án nhà ở xã hội đều có nhu cầu tăng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc về mật độ xây dựng hoặc hệ số sử dụng đất tối đa 1,5 lần so với quy hoạch được duyệt đảm bảo ưu đãi theo luật định, tuy nhiên, điều này dẫn đến thông số chỉ tiêu không phù hợp pháp lý quy hoạch hiện hành tại khu vực (cần thực hiện điều chỉnh cục bộ) nên không được xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư gây khó khăn trong công tác triển khai các bước tiếp theo của dự án.

+ Thực trạng Thành phố: Qua kinh nghiệm thẩm định và quản lý số lượng lớn

các đồ án quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc triển khai lập đồ án có thể thực hiện cùng lúc với công tác lập nhiệm vụ nhằm đảm bảo tính liên tục trong nội dung và chủ động rút ngắn tối đa thời gian hoàn thiện hồ sơ trình thẩm duyệt đồ án ngay sau khi nhiệm vụ được thông qua. Ngoài ra, vướng mắc về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên đã ảnh hưởng đến tính pháp lý của dự án khiến hầu hết các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn đều không thể tiếp tục triển khai xây dựng.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả trong công tác lập quy hoạch theo tinh thần Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu của Đề án “đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp (giai đoạn 2021-2030)” của Chính phủ tại Thông báo số 242/TB-VPCP ngày 10 tháng 8 năm 2022 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội cho công nhân, người thu nhập thấp.

3.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

Chính sách thúc đẩy đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: rút gọn thủ tục về quy hoạch, việc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư khi chưa có sự thống nhất giữa quy hoạch các cấp, việc thực hiện bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong dự án nhà ở thương mại.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- ***Tác động về kinh tế:*** giải quyết các vướng mắc trong thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, tiết kiệm chi phí xây dựng, tận dụng hiệu quả các chính sách ưu đãi đã được pháp luật cho phép.

- Tác động về mặt xã hội:

Tăng cơ hội tiếp cận sở hữu nhà ở, ổn định cuộc sống, yên tâm “an cư lạc nghiệp” đối với lượng người lao động đến sinh sống và làm việc ngày càng nhiều trên địa bàn; cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút thêm sự quan tâm từ phía các doanh nghiệp đầu tư đối với các dự án nhà ở xã hội.

- Tác động về vấn đề giới:

Không gây tác động và ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc cho phép thực hiện không ảnh hưởng đến công tác thẩm duyệt đồ án, không làm sai lệch vai trò của Nhiệm vụ đồ án mà sẽ góp phần tăng tính chủ động, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Cơ chế cho phép Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua

4.1. Xác định vấn đề bất cập:

Điều 113 Luật Đất đai quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm một lần đối với từng loại đất, theo từng vùng. Trong thời gian thực hiện khung giá đất mà giá đất phổ biến trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá tối thiểu trong khung giá đất thì Chính phủ điều chỉnh khung giá đất cho phù hợp. Quá trình thực hiện thời gian qua cho thấy khung giá đất không theo kịp biến động giá đất trong thực tế, chưa điều chỉnh kịp thời, biên độ quá rộng. Một số địa phương đề nghị cho phép ban hành bảng giá đất vượt khung giá, có địa phương đề nghị bỏ khung giá đất.

Pháp luật về đất đai đã quy định các nguyên tắc định giá đất, trong đó có nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường; quy định 5 phương pháp định giá đất (so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư và hệ số điều chỉnh giá đất); quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm 01 lần làm căn cứ xây dựng Bảng giá đất; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm 01 lần để sử dụng vào các trường hợp tính thuế, phí, lệ phí...; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể để sử dụng vào các trường hợp giao đất, cho thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất...; quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và trách nhiệm của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định thẩm quyền xác định giá đất cụ thể thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc xác định giá đất cụ thể được xác định theo một trong bốn phương pháp so sánh, thặng dư, thu nhập, chiết trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và điểm a khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Đối với những thửa đất hoặc khu đất tính theo bảng giá đất có giá trị từ 30 tỷ đồng trở lên (áp dụng 1 trong 4 phương pháp: thặng dư, so sánh, thu nhập, chiết trừ):

Tổng thời gian giải quyết hồ sơ thời gian từ 3 đến 6 tháng có trường hợp kéo dài từ một đến vài năm do nhiều nguyên nhân khách quan, trong đó có việc các quy định pháp luật liên quan đến công tác xác định, thẩm định giá đất thay đổi thường xuyên.

Mặc dù đã giảm tối đa thời gian thực hiện quy trình xác định giá đất cụ thể nhưng thời gian thực hiện, luân chuyển hồ sơ để thực hiện các bước trong công tác xác định giá đất vẫn kéo dài.

Việc chậm xác định, thẩm định, quyết định giá đất cụ thể dẫn đến chưa kịp thời huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, mất cơ hội đầu tư của nhà đầu tư, làm chậm sự phát triển của kinh tế, xã hội. Do vậy, khi áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá thu tiền sử dụng đất, thuê đất sẽ đảm bảo rút ngắn quy trình thực hiện, vừa tạo điều kiện nâng cao, hiệu quả công tác quản lý nhà nước vừa tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Đó đó, việc ban hành cơ chế để giải quyết những vướng mắc bất cập trên là cần thiết.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Thực hiện chủ trương của Đảng về hoàn thiện cơ chế định giá đất:
 - + Bỏ khung giá đất, có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất, thẩm định giá đất.
 - + Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất. Có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên.
 - + Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: Công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng, không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các vi phạm...
 - Hạn chế những bất cập nhằm bảo đảm giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường, cân bằng lợi ích các bên và phát huy hiệu quả trong quản lý, sử dụng đất đai ở Việt Nam.

Thể chế hóa những định hướng trên, Khoản 3 Điều 155 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định: *“Điều 155. Giá đất cụ thể*

3. Đối với khu vực đã có bảng giá đất từng thửa đất theo vùng giá trị đất, giá thửa đất chuẩn thì việc định giá đất cụ thể được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm định giá”.

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm sẽ giải quyết được những bất cập

trên. Đảm bảo việc xác định giá đất cụ thể được công bằng giữa các chủ đầu tư trong sử dụng đất; khuyến khích các đơn vị phát huy hiệu quả trong sử dụng đất với các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng được phê duyệt; Cải cách thủ tục hành chính trong xác định giá đất cụ thể đảm bảo công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

4.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** chưa kịp thời huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, làm chậm sự phát triển của kinh tế, xã hội.

- **Tác động về mặt xã hội:** mất cơ hội đầu tư của nhà đầu tư.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** đảm bảo rút ngắn quy trình thực hiện, vừa tạo điều kiện nâng cao, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

- **Tác động về mặt xã hội:** tạo tâm lý dễ người sử dụng đất yên tâm, đẩy mạnh đầu tư vào đất.

- **Tác động về vấn đề giới:** Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** góp phần cắt giảm một số bước trong quy trình thủ tục trình, phê duyệt giá đất. Trình tự và thủ tục thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai 2013.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và

đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

5. Cơ chế cho phép đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc trách nhiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân các cấp và có sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Đồng thời, giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương. Người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định thì được bồi thường bằng đất, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền. Giá đất tính tiền bồi thường là giá đất cụ thể theo loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Việc bồi thường về đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Ngoài việc được bồi thường, người có đất thu hồi còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ tái định cư và hỗ trợ khác. Đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn. Đã quy định và phân định rõ trách nhiệm các sở, ban, ngành, các đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhờ đó đã bước đầu khắc phục được tình trạng thu hồi đất tràn lan, lãng phí đất.

Theo quy định của Luật Đất đai (khoản 2 Điều 74), trường hợp có quỹ đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích với loại đất thu hồi. Việc quy định như trên đã làm hạn chế phương thức thực hiện bồi thường bằng đất trong trường hợp địa phương không có quỹ đất có cùng mục đích với loại đất thu hồi nhưng lại có quỹ đất có mục đích khác, trong khi nhu cầu của người có đất thu hồi lại mong muốn được nhận bồi thường bằng đất hoặc nhà, không nhận bồi thường bằng tiền. Luật Đất đai cũng chưa có chính sách cụ thể về cơ chế hỗ trợ đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật mà không có khả năng lao động, sản xuất, là thành viên trong các hộ gia đình có đất thu hồi mà thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo trợ xã hội. Do đó, dẫn đến các đối tượng này chưa có nguồn thu nhập thường xuyên để ổn định cuộc sống khi bị mất đất sản xuất.

Hiện nay, việc tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập của

nhiều Dự án được triển khai tại bước thực hiện dự án sau khi đã hoàn thiện các thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư. Do đó, việc chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng dẫn tới kéo dài thời gian thực hiện dự án, tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ làm đội vốn đầu tư, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh dự án, làm chậm tiến độ thực hiện chung của dự án.

Ngoài ra, Thành phố đang triển khai rất nhiều dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đặc biệt có những dự án có chi phí rất cao trên 10.000 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường chiếm tỷ lệ từ 50 - 70%). Để thực hiện các dự án nói trên thì nhu cầu về vốn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là rất lớn, nhưng khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh còn hạn chế do phải điều tiết phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các dự án trọng điểm, cấp thiết khác như Vành đai 3, dự án chống ngập, tuyến Metro số 2, ... Về nguyên tắc, thay vì phải bỏ ra chi phí rất lớn để đầu tư các dự án nêu trên, thì cần dùng đòn bẩy kinh tế bằng cách sử dụng quỹ đất và công cụ quy hoạch để quy hoạch thành các khu đất tái định cư, người dân bị thu hồi đất sẽ được bồi thường bằng cùng loại đất, nếu khác loại đất thì sẽ được hoán đổi theo tỉ lệ tương ứng và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm triển khai dự án.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Khắc phục các vướng mắc trong thực tế triển khai, đảm bảo quyền lợi, tạo sinh kế bền vững cho người có đất thu hồi, bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, góp phần giảm khiếu nại, khiếu kiện về đất đai.

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, góp phần đẩy nhanh thời gian chuẩn bị dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án làm đội vốn đầu tư dự án.

Bên cạnh đó, một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “*Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư, để người dân có đất bị thu hồi phải có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống bằng hoặc tốt hơn*”.

Thể chế hóa định hướng trên, Khoản 2, 3 Điều 89 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định:

“Điều 89. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

2. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo thu nhập và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

3. Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở”.

Các giải pháp này mang lại hiệu quả kinh tế rất cao như: Nhà nước không cần phải chi một số tiền quá lớn để đầu tư xây dựng các công trình trong điều kiện nguồn vốn ngân sách hạn chế không đáp ứng kịp thời cùng lúc thực hiện nhiều công trình thì phương thức bồi thường bằng đất ở hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật là rất cần thiết, điều tiết giá trị tăng thêm cho người có đất bị thu hồi, rút ngắn thời gian thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, giải quyết hài hòa quyền lợi giữa Nhà nước và người dân, khắc phục tình trạng các dự án treo, dự án bị kéo dài.

Chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, người dân có đất thu hồi phải có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, đạt mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tránh lãng phí và đây cũng là tập quán, thói quen của dân tộc Việt Nam với mong muốn tái định cư tại chỗ sẽ tạo sự đồng thuận cho người dân có đất thu hồi trong dự án, cũng như trong nhân dân khi triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đề án thí điểm này. Quan điểm xây dựng Đề án là xây dựng cơ chế, chính sách để tạo sự chủ động, thông thoáng, linh hoạt trong triển khai dự án phù hợp với từng đối tượng, loại hình sử dụng đất để khơi dậy tiềm năng, phát huy cao nhất giá trị nguồn lực đất đai.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế cho phép đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thông qua bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc nhà ở, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động

trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Đối với Nhà nước: Không phát sinh các chi phí, thủ tục do không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật.

- Đối với người dân: không được lựa chọn hình thức bồi thường bằng đất sản xuất kinh doanh đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất để phát triển kinh tế gia đình.

* Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo được sự ổn định của chính sách tránh sự so bì của những người có đất bị thu hồi đã áp dụng chính sách trước đây với người mới bị thu hồi áp dụng chính sách mới.

- Đối với người dân: có thể tác động đến tâm lý của các cá nhân, hộ gia đình, tiềm ẩn nguy cơ khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: mang lại hiệu quả kinh tế rất cao như: Nhà nước không cần phải chi một số tiền quá lớn để đầu tư xây dựng các công trình trong điều kiện nguồn vốn ngân sách hạn chế không đáp ứng kịp thời cùng lúc thực hiện nhiều công trình thì phương thức bồi thường bằng đất ở hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật là rất cần thiết, điều tiết giá trị tăng thêm cho người có đất bị thu hồi, rút ngắn thời gian thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, giải quyết hài hòa quyền lợi giữa Nhà nước và người dân, khắc phục tình trạng các dự án treo, dự án bị kéo dài. Ngoài ra, đảm bảo quyền lợi cho người có đất nông nghiệp, đất ở thu hồi có thể nhận bồi thường bằng đất sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình.

* Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Tạo điều kiện cho địa phương linh hoạt trong việc thực hiện bồi thường đất, đặc biệt đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất khác phù

hợp, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các Dự án đầu tư.

- Đối với người dân: người dân có đất thu hồi có chỗ ở, đảm bảo cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, đạt mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tránh được lãng phí. Đây cũng là tập quán, thói quen của dân tộc Việt Nam với mong muốn tái định cư tại chỗ sẽ tạo được sự đồng thuận cho người dân có đất thu hồi trong dự án, cũng như trong nhân dân khi triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện đề án thí điểm này. Tuy nhiên, việc thay đổi nội dung về hình thức bồi thường có thể phát sinh các khiếu nại, khiếu kiện, so bì giữa người có đất bị thu hồi đã áp dụng chính sách trước đây với người mới bị thu hồi áp dụng chính sách mới.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: quy định này chỉ đề ra về mặt nguyên tắc không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện được áp dụng tương tự các quy định theo Luật Đất đai 2013.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Ngoài ra, chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

6. Cơ chế cho phép Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Đến thời điểm hiện tại, chưa có quy định nào của pháp luật quy định về nội dung này.

Quy định về tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm đã được quy định từ Nghị định số 85-CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được nhà nước giao đất, cho thuê đất; được tiếp tục duy trì tại Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 đã góp phần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có tiềm lực tài chính hạn chế có thể tiếp cận đất đai với chi phí trả tiền thuê đất hàng năm với giá rẻ. Tuy nhiên, sau hơn 25 năm phát triển tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước đã phát triển, thị trường tín dụng có thể cung cấp nguồn tài chính giúp doanh nghiệp chủ động được nguồn vốn, sản xuất kinh doanh. Quy định về cho thuê đất trả tiền hàng năm với hạn chế về quyền sử dụng đất được tham

gia giao dịch về chuyển quyền đã xuất hiện những hạn chế để thúc đẩy phát triển thị trường, tạo ra những giao dịch ngầm về quyền sử dụng đất khi bán tài sản gắn liền với đất, có thể gây thất thoát tài sản nhà nước khi Nhà nước cổ phần hóa, thoái vốn tại những doanh nghiệp giữ phương án sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm.

Mặt khác, chính sách mới được ban hành tại Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã có các nhiệm vụ giải pháp có mối liên hệ chặt chẽ với chính sách thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm gồm: “Chủ yếu thực hiện việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất”; “Cơ bản thực hiện hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm, trừ những trường hợp đặc biệt sẽ được trả tiền thuê đất một lần theo quy định của pháp luật..”. Đây là quan điểm mới sẽ phải thể chế trong Luật Đất đai (sửa đổi) nhưng có tác động lớn đến việc “thương mại hoá quyền sử dụng đất” và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nguồn thu ngân sách nhà nước.

Thứ nhất, Nhà nước phải bỏ ra một lượng tiền lớn để thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người dân nhưng lại chỉ thu được một lượng tiền nhỏ được trả hàng năm (Điều 4 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định . Dẫn đến ngân sách nhà nước không đảm bảo, không đảm bảo nguyên tắc thu hồi được vốn đầu tư phát triển quỹ đất.

Thứ hai, theo quy định hiện hành thì người thuê đất trả tiền hàng năm không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi đó các giao dịch bất động sản thương mại, sản xuất kinh doanh sẽ giảm đáng kể. Nhà nước không thu được thuế thu nhập và lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thứ ba, đặt trong mối quan hệ với quan điểm của dự thảo Nghị quyết là “chủ yếu thực hiện việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất” sẽ dẫn đến bất cập về nguồn vốn ban đầu Nhà nước phải bỏ ra lớn về chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chi phí xác định giá đất khởi điểm để đấu giá, đấu thầu, chi phí tổ chức đấu giá đấu thầu là lớn nhưng lại chỉ cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thứ tư, hệ thống tài chính ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng do đối tượng được thế chấp bằng quyền sử dụng đất bị giảm do quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm không được thế chấp.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Thành phố, số lượng các trường hợp tổ chức đang sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm là rất lớn, tuy nhiên các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm tại Điều 175 Luật Đất đai 2013 vẫn hạn chế, chưa cho phép thực hiện đối với quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng “quyền thuê đất” đóng tiền hàng năm. Việc này gây nhiều khó khăn trên thực tế cho các tổ chức sử dụng đất khi muốn thực hiện

các quyền trên dẫn đến các tình trạng như:

- Đối với chuyển nhượng là tình trạng “lách luật, né thuế” khi chỉ đăng ký, kê khai việc chuyển nhượng tài sản trên đất nhưng thực tế đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và tài sản trên đất.

- Đối với thế chấp là tình trạng các ngân hàng thẩm định giá trị tài sản thế chấp để cho vay lớn hơn thực tế (gồm cả giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm chứ không chỉ thẩm định riêng tài sản trên đất.

- Đối với cho thuê là việc tổ chức sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm không thể cho thuê được quyền sử dụng đất này mà chỉ cho thuê được tài sản trên đất dẫn đến những hạn chế trong việc khai thác, sử dụng theo nhu cầu, mục đích và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì những lý do trên, có thể nói việc hạn chế, chưa cho phép các tổ chức sử dụng đất thực hiện các quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng “quyền thuê đất” đóng tiền hàng năm đã “kèm hãm” nguồn lực đất đai và chưa hiện thực hóa được chủ trương “xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả” theo tinh thần, định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW . Do đó, cần có cơ chế để tạo điều kiện cho nhà đầu tư chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, kích thích doanh nghiệp phát triển, đồng thời nhằm đảm bảo đất được tham gia rộng rãi thị trường bất động sản.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thế chế Nghị quyết số 18-NQ/TW về các nội dung liên quan đến phát huy nguồn lực đất đai và đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất.

- Hoàn thiện hơn nữa các quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình sử dụng đất.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu, người sử dụng đất chỉ có quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Nội dung quy định về các quyền thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng đối với “quyền thuê đất” trả tiền hàng năm của tổ chức kinh tế sử dụng đất là một trong những chính sách mới của dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), nội dung này đã được Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 như sau:

“Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm

1. Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm,

có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

....

b) Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam;

c) Bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật này; người mua tài sản gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất theo mục đích đã được xác định;

d) Góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê; người nhận góp vốn bằng tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất theo mục đích đã được xác định”.

Nhằm giải quyết các vấn đề bất cập nêu trên, đặc biệt là việc ngăn chặn các trường hợp giao dịch không đăng ký tại cơ quan nhà nước. Ngoài ra, để có cơ sở hiện thực hóa chủ trương “xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả” theo tinh thần, định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW. Trên cơ sở kết quả đánh giá tác động khi dự thảo quy định trên vào dự thảo Luật Đất đai sửa đổi và ý kiến thống nhất cho phép thí điểm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thành phố kiến nghị Quốc hội xem xét, cho phép Thành phố được thí điểm thực hiện trước đối với cơ chế, chính sách này làm tiền đề để đánh giá mức độ khả thi của quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế cho phép Thành phố được quyết định việc cho phép các tổ chức sử dụng đất được thế chấp, cho thuê và chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

- Đối với Nhà nước: Việc thực hiện theo phương án này không có tác động tích cực về kinh tế do giữ nguyên như quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc thực hiện theo phương án này có thể dẫn đến thiệt hại kinh tế nghiêm trọng do các giao dịch

về quyền sử dụng đất trong nền kinh tế bị ngưng trệ do cơ bản chuyển sang thuê đất trả tiền hàng năm.

- Đối với người dân: Việc thực hiện theo phương án này không có tác động tích cực về kinh tế do giữ nguyên như quy định hiện hành, nhưng khiến người dân thuê đất trả tiền hàng năm không có quyền về đất để huy động vốn từ ngân hàng và chuyển nhượng cho chủ thể khác khi cần.

- Đối với doanh nghiệp: Tương tự tác động với người dân, ngoài ra, các tổ chức sử dụng đất vẫn gặp những khó khăn, vướng mắc trong vấn đề này, những nội dung bất cập đã phân tích vẫn tồn tại, ngoài ra “kèm hãm” sự phát triển của nguồn lực đất đai

- Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: không có tác động về xã hội do giữ nguyên như quy định hiện hành.

- Đối với người dân và doanh nghiệp: tạo tâm lý trong xã hội là hệ thống pháp luật đất đai chưa có sự cởi mở, khuyến khích các giao dịch đất đai.

- Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này sẽ không thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 “*Đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất*”. Việc thực hiện theo phương án này tuy giúp pháp luật đất đai có sự phân biệt về quyền giữa các hình thức sử dụng đất song lại làm hạn chế các quyền tài sản của người thuê đất với thời hạn 50 năm, chưa phù hợp với cách thức pháp luật nhiều nước trên thế giới cho phép nhằm phát huy nguồn lực đất đai. Tuy nhiên, có thể làm cho hệ thống pháp luật đất đai có những bất cập nội tại giữa quy định về cơ bản cho thuê đất trả tiền hàng năm nhưng lại không có quyền chuyển nhượng quyền thuê.

b) Giải pháp 2:

*** Tác động về kinh tế:**

- Đối với Nhà nước: Việc bổ sung quy định cho phép chuyển nhượng quyền thuê trong hợp đồng thuê đất đồng thời người sử dụng đất phải nộp các loại thuế khi chuyển nhượng sẽ giúp ổn định nguồn thu từ đất. Tuy nhiên, việc thực hiện theo phương án này Nhà nước sẽ mất một khoản chi phí để sửa đổi các văn bản pháp luật có quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm.

Thể chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW về thương mại hóa quyền sử dụng đất

và cơ bản thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm và xây dựng thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả. Tạo điều kiện khơi thông nguồn lực đất đai, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người sử dụng đất nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai, góp phần phát triển đất nước. Ngoài ra góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng.

- Đối với người dân: Việc thực hiện theo Phương án khuyến khích được các giao dịch đất đai của người dân trong nền kinh tế thị trường; khuyến khích doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào đất; khi người sử dụng đất chuyển nhượng, bản thân giá trị địa tô từ đất đã gia tăng và nhà nước sẽ tiếp tục thu được thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Đối với doanh nghiệp: Việc thực hiện theo Phương án khuyến khích được các giao dịch đất đai của người dân trong nền kinh tế thị trường; khuyến khích doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào đất; khi người sử dụng đất chuyển nhượng, bản thân giá trị địa tô từ đất đã gia tăng và nhà nước sẽ tiếp tục thu được thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

* Tác động về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Giúp minh bạch hóa thị trường quyền sử dụng đất, người dân được thỏa thuận đúng giá trị của quyền sử dụng đất, tài sản và các quyền tài sản gắn liền với đất khi tham gia giao dịch; giúp giá đất phản ánh đúng giá trị thị trường; chống các giao dịch ngầm trong lĩnh vực đất đai.

- Đối với người dân và doanh nghiệp: tạo tâm lý tốt cho người sử dụng đất, đặc biệt là các tổ chức yên tâm, đẩy mạnh đầu tư vào đất (đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị máy móc, áp dụng khoa học kỹ thuật...). Ngoài ra, là cơ sở để các doanh nghiệp hạch toán giá trị quyền sử dụng đất vào tài sản của doanh nghiệp, minh bạch các giao dịch chuyển nhượng, thế chấp... Tuy nhiên, người thuê đất trả tiền hàng năm sẽ phải nộp thuế, phí khi thực hiện quyền chuyển nhượng, thế chấp.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính. Việc đăng ký thế chấp, chuyển nhượng và cho thuê quyền sử dụng đất trả tiền hàng năm thực hiện theo quy định của Điều 95 Luật Đất đai 2013 và theo các biểu mẫu, thủ tục được hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật có liên quan.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Ngoài ra, sẽ thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm

2022 về “*Đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất*” và việc bổ sung quy định này giúp đảm bảo và tăng cường khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

7. Cơ chế xử lý bất cập trong thu hồi đất, giao đất, tính tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực

7.1. Xác định vấn đề bất cập:

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đã dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 101 của Luật. Tuy nhiên, trên địa bàn thành phố vẫn còn nhiều dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo hình thức Hợp đồng BT đã được Thành phố ký kết Hợp đồng thực hiện dự án với các Nhà đầu tư trúng thầu trước ngày này (Trong hợp đồng đã xác định quỹ đất thanh toán cho Nhà đầu tư là các quỹ đất công). Tuy nhiên, do Luật Đất đai 2013 chưa có quy định về việc Nhà nước thực hiện thu hồi đất để thanh toán quỹ đất cho nhà đầu tư thực hiện Dự án theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) mà chỉ có một số quy định có thể áp dụng như cơ chế Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 đối với quỹ đất thanh toán sử dụng vào mục đích xây dựng khu đô thị mới hoặc khu dân cư nông thôn mới. Đối với các trường hợp còn lại như quỹ đất sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ thì không áp dụng cơ chế nhà nước thu hồi đất được dẫn đến các vướng mắc kéo dài cho đến nay. Các trường hợp cụ thể như sau:

STT	Tên dự án BT	Quỹ đất nhà nước quản lý dự kiến thanh toán	Diện tích (ha)	Thông tin quy hoạch
1	Dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1)	Lô C8A – Khu A – Khu đô thị mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, Quận 7	0.55	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: đất hỗn hợp (dịch vụ công cộng – thương mại – căn hộ). - Mật độ xây dựng khối đế: 60%. - Mật độ xây dựng khối cao tầng: 40%. - Hệ số sử dụng đất

				tối đa: 10 lần, trong đó chức năng ở 05; chức năng dịch vụ công cộng, thương mại 05.
2		Khu đất 232 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, Quận 9 (nay thuộc TP Thủ Đức)	1.76	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ. - Mật độ xây dựng tối đa: 40%. - Hệ số sử dụng đất: tối đa 8,0, trong đó, chức năng ở 6,0; chức năng thương mại dịch vụ 2,0.
3		Khu đất tại số 762 Bình Quới, Phường 26, quận Bình Thạnh	0.4298	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất: một phần đất giao thông, phần còn lại thuộc quy hoạch đất nhóm ở hiện hữu kết hợp xây dựng mới). - Mật độ xây dựng: 60%. - Hệ số sử dụng đất: 3,0.
4	Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa - Quốc lộ 1, TP Thủ Đức	Khu đất tại số 234 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1	0.06423	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng sử dụng đất phù hợp quy hoạch là nhà ở hoặc nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; - Hệ số sử dụng đất: 7,0; - Mật độ xây dựng: 65%; - Tầng cao: tối đa 12 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD;

5		<p>Khu đất số 582 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân</p>	1.22403	<p>Có phần lớn diện tích thuộc ô ký hiệu II-42A chức năng đất nhóm nhà ở quy hoạch ngắn hạn; phần diện tích còn lại thuộc quy hoạch đường giao thông. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của ô phố II-42A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mật độ xây dựng: 40% (trường hợp có bố trí khối để thì mật độ xây dựng khối để $\leq 50\%$); - Tầng cao: 2 – 10 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD); - Hệ số sử dụng đất tối đa: 5,0;
6		<p>Khu đất số 132 đường Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10</p>	1.06185	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng quy hoạch sử dụng đất chung cư kết hợp thương mại dịch vụ. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của ô phố II-B27 như sau: -Diện tích: 10.618,5m²; - Cây xanh công cộng: 2.100m²; - Đất xây dựng chung cư: 8.518,6m²; - Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm nhà ở: 5m²/người; - Mật độ xây dựng: 40%; - Tầng cao: 25 tầng; - Hệ số sử dụng đất: 8,5 (trong đó chức năng ở: 6,5; chức

			năng thương mại – dịch vụ: 2).
7		Khu đất số 12 Kỳ Đông, Phường 9, Quận 3	0.094
			- Chức năng sử dụng đất phù hợp quy hoạch là nhà ở hoặc nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; - Hệ số sử dụng đất: 7,0; - Mật độ xây dựng: 65%; - Tầng cao: tối đa 12 tầng (theo QCVN 03:2012/BXD;

Tổng diện tích của 07 quỹ đất thanh toán là 5,18126ha, tuy không nhiều nhưng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng của Thành phố đã tồn đọng trong thời gian dài. Do đó, việc cần có giải pháp đề giải quyết vấn đề này là rất cần thiết.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Việc cho phép Thành phố thí điểm áp dụng các quy định trên để giải quyết việc giao, cho thuê đất đối với các quỹ đất công đã được chấp thuận chủ trương sử dụng để thanh toán cho các Nhà đầu tư trúng thầu dự án đầu tư theo hình thức BT trước đây sẽ góp phần giải quyết được các vướng mắc trong thời gian qua, giải tỏa được tâm lý của các Nhà đầu tư đã trúng thầu các dự án BT. Ngoài ra sẽ tối đa hóa được giá trị quyền sử dụng các khu đất dự kiến sử dụng thanh toán theo tinh thần của Nghị quyết 18-NQ/TW, tăng thêm các nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách thành phố nói riêng.

7.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế xử lý bất cập trong thu hồi đất, giao đất, tính tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) đã được ký kết trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc thực hiện nghĩa vụ đã ký kết tại các Hợp đồng đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BT) trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Thành phố.

* Tác động về mặt xã hội: có thể tác động đến tâm lý của các Chủ đầu tư đã thực hiện dự án BT, chủ thể hợp đồng ký kết với Thành phố, trong đó có nhiều chủ thể là các Nhà đầu tư nước ngoài, tiềm ẩn nguy cơ khiếu nại, khiếu kiện Thành phố nói riêng và Nhà nước nói chung tại các cơ quan tài phán quốc tế liên quan đến nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: hoàn thành nghĩa vụ của Thành phố với vai trò là chủ thể ký kết các hợp đồng đầu tư dự án PPP – Hợp đồng BT (bản chất là các hợp đồng kinh tế) được ký kết với các đối tác trong và ngoài nước. Trực tiếp cải thiện môi trường đầu tư của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

* Tác động về mặt xã hội: Tạo tâm lý ổn định cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc tìm hiểu, đẩy mạnh đầu tư tại Thành phố. Giải pháp này không trực tiếp tác động đến quyền lợi của người dân do quỹ đất thanh toán cho các Hợp đồng là quỹ đất công.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện được áp dụng tương tự các quy định theo Luật Đất đai 2013.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Ngoài ra, chính sách về đất đai được hoàn thiện đồng bộ và phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

8. Chính sách phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện

8.1. Xác định vấn đề bất cập:

Đến thời điểm hiện tại, chưa có quy định nào của pháp luật quy định về nội dung này.

Pháp luật về đất đai đã quy định các nguyên tắc định giá đất, trong đó có nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường; quy định 5 phương pháp định giá đất (so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư và hệ số điều chỉnh giá đất); quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm 01 lần làm căn cứ xây dựng Bảng giá đất; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm 01 lần để sử dụng vào các trường hợp tính thuế, phí, lệ phí...; quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể để sử dụng vào các trường hợp giao đất, cho thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất...; quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và trách nhiệm của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013, điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT đều quy định thẩm quyền xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đặc thù của Thành phố có nhiều dự án cần thực hiện thủ tục này cùng lúc, dẫn đến thời gian thực hiện thủ tục hành chính về xác định giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ kéo dài. Do đó, cần phải có cơ chế, chính sách đặc thù để cải cách thời gian thực hiện thủ tục này.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thực hiện chủ trương của Đảng về hoàn thiện cơ chế định giá đất:

+ Bỏ khung giá đất, có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất, thẩm định giá đất.

+ Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất. Có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: Công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng, không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các vi phạm...

- Hạn chế những bất cập nhằm bảo đảm giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường, cân bằng lợi ích các bên và phát huy

hiệu quả trong quản lý, sử dụng đất đai ở Việt Nam.

- Một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “*Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư, để người dân có đất bị thu hồi phải có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống bằng hoặc tốt hơn*”.

Ngoài ra, Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trình Quốc hội đã bổ sung thẩm quyền quyết định giá đất cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan quản lý đất đai cùng cấp như sau:

“Điều 155. Giá đất cụ thể

2. Việc quyết định giá đất cụ thể thực hiện theo quy định sau đây:

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết, thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức việc xác định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh, cơ quan quản lý đất đai cấp huyện được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể. Cơ quan quản lý đất đai trình Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định kết quả tư vấn xác định giá đất; căn cứ kết quả của Hội đồng thẩm định giá đất trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định”.

Quy định nêu trên tại dự thảo giúp tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động, gần trách nhiệm của Chính quyền địa phương theo Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là giải pháp tăng thẩm quyền, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương trong chủ động thực hiện và rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực này.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà thực hiện theo đúng lộ trình ban hành và áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Chính sách phân cấp việc xác định giá đất để bồi thường, hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa tạo sự chủ động, linh hoạt của địa phương trong việc thực hiện xác định giá đất phù hợp với từng khu vực.

* Tác động về mặt xã hội: có thể tác động đến tâm lý của các cá nhân, hộ gia đình, tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sử dụng đất.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: Góp phần cắt giảm một số chi phí do giảm bớt quy trình thủ tục, đồng thời tạo sự chủ động linh hoạt cho địa phương trong việc xác định giá đất cho các cá nhân, hộ gia đình.

* Tác động về mặt xã hội: tạo tâm lý dễ người sử dụng đất yên tâm, tăng thẩm quyền cho địa phương liên quan đến việc xác định giá đất.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: góp phần cắt giảm một số bước trong quy trình thủ tục trình, phê duyệt giá đất. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như trách nhiệm của người đứng đầu góp phần triển khai hiệu quả Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

9. Chính sách xử lý thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước đối với các dự án lấn biển

9.1. Xác định vấn đề bất cập:

Đối với các dự án lấn biển, việc giao đất, cho thuê đất, thuê đất có mặt nước

vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tuy nhiên, phần đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm, bồi lấp của các dự án lấn biển chưa được quy định về việc áp dụng trình tự giao thuê trong các Luật trên, gây nên những khó khăn bất cập cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc áp dụng căn cứ pháp luật để thực hiện các thủ tục giao thuê. Do đó, việc ban hành quy định để làm rõ việc áp dụng pháp luật trong trường hợp này là rất cần thiết.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Làm rõ hơn các trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Tại điểm k khoản 2 Điều 78 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã có quy định:

“Điều 78. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là các dự án phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thực hiện chính sách về phát triển hạ tầng, đô thị, nông nghiệp, nông thôn; giải quyết các vấn đề chính sách xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản văn hóa, phân bổ công bằng, hài hòa giá trị tăng thêm từ đất, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nhằm phát triển kinh tế của đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng bao gồm:

...2. Dự án công trình để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này bao gồm:

...k) Dự án lấn biển”.

Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã có ý kiến về nội dung đề xuất này theo hướng thống nhất và trình Quốc hội xem xét quyết định theo thẩm quyền do *“Đây là nội dung vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đất đai và vừa thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) cũng đã đề xuất nội dung này theo hướng diện tích dự án lấn biển thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất”.*

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm nội dung này sẽ giúp tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng từ các khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu dự án có sử dụng đất hình thành sau khi thực hiện việc lấn biển thông qua nhận chìm và bồi lấp vật chất tạo quỹ đất.

9.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính

sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Chính sách xử lý thủ tục về thuê đất, thuê đất có mặt nước đối với các dự án lấn biển.

9.4. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: chưa giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc phát triển các dự án lấn biển trên địa bàn Thành phố. Chưa tạo được cơ chế đột phá cho Thành phố trong việc huy động được những nguồn lực tài nguyên sẵn có.

* Tác động về mặt xã hội: Hạn chế xu hướng năng động, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố để ứng dụng trong việc đầu tư, phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: giải quyết được những vướng mắc bất cập trong việc phát triển các dự án lấn biển. Là cơ sở để các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh nghiên cứu, tư duy sáng tạo trong đầu tư những ngành nghề mà Nhà nước không cấm. Trực tiếp cải thiện môi trường đầu tư của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

* Tác động về mặt xã hội: Tạo tâm lý ổn định cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc tìm hiểu, đẩy mạnh đầu tư tại Thành phố. Giải pháp này không trực tiếp tác động đến quyền lợi của người dân do quỹ đất được hình thành từ việc lấn biển.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

- Đối với phần diện tích mặt nước thì thực hiện việc cho thuê theo Luật Biển Việt Nam và Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện nhận chìm sẽ được thực hiện cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi.

9.5. Kiến nghị:

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

10. Cơ chế xử lý đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp mà chủ đầu tư mua tài sản phát mãi từ các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất

10.1. Xác định vấn đề bất cập:

10.1.1. Hiện nay tổ chức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp nếu hết thời hạn thì được gia hạn và phải chuyển sang thuê đất (Khoản 29 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

- Đối với tổ chức nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp nếu đất nông nghiệp hết thời hạn sử dụng, pháp luật không quy định việc gia hạn.

- Bên cạnh đó, quy định gia hạn sử dụng đất nông nghiệp chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân (Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) và cơ sở tôn giáo (Khoản 48 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

Trường hợp chủ đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án nhưng chưa hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng đất (chưa có Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất) thì thời hạn sử dụng đất nông nghiệp đã hết (do đa số các quyền sử dụng đất nông nghiệp được cấp theo Luật Đất đai năm 1993 có thời hạn 20 năm, nay đã hết hạn).

a) Việc không có quy định dẫn tới lúng túng trong việc giải quyết thủ tục đất đai liên quan đến:

- Cho phép nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp thực hiện dự án (bao gồm chuyển nhượng từ người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân và chủ đầu tư đã nhận chuyển nhượng nay không tiếp tục thực hiện dự án chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư kế tiếp thực hiện dự án).

- Chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Hiện nay rất nhiều vụ việc khi thi hành án (trong đó có trường hợp vụ án bà Hứa Thị Phấn) thì quyền sử dụng đất nông nghiệp đã hết thời hạn sử dụng.

Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân hết thời hạn sử dụng

20 năm khi thực hiện thế chấp bằng quyền sử dụng đất thì Ngân hàng buộc phải thực hiện trước thủ tục gia hạn. Điều này cũng gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

b) Việc không gia hạn gây tác động tiêu cực đến thực hiện các thủ tục hành chính, khó khăn cho cơ quan Nhà nước giải quyết các thủ tục đất đai và cả về phía người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của người có quyền sử dụng đất hợp pháp chỉ vì chưa thực hiện thủ tục gia hạn, trong khi theo Luật Đất đai năm 2013, thời hạn sử dụng đất nông nghiệp nay thống nhất là 50 năm (Khoản 1 Điều 126).

Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân cần phải được Nhà nước bảo hộ trong mọi trường hợp mà không liên quan đến thời hạn sử dụng đất, trừ trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp giao, cho thuê vượt hạn mức.

Thực tế việc sử dụng đất nông nghiệp tại Miền Nam có nguồn gốc do ông, bà để lại, do đó việc buộc phải gia hạn mới thực hiện các quyền là không phù hợp.

Việc thực hiện thủ tục gia hạn trong trường hợp này là không thật sự cần thiết.

10.1.2. Khoản 6 Điều 27 Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư quy định: “Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng điều kiện gia hạn hoạt động quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nhưng không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo từng năm cho đến khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhà đầu tư chỉ thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án cho năm đầu tiên gia hạn.”

Như vậy, trong trường hợp dự án có sử dụng đất hết thời hạn hoạt động, dự án vẫn đáp ứng được các điều kiện về giao đất, cho thuê đất, môi trường, công nghệ nhưng quy hoạch tại vị trí thực hiện dự án thay đổi thành mục đích khác và nhà nước chưa có nhu cầu thu hồi đất để thực hiện theo quy hoạch (chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện) thì pháp luật về đầu tư cho gia hạn thời hạn hoạt động của dự án hàng năm để dự án vẫn được tiếp tục hoạt động, tránh lãng phí đất đai trong thời gian quy hoạch chưa được thực hiện.

Tuy nhiên, pháp luật về đất đai hiện chưa hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất hàng năm trong trường hợp này -> Có sự không thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai.

Ngày 25/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 6241/SKHĐT-KTĐN đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xử lý vấn đề này. Hai Bộ đã có văn bản trả lời (Số 2434/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 29/9/2022 của Tổng cục quản lý đất đai và số 7575/BKHĐT-PC ngày 21/10/2022) trả lời nhưng 2 Bộ đang đề nghị tham khảo Bộ còn lại và chưa hướng dẫn xử lý.

Do vậy, đề nghị bổ sung để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tránh lãng phí đất đai trong thời gian quy hoạch chưa được thực hiện

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tại khoản 1 Điều 168 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trình Quốc hội đã có quy định như sau:

“Điều 168. Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất

1. Thời hạn sử dụng đất khi nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với loại đất có quy định thời hạn là thời gian sử dụng đất còn lại của thời hạn sử dụng đất trước khi nhận chuyển quyền sử dụng đất. Khi hết thời hạn sử dụng đất, nếu có nhu cầu thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất được Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất.

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức sử dụng của hộ gia đình, cá nhân thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận quyền sử dụng đất trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ, quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành mà hết hạn sử dụng đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì được Nhà nước xem xét cho gia hạn theo thời hạn quy định tại Điều 166 của Luật này”.

Việc cho phép Thành phố thí điểm thực hiện trước cơ chế này sẽ giải quyết được những vướng mắc bất cập hiện tại. Khoi thông tâm lý cho người sử dụng đất.

10.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2:

Cơ chế xử lý đối với quyền sử dụng đất nông nghiệp mà chủ đầu tư mua tài sản phát mãi từ các tổ chức tài chính, tòa án, thi hành án, thừa phát lại để thực hiện dự án phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện các thủ tục để Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà đã hết thời hạn sử dụng đất.

10.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: gây tác động khó khăn cho cơ quan Nhà nước giải quyết các thủ tục đất đai và cả về phía người dân, doanh nghiệp. Gián tiếp ảnh hưởng đến việc hạch toán giá trị tài sản, quyền sử dụng đất vào nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, qua đó ảnh hưởng đến việc kiểm tra thuế, tài chính của Nhà nước.

* Tác động về mặt xã hội: ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của người có quyền sử dụng đất hợp pháp chỉ vì chưa thực hiện thủ tục gia hạn, trong khi theo Luật Đất đai năm 2013.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Về kinh tế: giải quyết được những vướng mắc bất cập hiện tại. Tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất, đặc biệt là các tổ chức hạch toán được giá trị tài sản, quyền sử dụng đất vào nguồn vốn chủ sở hữu, qua đó cũng tạo được điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về thuế, tài sản.

* Về mặt xã hội: Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước bảo hộ trong mọi trường hợp mà không liên quan đến thời hạn sử dụng đất, trừ trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp giao, cho thuê vượt hạn mức.

* Về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Về thủ tục hành chính: thủ tục hành chính thực hiện tương tự công tác đăng ký, gia hạn quyền sử dụng đất đã được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

* Về hệ thống pháp luật: Chính sách đảm bảo tính hợp hiến. Tăng cường được hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

10.5. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

11. Cơ chế xác định các hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội và nhà ở thương mại

11.1. Xác định vấn đề bất cập:

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở:

“3. Đất để phát triển nhà ở xã hội bao gồm:

a) Đất được Nhà nước giao để xây dựng nhà ở cho thuê, cho thuê mua, bán;

b) Đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng nhà ở cho thuê;

c) Diện tích đất ở trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư phải dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;

d) **Đất ở hợp pháp** của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân dùng để xây dựng nhà ở xã hội.”

- Tại điểm c Khoản 2 Điều 57 Luật Nhà ở năm 2014 quy định về chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội như sau:

“2. Đối với nhà ở xã hội được đầu tư không phải bằng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật này thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lựa chọn chủ đầu tư theo quy định như sau:

(...)

c) **Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền sử dụng đất hợp pháp**, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở, có đủ điều kiện làm chủ đầu tư và có nhu cầu xây dựng nhà ở xã hội thì doanh nghiệp, hợp tác xã đó được giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội.”

- Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở nêu trên, để phát triển nhà ở xã hội, ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở nêu trên, nhà đầu tư sẽ phải có đất ở thì mới có thể đề xuất thực hiện dự án nhà ở xã hội. Điều này đồng nghĩa với việc nếu nhà đầu tư đi nhận chuyển nhượng các loại đất khác không phải là đất ở hoặc nhà đầu tư đang có quyền sử dụng đất nhưng không phải là đất ở thì sẽ không đáp ứng được điều kiện để phát triển nhà ở xã hội theo quy định nêu trên.

- Quy định này thậm chí đang chặt hơn điều kiện để phát triển nhà ở thương mại vì tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở⁵¹ (được sửa đổi bởi Điều 4 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022) cho phép trong trường hợp nhà đầu tư vừa có đất ở vừa có đất khác không phải là đất ở đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì vẫn có đủ điều kiện để phát triển nhà ở thương mại.

- Trên thực tế, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được nhiều hồ sơ thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện đầu tư

⁵¹ Điểm a Khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở (sửa đổi bởi): “Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 của Luật Nhà ở

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Có quyền sử dụng đất hợp pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này mà việc sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về đất đai, trừ trường hợp thuộc diện Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và các trường hợp thu hồi khác theo quy định của pháp luật:

a) Có quyền sử dụng đất ở;

b) Có quyền sử dụng đất ở và đất khác không phải là đất ở đáp ứng điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

Sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định của pháp luật về đất đai.”

xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở xã hội; trong đó Nhà đầu tư đính kèm tài liệu chứng minh Nhà đầu tư có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải là đất ở để thực hiện đầu tư dự án nhà ở xã hội hoặc nhà đầu tư có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Quyết định giao đất nhưng mục đích sử dụng đất hiện hữu không phải là đất ở. Trong các trường hợp này, căn cứ theo quy định của Điều 23 Luật nhà ở hoặc Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở nêu trên, nhà đầu tư sẽ không đáp ứng được điều kiện về đất để phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội.

- Trong khi đó, pháp luật về đầu tư và pháp luật về đất đai đã có quy định cho phép thực hiện dự án nhà ở (nói chung) và nhà ở xã hội (nói riêng) trong trường hợp nhà đầu tư nhà đầu tư có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở và đất khác không phải là đất ở) hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

+ Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư quy định:

“Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất, trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật và đất đai;

b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;”

+ Khoản 1 Điều 193 Luật Đất đai quy định:

“Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án;”

Căn cứ các quy định nêu trên, Luật Đầu tư và Luật Đất đai cho phép trong trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở hoặc đất có mục đích sử dụng khác không phải là đất ở) hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bao gồm cả đất nông nghiệp) thì có thể sử dụng các đất này để đề xuất thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (bao gồm đầu tư xây dựng nhà ở xã hội).

- Để quản lý việc phát triển nhà ở, nhà nước còn công cụ là quy hoạch và kế hoạch, cụ thể như sau:

+ Theo quy định tại Điểm a và Điểm 3 Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, để thực hiện dự án, Đề xuất dự án phải phù hợp với quy hoạch⁵² và mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở.

Theo đó, nhà nước dùng công cụ quy hoạch để xác định khu vực nào sẽ được thực hiện dự án nhà ở xã hội và dùng kế hoạch để xác định trong giai đoạn nào sẽ được phát triển bao nhiêu nhà ở xã hội. Như vậy, nhà nước đã có các công cụ phù hợp để thực hiện việc quản lý nhà nước về phát triển nhà ở xã hội, tránh tình trạng mua gom đất, phát triển nhà ở xã hội một cách ồ ạt.

- Bên cạnh đó, tại các vị trí đã được quy hoạch để phát triển nhà ở xã hội và đã được đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nếu nhà nước không chấp thuận cho phép thực hiện dự án nhà ở xã hội do hiện trạng đất không phải là đất ở thì sẽ dẫn tới tình trạng đất đai tại địa điểm đó không được sử dụng một cách hiệu quả, gây lãng phí đất đai, cụ thể:

+ Nếu nhà đầu tư tiếp tục sử dụng đất theo mục đích cũ hoặc phát triển dự mới phù hợp với mục đích sử dụng đất theo mục đích hiện hữu thì sẽ không được chấp thuận do việc thực hiện theo mục đích cũ sẽ không phù hợp với quy hoạch đã được duyệt cho vị trí đó là để phát triển nhà ở.

+ Nếu nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích để phát triển nhà ở thì sẽ không phù hợp với quy định về việc phải có đất ở mới được phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội nêu trên tại Điểm d Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở.

- Ngoài ra, theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai, khi sử dụng đất để phát triển nhà ở xã hội thì không phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai, nhà đầu tư sẽ được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi phát triển nhà ở xã hội. Do vậy, việc chấp thuận cho nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất (bao gồm đất ở và các loại đất khác) hoặc chấp thuận cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải đất ở sẽ không dẫn tới tình trạng thiếu cạnh tranh hoặc không gây thất thoát về nguồn thu của nhà nước.

- Việc yêu cầu phải có đất ở mới được thực hiện nhà ở xã hội khiến có các khu đất có đủ điều kiện làm nhà ở xã hội ít đi, làm tăng chi phí đầu vào cho nhà đầu tư trong việc huy động quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, qua đó làm tăng giá nhà ở xã hội.

Nói tóm lại, việc Điểm d Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở quy định nhà đầu tư phải có đất ở mới được phát triển nhà ở xã hội đang khiến cho Luật Nhà ở không đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai; không thể hiện rõ mục tiêu

⁵² Điểm a Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư quy định về nội dung thẩm định dự án: "Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có)."

quản lý nhà nước, gây lãng phí đất đai, góp phần làm tăng giá nhà ở xã hội và là trở ngại pháp lý dẫn tới làm chậm tiến độ chủ trương thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội của Chính phủ.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai và Luật Nhà ở đang được sửa đổi, góp phần khai thác một cách hiệu quả nguồn lực đất đai. Tháo gỡ khó khăn pháp lý cho các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở thương mại khi thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này đồng thời góp phần khai thác một cách hiệu quả nguồn lực đất đai.

11.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Giải pháp 2: Cơ chế xác định các hình thức sử dụng đất để phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở xã hội và nhà ở thương mại.

11.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: vẫn còn vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao thuê đất, công nhận chủ đầu tư cho các doanh nghiệp, dẫn đến việc làm sụt giảm nguồn cung sản phẩm nhà ở, đẩy giá nhà trên địa bàn thành phố tăng cao. Ngoài ra ảnh hưởng đến các nguồn thu từ đất của ngân sách nhà nước.

* Tác động về mặt xã hội: Như đã phân tích, việc giữ nguyên quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 56 Luật Nhà ở trong đó quy định nhà đầu tư phải có đất ở mới được phát triển nhà ở xã hội đang khiến cho Luật Nhà ở không đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai; không thể hiện rõ mục tiêu quản lý nhà nước, gây lãng phí đất đai, góp phần làm tăng giá nhà ở xã hội và là trở ngại pháp lý dẫn tới làm chậm tiến độ chủ trương thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội của Chính phủ..

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Tác động về kinh tế: Góp phần đẩy nhanh việc triển khai đầu tư các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tác động về mặt xã hội: góp phần đẩy nhanh việc triển khai các dự án nhà xã hội đang rất cấp thiết tại Thành phố Hồ Chí Minh, tránh hoang hóa, lãng phí nguồn tài nguyên đất đai khi chưa đưa vào triển khai thực hiện dự án theo đúng quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ vướng mắc, khó khăn đối với các dự án đã được chấp thuận chủ trương, chấp thuận đầu tư nhưng chưa đảm bảo quyền sử dụng đất ở, chưa được giao đất, chưa được chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đất đai. Tạo ra nguồn cung nhà ở trên thị trường, góp phần giảm giá nhà trên mặt bằng chung giải quyết nhu cầu về chỗ ở giá cả hợp lý cho người dân.

- Tác động về vấn đề giới: không có

- Tác động về thủ tục hành chính: không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Góp phần đảm bảo sự đồng bộ cho hệ thống pháp luật, trong đó có quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai và pháp luật về nhà ở.

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

12. Quy định về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:

12.1 Xác định vấn đề bất cập

a) Về quy định pháp luật hiện hành

Công trình nhà đỗ xe cao tầng lắp ghép có thể bố trí tại các vị trí trên đất của đường bộ, đất công viên hoặc đất quy hoạch xây dựng công trình công cộng (nhưng chưa thực hiện dự án, chưa khai thác hết công năng). Tuy nhiên, việc xây dựng công trình này chưa có tiền lệ và cần xem xét đảm bảo đúng quy định.

Theo quy định tại Quy chuẩn 01:2021/BXD về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng có yêu cầu về diện tích đỗ xe tối thiểu mà các công trình (khách sạn, văn phòng cao cấp, trụ sở cơ quan đối ngoại, trung tâm hội nghị, triển lãm, trung bày, trung tâm thương mại, chung cư) phải đáp ứng để bảo đảm việc hoạt động bình thường, 100m² sàn sử dụng cho trung tâm thương mại thì chủ đầu tư công trình phải bảo đảm bố trí tối thiểu 1 chỗ đỗ xe ô tô (diện tích 25m²). Nơi để xe đạp xe máy, xe ô tô tại các cơ quan nhà nước thực hiện theo Tiêu chuẩn số TCVN 4601:2012.

b) Thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Khu vực trung tâm thành phố ngoài việc có nhiều công trình thu hút người dân đến mua sắm, làm việc như các trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng còn là nơi có nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng như: đường đi bộ Nguyễn Huệ, công viên Bến Bạch Đằng, công viên 23 Tháng 9, công viên 30 Tháng 4, Nhà thờ Đức Bà, Buu điện Thành phố, Thảo cầm viên, các bảo tàng,... nhu cầu về đỗ xe của người dân tại các công trình, địa điểm này hiện là vấn đề cấp thiết.

Hiện nay, lượng ô tô thành phố quản lý khoảng hơn 850.000 phương tiện, cùng hơn 7,8 triệu xe máy (tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2021), chưa tính xe vắng lai từ địa phương khác. Số liệu ghi nhận từ Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn Quận 1, 3, 5 đang có hơn 21.500 phương tiện ô tô. Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm, xe ô tô đăng ký mới hơn 7.500 xe, tăng hơn 20% so với cùng kỳ. Trong khi hệ thống bến bãi ở thành phố hiện chỉ đạt khoảng 20% quy hoạch (thiếu hơn 900 ha so với chỉ tiêu gần 1.200 ha) khiến nhu cầu đỗ, giữ xe ngày càng bức bách, đặc biệt ở khu trung tâm thành phố.

Theo quy hoạch có 4 bãi đỗ xe ngầm kết hợp dịch vụ thương mại và công cộng trong khu vực 930ha tại: Sân khấu Trống Đồng, Công viên Lê Văn Tám, Công viên Tao Đàn và Sân vận động Hoa Lư (tổng công suất dự kiến là 5.708 xe ô tô, 5.793 xe 02 bánh) nhưng đến nay chưa có công trình nào được triển khai và hiện còn đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm 2022, thành phố đã đón hơn 11 triệu lượt khách nội địa⁵³ (tăng 43% so với cùng kỳ năm ngoái) và đón được gần 500.000 lượt khách quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển khách du lịch, mỗi ngày thành phố phải tiếp nhận hàng nghìn lượt xe từ 30 chỗ trở lên và khoảng 6.000 xe dưới 30 chỗ.

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Theo Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai nhằm tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

Việc triển khai các công trình phục vụ lợi ích công cộng như: nhà đậu xe cao tầng lắp ghép; các công trình phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao..., xây dựng tạm thời là rất cần thiết nhằm góp phần giải quyết phần nào nhu cầu đỗ xe của nhân dân, doanh nghiệp tại khu vực trung tâm thành phố, góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông, tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đồng thời khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.

12.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính

⁵³ Báo cáo số 949/BC-SDL ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Sở Du lịch về tình hình hoạt động du lịch 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm.

sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh

b) Giải pháp 2: Quy định về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

12.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: hạn chế khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng, hạn chế khả năng phát huy nguồn lực đầu tư, cũng như khả năng khai thác hiệu quả sử dụng đất do nhà nước quản lý.

- Tác động về mặt xã hội: hạn chế khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hạ tầng, hạn chế nhu cầu đậu xe, các hoạt động văn hóa xã hội khác và các hao phí xã hội do thiếu chỗ đậu xe.

- Tác động về vấn đề giới: không ảnh hưởng và tác động về vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: không thay đổi thủ tục hành chính.

- Tác động đối hệ thống pháp luật: không làm thay đổi hệ thống pháp luật

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: tăng cường khả năng huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội trong khi ngân sách thành phố còn chưa đáp ứng. Phát huy tối đa nguồn lực từ sử dụng đất, tổ chức phát triển không gian đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

- Tác động về mặt xã hội: tăng khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển hoàn thiện đô thị và hạ tầng đô thị, đặc biệt phát triển hạ tầng giao thông theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu đậu xe và giảm các hao phí xã hội do nguyên nhân ùn tắc giao thông.

- Tác động về vấn đề giới: không ảnh hưởng và tác động về vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: bổ sung thủ tục hành chính sau khi cơ chế đề xuất này được Chính phủ quy định chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện.

- Tác động đối hệ thống pháp luật: được bổ sung Nghị định quy định của Chính phủ đối với việc tổ chức áp dụng, triển khai cơ chế, chính sách sau khi Quốc hội thông qua.

12.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

13. Cơ chế khuyến khích đối với các Chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện

13.1. Xác định vấn đề bất cập

- Quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do Quốc hội ban hành: “Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Theo khoản 5 Điều 12 của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, dịch vụ xử lý rác sinh hoạt nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.

- Quy định này gây vướng mắc, khó khăn như thế nào:

Hiện nay, chất thải rắn sinh hoạt (sau đây gọi tắt là CTRSH) phát sinh trên địa bàn Thành phố với khối lượng khoảng 10.000 tấn/ngày, đang được điều phối về 03 cơ sở xử lý CTRSH trong các khu liên hợp xử lý chất thải của Thành phố, cụ thể như sau:

- Nhà máy xử lý của Công ty Cổ phần Vietstar – KLH XLCTR Tây Bắc, huyện Củ Chi: 1.800 tấn/ngày;

- Nhà máy xử lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa – KLH XLCTR Tây Bắc, huyện Củ Chi: 1.000 – 1.400 tấn/ngày;

- Bãi chôn lấp Đa Phước của Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam – KLH XLCTR Đa Phước, huyện Bình Chánh: 3.000 tấn/ngày theo Hợp đồng và phần khối lượng CTRSH còn lại (tổng khối lượng về bãi chôn lấp Đa Phước khoảng 7.200 tấn/ngày).

Để thực hiện chỉ tiêu về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt “Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện) và tái chế đạt ít nhất 80% (hướng tới 2030: 100%)” trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và góp phần giải quyết vấn đề đảm bảo an ninh rác thải cho Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thực hiện các nhóm giải pháp như sau:

(1) Kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của các nhà máy hiện hữu. Đến nay, đã có một số nhà đầu tư được cấp Quyết định chủ trương đầu tư với công suất chuyển đổi công nghệ cao hơn

công suất trong Hợp đồng đã ký kết với Thành phố (như Công ty Cổ phần Vietstar được cấp chủ trương đầu tư với công suất 2.000 tấn/ngày, công suất trong Hợp đồng là 1.200 tấn/ngày; Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa được cấp chủ trương đầu tư với công suất 2.000 tấn/ngày, công suất trong Hợp đồng là 1.000 tấn/ngày). Tuy nhiên, theo ý kiến của các Sở ngành Thành phố, để lựa chọn các dự án xử lý CTRSH thông qua hình thức đấu thầu đảm bảo đúng quy định pháp luật thì Thành phố chỉ chuyển đổi công nghệ xử lý CTRSH của các nhà máy hiện hữu theo đúng công suất được qui định trong Hợp đồng đã ký kết giữa Thành phố với các đơn vị xử lý (cụ thể là Công ty Cổ phần Vietstar chỉ được chuyển đổi sang công nghệ đốt phát điện với công suất trong Hợp đồng là 1.200 tấn/ngày, Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa chỉ được chuyển đổi sang công nghệ đốt phát điện với công suất trong Hợp đồng là 1.000 tấn/ngày).

Hiện nay tiến độ thực hiện chuyển đổi công nghệ của tất cả các đơn vị còn khá chậm, vẫn đang ở bước hoàn thiện thủ tục pháp lý. Hiện 02 nhà máy của Công ty Vietstar và Công ty Tâm Sinh Nghĩa đang chờ quy hoạch điện, nếu thuận lợi dự kiến đến cuối năm 2024 mới hoàn thành và đi vào vận hành. Ngoài Công ty Vietstar và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa đã có giá đốt phát điện (theo văn bản số 3527/UBND-ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố), các đơn vị còn lại đều chưa hoàn thành báo cáo đầu tư dự án và chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đơn giá xử lý khi chuyển đổi công nghệ.

(2) Kêu gọi đầu tư dự án xử lý CTRSH mới theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại Hợp đồng BLT để xử lý khối lượng CTRSH phát sinh của Thành phố và khối lượng sau khi bãi chôn lấp của Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam đóng bãi, tuy nhiên tiến độ hiện nay đang ở bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Sơ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng dự thảo quy trình chung đấu thầu và dự thảo này cũng cần nhiều thời gian hoàn thiện để có tính hiệu lực, hiệu quả cao vì đây là phương thức mới. Ngoài ra, loại hợp đồng BLT cũng chưa được các Bộ ngành hướng dẫn triển khai thực hiện cũng như chưa được áp dụng trên thực tế

Trên cơ sở hiện trạng chuyển đổi công nghệ trên địa bàn Thành phố và tiến độ thực hiện Dự án PPP như trên, nếu Thành phố không nhanh chóng triển khai các giải pháp để hỗ trợ các dự án chuyển đổi công nghệ kịp hoàn thành, đi vào vận hành trong năm 2024 thì từ năm 2024 trở đi, công tác xử lý CTRSH trên địa bàn Thành phố sẽ rất khó khăn do không còn nhà máy nào khác để tiếp nhận ngoài 02 nhà máy hiện hữu của Công ty Vietstar và Công ty Tâm Sinh Nghĩa (02 nhà máy xử lý có công suất giới hạn liên quan đến công nghệ xử lý với tổng công suất xử lý của 02 nhà máy hiện nay vào khoảng 2.800-3.000 tấn/ngày). Với khối lượng rác sinh hoạt dự báo phát sinh trong năm 2025 lên tới 12.000 tấn/ngày, khối lượng rác sinh hoạt dự kiến không có các đơn vị tiếp nhận, xử lý lên đến 9.000 tấn/ngày nếu các dự án

chuyển đổi công nghệ xử lý không kịp đưa vào vận hành trong năm 2025.

Trong trường hợp các đơn vị xử lý rác sinh hoạt có sự đồng thuận trong đầu tư chuyển đổi công nghệ xử lý hiện hữu và nhanh chóng triển khai dự án chuyển đổi công nghệ xử lý với khối lượng theo Hợp đồng theo đúng tiến độ yêu cầu của Thành phố thì dự kiến đến năm 2025, tổng khối lượng rác được xử lý tại các nhà máy chuyển đổi công nghệ là 5.700 tấn/ngày (bao gồm nhà máy Vietstar 1.200 tấn/ngày, nhà máy Tâm Sinh Nghĩa 1.000 tấn/ngày, nhà máy Tasco 500 tấn/ngày và nhà máy của Công ty VWS 3.000 tấn/ngày). Với khối lượng rác sinh hoạt dự báo phát sinh trong năm 2025 lên tới 12.000 tấn/ngày, khối lượng rác sinh hoạt dự kiến không có các đơn vị tiếp nhận, xử lý lên đến 6.300 tấn/ngày do Dự án PPP triển khai chậm.

Do đó, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy công tác chuyển đổi công nghệ và nâng công suất xử lý rác của các nhà máy hiện hữu cần được triển khai cấp bách trong thời gian tới là một giải pháp vô cùng quan trọng để giảm rủi ro về an ninh chất thải trên địa bàn Thành phố

13.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Đảm bảo tình hình an ninh chất thải cho Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đáp ứng yêu cầu theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và các quy định hướng dẫn liên quan:

+ Khoản 4 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2022 quy định: Chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chính phủ quy định lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp.

+ Khoản 2 Điều 60 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định "Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi đầu tư mới hoặc đưa vào vận hành các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt ưu tiên đầu tư công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; bảo đảm giảm dần tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp chất thải rắn do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ phát triển".

- Phân đầu đạt chỉ tiêu về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 “Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ mới hiện đại (đốt phát điện) và tái chế đạt ít nhất 80% (hướng tới 2030: 100%)”

13.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Cơ chế khuyến khích đối với các chủ dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu có đủ năng lực thực hiện chuyển đổi công nghệ xử lý từ chôn lấp hợp vệ sinh sang đốt phát điện.

13.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp

- Tác động về kinh tế:

Với việc triển khai giải pháp này, Thành phố huy động được nguồn lực xã hội hóa trong việc đầu tư, xây dựng nhà máy chuyển đổi công nghệ; trong đó, nguồn vốn đầu tư Nhà máy chuyển đổi công nghệ của Công ty Cổ phần Vietstar là 3.414.750.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa là 4.966.639.485.764 đồng (theo Quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp) và nguồn vốn đầu tư 01 Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến, hiện đại ước tính khoảng trên 4.000 tỷ đồng (tương đương với nhà máy chuyển đổi công nghệ 2.000 tấn/ngày nêu trên).

- Tác động về mặt xã hội:

Đảm bảo an ninh chất thải, góp phần đảm bảo tình hình trật tự xã hội cho Thành phố.

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do Quốc hội ban hành: “Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật”.

Theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định “Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng” thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng (số thứ tự 5, mục II Biểu 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

Việc triển khai thực hiện đấu thầu lựa chọn đơn vị xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố còn chậm, có khả năng ảnh hưởng đến tình hình an ninh rác thải của Thành phố. Do đó, nếu áp dụng giải pháp này sẽ khuyến khích các đơn vị xử lý hiện hữu cải tiến, đổi mới công nghệ xử lý và khuyến khích nhà đầu tư mới

tham gia đầu tư, xây dựng nhà máy xử lý công nghệ tiên tiến, hiện đại giúp cho Thành phố đảm bảo tình hình an ninh rác thải, hướng đến việc hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp đảm bảo theo yêu cầu của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

13.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

Nếu được thông qua cơ chế, chính sách nêu trên, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiến hành thực hiện các nội dung như sau:

+ Đàm phán để ký kết các phụ lục hợp đồng để tiếp tục đặt hàng cung ứng dịch vụ xử lý rác với các chủ xử lý đã ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý rác với TP.HCM để thực hiện chuyển đổi công nghệ và nâng công suất xử lý, cụ thể như sau: Công ty Cổ phần Vietstar (2.000 tấn/ngày), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (2.000 tấn/ngày). Đây là cơ sở để đơn vị xử lý nhanh chóng triển khai, đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy.

+ Lựa chọn ngay nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm để đầu tư dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt công nghệ tiên tiến, hiện đại với công suất 2.000 tấn/ngày.

14. Cơ chế về công tác thu hồi đất trong vùng phụ cận

14.1. Xác định vấn đề bất cập:

Luật Đất đai 2013 đã quy định cụ thể các trường hợp thu hồi đất cho mục đích quốc phòng, an ninh và cho phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng tại Điều 61 và Điều 62. Theo đó, Nhà nước chỉ thu hồi đất với các dự án đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư và một số trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua sự cần thiết phải thu hồi đất. Tuy nhiên, thực tế việc áp dụng các quy định về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế bất cập nhất là việc thu hồi đất trong vùng phụ cận như việc thu hồi đất vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Luật Đất đai còn nhiều khó khăn hạn chế do diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận lại không thuộc các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai.

Hiện nay, Thành phố hiện đang thực hiện các dự án đầu tư công trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị như các Dự án tuyến Metro, Vành đai, Cao tốc, Rạch Xuyên Tâm, Khu Bình Quới – Thanh Đa. Đây là các dự án đầu tư công lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất trong vùng phụ cận, làm tăng giá đất, giá nhà và cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc đầu cơ đất đai tại các khu vực này.

Lấy ví dụ cụ thể đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông mà Thành phố đã đầu tư trước đây như tuyến đường Võ Văn Kiệt, tuyến đường Hoàng Sa – Trường Sa hay mới nhất là tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên. Trước khi thông tin quy hoạch được công bố, đã xuất hiện tình trạng người dân, tổ chức “đổ xô đi mua

đất” vùng phụ cận các dự án trên.

Việc này ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, đồng thời gián tiếp làm tăng giá trị bồi thường khi Nhà nước cần thu hồi đất trong vùng phụ cận này để thực hiện các dự án đầu tư công khác.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc ban hành cơ chế, chính sách để giải quyết vấn đề này là cần thiết.

14.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Quy định cụ thể việc khai thác hiệu quả quỹ đất phụ cận các công trình kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chính sách ưu tiên cho người có đất ở bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 53 Điều 3 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đã giải thích về “Vùng phụ cận” như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

... 53. *Vùng phụ cận là vùng đất tiếp giáp với các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”.*

Bên cạnh đó, tại khoản 4d Điều 39 Luật Đất đai 2013 và tại điểm c khoản 4 Điều 64 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ cũng đã thể hiện nội dung quy định như sau:

“Điều 64. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

...4. *Nội dung kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, bao gồm:*

c) *Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án cấp quốc gia và cấp tỉnh sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật này; các công trình, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.*

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh”.

Như vậy, theo quy định trên, Luật Đất đai 2013 và dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) vẫn cho phép khi lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì được phép xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, tại Điều 77 và 78 dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP của Chính phủ nêu trên quy định về việc thu hồi đất để phục vụ các mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng lại **không** thể hiện quy định về việc Nhà nước được thu hồi để thực hiện các dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong

vùng phụ cận của các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

Việc cho phép Thành phố thực hiện thí điểm thực hiện trước đối với chính sách trên giúp cho việc thực hiện các dự án đầu tư công trong vùng phụ cận của Thành phố được thuận lợi. Tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng. Ngoài ra, tạo nguồn kinh phí cho Thành phố để tiếp tục thực hiện các dự án tương tự trong các vùng phụ cận. Bên cạnh đó, sẽ thể chế hóa, hiện thực hóa được các định hướng, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

14.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh mà tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành và thực hiện theo đúng lộ trình ban hành, áp dụng của Luật Đất đai sửa đổi (có hiệu lực dự kiến từ 07/2024).

b) Giải pháp 2: Cho phép Thành phố được triển khai thực hiện thí điểm cơ chế về công tác thu hồi đất trong vùng phụ cận.

14.4. Đánh giá tác động của từng giải pháp:

a) Giải pháp 1:

* Tác động về kinh tế: Việc thực hiện các dự án trong vùng phụ cận của các dự án đề xuất thí điểm vẫn gặp nhiều khó khăn bất cập về chi phí bồi thường, về thực hiện các thủ tục thu hồi đất,...

* Tác động về mặt xã hội: Vẫn tồn tại tình trạng đầu cơ đất đai.

* Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

* Tác động đối với hệ thống pháp luật: không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

* Về kinh tế:

- Đối với Nhà nước: Giải pháp này đảm bảo thể chế hóa được quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, cụ thể là tạo sự rõ ràng, rành mạch trong việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Nhà nước tạo được quỹ đất sạch để chủ động khai thác nguồn lực đất đai đáp ứng nhu cầu đất đai cho quá trình phát triển và điều tiết địa tô chênh lệch. Ngoài ra giúp cho việc thực hiện các dự án đầu tư công trong vùng phụ cận của Thành phố được thuận lợi. Tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách Thành phố nói riêng. Ngoài ra, tạo nguồn kinh phí cho Thành phố để tiếp tục thực hiện các dự án tương tự trong các vùng phụ cận.

- Đối với người sử dụng đất: tạo sự rõ ràng, rành mạch trong việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

* Về mặt xã hội:

- Đối với Nhà nước: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, người sử dụng đất và chủ đầu tư do thu hẹp và quy định rõ ràng, rành mạch cơ chế việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng để Nhà nước tạo được quỹ đất sạch để chủ động khai thác nguồn lực đất đai đáp ứng nhu cầu đất đai cho quá trình phát triển và điều tiết địa tô chênh lệch. Thể chế hóa các định hướng, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

- Đối với công dân và doanh nghiệp: Tiếp tục thu hẹp và quy định rõ ràng, rành mạch cơ chế thực hiện việc thu hồi đất trong vùng phụ cận.

* Về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Về thủ tục hành chính: thủ tục hành chính thực hiện tương tự công tác thu hồi đất đã được quy định tại dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

* Về hệ thống pháp luật: Tăng cường được hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

14.5. Kiến nghị:

Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

15. Cơ chế xử lý các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp

15.1. Xác định vấn đề bất cập:

15.1.1. Về quyền chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch để thực hiện dự án của doanh nghiệp

Theo quy định của Điều 57, 58 Luật Đất đai, người sử dụng đất được quyền chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khi chuyển mục đích sử dụng đất thì phải đảm bảo thực hiện các thủ tục, trình tự và thực hiện nghĩa vụ tài chính ương ứng với mục đích mới.

Theo quy định của Khoản 1 Điều 7 Luật doanh nghiệp (không phân biệt loại hình doanh nghiệp), doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động,

phân bổ và sử dụng vốn; chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp. Như vậy, tùy thời điểm nhu cầu thị trường, định hướng hoạt động của doanh nghiệp, ... mà doanh nghiệp cổ phần hóa xác định mục tiêu đầu tư, hoạt động tại địa điểm khu đất hiện hữu được trao quyền sử dụng đất sao cho có hiệu quả nhất mà vẫn đảm bảo quy hoạch nhà nước phê duyệt hoặc thậm chí doanh nghiệp cổ phần hóa quyết định bán, chuyển nhượng tài sản trên khu đất hoặc bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giao/ thuê trả tiền 01 lần cho các tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp vì mục tiêu quản lý mà Nhà nước điều chỉnh quy hoạch khiến doanh nghiệp không thể tiếp tục thực hiện dự án theo mục tiêu cũ một cách có hiệu quả thì doanh nghiệp có thể thực hiện việc đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch theo các quy định nêu trên.

Theo quy định của Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư, khi doanh nghiệp đề nghị nhà nước chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Việc thu hồi đất chỉ thực hiện nếu thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 61 (thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh), Điều 62 (thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng), Điều 64 (thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai) và Điều 65 (thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người).

Do vậy, trường hợp khu đất do doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý, sử dụng hợp pháp không thuộc phạm vi thu hồi theo quy định trên thì không có căn cứ để thu hồi đất. Trong trường hợp doanh nghiệp đáp ứng được điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất thì doanh nghiệp được quyền chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 57 Luật Đất đai 2013.

15.1.2. Về Phương án sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa:

Việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước bắt đầu thực hiện từ Nghị định số 28-CP ngày 07 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ về chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Đến thời điểm hiện nay, liên quan đến lĩnh vực này, Chính phủ đã ban hành 10 Nghị định (Nghị định số 28-CP, Nghị định số 25/1997/NĐ-CP, Nghị định số 64/2002/NĐ-CP, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP, Nghị định số 109/2007/NĐ-CP, Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, Nghị định số 59/2004/NĐ-CP, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, không kể Nghị định số 150/2020/NĐ-CP về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần).

Việc lập Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được quy định lần đầu tiên tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Việc hướng dẫn lập Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp

Nhà nước được hướng dẫn lần đầu tại Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, Thông tư này chỉ hướng dẫn lập phương án sử dụng đất đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

Như vậy, các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trước Nghị định 109/2007-NĐ-CP có hiệu lực thì không phải thực hiện lập Phương án sử dụng đất do không có quy định.

Đến thời điểm hiện tại, hầu hết các doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực đều không lập Phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa như yêu cầu tại Nghị định này.

15.1.3. Một số vướng mắc, khó khăn khi thực hiện thủ tục trao quyền sử dụng đất (cho thuê đất, cấp Giấy Chứng nhận QSDĐ) cho doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa

Theo Điểm m Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị, “doanh nghiệp sau cổ phần hóa phải thực hiện đúng phương án sử dụng đất đã được phê duyệt trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp”.

Theo Khoản 27 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai về sửa đổi, bổ sung Điều 43 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, theo đó Điểm a Khoản 3 Điều 43 đã sửa đổi, bổ sung quy định “xử lý tồn tại đối với các trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đang sử dụng đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kiểm tra, rà soát việc quản lý sử dụng đất đai theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt để hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho doanh nghiệp cổ phần theo quy định.

Trường hợp phát hiện có vi phạm trong quản lý sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra để xử lý dứt điểm trước khi thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp cổ phần”.

Do không có “phương án sử dụng đất đã được phê duyệt trong phương án cổ phần hóa doanh nghiệp” nên khi thực hiện các trình tự, thủ tục hành chính về đất đai liên quan đến doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường **không có cơ sở** thực hiện Điểm m Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 82/2019/QH14 về kiểm tra “doanh nghiệp sau cổ phần hóa phải thực hiện đúng phương án sử dụng đất”.

Hiện tại chỉ vướng mắc đối với trường hợp cổ phần hóa sau ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực vì sau thời điểm này Nghị định yêu cầu phải lập phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa; các trường hợp không lập phương án sử dụng đất là thực hiện sai quy định của Nghị định 109/2007/NĐ-CP và như vậy, không có cơ sở thực hiện tiếp thủ tục về đất đai.

Đối với trường hợp cổ phần hóa trước ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực, do pháp luật không yêu cầu phải lập phương án sử dụng đất nên khi doanh nghiệp thuộc diện này đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất, Sở TNMT vẫn tiến hành thủ tục về đất đai theo đề nghị của doanh nghiệp, **không có vướng mắc với các trường hợp cổ phần hóa trước ngày Nghị định 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực.**

Cụ thể, các quy định về cổ phần hóa trước đây **không quy định** doanh nghiệp cổ phần hóa phải lập phương án sử dụng đất, cho đến Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ (hiệu lực ngày 01 tháng 8 năm 2007) mới quy định doanh nghiệp cổ phần hóa lập phương án sử dụng đất. Do vậy, **đối với doanh nghiệp cổ phần hóa trước ngày 01 tháng 8 năm 2007 (thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP) không có quy định về lập phương án sử dụng đất.**

15.1.4. Nhiều trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa, khi cổ phần hóa không có phương án sử dụng đất được duyệt, sau khi cổ phần hóa do tài sản trên đất đã tính vào giá trị cổ phần hóa nên nhà nước tiếp tục cho thuê đất, trả tiền thuê hàng năm. Tuy nhiên, do quy hoạch thay đổi ảnh hưởng tới việc tiếp tục thực hiện dự án theo mục tiêu cũ, nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án mới theo quy hoạch điều chỉnh thì bị đề xuất thu hồi, đấu giá. Điều này khiến cho dự án bị đình trệ, không khai thác được hiệu quả theo mục đích cũ và cũng không thể thực hiện được theo mục đích mới, cụ thể vướng mắc về pháp lý như sau:

+ Theo quy định của Luật Đất đai, người sử dụng đất được quyền chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khi chuyển mục đích sử dụng đất thì phải đảm bảo thực hiện các thủ tục, trình tự và thực hiện nghĩa vụ tài chính tương ứng với mục đích mới. Luật Đất đai không quy định bắt buộc trong mọi trường hợp người sử dụng đất nếu không sử dụng đất đúng mục đích đã được giao, cho thuê sử dụng thì Nhà nước thu hồi và bán đấu giá.

- Theo quy định của Luật Đất đai thì việc thu hồi đất chỉ thực hiện nếu thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 61 (thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh), Điều 62 (thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng), Điều 64 (thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai) và Điều 65 (thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người); do vậy, trường hợp khu đất của doanh nghiệp cổ phần hóa không thuộc phạm vi thu hồi theo quy định trên thì không có căn cứ để thu hồi đất, doanh nghiệp được quyền chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 57 Luật Đất đai.

+ Ngày 29 tháng 11 năm 2016, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 10285/VPCP-ĐMDN truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn

Xuân Phúc, tại Điểm 3 Công văn đã chỉ đạo “Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát việc sử dụng đất của các doanh nghiệp cổ phần hóa, **trường hợp doanh nghiệp chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật Đất đai năm 2013, báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ**”.

+ Tuy nhiên, sau đó ngày 07 tháng 12 năm 2017, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 563/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp về xử lý vướng mắc khi triển khai Công văn số 342/TTg-V.I ngày 07 tháng 3 năm 2017 và Công văn số 10285/VPCP ĐMDN ngày 29 tháng 11 năm 2016, kết luận:

“1. ...

- Trường hợp đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc diện thu hồi theo quy định tại Điều 62, Điều 64 và Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 thì thực hiện thu hồi, bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, không để xảy ra sai phạm, thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chỉ đạo này thay thế nội dung tại Điểm 3, Công văn số 10285/VPCP-ĐMDN ngày 29 tháng 11 năm 2016”.

*Về đấu giá quyền sử dụng đất: các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai và điều kiện để tổ chức đấu giá quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai, trong đó có điều kiện “**đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản thuộc hữu Nhà nước**”.*

+ Ngày 15 tháng 6 năm 2018, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 60/2018/QH14 về tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; giao Chính phủ tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó “... trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép **chuyển mục đích sử dụng đất khác với phương án đã được phê duyệt thì tổ chức thu hồi và đấu giá công khai**”. Mặc dù, Nghị quyết số 60/2018/QH14 **hết hiệu lực** kể từ ngày Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 được thông qua; tuy nhiên, đến nay vẫn chưa ban hành quy định, cơ chế, chính sách liên quan đến hướng xử lý các khu đất do doanh nghiệp cổ phần hóa đang sử dụng nay xin chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt sẽ được xử lý như thế nào, việc chuyển mục đích sử dụng đất chỉ cần thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai hay phải đáp ứng thêm các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quản lý tài sản công do các khu đất này có nguồn gốc trước đây của doanh nghiệp Nhà nước quản lý, sử dụng.

+ Về trường hợp đất có nguồn gốc do Nhà nước cho thuê đất ngắn hạn hàng năm cho đến khi thực hiện quy hoạch, trường hợp nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án nhà ở có phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư hay phải thu hồi đất để đấu giá, thì ngày 22 tháng 4 năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2218/BTNMT-TCQLĐĐ có ý kiến “đề nghị

thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai để giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý và sẽ tổ chức giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất”.

- Căn cứ các nội dung trên, quan điểm đang được các cơ quan áp dụng hiện nay là nếu nhà đầu tư đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy hoạch mới thì sẽ bị đề xuất thu hồi để đấu giá. Điều này có nhiều bất cập vì:

+ Theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ) đối với doanh nghiệp có tỷ lệ vốn nhà nước dưới 50% không thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà đất, việc quản lý, sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

+ Việc thay đổi quy hoạch là do nhà nước thực hiện. Quy hoạch thay đổi khiến nhà đầu tư không thể tiếp tục thực hiện dự án theo mục tiêu cũ một cách có hiệu quả.

+ Khi tiến hành cổ phần hóa, tài sản trên đất thuộc sở hữu của doanh nghiệp cổ phần. Khi tham gia mua cổ phần, nhà đầu tư đã xem xét đến khả năng phát triển doanh nghiệp trong tương lai dựa trên nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố về các mặt bằng khu đất doanh nghiệp cổ phần hóa được quản lý sử dụng để quyết định mua cổ phần.

+ Theo quy định của Luật doanh nghiệp, (không phân biệt loại hình doanh nghiệp) doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp. Như vậy, tùy thời điểm nhu cầu thị trường, định hướng hoạt động của doanh nghiệp, ... mà doanh nghiệp cổ phần hóa xác định mục tiêu đầu tư, hoạt động tại địa điểm khu đất hiện hữu được giao/ thuê sử dụng sao cho có hiệu quả nhất mà vẫn đảm bảo quy hoạch nhà nước phê duyệt hoặc thậm chí doanh nghiệp cổ phần hóa quyết định bán, chuyển nhượng tài sản trên khu đất hoặc bán tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giao/ thuê trả tiền 01 lần cho các tổ chức, cá nhân khác.

+ Ngày 12 tháng 5 năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; theo đó, Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT chỉ quy định chi tiết về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp nay cổ phần hóa, để cổ phần hóa; không quy định và áp dụng cho doanh nghiệp đã cổ phần hóa. Về phê duyệt phương án sử dụng đất cho doanh nghiệp đã cổ phần hóa thì hiện nay không có quy định, không có căn cứ và không thể lập, thẩm định, trình phê duyệt phương án sử dụng đất.

15.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhằm thống nhất hướng xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa xin chuyển mục đích sử dụng đất; quy định cơ chế, chính sách đối với các trường hợp này.

15.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

- Giải pháp 2:

Cơ chế xử lý các khu đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà không có phương án sử dụng đất được duyệt khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

15.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Việc giữ như hiện trạng khiến cho các dự án thuộc diện này không thể triển khai thực hiện do các vướng mắc về pháp lý. Do đó, có tác động tiêu cực tới cả kinh tế, xã hội, và khiến hệ thống pháp luật cũng không đảm bảo được sự đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: Tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, linh hoạt và áp dụng quy định để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục có liên quan đến khu đất đã được nhà nước giao/cho thuê.

- Tác động về vấn đề giới: không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai hiện hữu, không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định cụ thể để doanh nghiệp cổ phần hoá chủ động thực hiện các thủ tục có liên quan để thực hiện dự án đối với khu đất đã được nhà nước giao/cho thuê.

15.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

16. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi ban hành thông báo thu hồi đất

16.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng là “điểm nghẽn” rất lớn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đối với tất cả các loại dự án có yêu cầu thu hồi và sử dụng đất. Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng là công tác rất khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, nơi ở và sinh kế của người dân có đất bị thu hồi, tiềm tàng các nguy cơ về trật tự, an toàn xã hội. Đối với dự án đầu tư kinh doanh sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do đặc thù của loại dự án này là đã có sẵn mặt bằng sạch (theo hình thức đấu giá) hoặc việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công. Trong khi đó, để đẩy mạnh tiến độ, quá trình phục hồi và phát triển kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh sau đại dịch COVID-19, rất cần triển khai sớm các công trình, dự án lớn, nhất là về hạ tầng kỹ thuật (giao thông) và hạ tầng khu đô thị mới như Dự án cải tạo Rạch Xuyên Tâm, Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4, Dự án Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2, Dự án khu Bình Quới – Thanh Đa, Dự án Khu Liên hợp Thể dục thể thao Quốc gia Rạch Chiếc, Dự án Công viên khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Dự án Khu công viên – Hồ điều tiết – Khu dân cư Tam Phú; đây cũng là mong muốn của các nhà đầu tư có năng lực, có cam kết đầu tư tư lâu dài tại Thành phố. Tuy nhiên, trình tự thực hiện công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013 mất rất nhiều thời gian khi phải thông qua các bước: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ Điều 40 Luật Đất đai (sửa đổi tại Điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch Thành phố và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND Thành phố phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch thành phố được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra,

khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bất buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai.

Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300ha trở lên. Do đó, rất cần cơ chế đặc thù để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi; từ đó sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các Nhà đầu tư trong việc triển khai dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ phục hồi kinh tế tăng trưởng GRDP của Thành phố.

Bên cạnh đó, trên địa bàn Thành phố, tình hình biến động đất đai rất lớn và hết sức phức tạp trong đó bao gồm biến động về ranh giới và chủ thể sử dụng đất, do đó việc trích lục sẽ không đảm bảo việc ban hành Thông báo thu hồi đất đúng ranh giới, đúng đối tượng sử dụng.

Việc Thông báo thu hồi đất không đúng ranh giới, đối tượng sử dụng sẽ dẫn đến việc phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Thông báo thu hồi và ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ thực hiện dự án.

Đồng thời, đối với những dự án lớn trên địa bàn Thành phố nêu trên, số lượng người dân bị ảnh hưởng nhiều thì sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất mới thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm sẽ không đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

16.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, trong đó tại khoản 2 Điều 5 đã có quy định cho phép tỉnh Khánh hòa thí điểm thực hiện công tác kiểm đếm trước khi ban hành Thông báo thu hồi đất đối với một số dự án như sau:

“Điều 5. Quản lý đất đai

2. Việc thực hiện chuẩn bị thu hồi đất tại Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm được quy định như sau:

a) Đối với dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và có quy mô từ 300 ha trở lên, căn cứ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành danh mục các dự án được tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này;

b) Căn cứ danh mục dự án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, ban hành thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được gửi đến từng người sử dụng đất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư;

c) Trên cơ sở thông báo tại điểm b khoản này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai được phép triển khai việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo thu hồi đất và sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và ban hành trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này”.

Theo đó, Quốc hội đã chấp thuận cho tỉnh Khánh Hòa được thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm là biện pháp kỹ thuật nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án. Dự kiến trong thời gian thực hiện đo đạc, kiểm đếm, cơ quan có thẩm quyền sẽ chấp thuận chủ trương đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; sau khi lựa chọn được nhà đầu tư sẽ sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để cập nhật, làm cơ sở ban hành Thông báo thu hồi đất cũng như để chuẩn bị cho công tác lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Các trình tự, thủ tục sau khi đã lựa chọn được nhà đầu tư, ra thông báo thu hồi đất được tiếp tục thực hiện theo quy định của điều 69 Luật Đất đai (nhưng không

thực hiện lại thủ tục khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đã thực hiện trước đó). Việc đo đạc, kiểm đếm theo chính sách này không ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của người dân cũng như có ý kiến thực tiễn, vì rút ngắn thời gian thực hiện khoảng 5-6 tháng so với quy định.

Do đó, Thành phố kiến nghị Chính phủ và Quốc hội cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành đo đạc, kiểm đếm ngay sau khi chủ trương đầu tư thực hiện dự án được phê duyệt mà không chờ đến Thông báo thu hồi đất được ban hành mới thực hiện nhằm đảm bảo công tác ban hành Thông báo thu hồi đất đúng ranh giới, đúng đối tượng sử dụng, tránh bỏ sung, điều chỉnh nhiều lần, mất thời gian ảnh hưởng đến tiến độ chung dự án. Đặc biệt, đối với những dự án lớn, trọng điểm, cấp bách nêu trên cần hoàn thành sớm công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng.

16.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi ban hành thông báo thu hồi đất.

16.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế:

Việc Thông báo thu hồi đất không đúng ranh giới, đối tượng sử dụng sẽ dẫn đến việc phải cập nhật, điều chỉnh, bỏ sung Thông báo thu hồi, làm chậm tiến độ thực hiện dự án, sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội của Thành phố.

- Tác động về mặt xã hội:

Dự án kéo dài sẽ tạo bức xúc cho người dân, dẫn đến người dân không đồng thuận thực hiện dự án.

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Không đáp ứng thời gian về trình tự thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với nhà nước: Rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư và việc triển khai này cũng gắn với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó, góp phần làm tăng tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; tăng vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng... Qua rà soát, thống kê thì nếu thực hiện theo quy trình này sẽ rút ngắn thời gian thực hiện khoảng 5-6 tháng so với quy định hiện hành, nên sẽ tiết kiệm được chi phí thời gian thực hiện thủ tục của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, sẽ tăng thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát huy nguồn lực đất đai của Thành phố.

+ Đối với doanh nghiệp: được hưởng lợi về kinh tế thông qua việc rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Đối với nhà nước:

Về mặt tích cực: khi triển khai chính sách, tiến độ thực hiện dự án được đẩy nhanh, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội. góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các quy hoạch đã được cấp thẩm quyền thông qua tránh tình trạng “quy hoạch treo”.

Về mặt tiêu cực: Việc thực hiện các thủ tục điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất trước khi lựa chọn nhà đầu tư có thể dẫn đến gây tác động, xáo trộn đối với cuộc sống của người dân do chưa có thông báo thu hồi đất (tuy nhiên quyền và lợi ích hợp pháp của người dân vẫn thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật Đất đai).

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Việc thực hiện các thủ tục điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất đồng thời với công việc chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có thể sẽ ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; tiềm ẩn rủi ro về tăng giá đất (tuy nhiên giá đất tăng khi có quy hoạch được duyệt **chứ không theo các nhóm dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất áp dụng chính sách này**).

- Tác động về vấn đề giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này sẽ dẫn đến thay đổi về thủ tục hành chính về thu hồi đất. Trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính này do Hội đồng nhân dân Thành phố quy

định.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.

+ Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đất đai nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Chính sách đảm bảo Theo Khoản 3 Điều 9 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất và phù hợp với thực tiễn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (biến động nhiều về ranh giới và chủ thể sử dụng đất).

+ Trong thực tiễn khi thực hiện các Dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Đai 3 thì người dân rất đồng thuận cho đo đạc, kiểm đếm trước khi ban hành Thông báo thu hồi đất, làm cơ sở cho việc đẩy nhanh và đáp ứng yêu cầu tiến độ theo Nghị Quyết 57/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị Quyết 105/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

+ Trong quá trình sửa đổi Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị đưa nội dung này vào để thực điều chỉnh nhằm hoàn thiện quy định và phù hợp với thực tiễn.

16.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

IV. Các chính sách ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh đối với đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ có vốn từ 3.000 tỷ trở lên; đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (có thời hạn) như áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi, miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư...

1. Các căn cứ:

Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có đề ra các nhiệm vụ:

- Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án công

nghe cao, quản trị hiện đại và có tác động lan toả, kết nối chặt chẽ với kinh tế trong nước; phát triển công nghiệp hỗ trợ kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI.

- Xúc tiến đầu tư Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ,

- Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng logistics, nâng công suất bốc dỡ và kho chứa cảng biển, đón đầu các chuỗi cung ứng; hình thành trung tâm cung ứng dịch vụ logistics tầm cỡ khu vực.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nội dung giải pháp liên quan đến phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị là “xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ”.

2. Xác định vấn đề bất cập:

2.1. Về pháp lý:

2.1.1. Về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư:

Điều 18 Luật Đầu tư 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 quy định Hình thức hỗ trợ đầu tư:

“1. Các hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm: a) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; b) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; c) Hỗ trợ tín dụng; d) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; đ) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; e) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; g) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

2. Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.”

Điều 20 Luật Đầu tư 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt:

“1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.”

Điều 6 Quyết định số 29/2021/TTg-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 về thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: “1. Miễn thuế 5 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 10 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này.”

Chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư, gồm các hình thức hỗ trợ như: Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án; Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển... Thực tiễn việc hỗ trợ không thể thực hiện được khi đàm phán với các nhà đầu tư nước ngoài về các chính sách hỗ trợ để thu hút các dự án công nghệ cao, cụ thể như:

- Về Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án: khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư năm 2020 có quy định hình thức hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư. Việc hỗ trợ hạ tầng nếu thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương hoặc ngân sách địa phương cần tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư công. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào dự án đầu

tư không thuộc đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; do đó, không có cơ sở thực hiện.

- Về Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển không thuộc các khoản chi theo Luật ngân sách nhà nước và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương.

- Về Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vận dụng... phải vận dụng hình thức chi theo đề tài, dự án theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 về Quy chế quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đối với các nhà đầu tư công nghệ cao lớn sẽ không phù hợp.

- Về thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) sẽ không còn hấp dẫn với các doanh nghiệp công nghệ khi hiện nay Qui định về thuế tối thiểu toàn cầu do Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) công bố ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Paris có hiệu lực từ 2023, có nghĩa là dù Việt Nam cho nhà đầu tư FDI miễn thuế TNDN, nhà đầu tư FDI vẫn phải đóng tối thiểu 15% tại quốc gia mẹ (đặc biệt Hoa Kỳ đang muốn giữ chân các công ty công nghệ lớn tiếp tục mở rộng đầu tư tại nước mình), do đó chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt tại Quyết định số 29/2021/TTg-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ không còn là lợi thế cạnh tranh để thu hút đầu tư các tập đoàn công nghệ cao

2.1.2. Về hình thức lựa chọn nhà đầu tư:

- Khoản 1 Điều 29 Luật Đầu tư quy định:

"1. Lựa chọn nhà đầu tư được tiến hành thông qua một trong các hình thức sau đây:

- a) Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;*
- b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;*
- c) Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này."*

- Luật Đất đai năm 2013:

+ Khoản 1 Điều 118 quy định:

"1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

- a) Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê hoặc cho thuê mua;*
- b) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê;*
- c) Sử dụng quỹ đất để tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;*
- d) Sử dụng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;*
- đ) Cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối;*
- e) Giao đất, cho thuê đất đối với đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản*

gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước;

g) Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân;

h) Giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất”.

+ Khoản 2 Điều 118 quy định:

“2. Các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất bao gồm: ...i) Các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.”

+ Khoản 1 Điều 119 quy định:

“ 1. Điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất:

a) Đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản thuộc sở hữu nhà nước;

c) Có phương án đấu giá quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Điều 140 quy định:

- “Điều 140. Đất có mặt nước ven biển

1. Đất có mặt nước ven biển được Nhà nước cho thuê đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, phi nông nghiệp.

2. Việc sử dụng đất có mặt nước ven biển theo quy định sau đây:

a) Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo vệ đất, làm tăng sự bồi tụ đất ven biển;

c) Bảo vệ hệ sinh thái, môi trường và cảnh quan;

d) Không cản trở việc bảo vệ an ninh quốc gia và giao thông trên biển.”

- Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ

+ Điều 46 quy định chi tiết trình tự đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất:

+ Điều 73 quy định Trình tự thẩm định, phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

“1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề xuất áp dụng phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

2. Trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường

hợp đặc biệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

3. Căn cứ hồ sơ đề xuất của người có thẩm quyền và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.”

+ Điều 74 quy định Hồ sơ đề xuất áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

“1. Văn bản đề nghị áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin cơ bản của dự án;

b) Lý do đặc thù, riêng biệt của dự án mà không thể áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Điều 20 và Điều 22 của Luật Đấu thầu và Điều 10 của Nghị định này;

c) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (bao gồm các bước thực hiện lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được tính đặc thù, riêng biệt của dự án được đề xuất để đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án).

2. Các văn bản pháp lý có liên quan.

3. Các tài liệu cần thiết khác để giải trình (nếu có).”

2.2. Về thực trạng của Thành phố Hồ Chí Minh

- Với đặc thù của Thành phố là trung tâm kinh tế - văn hoá - sáng tạo của cả nước, Thành phố cần phát triển kinh tế dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, nhà máy thông minh, tiêu tốn ít lao động... việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lĩnh vực công nghệ cao có vai trò quan trọng. Song, thời gian qua, Thành phố đã mất nhiều cơ hội thu hút đầu tư dự án công nghệ cao có quy mô lớn do không có cơ sở và thẩm quyền áp dụng cơ chế ưu đãi do nhà đầu tư đề xuất.

Hiện nhiều quốc gia trên thế giới đang có các gói ưu đãi đầu tư thuận lợi để mời gọi các dự án đầu tư lớn, nhất là đầu tư ngành sản xuất chip, vi mạch bán dẫn, như: Châu Âu có gói ưu đãi 15 tỉ Euro (EU Chip Act), Hoa Kỳ có gói ưu đãi 50 tỉ đô-la Mỹ (US Chip Act), Nhật Bản có gói kích thích sản xuất Chip trị giá 6,8 tỉ đô-la Mỹ, Ấn Độ lập Quỹ ưu đãi 10 tỉ đô-la Mỹ Do đó, Thành phố cần có gói ưu đãi linh hoạt để thu hút các dự án công nghệ cao, nhất là đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D), chế tạo và thiết kế sản phẩm bán dẫn công nghệ cao và lĩnh vực công nghệ thuộc Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Các doanh nghiệp FDI chưa tạo ra được nhiều lan toả về công nghệ, kỹ thuật và chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp trong nước.

Mặc dù Thành phố đã có nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút các dự án FDI công nghệ cao và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp nội địa, tuy nhiên những

kết quả đạt được vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu và nhu cầu của quá trình phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, quỹ kế giải ngân vốn đầu tư nước ngoài còn thấp, chỉ đạt khoảng 46% tổng vốn đăng ký. Đầu tư FDI từ khu vực công nghệ nguồn của thế giới như EU và Mỹ vào Thành phố còn hạn chế. Các đối tác đầu tư lớn từ khu vực châu Á, ngoại trừ Nhật Bản và Hàn Quốc đa số có trình độ công nghệ ở mức trung bình, không cao hơn nhiều so với công nghệ sẵn có trong nước.

- Sự hội nhập quốc tế Thành phố nói riêng và cả nước nói chung ngày càng sâu rộng, độ mở của nền kinh tế Việt Nam rất cao, chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp trước các biến động của tình hình quốc tế, việc tăng giá đồng USD; tăng lãi suất chung trên thị trường và tình trạng trì trệ của các nền kinh tế lớn... dễ bị ảnh hưởng và tổn thương hơn do sự thay đổi trong cấu trúc thương mại, cung ứng trên thế giới.

- Dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh, cạnh tranh thương mại,... có thể sẽ vẫn tiếp diễn, do vậy Thành phố đều có những cách thích ứng của mình để tồn tại và phát triển, nhất là những quốc gia có quy mô nền kinh tế còn nhỏ, còn bị phụ thuộc vào bên ngoài, vào dòng vốn đầu tư toàn cầu khi dòng vốn này cũng đang biến động.

- Môi trường đầu tư của Thành phố đang chịu sự cạnh tranh, lực hút đầu tư của các tỉnh, thành, quốc gia khác có môi trường đầu tư thuận lợi hơn, đây là thách thức to lớn cho các nhà quản lý Thành phố, đơn cử về 197 dự án có thể kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài của Thành phố, tuy nhiên, thực tế chưa có dự án nào để nhà đầu tư nước ngoài sẵn sàng ký cam kết, nghiên cứu triển khai thực hiện.

- Tỷ lệ lấp đầy của Khu Công nghệ cao, các Khu chế xuất - Khu Công nghiệp luôn ở mức cao, quỹ đất để thu hút các dự án phục vụ cho sản xuất công nghiệp không còn nhiều. Do đó, có một số Nhà đầu tư đã phải chuyển hướng đầu tư sang địa phương khác mặc dù trước đó đã có nguyện vọng đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong những năm gần đây một số tỉnh như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Phòng, ... đã thành công trong việc thu hút những tập đoàn đa quốc gia đứng đầu chuỗi cung ứng (Samsung, LG, Apple ...) Nhờ đó, các địa phương nêu trên liên tục thu hút được các nhà cung cấp cấp I, II .. của các tập đoàn này tiếp tục dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng thời gian qua chưa thu hút thêm được các nhà đầu tư thuộc diện này nên không thu hút được các nhà đầu tư trong chuỗi cung ứng vào đầu tư tại Thành phố.

- Thành phố chưa có hành lang pháp lý mạnh mẽ, vượt trội so với mặt bằng chung của cả nước hoặc đủ cạnh tranh với các nhà đầu tư trong khu vực. Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nếu qua quy trình thông thường, thực hiện việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì thường các tập đoàn lớn không tham gia do không xác định được lộ trình triển khai, thời gian thực hiện rất dài, nguy cơ ảnh hưởng đến thương hiệu và giá trị doanh nghiệp nếu không được lựa chọn. Đồng thời, các nhà đầu tư chiến lược thường cân nhắc nhiều địa điểm tại nhiều quốc gia khác nhau để triển

khai dự án và tổ chức đàm phán các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, thời gian triển khai và địa điểm triển khai. Do đó, nếu không có cơ chế đủ mạnh thì Thành phố không thể cạnh tranh với các địa phương ở các quốc gia khác, cụ thể Thành phố đang dự kiến thu hút đầu tư vào Dự án Đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ với một số thông tin như sau:

Bến cảng dự kiến dài 7,2km, trong đó cầu bến chính dài khoảng 6,8km tiếp nhận tàu mẹ trọng tải tới 250.000 DWT (24.000 Teu) và tàu feeder tàu trọng tải 10.000 - 65.000 DWT và bến sà lan dài 1,9km tiếp nhận tàu feeder có trọng tải 10.000 DWT và sà lan trọng tải lên đến 8.500 T (356 TEU);

Tổng diện tích bến dự kiến: 571 ha;

Công suất cảng dự kiến: 16,9 triệu TEU;

Tổng mức đầu tư dự kiến: 5,3 tỷ USD.

Dự án Cảng trung chuyển quốc tế cửa ngõ Sài Gòn tại Cần Giờ là dự án cảng biển thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Theo Phụ lục II – nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư). Dự án có quy mô vốn đầu tư rất lớn (vốn đầu tư toàn bộ dự án là 125,9 ngàn tỷ đồng. Riêng vốn đầu tư cho Giai đoạn 1 – dự kiến giải ngân trong vòng 03 năm – là 15,7 ngàn tỷ đồng), được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại điều 19 – Luật đầu tư 61/2020/QH14. Theo đó sẽ miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê mặt nước... Theo điều 110 và 118, Luật đất đai 45/2013/QH13, dự án rơi vào trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất (khoản b, mục 2, điều 118).

Tuy nhiên, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Để lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược đủ tầm thì Thành phố phải tích cực tham gia đàm phán và phải có cơ chế đẩy nhanh các thủ tục về đầu tư, quy hoạch và xác định các ưu đãi có thể đưa ra để đàm phán. Do đó, nếu không có cơ chế quyết định chủ trương đầu tư đồng thời với lựa chọn nhà đầu tư mà buộc phải đấu giá đất hoặc đấu thầu dự án thì hãng tàu MSC hoàn toàn có thể chuyển hướng sang đầu tư phát triển cảng trung chuyển quốc tế ở một quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, và chúng ta sẽ bỏ lỡ cơ hội.

4. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Có cơ chế vượt trội trong việc lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược vào các ngành, lĩnh vực mà Thành phố có ưu thế, phù hợp với xu hướng thời đại, có tác động lớn, lan tỏa đến kinh tế của Thành phố, vùng Đông Nam bộ và cả nước

5. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính

sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Các chính sách ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh đối với đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ có vốn từ 3.000 tỷ trở lên; đầu tư dự án trong lĩnh vực sản xuất chip, bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên; đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 60.000 tỷ đồng trở lên. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (có thời hạn) như áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi, miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư.

6. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: Việc giữ các quy định như hiện nay không tạo ra đột phá để Thành phố có thể thu hút được nhà đầu tư chiến lược, không đáp ứng được các yêu cầu và mục tiêu phát triển mà Trung ương đã đề ra, không tạo được hành lang pháp lý để Thành phố cạnh tranh với các trung tâm kinh tế khác của khu vực và thế giới trong việc thu hút vốn và nâng cao trình độ phát triển của Thành phố và cả nước.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** thu hút được nhà đầu tư cho một số dự án lớn mà Thành phố đang đàm phán trong lĩnh vực sản xuất chip, hạ tầng cảng biển với tổng vốn đầu tư thu hút thêm dự kiến khoảng 8,6 tỷ đô-la Mỹ. Ngoài các dự án lớn đang đàm phán này, với các cơ chế chính sách này, Thành phố sẽ thu hút thêm 1 loạt các dự án lớn vào Khu công nghệ cao Thành phố hiện hữu và giai đoạn 2 đang chuẩn bị đầu tư, cũng như các nhà đầu tư trong hệ sinh thái của nhà đầu tư chiến lược (công nghiệp phụ trợ, logistics,...) đến đầu tư tại Thành phố. Theo mục tiêu Thành phố đề ra, các chính sách trên nếu được thực hiện sẽ góp phần nâng tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mà Thành phố có thể thu hút được trong giai đoạn 2021-2025 khoảng từ 27-36 tỷ đô-la Mỹ (5,4-7,2 tỷ đô-la Mỹ/năm), giai đoạn 2026-2030 khoảng 36-54 tỷ đô-la Mỹ (7,2-10,8 tỷ đô-la Mỹ/năm).

- **Tác động về vấn đề giới:** không có.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư hiện hữu, không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** không tác động đến hệ thống quy định pháp luật do vẫn vận dụng các quy định hiện hữu, chỉ bổ sung các tiêu chí và điều kiện lựa chọn nhà đầu tư. Phạm vi áp dụng trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và có tính chất thí điểm.

7. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban

hành chính sách là của Quốc hội).

- Căn cứ vào các nội dung nêu trên, để đảm bảo tận dụng được thời cơ thu hút những các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đứng đầu chuỗi cung ứng trong trường hợp thành phố chưa hoàn tất việc đầu tư xây dựng mới các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao; khai thác được tối đa quỹ đất do Thành phố quản lý; đảm bảo điều kiện quốc phòng, an ninh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án (trong trường hợp dự án Cảng trung chuyển quốc tế được thực hiện tại huyện biên giới biển Cần Giò), Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Quốc hội xem xét, chấp thuận không áp dụng hình thức đấu giá mà thực hiện thủ tục như cơ chế đề xuất.

- Theo đó, tại quá trình công bố yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ bổ sung các điều kiện sàng lọc nhà đầu tư liên quan công nghệ, điều kiện chuyển giao công nghệ, vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác với nhà đầu tư chiến lược trong đó đặc biệt là điều kiện quốc phòng, an ninh đối với những dự án thực hiện tại các địa bàn nhạy cảm về quốc phòng an ninh như các khu vực ven biển, xã đảo.

- Sau khi dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc công bố dự án và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 điều 7 dự thảo Nghị định.

- Theo đó, sẽ không thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá, không ưu tiên tiêu chí số tiền nhà nước thu về mà ưu tiên các tiêu chí khác để nhà đầu tư được thu hút thực sự có khả năng tạo ra thay đổi đáng kể, mang lại hiệu quả lớn hơn và là động lực để thúc đẩy các hoạt động kinh tế, xã hội tại Thành phố phát triển chứ không chỉ dừng lại ở việc đóng góp vào ngân sách nhà nước.

V. Cơ chế, chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đề xuất 02 nội dung. Cụ thể như sau:

1. Các cơ chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như: Miễn thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Miễn thuế cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố. Khu công nghệ cao, khu công nghệ

thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung:

1.1. Căn cứ pháp lý:

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong đó có:

+ “**Có chính sách hỗ trợ hiệu quả** doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, **đổi mới sáng tạo**”.

+ “**ưu tiên phát triển nguồn nhân lực** cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài **đổi mới sáng tạo**”.

- Tại Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có đề ra nhiệm vụ:

+ “**Tiếp tục đầu tư xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo.....thích ứng với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.**”.

+ “**Có cơ chế, chính sách** vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các **trung tâm đổi mới sáng tạo** tại Thành phố.”

+ “**thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao.**”

- Quyết định số 844/QĐ-TTg, tại Khoản 11, Mục III, Điều 1: “**Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về:**”... “**Cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ**”; “**Cơ chế hỗ trợ thoái vốn của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**”.

- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược Phát triển KHCN&ĐMST đến năm 2030, điểm a Khoản 1 Mục IV: “**...Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...**”

- Quyết định số 2407/QĐ-TTg Ngày 31/12/2014 của Thủ tướng chính phủ ban hành về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, có đưa ra nhiệm vụ và giải pháp: *Hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các khu công nghệ thông tin tập trung; đẩy mạnh việc trao đổi, kết hợp các hoạt động sản xuất và nghiên cứu giữa các khu công nghệ thông tin tập trung và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.*

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, *quy định về việc phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm: Đầu tư nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm phần cứng, tích hợp hệ thống mà Việt Nam có lợi thế hoặc vì yêu cầu an toàn an ninh; các sản phẩm vi mạch, điện tử, bán dẫn; phát triển công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực phần cứng - điện tử. Đầu tư phát triển các sản phẩm CNTT trọng điểm, sản phẩm an toàn thông tin, sản phẩm CNTT phục vụ các hệ thống thông tin quốc gia, an ninh, quốc phòng.*

1.2. Xác định vấn đề bất cập

- Về pháp lý

- *Đối với chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:*

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, tại Điều 18 chưa quy định cụ thể thời gian và mức hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược Phát triển KHCN&ĐMST đến năm 2030, điểm a Khoản 1 Mục IV: *“...Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...”*

Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi *“Cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại Trung tâm” “được hưởng các ưu đãi cao nhất về thuế được quy định tại pháp luật về thuế”*, tuy nhiên chưa có mức quy định cụ thể cũng như chưa có chính sách dành cho các tổ chức trung gian này, trong khi đó đây là các tổ chức quan trọng là nơi ươm mầm và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng là nơi kết nối và liên kết các nguồn lực trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Vì vậy cần có chính sách ưu đãi về thuế cho nhóm đối tượng này tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với ưu đãi thuế cho cá nhân

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Điều 18 quy định “Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo”... “Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tuy Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có quy định miễn thuế TNDN đối với: “Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế theo quy định”, tuy nhiên chưa có chính sách ưu đãi về thuế cho nhà đầu tư khi họ thực hiện việc chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp. Thực tiễn cho thấy 99% nhà đầu tư chưa thu lợi nhuận từ các thương vụ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, vì vậy cần có chính sách ưu đãi về thuế để tạo động lực thu hút nguồn vốn các nhà đầu tư đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Đối với các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm công nghệ mới

Việc nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới ở một số lĩnh vực đang vướng quy định. Cụ thể: đối với việc thực hiện nghiên cứu thiết bị bay. Theo quy định tại Thông tư số 35/2017/TT-BQP ngày 12/2/2017 của Bộ Quốc phòng thì thẩm quyền cấp phép cho các cơ sở thiết kế, thử nghiệm phương tiện bay thuộc trách nhiệm của Cục Tác chiến sau khi có ý kiến đồng ý của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu và thực hiện các thủ tục theo quy định (Điều 8). Việc này gây khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ chỉ tập trung cho lĩnh vực nghiên cứu. Khu CNTT tại TP. HCM tập trung nhiều doanh nghiệp R&D và các chuyên gia muốn tập trung nghiên cứu thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới, nhưng do vướng quy định hoặc quy định quá phức tạp nên không thực hiện được.

- Về thực tiễn

- Đối với chính sách ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Hiện chưa có quy định pháp luật hướng dẫn chi tiết các tiêu chí để xác định một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (KNST). Tuy nhiên, theo khái niệm nêu trên, một số điểm khác biệt cơ bản giữa doanh nghiệp KNST so với doanh nghiệp

nhỏ và vừa, trước hết nằm ở việc doanh nghiệp KNST phát triển trên nền tảng tài sản trí tuệ, nghiên cứu công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Đó có thể là việc phát triển mới một nền tảng công nghệ mới (như trường hợp Công ty Axie Infinity tạo tựa game NFT trên nền tảng block chain) hay sáng tạo ra một mô hình kinh doanh mới (như trường hợp công ty Vbee phát triển hệ sinh thái các giải pháp về giọng nói trí tuệ nhân tạo như Vbee AI Call Center, Vbee AI Callbot). Ngoài ra, khả năng tăng trưởng nhanh cũng là điểm khác biệt giữa doanh nghiệp KNST và doanh nghiệp nhỏ và vừa (ví dụ trường hợp của công ty OpenCommerce Group đã tăng trưởng gấp 13,8 lần trong 02 năm đầu ra mắt)

Với những đặc trưng trên, cần chính sách ưu đãi để thúc đẩy doanh nghiệp KNST tạo ra những giá trị mới, có nhiều giá trị gia tăng cho xã hội, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở ra một mô hình kinh doanh mới cho nền kinh tế; tuy nhiên, cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro mất vốn. Đây cũng là lý do lý giải việc doanh nghiệp KNST luôn được các nước khuyến khích phát triển thông qua việc ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, cụ thể là chính sách ưu đãi về thuế.

Các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, tổ chức đổi mới công nghệ, tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp) là các tổ chức hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ về ươm tạo, tăng tốc, hỗ trợ thương mại hóa, chuyển giao công nghệ, cung cấp các giải pháp đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, đây là các tổ chức quan trọng là nơi ươm mầm và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng là nơi kết nối và liên kết các nguồn lực trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rất cần sự ưu đãi từ Nhà nước, đặc biệt là thuế. Thực tiễn cho thấy, phần kinh phí, doanh thu các tổ chức này nhận được tập trung chủ yếu cho hoạt động ươm tạo và phát triển các sản phẩm đổi mới sáng tạo hiện nay được xem như là nguồn thu của doanh nghiệp, phần thu đơn vị phải đóng theo quy định là 20% và do đó cần có ưu đãi thuế cho các nhóm đối tượng này.

+ *Về tình hình nhà đầu tư cá nhân vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:*

Bên cạnh các nhà đầu tư là quỹ đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp thì số lượng nhà đầu tư cá nhân cũng chiếm phần lớn trong việc đầu tư các doanh nghiệp KNST, do đó cũng cần miễn thuế thu nhập cá nhân cho các nhà đầu tư cá nhân này để khuyến khích cho việc đầu tư, phát triển doanh nghiệp KNST vốn cần nguồn vốn lớn để phát triển.

Theo dõi tình hình và tốc độ phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay cho thấy hơn 10 năm phát triển Việt Nam tính đến thời điểm này chỉ có 04 startup kỳ lân (unicorn) cho thấy khả năng sinh lời trong lĩnh vực này rất thấp. Thực tế việc đầu tư vào các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam từ 2016 đến nay cho thấy 99% Nhà đầu tư chưa thu lợi nhuận từ các thương vụ đầu tư cho doanh nghiệp KNST; Nhà đầu tư cá nhân đầu tư thường ít ai muốn khai báo vào Mã số thuế cá nhân, nên thường bị áp 0.1% thuế trên giá trị giao dịch, vì vậy họ thường ký Hợp đồng không đúng giá trị giao dịch và làm lệch lạc thông tin đầu tư.

- Về thực trạng của Thành phố hiện nay:

+ *Tình hình đầu tư doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:*

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có gần 2.000 doanh nghiệp KNST, trong đó 65% tập trung ở lĩnh vực công nghệ thông tin. Hơn 44 cơ sở ươm tạo và tăng tốc khởi nghiệp (cả nhà nước và tư nhân). Các cơ sở ươm tạo nhà nước hầu hết tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ cao hay công nghệ sinh học, cơ khí tự động hóa, đây là các lĩnh vực cần thời gian ươm tạo dài, vốn đầu tư lớn, nhưng chính các lĩnh vực này mới tạo ra được các công nghệ lõi cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đây là yếu tố quan trọng để hệ sinh thái khởi nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phát triển bền vững và có lợi thế cạnh tranh. Trong khi đó, các cơ sở ươm tạo tư nhân phần lớn tập trung ươm tạo và tăng tốc cho các doanh nghiệp KNST trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, thương mại điện tử và công nghệ tài chính,... do chi phí đầu tư không lớn, thời gian ươm tạo ngắn và thoái vốn nhanh - đây là các nhóm đối tượng quan trọng trong việc ươm mầm và phát triển các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo cho Thành phố.

Đồng hành với các cơ sở ươm tạo, tăng tốc nêu trên là các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, tổ chức đổi mới công nghệ, tổ chức thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, đây là các tổ chức thúc đẩy việc phát triển doanh nghiệp KNST ngày càng hiệu quả và có chất lượng hơn.

Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hơn 95% đồng nghĩa với việc rủi ro cho đầu tư vào khởi nghiệp cao nên nếu không có chính sách này thì không khuyến khích được vốn tư nhân cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

Hiện Thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế trực tiếp đánh vào tài chính của

doanh nghiệp nên sự hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối doanh nghiệp KNST chủ yếu là sắc thuế này. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) 2017: “1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp KNST này sẽ được tham chiếu pháp luật chung về thuế thu nhập doanh nghiệp mà chưa có quy định cụ thể về mức thuế suất áp dụng cho DNNVV. Nói cách khác, ưu đãi này vẫn chưa được cụ thể hóa riêng cho doanh nghiệp KNST trên thực tế, các doanh nghiệp KNST phải áp dụng theo những ưu đãi của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo ngành nghề kinh doanh, doanh thu cũng như địa bàn hoạt động để hưởng ưu đãi.

Việc đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startup) được xem là đầu tư mạo hiểm do rủi ro đầu tư trong lĩnh vực này là rất cao. Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các startup là hơn 95% do các các doanh nghiệp đang trong giai đoạn phát triển khá sớm, nhân sự mỏng, kiêm nhiệm nhiều vị trí cùng lúc, chưa có sản phẩm hoàn chỉnh và vẫn đang hoàn thiện sản phẩm và tìm kiếm mô hình kinh doanh phù hợp. Hoạt động đầu tư và góp vốn vào các doanh nghiệp này mang tính giằng dụa cho nhiều doanh nghiệp cùng lúc. Về quy định pháp luật chưa có sự phân biệt giữa Quỹ đầu tư mạo hiểm và Quỹ đầu tư thông thường, do đó, trong quá trình chuyển nhượng hoặc thoái vốn, theo quy định nhà nước thuế thu nhập đối với giao dịch chuyển nhượng được tính như sau:

+ Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty đại chúng gọi là chuyển nhượng chứng khoán, áp dụng thuế 0.1% cho nhà đầu tư cá nhân/tổ chức nước ngoài và cá nhân trong nước. Tổ chức trong nước đóng thuế 25% trên lợi tức.

+ Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty cổ phần không đại chúng gọi là chuyển nhượng vốn, đóng thuế như sau:

+ Nhà đầu tư là tổ chức (Việt Nam hoặc nước ngoài): áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi tức (giá bán trừ giá mua và các chi phí liên quan) ;

+ Nhà đầu tư cá nhân Việt nam: áp dụng thuế suất 20% trên lợi tức (theo Luật thuế thu nhập cá nhân).

+ Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài: áp dụng thuế suất 0.1% trên giá bán (tổng số tiền được từ việc chuyển nhượng phần vốn)

Như vậy hiện nay các Nhà đầu tư mạo hiểm (nhà đầu tư cá nhân và Quỹ đầu tư mạo hiểm) vẫn chịu thuế theo dạng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tất cả các thương vụ đầu tư vào doanh nghiệp KNST dù thất bại hay thành công đều phải đóng thuế khi chuyển nhượng hoặc góp vốn. Trong khi đó, rủi ro trong đầu tư mạo hiểm là hơn 95% và các đối tượng này chưa được nhà nước xem xét hỗ trợ. Các nước khác như Singapore, Úc, New Zealand,... đều có chính sách hỗ trợ và ưu đãi

cho Nhà đầu tư mạo hiểm do tính rủi ro lớn, ngược lại, nếu thành công sẽ tạo ra nhiều tác động rất lớn cho xã hội về hiệu quả của hoạt động đổi mới sáng tạo.

Thực tế cho thấy các nhà đầu tư khi đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp không ngại việc đóng thuế nếu có lợi nhuận, tuy nhiên bản chất của đầu tư mạo hiểm là việc đầu tư vào các giai đoạn rất sớm của doanh nghiệp, tính đến nay, hầu hết đều là các thương vụ thất bại. Các Nhà đầu tư chỉ cần miễn thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nghĩa là được miễn thuế trên mỗi doanh nghiệp KNST mà họ đầu tư.

1.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Để đạt được mục tiêu tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025: ***...hỗ trợ được 800 dự án...*** Đến năm 2025: ***Hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*** Xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động hiệu quả và có lợi thế cạnh tranh trong khu vực.

Việc miễn các loại thuế trên không chỉ giúp Nhà đầu tư tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực đổi mới sáng tạo mà còn giúp thị trường minh bạch hơn. Các nhà đầu tư sẵn sàng cung cấp các thông tin chính xác cho các giao dịch thực hiện với Doanh nghiệp KNST, từ đó, xây dựng nguồn doanh nghiệp ngày càng nhiều để phục vụ cho các mục tiêu lớn của Thành phố trong tương lai

Để hoàn thành được nhiệm vụ hỗ trợ, khuyến khích đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các khu công nghệ thông tin tập trung theo Quyết định số 2407/QĐ-TTg Ngày 31/12/2014 của Thủ tướng chính phủ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao theo Nghị quyết số 31-NQ/TW.

1.4. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Có các cơ chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố như: Miễn thuế, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Miễn thuế cho cá nhân, doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Miễn thuế đối với thu nhập từ lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi

nghiệp sáng tạo, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn Thành phố. Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố được thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

1.5. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1:

Tác động về kinh tế

Tỷ lệ thất bại trong đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hơn 95% đồng nghĩa với việc rủi ro cho đầu tư vào khởi nghiệp cao nên nếu không có chính sách này thì không khuyến khích được vốn tư nhân cho hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (KNST).

Hiện Thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế trực tiếp đánh vào tài chính của doanh nghiệp nên sự hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối doanh nghiệp KNST chủ yếu là sắc thuế này. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) 2017: “1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp KNST này sẽ được tham chiếu pháp luật chung về thuế thu nhập doanh nghiệp mà chưa có quy định cụ thể về mức thuế suất áp dụng cho DNNVV. Nói cách khác, ưu đãi này vẫn chưa được cụ thể hóa riêng cho doanh nghiệp KNST trên thực tế, các doanh nghiệp KNST phải áp dụng theo những ưu đãi của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo ngành nghề kinh doanh, doanh thu cũng như địa bàn hoạt động để hưởng ưu đãi.

Tác động về mặt xã hội

Hiện nay các Nhà đầu tư mạo hiểm (nhà đầu tư cá nhân và Quỹ đầu tư mạo hiểm) vẫn chịu thuế theo dạng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tất cả các thương vụ đầu tư vào doanh nghiệp KNST dù thất bại hay thành công đều phải đóng thuế khi chuyển nhượng hoặc góp vốn. Trong khi đó, rủi ro trong đầu tư mạo hiểm là hơn 95% và các đối tượng này chưa được nhà nước xem xét hỗ trợ. Các nước khác như Singapore, Úc, New Zealand,... đều có chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho Nhà đầu tư mạo hiểm do tính rủi ro lớn, ngược lại, nếu thành công sẽ tạo ra nhiều tác động rất lớn cho xã hội về hiệu quả của hoạt động đổi mới sáng tạo.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong 5 năm đầu hầu như không có lợi nhuận, họ hoạt động nhờ nguồn vốn từ các nhà đầu tư thiên thần và một số quỹ đầu tư ở giai đoạn hạt giống, các sáng lập viên và đồng sáng lập thường ký hợp đồng với nhà đầu tư để nhận tiền và phải đóng thuế thu nhập cá nhân cho

các khoản thu nhập này. Do đó, trong giai đoạn đầu các cá nhân này rất cần sự chính sách hỗ trợ và ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân từ nhà nước để tạo nguồn lực họ tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, tiếp cận nguồn vốn đầu tư và thị trường. Nếu không có chính sách hỗ trợ Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các Trung tâm đổi mới sáng tạo sẽ hạn chế các cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, ảnh hưởng việc tham gia và đóng góp vào các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tác động về bình đẳng giới

Không tác động tích cực đến bình đẳng giới do không có cơ chế ưu đãi đối với rất nhiều các quỹ đầu tư ưu tiên cho nhóm Doanh nghiệp KNST do nữ làm chủ và các sản phẩm và dịch vụ cho những đối tượng yếu thế trong xã hội.

Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Không phát huy hiệu quả, mục tiêu đồng thời khắc phục hạn chế của các chính sách về khoa học và công nghệ hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Tác động về kinh tế

Thông qua ưu đãi thuế sẽ tạo động lực thu hút nguồn vốn từ bên ngoài, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên; khuyến khích tạo việc làm; thúc đẩy xuất khẩu, gia tăng sản phẩm nội địa sản xuất trong nước; hoặc phát triển khoa học và công nghệ,... Trong thời gian ngắn hạn sẽ giảm nguồn thu ngân sách, nhưng về dài hạn sẽ giúp các doanh nghiệp KNST nâng cao năng lực tích lũy, năng lực cạnh tranh qua đó thúc đẩy kinh tế phát triển và tạo ra “hiệu ứng lan tỏa” khác cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, chính sách này sẽ thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố. Đây sẽ là nguồn lực quan trọng để phát triển các giải pháp đổi mới sáng tạo trong tương lai để phục vụ cho các Chương trình lớn của Thành phố.

Với việc triển khai chính sách này, Thành phố sẽ xây dựng được một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có lợi thế cạnh tranh trong khu vực. Thành phố sẽ tạo được nguồn lực quan trọng về đổi mới sáng tạo, giúp tạo ra rất nhiều các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong 5 năm hoặc 10 năm tới dựa trên các nguồn tài chính huy động từ hệ sinh thái và các quỹ đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư trong lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu tại các Chương trình lớn Thành phố đang triển khai trong dài hạn như: Chương trình đô thị thông minh, chuyển đổi số, xây dựng Thành phố

thành Trung tâm tài chính trong khu vực,...

Việc nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới nhằm thúc đẩy việc tìm kiếm và đưa ra thị trường các sản phẩm công nghệ mới mang thương hiệu Việt Nam có khả năng cạnh tranh với các giải pháp công nghệ tiên tiến trên thế giới, cung cấp cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, người dân các sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao với giá thành phù hợp, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất của người lao động, giảm chi phí, tạo lợi thế cạnh tranh không chỉ ở thị trường trong nước mà cả thị trường ngoài nước.

Khoa học và công nghệ là nguồn lực quan trọng của phát triển kinh tế. Các sản phẩm KHCN đặc biệt là sản phẩm từ công nghệ mới, tiên tiến đang đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GDP. Thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần cho sự phát triển KHCN và gián tiếp có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế

Tác động về mặt xã hội

Nhà nước cần phát huy vai trò hỗ trợ ban đầu cho các doanh nghiệp KNST, các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố. Từ đó, liên kết và hợp tác với các thành phần khác trong hệ sinh thái thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố hiện đang hoạt động với gần 2.000 Doanh nghiệp KNST (gần 50% của cả nước) tập trung vào lĩnh vực chính là công nghệ thông tin (chiếm hơn 65%), là một hệ sinh thái năng động Thành phố đang có hơn 150 quỹ đầu tư mạo hiểm đang hoạt động. Tuy nhiên, các quỹ đầu tư này khi xem xét đầu tư vào Doanh nghiệp KNST có xu hướng đưa các doanh nghiệp này qua nước khác đăng ký thành lập công ty để được hưởng các ưu đãi từ chính quyền các nước có các chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư, rất nhiều doanh nghiệp KNST Việt Nam qua Singapore thành lập công ty để nhận vốn đầu tư. Nếu không có chính sách ưu đãi cho Nhà đầu tư mạo hiểm sẽ khó giữa chân và thu hút các nguồn vốn lớn từ khu vực tư nhân hoặc từ nước ngoài cho việc phát triển các Doanh nghiệp KNST tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó khó phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo có ưu thế trong khu vực và quốc tế. Ngoài ra, chính sách ưu đãi cụ thể sẽ giúp minh bạch các thông tin về đầu tư hơn.

Việc phát triển các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực tin học viễn thông, các giải pháp cho nhà thông minh, làng thông minh, đô thị thông minh sẽ góp phần tác động lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội. Việc thử nghiệm và đưa ra được thị trường các sản phẩm, giải pháp công nghệ mới sẽ góp phần tăng giao lưu xã hội làm cho đời sống tinh thần người dân phong phú hơn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Sự phát triển KHCN trong cuộc CMCN 4.0 đặc biệt là công nghệ mới, tiên tiến luôn hình thành và phát triển đã tác động rõ rệt đến mọi mặt đời sống xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người.

Tuy nhiên để KHCN mới, tiên tiến được đi vào thực tế để phục vụ con người thì cần thời gian triển khai, thử nghiệm. Do đó nếu có những mô hình thử nghiệm có kiểm soát tại KCNC hay Khu CNTT tập trung sẽ giúp rút ngắn thời gian nghiên cứu thử nghiệm và sớm đem lại kết quả.

Tác động về bình đẳng giới

Có tác động tích cực đến bình đẳng giới do có rất nhiều các quỹ đầu tư ưu tiên cho nhóm Doanh nghiệp KNST do nữ làm chủ và các sản phẩm và dịch vụ cho những đối tượng yếu thế trong xã hội.

Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phát huy hiệu quả của các chính sách về khoa học và công nghệ hiện hành.

Khu CNC và khu CNTTTT TP. Hồ Chí Minh là các khu đặc thù phục vụ cho việc nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới, tuy nhiên chưa có cơ chế, chính sách mở để các doanh nghiệp, chuyên gia tại đây có thể thực hiện các nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới nên do đó, Thành phố Hồ Chí Minh cần có khung chính sách riêng cho Khu CNC và Khu CNTTTT để khuyến khích thực hiện mục tiêu này.

Luật CNC ra đời năm 2008 và đến nay vẫn còn hiệu lực. Tại điều 31 của Luật CNC 2008 có quy định về các hoạt động KHCN tại KCNC, tuy nhiên chưa làm rõ nội dung KHCN về việc thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới, đặc biệt là thử nghiệm các cơ chế thúc đẩy hiệu quả hợp tác 03 nhà. Do đó trong quá trình thử nghiệm sẽ đề xuất những cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển KHCN đặc biệt là lĩnh vực CNC góp phần xây dựng hoàn chỉnh hành lang pháp lý đảm bảo KHCN luôn là trọng tâm ưu tiên phát triển.

1.6. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

2. Chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công việc; thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

2.1. Các căn cứ:

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định

một số nhiệm vụ trọng tâm “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, **thu hút** và trọng dụng nhân tài.*”.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19) có mục tiêu “*đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp...*”.

- Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trong đó, có nêu “*Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị **được sử dụng quỹ tiền lương** và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và **quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao***”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư “*yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, ...*”, “*Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở **áp dụng mô hình quản trị mới** theo thông lệ tốt của thế giới*”.

- Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 “*Sắp xếp, cơ cấu lại hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ; xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo mang tầm quốc gia, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao, các viện nghiên cứu, trường đại học. Phát triển mạnh thị trường khoa học - công nghệ; có cơ chế, chính sách vượt trội **thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế**; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tại Thành phố. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đạt trình độ quốc tế ở các lĩnh vực ưu tiên*”

Tuy nhiên thực tiễn quy định pháp luật còn một số vấn đề bất cập, Thành phố nghiên cứu thí điểm các chính sách để làm cơ sở đánh giá trước khi xây dựng điều chỉnh các quy định trên cả nước.

2.2. Xác định vấn đề bất cập

- Về pháp lý

Tuy khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 54/2017/NQ-CP: “*Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định*”, nay đề xuất điều chỉnh cụ thể hơn, tương tự Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: “*Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định chính sách ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng, môi trường làm việc, trang thiết bị làm việc, quy hoạch, bổ nhiệm, tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách khác đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt; tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại thành phố Buôn Ma Thuột*”.

- Về thực tiễn

Việc thu hút nhân tài vào một số chức danh lãnh đạo trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cần thiết trong bối cảnh tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị quyết số 19, tuy nhiên tiền lương, tiền công của các chức danh lãnh đạo này hiện nay áp dụng theo quy định ngạch, bậc chung của viên chức.

Bên cạnh đó việc giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học) để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố là cần thiết trong bối cảnh thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng theo quy định thống nhất cả nước.

- Về thực trạng

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, có 14 tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố. Các tổ chức này có chức năng chính là nghiên cứu khoa học, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố (tham mưu cơ chế chính sách, nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ để phục vụ phát triển sản phẩm đặc thù của địa phương, ...). Thu nhập bình quân của cá nhân làm nghiên cứu khoa học tại các tổ chức này dưới 10.000.000 đồng/tháng. Mức thu nhập như vậy khó giữ chân nhân lực, đặc biệt là nhân lực có trình độ cao và chuyên môn tốt.

- Năng suất lao động của Thành phố luôn ở mức cao hơn so với trung bình cả nước, đặc biệt là năng suất lao động các ngành thâm dụng khoa học và công nghệ như thông tin và truyền thông; tài chính, ngân hàng; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế... Theo báo cáo nghiên cứu thị trường

lương năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh của các công ty nhân sự như Navigos, Adeco cho thấy để thu hút nhân sự cho các ngành công nghệ cao đòi hỏi mức lương cao hơn gấp nhiều lần so với định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Ví dụ mức lương hàng tháng của giám đốc công nghệ (CTO) là 250 - 400 triệu đồng; chuyên gia phân tích dữ liệu là 40-80 triệu đồng; chuyên gia thiết bị y tế là 25-40 triệu đồng; quản lý quỹ đầu tư là 350-400 triệu đồng

Vì vậy cần có ưu đãi về tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với lực lượng hoạt động nghiên cứu khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố để giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học) để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố là cần thiết trong bối cảnh tiền lương, tiền công, thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng theo quy định thống nhất cả nước.

2.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư “*yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, ...*”, “*Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ tốt của thế giới*”.

Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có đề ra nhiệm vụ “*có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế.*”

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, trong đó có nêu các định hướng phát triển, ứng dụng công nghệ (Mục III. 3).

2.4. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

Giải pháp 2: Chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở trình độ, năng lực và yêu cầu công

việc; thù lao trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2.5. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1:

Tác động về kinh tế

Việc thu hút nhân tài vào một số chức danh lãnh đạo trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cần thiết trong bối cảnh tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị quyết số 19, tuy nhiên tiền lương, tiền công của các chức danh lãnh đạo này hiện nay áp dụng theo quy định ngạch, bậc chung của viên chức. Do đó phần nào ảnh hưởng đến việc thu hút và giữ chân nhân tài tập trung cống hiến lâu dài cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trước sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ các tổ chức khoa học tư nhân và quốc tế.

Tác động về mặt xã hội

Bên cạnh khó khăn trong việc giữ chân lực lượng hoạt động nghiên cứu và phát triển đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, nhà khoa học), việc thiếu cơ chế chính sách ưu đãi ảnh hưởng việc xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của Thành phố, ảnh hưởng việc bắt nhịp với sự phát triển ngày càng nhanh chóng, đa dạng và đầy cạnh tranh của khu vực và thế giới.

Tác động về bình đẳng giới

Chưa ghi nhận tác động tiêu cực đến bình đẳng giới.

Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

Tác động đối với hệ thống pháp luật

Không phát huy hiệu quả, mục tiêu đồng thời khắc phục hạn chế của các chính sách về khoa học và công nghệ hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Tác động về kinh tế

Thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc, nghiên cứu sẽ góp phần thay đổi mô hình quản trị tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm tập trung phát triển, uơm tạo, thương mại hóa công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới dựa trên cơ sở hợp tác chặt chẽ với các đại học thông qua việc đầu tư và thành lập các phòng thí nghiệm liên kết đặt tại các trường đại học và ký kết các hợp đồng nghiên cứu phát triển và doanh nghiệp, nhằm hỗ trợ chuyển giao cho doanh nghiệp; hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố.

b) Tác động về mặt xã hội

Giữ chân các nhà khoa học chất lượng cao đang công tác tại các đơn vị KH&CN công lập. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm của thành phố, góp phần giải quyết các vấn đề của Thành phố mà còn tận dụng các nguồn lực, cơ sở vật chất đã đầu tư, khai thác hiệu quả máy móc thiết bị, đào tạo tập huấn cho cán bộ nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu và mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế, tham gia mạng lưới nghiên cứu tiên tiến trên thế giới.

c) Tác động về bình đẳng giới

Không có tác động tiêu cực đến bình đẳng giới

d) Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật: “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”.

2.6. Kiến nghị giải pháp: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

VI. Cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy của Thành phố

Về tổ chức bộ máy, Thành phố đề xuất 05 nội dung. Một số nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 tiếp tục đề xuất thực hiện bao gồm Khoản 3, 5 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14. Các nội dung đề xuất cụ thể như sau:

1. Quy định những nội dung về phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm; tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phường, xã, thị trấn, cơ chế về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Nhằm tháo gỡ những khó khăn do vướng phải các quy định của Luật không có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho cơ quan chuyên ngành an toàn thực phẩm và trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6: “**trường hợp đặc biệt cần tăng thêm đầu mối từ cấp vụ, cục hoặc tương đương trở lên phải có ý kiến của Bộ Chính trị**”. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh đề xuất đưa vào dự thảo Nghị quyết của Quốc hội cơ chế cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm để tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung sau:

- Đảm bảo cơ sở để xây dựng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở An toàn thực phẩm Thành phố không được quy định trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y.

- Tạo điều kiện thuận lợi, đặc thù để triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở An toàn thực phẩm Thành phố thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khi chưa được quy định trong Luật An toàn thực phẩm, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thú y.

- Hiện tại, Thành phố có 02 huyện loại II là huyện Hóc Môn và huyện Cần Giờ và 48 phường, xã, thị trấn loại I có dân số từ 50.000 dân trở lên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015: “*Ủy ban nhân dân huyện loại I có không quá ba Phó Chủ tịch; huyện loại II và loại III có không quá hai Phó Chủ tịch*” và khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền năm 2019: “*Ủy ban nhân dân xã loại I, loại II có không quá hai Phó Chủ tịch; xã loại III có một Phó Chủ tịch*”. Do đó, với mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố và đặc điểm là một đô thị đặc biệt với mật độ dân số cao, số dân lớn và khối lượng các công việc quản lý nhà nước cần giải quyết, đáp ứng cho nhu cầu Nhân dân là một áp lực đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện tham mưu công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

- Mặt khác, trong nhiệm kỳ 2011 - 2016, thực hiện Công văn số 3533-CV/VPTW ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Trung ương Đảng về chủ trương tăng thêm chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền của Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 838-CV/BTCTW ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ban Tổ chức Trung ương về việc số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2020 tại Thành phố đã thực hiện tăng thêm 01 Phó Chủ tịch. Tuy nhiên, từ nhiệm kỳ 2016 - 2021 chủ trương tăng thêm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã đang tạm ngừng thực hiện, nên các địa phương có dân số đông, tính chất phức tạp trong quản lý nhà nước và có tình hình đô thị hóa cao đang thiếu nguồn lực cán bộ quản lý. Dẫn đến sự thiếu hụt nguồn lực để vận hành, tham mưu, xây dựng các chính sách trong quá trình phát triển Thành phố, từ đó phát sinh nhiều trở ngại, bất cập, chưa phát huy hết tiềm năng của mình do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân cần xem xét đánh giá là cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn chưa tương xứng, phù hợp với đặc điểm, tình hình phát triển của một đô thị đặc biệt.

- Thực hiện quy định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trình độ chuyên môn đối với công chức cấp xã yêu cầu từ đại học trở lên và quy định để thực

hiện xét tuyển đối với cán bộ, công chức cấp xã vào công chức cấp huyện trở lên theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP cũng yêu cầu phải đạt trình độ đại học trở lên và có thời gian tham gia công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định từ đủ 60 tháng (không tính thời gian tập sự). Do đó, nếu duy trì sự khác biệt đối với công chức phường với công chức xã, thị trấn sẽ làm cho các điều kiện phát triển bị ràng buộc, tạo sự phân biệt giữa công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường và công chức cấp xã đang công tác tại 63 xã, thị trấn. Qua đó, làm ảnh hưởng đến tâm lý đội ngũ cán bộ, công chức và gây khó khăn trong công tác bố trí, quy hoạch không tạo ra động lực cho đội ngũ công chức xã, thị trấn.

- Hiện nay, tại Thành phố đang triển khai thực hiện thống nhất trong việc đào tạo, bồi dưỡng công chức xã, thị trấn như công chức phường, theo đó có trên 94% có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên; đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của công chức từ cấp huyện trở lên, đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Đồng thời khối lượng công việc, mức độ và chất lượng phục vụ của công chức xã, thị trấn có tính chất tương đồng. Một số xã, thị trấn phát sinh khối lượng công việc của công chức cấp xã tăng gấp nhiều lần so với công chức phường; địa bàn rộng hơn phường; phức tạp hơn; nhiều xã, thị trấn dân số đông hơn phường (03 xã trên 100.000 dân, 09 xã trên 50.000 dân, 15 xã, thị trấn trên 30.000 đến 50.000 dân); các chế độ, chính sách đối với công chức xã, thị trấn được Thành phố thực hiện thống nhất như công chức phường.

- Khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, do Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc Ủy ban nhân dân quận, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên, Nghị quyết số 131/2020/QH14 chỉ nêu đối với các quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết số 131/2020/QH14 và các luật, nghị quyết khác thì thực hiện theo Nghị quyết số 131/2020/QH14; chưa quy định đối với các vấn đề có tính chất chuyên ngành chưa được đề cập tại Nghị quyết số 131/2020/QH14. Do đó, cần thiết bổ sung 01 điều khoản tại Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh về quy định thống nhất xác định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tại Thành phố được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, kể cả quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Áp dụng xuyên suốt đối với các luật, nghị quyết ban hành sau Nghị quyết số 131/2020/QH14.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Việc thành lập một cơ quan chuyên môn về an toàn thực phẩm (Sở) thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ tạo điều kiện nhằm phát huy tối đa các hiệu quả mà mô hình thí điểm Ban Quản lý An toàn thực phẩm đã đạt được thông qua việc khắc phục những hạn chế về mặt pháp lý của mô hình Ban Quản lý. Do là một mô hình thí điểm nên chưa được quy định trong hệ thống văn bản pháp luật vì vậy trong quá

trình hoạt động đã gặp một số vướng mắc về pháp lý (thẩm quyền thanh tra, ra quyết định xử phạt) cũng như tổ chức nhân sự (tuyển dụng, chuyển đổi công chức - viên chức). Mặc dù, tất cả các khó khăn đã được Thành phố tạm tháo gỡ để bảo đảm hoạt động của Ban trong thời gian hoạt động thí điểm, nhưng nếu được chính thức hóa thành mô hình Sở thì sẽ giải quyết được tận gốc những khó khăn trong quá trình hoạt động của mô hình thí điểm Ban.

- Tại Nghị quyết 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ ra nhiệm vụ: “- *Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả*;...” Thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị và từ thực tiễn Thành phố đã thực hiện tại nhiệm kỳ 2011 - 2016, Thành phố kiến nghị, tăng số lượng Phó Chủ tịch của Ủy ban nhân dân huyện (có ba Phó Chủ tịch) và đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có số dân từ 50.000 dân trở lên (có không quá ba Phó Chủ tịch) để đảm bảo nhân lực cán bộ giải quyết các công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ Nhân dân và phù hợp với đặc điểm dân số đông, tình hình phát triển ngày càng cao của một đô thị đặc biệt.

- Thống nhất việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức được giao hằng năm. Thống nhất trong các quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng, kỷ luật, khen thưởng, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức; không phân biệt giữa cán bộ, công chức cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã để tạo sự liên thông, đồng bộ trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động và bố trí nguồn lực nhân sự phục vụ công tác xây dựng, tham mưu quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.

- Đồng thời, trong thời gian hiện tại Thành phố đang nghiên cứu, xây dựng Đề án đầu tư xây dựng huyện thành quận hoặc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030 nên việc thực hiện liên thông công chức (công chức xã, thị trấn là công chức từ cấp huyện trở lên) đảm bảo định hướng của Trung ương, định hướng của Thành phố về xây dựng Đề án; đảm bảo đồng bộ trong việc thực thi công chức, công vụ; đảm bảo cho công tác bố trí cán bộ được kịp thời, hiệu quả.

- Bổ sung 01 điều khoản tại Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh về quy định thống nhất xác định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường tại Thành phố được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, phường, kể cả quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Áp dụng xuyên suốt đối với các luật, nghị quyết ban hành sau Nghị quyết số 131/2020/QH14.

1. 3. Giải pháp đề xuất:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Quy định những nội dung về phân cấp, ủy quyền chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội như cho phép Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm; tăng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phường, xã, thị trấn, cơ chế về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố.

1.5. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ sở để triển khai thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất tỉnh, vừa tham gia giám sát, truy xuất nguồn gốc tại các chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ ngày càng được nâng cao, tăng chất lượng hàng hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực tiễn phát triển của Thành phố đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải có sự ổn định và liên thông để liên tục đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công tác theo yêu cầu nhiệm vụ, tuy nhiên số biên chế công chức thực có tại các phường, xã, thị trấn của Thành phố hiện nay còn thiếu rất nhiều so với biên chế được Trung ương giao hàng năm. Trong thời gian qua, dù đã rất cố gắng thực hiện tinh giản biên chế, tạm ngừng tuyển dụng mới công chức để giảm tối đa biên chế và thực hiện xã hội hóa, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp theo chỉ đạo của Trung ương, nhưng do tốc độ tăng dân số cơ học và yêu cầu phát triển Thành phố, nhằm đảm bảo tốt nhiệm vụ chính trị, công tác phục vụ Nhân dân, nhất là các công việc liên quan đến quản lý sản xuất, kinh doanh, đất đai, giáo dục và đào tạo, y tế...tăng qua các năm nên rất cần tuyển dụng công chức mới thay thế số công chức đã nghỉ hưu, thôi việc nhằm đáp ứng yêu cầu công tác, thực hiện nhiệm vụ chính trị của các phường, xã, thị trấn. Do đó khi Thành phố được chủ động tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện theo quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và thuộc biên chế công chức được giao hằng năm sẽ kịp thời bổ sung nhân lực giải quyết, thực hiện nhiệm vụ tại những địa phương, đơn vị chuyên môn còn thiếu. Thông qua đó, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế

Đảm bảo được sự chủ động, linh hoạt trong quá trình ra quyết định của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân quận, phường. Bộ máy nhà nước cấp cơ sở chú trọng nâng cao nhận thức, thái độ trong thực thi nhiệm vụ, phục vụ người dân, lấy sự hài lòng của người dân là thước đo hiệu quả hoạt động. Việc cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc Thành phố có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, phường theo quy định tại Điều 5 và Điều 9 Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định pháp luật khác có liên quan sẽ góp phần xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh và xây dựng lòng tin của Nhân dân đối với bộ máy của Đảng và Nhà nước.

- Tác động về xã hội:

Tập trung đầu mối thanh tra, kiểm tra thuận lợi cho người dân khi chỉ có một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp Thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở với tần suất theo qui định, tránh chồng chéo và tình trạng mỗi năm một cơ sở, doanh nghiệp phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của quá nhiều cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Với vị trí, vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, nhiệm vụ thực hiện phát triển kinh tế - xã hội là một trong những trọng tâm cần tập trung thực hiện. Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đòi hỏi Thành phố phải có bước đột phá trong việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phù hợp với tiềm năng và lợi thế của Thành phố, gắn với phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mà việc xác định, phân bổ số lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố là một nhiệm vụ rất quan trọng. Đội ngũ đó chính là nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương trên toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, an sinh xã hội, phục vụ Nhân dân

Đảm bảo được sự chủ động, linh hoạt trong quá trình ra quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường. Từ đó nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân trên địa bàn, tiết kiệm các thời gian, công sức đi lại của người dân trong giao dịch với chính quyền, bứt phá cũng như nâng cao đánh giá hiệu quả hoạt động chính quyền trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, an sinh xã hội.

- Tác động về giới: Không có

- Tác động về thủ tục hành chính:

Có thể làm thay đổi một số biểu mẫu thủ tục hành chính theo thẩm quyền.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải quyết hạn chế về cơ chế phối hợp giữa các Sở - ngành và đầu mối chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý an toàn thực

phẩm: hình thành một cơ quan chuyên môn (Sở) thường trực của Ban chỉ đạo liên ngành Thành phố về an toàn thực phẩm, là đầu mối thống nhất tổng hợp tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

Điều chỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền năm 2019, theo đó sẽ giải quyết được những bất cập trong bố trí nguồn lực cán bộ phụ trách, đảm nhiệm vai trò, nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý nhà nước.

Điều chỉnh đến quy định tại khoản 5 Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, theo đó, Thành phố kiến nghị Quốc hội sẽ cho phép Thành phố được nhập số lượng cán bộ, công chức xã, thị trấn vào số lượng công chức hành chính giao hàng năm của Ủy ban nhân dân huyện. Theo đó, sẽ căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô, đặc điểm của địa phương để xây dựng vị trí việc làm từ đó tính ra số lượng biên chế cán bộ, công chức cần bố trí để đảm nhận các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương.

Tác động đến khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số 131/2020/QH14.

1.6. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định về cơ cấu, chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn; quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ; quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Thành phố hiện có 48/312 phường, xã, thị trấn có dân số từ 50.000 người trở lên (hơn gấp 3 lần với quy định về quy mô dân số theo tiêu chuẩn của phường là 15.000 dân trở lên của NQ 1211/2016/UBTVQH về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính), đặc biệt có những phường, xã có số dân gần 100.000 người như: phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức (dân số 101.452 người; diện tích 6,46 km²), phường Hiệp Thành, Quận 12 (dân số 99.910 người; diện tích 5,42 km²); phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (dân số 124.000 người; diện tích 4,65 km²); xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (dân số 125.267 người; diện tích 19,66 km²), xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (dân số 122.142 người; diện tích 17,44 km²). Theo đó, đối với những phường, xã, thị trấn đông dân đang có tốc độ đô thị hóa cao, địa hình phức tạp cũng là áp lực tác động đến công

tác quản lý nhà nước về: quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, an sinh xã hội, phục vụ Nhân dân sinh sống trên địa bàn đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải tăng cường độ làm việc để hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt trong năm 2020, 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp, lây lan nhanh, số lượng người lây nhiễm cao, gây tổn hại lớn về tính mạng, sức khỏe và đời sống của Nhân dân Thành phố. Vì vậy, để từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - an sinh xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân là yếu tố tiên quyết cần đánh giá, xác định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức công tác tại phường, xã, thị trấn đặc biệt là đối với phường, xã, thị trấn đông dân tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, việc xây dựng cơ cấu tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW chưa được thực hiện nên Thành phố chưa có cơ sở xác định quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để làm cơ sở so sánh hệ số chi thu nhập tăng thêm theo mức đề xuất không quá **1,8 lần** mức lương ngạch, bậc, chức vụ với quy định không quá **0,8 lần** quỹ lương cơ bản theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Do đó, để tiếp tục tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn bó, cống hiến, cơ bản đáp ứng mức sống tại Thành phố, góp phần hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đề xuất chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ trong Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội cho đến khi thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Lực lượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt là nguồn chất xám có giá trị và tầm quan trọng đặc biệt, có vai trò dẫn dắt và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Đội ngũ nhân lực này không đông đảo về số lượng và luôn được các quốc gia, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp tập trung chiêu mộ, mời gọi. Do đó, muốn thu hút và giữ chân nhân tài thì Thành phố Hồ Chí Minh phải có chính sách đãi ngộ hấp dẫn để có thể cạnh tranh với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nâng cao chế độ, chính sách tiền lương, chính sách thu hút cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách về phường, xã, thị trấn.

Nhằm tiếp tục tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, đáp ứng được mức sinh hoạt tại Thành phố, yên tâm công tác.

Thành phố đề xuất tiếp tục thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14: “Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định” để đảm bảo ổn định về hành lang pháp lý, tạo động lực thực hiện hiệu quả 03 đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Đây cũng là cơ sở để Thành phố tiếp tục là địa phương đi đầu trong thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

2.4. Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Cơ chế cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định về cơ cấu, chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn; quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ; quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố.

2.5. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập

b) Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế:

Tạo động lực gắn bó, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn, đáp ứng mức sinh hoạt, tạo điều kiện yên tâm công tác.

Đội ngũ nhân tài khi được thu hút, trọng dụng sẽ phát huy vai trò tiên phong, tiêu biểu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hàm lượng giá trị gia tăng cao; đồng thời nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và tăng hiệu quả công tác quản lý nhà nước; cũng như góp phần chuyên nghiệp hóa, bồi dưỡng năng khiếu, nhân lực lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao của Thành phố. Chính sách đãi ngộ hấp dẫn sẽ giúp Thành phố cạnh tranh được với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thu hút các nguồn lực, thực hiện, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045

b) Tác động về xã hội

Xây dựng, tổ chức bộ máy cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn đảm bảo về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm

vụ quản lý nhà nước tại địa phương từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước các cấp chính quyền, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn vừa hồng vừa chuyên.

Đáp ứng cơ bản quy định tiền lương phải tương xứng với yêu cầu công việc, thực sự là nguồn thu nhập chính bảo đảm đời sống người lao động và gia đình người hưởng lương.

Chính sách sử dụng và phát huy nguồn chất xám khoa học từng bước tạo sự chủ động cho đơn vị cũng như góp phần củng cố niềm tin, tạo động lực cho các chuyên gia yên tâm công tác. Đồng thời, chính sách này có ý nghĩa lớn trong việc phát huy sức mạnh tri thức của Thành phố, bổ sung thêm tri thức mới, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

c) Tác động về giới: Không có.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Không có.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.6. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3. Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; (2) Quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (3) phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Trước yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và đẩy mạnh tính đổi mới, sáng tạo, tích cực, chủ động của Thành phố lớn, đi đầu trong cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh cần được phân cấp mạnh mẽ một số thẩm quyền đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp Thành phố. Do đó, việc phân cấp thẩm quyền cho đơn vị sự nghiệp sẽ giải quyết được các khó khăn, bất cập hiện nay như: giảm bớt các quy trình, thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho cơ quan nhà nước và đơn vị đề xuất; phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tế của địa phương; tăng tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của Thành phố.

Trong quá trình thực thi quy định và trong thực tiễn quản lý điều hành, một số cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ chưa phù hợp (như: lĩnh vực quản lý công trình giao thông, quản lý đầu tư xây dựng, du lịch, tài chính, cấp giấy phép đăng ký kinh

doanh...) Thành phố đề xuất giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố được quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho để có cơ chế linh động để thực hiện giao một số chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành chuyên môn phù hợp với đặc điểm của Thành phố, đặc biệt là trong công tác quản lý đô thị để đáp ứng vai trò là một đô thị đặc biệt của cả nước.

Đối với những công việc mang tính chất: đột xuất, cấp bách cần giải quyết ngay; các nội dung gắn với thủ tục hành chính đòi hỏi phải quyết định trong thời gian ngắn để thực hiện công tác quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu của Nhân dân trên địa bàn Thành phố hoặc việc ban hành các hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố; các biện pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất về nguyên tắc trong quá trình tham mưu trình các cấp có thẩm quyền xem xét, tuy nhiên theo quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì vẫn phải thực hiện đúng quy trình giải quyết trước khi ban hành.

Các công việc này, *nếu thực hiện đúng theo quan điểm phải thông qua tập thể trước khi ban hành*, thì quy trình, trình tự thực hiện của *các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương* phải tổ chức họp tập thể hoặc thực hiện thủ tục lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân, có những trường hợp các thành viên Ủy ban nhân dân không có chuyên môn sâu lĩnh vực đó hoặc quá bận rộn, họ phải cần thời gian nghiên cứu, nên ý kiến gửi đi rất chậm. *Sau đó, nếu đa số đồng ý, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký “Thay mặt” Ủy ban nhân dân ban hành.* Việc này, dẫn đến kéo dài và không đảm bảo thời gian so với quy định, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, mặt khác để triển khai hiệu quả tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14, đồng thời, trong thời gian chờ, các Luật chuyên ngành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về nhiệm vụ, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Việc cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và cơ quan hành chính khác; phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, giúp tăng tính chủ động, trách nhiệm và góp phần giảm thiểu quy trình giải quyết công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

3.3. Giải pháp đề xuất

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2:

Cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền: (1) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; (2) Quyết định việc giao một số chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (3) phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.4. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: không giải quyết được các vấn đề bất cập

b) Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế

Đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế qua từng giai đoạn. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực, rút ngắn thời gian giải quyết công việc mang tính chất sự vụ để triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế, hạ tầng đô thị, đặc biệt trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, chủ đầu tư dự án,.. góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, nâng cao sức cạnh tranh cho Thành phố trong việc thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của Thành phố.

b) Tác động về xã hội:

Nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố, đặc biệt trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, chủ đầu tư dự án,.. Góp phần tăng cường niềm tin của xã hội, của người dân, nhà đầu tư và cộng đồng doanh nghiệp vào năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

c) Tác động về giới: Không có.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Thay đổi thẩm quyền giải quyết, rút ngắn thời gian giải quyết và có thể làm thay đổi mẫu tờ khai.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Đảm bảo khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật phù hợp cho các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

4.1. Xác định vấn đề

Theo khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019 đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 như sau: “1. Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản**”. Theo quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (quận/huyện, thành phố Thủ Đức) thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể và phải được thể hiện bằng văn bản.

Ngoài cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Thành phố còn có các cơ quan hành chính khác (Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố...), các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố nhưng theo quy định hiện hành, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố không thể ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình**. Trong khi thực tiễn người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cũng có nhu cầu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền, nhất là trong lĩnh vực nội vụ. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là cần thiết.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để góp phần giảm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp khi

cần liên hệ giải quyết công việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do không phải trình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết mà các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết, người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn; góp phần cải cách hành chính, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết.

Nâng cao vai trò chủ động cho người đứng đầu các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; giảm tải áp lực công việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong khi một số nhiệm vụ thì người đứng đầu cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có thể thực hiện được không phải qua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết.

4.3. Giải pháp:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

4.4. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1: Không giải quyết được các bất cập

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Giảm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp khi cần liên hệ giải quyết công việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do không phải trình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết mà các cơ quan, đơn vị được quyền chủ động giải quyết .

- **Tác động về xã hội:** Góp phần cải cách hành chính, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nên quan tâm, chú trọng, nghiên cứu trong quá trình giải quyết. Người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn.

Đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tiễn tại Thành phố là đô thị tập trung

đông dân. Đồng thời, tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; người dân, doanh nghiệp sẽ được phục vụ tốt hơn và nhanh hơn.

- **Tác động về giới (nếu có):** Không có

- **Tác động về thủ tục hành chính (nếu có):** Góp phần cải cách hành chính, nâng cao khả năng làm việc, chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người đứng đầu vì họ phải tự quyết định mà không ỷ lại vào trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Đảm bảo, thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đảm bảo khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố khi tổ chức thực hiện.

Khi thực hiện ủy quyền đảm bảo thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật, khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

4.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

5. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi nội khu; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nội khu

5.1. Vấn đề bất cập:

Khoản 3 Điều 68 Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định:

“3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại khu công nghiệp, khu kinh tế và các giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận khác trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

b) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế đã được phê duyệt; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi, hủy Giấy phép xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình đối với dự án, công

trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

c) Nhận báo cáo về việc cho thôi việc nhiều người lao động; tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được;

d) Tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế »

a) Đối với nhiệm vụ Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng:

Nhiệm vụ trên thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận, huyện được quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020): “3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019): “Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ được ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, không được ủy quyền cho cơ quan hành chính khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp).

b) Đối với nhiệm vụ: thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp

(1) Đối với nhiệm vụ: thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi

trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố:

+ Khoản 8 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, tổ chức khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp):

“Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

.....

8. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

+ Tuy nhiên Điểm b Khoản 3 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm của Ban Quản lý phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, không quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường:

“3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm sau đây:

a) *Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

b) *Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường và thực hiện công tác bảo vệ môi trường khác của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

c) *Tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

d) *Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật;*

đ) *Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật;*

e) *Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật;*

g) *Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.*

Do đó, việc ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp còn vướng mắc tại Luật Bảo vệ môi trường.

(2) Đối với nhiệm vụ: cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi

trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019): Ủy ban nhân dân quận, huyện có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, không được ủy quyền cho cơ quan hành chính khác (bao gồm Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp)

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thực hiện Khoản 3 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghiệp thực hiện các nhiệm vụ về quản lý nhà nước trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

5.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho Thành phố.

b) Giải pháp 2: Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi nội khu; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nội khu.

5.4. Đánh giá tác động của chính sách:

a) Giải pháp 1: Yêu cầu bổ sung

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** đảm bảo cơ chế “một cửa tại chỗ” đang thực hiện tại Ban Quản lý theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính; từ đó tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng đưa dự án vào hoạt động và đầu tư mở rộng sản xuất.

- **Tác động về xã hội:** nhà đầu tư đánh giá cao về cơ chế “một cửa tại chỗ” thực hiện tại Ban Quản lý, từ đó tăng chỉ số cải thiện môi trường đầu tư (PCI) tại Ban Quản lý và Thành phố.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh nội dung quy định về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:**

+ Không phát sinh thêm thành phần hồ sơ hoặc kéo dài thời gian giải quyết, chỉ thay đổi cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

+ Giải quyết thủ tục pháp lý về môi trường tập trung một đầu mối tại Ban Quản lý, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Quản lý trong công tác kiểm tra, giám sát doanh nghiệp trong KCX, KCN trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

-Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tăng tính đồng bộ của pháp luật chuyên ngành về quy hoạch, xây dựng, tổ chức chính quyền địa phương với quy định pháp luật về quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp.

5.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

VII. Cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức

Về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức, đề xuất 06 nội dung. Cụ thể như sau:

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong một số lĩnh vực

1.1. Xác định vấn đề bất cập

** Về quy định pháp luật:*

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015: “... Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản”.

** Về thực tiễn:*

Hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức đang điều hành quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội với cơ chế, thẩm quyền cấp quận huyện, chưa phát huy hết vai trò chủ động, tính tự chủ, dám làm dám chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố để phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Để phát huy hơn nữa tính chủ động sáng tạo, dám làm dám chịu trách nhiệm của thành phố Thủ Đức trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền đô thị kiểu mới đầu tiên trong cả nước cũng như khắc phục triệt để tình trạng tồn khá nhiều thời gian qua

các khâu trung gian trong giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức, từ đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trên các lĩnh vực, đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải có một cơ chế đặc thù để đẩy mạnh thẩm quyền, tăng tính chủ động cho thành phố Thủ Đức để tổng hợp thế mạnh và có đầy đủ năng lực điều phối, phát huy tối đa các nguồn lực nổi trội của khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo điều kiện cho thành phố Thủ Đức chủ động trong giải quyết các thủ tục hành chính, các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 19, Điều 21 và Điều 22 Luật Tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015. Cơ chế này tạo ra sự chủ động trong quản lý điều hành, hỗ trợ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức dưới sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, trong đó bao gồm 2 mục tiêu cụ thể sau:

- Cụ thể hóa nội dung định hướng, chỉ đạo theo Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị.

- Tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong giải quyết các nội dung công việc từ thực tiễn quản lý nhà nước và phát triển kinh tế trên địa bàn;

- Tăng thẩm quyền, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức để tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trong điều kiện mô hình chính quyền đô thị mới.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao một số chức năng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong một số lĩnh vực.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Trường hợp thành phố Thủ Đức tiếp tục vận hành theo cơ chế quận, huyện mà không có bước đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội thì việc thành lập thành phố Thủ Đức không đạt kỳ vọng theo mục tiêu của Đề án số 591/ĐA-

CP ngày 11/11/2020 của Chính phủ về thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Thủ Đức sẽ không phát huy hết tiềm năng, thế mạnh, khơi thông điểm nghẽn trong quản lý, vận hành, từ đó không đáp ứng được là một động lực tăng trưởng mới của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

- **Tác động về mặt xã hội:** Mục tiêu xây dựng và phát triển Thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH-14 và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thủ Đức và Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Áp dụng cơ chế chính sách nêu trên sẽ có tác động kinh tế mạnh mẽ, rút ngắn được thời gian trong giải quyết các thủ tục hành chính, chủ động giải quyết được các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó giúp thành phố Thủ Đức sẽ là địa phương thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài đến hợp tác và đầu tư nhờ sự chủ động trong thẩm quyền quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức ước thực hiện năm 2022 là 19.818 tỷ đồng và bằng 185,64% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2022 là 6.030,288 tỷ đồng, đạt 199,26% so tổng dự toán 2022 (3.026,29 tỷ đồng) và bằng 94,39% so với cùng kỳ năm trước (6.389,002 tỷ đồng). Tổng chi thường xuyên ngân sách thành phố Thủ Đức ước thực hiện năm 2022 là 2.969,101 tỷ đồng, đạt 98,11% so tổng dự toán 2022 (3.026,29 tỷ đồng) và bằng 52,70% so với cùng kỳ năm trước (5.634,410 tỷ đồng).

Dự kiến, sau khi được giao thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực: quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý kinh tế; quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; quản lý văn hóa xã hội; tổ chức, bộ máy quản lý hành chính của chính quyền đô thị và cán bộ, công chức, viên chức thì hoạt động đầu tư, kinh doanh, phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức sẽ thu hút được rất nhiều nguồn vốn, nguồn lực cả trong và ngoài nước, từ đó nguồn thu ngân sách nhà nước sẽ tăng cao, là cơ sở quan trọng đáp ứng mục tiêu ước tính đóng góp đến 30% GRDP của Thành phố Hồ Chí Minh và chiếm 7% GDP cả nước.

- **Tác động về mặt xã hội:** Thể hiện tính thực tiễn và tính khoa học về tổ chức

chính quyền địa phương – việc giao thẩm quyền của Thành phố Hồ Chí Minh cho thành phố Thủ Đức càng mạnh thì hiệu quả trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, thu hút đầu tư càng lớn, góp phần ý nghĩa trong việc thực hiện kỳ vọng xây dựng thành phố Thủ Đức trở thành "hạt nhân", một "cực" tăng trưởng mới thúc đẩy kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như tạo ra sự đột phá trong phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, hướng tới xây dựng đô thị theo hướng phát triển kinh tế tri thức dựa trên nền tảng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, đô thị xanh và thân thiện với môi trường, nâng cao đời sống nhân dân.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân về những lĩnh vực đã được ủy quyền.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các Luật chuyên ngành nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định "Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành" (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: "Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021" và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trường hợp ví dụ cụ thể: Công tác thu hồi đất đối với các dự án đầu tư, dự án phát triển nhà ở trên địa bàn.

- Theo Khoản 1 Điều 13 Luật tổ chức chính quyền địa phương: "Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

- Theo Khoản 1, Điều 59 và Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013 thì Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 59, Luật Đất đai.

Như vậy, đối với quy định nêu trên, do có sự chồng chéo giữa quy định của 2 luật khác nhau dẫn đến việc phân cấp giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức cần có văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bởi Quốc hội để đảm bảo pháp lý thực hiện

1.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Thứ nhất, sau khi sát nhập 03 quận và thành lập thành phố Thủ Đức, khối lượng công việc cũng như số lượng đầu việc của chính quyền thành phố Thủ Đức tăng gấp 03 lần so với các đơn vị hành chính quận, huyện khác trong Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và các đơn vị hành chính cấp huyện trên cả nước nói chung. Tuy nhiên việc giảm nhân sự theo chủ trương về tinh giản biên chế tại Nghị quyết số 37-NQ/TW và Đề án số 591/ĐA-CP ngày 11/11/2020 của Chính phủ về thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư khi thực hiện tổ chức chính quyền đô thị, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức đã, đang và sẽ ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương khi sự quá tải về công việc là không tránh khỏi. Áp lực về thời hạn giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính có thể làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền thành phố Thủ Đức và ảnh hưởng tâm lý, tư tưởng, quyền lợi của cán bộ, công chức.

Thực hiện theo Đề án 591 đến ngày 31/12/2022, số biên chế công chức và người lao động trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức là 459 người, số lượng biên chế công chức, người lao động trong các cơ quan chuyên môn phải sắp xếp (giảm) là 227 biên chế (686 biên chế - 459 biên chế), tỷ lệ 33%. Số lượng biên chế viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Thủ Đức đến ngày 31/12/2022 là 165 người, số lượng biên chế viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập phải sắp xếp là 81 biên chế, tỷ lệ 33%.

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp phường trên địa bàn thành phố cũng đang gặp phải những khó khăn, thách thức rất lớn khi số lượng dân cư trên địa bàn ngày càng đông tỷ lệ nghịch với nhân sự hạn chế. Hiện thành phố Thủ Đức có 02 phường có dân số trên 100 nghìn dân, nhiều phường có dân số trên 80 nghìn dân trong khi tiêu

chuẩn của phường được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì “Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương từ 7.000 người trở lên”. Việc dân cư ngày càng gia tăng sẽ đặt ra nhiều thách thức cho thành phố Thủ Đức trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh trong thời gian tới.

Thứ hai, việc tổ chức cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và tổ chức Ủy ban nhân dân ở các phường không có sự khác biệt cơ bản với các quận trong Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay khung pháp lý về tổ chức các cơ quan chuyên môn được ấn định cụ thể trong Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Với cơ cấu tổ chức như hiện nay ngoài 12 cơ quan chuyên môn tổ chức thống nhất ở cấp quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thì thành phố Thủ Đức có thêm 01 cơ quan chuyên môn là Phòng Khoa học và Công nghệ. Như vậy, kỳ vọng xây dựng, quản lý, phát triển thành phố Thủ Đức thành một khu đô thị sáng tạo, công nghệ - kỹ thuật cao tương tác đa chiều, phát triển theo hướng nền kinh tế tri thức, đóng góp khoảng 7%GDP của cả nước sẽ rất khó khăn.

Thứ ba, việc tăng số lượng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hiện chưa có quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành mặc dù nhu cầu về bổ sung các phòng chuyên môn của thành phố Thủ Đức để giảm tải đầu mối công việc cho các phòng hiện nay cũng như tập trung chuyên môn sâu cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức là yêu cầu cấp thiết. Trong đó, Thành phố đề xuất thành lập phòng Giao thông công chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Hiện nay, khối lượng đầu mối công việc tập trung đến các phòng chuyên môn là tương đối lớn (**34 phường và 168 đơn vị sự nghiệp công lập**), do đó, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức vẫn còn nhiều bất cập.

Một ví dụ điển hình của nội dung đề xuất nêu trên là việc thành lập phòng Giao thông công chánh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Lý do:

Phòng Quản lý đô thị thành phố Thủ Đức hiện nay đang thực hiện chức năng, lĩnh vực của 03 đơn vị (Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải) với số lượng nhân sự là 56 cán bộ, công chức và người lao động với khối lượng công việc rất lớn. Năm 2022, phòng Quản lý đô thị đã xử lý 7.979 hồ sơ hành chính và nhiều nội dung khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức..

Hiện nay, thành phố Thủ Đức được phân cấp quản lý nhiều tuyến đường, hẻm, hệ thống thoát nước, công viên, cây xanh..., cụ thể như sau:

+ Hệ thống đường giao thông trên địa bàn thành phố Thủ Đức có tổng số 6.139 tuyến đường, hẻm và 177 cầu (trong đó tổng số tuyến đường phân khu vực là 1.033 tuyến, tổng số tuyến đường hẻm là 5.106 tuyến) với tổng chiều dài đường và

cầu là 915.237m (trong đó chiều dài đường phân khu vực là 622.126m, chiều dài đường hẻm là 293.110m), diện tích mặt đường là 6.963.091m² (trong đó diện tích đường phân khu vực là 5.485.726 m², diện tích đường hẻm là 1.447.366 m²). Trong đó, Trung tâm quản lý đường bộ quản lý: 58 tuyến đường phân khu vực với chiều dài 182,108km, diện tích 2.356.130 m² và 154 cầu đường bộ chiều dài 20,442km, diện tích 271.903 m², còn lại đã phân cấp về thành phố Thủ Đức quản lý.

+ Hệ thống tuyến cống thoát nước được phân cấp quản lý là 231,7km bên cạnh 64 công viên với tổng diện tích hơn 354km², 5.220 cây xanh (chưa bao gồm diện tích mảng xanh).

Ngoài ra, trong thời gian sắp tới, thành phố Thủ Đức sẽ được thành lập Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức. Đây là cơ quan chịu trách nhiệm là đầu mối, thống nhất việc tiếp nhận và quản lý chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng thủy lợi và hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Qua đó, có thể nhận thấy nhu cầu thành lập các phòng chuyên môn theo đặc thù phát triển của thành phố Thủ Đức là xu hướng tất yếu. Hiện nay, việc thành lập mới các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp quận huyện là chưa được quy định bởi quy định pháp luật hiện hành.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thành phố Thủ Đức được chủ động trong sắp xếp, tổ chức bộ máy các phòng ban chuyên môn phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề nghị Trung ương cho phép thành phố Thủ Đức được quyết định về biên chế cấp phường, các phòng chuyên môn theo hướng dựa trên quy mô dân số để bố trí con người. Cần quy định số cán bộ, công chức trên số dân tối thiểu và cứ tăng bao nhiêu dân thì được bố trí thêm bao nhiêu cán bộ, công chức. Trao quyền tự chủ cho thành phố Thủ Đức trong việc bố trí nguồn tài chính trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức.

- Đề xuất trao cho Thành phố Hồ Chí Minh những quyền hạn thực hiện chính sách đãi ngộ đặc thù cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Thủ Đức như nhân hệ số lương, phụ cấp ưu đãi... để phù hợp với phạm vi, quy mô, tính chất công việc của đơn vị hành chính thành phố thuộc Thành phố trực thuộc trung ương đầu tiên và duy nhất trên cả nước.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn trực thuộc thành phố Thủ Đức, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không tạo đủ cơ chế đột phá để thành phố Thủ Đức phát triển theo đúng kỳ vọng của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh khi ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không tạo bước đột phá về phát triển kinh tế. Không đạt được mục tiêu phát triển thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tác động về mặt xã hội: Hiện nay, thành phố Thủ Đức được đánh giá chưa có nội dung gì mới về thẩm quyền mà vẫn vận hành theo mô hình quận huyện và như vậy sẽ khó đạt được mục tiêu tăng trưởng về kinh tế - xã hội.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: Thành phố Thủ Đức chủ động trong quyết định số lượng, cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ tác động tích cực đến phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về mặt xã hội: Tác động tích cực về xã hội vì sau khi được thành lập, các phòng chuyên môn chuyên sâu về quản lý nhà nước sẽ giúp công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố Thủ Đức được hoàn chỉnh. Đây là điểm mới, phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm của thành phố Thủ Đức trong phục vụ người dân một cách tốt nhất, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, hướng tới mô hình thành phố phát triển toàn đô thị.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Tác động tích cực về giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với pháp luật hiện hành

nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

3. Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Quá trình hoạt động từ khi thành lập thành phố Thủ Đức đến nay cho thấy một số cơ quan như Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Đội Thanh tra trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Thủ Đức... cần tổ chức lại với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu phát triển thành phố Thủ Đức. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp để phù hợp yêu cầu phát triển đô thị thông minh, sáng tạo, tương tác cao, đảm bảo tinh gọn bộ máy, giao thành phố Thủ Đức thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác phối hợp triển khai nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn vẫn chưa thống nhất đầu mối quản lý dẫn đến tình trạng chậm trễ trong công việc, tra địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc Thanh tra Sở Xây dựng và được Sở Xây dựng thành lập.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất, Thanh tra xây dựng và Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức nhằm thống nhất trong quản lý, điều hành, nhằm đáp ứng khối lượng công việc của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

Các đơn vị sau khi được Thành phố Hồ Chí Minh thành lập thì thành phố Thủ

Đức sẽ quản lý toàn diện về tổ chức bộ máy, nhân sự lãnh đạo, số lượng biên chế, đảm bảo cơ sở vật chất... để thực hiện nhiệm vụ. Việc phối hợp công tác, liên thông dữ liệu của toàn hệ thống vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Việc chậm trễ trong giải quyết các thủ tục về đất đai, nhà đất trong thời gian đã có ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức của các nhà đầu tư, gây thất thu nguồn tiền sử dụng đất. Bên cạnh đó, nguồn lực về đất đai để phát triển của thành phố Thủ Đức là rất lớn nhưng chưa có cơ quan chuyên môn thực thi nhiệm vụ phát triển nguồn lực này. Hiện nay, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức chỉ cơ bản đáp ứng nhu cầu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức, chưa thật sự phát huy hết tiềm năng nguồn quỹ đất của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về mặt xã hội: Việc chậm trễ trong thủ tục hành chính về đất đai, trật tự xây dựng trong thời gian qua đã tác động không tốt về bộ máy tổ chức thành phố Thủ Đức.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Thanh tra xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi thành phố Thủ Đức sẽ có tác động tích cực về kinh tế, giúp việc điều hành công việc sẽ thuận lợi hơn với quy mô dân số và diện tích của thành phố Thủ Đức, giúp tác đả nhanh thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp cũng như góp phần

thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Tác động về mặt xã hội: Tác động tích cực về xã hội vì giúp hiệu quả công việc tốt hơn, giúp vấn đề giải quyết các thủ tục hành chính nhanh hơn, tạo tác động tích cực cho người dân, doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Đẩy nhanh thời gian thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Có tác động về hệ thống pháp luật vì thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các thay đổi này mang tính tích cực và có thể áp dụng cho các địa phương khác trong tương lai; (iii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.4. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

4. Thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó chủ tịch và đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo Khoản 4 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015:

" 4. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân".

Theo quy định hiện nay, Ban đô thị của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giao thông, xây dựng, môi trường, tổ chức cung cấp dịch vụ công trên địa bàn thành phố trực thuộc trung ương.

Theo Khoản 3 Điều 46 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 về cơ cấu tổ chức Hội đồng nhân dân quận:

"3. Hội đồng nhân dân quận thành lập Ban pháp chế và Ban kinh tế - xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân quận gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân quận quyết định. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách".

Ngoài ra, theo Khoản 14 Điều 2 Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015:

"14. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

"Điều 44. Chính quyền địa phương ở quận

Chính quyền địa phương ở quận là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương.

Cấp chính quyền địa phương ở quận gồm có Hội đồng nhân dân quận và Ủy ban nhân dân quận."

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 46 như sau:

"1. Hội đồng nhân dân quận gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở quận bầu ra.

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân quận được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

a) Quận có từ một trăm nghìn dân trở xuống được bầu ba mươi đại biểu; có trên một trăm nghìn dân thì cứ thêm mười lăm nghìn dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá ba mươi lăm đại biểu;

b) Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở quận có từ ba mươi phường trực thuộc trở lên do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, nhưng tổng số không quá bốn mươi đại biểu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quận gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân quận. Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận có thể là đại biểu Hội đồng nhân

dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.”

Thành phố Thủ Đức với diện tích 211,56 km² và quy mô dân số 1.013.795 người, gồm 34 phường trực thuộc là trung tâm miền Đông Nam Bộ với hệ thống giao thông được đầu tư phát triển đồng bộ, thuận lợi để kết nối, hợp tác phát triển kinh tế với các tỉnh lân cận như tuyến metro số 1 từ Suối Tiên (Quận 9) đến Bến Thành (Quận 1) sẽ đi vào hoạt động từ năm 2023, tuyến đường Vành đai 3 (Mỹ Phước – Tân Vạn – Nhơn Trạch), tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 1K, Xa lộ Hà Nội và các tuyến giao thông đường thủy trên sông Sài Gòn – sông Đồng Nai... và là một trong những địa phương dẫn đầu về tốc độ đô thị hóa, phát triển dự án...

Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực đô thị trên địa bàn thành phố Thủ Đức còn nhiều vấn đề bất cập, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (đất đai, giải phóng mặt bằng, dự án đầu tư xây dựng, vấn đề rác thải, ngập úng...). Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động thuộc lĩnh vực đô thị hiện nay của thành phố Thủ Đức vẫn đang còn một số hạn chế nhất định, một trong những nguyên nhân là thiếu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan giám sát độc lập sau khi Thành phố Hồ Chí Minh không tổ chức Hội đồng nhân dân Phường theo Nghị quyết 131/2020/QH14 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Ngoài ra, theo quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có 03 Phó Chủ tịch UBND và 13 cơ quan chuyên môn có không quá 03 Phó Trưởng phòng. Với quy định “03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố” như hiện nay là chưa phù hợp tình hình thực tế quản lý hành chính nhà nước tại thành phố Thủ Đức, vì khối lượng của mỗi vị trí việc làm là rất lớn do quy mô dân số hơn 1,2 triệu dân (ngoài ra có 400 đến 500 ngàn người tạm trú), 34 đơn vị hành chính cấp phường, 600 cơ sở giáo dục, 154 cơ sở tín ngưỡng, 285 cơ sở tôn giáo, trên địa bàn Thành phố Thủ Đức đã và đang triển khai 300 dự án...

Khối lượng công việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (tính theo khối lượng công việc của 03 quận 2, 9, Thủ Đức gộp lại) năm 2020 cao hơn gần gấp đôi so với khối lượng công việc tại các Ủy ban nhân dân quận - huyện khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và chiếm gần 15% trong tổng số khối lượng công việc cần phải xử lý tại khối quận - huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phát huy vai trò giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy cần thiết phải thành lập Ban đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để thực hiện công tác giám sát về lĩnh vực đô thị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về các

vấn đề khó khăn, bức xúc của cử tri, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để xử lý, từ đó nâng cao vai trò, vị thế của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó chủ tịch và đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức, điều chỉnh số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Việc thiếu nhân sự lãnh đạo của Hội đồng nhân dân và thiếu cơ quan kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về lĩnh vực đô thị ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư công, các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Bên cạnh đó, hiện nay với 03 nhân sự Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cũng chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- **Tác động về mặt xã hội:** Có thể ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội khi chưa phản ánh kịp thời ý kiến phản ánh, bức xúc của cử tri trong lĩnh vực xây dựng, đô thị.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Tác động tích cực về kinh tế vì việc tăng thêm 01 lãnh đạo là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và thành lập Ban Đô thị hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ góp phần nâng cao chất lượng đối với các quyết sách về phát triển đô thị, hạ tầng... cũng như tăng cường giám sát, chất vấn, phản biện, giúp đảm bảo mục tiêu về kinh tế, tài chính cho các dự án đầu tư của thành phố Thủ Đức.

Ngoài ra, khi tăng cường nhân sự cấp quản lý (tăng thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố), việc điều hành công việc sẽ thuận lợi hơn với quy mô dân

số và diện tích của thành phố Thủ Đức, giúp tác đẩy nhanh thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Tác động về mặt xã hội: Tác động tích cực về mặt xã hội.

Với khối lượng công việc rất lớn như hiện nay, việc tăng thêm 01 biên chế Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và việc thành lập Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ phát huy vai trò giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy cần thiết phải thành lập Ban đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để thực hiện công tác giám sát về lĩnh vực đô thị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chất vấn, phản biện chuyên sâu về các vấn đề khó khăn, bức xúc của cử tri, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức để xử lý, từ đó nâng cao vai trò, vị thế của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức. Trong thời gian tiếp theo, sau khi được cấp thẩm quyền xem xét, ban hành cơ chế chính sách mới để phát triển thành phố Thủ Đức, với khối lượng công việc tăng cao, phạm vi, lĩnh vực được phân cấp và ủy quyền được mở rộng, việc thành lập Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng để giúp sức, tham mưu kịp thời cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức.

Bên cạnh đó, việc tăng thêm 01 biên chế Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân sẽ giúp công tác chỉ đạo, điều hành được vận hành tốt với số lượng đầu mối đơn vị hành chính như hiện nay.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết công việc. Kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn đối với các thủ tục liên quan cho người dân và doanh nghiệp.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “*Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính*

sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

5. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Trước khi có Nghị định số 33/2021/NĐ-CP, cơ chế phân cấp, ủy quyền tổ chức chính quyền đô thị về cơ bản chỉ là quy định chung: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, quận, thành phố Thủ Đức và Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan. Do vậy thực tế cơ chế phân cấp ủy quyền thời gian qua chủ yếu vẫn theo Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố và Nghị quyết số 54/2017/QH14 quy định về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố.

Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đã tạo ra cơ chế để phân cấp ủy quyền chung cho thành phố để triển khai thực hiện để triển khai tổ chức chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị quyết 1111/NQ-UBTVQH tuy nhiên cơ chế phân cấp ủy quyền giữa thành phố và thành phố Thủ Đức vẫn là quy định chung nên khi áp dụng vào thực tiễn sẽ có những thuận lợi khó khăn và thách thức.

Hiện nay, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP đã có một số quy định về phân cấp, ủy quyền chung cho thành phố nhưng chưa có quy định cụ thể về việc phân cấp ủy quyền giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức nên phát sinh các khó khăn và thách thức sau:

Thứ nhất, việc triển khai các nội dung phân cấp, ủy quyền giữa Thành phố và thành phố Thủ Đức là vấn đề mới chưa có tiền lệ nên phải thực hiện thận trọng nghiên cứu kỹ đảm bảo quy trình và thẩm quyền. Do vậy quá trình triển khai mất nhiều thời gian, công sức chưa đảm bảo đúng tiến độ công việc, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của người dân khi có những kỳ vọng phát triển vượt bậc của mô hình “thành phố trong thành phố”.

Thứ hai, hệ thống thể chế chưa hoàn thiện vì lần đầu có chính quyền thành phố Thủ Đức, mặc dù đã có Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14. Do vậy thực tiễn vẫn còn nhiều bất cập chưa giải quyết được các vấn đề cần thiết của việc phân cấp, ủy quyền giữa Thành phố và thành phố Thủ Đức cụ thể:

Một là, khoản 2, điều 4 Nghị quyết số 131/2020/QH14 quy định UBND quận làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên Luật Đất đai năm 2013 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đều thuộc thẩm quyền tập thể UBND. Như vậy Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định chủ tịch UBND quận ký với tư cách là người đứng đầu cơ quan ban hành và thành phố Thủ Đức cũng được xem như thẩm quyền như quật nên thực tế có nhiều lúng túng khi triển khai.

Hai là, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định về phân cấp, ủy quyền ở một số lĩnh vực tuy nhiên các quy định này lại chưa bao quát vấn đề nên thực tiễn áp dụng có nhiều lúng túng do hiểu chưa phù hợp hoặc quy định thuật ngữ chưa chính xác cụ thể:

Thực tiễn áp dụng còn nhiều lúng túng do cách hiểu chưa phù hợp: Khoản 5, Điều 18 quy định Chủ tịch phường được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực. Nhưng theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì thẩm quyền chứng thực được Chính phủ phân cấp trực tiếp cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký trực tiếp (không cần ủy quyền của Chủ tịch) nhưng Nghị định số 33/2021/NĐ-CP không quy định Phó Chủ tịch UBND phường ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực. Điều này dẫn đến lúng túng (do trình độ áp dụng luật của cán bộ, công chức): Phó Chủ tịch UBND phường có được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực hoặc Phó Chủ tịch UBND phường có thẩm quyền ký trực tiếp chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP hay không.

Quy định thuật ngữ chưa chính xác: Điều 15, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân thành phố thuộc thành phố có thanh tra quận là chưa chính xác mà phải dùng thuật ngữ “thanh tra thành phố” vì đây là thành phố Thủ Đức, cơ quan chuyên môn của nó thuộc thành phố Thủ Đức..

Thứ ba, công tác kiểm tra giám sát vẫn chủ yếu theo các quy định pháp luật chung chưa có các hướng dẫn hoặc quy định đặc thù cho cơ chế phân cấp, ủy quyền giữa thành phố và thành phố Thủ Đức nên gặp nhiều khó khăn cho việc triển khai tạo tạo nên tâm lý e ngại và tính minh bạch tính công tâm của chính quyền.

Thứ tư, hiện nay thành phố Thủ Đức chỉ thẩm quyền ngang với quận, huyện, mô hình tổ chức và các chức năng nhiệm vụ của Thành phố Thủ Đức về cơ bản vẫn là một đơn vị hành chính cấp huyện. Điều này một mặt chưa phát huy được vai trò của một chính quyền đô thị đúng nghĩa, mặt khác chưa tạo được tính chủ động, khuyến khích được tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm từ chính quyền thành phố Thủ Đức.

Thứ năm, khoản 3, Điều 16 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định thành phố

thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tuy nhiên thành đặc thù của thành phố Thủ Đức là đơn vị hành chính “cấp huyện không lồ” với tổng cộng số lượng công việc của 03 quận gộp lại nhưng biên chế lại giảm tạo ra sự quá tải về công việc, gây áp lực thời hạn giải quyết hồ sơ, quy định nêu trên vẫn mang tính chung, vẫn là “cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định”, không có quy định về chính sách đãi ngộ cụ thể đặc biệt nào cho những người làm việc bằng ba người, từ đó làm giảm hiệu lực hiệu quả của bộ máy hành chính thành phố thuộc thành phố.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất Trung ương cho phép Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường một số nhiệm vụ, quyền hạn, trừ những nội dung đã được Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp cơ sở, đảm bảo yêu cầu phát triển của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không có tác động về tích cực về phát triển kinh tế.
- Tác động về mặt xã hội: Không có tác động về tích cực xã hội vì tốc độ xử lý thủ tục hành chính hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển xã hội.
- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.
- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Tạo điều kiện cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, UBND phường và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ.

Việc phân cấp, ủy quyền sẽ giúp nâng cao trách nhiệm quyền hạn của các phòng ban chuyên môn, UBND phường tạo điều kiện thuận lợi chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình rút ngắn thời gian giải quyết, giảm khâu trung gian vì không phải trình qua Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức hoặc có ý kiến của các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân phường.

- Tác động về mặt xã hội:

Việc ủy quyền các nội dung thuộc nhiệm vụ của thành phố Thủ Đức cho cấp phường nêu trên tạo điều kiện thuận lợi hơn, giúp cho bộ máy quản lý hành chính thành phố Thủ Đức vận hành tốt hơn trong phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan đơn vị nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Giảm thiểu chi phí hành chính của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi có thủ tục hành chính cần được giải quyết do tập trung về một đầu mối của cơ quan được ủy quyền. Đẩy mạnh việc nâng cao chỉ số cải cách hành chính và chỉ số quản trị hành chính công của thành phố Thủ Đức, giảm khâu trung gian rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tăng hiệu quả thực hiện cũng như trách nhiệm của các cơ quan đơn vị UBND phường trong triển khai một số nhiệm vụ UBND thành phố.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Có tác động về hệ thống pháp luật vì thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các thay đổi này mang tính tích cực và có thể áp dụng cho các địa phương khác trong tương lai; (iii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045.

5.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

6. Điều chỉnh theo hướng nâng cao chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy mô, khối lượng công việc và yêu cầu về năng lực công tác

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Do yêu cầu công việc nhiều, áp lực lớn với đầu mối quản lý 34 đơn vị hành chính cấp phường, 600 cơ sở giáo dục, 154 cơ sở tín ngưỡng, 285 cơ sở tôn giáo, trên địa bàn Thành phố Thủ Đức đã và đang triển khai 300 dự án... như đã nêu trên đòi hỏi tính trách nhiệm cao của đội ngũ quản lý và đặc biệt thành phố Thủ Đức là đơn vị có nhiều chương trình, đề án của Thành ủy - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên việc tăng thêm phụ cấp chức vụ các chức danh lãnh đạo là phù hợp với thực tình hình thực tiễn của địa phương, tránh tâm lý cào bằng như các địa phương khác với tính chất, quy mô công việc đơn giản hơn, đây cũng là chủ trương của Đảng và nhà nước trong việc chăm lo đời sống cho cán bộ, công chức.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề xuất Trung ương chấp thuận mức chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, công chức trong thực hiện công vụ, đáp ứng khối lượng công việc của thành phố trong thành phố trực thuộc Trung ương đầu tiên trong cả nước, đáp ứng mục tiêu thành lập thành phố Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/UBTVQH14.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Thủ Đức mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Điều chỉnh theo hướng nâng cao chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy mô, khối lượng công việc và yêu cầu về năng lực công tác.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- Tác động về kinh tế: Không có tác động về tích cực về phát triển kinh tế.

- Tác động về mặt xã hội: Với số lượng hồ sơ hiện nay, cán bộ công chức của thành phố Thủ Đức phải tăng cường mật độ làm việc, không kể ngày nghỉ, ngoài giờ để đáp ứng việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhưng hiện nay mức đãi ngộ về phụ cấp là chưa tương xứng. Do đó đã phần nào tác động tâm lý không hiệu quả đến tiến độ trong việc thực thi công vụ.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế:

Với khối lượng công việc lớn, cùng với yêu cầu đề cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý, được sự quan tâm của cấp thẩm quyền về chế độ đãi ngộ trong phụ cấp chức vụ, chế độ công tác sẽ giúp đội ngũ cán bộ công chức chuyên tâm công tác, phấn đấu nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao sẽ góp phần giúp nâng cao hiệu quả tiến độ công việc, giúp việc giải quyết hồ sơ hành chính nhanh hơn, góp phần vào sự phát triển kinh tế của thành phố Thủ Đức.

Về tài chính: Trường hợp được áp dụng hệ số phụ cấp chức vụ theo phụ cấp của cấp sở, nhu cầu kinh phí chi lương, phụ cấp và các chế độ bảo hiểm xã hội sẽ **tăng lên 389 triệu/năm**. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức sẽ cân đối ngân sách địa phương để đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh phí tăng (cụ thể theo bảng số liệu).

DVT: ngàn đồng

STT	CHỨC DANH	HIỆN HƯỞNG	ĐỀ XUẤT	HỆ SỐ CHÊNH LỆCH	TỔNG SỐ TIỀN CHÊNH LỆCH	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	
	TỔNG CỘNG	4.20	5.60	1.40	37,173	93	388,984	
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TPTĐ	2.10	2.80	0.70	18,586	5	22,569	
1	Chủ tịch HĐND TPTĐ	0.80	1.00	0.20	5,310	1	5,310	Kiểm nhiệm
2	Phó Chủ tịch HĐND TPTĐ	0.65	0.80	0.15	3,983	1	3,983	
3	Trưởng các Ban chuyên trách HĐND	0.40	0.60	0.20	5,310	1	5,310	Kiểm nhiệm
4	Phó Trưởng Ban chuyên trách HĐND	0.25	0.40	0.15	3,983	2	7,966	

II	ỦY BAN NHÂN DÂN TPTĐ	2.10	2.80	0.70	18,586	88	366,415
1	Chủ tịch UBND TPTĐ	0.80	1.00	0.20	5,310	1	5,310
2	Phó Chủ tịch UBND TPTĐ	0.65	0.80	0.15	3,983	3	11,948
3	Chánh Thanh tra, Trưởng các cơ quan chuyên môn	0.40	0.60	0.20	5,310	11	58,414
4	Phó Chánh Thanh tra, Phó Trưởng cơ quan chuyên môn	0.25	0.40	0.15	3,983	73	290,742

Qua phân tích nêu trên, việc đề xuất phụ cấp chức vụ, chế độ công tác của các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức không có tác động đáng kể đối với nguồn quỹ lương của thành phố Thủ Đức.

- Tác động về mặt xã hội:

Việc đề xuất kiến nghị tăng chế độ công tác, phụ cấp chức vụ sẽ giúp cho bộ máy quản lý hành chính thành phố Thủ Đức vận hành tốt hơn, hiệu quả hơn sau khi sáp nhập, phần nào động viên đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ mới hết sức áp lực, trách nhiệm nặng nề hơn rất nhiều so với các địa phương khác và nỗ lực phấn đấu nhiều hơn trước, nâng cao hiệu quả làm việc, bên cạnh đó, khắc phục tình trạng “chảy máu chất xám”, vừa tận dụng được tri thức, kinh nghiệm.

Việc tăng mức đãi chế độ công tác, phụ cấp chức vụ đối với các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có thể tác động rất nhỏ lên mức thu nhập của cán bộ, công chức nhưng sẽ tác động rất tích cực về mặt xã hội, đây là cơ chế khuyến khích, động viên, tạo động lực phấn đấu, tăng cao hiệu quả công việc trong thi hành công vụ.

- Tác động về vấn đề giới: Không phát sinh vấn đề về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Đây nhanh thời gian thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Có tác động về hệ thống pháp luật vì thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các thay đổi này mang tính tích cực và có thể áp dụng cho các địa phương khác trong tương lai; (iii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm

2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tại Khoản 2 Điều 6: “Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện từ năm 2021” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6.5. Kiến nghị: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2
(Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

PHẦN THỨ TƯ: LỘ TRÌNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Nghị quyết được ban hành, dự kiến lộ trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội như sau:

1. Trong vòng 3 tháng, Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với Thành phố cải cách thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố.

b) Trình Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh trong kỳ họp gần nhất.

c) Căn cứ đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các Bộ ngành có liên quan, Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển thành phố, trên nguyên tắc cho phép thành phố thực hiện thí điểm. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền thành phố theo hướng tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với vai trò, vị trí và yêu cầu quản lý phát triển thành phố trong giai đoạn mới, xứng tầm tại đô thị đặc biệt Thành phố Hồ Chí Minh. Mở rộng việc phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố so với các quy định hiện hành trên lĩnh vực quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức. Chủ động nguồn lực tài chính, bố trí ngân sách địa phương để quyết định các chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác do Thành phố quản lý.

2. Sau khi Chính phủ có văn bản triển khai, trong vòng 03 tháng, Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động xây dựng quy định, quy trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này trên cơ sở các quy định, quy trình đã được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, trường hợp cần thiết thì tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan.

3. Định kỳ, Chính phủ sẽ chỉ đạo Thành phố báo cáo kết quả thực hiện với Quốc hội.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và đại biểu Quốc hội sẽ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này hàng năm./.



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 447 /BC-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Quốc hội.

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế; là một trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ lớn nhất của cả nước; là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng và cả nước nói chung. Để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn với khu vực và cả nước, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; Quốc hội ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố.

Thực hiện quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh¹ (sau đây gọi là Nghị quyết số 54/2017/QH14), Chính phủ báo cáo Quốc hội (kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV) về sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14²; trên cơ sở Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh về tổng kết thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14, Chính phủ đã có Báo cáo Quốc hội số 366/BC-CP và số 367/BC-CP ngày 04/10/2022 về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14.

¹ "1. Chính phủ sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2020, tổng kết thực hiện Nghị quyết này báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2022 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về các cơ chế, chính sách đã thực hiện thí điểm".

² "3. HĐND và UBND Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:... c) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều này".

³ Báo cáo số 491/BC-CP ngày 09/10/2020 của Chính phủ về sơ kết 03 thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ ý kiến tham tra của Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội tại Văn bản số 799/BC-UBTCNS15 ngày 08/10/2022, ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp thứ 16 ngày 12/10/2022, Chính phủ đã tiếp thu, hoàn thiện Báo cáo Quốc hội về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 như sau:

Phần thứ nhất
VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THÍ ĐIỂM
PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH QUY ĐỊNH
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2017/QH14

1. Quản lý đất đai

Hội đồng nhân dân (HĐND) Thành phố quyết định chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10ha trở lên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được cấp có thẩm quyền quyết định.³

2. Quản lý đầu tư

HĐND Thành phố được quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm A sử dụng ngân sách thành phố.⁴

3. Quản lý tài chính - Ngân sách nhà nước (NSNN)

a) HĐND Thành phố đề xuất để Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định áp dụng trên địa bàn Thành phố thí điểm tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường. Mức tăng thuế hoặc thuế suất không quá 25% so với mức thuế hoặc thuế suất hiện hành.⁵

b) HĐND Thành phố quyết định áp dụng trên địa bàn Thành phố: (i) Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; (ii) Tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí.⁶

³ Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14, theo quy định Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013, thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14, theo quy định Điều 8 của Luật Đầu tư công năm 2014, thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

⁵ Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa NSTW và NSDP.

⁶ Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14, theo quy định tại Điều 18 của Luật Phí và lệ phí, đối với thẩm quyền ban hành phí, lệ phí mới chưa có trong danh mục Luật phí và lệ phí: giữa hai kỳ họp Quốc hội, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các phí, lệ phí, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

c) HĐND Thành phố được quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ.⁷

d) Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, HĐND Thành phố được quyết định sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách và chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức.⁸

đ) Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật NSNN.⁹

e) Hằng năm, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (NSTW) cho ngân sách Thành phố tương ứng 70% số tăng thu NSTW từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật NSNN) và số tăng thu từ các khoản thu NSTW hưởng 100% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; số bổ sung có mục tiêu không cao hơn số tăng thu NSTW trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước.¹⁰

⁷ Luật NSNN năm 2015 - Điều 19 quy định Quốc hội quyết định tổng chi NSNN, bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, dự phòng, dự trữ; trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có chi tiết chi cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, HĐND các tỉnh, thành phố quyết định mức chi cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức Quốc hội quyết định.

⁸ Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14, theo các Nghị quyết của Đảng và Quốc hội quy định: Các địa phương phải tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, đối với các địa phương có nguồn còn dư sau khi thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành phải chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương, không được sử dụng cho mục đích khác. Các địa phương có điều tiết về NSTW, trường hợp xác định bảo đảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả lộ trình đến 2025, không đề nghị NSTW hỗ trợ, thì được phép trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư các dự án đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật. Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã quy định "không sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư cho đầu tư xây dựng cơ bản và các mục đích khác, trừ trường hợp Nghị quyết của Quốc hội cho phép" và hiện nay chỉ một số địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, ... mới được Quốc hội cho phép sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư.

⁹ Luật NSNN năm 2015 quy định dư nợ vay của Thành phố không vượt quá 60%; Nghị định số 48/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh dư nợ vay không vượt quá 70% thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp. Thời gian vừa qua, Quốc hội cũng đã cho phép một số địa phương có cơ chế, chính sách đặc thù cũng được tăng mức dư nợ vay tối đa không quá 60% (Hải Phòng, Cần Thơ, Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế), riêng thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 90%.

¹⁰ Luật NSNN năm 2015 không quy định nội dung này. Tuy nhiên, Nghị định số 48/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thành phố Hồ Chí Minh có quy định nội dung này.

g) Ngân sách Thành phố được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố.¹¹

h) Ngân sách Thành phố được hưởng số thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do UBND Thành phố quản lý và phân thu được từ thoái vốn nhà nước tại các tổ chức kinh tế do UBND Thành phố làm đại diện chủ sở hữu.¹²

i) Đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt thuộc nhiệm vụ chi của NSTW trên địa bàn Thành phố, cho phép Thành phố sử dụng ngân sách của mình, các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của Thành phố, vay trong phạm vi quy định hoặc huy động theo phương thức đối tác công tư (PPP) để sớm hoàn thành dự án. NSTW có trách nhiệm hoàn trả cho Thành phố phần dự toán chi thuộc trách nhiệm của NSTW đã được cấp cố thẩm quyền phê duyệt, không bao gồm phần lãi vay trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo.¹³

4. Cơ chế ủy quyền và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý

a) Chủ tịch UBND Thành phố được ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND Thành phố. UBND Thành phố quy định các nhiệm vụ, quyền hạn mà Chủ tịch UBND cấp huyện được ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp huyện.¹⁴

¹¹ Khoản k Điều 35 của Luật NSNN năm 2015 quy định khoản thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý, NSTW hưởng 100%.

¹² Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14, Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ, khoản thu này phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp, thì khoản thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do UBND Thành phố quản lý và phân thu được từ thoái vốn nhà nước tại các tổ chức kinh tế do UBND Thành phố làm đại diện chủ sở hữu, NSDP được hưởng 100% và theo Nghị quyết của Quốc hội được sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển.

¹³ Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14, các quy định hiện hành chưa có quy định. Tuy nhiên hiện nay, theo các Nghị quyết của Quốc hội về một số dự án đầu tư có tính chất vùng, liên vùng đã cho phép NSDP bố trí để thực hiện, chẳng hạn Nghị quyết số 56/2022/QH15 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội; Nghị quyết số 57/2022/QH15 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 58/2022/QH15 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn I; Nghị quyết số 59/2022/QH15 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn I; Nghị quyết số 60/2022/QH15 về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn I.

¹⁴ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 chưa có quy định.

b) HĐND Thành phố được quyền quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ. Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do HĐND Thành phố quy định.¹⁵

c) UBND Thành phố được quyền điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố để phù hợp với đặc điểm của Thành phố.¹⁶

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2017/QH14

I. Về công tác tuyên truyền, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/2017/NQ14

1. Công tác tuyên truyền, triển khai, quán triệt thực hiện Nghị quyết

Ngay sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/12/2017 về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14. UBND Thành phố đã phối hợp Ban Tuyên giáo Thành ủy: (1) Tổ chức gặp gỡ lãnh đạo các cơ quan báo chí của Trung ương và Thành phố để quán triệt ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 54/2017/QH14 đối với sự phát triển của Thành phố và quá trình triển khai thực hiện; (2) Tổ chức quán triệt về công tác triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14 tại Hội nghị cán bộ chủ chốt Thành phố; (3) Thông tin nội dung trên chương trình Chương trình lắng nghe và trao đổi của HĐND Thành phố; (4) Chỉ đạo các báo, đài tập trung đưa bài trên các phương tiện thông tin truyền thông; (5) Chỉ đạo các sở ban ngành, UBND thành phố Thủ Đức và các quận huyện tổ chức

¹⁵ Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã quy định "Mở rộng áp dụng cơ chế thí điểm đối với một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tự cân đối ngân sách và bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý". Tại thời điểm ban hành Nghị quyết, quy định hiện hành chỉ áp dụng cho một số cơ quan, đơn vị cụ thể, chưa có quy định áp dụng cho một địa phương.

¹⁶ Các quy định hiện hành chưa có quy định.

tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 54/2017/QH14 rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân của Thành phố.

2. Số văn bản chỉ đạo, điều hành để triển khai Nghị quyết

Trên cơ sở Nghị quyết số 08-NQ/TU của Thành ủy, UBND Thành phố đã: (1) Tổ chức gặp gỡ các chuyên gia, thành viên Tổ tư vấn của Thủ tướng; (2) Ban hành Kế hoạch số 8127/KH-UBND ngày 27/12/2017 triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14, với 21 nội dung, Đề án cụ thể.¹⁷

II. Kết quả thực hiện từng cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 54/2017/QH14

1. Về quản lý đất đai

HĐND Thành phố đã quyết định thông qua 32 dự án có chuyên mục đích sử dụng trên 10ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1.843,79ha¹⁸. Việc được chủ động, xem xét chuyển mục đích của các dự án sử dụng trên 10ha đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Tuy nhiên, sau khi các dự án đã được HĐND Thành phố thông qua thì vẫn phải triển khai thực hiện theo quy định và việc triển khai kế hoạch sử dụng đất năm hàng năm để thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đối với các dự án nêu trên gặp phải một số khó khăn.¹⁹

¹⁷ Trong đó có 8 đề án cần tổ chức nghiên cứu sâu và 13 nội dung, đề án thực hiện theo nhiệm vụ thường xuyên; thành lập 02 tổ công tác (một Tổ chỉ đạo lĩnh vực tổ chức bộ máy do đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố phụ trách, một Tổ chỉ đạo lĩnh vực tài chính, ngân sách do một đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố phụ trách) để làm việc với các sở ngành thường xuyên để định hướng xây dựng kế hoạch, nội dung nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 54/2017/QH14.

¹⁸(1) Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyên mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 28 dự án có chuyên mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 1.722,99 ha; (2) Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyên mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 03 dự án có chuyên mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 67,27 ha; (3) Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyên mục đích đất trồng lúa; trong đó, có 01 dự án có chuyên mục đích sử dụng trên 10 ha đất trồng lúa với tổng diện tích 53,53 ha; (4) Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/ 2019 thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; (5) Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 hủy bỏ các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa.

¹⁹ Cụ thể: (1) Các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào: tiến độ thực hiện các công trình, dự án của các ngành và các nhà đầu tư, phụ thuộc vào việc thẩm định và ban hành quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như: Quyết định công nhận chủ đầu tư, thẩm định-phê duyệt hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; (2) Phụ thuộc trực tiếp vào khả năng tài chính của chủ đầu tư (đối với các dự án có vốn ngoài NSNN) và nguồn vốn ngân sách được phân bổ theo kế hoạch từng năm (đối với các dự án đầu tư từ vốn NSNN); (3) Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, khó khăn trong việc xác định nguồn gốc sử dụng đất, thông tin của người sử dụng đất để ra thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quy trình thẩm định, phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất tính bồi thường, hỗ trợ còn kéo dài; (4) Chủ đầu tư các dự án còn lúng túng trong việc hoàn thiện hồ sơ hoặc chậm bổ sung hồ sơ để được giao, thuê đất theo quy định; (5) Vương mắc về thủ tục pháp lý do thay đổi

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này cơ bản đạt được mục tiêu đề ra, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả. Thành phố kiến nghị tiếp tục thực hiện cơ chế này trong thời gian tới và sẽ nghiên cứu đề xuất khi xây dựng sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai.

2. Về quản lý đầu tư

HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách Thành phố, với tổng mức vốn đầu tư là 12.954,3 tỷ đồng²⁰. Điều chỉnh chủ trương đầu tư 01 dự án từ nhóm B lên nhóm A sử dụng vốn ngân sách Thành phố: Xây dựng đường nối đường Trần Quốc Hoàn - đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, tổng mức đầu tư tăng từ 1.402,8 tỷ đồng lên thành 4.849,3 tỷ đồng.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này đạt được mục tiêu đề ra, giúp rút ngắn thời gian trình các dự án đầu tư công thuộc nhóm A, chủ động, linh hoạt được nguồn vốn để bố trí cho các dự án đầu tư công, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, giúp sử dụng vốn hiệu quả và sớm đưa công trình dự án vào vận hành, tạo hiệu quả kinh tế xã hội chung và cơ chế này đã được quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019.

3. Về quản lý tài chính - NSNN

a) Việc thực hiện thí điểm tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường; tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí và ban hành ngoài danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí

- Việc thực hiện thí điểm tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường:

Năm 2018, UBND Thành phố đã xây dựng Đề án thí điểm tăng mức thu thuế Bảo vệ môi trường thông qua giá xăng trên địa bàn. Theo đó, đề xuất mức tăng thuế Bảo vệ môi trường thông qua giá xăng không quá 25% so với mức thuế hiện hành và nằm trong khung mức trần cho phép. Số thu dự kiến thu được khi ban hành chính sách này khoảng 750 tỷ đồng/năm. Tuy nhiên, ngày 26/9/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 về Biểu thuế Bảo vệ môi trường, theo đó thuế Bảo vệ môi trường đối với giá xăng tăng lên 4.000 đồng/lít. Do đó, để tránh việc tăng mức thuế Bảo vệ môi trường đối với giá xăng có ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân và tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, Thành phố đã

chủ trương của Thành phố, công tác thu hồi đất, khả năng tài chính, công tác đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư gặp nhiều khó khăn.

²⁰(1) Xây dựng Rạp Xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ: 1.491 tỷ đồng (2) Xây dựng Nhà hát Giao hưởng, Nhạc và Vũ kịch: 1.508,121 tỷ đồng (3) Bồi thường giải phóng mặt bằng Khu liên hợp thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc, phường An Phú, Quận 2: 8.004,062 tỷ đồng; (4) Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh của Thành phố Hồ Chí Minh: 958,611 tỷ đồng; (5) Xây dựng Trung tâm tiếp nhận và xử lý thông tin khẩn cấp của Thành phố Hồ Chí Minh thông qua một đầu số viễn thông duy nhất giai đoạn 2019 -2025: 992,537 tỷ đồng.

dùng các thủ tục đề xuất Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua chính sách tăng thuế Bảo vệ môi trường đối với giá xăng trên địa bàn Thành phố.

Năm 2019, UBND Thành phố đã tiến hành thống kê, thu thập số liệu, dự thảo Đề cương Đề án xây dựng thí điểm tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng bia tiêu thụ trên địa bàn. Mức tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt không vượt quá 25% so với mức thuế hiện hành. Tuy nhiên, việc tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố; Thành phố đang tiếp tục thực hiện các bước để đánh giá tác động của việc tăng mức thuế này đến hoạt động của doanh nghiệp và nền kinh tế của Thành phố. Do đó đến nay, Thành phố chưa thực hiện tăng mức thuế hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Đối với tăng mức thu phí, lệ phí trong danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí:

HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND), theo đó mức về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp tăng 5-6 lần so với thu theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP²¹. Tính từ thời điểm từ ngày 01/7/2018 (ngày Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành) đến tháng 3 năm 2022, tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là 132,6 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền thu phí được nộp 100% vào ngân sách địa phương (NSDP). Việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Thông qua đó, các doanh nghiệp cũng đã áp dụng các giải pháp công nghệ để cải tiến quy trình sản xuất, giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm thiểu lưu lượng nước xả thải ra môi trường.

- Về ban hành các loại phí, lệ phí chưa được quy định trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí:

UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành thường xuyên theo dõi để kịp thời báo cáo, đề xuất UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành các khoản phí, lệ

²¹ Hằng quý, phát hành thông báo phí (theo hệ số K và phí biến đổi Cq) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình từ 5m³/ngày đêm trở lên. Hằng năm, phát hành thông báo phí cố định (1.500.000 đồng/năm) cho các cơ sở có lưu lượng xả thải trung bình dưới 5m³/ngày đêm. Định kỳ thực hiện thẩm định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm có trong nước thải để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, tổng hợp, thống kê, rà soát danh sách các đối tượng thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, tổng số cơ sở đang thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố là 2.710 cơ sở; trong đó có 17 cơ sở là chủ đầu tư hạ tầng của 17 khu công nghiệp/khu chế xuất/khu công nghệ cao, 13 cơ sở xử lý chất thải rắn (bổ sung theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND) và 2.680 cơ sở ngoài khu công nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất ô nhiễm phải xử lý. Ngày 09/12/2021, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND

phí chưa có trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí; điều chỉnh tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí trong danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Thành phố đã xem xét đề xuất về thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng cho tất cả các loại hình đăng ký đất đai thuộc danh mục do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành (gồm nhiều loại hình ngoài chuyên nhượng) và thu phí tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại các kho, bãi được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên Thành phố đã dừng việc xem xét các đề xuất này.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này chưa đạt được mục tiêu đề ra, nguyên nhân khách quan là do ảnh hưởng của dịch Covid-19; đồng thời, việc tăng mức, thuế suất, phí, lệ phí cần phải tính toán, đánh giá các tác động đến thu nhập người dân, doanh nghiệp và chính sách thu hút đầu tư của thành phố. Để tăng nguồn lực cho ngân sách Thành phố và định hướng tiêu dùng của người dân, Thành phố vẫn kiến nghị tiếp tục được cho thí điểm nội dung này trong thời gian tới.

b) Về HĐND Thành phố quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ

HĐND Thành phố quyết định, phân bổ dự toán chi ngân sách chặt chẽ, chủ động, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo đúng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành; chủ động bố trí dự phòng ngân sách để xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định; tạo điều kiện cho Thành phố tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành ngân sách trong thời gian qua.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này đạt được mục tiêu đề ra, đã tạo chủ động cho Thành phố nhằm phù hợp với thực tế của địa phương.

c) Việc thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương hàng năm và quản lý sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư

HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND quy định việc trích lập nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu được để lại hàng năm của các đơn vị và việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương²². Tuy nhiên, hầu hết các cơ quan,

²²Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trích 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) số thu được để lại hàng năm để tạo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện quy định tăng lương tối thiểu theo lộ trình của Chính phủ và thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương được trích lập từ số thu trong năm (cộng với các nguồn cải cách tiền lương khác theo quy định) cao hơn nhu cầu thực hiện chi lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ và nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù, phần chênh lệch thừa,

đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động (toàn bộ hoặc một phần), sau khi trích nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thì nguồn có được vẫn thấp hơn so với nhu cầu tăng lương theo lộ trình và chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND nên NSNN phải bổ sung để đảm bảo. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, phần lớn các đơn vị chỉ nhu cầu tăng lương theo lộ trình và Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị, nên không còn nguồn dư để chi cho các nội dung khác, chỉ có một số rất ít các đơn vị có nguồn thu lớn nên nguồn trích cao hơn nhu cầu chi, nhưng chênh lệch không lớn nên các đơn vị chủ yếu chi thu nhập theo cơ chế tự chủ, không chi cho nội dung khác (như các phòng công chứng thuộc Sở Tư pháp, một số bệnh viện trực thuộc Sở Y tế...).

Đối với việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương của Thành phố, việc thực hiện cơ chế theo quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 đã tạo chủ động cho Thành phố sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư, đặc biệt trong bối cảnh Thành phố chịu tác động nghiêm trọng bởi dịch Covid-19.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này chưa đạt mục tiêu đề ra. Trong thời gian tới, Thành phố mong muốn tiếp tục thực hiện nội dung này khi xây dựng cơ chế mới cho Thành phố để chủ động trong quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Thành phố cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, cơ chế này cũng cần quán triệt tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7, Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về thực hiện chính sách tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức đối với các địa phương đã tự cân đối ngân sách và bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội.

d) Về thưởng vượt thu và bổ sung có mục tiêu từ nguồn vượt thu NSTW hưởng trên địa bàn Thành phố

Thực hiện các khoản thu phân chia giữa NSTW với ngân sách Thành phố và các khoản thu NSTW hưởng 100% trên địa bàn Thành phố năm 2018, năm 2019 và 2020 không đạt dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nên Thành phố không được thưởng và bổ sung có mục tiêu lại theo Nghị quyết số 54/2017/QH14. Cụ thể:

- Năm 2018, căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN của Kho bạc nhà nước đến ngày 31/12/2018: các khoản thu NSTW hưởng 100% là 43.506 tỷ đồng, giảm 5.943 tỷ đồng so với dự toán; các khoản thu phân chia là 174.210 tỷ đồng, phần NSTW hưởng 82% là 142.852 tỷ đồng, giảm 19.147 tỷ đồng so với dự toán giao. Như vậy, các khoản NSTW hưởng là 186.358 tỷ đồng (gồm phần NSTW hưởng 82% từ

nếu đơn vị sự nghiệp công lập nào cam kết trong những năm tiếp theo tự đảm bảo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ và chi trả thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù thì được sử dụng nguồn 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) nêu trên còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của đơn vị và thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định.

các khoản thu phân chia là 142.852 tỷ đồng; các khoản thu NSTW hưởng 100% là 43.506 tỷ đồng), giảm 25.090 tỷ đồng so với dự toán giao.

- Năm 2019, căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN của Kho bạc nhà nước đến ngày 31/12/2019: các khoản thu NSTW hưởng 100% là 54.304 tỷ đồng, tăng 8.576 tỷ đồng so với dự toán; các khoản thu phân chia là 192.742 tỷ đồng, phần NSTW hưởng 82% là 158.048 tỷ đồng, giảm 18.962 tỷ đồng so với dự toán giao. Như vậy, các khoản NSTW hưởng là 212.602 tỷ đồng (gồm phần NSTW hưởng 82% từ các khoản thu phân chia là 158.048 tỷ đồng; các khoản thu NSTW hưởng 100% là 54.554 tỷ đồng), giảm 10.136 tỷ đồng²³ so với dự toán giao.

- Năm 2020, căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN của Kho bạc nhà nước đến ngày 31/12/2020: các khoản thu NSTW hưởng 100% là 43.007 tỷ đồng, giảm 14.509 tỷ đồng so với dự toán; các khoản thu phân chia là 183.124 tỷ đồng, phần NSTW hưởng 82% là 150.161 tỷ đồng, giảm 33.782 tỷ đồng so với dự toán giao. Như vậy, các khoản thu NSTW hưởng là 193.168 tỷ đồng (gồm phần NSTW hưởng 82% từ các khoản thu phân chia là 150.161 tỷ đồng; các khoản thu NSTW hưởng 100% là 43.007 tỷ đồng), giảm 48.291 tỷ đồng so với dự toán giao.

- Năm 2021, căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN của Kho bạc nhà nước đến ngày 31/12/2020, Chính phủ đã trình và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 521/NQ-UBTVQH15 ngày 14/6/2022 về việc bổ sung dự toán thu NSNN năm 2021; phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và kinh phí còn lại của NSTW năm 2021, trong đó đã quy định thưởng vượt thu và đầu tư trở lại cho Thành phố Hồ Chí Minh là 1.654 tỷ đồng (gồm thưởng vượt thu 1.000 tỷ đồng; đầu tư trở lại là 654 tỷ đồng).

Cơ chế đầu tư trở lại từ nguồn vượt thu NSTW trên địa bàn không chỉ giúp bổ sung nguồn lực cho ngân sách Thành phố, mà còn giúp tăng cường công tác phối hợp giữa Thành phố với các cơ quan, đơn vị Trung ương trong quản lý thu NSNN. Vì vậy, Thành phố đánh giá cơ chế này có tác dụng trong thực tế và kiến nghị tiếp tục thực hiện cơ chế này trong thời gian tới.

đ) Về huy động từ nguồn vay trong nước và vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại

Theo Nghị quyết số 54/2017/NQ14, tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Trong giai đoạn 2018 - 2021, Thành phố đã phát hành thành công 2.800 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa

²³ UBND Thành phố có văn bản số 784/UBND-KT ngày 06/3/2020 đề nghị bổ sung cơ mục tiêu từ NSTW cho ngân sách Thành phố từ nguồn tăng thu NSTW năm 2019 là 6.642 tỷ đồng, do Thành phố chỉ tính riêng phần tăng thu đối với khoản thu NSTW được hưởng 100%, mà chưa tính phần giảm thu của NSTW từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và ngân sách Thành phố là chưa phù hợp với quy định Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội

phương (các kỳ hạn 20 năm, 30 năm) và vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài là 11.387.362 triệu đồng.

- Đối với vay trong nước, việc phát hành thành công trái phiếu chính quyền địa phương kỳ hạn 20 năm và 30 năm đã góp phần đa dạng hóa kỳ hạn trái phiếu và cơ cấu danh mục trái phiếu theo hướng tăng kỳ hạn dài, giảm áp lực cho ngân sách Thành phố trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn để trả nợ. Bên cạnh đó, phần lớn khối lượng trái phiếu chính quyền địa phương Thành phố phát hành được các công ty bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư (87,5% tổng khối lượng phát hành) đã chứng tỏ mức tín nhiệm đối với trái phiếu chính quyền địa phương Thành phố ngày một tăng cao, góp phần tăng tính thanh khoản của trái phiếu trên thị trường thứ cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu trong những năm tiếp theo.

- Đối với các khoản vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, Thành phố tiếp tục giải ngân theo tiến độ và Hiệp định vay đã ký kết, ký Hợp đồng cho vay lại và giải ngân các khoản vay mới của các chương trình, dự án. Ngoài ra, Thành phố là địa phương được Chính phủ cho phép thực hiện cho vay hỗ trợ ngân sách từ Ngân hàng Thế giới cho Chương trình hỗ trợ chính sách phát triển (DPO) là một bước đột phá của Thành phố trong việc tiếp cận nguồn vốn vay dài hạn của nhà tài trợ quốc tế.

- Cụ thể dự toán vay qua các năm như sau:

+ Dự toán ngân sách Thành phố năm 2018 được Quốc hội quyết định cho phép tổng mức vay là 5.749,7 tỷ đồng (vay trong nước 865,1 tỷ đồng; vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại là 4.884,6 tỷ đồng), gồm vay bù đắp bội chi là 4.884,6 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc là 865,1 tỷ đồng.

Thực hiện quyết toán năm 2018, Thành phố vay 985,667 tỷ đồng (vay trong nước bằng hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là 800 tỷ đồng; từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại là 185.667 tỷ đồng). Dư nợ đến ngày 31/12/2018 là 18.103,572 tỷ đồng, bằng 28,78 % mức dư nợ cho phép.

+ Dự toán ngân sách Thành phố năm 2019 được Quốc hội quyết định cho phép tổng mức vay là 5.493,4 tỷ đồng (toàn bộ là vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại), trong đó vay bù đắp bội chi là 3.556,6 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc là 1.936,8 tỷ đồng.

Thực hiện quyết toán năm 2019, Thành phố vay 63,592 tỷ đồng (vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại). Dư nợ đến ngày 31/12/2019 là 16.391,404 tỷ đồng, bằng 27,26% mức dư nợ cho phép.

+ Dự toán ngân sách Thành phố năm 2020 được Quốc hội quyết định cho phép tổng mức vay là 14.190,9 tỷ đồng (toàn bộ là vay từ nguồn Chính phủ vay nước

ngoài cho Thành phố vay lại), trong đó vay bù đắp bội chi là 10.487,2 tỷ đồng trả nợ gốc trong năm 2020 là 3.703,7 tỷ đồng.

Thực hiện quyết toán năm 2020, Thành phố vay 11.687,939 tỷ đồng (vay trong nước bằng hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là 2.000 tỷ đồng; vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại là 9.687,939 tỷ đồng). Dư nợ đến ngày 31/12/2020 là 24.537,061 tỷ đồng, bằng 40,12% mức dư nợ cho phép.

+ Dự toán ngân sách Thành phố năm 2021 được Quốc hội quyết định cho phép tổng mức vay là 16.026,2 tỷ đồng (toàn bộ là vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại), trong đó vay bù đắp bội chi là 14.873,1 tỷ đồng trả nợ gốc trong năm 2021 là 1.153,1 tỷ đồng.

Thực hiện năm 2021, Thành phố vay 1.450,164 tỷ đồng (vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài cho Thành phố vay lại). Dư nợ đến ngày 31/12/2021 là 24.161,604 tỷ đồng, bằng 31,9% mức dư nợ cho phép.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này cơ bản đạt được mục tiêu đề ra. Để đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình dự án thuộc kế hoạch đầu tư công, bảo đảm cho Thành phố có dự địa được vay và phù hợp với định hướng thực hiện đẩy mạnh cơ chế cho chính quyền địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước, Thành phố kiến nghị tiếp tục thực hiện cơ chế đặc thù này.

e) Đối với việc hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền với đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Từ khi Nghị quyết số 54/2017/QH14 có hiệu lực thi hành (từ ngày 15/01/2018) thì chỉ có 02 cơ sở nhà, đất thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng đến nay 02 cơ sở nhà, đất²⁴ chưa thực hiện được việc bán²⁵. Do đó, Thành phố chưa phát sinh 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý.

²⁴ Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 địa chỉ nhà đất của Viện Cơ học và Tin học ứng dụng (thuộc Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam) bao gồm: số 547 đường Hồng Bàng, phường 14, quận 5 (diện tích đất 61,5m², diện tích sàn sử dụng 183m²) và số 185/4 đường Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1 (diện tích đất 76,8m², diện tích sàn sử dụng 386,4m²).

²⁵ Bộ Tài chính đã có Công văn số 8165/BTC-QLCS ngày 16/8/2022 đề nghị Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam báo cáo tình hình và kết quả thực hiện việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1072/QĐ-BTC ngày 04/7/2018 của Bộ Tài chính; trường hợp chưa tổ chức đấu giá hoặc đấu giá không thành trong thời gian có hiệu lực của Quyết định số 1072/QĐ-BTC thì Viện Hàn lâm chỉ đạo Viện Cơ học và Tin học ứng dụng dừng việc thực hiện bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 cơ sở nhà, đất và đề xuất phương án (hình thức) sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý bán tài sản công và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này chưa đạt được mục tiêu đề ra. Thành phố kiến nghị tiếp tục cho Thành phố được hưởng nguồn thu từ bán tài sản trên đất, chuyên nhượng quyền sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội; đồng thời, tăng cường vai trò trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý trong việc đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà đất.

g) Đối với việc hưởng số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

- Về cổ phần hóa: Ngày 15/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg phê duyệt danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020, theo đó Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cổ phần hóa (nhà nước giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ) đối với 38 doanh nghiệp.

Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp và đang tiếp tục thực hiện các bước trong quy trình cổ phần hóa. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Thành phố báo cáo đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu liên quan đến phương án sử dụng đất của doanh nghiệp vẫn chưa được tháo gỡ; dẫn đến hiện nay phải tạm dừng triển khai các bước tiếp theo đến công việc cổ phần hóa²⁶. Hiện nay, UBND Thành phố đang rà soát đề xuất của các doanh nghiệp theo đặc thù của Thành phố và tình hình hoạt động của doanh nghiệp để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Sau khi Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thành phố sẽ khẩn trương triển khai việc sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do Thành phố quản lý nhằm tạo nguồn thu ngân sách phục vụ đầu tư phát triển.

- Về nguồn thu hồi vốn, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước do UBND thành phố làm đại diện chủ sở hữu đến nay: Thực tế thu được từ số dư của Quỹ sắp xếp doanh nghiệp của các Tổng công ty do UBND Thành phố làm đại diện

²⁶ Theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ, các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa có trách nhiệm rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước thời điểm quyết định cổ phần hóa. Tuy nhiên, tại thời điểm này chưa có hướng dẫn của cơ quan chức năng có thẩm quyền về Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa. Do đó, UBND Thành phố chưa thể ban hành quyết định cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên công tác cổ phần hóa doanh nghiệp kéo dài, không đảm bảo tiến độ như mục tiêu đã đề ra. Ngày 12/5/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Ngày 08 tháng 7 năm 2021, UBND Thành phố có Công văn số 2278/UBND-KT giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND Thành phố phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (bao gồm doanh nghiệp đã cổ phần hóa nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất) theo Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

chủ sở hữu nộp ngân sách Thành phố là 1.786,6 tỷ đồng (năm 2018 là 1.674 tỷ đồng²⁷ và năm 2019 là 112,6 tỷ đồng²⁸).

Cơ chế này chưa đạt được mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, Nghị định số 148/2021/NĐ-CP về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, đã quy định khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương nộp vào NSTW; khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương nộp vào NSDP. Như vậy, cơ chế này đã được áp dụng chung cho tất cả các địa phương trong cả nước.

h) Đối với việc sử dụng ngân sách Thành phố ứng vốn ngân sách Thành phố thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trên địa bàn Thành phố thuộc nhiệm vụ chi của NSTW

Thành phố mặc dù đến nay chưa triển khai thực hiện cơ chế này, song Thành phố kiến nghị tiếp tục cho phép triển khai cơ chế ứng vốn cho các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của NSTW để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trên địa bàn Thành phố.

4. Về tăng thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý và chính sách thu hút, phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt

a) Chính sách thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức

- HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 về quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do thành phố quản lý, theo đó quy định năm 2018, hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 0,6 lần; năm 2019, hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 1,2 lần; năm 2020, hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 1,8 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ (tương ứng với mức chi trả thu nhập bình quân bằng 1,6 - 2,8 lần mức tiền lương ngạch bậc, chức vụ theo quy định).

²⁷ Tổng công ty TNHH MTV Du lịch Sài Gòn 514,513 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Xây dựng Sài Gòn 250,54 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Cấp nước Sài Gòn 326,812 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn 164,866 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Cơ khí GTVT Sài Gòn 156,48 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Bến Thành 35,016 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV In bao bì 127,954 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Văn hóa Sài Gòn 52,487 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Nông nghiệp Sài Gòn 44,733 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Công nghiệp Sài Gòn 0,714 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn 0,062 tỷ đồng.

²⁸ Tổng công ty TNHH MTV xây dựng Sài Gòn là 9,695 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Văn hóa Sài Gòn là 0,136 tỷ đồng; Tổng công ty TNHH MTV Du lịch Sài Gòn là 6,324 tỷ đồng; Công ty cổ phần dịch vụ sản xuất, xuất nhập khẩu Bình Tây là 96,453 tỷ đồng.

Sau khi Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND, UBND Thành phố đã có hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể hóa các tiêu chí của Thành phố theo đặc thù từng lĩnh vực, tổ chức và bộ phận. Việc đánh giá, phân loại hàng quý cơ bản được triển khai nghiêm túc, có chất lượng và công khai, minh bạch. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trung bình hàng Quý đạt 97,82% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức (của cả khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và khối Nhà nước); trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt trung bình 64,39%; hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 33,43%. Số lượng hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực trung bình hàng quý chỉ chiếm 1,84%; số lượng không hoàn thành nhiệm vụ không vượt quá 0,34%. Từ Quý III năm 2019 trở đi, Thành phố áp dụng quy định đánh giá, phân loại sửa đổi, đồng thời, triển khai thực hiện nguyên tắc tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của lãnh đạo, quản lý không quá 50% số lượng lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị để từng bước nâng cao chất lượng đánh giá theo hướng phản ánh chính xác năng lực và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trung bình của lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, quận, huyện và tương đương thuộc cả 02 khối (khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và khối Nhà nước) từ Quý III năm 2019 đến hết Quý IV năm 2021 chiếm 52,98% (tuy vượt quá 50% nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ quy định do được phép làm tròn thành 01 nếu có số dư 0,5 trở lên); đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương là 49,56%; cấp phòng, ban, tổ, đội, nhóm trong đơn vị trực thuộc là 56,32%.

- Ngày 09/12/2019, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND; theo đó, hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm từ năm 2020 đến hết thời gian thi điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 tối đa là 1,2 lần mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ.

Tuy nhiên, trong năm 2020, để chủ động ứng phó với dịch Covid-19 và duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trong giai đoạn phòng dịch, UBND Thành phố đã ban hành Công văn số 1456/UBND-KT ngày 21/4/2020 điều chỉnh giảm hệ số tăng thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức nhằm chia sẻ khó khăn với đồng bào, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong giai đoạn phòng, chống dịch; theo đó, hệ số tăng thu nhập điều chỉnh như sau:

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức có hệ số lương trên 3,00: điều chỉnh hệ số tăng thu nhập tối đa từ 1,2 lần giảm còn 0,6 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của năm 2020.

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức có hệ số lương từ 3,00 trở xuống: điều chỉnh hệ số tăng thu nhập tối đa từ 1,2 giảm còn 0,8 lần so với tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của năm 2020.

Riêng trong năm 2021, nhằm hỗ trợ động viên cho lực lượng y tế tuyến đầu và các lực lượng tham gia phòng, chống dịch Covid-19, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND. Ngày 24/8/2021, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND; theo đó, từ tháng 7 đến hết tháng 12 năm 2021: hệ số điều chỉnh tăng thu nhập để thực hiện cơ chế đặc thù tại từng đơn vị tối đa là 1 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ. Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế (từ cấp Thành phố đến cấp xã) và cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách ở cấp phường xã, thị trấn tối đa là 1,2 lần so với tiền lương theo ngạch bậc chức vụ.

- Về kinh phí chi thu nhập tăng thêm thực tế của Thành phố: năm 2018 là 2.816 tỷ đồng (khối Thành phố: 1.148 tỷ đồng và khối quận - huyện: 1.668 tỷ đồng); năm 2019 là 7.637 tỷ đồng (khối thành phố là 3.029 tỷ đồng và khối quận - huyện là 4.608 tỷ đồng); năm 2020 là 4.265 tỷ đồng (khối thành phố là 1.903 tỷ đồng và khối quận - huyện là 2.362 tỷ đồng); năm 2021 là 6.811 tỷ đồng (khối thành phố là 3.032 tỷ đồng và khối quận - huyện là 3.779 tỷ đồng).

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này đạt được mục tiêu đề ra. Trong thời gian tới, Thành phố kiến nghị tiếp tục cho phép áp dụng chính sách chi thu nhập tăng thêm, góp phần cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức, thu hẹp khoảng cách về tiền lương giữa khu vực công với khu vực tư nhân. Thành phố sẽ bổ sung một số giải pháp đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng quý, hàng năm, đảm bảo việc thực hiện khách quan, công khai, minh bạch.

b) Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

- HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực Thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022; Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018-2022, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối

với lĩnh vực Thành phố có nhu cầu trong giai đoạn 2019-2022. Đồng thời, thành lập các Hội đồng thu hút và ban hành các quy trình thu hút, tuyển chọn chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

- Đối với việc thu hút chuyên gia, nhà khoa học, ngày 09/11/2020, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4117/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thu hút, tuyển chọn chuyên gia, nhà khoa học năm 2020. Ngày 14/9/2021, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3314/QĐ-UBND phê duyệt kết quả thu hút 05 chuyên gia, nhà khoa học. Trên cơ sở đó, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao đã tiến hành tiếp nhận, ký hợp đồng với các chuyên gia và phân công nhiệm vụ đối với từng trường hợp; đồng thời giao các đơn vị trực thuộc phối hợp tốt, tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi cho chuyên gia làm việc, cống hiến.

- Đối với việc thu hút người có tài năng đặc biệt lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao, ngày 03/02/2021, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 381/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thu hút, tuyển chọn người có tài năng đặc biệt lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao giai đoạn 2020-2022. Sở Văn hóa và Thể thao đã đăng tải thông báo thu hút và đang triển khai thực hiện quy trình thu hút. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid -19 và số lượng đăng ký tham dự còn ít nên đến nay Thành phố chưa hoàn thành việc thu hút theo kế hoạch đề ra.

Năm 2022, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thu hút, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 về ban hành Kế hoạch thu hút chuyên gia, nhà khoa học năm 2022 cho 05 vị trí (05 chỉ tiêu) tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (02 vị trí, 02 chỉ tiêu) và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (03 vị trí, 03 chỉ tiêu cho Trung tâm Công nghệ sinh học). Hiện nay, đang tiếp tục thực hiện quy trình tuyển chọn theo quy định.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này tuy mới đạt được kết quả bước đầu, nhưng Thành phố cho rằng chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt có ý nghĩa quan trọng, vừa khắc phục tình trạng “cháy máu chất xám”, vừa tận dụng được tri thức, kinh nghiệm. Do vậy, Thành phố kiến nghị tiếp tục duy trì trong thời gian tới.

5. Cơ chế ủy quyền và điều chỉnh tên gọi của các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố

a) Thực hiện cơ chế ủy quyền

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 20/10/2018 (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 và Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 14/4/2021) ủy quyền cho các sở - ngành, UBND cấp huyện thực hiện 59 nhiệm vụ, quyền hạn của UBND Thành phố trên

các lĩnh vực đô thị, môi trường, kinh tế, ngân sách, dự án, văn hóa, xã hội, khoa học và kiểm tra công tác quản lý hành nghề luật sư; Chủ tịch UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2018 (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 và Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 14/4/2021) ủy quyền cho thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện 26 nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND Thành phố trên các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, dự án, giao thông, văn hóa, xã hội, khoa học và nội vụ.

Ngoài ra, UBND Thành phố thống nhất ban hành 07 nội dung quy định các nhiệm vụ, quyền hạn mà Chủ tịch UBND cấp huyện được ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã gồm: (1) Quyết định thành lập, giải thể Đội công tác xã hội tình nguyện; (2) Quyết định hỗ trợ chi phí khuyến khích hóa táng; (3) Quyết định và chỉ đạo việc bẫy, bắt, bán cá thể động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong trường hợp động vật đó đe dọa tấn công trực tiếp đến tính mạng con người ở ngoài các khu rừng đặc dụng, phòng hộ, sau khi đã áp dụng các biện pháp xua đuổi nhưng không có hiệu quả; (4) Quyết định phương án tự vệ để bảo vệ tính mạng Nhân dân và hạn chế tổn hại đến loài động vật hoang dã trong trường hợp loài động vật hoang dã được ưu tiên bảo vệ đe dọa đến tài sản hoặc tính mạng của nhân dân; (5) Quyết định việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng trong vùng đang có dịch; (6) Quyết định việc áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng trong vùng đang có dịch; (7) Quyết định thành lập Điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng.

Việc thực hiện ủy quyền đã giúp rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính về các lĩnh vực được ủy quyền ở một số cơ quan, đơn vị²⁹.

²⁹ - Thời gian giải quyết xử lý hồ sơ của quy trình công nhận Hiệu trưởng Trường trung cấp tư thực theo quy định là 20 ngày làm việc nhưng khi ủy quyền, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quy trình giải quyết còn 12 ngày làm việc, rút ngắn 08 ngày so với quy định. Riêng lĩnh vực lao động - tiền lương, thời gian phê duyệt Kế hoạch và thực hiện quỹ lương hàng năm của doanh nghiệp nhà nước được thuận lợi, chủ động hơn và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã rút ngắn thời gian từ 22 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

- Việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao đã rút ngắn thời gian 08 ngày (42 ngày so với quy định là 50 ngày), tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoàn thành nhanh chóng các thủ tục để triển khai dự án; mặt khác, Ban Quản lý cũng dễ dàng theo dõi, giám sát và kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp theo hồ sơ đã được thẩm định, phê duyệt.

- Đối với công tác tiếp các đoàn khách nước ngoài, các đơn vị đã chủ động trong việc thẩm định và xét duyệt hồ sơ các đoàn khách đến làm việc, gặp gỡ, tìm hiểu, trao đổi các vấn đề chuyên môn và lấy ý kiến sở - ngành có liên quan nếu thấy cần thiết. Sở Giáo dục và Đào tạo đã rút ngắn được trung bình 05 ngày làm việc (từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc cho mỗi đoàn khách nước ngoài); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã rút ngắn 10 ngày (từ 20 ngày xuống còn 10 ngày).

- Nhiệm vụ cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trên địa bàn Thành phố được Sở Công Thương thực hiện trung bình là 11 ngày làm việc, rút ngắn được 04 ngày làm việc so với quy định.

- Việc ủy quyền Quyết định giá bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước giúp rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 22 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc, tạo sự chủ động cho Sở Xây dựng, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân trong việc giải quyết hồ sơ liên quan nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; đồng thời, giảm hồ sơ sự vụ phải trình UBND Thành phố.

Đối với lĩnh vực nội vụ, thực hiện tăng cường phân cấp theo các chủ trương của Trung ương theo các quy định pháp luật hiện hành³⁰, UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức³¹ và quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức³². Các quy định phân cấp có hiệu lực thi hành từ ngày 11/12/2021 và đã bãi bỏ các nội dung ủy quyền về lĩnh vực nội vụ nêu tại Quyết định số 4713/QĐ-UBND. Việc tăng cường phân cấp đã tạo cơ chế thuận lợi hơn nữa cho cơ quan, đơn vị; rút ngắn quy trình thực hiện các hồ sơ hành chính, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng thực hiện công tác cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đánh giá của Thành phố, cơ chế này cơ bản đạt được mục tiêu đề ra. Việc tăng cường phân cấp đã tạo cơ chế thuận lợi hơn nữa cho cơ quan, đơn vị; rút ngắn quy trình thực hiện các hồ sơ hành chính, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng thực hiện công tác cán bộ, công chức, viên chức. Do vậy, Thành phố kiến nghị tiếp tục duy trì trong thời gian tới.

b) Về điều chỉnh tên gọi của các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố

Theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã không quy định tên gọi cụ thể của các phòng thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh mà chỉ quy định tiêu chí thành lập phòng chuyên môn trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh gồm 02 tiêu chí: có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở và khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu số biên chế theo quy định, cụ thể Thành phố là 07 biên chế. Thực tế chỉ có Sở Tài chính điều chỉnh tên gọi và bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho “Phòng Tin học - Thống kê” thành “Phòng Tin học - Thống kê và Quản lý nợ chính quyền địa phương” trên cơ sở sắp xếp, điều chỉnh tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính trong tổng số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định³³, đảm bảo không tăng số lượng phòng và biên chế được giao khi ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố còn lại đã sắp xếp các phòng chuyên môn theo hướng dẫn của các Bộ, ngành và không có đề nghị điều chỉnh

- Trong nội dung liên quan đến lĩnh vực nội vụ, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện rút ngắn được ít nhất là 15 ngày làm việc so với trước đây gửi lên Sở Nội vụ.

³⁰ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

³¹ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố.

³² Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố.

³³ Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

tên gọi, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn trực thuộc. Do đó, Thành phố không triển khai nội dung này mà thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành trên cơ sở quy định khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu.

6. Về nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý NSNN

Trong Kế hoạch công tác của Bộ Chính trị năm 2022, Bộ Tài chính được giao xây dựng Đề án “Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan”, báo cáo Chính phủ để trình Bộ Chính trị. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Đề án, báo cáo Chính phủ. Thực hiện ý kiến kết luận của Thường trực Chính phủ, Bộ Tài chính đã hoàn thiện Đề án và đang báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý NSNN trong thời gian tới.

7. Về xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật thuế tài sản để áp dụng thống nhất trong cả nước

Thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, hiện nay, Bộ Tài chính đang tổng hợp, xây dựng báo cáo rà soát các luật thuế để đề xuất các giải pháp sửa đổi cho phù hợp (trong đó có thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp), báo cáo cấp có thẩm quyền theo đúng tiến độ đã nêu tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống chính sách thuế liên quan đến bất động sản và đặt trong tổng thể cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2021-2030.

III. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Nghị quyết 54/2017/NQ14

1. Kết quả đã đạt được

Có thể nói, trong bối cảnh việc tuân thủ thể chế chung áp dụng cho các địa phương đã bộc lộ nhiều điểm bất cập, không phù hợp với yêu cầu phát triển của Thành phố. Trên cơ sở Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020”, đề nghị của Thành phố, Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 54/2017/QH14 có thể coi là quyết sách quốc gia kịp thời, tạo điều kiện tăng tính tự chủ, tự chịu trách

nhệm, phát huy tính năng động sáng tạo cũng như thúc đẩy tự tháo gỡ những vấn đề khó khăn cho Thành phố, cơ bản nhận được sự quan tâm và đồng thuận trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân Thành phố. Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14, Thành phố đã đạt được nhiều kết quả nổi bật:

Ngoại trừ vào các năm chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch COVID-19, kinh tế Thành phố liên tục tăng trưởng cao, bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2019 đạt 7,72%, cao hơn so với mức 7,22% của giai đoạn 2011 - 2015.

Sau khi kinh tế Thành phố tăng trưởng chậm lại ở mức 1,39% trong năm 2020 và suy giảm -6,78% trong năm 2021 do tác động của dịch Covid-19, những tháng đầu năm 2022 đã ghi nhận sự phục hồi với tăng trưởng Quý I đạt 1,87%, quý II đạt 5,73%, bình quân 6 tháng đạt 3,82%. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP tăng qua các giai đoạn (bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 32,29%, cao hơn so với mức 31,07% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011-2015). Về chất lượng tăng trưởng kinh tế, đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP liên tục tăng qua các năm (bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 là 38,42%, cao hơn so với mức 33,15% bình quân hàng năm trong giai đoạn 2011-2015).

Theo đánh giá của Thành phố, với việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14, tiến độ triển khai các dự án nhóm A được đẩy nhanh hơn so với việc phải trình các cơ quan Trung ương thẩm định. Việc nâng hạn mức huy động vốn cho phép Thành phố chủ động phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài để bổ sung nguồn lực cho chỉ đầu tư phát triển. Việc được chủ động, xem xét chuyên mục đích của các dự án sử dụng trên 10ha đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt có hiệu quả, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của Thành phố. Việc điều chỉnh tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã có tác động đáng kể đến nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Chính sách chi thu nhập tăng thêm được thực hiện công khai, minh bạch, góp phần cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức, khơi gợi tinh thần lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc, cùng cố và nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước trên các lĩnh vực. Việc thực hiện đầy mạnh cơ chế ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn, địa phương đã phát huy hiệu quả, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội, thể mạnh của từng địa phương trên địa bàn Thành phố phát huy được vai trò trách nhiệm của người đứng đầu.

Sau khi cơ chế đặc thù cho Thành phố được quyết định tại Nghị quyết số 54/2017/QH14, một số nội dung đã được đưa vào quy định tại Luật và áp dụng

cho cả nước như: quy định HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm A sử dụng ngân sách Thành phố theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định về cơ chế ủy quyền, quy định về điều chỉnh tên gọi của các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố, quy định về phân cấp nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp,...

2. Mặt hạn chế và nguyên nhân

a) Một số hạn chế

Nhiều nội dung triển khai Nghị quyết số 54/2017/QH14 còn chậm so với kế hoạch, như các cơ chế điều chỉnh chính sách thu, thực hiện cổ phần hóa, thu từ sắp xếp nhà đất của các cơ quan Trung ương, chi ứng vốn cho các dự án Trung ương trên địa bàn,...

Một số cơ chế tuy đã được thực hiện, nhưng hiệu quả còn thấp, như chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt chưa áp dụng được nhiều; cơ chế tài chính đặc thù nhằm giúp Thành phố có điều kiện huy động thêm nguồn lực để giải quyết các bức xúc về cơ sở hạ tầng, giải quyết các vấn đề về xã hội, môi trường, cải thiện môi trường đầu tư,... tạo động lực cho Thành phố tiếp tục phát triển nhanh, bền vững; với mục tiêu hàng năm huy động thêm nguồn lực 40.000 đến 50.000 tỷ đồng/năm cho đầu tư phát triển của Thành phố. Tuy nhiên, thực tế giai đoạn 2018-2022, mới chỉ có nguồn từ thương và đầu tư trở lại từ NSTW (1.654 tỷ đồng), thu từ cổ phần hóa và thoái vốn (1.786,6 tỷ đồng), phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (2.800 tỷ đồng) và từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước cho Thành phố vay lại (11.387,3 tỷ đồng), thu được từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (132,6 tỷ đồng); còn các nguồn có tiềm năng, có số thu lớn chưa được triển khai thực hiện, như: cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước do việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp; thu khai thác tài sản và từ đất đai,...

Một số cơ chế chính sách chưa được quy định cụ thể hoặc đang phải chờ văn bản hướng dẫn nên triển khai chậm (các nội dung ủy quyền). Công tác hướng dẫn thực hiện quy định đánh giá, phân loại để chi trả thu nhập tăng thêm chưa theo kịp với tình hình thay đổi của thực tiễn.

b) Nguyên nhân

Những hạn chế nêu trên là do các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, các cơ chế, chính sách thí điểm cơ bản là những nội dung mới, phức tạp, có tác động lớn, lâu dài, khi triển khai cụ thể cần nghiên cứu kỹ trước khi xem xét, quyết định. Ngoài ra, trong 5 năm thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 thì Thành phố dành năm đầu tiên xây dựng kế hoạch và công tác chuẩn bị triển khai; đồng thời có 02 năm Thành phố chịu tác động nghiêm trọng bởi dịch Covid-19, nên

thực tế Thành phố không có nhiều thời gian để phát huy toàn diện các cơ chế, chính sách của Nghị quyết.

Về chủ quan, khi xây dựng đề xuất cơ chế, chính sách, Thành phố gặp phải khó khăn, thách thức phát sinh, chẳng hạn trong việc xây dựng cơ chế chính sách mới về thu ngân sách. Công tác triển khai một số nội dung thuộc trách nhiệm của Thành phố chậm, như cổ phần hóa, thu hút nhân tài,... Bên cạnh đó, sự quan tâm phối hợp của các cơ quan Trung ương còn hạn chế (chẳng hạn trong việc sắp xếp nhà đất trên địa bàn Thành phố).

3. Bài học kinh nghiệm

a) Cần bám sát định hướng theo các Nghị quyết Đại hội XIII, các Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị nhằm phát huy vai trò, vị thế, tiềm năng, lợi thế của Thành phố trong phát triển kinh tế với vai trò là động lực tăng trưởng, tấm gương đi đầu trong đổi mới, năng động sáng tạo của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước.

b) Cần căn cứ yêu cầu phát triển của thực tiễn, nghiên cứu, đánh giá kỹ các mặt thuận lợi, khó khăn, đòi hỏi về nguồn lực (tài lực, vật lực) trong tổ chức thực hiện để đề xuất cơ chế, chính sách cho phù hợp, đảm bảo khả thi.

c) Huy động sự vào cuộc của cấp ủy, HĐND, UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các sở ban ngành và cộng đồng các nhà khoa học, doanh nghiệp để có sự chuẩn bị phương án, giải pháp, lộ trình triển khai phù hợp nhằm phát huy tối đa cơ chế, chính sách mới. Đồng thời, phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện để đạt được kết quả tốt nhất.

d) Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, qua đó tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị, sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân của Thành phố.

Phần thứ ba KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở đề xuất của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, để góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ Thành phố với mục tiêu tổng quát là “xây dựng Thành phố thông minh, phát triển nhanh, bền vững, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước” và mục tiêu cụ thể “Đến năm 2025: là đô thị thông minh, Thành phố dịch vụ, công nghiệp theo hướng hiện đại, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế, động lực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước”. Đồng thời, thực hiện thành công các chỉ tiêu phát triển chủ yếu nhiệm kỳ 2020 - 2025, Thành phố tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò trung tâm về nhiều mặt của cả nước

và phân đấu vươn lên trong cạnh tranh quốc tế; tập trung huy động các yếu tố nguồn lực và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, Chính phủ kiến nghị với Quốc hội:

1. Thông qua Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cho phép Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Đồng thời, đưa nội dung này vào Nghị quyết của Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV.

3. Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và kết quả thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14, báo cáo Bộ Chính trị cho phép Thành phố thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố trong thời gian tới.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính phủ xin báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội: Vụ HC(15b);
- Các Bộ: TC, KHĐT, TNMT, XD, NV, TP;
- Thành ủy, HĐND, UBND TP Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTgCP, các Vụ: KTTH, CN, NN, TCCV, PL;
- Lưu: VT, QHĐP (2b). NQ 40

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. QU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

